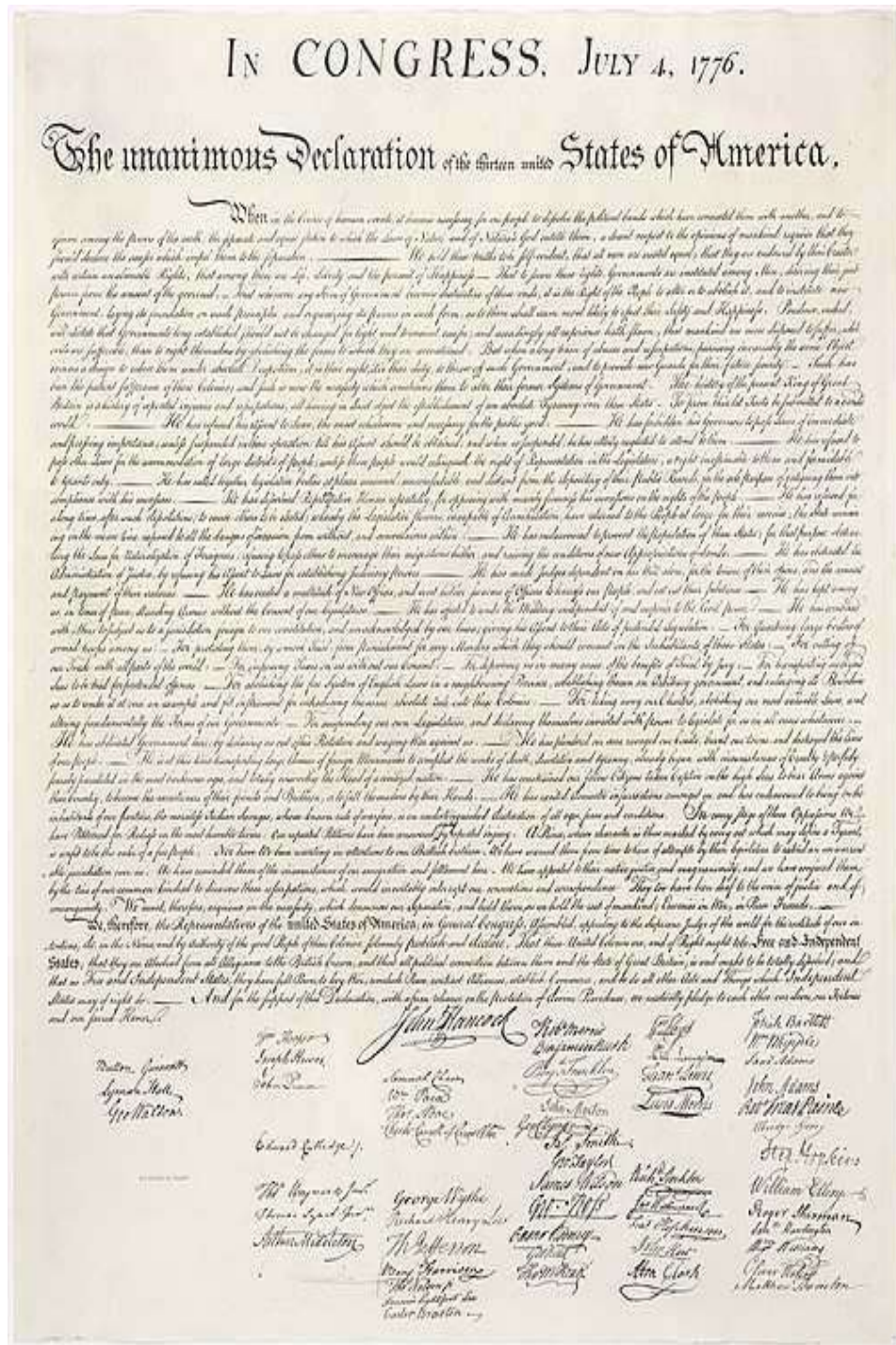


The  
Firmament  
Literary Journal

Read -Think-Write

Thế Hữu Văn Đàn July  
2023



United States Declaration of Independence.jpg

[https://en.wikipedia.org/wiki/File:United\\_States\\_Declaration\\_of\\_Independence.jpg](https://en.wikipedia.org/wiki/File:United_States_Declaration_of_Independence.jpg)



**Sully Prudhomme, René-François-Armand, BNF Gallica.jpg**

[https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/a/a4/Sully\\_Prudhomme%2C\\_Ren%C3%A9-Fran%C3%A7ois-Armand%2C\\_BNF\\_Gallica.jpg](https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/a/a4/Sully_Prudhomme%2C_Ren%C3%A9-Fran%C3%A7ois-Armand%2C_BNF_Gallica.jpg)

## Contents

To the Readers.	5
<u>Gs Nguyễn Ngọc Hà. Bà Mẹ Kiên Cường</u>	6
<u>Nguyễn Lê Hiếu. Cái “Thực” trong Giai-Thoại</u>	9
<u>Đàm Trung Phán. Đời Đi Dạy tại Canada- Một Số Hình Ảnh</u>	13
<u>Đàm Duy Tao. Kim Vân Kiều Đỉnh Giải (Còn tiếp)</u>	15
<u>Nguyễn Văn Ưu. Canh Gà Thọ Xương</u>	51
<u>Nguyễn Tuấn Huy. Con Đường Ít Ai Đi</u>	65
<u>Khuất Duy Tường. Cảm Hoài Mỹ Nhân Ngư</u>	69
<u>Nguyễn Lương Duyên. Để Góp Thêm Thú Vị cho những Người Yêu Thích Lan-Phần 2/2</u>	72
<u>Nguyễn Ngọc Hà. Tiếng Việt Đa Dạng, Phong Phú, và Ngoan Múc</u>	97
<u>Nguyễn Giu Hùng. Hè Trên Quê Hương Ta qua Thi Ca</u>	103
<u>Vũ Thị Ngọc Thư. Cô Hàng Hoa Ngoài Phố</u>	115
<u>Thomas D. Le. Vietnamese New Poetry - Part 4 - Bích Khê</u>	124
<u>Dã Thảo. Jacques Yves Cousteau: Một truyền thuyết về biển cả</u>	130
<u>Đàm Trung Phán. Chuyến Đi Cuba – Tháng 04 năm 2023</u>	136
<u>Nguyễn Giu Hùng. Con Đường Thơm</u>	138
<u>Nguyễn Thị Mát Nâu. Cổ Nguyệt Đường &amp; Mối tình Nguyễn Du - Hồ Xuân Hương</u>	147
<u>Thomas D. Le. A Very Brief Look at European History as Preliminary to French Poetry</u>	158
<u>Thomas D. Le. French Poetry: Part 3 - Sully Prudhomme (1839-1907)</u>	164
<u>Đàm Trung Phán. Đời Đi Dạy tại Canada: Những Năm Đầu &amp; Con Đường Lòng</u>	173
<u>Gs Trương Thiệu Hùng. Làm Đẹp cho Bài Viết #3</u>	182
<u>Yên Sơn. Sĩ Mệnh Tinh Thần - Phần 2/2</u>	202
<u>Nguyễn Cẩm Xuyên. Vụ Án Lê Chi Viên : Một Thủ Đoạn, Một Âm Mưu Tàn Bao</u>	211
<u>Kim Oanh. Tuổi Mơ</u>	221
<u>Đàm Trung Phán. Đời Đi Dạy tại Canada: Những Ngày Được Sống Với Cha Già</u>	234
<u>Cát Minh &amp; Phụng Hồng. Rượu và Trà</u>	239
<u>Gs Trương Thiệu Hùng. Các Ký Tư Đặc Biệt Dừng trong một Số Ngoại Ngữ</u>	249
<u>Nguyễn Thị Mát Nâu. Hạc Vàng Vũ Hán</u>	255
<u>Hương Cau Cao Tân. (tr.). The Golden Crane of Wu Han by Nguyễn Thị Mát Nâu.</u>	261
<u>Thái Công Tung. Mây và con Ngươi</u>	268
<u>Linh Vàng. Chiếc Bóng Bên Đường</u>	276
<u>Phí Minh Tâm. Thơ Đường Luật Tại Việt Nam - Phần 2/2</u>	281
<u>Võ Thị Như Mai. Đầu Thê Hừng Hờ</u>	296
<u>Nguyễn Thị Mát Nâu. Áo Yếm Việt Nam</u>	297
<u>Phương Hoa. Trúng Đốc Đắc</u>	305
<u>Nguyễn Tuấn Huy. Một Đêm Trên Đình Pa Choang</u>	312
<u>Nguyễn Giu Hùng. Tìm Hiểu Vài Nét Cơ Bản Về Nghệ Thuật Hát Chèo</u>	319
<u>Dã Thảo. Château de Monte Cristo</u>	332
<u>Nguyễn Tuấn Huy. Những Con Sông Ngâm</u>	338
<u>Nguyễn Giu Hùng. Cưới</u>	342
<u>Poetry Corner</u>	348
<u>Hoàng Tâm Hilton. Mở mắt, nhắm mắt. Eyes Open and Close</u>	348
<u>Sóng Việt Đàm Giang. Tâm Sự với Đêm Trăng</u>	350
<u>Phạm Xuân Lương. Thơ gửi Bố. A Message to my Father</u>	351
<u>Nguyễn Thị Mát Nâu. Mâu. Nắng Trong Lâu Đài Cổ. Bảy Giờ Tháng Mấy</u>	352
<u>Nguyễn Ngọc Hà. Les quatre saisons de la vie. Bốn Mùa của cuộc Đời. Thư của Mẹ</u>	353
<u>Tâm Minh Ngô Tằng Giao. (tr.). Adieu mon pays. Vinh Biệt Quê Tôi</u>	357
<u>Kim Oanh. Cầu Ô Thước, Hương Xưa Nắng Chiều</u>	359
<u>Hương Cau Cao Tân. (tr.). The Tale of Kieu (to be continued)</u>	360
<u>Phạm Doanh. Anh thiếu em, anh nhớ em, v.v.</u>	370
<u>Phan Khâm. Chuyện Dòng Sông. The River's Story</u>	373
<u>Phan Khâm, Phương Hoa, Cao Mỹ Nhân. Kiếp đã tràng, v.v.</u>	374
<u>Cao Mỹ Nhân. Đùng Chờ, v.v.</u>	375
<u>Phương Hoa. Chúc Ngày Độc Lập Hoa Kỳ, v.v.</u>	377
<u>Phan Vũ. Em ơi, Hà Nội phố</u>	379
<u>Molière. Tartuffe, Actes I- III</u>	386
<u>Thomas D. Le. Letters from Vincennes: Time (cont'd)</u>	442
<u>Thomas D. Le. Critical Thinking: Critical Thinking</u>	457



Dear Friend and Reader,

With Texas earning the distinction as the nation's Heat Dome in an inferno-like world from the media, Nguyễn Giu Hùng rushes to the rescue with his *Hè* (Summer) story as a way to offset the blahs with refreshing summer poems with a twist. Firmament has no fireworks or Roman candles to celebrate the Fourth of July, but the real fireworks reside in his account of Philadelphia's Independence Hall, of folk songs, of *Cuội The Liar*, and more; in the depiction of the Vietnamese backless top by Nguyễn Thị Mất Nâu, which ought to earn kudos from *Victoria's Secret*; in Nguyễn Lê Hiếu's take on controversial Vietnamese words in literature, and unfounded anecdotes which prompts Thomas Le to introduce critical thinking as an antidote; in Nguyễn Ngọc Hà's fascination with awe-inspiring maternal love and Vietnamese phrases; in Đàm Trung Phán's serialized memoirs consisting of a catalog of endearing moments in his life; in Linh Vang's story, which defies understanding of love; in Nguyễn Lương Duyên's conclusion of his fascinating adventure in orchidland; in Phương Hoa's tale of Powerball jackpot in which a grandmother discovers greater happiness after an unexpected disaster. Thomas Le's finds a rare case of erotica in modern Vietnamese poetry, and ponders the idea of art for art's sake that the Parnassian Sully Prudhomme practiced. In this third lesson, Trương Thiệu Hùng continues to show how to incorporate images artistically into text, and in another tutorial how to produce diacritics and symbols on a QWERTY keyboard. Nguyễn Thị Mất Nâu's account of a romance between two giants of Vietnamese literature is delightful for the cognoscenti and laymen alike. Nguyễn Văn Ưu's treatment of the origins of an ambiguous Vietnamese phrase among others is a fascinating read. Nguyễn Tuấn Huy relates in a story inspired by Robert Frost's "The Road less Traveled," how a young doctor solves a puzzling medical problem besetting a gorgeous patient; his story of a paramedic with a philosophical bent and his adventure in the northern highland with the flavor of a fairy tale are superlatively engaging. From Lyon, France Khuất Duy Tường re-sent his lovely story of a little mermaid with the first page intact. And from Paris Dã Thảo focuses on the all-important issue of the environment, this time the ocean that Jacques Cousteau had spent his lifetime exploring and studying; and her visit to this castle makes you long to read the book that helped make Dumas's fortune, which he squandered away as if there were no tomorrow. From the coming-of-age of girls, Kim Oanh weaves a story of amazing intimacy. Almost by serendipity a long-lost cultural study of alcohol and tea by two deceased doctors has been recovered.

An epitome of compassion and loyalty, Yên Sơn accomplished his mission of mercy with honor and left his beneficiaries tearful with gratitude. Vũ Thị Ngọc Thu's reminiscence of flower peddling glorifies both the flowers and their vendors as icons of allure. Thái Công Tụng expounds the indispensable role of clouds in human life while Nguyễn Cẩm Xuyên was scandalized by a bloody Machiavellian plot during the Posterior Le period. If you love Tang poetry, fly, don't run, to read Phi Minh Tâm's final installment of his enchanted prose and translation.

In poetry land, Đàm Duy Tạo is as always the champion interpreter of the tale of *Kiều*. Hương Cau Cao Tân, with his painstaking translation of *Kiều*, and of the tale of the Golden Crane, calls for careful reading. Each poet in THVD Pantheon is inimitable: Hoàng Tâm mixes faith with philosophy; Sóng Việt Đàm Giang shares her nostalgia with the moon; Nguyễn Thị Mất Nâu is a closet romantic; inveterate dreamer Võ Thị Như Mai is at it again; and the four seasons inspire Nguyễn Ngọc Hà to be reflective of time's passage. Phạm Xuân Lương translates a letter to Dad brimming with love. Ngô Tăng Giao vicariously left "his" country with a song of regrets. Phạm Doanh is in search of the past; by contrast, Phan Khâm ruminates over a river's ceaseless flows. Cao Mỹ Nhân and her love(s) resist fading. After celebrating US independence, Phương Hoa wanders off to new climes. And what about Kim Oanh's dreams of love? Well? Mystical Hanoi's charm claims Phan Vũ's heart in ceaseless streams of verse.

Molière's first three acts of *Tartuffe* appear in its original French. *Tartuffe* remains probably the most controversial play in Christendom because of its daring treatment of what was considered religious hypocrisy. Read the eye-opening introduction and savor, once again, the *dejà-vu*.

Finally, Thomas Le is seeking to understand time through Bergson's concept of duration, and through forays into the special theory of relativity. Critical thinking is explored for the first time. You already know its importance in countering propaganda.

Firmament's motto is, Read Think Write. Let's put it into practice with pride because it's your creation. ■

Thomas D. Le, Editor, July 2023

Comments and submissions/commentaires et communications: [thomasle22@yahoo.com](mailto:thomasle22@yahoo.com). To join/pour vous inscrire à *Thế Hữu Văn Đàn*, click: [thehuuvandan+subscribe@googlegroups.com](mailto:thehuuvandan+subscribe@googlegroups.com) or [firmament+subscribe@googlegroups.com](mailto:firmament+subscribe@googlegroups.com)

**Link for download to all issues of Firmament:** <https://vietnampoetry.wordpress.com/firmament>

[Trở về mục lục](#)

## Bà Mẹ Kiên Cường

GS Nguyễn Ngọc Hà

*Mấy chục năm về trước, khi mới lên trung học, tôi có đọc bản tiếng Pháp của một câu chuyện trong tuyển tập “Grands Cœurs” của De Amicis. Thời gian trôi qua nên tôi không còn nhớ nhiều, kể cả đề tựa của câu chuyện. Chỉ riêng hình ảnh người mẹ phải dùng thân mình để sưởi ấm cho bụi xương rỗng, hầu cứu sống đứa con, hình ảnh đó vẫn còn in đậm nét trong trí nhớ của tôi, vì nó để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng tôi. Nay tôi muốn dựng lên một câu chuyện gắn với vài mẫu đối thoại giữa hai mẹ con, những sự kiện có ý nghĩa tượng trưng, và một số tình tiết khác để vinh danh các bậc hiền mẫu, các bà mẹ đáng kính mà suốt đời tôi luôn tôn thờ.*

**T**rong một túp lều nhỏ ở ven rừng gần biên giới, có một người đàn bà đau khổ nhìn đứa con đang hấp hối mà khóc than thảm thiết. Ngoài trời tuyết vẫn rơi như những giọt nước mắt của người mẹ tiếp tục âm thầm nhỏ xuống gương mặt tái xanh của đứa con yêu dấu. Căn phòng chỉ đủ kê một chiếc giường ọp ẹp, và từ mùa thu trước bà mẹ đã chịu khó nhặt từng chiếc lá khô để dành đắp cho con thêm ấm.

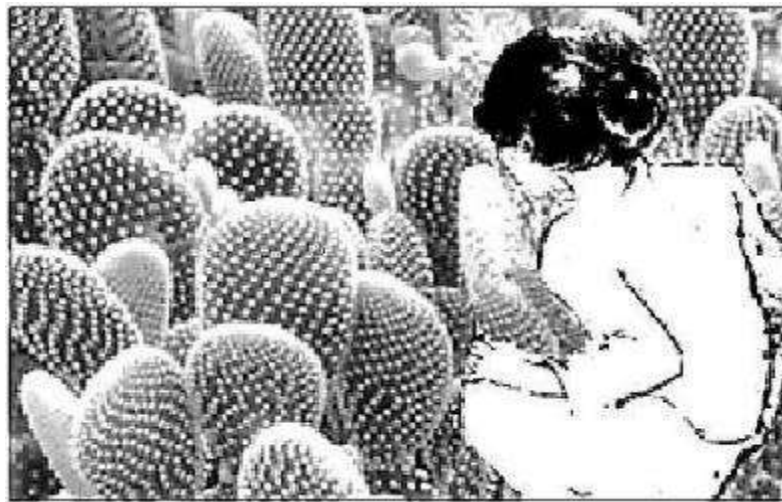
Đứa bé trai độ chừng năm tuổi nằm im lìm bất động. Sức sống như dần dần rời khỏi thân thể gầy yếu kia. Nhưng thỉnh thoảng em cố giương đôi mắt lên nhìn mẹ như muốn hỏi: “Tại sao con như thế này? Con muốn nhìn thấy mặt trời, con thích nghe chim hót, ngắm những cánh hoa rừng và bắt nhiều bướm đẹp. Còn nhiều thứ nữa con chưa được biết và chưa có dịp biết qua. Nhưng sao mẹ lại khóc? Con muốn thấy mẹ cười. Khi mẹ cười mẹ rất đẹp, đẹp như bà tiên...” Người mẹ tuyệt vọng ôm sát con vào lòng rồi thủ thỉ: “Mẹ cũng mong mẹ là tiên nữ có phép nhiệm màu đem đến cho con những thứ mà con yêu thích, và nhất là có quyền năng giữ được mạng sống của con. Con có biết không? Hơi thở của con là nguồn sinh khí của mẹ, mất con mẹ không thể sống được. Rồi người mẹ nhìn ra ngoài và ngược lên trời cầu khẩn van xin: “Xin các thần linh hãy cho con của kẻ nghèo hèn này sống đến mùa xuân năm sau, thì dù thân xác này phải chịu bao nhiêu đọa đày khổ ải, con đây cũng không hề oán trách.”

Lời cầu nguyện vừa dứt, bỗng một luồng ánh sáng từ trên không hạ xuống, rồi một vị thần oai phong hiện ra ở ngưỡng cửa, và nghiêm nghị phán rằng: “Ngươi hãy nghe đây. Lòng thành của ngươi làm ta cảm động. Nếu ngươi muốn kéo dài mạng sống của con ngươi, thì ngươi phải kiên trì nhẫn nại đi đến một nơi thật xa để hái lá cây thần dược đem về nấu nước cho con ngươi uống. Dọc đường sẽ có nhiều gian nan thử thách, chỉ có lòng thương con vô bờ bến mới giúp ngươi vượt qua mọi gian truân khổ ải. Trong lúc ngươi đi vắng, ta hứa sẽ giữ mạng sống của con ngươi chờ ngươi trở về. Nhưng nhớ không được dưng bước, phải cố tiếp tục đi cho tới khi đến bên bờ suối có cây thần dược lấp lánh hào quang với muôn màu rực rỡ. Chúc nhà ngươi thành công.”

Bà mẹ vội quỳ sụp xuống lạy tạ, miệng không ngớt cảm ơn rồi rít: “Đa tạ thần linh, đa tạ thần linh. Ôn cứu tử của ngài, mẹ con chúng con xin ghi lòng tạc dạ”. Kế đến bà quay sang nhìn con, hôn nhẹ lên vàng trán nhợt nhạt của đứa bé mà hứa rằng: “Mẹ sẽ hái lá cây thần dược đem về cứu sống con bằng mọi giá, dù phải lao mình vào biển lửa. Con phải cố gắng chờ mẹ về.”

Bà mẹ ra đi giữa đêm đông giá lạnh, đầu trần chân đất, trên mình chỉ khoác một manh áo tả tơi. Nhưng có nghĩa gì đâu cái lạnh bên ngoài, khi ngọn lửa hy vọng đang nung nấu trong lòng người mẹ với tình mẫu tử vô biên. Bà lầm lũi đi, đi đến sáng, đi mãi, ngày này qua ngày khác, vượt đèo vượt núi, trèo non lội suối, đôi chân rướm máu không ngừng bước tới. Trận bão tuyết mấy lượt xô bà ngã xuống, nhưng rồi bà vẫn đứng lên tiếp tục đi cho tới khi bà đến một vùng sa mạc hẻo lánh, thì bỗng đâu bà nghe có tiếng người nói: “Hỡi bà mẹ kiên cường kia, người đã từ xa vượt bao trở ngại gay go mới tới được nơi này, ta thật sự rất khâm phục. Đây là trạm cuối cùng của cuộc hành trình đầy gian truân thử thách. Nếu nhà người thật lòng chịu hy sinh trọn vẹn cho con thì ta sẽ chỉ cho chỗ hái lá cây thần dược”.

Bà mẹ nhìn quanh quất không thấy ai, chỉ có một bụi xương rồng đầy gai nhọn đứng trơ bên lề đường. Tiếng nói đúng là từ đó vọng ra. Bụi xương rồng lại lên tiếng yêu cầu: “Ta lạnh lắm. Ta muốn người ôm ta vào lòng, ôm ghi thật chặt cho đến khi nào ta thấy ấm thì ta sẽ giúp cho người được toại nguyện”.



Không chút ngần ngại, người mẹ đáng thương cố dang rộng đôi tay khô gầy ôm chặt lấy bụi xương rồng, mặc cho gai nhọn đâm sâu vào da thịt. Bà áp sát thân hình nhỏ bé và gầy còm vào cây xương rồng, khiến cho máu chảy thấm ướt cả áo. Bà cố nhắm nghiền mắt lại, hình dung những giọt máu của mình như tưới lên gương mặt tái mét của con đang dần dần hồng hào trở lại. Rồi bà nghe như hơi thở yếu ớt của con cũng trở nên liên tục và đều đặn hơn nhờ hơi ấm từ thân bà truyền sang. Bà cố thu hết tàn lực ghi chặt cây xương rồng, mà tưởng chừng như ôm lấy đứa con yêu quý, nên da thịt không còn thấy đau đớn nữa.

Ôi đáng thương và đáng kính thay cho một người mẹ vốn yếu đuối, nhưng vì con mà hóa ra dũng cảm phi thường! Bà quả thật là một tấm gương sáng cho những ai đã từng làm mẹ.



Một tháng sau, cũng trong túp lều trước đây bị bao phủ bởi bầu không khí thê lương ảm đạm, giờ đây mùa xuân đã về với nắng ấm, với muôn hoa đua nở và chim hót líu lo, xen lẫn với tiếng cười nói vô tư của trẻ thơ. Tình mẫu tử là ngọn đuốc kỳ diệu đã đánh lui bóng tối của tử thần.

Dù sống rất đạm bạc và thiếu thốn đủ điều, nhưng hai mẹ con người thiếu phụ không cảm thấy mình nghèo, vì họ đã có trong tay một kho tàng vô giá: Đó là mẫu tử tình thâm, tình mẫu tử thiêng liêng. ■

*Nguyễn Ngọc Hà*



## Cái “Thực” trong Giai-Thoại

Nguyễn-Lê-Hiếu

**G**iai-thoại, nguyên-thủy chỉ một câu chuyện được kể lại, có tính vui đẹp; giai là vẻ đẹp như dùng trong giai-phẩm; thoại là lời nói như trong đàm-thoại; loại chuyện kể trong dân-gian, thuyên miệng từ người này sang người nọ, thế-hệ trước xuống thế-hệ sau; truyền trong không-gian và thời-gian. Lúc đầu, kể nhau nghe; sau người ta ghi xuống thành văn-bản; nhưng khi được nhiều người yêu-chuộng để mà muốn ghi xuống giấy thì đã có nhiều thuyết đại-đề giống nhau nhưng chi-tiết thì có biến-hóa. Thành ra khía-cạnh đẹp-đẽ trong giai-thoại, trước hết, vẫn giữ được; cái đẹp có thể thuần văn-chương đối-đáp loại *Trời sinh ông Tú Cát* hay *Vũ vô kiếm tóa*; có khi hài-hước châm-biến răn-dậy như *Quan huyện Thăng ăn nói lãng-nhăng là thăng quan huyện*; có khi chơi chữ gheo anh chột mắt *Anh hùng chỉ có một người thôi* hay chửi quan gian kiêu *Đại điểm quân-thần*. Một khía cạnh thứ nữa: người kể giai-thoại tạo cảm-tưởng như là chuyện có thật và đúng bằng cách gài vào trong câu chuyện những sự-khiện hay nhân-vật có thật, nổi tiếng để tạo ra một *hào-quang trung-thực ảo*. Rút cuộc, hai yếu-tố căn-bản là thứ nhất câu chuyện phải hay đẹp, thứ hai, có vẻ là đúng thực (nhưng không nhất-thiết phải trung-thực!). Trong bài hôm nay, chúng ta xét việc tạo hào-quang trung-thực ảo trong vài giai- thoại tân-thời, mới nhắc lại gần đây.

### I. Câu chuyện nhà văn Tam-Lang đi học lớp i-tờ.

Câu chuyện mới được hâm nóng gần đây nhất là khoảng tháng 3 năm 2023 trên facebook. Chuyện kể là sau ngày Miền Bắc cưỡng chiếm Miền Nam, nhà văn lão-thành Tam-Lang, lo sợ, *hoang-mang...nên khi mấy cán bộ phường đến từng nhà dân, ghi tên, năm sinh, trình độ học vấn — thì ông tự khai ‘mù chữ’, không biết ký tên, chỉ lấy ngón tay ‘chỉ điểm’ thay chữ ký. Ít ngày sau, khi phường tổ chức lớp xóa mù chữ, trong danh sách những người cần đi học, có tên ‘ông già Vũ đình Chí’. Thế là, đêm đêm ông cắp sách đi học i-tờ và đóng kịch rất khéo, làm như cả đời chưa hề học chữ bao giờ, cầm bút cứ lóng nga lóng ngóng, viết nét chữ xiên xẹo, ngoằn ngoèo... rất ngoan ngoãn, đồ theo nét chữ cô giáo, tỏ ra chuyên cần, chí thú trong việc học. Cô giáo rất hài lòng...*

*Bất ngờ có một buổi nọ, một cán bộ từ Hà nội vào Sài gòn, được mời tới thăm một lớp học xóa mù chữ... Ông cán bộ nhả nhận chìa tay ra trước mặt ông cụ: “Chào cụ, cụ đi học có vui không?”. Ông cụ nghe tiếng có người chào hỏi mình; vội buông bút, ngẩng mặt lên ... chưa kịp trả lời thì ông cán bộ nọ la toáng: “Ồ kia, anh Tam Lang! Có phải đúng là anh Tam Lang không đây?” Ông cụ ngỡ ngác một giây, cũng la lên, “Kìa, anh Nguyễn công Hoan, phải vậy không?” Hỏi “có sao ông cụ lại phải đi học i-tờ thế này?” cụ già kia đã cười khi, đỡ lời cô giáo: ‘Thì ... ngày xưa mình học ‘cái chữ’... xưa quá rồi; nay Cách mạng về, mình đi học lại ‘cái chữ mới’ xem có cái gì mới lạ không? Nếu lỡ có khác nhau chỗ nào, thì mình còn kịp ‘cập nhật hóa’ đặng mà còn viết lách với người ta nữa chứ.’...*

Sau khi câu chuyện Tam Lang đi học lớp i-tờ được hâm lại đầu năm nay thì bạn đồng-nghiệp Trần viết Ông Tam Lang là bác tôi, trong nhà vẫn gọi là : bác Chí trai, và gọi bà Tam Lang là "bác Chí gái";... bài viết nói trên, tôi nhận được nhiều lần các bạn gửi cho, nên bán tín bán nghi, sẽ xin tìm hiểu. Internet nhiều khi phải kiểm chúng, vì *xạo* cũng nhiều. Tìm hiểu cho kỹ, kiểm-chứng rõ-ràng mới thấy bản tin này không phải mới-mẻng mà chính rút ra từ một bài trong Tuyển-tập Hoàng-Hương-Trang (trang 80 đến 83; tác giả xuất-bản năm 2015). Tác-gia giai-thoại có ghi ở cuối bài là *viết theo lời kể của nhà văn tiền chiến Lê-Tràng-Kiều, nhà báo*

*Trạng-Đớp Nguyễn-Xuân-Tài, nhà thơ kiêm chủ nhà xuất-bản Như ý Ngô-Trọng-Hiến và nhà báo Giang-Kim Nguyễn-Thế-Bình, vào năm 1977.*

Dò theo trên mạng, có thông-tin về Nữ sĩ Hoàng Hương Trang tên thật Hoàng Thị Diễm Phương, sinh năm 1938...là nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ, nổi tiếng ở Miền Nam trước và sau năm 1975...cựu nữ sinh Đồng Khánh, tốt nghiệp Cao đẳng Mỹ thuật Huế (khóa 1) năm 1960, Sư phạm Mỹ thuật Sài Gòn năm 1961, từng dạy ở nhiều trường trung học và Trường Đại học Mỹ thuật Gia Định, Sài Gòn. Một số lớn tác-phẩm của bà đã được in chung trong hơn 30 tuyển tập thơ văn trong và ngoài nước. Thi-sĩ cũng có tên trong cuốn *Thi Nhân Việt Nam - Thế Hệ 1954-1973* của Nguyễn Tấn Long và Phan Canh (Sài Gòn: nxb. Sống Mới, 1974); là tác giả sáu tập thơ văn từ 1964 đến 2002, trong đó có bốn tập xuất bản trước năm 1975...và hai tập sau 1975, trong đó có tuyển-tập Hoàng-Hương-Trang (1977)...Nữ sĩ mất ngày 16-4-2020 tại Long Xuyên, hưởng thọ 84 tuổi.

Về hai nhân-vật trong giai-thoại thì Nguyễn-Công-Hoan, sinh năm 1903, mất năm 1977; còn Tam-Lang Vũ-Đình-Chí, sinh năm 1900 và mất năm 1984. Về mấy nhân-vật nguồn mà Hoàng Hương-Trang đã dẫn thì nhà văn tiền-chiến nhiều uy-tín Lê-Tràng-Kiều đang bệnh-hoạn và mất cũng năm 1977; còn nhà báo Trạng Đớp Nguyễn-Xuân-Tài, theo như Hà-Thượng-Nhân kể thì là một nhà văn nhà báo *hài-hước*, lúc về già say rượu li-bì; nhà thơ kiêm chủ nhà xuất bản Như ý Ngô-Trọng-Hiến và nhà báo Giang-Kim Nguyễn-thế-Bình là những người có tiếp-xúc và biết khá nhiều về Tam-Lang; cũng là những người tổ-chức mừng thọ Tam-Lang lần nhì 1984 nhưng mà lần đó, bị mang tiếng di-nghị khá nhiều. Tóm tắt, câu chuyện hay, dí-dỏm, có chút hào-quang “thực” trong lời chỉ-dẫn nguồn nhưng không đảm-bảo là đúng và có thực vì thực-chất của các nhân-vật nguồn, tính hài- hước và liên-hệ với Tam-Lang cũng “có vấn-đề”, người từng có bài tề sống Tam-Lang, người mang tiếng lợi- dụng...Do đó, kê khai tên họ mấy người đó chưa đảm-bảo là chuyện kể có thật.

## II. Câu chuyện Giáo-sư Trần-Văn-Khê chỉ-trích viên Thủy-sư đô-đốc

Câu chuyện kể Giáo-sư nhạc-sỹ dự một buổi sinh-hoạt văn-hóa thấy một cựu thủy-sư đô-đốc phát-biểu rằng trong hơn hai-mươi năm phục-vụ tại Việt-Nam, ông ta không thấy một tác-phẩm văn thơ nào sáng giá như mấy bài thơ tanka của Nhật-bản. Giáo sư Trần Văn Khê bất-bình, hỏi: "*Thưa Ông Thủy sư Đô đốc, ông nói rằng ông đã ở Việt Nam cả 20 năm mà không thấy áng văn nào đáng kể. Tôi là người Việt, khi nghe câu đó tôi đã rất ngạc nhiên. Chẳng biết khi ngài qua Việt Nam, ngài chơi với ai mà chẳng biết một áng văn nào của nước Việt? Có lẽ ngài chỉ chơi với những người quan tâm đến chuyện ăn uống, chơi bời, hút xách... Phải chi ngài chơi với giáo sư Emile Gaspardone ...hay gặp ông Maurice Durand thì sẽ có dịp đọc qua hàng ngàn câu ca dao Việt Nam mà (các) ông ấy đã cất công sưu tập... Nếu ngài làm bạn với những người như thế, ngài sẽ biết rằng nước tôi không chỉ có một, mà có đến hàng vạn áng văn kiệt tác...*"

Sau đó, Giáo-sư đọc—và giảng-giải—bài điều-văn bà phi vua Nguyên mà Mạc-Đĩnh-Chí đã ứng-khẩu sáng-tác khi bản điều-văn Tàu đưa cho đọc chỉ có một chữ “nhất”. Sứ-giã Việt Mạc-Đĩnh-Chí ứng-khẩu đọc "*Thanh thiên nhất đóa vân, Hồng lô nhất điểm tuyết, Thượng uyển nhất chi hoa, Dao trì nhất phiến nguyệt. Y! Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!*". Giai-thoại kể tiếp là vị đô-đốc bèn xin lỗi giáo-sư Khê và muốn mời giáo-sư đến nhà ăn cơm để học-hỏi thêm về văn-hóa Việt nhưng giáo-sư Khê từ-chối nói "*Có một câu mà tôi không thể dùng tiếng Pháp mà phải dùng tiếng Anh. Đó là: I forgive, but I cannot yet forget (Tôi tha thứ, nhưng tôi chưa thể quên)*"

Câu chuyện hay vì là đề-tài văn-hóa nước ta; nhân-vật chính là giáo-sư Trần-Văn-Khê có thực mà mới thời gần đây, chưa xa. Chuyện Gaspardone và Durand nghiên-cứu văn-chương Việt cũng là có thực. Đó là những chi-tiết tạo hào-quang “có vẻ có thực”. Có nhiều thủy-sư đô-đốc sang cai-trị ở nước ta vào giai-đoạn đầu thời Pháp-thuộc, lý-do lịch-sử là vì thời đó, chưa có máy bay, lực-lương viễn-chinh là hải-quân cho nên các chi-huy quân-sự thủy-sư đô-đốc đảm-nhiệm công-cuộc cai-trị; phải chờ đến Paul Bert mới là nhà cai-trị dân-sự hàng đầu. Năm 1945, d’Argenlieu cũng là thủy-sư đô-đốc cuối cùng được de Gaulle bổ-nhiệm cai-trị Đông-Pháp. Các chức-vị cai-trị cấp lớn cỡ đó có nhiệm-kỳ tương-đối ngắn-hạn, khác với các công-chức hành-chánh cấp thừa- hành như công-sứ hay công-chức thường có thể ở lại lâu-dài hơn hai-chục năm. Do đó, chi-tiết cụ thể thủy-sư đô-đốc phục-vụ hai-mươi năm tại thuộc-địa là con dao hai-lưỡi, tạo hào-quang trông-như-có-thực nhưng cũng lại gieo trong đầu người đọc liệu có thủy-sư đô-đốc làm toàn-quyền lâu như vậy ở đây hay là nhận nhiệm-vụ thừa- hành cấp tương-đối khiêm-tốn như công-sứ ở một tỉnh lẻ để mà ở lại lâu? Đó là một nghi-vấn mà đồng-nghiệp Nguyễn đã đưa ra. Về nhà nghiên-cứu Gasperdone, quả-nhiên ông này có nghiên-cứu văn-học Việt nhưng sau đó, ông kết-luận rằng văn-học ta thua kém xa văn-học Trung-Hoa, do đó, nếu muốn bành-vực và đề-cao ta thì giáo-sư sẽ chỉ dẫn chúng Durand chứ không kể Gasperdone; chi-tiết Gasperdone lại cũng là một con dao hai lưỡi nữa.

Đến như câu trả lời của giáo-sư Khê, trong buổi sinh-hoạt ở Pháp, mà lại nói “*Có một câu mà tôi không thể dùng tiếng Pháp mà phải dùng tiếng Anh. Đó là: I forgive, but I cannot yet forget*, thì cũng là lạ. Ai giàu văn-hóa ở Pháp như giáo-sư Khê hẳn biết thuộc lòng: *Je pardonne souvent mais jamais je n’oublie, car mon âme est trop tendre et sent trop vivement, les blessures multiples dont le sort l’a remplie...* Người tạo ra giai-thoại này có thể là Việt-kiều ở Mỹ và có lẽ không biết nên mới dùng tiêu-sảo forgive forget.

Sau nữa, những người biết giáo-sư Khê đều nói rằng tính giáo-sư rất điềm-đạm; gặp người thiếu hiểu- biết thì giáo-sư sẽ giảng-giải chỉ-bảo; và nếu người đó phục-thiện thì giáo-sư sẽ đối-đãi lịch-thiệp chứ không có- chấp như thấy kể trong giai-thoại.

### III. Câu chuyện “nhất đóa vân”

Giai-thoại Trần-Văn-Khê lại có cái hay đặc-biệt là chứa thêm một giai-thoại trong lòng giai-thoại—một loại mise en abîme—gia-tăng vẻ đẹp nét thực của câu chuyện. Đồng-nghiệp Trần lại đóng góp ý-kiến: *Trong Wikipedia, thấy...ngược dòng lịch sử, Dương Úc sống dưới thời Tống Chân Tông khoảng năm 998, khi được triều đình lệnh đọc bài văn kính tế hoàng hậu, ông bung chúc văn để đọc thì chỉ thấy giấy trắng không một chữ gì cả. Ông liền tự đọc lên rằng: Duy linh, Vu sơn nhất đóa vân, Lãng uyển nhất đoạn tuyết, Đào nguyên nhất chi mai, Thu không nhất phiến nguyệt; Khởi kỳ, vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết. Nghĩ là: Kính nghĩ anh linh như một đóa mây Vu Sơn, một khối tuyết Lãng uyển, một cành hoa nguồn đào, một vàng trắng trời thu. Ngờ đâu mây tán, tuyết tiêu, hoa tàn, trăng khuyết. Năm 998 là trước thời Mạc Đĩnh Chi. Có thể đây chỉ là một bài thơ cổ của Trung Hoa. Vậy giai thoại về Mạc-Đĩnh-Chi – Trần-Văn-Khê...có thể chỉ là hư cấu.*

Thực ra thì Lê-Quý-Đôn từng điểm mặt giai-thoại *nhất đóa vân* từ cuối thế-kỷ 18 (khoảng 1777) trong *Kiến-Văn tiểu-lục*, quyển *Tùng-đàm*: *Thuyết phu tùng thuyết nói Dương-Úc nhà Tống sang sứ phương Bắc (tức là Bắc Liêu) triều-đình phương Bắc sai đọc bài văn kính-tế hoàng-hậu, ông bung chúc bản để đọc chỉ thấy giấy trắng. Bèn ứng-khẩu đọc bài văn nhất đóa vân. Lê-Quý-Đôn phê-bình Thế mà tục truyền việc ấy là của Nguyễn-Đằng-Cáo bản triều.*

Như vậy, giai-thoại nhất đóa vân sách xưa đã có kể và gán cho Dương-Úc, làm quan đời Chân-tông nhà Tống; thời Hậu-Lê Trung-hưng, Lê-Quý-Đôn cho hay là được gán cho Nguyễn-Đặng-Cảo, thời Chân-tông nhà Lê; ông này đỗ tiến-sỹ đầu bảng năm 1746 (danh-vị thám-hoa nhưng là đầu bảng vì năm đó không lấy trạng-nguyên và bảng-nhân). Nhưng thời sau này lại thấy gán cho Mạc-Đĩnh-Chi như giáo-sư Khê đã kể. Cảnh râu-ông-nọ-cắm-cắm-bà-kia; một giai-thoại hay đẹp đời xưa gán cho cả hai nhân-vật hai thời sau. Một lần nữa, thấy giai-thoại là chuyện hay, có dính-dáng ít nhiều “vẽ thực” nhưng có thể không hoàn-toàn đúng thực.

#### IV. Câu chuyện Vua Minh-mệnh răn Nguyễn-Du

Thoại này tương-đối mới hơn nữa. Gần đây, nói chuyện trên một đài phát-thanh, bàn về việc dùng người hiền-tài, không nên phân-biệt bắc-nam, giai-cấp, giòng-họ...tôi có nhắc đến vài chuyện vặt làm thí-dụ, không phải là chi-tiết quan-trọng; trong số thí-dụ đó, nhắc đến lời vua Minh-Mạng răn Nguyễn-Du: *“Nhà nước dùng người, duy có tài là dùng, vốn không coi nam bắc khác nhau. Khanh...đã được tri ngộ làm quan đến chức á-khanh, nên điều gì biết thì nói ra cho hết, dâng điều hay sửa điều dở, để hết chức mình. Sao cứ rụt-rè sợ-hãi, chỉ việc vâng dạ!”*. Có nhà nghiên-cứu nghe bài phỏng-vấn, từ Pháp nhắn tin về đài căn-dẫn đài *nhắc bác sĩ Hiếu: Nguyễn Du và Gia Long cùng mất năm 1820, nên Nguyễn Du không thể sống dưới thời Minh Mạng được*. Âm-chỉ cách khác rằng giai-thoại về câu răn đó là do vua Gia-Long nói với Nguyễn-Du vì Nguyễn-Du phục-vụ suốt triều-đại Gia-Long rồi hai người cùng mất một năm cho nên không có chuyện *Nguyễn-Du* (làm quan hay) *sống dưới thời Minh-Mạng được*. Lý-luận mới về giai-thoại vua Gia-Long răn *có vẽ hợp-nhĩ và hợp-lý*.

Nhưng lúc cuối đời Gia-Long, triều-đình có hai khuynh-hướng là nên chọn hoàng-tử con thứ hay cháu nội—con hoàng-tử Cảnh còn nhỏ tuổi—để kế-vị vua. Sau cùng, Gia-Long quyết-định chọn hoàng-tử Đam là con thứ nhưng đã trưởng-thành và cho làm thái-tử, từng tham-dự việc triều-chính nhất là khi vua Gia-long se mình trong mấy năm tháng cuối. Vậy, lúc đó, thái-tử đã gặp và biết Nguyễn-Du rồi. Sau khi vua Gia-Long băng, Minh-Mạng nối ngôi thì vẫn giữ dùng Nguyễn-Du. Không những tiếp-tục dùng mà lại còn tín-nhiệm giao cho trọng-trách đi sứ sang Trung-quốc cầu-phong cho mình. Chẳng may, chưa kịp đi thì Nguyễn-Du bị dịch và mất. Vua thương, phúng 20 lạng bạc và một phong gấm. Khi đưa tang lại tặng thêm 300 đồng. *Dai-nam thực-lục, tập đệ-nhi-kỳ quyển 4* nói về Minh-Mạng nguyên-niên, sau khi ghi lại thịnh-tình vua Minh-Mạng dành cho Nguyễn-Du, ghi thêm câu răn -...Không ghi là tiên-vương nếu như muốn nói đến Gia-Long. Thành ra mạch-văn *vua thương phúng...vua tặng thêm...vua từng dụ...tất-cả đều chỉ vào Minh-Mạng*. Trong trường-hợp này, giai-thoại hay, nghe liên-hệ Gia-Long Nguyễn-Du có vẻ như thực mà văn-bản chính-thức triều-đình ghi đương-thời hay gần sau đó có vẻ chỉ vào Minh-Mạng hơn. Nôm-na dzui-dzê mà nói hải rằng giai-thoại mang râu Minh-Mạng cắm cắm Gia-Long!

Cái hay cái đẹp của giai-thoại có nhiều vẽ, về văn-từ, về hoàn-cảnh ngộ-nghĩnh, diễu-cợt, khi khen ngợi, lúc chê-bai; về đẹp văn-chương hay về đẹp đạo-lý. Để tạo chút *tính-chất có thực* thường đơn-giản hơn: gài vào vài chi-tiết dính-dáng đến các sự-việc có thực hay nhân-vật có thực; thế là có thể tạo ra ảo-tượng có thực. Nhưng gài ép quá thì có khi lại gây mâu-thuẫn, lộ cái thiếu trung-thực. Người “sáng-chế” giai-thoại thường không phải là sử-gia hay người-học-sử. Từ đó suy ra không nên dùng giai-thoại như bằng-chứng lịch-sử; nên cẩn-thận thẩm-xét. ■

**Nguyễn Lê Hiếu**



## ĐỜI ĐI DẠY TẠI CANADA: MỘT SỐ HÌNH ẢNH ĐỜI ĐI DẠY TẠI CANADA

### Đàm Trung Pháp

**B**ây giờ là 5 giờ sáng ngày 14, tháng 3, năm 2023. Tôi thức giấc và mang giấy bút ra viết. Trời Toronto không mưa mà tuyết cũng không rơi nhưng nhìn qua cửa kính trong căn phòng apartment của đôi vợ chồng già chúng tôi thấy ngoài trời còn thấy đầy tuyết và có phần đông đá nữa. Tuy rằng căn phòng vợ chồng chúng tôi được sưởi ấm nhưng trong lúc tuổi già, tôi phải mặc cái quần thể thao bằng nỉ khá dày cho đỡ lạnh cái đôi cẳng già, cộng thêm với 4 lớp áo để mà có thể ngồi xuống một cách thoải mái trước khi bắt đầu viết lách.

Tôi muốn cảm ơn anh tôi, cố giáo sư Đàm Trung Pháp và nhất là giáo sư Thomas Lê đã nhắc nhở tôi viết về những kinh nghiệm dạy học tại thành phố thân yêu Toronto này. Tôi chỉ sợ viết ra rồi bị chê trách là thích viết về mình mà thôi. May thay, sau khi anh tôi qua đời, giáo sư Thomas Lê đã gửi email và nhắc tôi nên viết ngay đi.

Mấy hôm nay, tôi bận với nhiều việc khác không được vui cho lắm cho nên tôi muốn tìm về phần vui nội tâm. Vâng, đúng là tôi muốn tìm về trong ký ức những kỷ niệm rất đẹp, rất khó quên trong đời sống lưu vong của người Việt.

Nghĩ lại, khi viết những dòng này, tôi đã 81 tuổi đời, dài gấp bốn cái tuổi 19 khi tôi rời Việt Nam để rồi đã ngập lặn trong đời sống Tây phương. Ngờ đâu, nhờ 19 năm khôn lớn tại Việt Nam, mà tôi đã hấp thụ được phần tinh hoa của văn hóa cội nguồn Việt Nam, của tiếng mẹ ru con của các bà mẹ Việt Nam, từ cái đau thương do chiến tranh gây ra, từ những món ăn thuần túy của ba miền Bắc, Trung và Nam... Những năm đầu khi còn đi học, và ngay sau khi người viết đã bắt đầu đi làm trong môi trường Tây Phương, người viết đã không còn có dịp để nói tiếng Việt... Tệ hại hơn nữa là lại không còn có dịp may để được gặp lại thân phụ cho đến sau năm 1975!

Ở tuổi 34, gặp được cha già vui rồi nhưng tôi lại có một nỗi buồn: đã quên tiếng Việt khá nhiều. Có những chữ như “immigration”, population... thì tôi không còn nhớ tên tiếng Việt của chúng là gì nữa. Thân phụ chúng tôi chỉ có biết tiếng Pháp, tai đã điếc, mắt đã mờ và hoàn toàn móm... Tôi đã không có dịp dùng tiếng Pháp hơn 15 năm cho nên tôi không có thể chêm tiếng Pháp để giải thích cho Cụ biết nữa. Tôi muốn đưa cha già đi làm răng giả, cụ từ chối ngay, viện lý là ăn uống như vậy đã quen rồi. Người viết đưa cha già đi khám mắt để mổ cườm mắt, ngay hôm trước khi đi nhà thương, cụ nói: “Bố không đi nhà thương đâu, sợ lắm! Nhớ gọi điện thoại cho họ biết, nghe con!”

Những ngày khi tôi mới đón Cụ từ Mỹ sang Canada để ở với chúng tôi, lúc nào cụ cũng mong ngóng tôi về nhà sau giờ làm việc. Tôi biết ý Cụ cho nên tôi thường hay cố gắng về nhà ăn cơm trưa cùng với cha già... Cụ rất muốn nghe tôi kể chuyện dạy học của tôi và móm mém tươi cười khi tôi kể chuyện học trò trên tôi trong lớp học... Tôi cố gắng tìm cách học lại tiếng Việt theo cách “crash course”... kể chuyện đi dạy cho cha già nghe để tránh nỗi buồn ly hương của Cụ.

Tôi đã phải đi kiểm sách, báo Việt Nam để mà đọc lại... Tôi vào một căn phòng, đóng cửa lại và đọc to từng trang để đánh thức dạy cái bộ óc đang ngủ say của tôi. Dụng nó dậy để nghe tiếng Việt, để nhận dạng từng chữ... Rồi tôi còn đọc thơ Nguyễn Bính, thơ Vũ Hoàng Chương, và thơ Kiều nữa... Tôi mê lục bát Truyện Kiều lắm... Không ngờ trong khi ba anh em trai út chúng tôi đang ngủ say, thân phụ chúng tôi đã ngâm nga thơ Thúy Kiều cho đỡ buồn trong lúc tuổi già, gà trống nuôi con... Lục bát

Truyện Kiều đã ngấm vào tâm hồn non nớt của tôi bắt đầu từ năm 1955, sau khi thân mẫu của chúng tôi đột ngột qua đời... lục bát Truyện Kiều bắt đầu phai nhạt trong tôi trong thập niên 1960 khi tôi bắt đầu vào đời trong ngành kỹ sư tại Úc. Không ngờ, vận thơ lục bát đã thức dậy trong tôi vào giữa thập niên 1970 tại Canada... Biền cố gặp lại cha già khi cụ đã 80 tuổi đã làm cho tôi thức giấc trong bối cảnh mất nước, nhà tan.

Để trở về lại với văn chương, chữ nghĩa Việt Nam, bắt đầu từ thập niên năm 1980, tôi có thể làm thơ lục bát dưới hình thức viết nhật ký... Lục Bát đã giúp cho tôi ghi lại được những nỗi buồn vui của cuộc đời: một mình mình biết, một mình mình hay.

Tiếng Anh là sinh ngữ để giúp tôi trong ngành kỹ sư cũng như trong lúc tôi đi dạy tại Centennial College. nhưng tiếng Việt – tiếng nước tôi – là sinh ngữ mẹ đẻ đã giúp tôi bộc lộ những nỗi niềm chua cay, sâu muộn, ly tan... của cội nguồn Việt Nam của chính bản thân tôi. Xin cảm ơn Thượng đế đã ban cho tôi tiếng mẹ đẻ Việt Nam. Nhờ tiếng Việt mà tôi đã có thể làm thơ bằng tiếng mẹ đẻ Việt Nam... Điều này tôi không thể diễn tả qua tiếng Anh được. Có lẽ là vì trong môi trường kỹ thuật, chúng tôi đã được đào tạo phải viết cho đúng quy củ một cách rất gò bó. Và lại khi viết tiếng Anh, ngành nghề đã bắt buộc chúng tôi phải viết cho rõ, cho đúng các chi tiết, vì e rằng khi những người thợ bắt đầu xây cất, họ phải làm cho thật đúng vì... ”sai một ly đi, một dặm”...

Xin cảm ơn Mẹ Việt Nam đã cho tôi cơ hội về nguồn để tôi có thể diễn đạt được những gì thâm kín nhất trong tôi...

Xin mời Quý Vị vào xem một số hình ảnh tôi đã giữ lại được trong đời đi dạy qua cái link dưới đây:

<https://photos.app.goo.gl/PZ6Xzt9R4j9N9moJA>

chứa đựng rất nhiều các hình ảnh trong những bài viết sau này. ■

## ***GSKS Đàm Trung Phán***

Tháng 5, 2023

**Says Dr. Arnold Scheible, director of the Brain Research Institute at UCLA, “If you decrease input you decrease structure. The brain is just like a muscle—use it or lose it.”**

*Critical Thinking (1999)*, Second Edition, by Gary R. Kirby and Jeffery R. Goodpaster, p. xix.

# **KIM VÂN KIỀU ĐỈNH GIẢI**

**Hương Ngạn Đào Tử ĐÀM DUY TẠO**

**trước tác năm 1986**

**(Thứ nam) ĐÀM TRUNG PHÁP**

**hiệu đính, trình bày, và phổ biến năm 2021**

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1. TIÊU SỬ CỤ HƯƠNG NGẠN ĐÀO TỬ ĐÀM DUY TẠO</b>
<b>CHƯƠNG 2. MỤC ĐÍCH VÀ CÁCH THỨC CỦA SỰ ĐÍNH GIẢI</b>
<b>CHƯƠNG 3. CUỘC ĐÒI TÁC GIẢ TRUYỆN KIỀU</b>
<b>CHƯƠNG 4. CÂU 1 ĐẾN CÂU 6 &amp; CÂU 7 ĐẾN CÂU 38</b>
<b>CHƯƠNG 5. CÂU 39 ĐẾN CÂU 132</b>
<b>CHƯƠNG 6. CÂU 133 ĐẾN CÂU 242</b>
<b>CHƯƠNG 7. CÂU 243 ĐẾN CÂU 362</b>
<b>CHƯƠNG 8. CÂU 363 ĐẾN CÂU 452</b>
<b>CHƯƠNG 9. CÂU 453 ĐẾN CÂU 568</b>
<b>CHƯƠNG 10. CÂU 569 ĐẾN CÂU 692</b>
<b>CHƯƠNG 11. CÂU 693 ĐẾN CÂU 804</b>
<b>CHƯƠNG 12. CÂU 805 ĐẾN CÂU 992</b>
<b>CHƯƠNG 13. CÂU 993 ĐẾN CÂU 1128</b>
<b>CHƯƠNG 14. CÂU 1129 ĐẾN CÂU 1226</b>
<b>CHƯƠNG 15. CÂU 1227 ĐẾN CÂU 1370</b>
<b>CHƯƠNG 16. CÂU 1371 ĐẾN CÂU 1472</b>
<b>CHƯƠNG 17. CÂU 1473 ĐẾN CÂU 1606</b>
<b>CHƯƠNG 18. CÂU 1607 ĐẾN CÂU 1704</b>
<b>CHƯƠNG 19. CÂU 1705 ĐẾN CÂU 1790</b>
<b>CHƯƠNG 20. CÂU 1791 ĐẾN CÂU 1938</b>
<b>CHƯƠNG 21. CÂU 1939 ĐẾN CÂU 2060</b>
<b>CHƯƠNG 22. CÂU 2061 ĐẾN CÂU 2164</b>
<b>CHƯƠNG 23. CÂU 2165 ĐẾN CÂU 2288</b>
<b>CHƯƠNG 24. CÂU 2289 ĐẾN CÂU 2438</b>
<b>CHƯƠNG 25. CÂU 2439 ĐẾN CÂU 2564</b>
<b>CHƯƠNG 26. CÂU 2565 ĐẾN CÂU 2736</b>
<b>CHƯƠNG 27. CÂU 2732 ĐẾN CÂU 2856</b>
<b>CHƯƠNG 28. CÂU 2857 ĐẾN CÂU 2972</b>
<b>CHƯƠNG 29. CÂU 2973 ĐẾN CÂU 3058</b>
<b>CHƯƠNG 30. CÂU 3059 ĐẾN CÂU 3130</b>
<b>CHƯƠNG 31. CÂU 3131 ĐẾN CÂU 3186</b>
<b>CHƯƠNG 32. CÂU 3187 ĐẾN CÂU 3240</b>
<b>CHƯƠNG 33. CÂU 3241 ĐẾN CÂU 3254</b>
<b>PHỤ LỤC I. NỘI DUNG “TRUYỆN THIỆU NỮ” SO VỚI NỘI DUNG “TRUYỆN KIỀU”</b>
<b>PHỤ LỤC II. MẢY VIỆC XẢY RA SAU KHI TRUYỆN KIỀU ĐƯỢC XUẤT BẢN</b>



## CHƯƠNG 18

### CÂU 1607 ĐẾN CÂU 1704

#### “Bắt người tráo xác, nhờ khách tìm hồn”

1607. Thừa nhà huyền hết mọi tình,  
Nỗi chàng ở bạc nỗi mình chịu đen.
1609. Nghĩ rằng: Ngửa ghe hờn ghen, [1]  
Xấu chàng mà có ai khen chi mình!
1611. Vậy nên ngành mặt làm thình,  
Muru cao vốn đã rấp ranh những ngày. [2]
1613. Lâm Truy đường bộ thảng chầy, [3]  
Mà đường hải đạo sang ngay thì gần.
1615. Dọn thuyền lựa mặt gia nhân, [4]  
Hãy đem dây xích buộc chân nàng về. [5]
1617. Làm cho: cho mệt cho mê,  
Làm cho đau đớn ê chề cho coi!
1619. Trước cho bõ ghét những người,  
Sau cho để một trò cười về sau.
1621. Phu nhân khen chước rất mâu, [6]  
Chiều con mới dạy mặc dầu ra tay.
1623. Sửa sang buồm gió lèo mây,  
Khuyến ung lại chọn một bầy côn quang. [7]
1625. Dặn dò hết các mọi đường,  
Thuận phong một lá vượt sang bến Tề. [8]
1627. Nàng từ chiếc bóng song the, [9]  
Đường kia nỗi nợ như chia mối sào.
1629. Bóng đầu đã xế ngang đầu, [10]  
Biết đâu âm lạnh, biết đâu ngọt bùi. [11]
1631. Tóc thề đã chắm ngang vai, [12]  
Nào lời non nước nào lời sắt son.
1633. Sấn bìm chút phận cỏn con, [13]  
Khuôn duyên biết có vương tròn cho chăng?
1635. Thân sao nhiều nỗi bất bằng, [14]  
Liều như cung Quảng ả Hằng nghĩ sao? [15]
1637. Đêm thu gió lọt song đào,  
Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời. [16]
1639. Nén hương đến trước Phật đài,  
Nỗi lòng khẩn chữa cạn lời vân vân.
1641. Dưới hoa dậu lũ ác nhân, [17]

Âm âm khóc quý kinh thần mọc ra. [18]  
 1643. Đây sân gươm tuốt sáng lò,
   
Thất kinh nàng chưa biết là làm sao.  
 1645. Thuốc mê đầu đã rưới vào,
   
Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì.  
 1647. Vực ngay lên ngựa tức thì,
   
Phòng đào viện sách bốn bề lửa dong.  
 1649. Sẵn thầy vô chủ bên sông, [19]
   
Đem vào để đó lộn sông ai hay? [20]  
 1651. Tôi đòi phách lạc hồn bay,
   
Pha càn bụi cỏ gốc cây ẩn mình. [21]  
 1653. Thúc ông nhà cũng gần quanh,
   
Chợt trông ngọn lửa thất kinh rụng rời.  
 1655. Tớ thầy chạy thẳng đến nơi,
   
Tôi bờ tưới lửa tìm người lao xao.  
 1657. Gió cao ngọn lửa càng cao,
   
Tôi đòi tìm đủ, nàng nào thấy đâu!  
 1659. Hát hơ, hát hải nhìn nhau,
   
Giếng sâu bụi rậm, trước sau tìm quàng.  
 1661. Chạy vào chôn cũ phòng hương,
   
Trong tro thấy một đồng xương cháy tàn.  
 1663. Tình ngay ai biết mưu gian,
   
Hắn nàng thôi lại còn bàn rằng ai!  
 1665. Thúc ông sùi sọt ngắn dài,
   
Nghĩ con vắng vẻ thương người nét na.  
 1667. Di hài nhật sắp về nhà, [22]
   
Nào là khâm liệm nào là tang trai. [23]  
 1669. Lễ thường đã đủ một hai,
   
Lục trình chàng cũng đến nơi bấy giờ. [24]  
 1671. Bước vào chôn cũ lâu xưa,
   
Gio than một đồng, nắng mưa bốn tường.  
 1673. Sang nhà cha tới trung đường, [25]
   
Linh sàng bài vị thờ nàng ở trên. [26]  
 1675. Hỡi ôi hỡi hết sự duyên,
   
Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan!  
 1677. Gieo mình vật vã khóc than:
   
“Con người thế ấy thác oan thế này.  
 1679. Chắc rằng mai trúc lại vậy,
   
Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau!” [27]  
 1681. Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,
   
Để ai rắp thăm, quạt sấu cho khuây.

1683. Gần miền nghe có một thầy,  
Phi phù trí quý cao tay thông huyền. [28]
1685. Trên tam đảo, dưới cửu tuyền, [29]  
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng.
1687. Sấm sanh lễ vật đón sang,  
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.
1689. Đạo nhân phục trước tĩnh đàn, [30]  
Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương. [31]
1691. Trở về mình bạch nói tường:  
“Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra.
1693. Người này nặng kiếp oan gia,  
Còn nhiều nợ lắm sao đã thoát cho!
1695. Mạnh cung đang mắc nạn to, [32]  
Một năm nữa mới thăm dò được tin.
1697. Hai bên giáp mặt chìn chìn, [33]  
Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay!”
1699. Điều đâu nói lạ dường này,  
Sự nàng đã thế lời thầy dám tin!
1701. Chẳng qua đồng cốt quàng xiên, [34]  
Người đâu mà lại thấy trên cõi trần?
1703. Tiếc hoa những ngậm ngùi xuân,  
Thân này để lại mấy lần gặp tiên.

### Đính chính và xác định

Câu 1639 – *Nén hương đến trước Phật đài* – Nghĩa câu này rất thông thường: Kiêu lo ngại nên đến trước bàn thờ Phật để khấn Phật phù hộ cho duyên được vuông tròn. Nhưng vì các bản nôm thường khắc chữ Phật [佛] là [𠂇 + 天], rồi lại có bản khắc bỏ nửa [𠂇] bên trái, chỉ còn nửa bên phải là [天] (thiên = trời). Bản Kiêu ông Trần Trọng Kim theo đó mà cải chính Phật đài [佛臺] là thiên đài [天臺]. Đó là sự làm quá đáng của ông Kim. Phép vua Tàu, vua ta, chỉ có vua (thiên tử) mới được cúng Trời ở đền Nam Giao, chứ dân đâu được lập đền thờ Trời.

Câu 1671 – *Bước vào chốn cũ lâu xưa* – Chữ “lâu xưa” câu này có bản in là “lâu thơ”, lại có bản in là “lâu thư”, chắc là ông nào đổi ra thế cho đúng với chữ “phòng đào viện sách” ở trên, nhưng e câu nệ quá và nghe không được thanh thoát tự nhiên bằng “chốn cũ lâu xưa.”

Câu 1693 – *Người này nặng nghiệp oan gia* – Có bản in là “Người này nặng kiếp oan gia.” Chữ “nghiệp” ăn nghĩa với chữ “oan gia” hơn là chữ “kiếp”, và đọc lên nghe âm điệu cũng êm tai hơn. Câu 1697 – *Hai bên giáp mặt chìn chìn* – Giáp mặt chìn chìn là giáp mặt nhau gần gần quá, gần

như hai mặt đụng vào nhau. Hai chữ “chìn chìn” nôm viết là [塵塵] (nguyên âm chữ Hán là “chiền chiền”), nên nhiều người đọc tránh “chìn chìn” ra “chiền chiền.” Cần phải đính chính lại cho đúng.

Câu 1704 – *Thân này dễ lại mấy lần gặp tiên* – Có bản in câu này là “Thân mà dễ lấy mấy lần gặp tiên”, âm điệu đã không êm tai, mà nghĩa lại rất không chạy.

### **Chú giải và dẫn điển**

[1] *Ngựa ghè hờn ghen* – Tục ngữ thường nói “Ngựa như ngựa ghè, đòn như đòn ghen” nghĩa là ghè ngựa thì gãi không chán tay, con ghen nổi lên thì đánh không mỏi tay, nhất là vợ cả ghen vợ lẽ. Câu này lấy ý ở lời tục ngữ đó.

[2] *Ráp ranh* = Sắp sửa định liệu đã lâu

[3] *Lâm Truy* – Hai đường đi, thủy hay bộ, từ Vô Tích đi Lâm Truy đều xa bằng nhau, nhưng đi bộ phải nghỉ đêm, còn đi thuyền thì không nghỉ đêm, nên coi như gần hơn.

[4] *Dọn* = Dẹp hết các đồ đạc không cần trong thuyền đi, cho chở được lanh lẹ. *Gia nhân* = tôi tớ trong nhà.

[5] *Dây xích* = Cái dây để buộc chân lại, như cái xích, cho khỏi trốn. Đây dùng ý nói đi bắt về giữ lại, chứ không phải dùng dây buộc chân lại thật. Lắm nhà xuất bản truyện Kiều không hiểu ý nói bóng ấy, dám đổi chữ “dây xích” này ra “dây tói”, “dây thắm”, “dây trời” nghe thật đáng cười.

[6] *Phu nhân* = Hoạn Bà, mẹ đẻ Hoạn Thư. *Chước rất màu* = Mưu rất hay.

[7] *Côn quang* = Hạng người côn đồ, trộm cướp – nguyên chữ Hán là “quang côn” [光棍], tiếng Việt nay gọi là “du côn.”

[8] *Thuận phong một lá* = Kéo buồm thuyền giương lên chỉ một lần, rồi thuận gió một chiều mà đi, rất thuận lợi. *Bến Tề* = Lâm Truy, kinh đô nước Tề đời Chiến Quốc.

[9] *Chiếc bóng song the* = Ở một mình trong phòng, lúc nào cũng ngồi buồn bã ở trong cửa sổ ngoài che màn the.

[10] *Bóng dâu đã xế ngang đầu* – Câu này ý nói cha mẹ tuổi già như mặt trời buổi chiều đã xế xuống ngang đầu trên ngọn dây dâu trồng ở phía tây nhà để che nắng buổi chiều. Chữ “dâu” nói ở đây là loài dâu bụt (hay dâm bụt), chữ Hán là [桑榆] tang du. Câu này lấy điển ở câu “Nhật lạc tang du [日落桑榆] = Mặt trời xế xuống ngọn dây dâu bụt.”

[11] *Ấm lạnh ngọt bùi* – Kinh Lễ dạy: “Con nuôi cha mẹ, mùa đông phải lo cho cha mẹ được ấm, mùa hè phải lo cho cha mẹ được mát, phải có miếng ngọt miếng bùi cho cha mẹ ăn được ngon miệng.” Ý hai câu này là Kiều rất ân hận đã không được chăm nuôi cha mẹ lúc tuổi già để báo hiếu.

[12] *Tóc thè đã chấm ngang vai* = Chỗ chân món tóc nàng cắt để thè với Kim Trọng, bây giờ đã mọc lại dài xuống đến vai rồi. Câu này (1631) và câu theo sau cho thấy Kiều rất ân hận vì nỗi số phận khiến nàng không lấy được Kim Trọng mặc dù đã thè cẩn thận với chàng.

[13] *Sấn bìm* = Phận vợ lẽ như dây sấn dây bìm bám ở dưới gốc cây to tượng trưng cho vợ cả. Điển này lấy từ câu trong Kinh Thi “Nam hữu cù mộc, cát lũy luy chi [南有樛木葛藟累枝] = Đất Thiệu Nam có cây to gốc cong, dây sấn dây bìm leo bám được gốc cây ấy” để khen bà Hậu Phi vợ vua Văn Vương biết cúi mình xuống bao dung các vợ lẽ của vua.

[14] *Thân sao nhiều nổi bất bằng* = Những nông nổi oan khổ mà số mệnh bất nằng phải chịu, khiến lòng nàng lúc nào cũng ân hận lo buồn không yên tĩnh. Những nổi đó gồm (a) không được



ở gần cha mẹ để săn sóc báo hiếu; (b) không lấy được Kim Trọng để khỏi mệnh bạc; (c) nay đành cam phận lẽ mọn mà còn lo chưa chắc đã được; (d) và sau này lại còn phải lo sợ đủ đường về bà vợ cả nham hiểm.

[15] *Liệu như cung Quảng ở Hằng nghĩ sao?* – “Liệu” = Lo tính toán trước. “Cung Quảng” = Quảng Hàn điện mệnh mông lạnh lẽo ở trên mặt trăng. “Ả Hằng” = Nàng Hằng Nga. Truyền thần tiên xưa kể rằng Hậu Nghệ được bà tiên Tây Vương Mẫu cho gói thuốc bất tử; vợ Nghệ là Hằng Nga uống trộm rồi trốn bay lên mặt trăng ở điện Quảng Hàn. Đọc lại câu Kiều đoán đo muốn tànhôn với Thúc Sinh trước – “Vả trong thềm Quế cung Trăng / chủ trương đành đã chị Hằng ở trong” – thì biết đích “ả Hằng” ám chỉ Hoạn Thư. Tác giả dùng “cung Quảng” để thêm ý nói Hoạn Thư bị chồng bỏ lửng ở buồng không Vô Tích suốt một năm. “Nghĩ sao” = nghĩ ra làm sao. Nghĩa cả câu này là “Ta rất khó liệu tính trước được cái bà vợ bị chồng bỏ lửng vì ta này sẽ nghĩ cách đối phó với ta ra sao, ta nghĩ còn rất nhiều nỗi bất bằng, người này sẽ gây nhiều điều rất ghê gớm cho ta nữa.”

Nhân tiện, theo ý những câu Kiều bảo Thúc Sinh lúc trước (từ câu 1343 “Vẽ chi chút phận bèo mây” đến câu 1358 “Giám chua lại tội bằng ba lửa nòng”) tôi xin diễn giải rộng ra cho rõ ràng ý nghĩ của Kiều lúc đó đối với Hoạn Thư như sau:

Ta chắc rằng cái người đàn bà ghen giận ta này chẳng sao bao dung ta được. Nếu chàng vững tay binh vực ta được, thì ta còn đỡ khổ. Nếu chàng sợ vợ, thì ta thật khổ nhục đủ đường, chịu sao nỗi những ngón đòn ghen thâm độc, ta liệu tránh sao cho được? Nhưng đó chỉ là cái khổ kiếp này, chết là hết; chứ nếu chàng lại thẳng tay bội bạc bỏ lửng hẳn vợ cả, chỉ yêu riêng ta, thì cái tội ta cướp chồng đó, kiếp sau ai chịu thay ta?

[16] *Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời* – Trước khi dẫn diễn và giải nghĩa câu này, tôi xin giới thiệu qua về chòm ba sao: Đó là ba ngôi sao to sáng đều nhau, lại đứng thẳng hàng gần nhau, cách quãng rất đều, thành chòm sao đẹp nhất trong bầu trời. Chòm ba sao này ta gọi là “Sao Ba”, thiên văn Tàu gọi là “Sao Tâm” [心] và tức là ba ngôi sao đứng thành cái đai lưng chòm sao cầm kiếm mà ta vẫn dùng làm đích để ngắm hướng. Ngôi Sao Ba này lúc nửa đêm dạo tháng tám, tháng chín đứng ở giữa trời ta trông thấy rất rõ.

Ý nghĩa câu “Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời” lấy điển ở bài thơ khuyến thiện của thi sĩ Trần Đoàn [陳搏] đời Tống như sau:

[有心無相相即心生] = Hữu tâm vô tướng, tướng tức tâm sinh = Có lòng mà không có tướng, tướng sẽ theo lòng mà sinh ra.

[有相無心相隨心滅] = Hữu tướng vô tâm, tướng tùy tâm diệt = Có tướng mà không có lòng, tướng sẽ theo lòng mà tiêu diệt.

[三点如星象] = Tam điểm như tinh tượng = Tướng ngoài sáng đẹp như hình Sao Ba.

[橫鈎半月斜] = Hoàn câu bán nguyệt tà = Mà trong lòng thì độc ác như trăng lưỡi liềm nằm ngang ở dưới.

[披毛從此得] = Phi mao tòng thử đắc = Khi bói lông xem tướng ai, thì cứ xét chỗ đó là được.

[做佛也由他] = Tổ Phật dã do tha = Dù ai ngoài mặt làm ra bộ hiện lành như Phật, cũng mặc kệ họ.

Bài thơ này khuyên người ta phải giữ lòng cho ngay thẳng tử tế thì mới được hay được khá. Nếu trông tướng tốt thật, nhưng lòng hiểm ác thì cũng sẽ khổ sở chẳng làm nên gì.

Tác giả dùng ý ở câu 3 và câu 4 ở bài thơ trên này đặt thành câu “Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời” này vừa để tả tâm hồn linh mãnh của Kiều hơi thấy điềm gì là biết ngay mà tìm cách tránh, vừa để tả tấm lòng trung hậu của nàng lúc nào cũng chỉ sợ tội làm mất hòa khí nhà chồng: “Trăm điều ngang ngửa vì tôi / thân sau ai chịu tội trời ấy cho?”

Xét 5 câu Truyện Kiều này – từ câu 1635 đến câu 1639 – ý nghĩa thật rõ ràng, uyển chuyển, liên tiếp nhau một mạch như sau:

- Câu “Thân sao nhiều nỗi bất bằng” tiếp ý với 6 câu bên trên, tả nỗi Kiều tủi thân gặp nhiều sự bất bằng từ trước đến nay;
- Câu “Liệu như Cung Quảng Á Hằng nghĩ sao” tiếp theo lo gặp nhiều nỗi bất bằng xảy ra sau này, tả nỗi Kiều lo sợ ngón đòn ghen thù độc ác của Hoạn bị chồng say mê mình mà bỏ lửng mụ nằm buông không, như Á Hằng ở trong cung Quảng Hàn trong bấy lâu;
- Câu “Đêm thu gió lọt song đào” tả Kiều ngồi buồn lo quên ngủ, mà bỗng thấy gió tung màn cửa sổ lên cho nàng thấy cảnh trăng sao trước buồng;
- Câu “Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời” tiếp tục ý thức đêm câu trên và tả tâm hồn thông minh linh mãnh, lòng luôn luôn lo sợ sự bất bằng xảy ra cho mình, nên thấy điềm giăng lưới liềmhiện dưới ba sao, liền nghĩ ngay đến thơ Trần Đoàn mà cảm tưởng ngay đến tội mình đã đem sắc đẹp như Sao Ba dùng làm lưới liềm độc ác cắt đứt mối tình đầm thắm giữa vợ chồng Hoạn Thu;
- Câu “Nén hương đến trước Phật đài” tả Kiều sợ tội vợ ra thắp hương lễ Phật để sám hối giải oan.

Ý nghĩa mấy câu tả tâm sự Kiều này thật rất hay, và rất rõ ràng liên tiếp; nhưng vì lời vắn tắt quá, ý sâu xa uẩn súc quá thật khó hiểu, nên các nhà xuất bản Truyện Kiều đã không hiểu lại không chịu suy nghĩ cho ra ý nghĩa trôi chảy, thành ra các bản Kiều, mỗi người giảng giải một cách và dẫn điển một cách vu vơ chẳng đâu vào đâu. Tuy có ông cũng dẫn điển đúng hai câu “Tam điếm như tinh tượng / hoành câu bán nguyệt tà”, nhưng lại không hiểu thật là sao Kiều thấy trăng sao ấy lại lo sợ, phải đi lễ Phật.

[17] *Dậy lũ ác nhân* = Lũ ác nhân nổi “dậy”, bỗng hiện ra.

[18] *Khóc quỷ kinh thân* = Dữ dội quá, làm cho ma phải khóc, thân phải sợ.

[19] *Thây vô chủ* = Thây chết trôi ở sông không có ai nhận.

[20] *Lận sòng hay lộn sòng* = Tráo lộn để đánh lừa ngay trước mắt đám đông người.

[21] *Pha càn* = Xông bừa vào, không quản gai góc.

[22] *Di hài [遺骸]* = Thây xương người chết còn lại.

[23] *Khâm liệm [衾斂]* – Trong lễ tang ta, người chết rồi thì được rửa mặt, cắt móng tay chân, mặc quần áo tử tế, để nằm ngay ngắn, và phủ mặt bằng giấy trắng. Trước khi vào quan, trải hai bức mền vải xuống đất, bức rộng màu vàng gọi là “đại khâm” ở dưới, bức hẹp hơn màu trắng ở trên gọi là “tiểu khâm”, dưới tiểu khâm đặt sẵn ba băng vải. Rồi làm lễ “phạn hàm” (= bỏ vàng ngọc hay tiền gạo vào mồm), và “hạ thổ” đặt người chết xuống đất trên hai bức mền; gói bức tiểu khâm lại, buộc cho vuông gọn, rồi mọi người con cháu thân cận cầm chung quanh bức đại khâm mà sẽ khiêng lên đặt vào trong áo quan. Lễ gói bọc thây ma như thế gọi là “khâm liệm.” *Tang trai* = Các lễ chôn cất và tụng kinh cúng tế.

[24] *Lục trình [陸程]* = Đường trên cạn, cũng gọi là đường bộ.

- [25] *Trung đường* [中堂] = Nhà giữa. Đây tỏ ra là Thúc ông thương Kiều quá, đặt bàn thờ nàng ở chính nhà sang nhất; đáng lẽ phận lẽ mọn chỉ được thờ ở nhà ngang, nhà dưới.
- [26] *Linh sàng* [灵床] = Bàn thờ người mới chết. *Bài vị* [牌位] = Thẻ gỗ nhỏ biên tên tuổi người chết, thường đặt trên cái ngai ở trên cùng bàn thờ.
- [27] *Vĩnh quyết* [永訣] = Lời dặn lại khi chào nhau ra đi lần cuối cùng, nhất là lúc sắp chết.
- [28] *Phi phù trí quỷ* [飛符致鬼] = Phép đốt tờ giấy bùa để đưa hồn người sống đi tìm hồn người chết về, của các thầy đồng, tục gọi là “đánh đồng thiếp.” *Thông huyền* [通玄] = Giao thông (liên lạc) với hồn người chết.
- [29] *Tam đảo* = Ba núi tiên ở trên trời ngoài bể: Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu. *Cửu tuyền* = Cõi âm phủ, vì ở dưới chín lần suối.
- [30] *Tĩnh đàn* [淨壇] = Bàn thờ rất thanh tịnh lập ra để cúng cầu thần thánh.
- [31] *Xuất thân* = Thả hồn mình ra khỏi xác thịt để đi tìm hồn người chết mà hỏi han.
- [32] Trong là số tử vi có 12 cung như Thân cung [親宮] nói về cha mẹ, Mệnh cung [命宮] nói về thân mình, Bào cung [胞宮] nói về anh em... Trong sách số nói Mệnh cung mà khi có sao Bội tới thì có tai nạn vào thân.
- [33] *Chìn chìn* – Xem lời đính chính câu 1697.
- [34] *Đông cốt* = Thầy cúng (đàn ông gọi là ông đồng, đàn bà gọi là bà cốt).

### Diễn ra văn xuôi

Câu 1607, 1608 = Hoạn Thư về tới nhà, phô bày với mẹ đủ mọi tình tiết: Chồng ăn ở bội bạc để riêng nàng phải chịu phần đen đủi thiệt thòi đủ phần. Chàng đã lấy vợ lẽ mà khinh rẻ nàng, chẳng thèm bảo nàng, lại còn bỏ lửng nàng hơn một năm trời không thèm về thăm hỏi, để nàng ngán ngơ oán giận mà chẳng dám than thở cùng ai.

Câu 1609, 1610 = Nàng nói tiếp: Nhưng con nghĩ rằng, có hay gì cái sự ‘ngứa ghẻ hờn ghen’, mình mà to tiếng nói xấu chê trách chàng, thì chồng mang tiếng xấu, mà chẳng ai khen mình, ai cũng sẽ chê mình là kẻ đàn bà hẹp lượng, ghen tuông, hỗn hào.

Câu 1611, 1612 = Bởi vậy con phải ngoảnh mặt làm ngơ coi như mình không biết; nhưng từ lâu, bụng con đã nghĩ ngầm được một mưu cao báo thù như thế này:

Câu 1613, 1614 = Từ Vô Tích đến Lâm Truy, đi đường bộ thì mệt cả thán, nhưng đi thuyền đường bể thì chóng đến, coi như gần hơn nhiều.

Câu 1615 đến 1618 = Mình dọn sạch lấy một chiếc thuyền cho nhẹ nhàng thuận tiện, và kén lấy một bọn gia nhân tinh khôn, sai đi bắt lấy ả, lấy dây xích cổ lại đem về đây, sửa cho một phen, làm cho xác mệt, cho hồn mê, làm cho đau đốn nhức nhối, ê chề đủ đường, cho biết tay ta.

Câu 1619, 1620 = Trước là cho bỏ giận hai đứa si tình quên cả lễ nghĩa, sau là để thành một trò cười về sau.”

Câu 1621, 1622 = Hoạn bà khen mưu ấy hay lắm, và chiều con gái cho ra tay muốn làm gì thì làm.

Câu 1623 đến 1626 = Hoạn Thư được mẹ cho phép, liền sai sửa sang một chiếc thuyền, buồm lèo sửa lại cho tốt, rồi lựa lấy một bọn gia nhân đủ mặt du côn, cầm đầu là hai tên Khuyển, Ưng.

Nàng dặn dò bọn chúng đầy đủ hết các cách thi hành mưu mẹo của nàng, và cho kéo buồm thuận gió một chiều thẳng đường vượt sang bên Lâm Truy đất Tề.

Câu 1627, 1628 = Từ khi Thúc Sinh đi rồi, Kiều ở một mình trong buồng cửa có màn the che kín, lúc nào bụng cũng buồn rầu, phần vì tình thương nhớ cha mẹ, tình nhớ tiếc Kim Trọng, phần vì cảnh bơ vơ lo sợ cuộc lễ mọn dưới quyền Hoạn Thư.

Câu 1629, 1630 = Nào là khi nàng nghĩ đến cha mẹ tuổi đã già như mặt trời buổi chiều đã xế thấp xuống ngang đầu chẳng mấy lúc nữa mà lặn, thì nàng lại băn khoăn không được ở gần để chămnom, đến nỗi nay chẳng biết có ai săn sóc cho cha mẹ mùa đông được ấm, mùa hè được mát, và phụng dưỡng được cơm lành canh ngọt, miếng ngon miếng bùi không?

Câu 1631, 1632 = Nào là khi nàng ngó đến món tóc chõ cắt để thề với Kim Trọng, nay đã lại mọc dài xuống tới vai, thì nàng lại thiết tha nhớ tiếc cuộc tình duyên đã chỉ sông chỉ núi mà thề, thề mà trời không cho được thành vợ thành chồng, để đến nỗi nay nàng phải gặp bước long đong khổ nhục như thế này.

Câu 1633, 1634 = Tình nhớ tiếc việc xưa đã làm nàng sầu khổ như vậy, cảnh bơ vơ hiện tại lại khiến nàng phải lo sợ trăm nỗi: Nàng đã đành chịu tội làm kiếp lẽ mọn, nhưng chẳng biết cái khuôn duyên này trời có cho được vuông tròn không?

Câu 1635, 1636 = Rồi nàng lại ngẫm nghĩ thương thân: Ôi! Một thân ta sao gặp lắm nỗi bất bằng như thế? Nào nỗi bất bằng đã qua, nào nỗi bất bằng hiện tại. Rồi đây lại còn biết bao nhiêu nỗi bất bằng sẽ xảy ra cho ta sau này nữa? Ta không biết rồi đây mục Hoạn Thư đã bị chồng vì mê ta mà bỏ băng mù lạnh lòng trong bấy lâu, như ả Hằng Nga nằm trong cung Quảng Hàn, mù sẽ giờ những ngón đòn ghen thù độc ác thế nào với ta? Ta biết chàng Thúc không đủ tài để binh vực nổi ta trước nanh vuốt con sư tử này. Ta chỉ còn cách chịu nhẫn nhục, khéo luôn cúi chiều chuộng để giữ hòa khí giữa hai vợ chồng mù và để ta khỏi tội cướp chồng người.

Câu 1637, 1638 = Trong khi nàng đương ngồi buồn lo quên ngủ, thì bỗng gió thu thổi tung bức màn cửa sổ trước mặt nàng, nàng trông ra thấy ngôi Sao Ba ở giữa trời, gần dưới có vành trăng lưỡi liềm, nàng sực nhớ đến bài thơ khuyến thiện của một bậc tiên tri Trần Đoàn xưa (xem chú thích số 16 đoạn này), nàng giật mình sợ quá, nghĩa rằng, có lẽ vì bụng mình không tốt dạ quýnữ chồng người, nên trời vén màn lên báo cho mình biết điềm ngoài đẹp, nhưng trong xấu như vậy.

Câu 1639, 1640 = Nàng sợ điềm xấu gở ấy, nên vội vàng chạy đến trước đèn thờ Phật mà đốt hương cầu khẩn xin Phật giải oan. Nhưng nàng chưa kịp khẩn hết lời thì tai nạn đã đến rồi.

Câu 1641, 1642 = Ở dưới dãy hoa, bỗng đổ ra một bọn kẻ cướp thét lác ầm ầm, làm cho ma phải khóc, cho thần phải sợ, rồi tuốt gươm ra sáng lòa đầy sân.

Câu 1643 đến 1646 = Kiều sợ hãi rụng rời, chưa biết làm thế nào, thì chúng đã tưới thuốc mê vào mặt, khiến nàng mê đi như ngủ, chẳng biết gì nữa.

Câu 1647, 1648 = Lũ nó vực nàng lên ngựa, đem đi ngay lập tức, và vung lửa đốt cả buồng nàng ngủ và thư viện của chàng, lửa cháy nổ đùng đùng một lượt.

Câu 1649, 1650 = Lũ nó còn mang sẵn một xác chết không ai thừa nhận, khiêng vào đặt trong buồng nàng để đánh tráo là nàng, và lừa mọi người trong nhà, nào ai biết được là xác ai.

Câu 1651, 1652 = Bọn tôi tớ trong nhà thấy giặc đến, phách lạc hồn bay, chạy tán loạn đi rúc bừa vào bụi cỏ gốc cây mà ẩn náu.



Câu 1653 đến 1656 = Thúc ông, nhà cũng ở gần quanh, chợt thấy ngọn lửa bốc lên, giật mình sợ hãi, thầy trò vội vàng chạy thẳng đến nơi, nào là mức nước tưới lửa toi bời, nào là kêu, tìm người nhà ồn ào một lượt.

Câu 1657, 1658 = Ngọn lửa càng cao, thì gió thổi càng mạnh, và ngọn lửa càng cao thêm. Tôi tớ trong nhà đều tìm thấy đủ mặt, mà riêng mặt nàng chẳng thấy đâu cả.

Câu 1659, 1660 = Mọi người hắt hơ hắt hải nhìn nhau lo sợ, người chạy phía trước, người chạy nẻo sau, tìm tòi khắp nơi, nào dưới giếng sâu, nào trong bụi rậm, chỗ nào cũng tìm đến mà chẳng thấy nàng đâu.

Câu 1661, 1662 = Bỗng một người chạy vào buồng nàng ở mà bới đống tro than thì thấy một xác người đã cháy thành than.

Câu 1663, 1664 = Mọi người đều ngạc nhiên, nào ai biết được mưu gian của bọn kia, nên ai cũng cho đó chính là xác nàng Kiều rồi, chứ còn ai nữa.

Câu 1665, 1666 - Thúc ông khóc sùi sụt, nước mắt lã chã, giọt ngắn giọt dài, nghĩ đến con vắng vẻ, lại càng thương nàng là người nét na mà chết thảm hại như thế, không được gặp chồng nữa từ khi khuyên chồng về thăm quê cho phải đạo.

Câu 1667, 1668 = Ông sai nhặt hết các phần bộ di hài nàng về nhà ông sắp xếp đầu vào đáy và khâm liệm vào quan tử tế rồi làm ma chôn cất, tụng kinh thờ cúng cẩn thận.

Câu 1669, 1670 = Khi các lễ thường ma chay đã làm đủ rồi, thì Thúc Sinh đi đường bộ vừa tới nơi.

Câu 1671, 1672 = Chàng bước chân vào nhà, thấy căn nhà có buồng nàng ở trước và lầu sách của chàng xưa, chỉ còn là một đống tro tàn ở giữa bốn bức tường dầu mưa dãi nắng.

Câu 1673, 1674 = Chàng sang bên nhà cha, vào căn nhà giữa thấy có bàn thờ cúng người mới chết. Trên bàn thờ có bài vị đề tên tuổi nàng để thờ.

Câu 1675, 1676 = Hỡi ôi! Khi chàng nghe Thúc ông kể hết đầu đuôi sự tình bị cướp phá đốt nhà thế nào, và duyên phận nàng xấu số bị chết cháy thành than thế nào, ruột chàng như đứt theo mối tơ tình, và gan chàng nóng bỏng như bị ngọn lửa phiền đốt cháy.

Câu 1677, 1678 = Chàng gieo mình xuống đất mà vật vã khóc than: Thương ôi! Con người như thế mà chết oan uổng thế thảm như thế này à?

Câu 1679, 1680 = Ta những tưởng rằng hôm nay về đây thì vợ chồng lại sum họp vui vẻ với nhau. Nào có ngờ đâu cái ngày vợ chồng tiễn biệt nhau lại hóa ra cái ngày vợ chồng nói những lời cuối cùng để vĩnh biệt nhau!

Câu 1681, 1682 = Chàng càng thương nàng thì lại càng nghĩ đến nàng, càng nghĩ đến nàng thì lại càng thương nàng, khó ai có thể khuyên giải để vùi lấp được nỗi thảm của chàng, hay làm khuây được nỗi phiền của chàng.

Câu 1683, 1684 = Ở gần miền đây, có một ông thầy đồng rất cao tay trong nghề đánh đồng thiếp, có thể đốt bùa gửi đi để giao thông được với quỷ thần và gọi được hồn ma đến.

Câu 1685, 1686 = Dù hồn người chết ở các cõi tiên nơi Tam Đảo, hay ở nơi âm phủ dưới Cửu tuyền, đều có thể tìm được tin tức rõ ràng ngay.

Câu 1687, 1688 = Chàng mới sắm sửa lễ vật rồi đón ông thầy đồng ấy đến, xin ông cố tìm cho thấy mặt nàng mà hỏi cho rõ tin tức.

Câu 1689 đến 1691 = Ông đạo nhân này bày bàn thờ cúng, nằm phủ phục xuống trước bàn thờ tĩnh này mà lia hồn ra khỏi xác thịt để đi tìm vong hồn. Chỉ trong giây phút, chưa hết nén hương, ông đã trở về tỉnh dậy và nói rõ ràng minh bạch rằng:

Câu 1692 đến 1694 = Mặt nàng thì không tìm thấy đâu, nhưng việc nàng đã tra xét được. Nàng hiện còn mang nặng tội nghiệp gây ra từ kiếp trước, nên còn nhiều nợ tiền oan lăm, chưa sao chết được.

Câu 1695, 1696 = Hiện nay mệnh cung nàng còn đương có nạn to, và một năm sau nữa vợ chồng mới lại tìm dò được tin nhau.

Câu 1697, 1698 = Nhưng chỉ lạ một điều là vợ chồng gặp nhau, dù giáp mặt nhau chìn chìn, gần như sát mặt vào nhau, rất muốn nhìn nhau mà chẳng dám nhìn, thế có lạ không?

Câu 1699, 1700 = Nghe lời thầy sao lạ lùng quá vậy! Sự nàng chết đã rành rành như thế rồi, lời thầy nói tin sao được?

Câu 1701, 1702 = Chẳng qua đó là lời ông đồng bà cốt, nói quàng xiên xong lẩn, chứ sao còn thấy được mặt nàng ở trên cõi người này nữa?

Câu 1703, 1704 = Càng tiếc nhớ Kiều bao nhiêu, chàng lại càng ngậm ngùi nhớ tiếc những cuộc thơ rượu vui vẻ cùng nàng ở trước cảnh hoa xuân tươi đẹp bấy nhiêu. Chàng nghĩ đến đời chàng để đâu lại được gặp tiên lần nữa như thế!

### **Những câu hay chữ có ý móc nối hoặc châm biếm**

- Những điều Hoạn Thư phôi trình với mẹ ở đoạn này (Chương 18) đều là những ý định thâm kín trong lòng nàng ở đoạn trước (Chương 17). Những câu [*Nỗi chàng ở bạc nỗi mình chịu đen / Nghĩ rằng ngứa ghe hờn ghen / Xấu chàng mà có ai khen chi mình*] ứng với những câu [*Giận người đen bạc ra lòng trắng hoa / Đại chi chẳng giữ lấy nền / Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình*] ở đoạn trên.

- Những câu Hoạn Thư kể cách làm tội Kiều cho mẹ nghe [*Làm cho, cho mệt, cho mê / Làm cho đau đớn ê chề cho coi*] ứng với những câu [*Làm cho nhìn chẳng được nhau / Làm cho đầy đọa cát đầu chẳng lên*].

- Những câu Kiều kể định làm khổ tâm hồn Thúc Sinh để báo thù: [*Trước cho bỏ ghét những người / Sao cho để một trò cười về sau*] ứng với ý nàng định làm ở đoạn trên [*Làm cho trông thấy nhãn tiền / Cho người thăm ván bán thuyền biết tay*].

- Câu [*Mưu cao vốn đã rập ranh những ngày*] ứng với câu [*Lo gì việc ấy mà lo / Kiến trong miệng chén còn bò đi đâu*].

- Ba câu [*Đêm thu gió lọt song đào / Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời / Nén hương đến trước Phật đài*] nghĩa thật liên lạc khắn thiết với nhau: Gió đêm thu thổi vào buồng làm tung màn cửa sổ lên, Kiều mới trông thấy vành trăng lưỡi liềm dạo hạ tuần ở phía dưới, và ngôi Sao Ba sáng đẹp ở giữa trời. Nàng đương lo số nàng hay gặp lắm sự trắc trở, nên nàng thấy cảnh thơ ông Trần Đoàn tả Sao Ba có trăng lưỡi liềm như thế, để chê người tướng ngoài thì tốt, nhưng trong bụng xấu thì tốt cũng hóa xấu. Rồi nàng nghĩ ngay đến nàng đã cướp chồng của Hoạn Thư lànàng có tội xấu bụng, nên trời mới báo điềm tốt mà hóa xấu như thế, nên mới vội đi thắp hương cúng Phật để sám hối cầu phúc.

- Câu [*Nén hương đến trước Phật đài / Nỗi lòng khẩn chữa hết lời vân vân*] ứng với câu [*Trăm điều ngang giữa vì tôi / Thân sau ai chịu tội trời ấy cho*].

## CHƯƠNG 19

### CÂU 1705 ĐẾN CÂU 1790 “Oai bà lại bộ, nhục kiếp thanh y”

1705. Nước trôi hoa rụng đã yên, [1]  
Hay đầu địa ngục ở miền nhân gian. [2]
1707. Khuyển Ưng đã đất mưu gian, [3]  
Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
1709. Buồm cao lèo thẳng cánh suyền, [4]  
Đè chừng huyện Tích, băng miền vượt sang. [5]
1711. Dỡ đồ lên trước sảnh đường, [6]  
Khuyển Ưng hai đứa nộp nàng dâng công.
1713. Vực nàng tạm xuống môn phòng, [7]  
Hãy còn thêm thiệp giặc nông chưa phai.
1715. Hoàng lương chột tỉnh hồn mai, [8]  
Cửa nhà đầu mắt, lâu đài nào đây?
1717. Bàng hoàng giờ tỉnh giờ say, [9]  
Sảnh đường mắng tiếng đòi ngay lên hầu.
1719. A hoàn liền xuống giục mau, [10]  
Hãi hùng nàng mới theo sau một người.
1921. Ngược trông tòa rộng dãy dài, [11]  
Thiên Quan Chủng Tê có bài treo trên. [12]
1723. Ban ngày sáp thấp hai bên,  
Giữa giường thất bảo, ngồi trên một bà. [13]
1725. Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra,  
Sự mình nàng đã cứ mà gửi thừa. [14]
1727. Bất tình nổi trận mây mưa,  
Dức rằng: “Những giống bơ thờ quen thân! [15]
1729. Con này chẳng phải thiện nhân,  
Chẳng phùng trốn chủ, thì quân lộn chồng. [16]
1731. Ra tuồng mèo mả gà đồng, [17]  
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bè nào.
1733. Đã đem mình bán cửa tao,  
Lại còn khùng khinh làm cao thế này.
1735. Nào là gia pháp nọ bay!  
Hãy cho ba chục biết tay một lần.”
1737. A hoàn trên dưới dạ rân, [18]  
Dẫu rằng trăm miệng không phân lẽ nào.
1739. Trúc côn ra sức đập vào,

- Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh.  
 1741. Xót thay đào lý một cành,  
 Một phen mưa gió tan tành một phen.  
 1743. Hoa nô truyền dạy đổi tên,  
 Bồng the dạy ép vào phiên thị tì. [19]  
 1745. Ra vào theo lũ thanh y,  
 Dãi dầu tóc rối da chì quấn bao.  
 1747. Quản gia có một mục nào, [20]  
 Thấy người thấy nét ra vào mà thương.  
 1749. Khi chè chén, khi thuốc thang, [21]  
 Dem lời phương tiện mở đường hiếu sinh. [22]  
 1751. Dạy rằng: “May rủi đã đành,  
 Liễu bò mình giữ lấy mình cho hay.  
 1753. Cũng là oan nghiệp chi đây, [23]  
 Sa cơ mới đến thế này chẳng dung.  
 1755. Ở đây tai vách mạch dừng, [24]  
 Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.  
 1757. Kèo khi sấm sét bất kỳ,  
 Con ong cái kiến kêu gì được oan?”  
 1759. Nàng càng giọt ngọc như chan,  
 Nỗi lòng luống những bàng hoàng niềm tây:  
 1761. Phong trần kiếp đã chịu đày,  
 Làm than lại có thứ này bằng hai. [25]  
 1763. Phận sao bạc chẳng vừa thôi, [26]  
 Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan.  
 1765. Đã đành túc trái tiền oan, [27]  
 Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi.  
 1767. Những là nường nấu qua thì,  
 Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia.  
 1769. Mẹ con trò chuyện lân la,  
 Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời:  
 1771. “Tiểu thư dưới trướng thiếu người,  
 Cho về bên ấy theo đòi lâu trang.”  
 1773. Lãnh lời nàng mới theo sang,  
 Biết đâu địa ngục, thiên đàng là đâu.  
 1775. Sớm khuya khăn mặt, lược đầu,  
 Phận con hầu giữ con hầu dăm sai.  
 1777. Phải đêm êm ả chiều trời,  
 Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày. [28]  
 1779. Lĩnh lời nàng mới lựa dây,  
 Ni non thánh thót dễ say lòng người.

1781. Tiểu thư xem cũng thương tài,  
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.  
1783. Cửa người đày đọa chút thân,  
Sớm ngơ ngẩn bóng đêm nấn nỉ lòng.  
1785. Lâm Truy chút nghĩa đèo bông,  
Nước bèo để chữ tương phùng kiếp sau.  
1787. Bốn phương mây trắng một màu, [29]  
Trông vời cố quốc biết đâu là nhà. [30]  
1789. Lần lần tháng trọn ngày qua,  
Nỗi gần nào biết đường xa thế này.

### Đính chính và xác định

Câu 1727 - “Bất tình nổi trận gió mưa” – Chữ “gió mưa” mới có nghĩa giận dữ. Có bản in lầm ra “Bất tình nổi trận mây mưa” thật không hợp nghĩa ở chỗ này.

Câu 1784 - “Sớm than thờ bóng, khuya nấn nỉ lòng” nghĩa là ban ngày thấy bóng mình trước nắng lại thương mình mà chỉ dám than thờ với bóng mình, chẳng dám để ai biết. Lúc canh khuya cũng vậy, ngủ không được mà chỉ những mình lại nấn nỉ nỗi đau xót với chính lòng mình, chẳng dám nói cùng ai, tả cảnh cô đơn khổ cực vô cùng. Bản Kiều của ông Trần Trọng Kim in câu này là: “Sớm nấn nỉ bóng, đêm ngơ ngẩn lòng” đã mất và lại không xuôi nghĩa.

### Chú giải và dẫn điển

[1] *Nước trôi hoa rụng* lấy điển ở câu chữ hán “Lưu thủy lạc hoa [流水落花] = Hoa rụng vào suối nước chảy, phải chìm chìm nổi nổi mà chẳng biết trôi đi đâu.”

[2] *Địa ngục* = nhà giam tù ở cõi âm phủ.

[3] *Đã dắt mưu gian* = đã làm trôi chạy được các mưu chước giả dối như buôn bán được trôi chạy đất hàng.

[4] *Thăng cánh suyền* – Suyền [湍] = đi thật nhanh một mạch. Thăng cánh suyền = gió thuận thổi vào cánh buồm đi thẳng nhanh một chiều như bay.

[5] *Huyện Tích* tức là huyện Vô Tích, quê nhà họ Hoạn.

[6] *Sảnh đường* là nơi quan làm việc công. Tác giả đặt chữ “sảnh đường” ở đây để tả sự hống hách quá phép của Hoạn bà. Các bà quan hay có thói lạm quyền như vậy.

[7] *Môn phòng* là căn phòng giữ phạm nhân ở gần cổng canh trước dinh các quan.

[8] *Hoàng lương* [黃梁] nghĩa đen là kê vàng. Ngày xưa Lư Sinh, đời nhà Đường, thi hỏng về gặp ông Lã Tiên ở một quán ăn. Ông thấy Lư buồn chán, mới cho mượn chiếc gối Bảo Lư gối đầu mà ngủ cho đỡ phiền. Lúc đó người chủ quán mới quấy nồi cháo kê vàng. Lư mới gối đầu nằm, liền thấy lấy được vợ họ Thôi rất đẹp rất giàu, lại đỗ Tiến sĩ được vua yêu cho làm quan to, lại có công phá được giặc Nhung, được làm Tể Tướng hơn 10 năm, có 5 con trai đều làm quan to, có 10 cháu trai đều làm rể nhà quan sang, sống hơn 80 tuổi mới chết, thì bỗng tỉnh dậy, thấy nồi cháo kê vẫn chưa chín. Lư quái lạ hỏi Lã Tiên, thì Lã nói “Lạ gì? Cuộc phú quý đời người đều như thế



cả, ta còn ham muốn làm gì cho nhọc bụng.” Do truyện này, người sau mới gọi giấc mơ ngủ là giấc Hoàng Lương. Cái gói ông Lã Tiên cho Lư Sinh gói đầu nằm ngủ được giấc mơ phú quý ấy làm bằng gỗ cây mai, nên các văn sỹ sau gọi hồn mộng giấc mơ là hồn mai. Câu này đặt chữ “Hồn mai” liền với chữ “Hoàng Lương” rất khẩn thiết với nhau. Ông Trần Trọng Kim nói “Các văn sỹ thường nói giấc mơ ngủ là “qué phách mai hồn” cho lịch sự, thật là làm, vô nghĩa, vì quéphách là mặt trăng, chữ phách đây không phải là hồn phách, nên chữ qué phách không đi với chữmai hồn được.

[9] *Bàng hoàng* = hầy còn như say như mê, lúc mới tỉnh dậy có vẻ ngỡ ngác lo sợ.

[10] *Nha hoàn* [丫鬟] – Nhiều người đọc chệch ra “a hoàn” [鴉鬟] = đũa hầu tó gái, tóc còn đen như quạ [鴉] [“nha” = quạ] và kết thành hai món trái đào hình như chữ [丫] “nha” là vật có phần ngọn chia hai nhánh. Lại có người nhận lầm chữ “nha” [丫] này ra [小] “tiểu” mà đọc lầm ra “tiểu hoàn.”

[11] *Ngước trông* = sợ hãi quá, chỉ dám hơi đưa to mắt lên mà nhìn, chứ không dám ngửa hẳn mặt lên. Thơ Xuân Hương vịnh đèn Sầm Thái Thú ở gò Đống Đa: “Ngước mắt trông lên thấy biển treo, Kìa đèn Thái Thú đứng treo leo.” Lời thì thật tôn kính, mà ý thì thật mỉa mai khinh rẻ:chẳng thềm nhìn thẳng.

[12] *Thiên quan chung tể* [天官塚宰] là chức quan cao nhất ở triều đình xưa. Nhà Chu đặt ra chức Thiên quan chung tể để cai quản tất cả các quan. Về đời nhà Minh các quan hơi cao ở bộ Lại đều lạm xưng là Lại bộ [吏部]. Vì bộ Lại là bộ giữ việc tuyển bổ thăng giáng các quan, nên nhà họ Hoạn dám lạm quyền treo bảng Thiên quan chung tể cho oai; thật ra bố Hoạn Thư không phải Thượng thư bộ Lại, vì Thúc Sinh chỉ là một người sinh viên xoàng, con một ông lái buôn giàu,lấy thế nào được con gái một ông Lại bộ Thượng thư?

[13] *Giường thất bảo* = giường đẹp sang nhất hạng, có khảm bảy thứ vàng ngọc quý báu.

[14] *Cứ mà gửi thưa* = cứ theo sự thật của mình mà trình thưa rõ ràng, đại khái như nói là vợ lẽ Thúc Sinh, lấy nhau được hai năm...

[15] *Dức* – Quan mắng, quan gắt gọi là dức cho thêm phần kính trọng quan, đại khái như lính hầu quan hỏi nhau “Làm gì mà quan dức mày thế?” Tác giả dùng chữ “dức” ở đây thật là đúng chỗ để tả nỗi bật hẳn về hách dịch của bà Lại bộ họ Hoạn. Có nhà xuất bản truyện Kiều đổi chữ “dức” này ra chữ “mắng” thật là không hiểu giọng nhà quan và ý tác giả.

[16] *Trốn chủ* – Tục Tàu trước, chủ nhà giàu sang hay xuất tiền ra mua con gái nhà nghèo về làm tôi đòi; nếu không có tiền chuộc ra, thì phải ở hầu hạ suốt đời. Nếu chủ có độ lượng thương người thì còn khá, nhưng phần nhiều họ cậy của hành hạ bất nhân, nên hay có những vụ gái nghèo này trốn chủ ra đi, nếu chủ bắt được thì bị tội vạ khổ sở. *Lộn chồng* = bỏ chồng cũ trốn đi lấy chồng khác.

[17] *Mèo mả gà đồng* = những gái du đãng, giang hồ, vô gia đình, sống vất vơ hư hỏng như con mèo già hoá cáo ra ở nhà mèo mả ngoài đồng. *Gà đồng* = loại gà rừng, dù ta bắt về chăm nuôi thế nào nó cũng không quen, thả ra là bay ra đồng.

[18] *Dạ rân* = vâng lời, dạ ran lên một lượt.[19] *Áp vào phiên thị tỳ* = biên tên vào sổ lũ gái hầu. Chữ “áp” hay “áp danh” [押名] = biên tên vào sổ. Nhiều bản Kiều quốc ngữ dịch lầm “áp” [抽] =ép, không đúng – vì bắt làm thị tỳ là phải làm, cần gì phải ép?

[19] *Thanh y* [青衣] = áo xanh – Tục Tàu trước, các tôi tớ trong nhà vẫn mặc áo xanh, nên gọi là lũ thanh y. Chữ “phiên” [番] dịch ra “phen” là sai nghĩa, vì các thị tỳ phải cắt “phiên” nhau vào hầu.

[20] *Quản gia* [管家] = mục cai quản bọn thị tỳ trong nhà.

[21] *Chè chén* đây là “chén trà chén cháo” chăm nom lúc Kiều còn ốm đòn, nên sau được Kiều trả ơn rất hậu. Xem câu 2341 và 2342 [*Mụ già, sư trưởng thứ hai / thoạt đưa đến trước, vội mời lên trên*]. Xin chớ lầm chữ “chè chén” này là “chè rượu” như ta thường nói.

[22] *Đem lời phương tiện mở đường hiếu sinh – Lời phương tiện* = lời theo chiều hướng (phương) thuận tiện mà khuyên nhủ cho người hiếu mọi lẽ. *Mở đường hiếu sinh* = khuyên nhủ khiến cho Kiều khỏi chán đời mà lại muốn cố sống. Câu này nghĩa là mục quản gia khéo dò xét tâm sự Kiều cố ý muốn tự tử, mới lựa chiều thuận tiện mà lấy lời lẽ khuyên nhủ yên ủi cho Kiều khỏi chán đời.

[23] *Oan nghiệt* [冤孽] hay *oan nghiệp* [冤業] = “tiền oan nghiệp chướng” = oán thù từ kiếp trước để lại đến kiếp này mới báo thù lại nhau.

[24] *Tai vách mạch dưng* – *Vách* = những bức thuận chia ngang nhà ở ra làm các phòng. *Dưng* = những bức vách dọc đằng sau nhà làm bằng những thanh tre đan dưng với nhau, ngoài chất đất cho kín phẳng. Tục ngữ có câu: “Dưng có mạch, vách có tai” nghĩa là ngoài bức vách chung quanh chỗ ta ở, thường có kẻ áp tai nghe, ghé mắt dòm để rình ta, nên ta phải giữ gìn.

[25] *Lầm than* do chữ [塗炭] “đồ than” dịch ra. *Đồ* [塗] = bùn lầy ở mặt đường. *Than* [炭] = than tro. Nghĩa bóng chữ “lầm than” là khổ sở nhục nhã như phải lặn lội ở mặt đường đầy những than bùn đen bản.

[26] *Bạc chẳng vừa thôi* = sao số phận bạc quá, bạc thế nào cũng chưa vừa, chưa thôi.

[27] *Túc trái tiền oan* [夙債前冤] = nợ cũ đã lâu, hay oan nghiệp từ kiếp trước, bây giờ phải trả nợ, phải đền tội.

[28] *Trúc ty* – *Trúc* [竹] = tre, tức là ống sáo; *ty* [絲] = tơ, tức là đàn. Nhiều bản Kiều quốc ngữ phiên âm là trúc tơ, đành rằng vẫn nghĩa là đàn sáo, nhưng trúc là tiếng Hán, tơ là tiếng nôm đi với nhau không êm bằng trúc ty là tiếng chữ Hán. Bài Tỳ Bà Hành cũng dịch là trúc ty: *Người xuống ngựa, khách dừng chèo / Chén quỳnh muốn cạn không chiều trúc ty / Say những luốngngại khi hầu rẽ*.

[29] *Bốn phương mây trắng một màu* – Thơ cổ có câu “Tứ cố bạch vân mê [四顧白雲迷]” = Ngó trông bốn bề chỉ thấy mây trắng mù mịt một màu, chẳng biết quê cha mẹ ở đâu.

[30] *Cố quốc* nghĩa đen là nước cũ, nghĩa rộng là nơi quê quán cha mẹ của mình.

### Diễn ra văn xuôi

Câu 1705, 1706 = Thúc Sinh vẫn yên chí rằng cái đời như đóa hoa rụng xuống giòng nước của Kiều thế là xong, là yên rồi; chàng có biết đâu rằng cái địa ngục mà nàng bị giam khổ vẫn ở ngay trên cõi người này.

Câu 1707, 1708 = Bọn Khuyển Ưng đã thi hành trôi chảy các mưu gian của chủ dặn dò rồi, liền vực Kiều xuống để nằm yên dưới thuyền.

Câu 1709, 1710 = Rồi chúng kéo buồm lên cho cao, gò dây buồm cho thẳng và cứ ngắm thẳng đường về phía Vô Tích mà cho thuyền tiến thật nhanh.

Câu 1711, 1712 = Khi đến nơi, chúng đỗ thuyền ở ngay phía trước sảnh đường mà dỡ các đồ đạc lên. Hai thằng Khuyển Ưng khiêng Kiều lên nộ để dâng công.

Câu 1713, 1714 = Chúng vục nạng vào tạm nằm nghỉ trong căn phòng bên cạnh cổng dinh, và nạng vẫn còn thêm thiếp như ngu mê chưa biết gì, vì thuốc mê chưa phai tan hết.

Câu 1715, 1716 = Bỗng hồn nạng như ngu tỉnh dậy. Nạng thấy lạ quá, cửa nhà mình đâu mất, mà đây là lâu đài nào vậy?

Câu 1717, 1718 = Nạng còn đương ngỡ ngác bàng hoàng, chệnh choáng như say rượu, thì bỗng thoảng nghe tiếng ở trên sảnh đường đòi nạng lên hầu ngay lập tức.

Câu 1719, 1720 = Rồi một thị tỳ tóc kết thành hai trái đào chạy xuống giục nạng lên ngay. Nạng sợ hãi lắm, theo ngay một người dẫn lên sảnh đường.

Câu 1721, 1722 = Nạng sẽ ngược mắt trông lên thấy tòa rộng dầy dài đã rất lộng lẫy, lại trên có treo một cái biển đề bốn chữ to “Thiên Quan Chung Tể” bằng vàng.

Câu 1723, 1724 = Bên trong sảnh đường, ban ngày mà vẫn có mấy cây sáo thấp ở hai bên trước cái giường khám bày thứ ngọc rất lộng lẫy đẹp, trên giữa giường có một bà ngồi rất oai nghiêm đường bệ.

Câu 1725, 1726 = Thấy Kiều lên, bà gạn gùng hỏi ngành hỏi ngọn, Kiều chẳng biết hỏi để làm gì, sự tình mình thế nào, nạng cứ theo thật sự mà thưa trình rõ ràng hết.

Câu 1727, 1728 = Bất kỳ bà nổi giận dữ dội như mưa như bão mà quở mắng: Con này thật là cái giống gái hư hỏng, chỉ quen thân bơ thờ ăn chơi bợm bãi.

Câu 1729, 1730 = Con này đúng không phải là người tử tế – nếu không phải là phường tôi đòi trốn chủ ra đi, thì cũng là quân bỏ chồng nọ theo chồng kia.

Câu 1731, 1732 = Nó rõ là giống mèo mả gà đồng chẳng ai chứa được, nên thân đòi thành ra lúng túng chẳng ở yên được chỗ nào.

Câu 1733, 1734 = Nó đã đem thân bán vào nhà cửa tao, mà vẫn còn dám khùng khinh làm cao, chẳng coi ai ra gì thế này à?

Câu 1735, 1736 = Nào chúng bây đâu! Hãy theo phép tắc nhà tao đem nó ra mà trị tội, đánh thử ba chục roi cho nó biết tay một lần đi!

Câu 1737, 1738 = Lũ con hầu đồng thanh dạ ran lên một lượt. Thế là nạng dẫu có trăm miệng cũng chẳng sao kêu van phân trần phải trái được một tiếng nào.

Câu 1739, 1740 = Chúng nó lấy roi tre to mà hết sức đập vào người, thì thịt nào mà chẳng nát, gan nào mà chẳng kinh?

Câu 1741, 1742 = Thật đáng thương cho nạng đẹp nỡ như cành hoa đào hoa mận, mà mỗi phen gặp cơn mưa gió tàn bạo như thế lại tan tành một phen.

Câu 1743, 1744 = Rồi bà lớn lại truyền đổi tên Thúy Kiều ra là Hoa Nô, và biên tên vào sổ những bọn hầu tỳ gái để thay phiên nhau vào hầu.

Câu 1745, 1746 = Từ đó Kiều theo lũ thanh y ra vào hầu hạ, đầu bù tóc rối, mặt sạm da chì, chẳng quản ngại gì cả.

Câu 1747, 1748 = Có một mục quản gia nào đó thấy nàng người đã thanh tao, có tướng mạo khác thường, tính nét lại hiền lành đứng đắn, mà cứ phải ra vào hầu hạ quần quật suốt ngày, lòng mựt thương tình cho nàng.

Câu 1749, 1750 = Nên mục hết lòng săn sóc chạy chữa cho nàng khi còn ốm đòn, lúc thì mục cho chén nước chè, bát cháo nóng để nàng ăn uống, lúc chạy thuốc chạy thang chữa vết thương đòn cho nàng lành khỏi. Mục thấy nàng có vẻ chán đời muốn tự tử, mục lại khéo lựa chiều ý nàng mà đem lời lẽ thuận tiện khuyên giải như mở đường cho nàng hồi tâm lại mà vui đời muốn sống.

Câu 1751, 1752 = Mục khuyên nhủ nàng: Đã đành ở đời ta phải theo sự may rủi của số mệnh, nhưng ở trong cái kiếp liễu bỏ yếu đuối ở nơi nguy hiểm này, cô cũng phải liệu cách mà lo giữ mình mới được.

Câu 1753, 1754 = Chắc đây cũng là bởi sự oan nghiệt nào đó, nên cô mới phải sa cơ mắc vào cuộc khổ nhục thế này, chứ đâu phải truyện bồng dung!

Câu 1755, 1756 = Ở đây là chỗ tai vách mạch rừng, trong ngoài trước sau chỗ nào cũng có tai nghe mắt nhòm dò xét cô, nên cô phải cẩn thận, có thấy ai là người quen thân đến đâu nữa, cũng chớ có nhìn nhận làm gì mà khờ đó.

Câu 1757, 1758 = Cô nên nhớ lời tôi dặn, kéo nữa cô không biết, thấy người quen mà dăm dăm nhìn một cái, là có truyện mưa gió giận dữ nổi ngay lên, thì cái thân phận nhỏ hèn như con ong cái kiến của cô này, kêu oan cũng không được nữa đâu!

Câu 1759, 1760 = Nàng nghe lời mục dạy, lòng càng cực cội, nước mắt tràn trụa chứa chan, biết bao nhiêu là nông nổi lo âu, thương nhớ ngảm ngảm quanh quẩn đầy lòng.

Câu 1761, 1762 = Nàng nghĩ thương thân: Mình tưởng đã chịu đầy đủ cái kiếp khổ nhục như thế rồi, thế mà còn gặp cái kiếp tôi đòi nhục nhã khổ cực gấp đôi nữa như thế này!

Câu 1763, 1764 = Thật đáng thương cho phận mình sao mà bạc mệnh quá vậy, bạc không còn chừng hạn nào nữa! Bạc đến bao giờ mới là đủ, mới là hết? Sao mà hai chữ “bạc mệnh” ấy nó cứ khăng khăng buộc trói mãi vào người hồng nhan như vậy?

Câu 1765, 1766 = Thôi! Đành rằng do cái nợ nần kiếp trước, hay cái oan báo kiếp xưa, nó bắt mình phải giả, phải đền như vậy, thì mình đành phải chịu, và cũng đành cố sống liều cho đến lúc ngọc nát hoa tàn chứ có cần chi!

Câu 1767, 1768 = Nàng cứ nương nấu sống tạm bợ như thế mãi ở đó cho đến hôm Tiểu thư tình cờ về nhà thăm mẹ.

Câu 1769, 1770 = Mẹ con trò truyện lân la hết truyện nọ đến truyện kia mãi, rồi Phu nhân cho gọi Kiều ra và bảo:

Câu 1771, 1772 = Bên nhà Tiểu thư thiếu người hầu, vậy ta cho mi sang bên ấy hầu hạ trong lầu trang Tiểu thư.

Câu 1773, 1774 = Nàng vâng lĩnh lời Bà, mới theo Tiểu thư về, chứ biết đâu về nhà Tiểu thư thì phải khổ như vào địa ngục, hay được sướng như lên thiên đàng?

Câu 1775, 1776 = Sang đó rồi, nàng hầu hạ Tiểu thư rất cẩn thận, hầu sớm, hầu khuya, khi khăn mặt, khi lược đầu, cần đến cái gì nàng đều biết trước sẵn sàng, không cần phải sai bảo, lúc nào nàng cũng thân phận con hầu, thì phải làm hết phận sự con hầu, không dám sai lãng.

Câu 1777, 1778 = Được một đêm nhân trời mát mẻ, êm đềm, tiểu thư mới hỏi đến nghề đàn trước kia của nàng.

Câu 1779, 1780 = Nàng vâng lời lấy đàn ra sửa, vặn lại các dây cho đúng, rồi ngồi gảy. Tiếng đàn nàng gảy lúc thì như tiếng hát nỉ non cảm dỗ, lại lúc thì như giọng thánh thót phính phờ để làm cho lòng người phải say sưa.

Câu 1781, 1782 = Tiểu thư thấy nàng có tài như thế cũng sinh lòng thương quý, và từ hôm đó đối đãi với nàng cũng bớt vẻ nghiêm khắc.

Câu 1783, 1784 = Từ khi nàng thấy thân mình bị đẩy đọa vào nơi cửa quan sang hống hách quá này, mỗi khi sớm dậy trông thấy bóng mình trước nắng, cũng than thở ngậm với bóng; và những lúc canh khuya vắng vẻ một mình, lòng lại năn nỉ như ngậm với lòng.

Câu 1785, 1786 = Nàng những nhớ tiếc người đã kết nghĩa đèo bồng với mình ở Lâm Truy, cho rằng họa chẳng đến kiếp sau mới lại được gặp để giữ trọn vẹn lời thề non nước.

Câu 1787, 1788 = Còn thêm nỗi nhớ nhà, nhớ cha mẹ nữa. Người xưa xa nhà, thấy đám mây trắng ở trên núi Thái Hàng, thì biết nhà cha mẹ ở dưới đám mây đó. Nhưng nay càng cố trông mây để tìm quê cũ, thì chỉ thấy bốn phương đều mù mịt một màu mây trắng, thì còn biết phương nào là quê cha mẹ nữa.

Câu 1789, 1790 = Kiều chịu cực khổ ở đó qua ngày qua tháng. Nàng chỉ biết nỗi gần của nàng thì sâu khổ như thế, nhưng có biết đâu nỗi của Thúc Sinh ở nơi xa cũng sâu khổ chẳng kém gì nàng.

### **Những câu hay chữ có ý móc nối hoặc châm biếm**

- Những câu tác giả đặt để chuyển tiếp đoạn nọ sang đoạn kia thường rất tài tình như đã nói nhiều lần. Hai câu đầu đoạn này cũng vậy. Câu trên [*Nước trôi hoa rụng đã yên*] thì vừa kết liễu ý Thúc Sinh yên chí rằng Kiều đã chết thật rồi bằng chữ “đã yên.”

- Câu dưới [*Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian*] thì dùng chữ “hay đâu” để mở đầu ý nói Kiều vẫn còn đương sống khổ cực ở nhà Vô Tích dưới quyền Hoạn Thư độc ác.

- “Đã yên” móc nối với “Hay đâu” làm cho hai câu 1705-1706 có nghĩa: Thúc cho phận Kiều thế là đã yên rồi, nhưng chàng có “hay đâu” là nàng hãy còn ở địa ngục trên đời.

- Câu Hoạn bà mắng Kiều [*Ra tuồng mèo mả gà đồng / ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào*] ứng với câu [*Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra / sự mình nàng đã cứ mà gửi thưa*], vì nàng ngay thục khai rõ hết nông nỗi lưu lạc của mình, khi bị Hoạn bà gạn gùng hỏi mọi lẽ.

- Câu [*Tiểu thư thấy cũng thương tài / khuôn uy đường cũng bớt vài bốn phân*] móc nối với câu 2369 sau này khi Tiểu thư van xin Kiều tha tội [*Lòng riêng riêng cũng kính yêu / chồng chung chưa để ai chiều cho ai*].

- Những chữ “sánh đường”, “môn phòng”, “đòi ngay lên hầu”, “thiên quan chùng tể”, “dức rằng”, và “truyền cho” tác giả đặt vào đây đều có ý mỉa mai các bà vợ quan to hay lạm dụng quyền thế hống hách để bắt nạt dân chúng.

- Những câu tả sự hách dịch, tàn ác của Hoạn bà, nhiều câu giống như tả Tú bà: (a) Câu [*Giữa đường thắt bảo ngồi lên một bà*] giống câu tả Tú bà [*Tú bà vắt óc lên giường ngồi ngay*]; (b) Câu [*Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra*] giống như câu tả Tú bà [*Đón rào đến mực nông nàn mới tha*]; (c) Những câu [*Đã đem mình bán cửa tao / hãy còn khùng khinh làm cao thế này*] và [*Nào là gia pháp nọ bay*] giống như những câu Tú bà nói [*Con kia đã bán cho ta / nhập gia phải cứ phép nhà tao đây*].

Tác giả dùng những câu gần giống như thế để tả một bà mệnh phụ phu nhân và một mục điểm già chủ thanh lâu, là ngụ ý than chê nhiều bà mệnh phụ phu nhân tuy bề ngoài oai vệ sang trọng thế, mà trong bụng chẳng khác gì những mục tầm thường hư hỏng.



## CHƯƠNG 20

## CÂU 1791 ĐẾN CÂU 1938

## “Thấp cao chung sợ, đau sướng khác lòng”

1791. Lâm Truy từ thuở uyên bay, [1]  
 Buồng không thương kẻ thảng ngày chiếc thân.
1793. Mà ai trắng mới in ngần, [2]  
 Phần thừa hương cũ bội phần xót xa. [3]
1795. Sen tàn cúc lại nở hoa, [4]  
 Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân.
1797. Tìm đâu cho thấy cố nhân?  
 Láy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương. [5]
1799. Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương,  
 Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê.
1801. Tiểu thư đón cửa đã dè, [6]  
 Hàn huyên vừa cạn mọi bề gần xa.
1803. Nhà hương cao cuốn bức là, [7]  
 Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
1805. Bước ra một bước một dừng,  
 Trông xa nàng đã tỏ chừng neo xa:
1807. Phải chăng nắng quáng đèn lò, [8]  
 Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc Sinh?
1809. Bây giờ tình mới rõ tình,  
 Thôi thôi đã mắc vào vành chẳng sai.
1811. Chước đâu có chước lạ đời? [9]  
 Người đâu mà lại có người tình ma?
1813. Rõ ràng thật lú đờ ta,  
 Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi.
1815. Bề ngoài thơn thớt nói cười, [10]  
 Mà trong nham hiểm giết người không dao. [11]
1817. Bây giờ đất thấp trời cao,  
 Ăn làm sao, nói làm sao, bây giờ?
1819. Càng trông mặt càng ngần ngại,  
 Ruột tầm đôi đoạn như tơ rối bời.
1821. Sợ uy dám chẳng vâng lời,  
 Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.
1823. Sinh đà phách lạc hồn siêu:  
 “Thương ơi chẳng phải nàng Kiều ở đây?”
1825. Nhân làm sao đến thế này?

- Thôi thôi ta đã mắc tay ai rồi!”  
 1827. Sợ quen dám hở ra lời, [12]  
 Không ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.  
 1829. Tiểu thư trông mặt hỏi tra:  
 “Mới về có việc chi mà động dung?” [13]  
 1831. Sinh rằng; “Hiếu phục vừa xong, [14]  
 Suy lòng “trắc dĩ”, đau lòng “chung thiên”. [15]  
 1833. Khen rằng: “Hiếu tử đã nên!  
 Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu.”  
 1835. Vợ chồng chén tạc, chén thù, [16]  
 Bất nàng đứng chực trì hồ hai nơi. [17]  
 1837. Bất khoan bất nhật đến lời,  
 Bất quì tận mặt bất mời tận tay.  
 1839. Sinh càng như đại như ngậy,  
 Giọt dài giọt ngắn chén đầy chén voi.  
 1841. Ngánh đi chợt nói chợt cười,  
 Cáo say chàng đã giạm bài lảng ra. [18]  
 1843. Tiểu thư vội thét: “Con Hoa!  
 Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đôn.” [19]  
 1845. Sinh càng nát ruột tan hồn,  
 Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay. [20]  
 1847. Tiểu thư cười, nói, tỉnh, say,  
 Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.  
 1849. Rằng: “Hoa nô đủ mọi tài,  
 Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe.”  
 1851. Nàng đà than hoán tê mê, [21]  
 Vâng lời ra trước bình the vắn đàn. [22]  
 1853. Bốn dây như khóc như than,  
 Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.  
 1855. Cùng chung một tiếng tơ đồng, [23]  
 Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm. [24]  
 1857. Giọt châu lã chã khôn cầm,  
 Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt sương. [25]  
 1859. Tiểu thư lại thét lấy nàng:  
 “Cuộc vui gây khúc đoạn trường ấy chi?  
 1861. Sao chẳng biết ý tứ gì?  
 Cho chàng buồn bã tội thì tại ngươi.”  
 1863. Sinh càng thảm thiết bồi hồi,  
 Vội vàng gượng nói gượng cười cho qua.  
 1865. Giọt rờng canh đã điểm ba, [26]  
 Tiểu thư nhìn mặt dường đã can tâm.

1867. Lòng riêng khắp khởi mừng thầm:  
Vui này đã bỏ đau ngậm xưa nay.
1869. Sinh thì gan héo ruột đầy,  
Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng.
1871. Người vào chung gối loan phòng,  
Nàng ra tựa bóng đèn giong canh dài. [27]
1873. Bây giờ mới rõ tâm hơi,  
Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!
1875. Chúc đâu rẽ thúy chia uyên, [28]  
Ai ra đường nấy, ai nhìn được ai.
1877. Bây giờ một vực một trời, [29]  
Hết điều khinh trọng, hết lời thị phi.
1879. Nhẹ như bắc, nặng như chì, [30]  
Gỡ cho ra nữa, còn gì là duyên?
1881. Lỡ làng chút phận thuyền quyên,  
Bể sâu sóng cả, có tuyền được vay?
1883. Một mình âm i đêm chày,  
Đĩa dầu voi, nước mắt đầy, năm canh.
1885. Sớm trưa hầu hạ đầy doanh, [31]  
Tiểu thư chạm mặt đề tình hỏi tra. [32]
1887. Lựa lời nàng mới thừa qua:  
“Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.”
1889. Tiểu thư hỏi lại Thúc Sinh:  
“Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao!”
1891. Sinh đà ruột rứt như bào, [33]  
Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang!
1893. Những e lại lụy đến nàng,  
Đánh liều mới sẽ lựa đường hỏi tra.
1895. Cúi đầu quỳ trước sân hoa,  
Thân cung nàng mới dâng qua một tờ. [34]
1897. Diện tiền trình với Tiểu thư,  
Thoạt xem dường có ngẩn ngơ chút tình.
1899. Liền tay trao lại Thúc Sinh,  
Rằng: “Tài nên trọng mà tình nên thương!”
1901. Ví chẳng có số giàu sang,  
Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên! [35]
1903. Bể tràn chìm nổi thuyền quyên, [36]  
Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời!”
1905. Sinh rằng: “Thật có như lời,  
Hồng nhan bạc mệnh một người nào vay!
1907. Nghìn xưa âu cũng thế này,

Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa.” [37]  
 1909. Tiểu thư rằng: “Ý trong tờ,  
 Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa Không. [38]  
 1911. Thôi thì thôi cũng chiều lòng,  
 Cũng cho cho nghỉ trong vòng bước ra.  
 1913. Sẵn Quan Âm các vườn ta, [39]  
 Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa. [40]  
 1915. Có thảo thụ, có sơn hồ,  
 Cho nàng ra đó giữ chùa chếp kinh.”  
 1917. Tàng tàng trời mới bình minh, [41]  
 Hương hoa, ngũ cúng, sắm sanh lễ thường.  
 1919. Đưa nàng đến trước Phật đường,  
 Tam qui, ngũ giới, cho nàng xuất gia. [42]  
 1921. Áo xanh đổi lấy cà sa,  
 Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyền. [43]  
 1923. Sớm khuya tính đủ đầu đèn,  
 Xuân, Thu, cắt sẵn hai tên hương trà. [44]  
 1925. Nàng từ lánh gót vườn hoa,  
 Đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng. [45]  
 1927. Nhân duyên đâu nữa mà mong,  
 Khỏi điều thẹn phẩn, tủi hồng thì thôi.  
 1929. Phật tiền thăm láp, sâu vùi,  
 Ngày pho thủ tự, đêm nôi tâm hương. [46]  
 1931. Cho hay giọt nước cành dương, [47]  
 Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên. [48]  
 1933. Nâu sòng từ trở màu thiên, [49]  
 Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu,  
 1935. Cửa thiên, then nhật, lưới mau, [50]  
 Nói lời trước mặt, rời châu vắng người.  
 1937. Gác kinh viện sách đôi nơi,  
 Trong gang tác lại gấp mười quan sơn.

### **Đính chính và xác định**

Câu 1851 – “*Nàng đà than hoá nê mê*” – Than hoá là bệnh trúng phong làm cho trí óc mê sáng và người rùng rợn co run. Đây nói Kiều được lệnh gảy đàn cho Thúc Sinh nghe, mừng quá giật mình như bị trúng phong, người run lên. Nhiều bản Kiều đổi “than hoá” thành “choáng váng” làm trái nghĩa ý chỗ này. Bản Kiều của hai ông Kim và Kỳ in là “tán hoá” và giải nghĩa là ngẩn ngơ, mê mẩn, chưa thật đúng.

Câu 1880 – “*Gỡ cho ra nữa, còn gì là duyên*” = Dù cho mình có gỡ được ra thoát cảnh khổ cực chỗ này nữa, thì khi đó đã hết duyên rồi còn ai lấy nữa. Nghĩa phân minh trôi chảy như thế mà có

bản Kiều quốc ngữ dịch chữ “nữ [女]” này ra “nợ” (vì chữ [女] có thể đọc là “nữ” hay là “nợ”) cho hợp với nợ (gỡ nợ) nhưng không ai nói “gỡ cho ra nợ” mà chỉ nói “gỡ cho xong nợ.” Và lại, để chữ “nữ” mới ăn nghĩa mặt thiết với chữ “còn.”

Câu 1885 – “*Sớm khuya lệ tủi đầy doanh*” = Những lúc sớm, lúc khuya vắng người, nàng thường tủi phận khóc ngậm, nước mắt đầy hai vành mắt. Câu này lấy ý ở câu chữ Hán [愁淚常盈眶 = Sầu lệ thường doanh khuông = Nước mắt sầu tủi thường ứa ra đầy trong vành mắt] mà đặt ra. Khuông [眶] = Hai mí mắt. Doanh = Vùng bể. Mặt doanh = Mặt bể. Sách thuốc gọi mắt là ngân hải [銀海] (bể bạc). Trong văn chương, mắt người khổ cực khóc nhiều vẫn gọi là lệ hải [淚海] (bể nước mắt). “Sớm khuya lệ tủi đầy doanh” nguyên chữ nôm viết là [淩晨淚口眇 +盈] nhưng vì 4 chữ sau ở bản cũ in nhòe quá, người cho khắc in lại, nhận lầm chữ [淚] ra [侯] (hầu) và cho chữ nhòe dưới phải là chữ [下] (hạ), mới liền nghĩa với chữ hầu, và hợp với cảnh Kiều bấy giờ. Chữ đầy [眇] thì chỉ còn nửa bên hữu là [苔] (đài = râu). Chữ doanh [淩] +盈] thì nhận lầm radoanh [檣] (cái cột). Thế là câu này ở bản khắc lại làm ra [淩晨侯下苔檣 = Sớm khuya hầu hạ đài doanh]. Rồi bản Kiều cụ Vũ Trinh đổi chữ [苔檣] (đài doanh = cái cột râu) ra chữ [臺檣] (đài doanh = cái cột đèn) cho có nghĩa hơn. Nhân còn giữ chữ [檣] này tôi mới suy nghĩ ra được chữ [淩] +盈] “doanh” nguyên bản, và nhân chữ [侯] mới suy nghĩ ra được chữ [淚] “lệ” nguyên bản.

Câu 1893 – “*Nhưng e lại lụy đến nàng*” – Chữ “nhưng” ở câu này, các bản Kiều quốc ngữ đều phiên âm là “những”, khiến cho nghĩa câu này không liên tiếp với mấy câu trên, dưới. Vậy phải để là “nhưng” mới thật đúng, và nghĩa cả bốn câu 1891, 1892, 1893, 1894 này rất liên tiếp là: Thúc Sinh đã thương Kiều nát ruột như bào. Chàng biết thừa là Kiều phải khóc thắm là vì Kiều hối hận đã làm lỡ mà lấy chàng; là vì chàng chẳng bình vực che chở được chút nào; là vì Kiều thấy chàng vẫn vui vẻ sánh đôi với vợ cả, và bỏ lờ nàng phải lẻ loi tủi cực suốt đêm ngày. Những gì khiến Kiều phải tủi khóc ấy mà chàng nói ra ở trước mặt Hoạn Thư thì thật là bất tiện, và thấy cảnh Kiều bị nhục thế, thì không nỡ lòng nhìn đến, nhưng Sinh lại e rằng, nếu lờ đi mặc Kiều với Hoạn Thư thì sợ nàng sẽ bị Hoạn Thư đánh đập, nên Sinh mới đánh nước bài liều, đón lấy roi mà không đánh, chỉ sẽ lựa lời hỏi Kiều mấy câu.

Câu 1915 – “*Có thảo thụ, có sơn hồ*” = Có cảnh hoa cỏ đẹp, cây cối mát. Có bản Kiều in chữ “thảo thụ” là “cổ thụ” nghĩa đã không đẹp bằng thảo thụ, đổi lại không chỉnh với hai chữ sơn hồ. Chữ thảo thụ còn gợi trước ý câu “Tìm hoa quá bước xem người viết kinh” ở sau.

Câu 1916 – “*Cho nàng ra đó giữ chùa chép kinh*” – Chữ “chép kinh” có bản in là “đọc kinh”, có bản in là “viết kinh” đều là lầm cả. Chữ “đọc” thì thật sai hẳn nghĩa, còn chữ “viết” cũng không xác đáng bằng chữ “chép”, vì viết kinh còn có nghĩa là sáng tác ra một quyển kinh. Bên Phật giáo có tục chép kinh Phật để phân phát cầu phúc. Có người thuê chép hàng trăm quyển để phát cho dân chúng. Đây chắc Hoạn Thư cũng bắt Kiều chép kinh để phân phát cầu phúc.

### Chú giải và dẫn điển

[1] *Uyên bay – Uyên ương* [鴛鴦] = loài chim chân vịt, có lông đẹp, sống ở sông hồ, đôi nào riêng đôi ấy, luôn ở bên nhau, nên văn sĩ vẫn dùng chữ *uyên ương* để chỉ vợ chồng. Đây nói *uyên bay* nghĩa bóng là Kiều bị bắt đi. Đáng lẽ nói là ương bay mới đúng, vì ương mới là con mái,



nhưng vì tiếng ương nghe không đẹp, vì gân chữ ương ngành hay tai ương, nên con gái chỉ đặt tên uyên cho đẹp. Đây tác giả cũng theo tục ấy.

[2] *Trăng mới in ngần* = Thúc Sinh mỗi khi trông thấy trăng đầu tháng (trăng mới) hình cong như cánh cung, lại nhớ đến đôi lông mày đẹp của Kiều giống như vậy.

[3] *Phấn thừa hương cũ* – Văn chữ Hán có câu “Thặng phấn dư hương” [剩粉餘香] = Phấn hương còn thừa của người vợ đã mất đi (làm cho chồng trông thấy, nghĩ thấy, lại thương nhớ khổ sở).

[4] *Sen tàn, cúc lại nở hoa* – Vì sen nở về mùa hè, cúc nở về mùa thu, câu này hàm ý “mùa hè đã hết, lại sang mùa thu rồi.” Ý nghĩa thâm thúy của nó là “cái tình đầm thắm như hoa sen đối với Kiều thì đã tàn rồi, và cái tình nhạt nhẽo đứng đắn như hoa cúc, đối với Hoạn Thư lại sắp sửa nảy nở trở lại.”

[5] *Vận mệnh* = Vận hạn số mệnh do trời đã định cho mình, mình đành phải chịu không thể trốn tránh được.

[6] *Dã dề* = Vui vẻ niềm nở.

[7] *Nhà hương* = Nhà có hoa lan thơm, do chữ “lan thất” [蘭室] dịch ra. Bản kinh đề nguyên chữ là nhà lan, tức là căn nhà lịch sự, sạch thơm vẫn để tiếp khách. *Bức* = Bức màn may bằng vải the mỏng đẹp.

[8] *Nắng quáng đèn lòa* = Bị nắng làm cho quáng mắt, bị đèn làm cho lóa mắt. Ý câu này là: Nào có phải mắt Kiều bị nắng, bị đèn làm quáng lòa đi đâu. Rõ ràng là Kiều trông thấy Thúc Sinh ngồi kia hần hoi.

[9] *Chước* = Mưu mẹo đặt ra để lừa người. *Chước lạ đời* = Mưu mẹo khéo đặt thâm hiểm lạ lùng ở trên đời.

[10] *Thon thót* = Cười nói một cách rất vui vẻ ở bề ngoài.

[11] *Giết người không dao* – Chữ Hán có câu “Sát nhân vô đao kiếm” [殺人無刀劍] = Giết người không cần dùng đến dao gươm. Lại có câu “Lý Lâm Phủ tiêu trung hữu đao” [李林甫笑中有刀] = Trong cái cười tươi của Lý Lâm Phủ có lưỡi dao giết người. (Lý Lâm Phủ là một tay gian tướng đời nhà Đường).

[12] *Sợ quen* = (Thúc Sinh) sợ vợ đã thành thói quen đi rồi.

[13] *Động dung* [動容] = Đổi nét mặt vì lòng thương cảm.

[14] *Hiếu phục* [孝服] = Mặc quần áo tang mẹ. Xem câu này thì biết Thúc Sinh lấy Kiều trong khi còn tang mẹ là trái lễ trái luật nên lại sợ Hoạn Thư không dám nhận Kiều làm vợ lẽ.

[15] *Trắc dĩ* [陟屺] = Nhớ mẹ. Trong Kinh Thi có mấy bài thơ của người lính thú phương xa tả lòng nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ anh. Bài nhớ mẹ có câu “Trắc bi dĩ hề, chiêm vọng mĩ (mẫu) hề” [陟彼屺兮, 瞻望母兮] = Lên núi kia này, trông ngóng mẹ này. *Chung thiên* – Sách Nho gọi con để tang cha mẹ là “Chung thân chi tang” [終身之喪] = Cuộc tang chớ suốt đời. Vì vậy người con gọi tang cha mẹ là *chung thiên*, nghĩa là cho đến lúc hết tuổi trời cho. Nghĩa cả câu: Suy lòng người xưa nhớ mẹ này, thì ta thương mẹ suốt đời.

[16] *Chén tạc, chén thù* – *Tạc* [酢] = Chén rượu mời. *Thù* [酬] = Chén rượu mời trả lại.

[17] *Trì hồ* [持壺] = Người cầm hồ rượu mà đứng hầu, thấy chén ai cạn thì đến rót mời thêm.

[18] *Giặm* = Nói ướm trước. *Giặm bài láng ra* = Thúc Sinh tỏ ý mình say rồi, muốn thôi không uống nữa để Kiều khỏi phải đứng hầu.

[19] *Có đòn* = Lòe đe đánh đòn của kẻ trên hồng hách với tôi tớ.

[20] *Bồ hòn* = Thứ quả cây hình tròn mà cũng có hạt đen như quả nhãn, nhưng vỏ có nhiều nhựa rất đắng và dùng để giặt quần áo được. Quả bồ hòn trông rất ngon, trẻ con không biết bỏ vào mồm ăn là vội nhè ra ngay. Cho nên khi gặp việc đắng cay đau khổ mà cứ phải đành chịu, thì nói là “ngậm quả bồ hòn.” Ca dao có câu “Đắng cay em ngậm quả bồ hòn / Con nhà gia thế mà chồng con kém người.”

[21] *Than hoán* [癱瘓] = Bệnh trúng phong làm thân kinh tê dại, gân thịt co run.

[22] *Bình the* = Bức bình phong bằng the căng trong mấy khung gỗ.

[23] *Tơ đồng* = Cây đàn làm bằng gỗ cây ngô đồng [梧桐]. *Tiếng tơ đồng* = Tiếng đàn gảy. Theo sách Hán, xưa kia có người đốt gỗ ngô đồng để nấu com. Ông Sái Ung nghe tiếng lửa nổ kêu sang sảng, biết là gỗ làm đàn tốt, liền đổi gỗ củi khác, xin về làm đàn. Quả nhiên tiếng đàn gảy rất hay, vì vậy mà người sau mới biết dùng gỗ cây ngô đồng làm thân cây đàn.

[24] *Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm* = Hoạn Thư thấy Thúc Sinh nghe đàn, lòng đau thương Kiều quá, mà sợ mình chẳng dám nói gì, lòng mặt rất vui thích, phải cố nhịn cười ra mặt, phải nhúm miệng lại mà cười nụ. Còn Thúc Sinh đau xót quá, nhưng sợ vợ phải bầm bụng mà khóc thầm ở bên trong.

[25] *Giọt sương* = Giọt nước mắt cố kìm hãm lại chỉ còn như hạt sương bám vào cánh hoa.

[26] *Giọt rông* – Đồng hồ cổ của Tàu có ba cái hồ bằng đồng (gọi là “đồng hồ” [銅壺]) để chứa nước. Hồ trên chứa đầy nước cho chảy dần qua lỗ con ở đáy xuống hồ thứ hai. Nước hồ thứ hai lúc nào cũng chứa có chừng hạn đến một lỗ ở gần miệng hồ. Đáy hồ thứ hai này có cái vòi làm hình con rồng, miệng rồng có cái lỗ rất nhỏ để nước rỏ từng giọt xuống hồ thứ ba. Hồ thứ ba này có cái thẻ ghi giờ khắc cắm trên cái phao. Nước đầy dần, và đưa dần cái thẻ chỉ giờ khắc lên. Trông giờ khắc nào ngang với sợi dây căng ngang trên miệng hồ, thì biết là mấy giờ mấy khắc. Chữ “giọt rông” ở đây tức là giọt nước đồng hồ chảy qua vòi rồng kể trên.

[27] *Đèn giông* = Ngọn đèn đốt sáng suốt đêm.

[28] *Rẽ thúy chia uyên* – *Thúy* là chữ tắt của *phi thúy* [翡翠], *uyên* là chữ tắt của *uyên ương* [鴛鴦]. *Phi thúy* và *uyên ương* là hai giống chim đều có lông đẹp và đều đôi nào riêng đôi ấy suốt đời ở với nhau. *Rẽ thúy chia uyên* = Làm chia rẽ đôi vợ chồng ra mỗi người một nơi.

[29] *Một vực một trời* = Cao thấp cách nhau xa quá như trên đỉnh trời với dưới đáy vực. Chữ Hán có từ ngữ “Thiên uyên tương khứ” [天淵相去] = Trời vực cách nhau.

[30] *Nhẹ như bấc, nặng như chì* = (Kiều nghĩ thân phận mình) thì *nhẹ như bấc*, mà lòng sầu buồn lo sợ thì lúc nào cũng *nặng như chì*.

[31] Xem lời đính chính câu 1885 ở mục đính chính và xác định bên trên.

[32] *Chạm mặt* = Gặp mặt.

[33] *Rát ruột như bào* – Khi Thúc Sinh thấy Kiều tủi khóc thê thảm thì chàng đau đớn như ruột bị bào bị nạo.

[34] *Thân cung* [申供] = Tờ khai bày tỏ sự lòng và ý nguyện của mình.

[35] *Đúc nhà vàng* – Lúc vua Hán Vũ Đế còn nhỏ, mới làm Thái tử, một hôm đến chơi nhà bà Trương công chúa, bà chỉ mấy người thị nữ thật đẹp mà hỏi đũa Thái tử có muốn lấy cô nào không? Thái tử đều lắc đầu. Rồi bà chỉ con gái bà mới lên 7 tuổi, mà hỏi có muốn lấy Á Kiều

không? Thái tử nói “Nếu cháu lấy được Á Kiêu, thì cháu đúc nhà vàng cho ở!” Vì truyện này người sau mới có câu “Kim ốc trữ Kiêu” [金屋貯嬌] = Đúc nhà vàng để chứa nàng Kiêu.

[36] *Bể trần* – Chữ Hán là “trần hải” [塵海] = “bể bụi” để ví người ta sống ở đời như sống ở trong vùng rộng như bể, đầy những bụi bậm khổ sở.

[37] *Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa* – Thúc Sinh thấy Hoạn Thư có vẻ ngờ ngẩn về tài của Kiêu, mới thừa cơ mà liêu khuyên răn Hoạn Thư nên theo đức từ bi của Đức Phật mà bớt tay ác nghiệt với Kiêu đi. Nhưng vì câu này hơi tối nghĩa, có thể giảng ngược lại được là: liệu mà bớt tay từ bi đi, nên có người đọc chữ “từ bi” [慈悲] là “từ bây âu liệu” nghĩa là bớt tay từ bây giờ trở đi mới vừa. Đọc thế cũng có nghĩa thanh thoát xuôi hơn, nhưng chữ “từ” nôm viết là [自] (tự = từ) mới đúng. Và lại nếu nói thì giờ thì phải nói “từ bây giờ” mới có nghĩa, không ai nói “từ bây” bao giờ. Tác giả đặt chữ “từ bi” ở đây là có ý nhắc trước việc thờ Phật ở dưới. Còn câu dẫn điển ở cuốn Kiêu Trần Trọng Kim ở trong cuốn Thanh Tâm Tài Nhân là [“Hiền thê tu từ bi đã” [賢妻須慈悲也] = Hiền thê nên từ bi vậy] không thành văn lý gì cả, không đáng tin.

[38] *Cửa Không* – Do chữ Hán “không môn” [空門] (cửa Phật) vì đạo Phật cho cái gì cũng là không cả.

[39] *Quan Âm Các* = Lâu thờ Phật Quan Thế Âm.

[40] *Cây trăm thước, hoa bốn mùa* – Câu này mượn ý ở câu trong kinh Phật “Bồ đề bách sớ thụ, liên tọa tứ thì hoa” = [菩提百尺樹, 蓮座四時花] = “Bồ đề là cây cao trăm thước, tòa sen là hoa nở bốn mùa” để tả cảnh trong vườn gác Quan Âm có cây to bóng mát, bốn mùa đều có hoa nở đẹp.

[41] *Bình minh* = Lúc sáng sớm chưa mọc mặt trời.

[42] *Tam Quy* = “Quy y Phật, quy y Pháp, Quy y Tăng” [皈依佛, 皈依法, 皈依僧] = Phát nguyện đem cả thân và lòng hướng về Phật, hướng về đạo Phật, hướng về các vị sư chân chính theo đạo Phật. *Ngũ Giới* = Năm giới luật phải tuân theo = 1/ Giới dâm [戒淫]: răn không mê chuyện trai gái, 2/ Giới tửu [戒酒]: răn không uống rượu, 3/ Giới vọng [戒妄]: răn không nghĩ bậy, làm bậy, 4/ Giới đạo [戒盜]: răn không trộm cắp, 5/ Giới sát [戒殺]: răn không sát sinh.

[43] *Pháp danh* [法名] = Tên đặt lúc xin theo đạo Phật. Bên đạo Phật, cái gì thuộc về Phật cũng đều gọi là Pháp, như con nuôi Sư gọi là *Pháp tử*, áo mặc lễ Phật gọi là *Pháp y*, các đồ đạc thờ Phật gọi là *Pháp khí* [法器].

[44] *Xuân, Thu* là tên rút ngắn của hai đứa gái hầu coi sóc Kiêu (*Xuân Lan* và *Thu Nguyệt*).

[45] *Rừng tía* – Trong Tây Du Ký có địa danh [“Tử trúc lâm” [紫竹林] = Rừng tre tía”] là chỗ Phật Thế Âm ở. “Rừng tía” câu này là cảnh Phật, đối lại với “Bụi hồng” là cõi tục.

[46] *Pho thủ tự* [手字] = Bộ sách tay Kiêu chép. *Nồi tâm hương* = Nồi hương do tâm niệm thành kính mà nàng đốt từng nén cắm vào để cầu nguyện. Ý câu này: Ngày thì nàng chép kinh luôn tay, đêm thì đốt hương ngời niệm Phật để khuây lòng.

[47] *Giọt nước cành dương* – *Cành dương* = Cành dương liễu. Chỉ riêng lá dương liễu mặt trên bạc hơi trắng mà mặt dưới lại xanh, có ý hướng về cõi âm, về linh hồn, nên Phật Quan Âm dùng cành lá dương liễu để vẩy nước cam lồ vào chúng sinh cho linh hồn người sống kẻ chết đều được mát mẻ hay siêu sinh tịnh độ.

[48] *Lửa lòng* = Lòng nóng nảy bùng bột, nó sui người sinh lòng ham muốn tình dục.

[49] *Màu thiên* = Ăn mặc theo lối tu hành như quần áo nâu sòng, ăn chay dưa muối.

[50] *Quan phòng* = Canh giữ phòng bị không cho Thúc Sinh và Kiều gặp nhau. Hoạn Thư cắt hai thị tỳ Xuân và Thu đảm nhiệm việc đó rất nghiêm ngặt để hai bên không thông tin tức cho nhau được.

### **Diễn ra văn xuôi**

Câu 1791, 1792 = Từ khi Kiều ở Lâm Truy bị bắt mang đi mất tích, thật đáng thương cho Thúc Sinh trong cảnh cô đơn, lúc nào cũng ngơ ngẩn tiếc thương suốt ngày qua tháng.

Câu 1793, 1794 = Mỗi khi chàng trông thấy trăng non đầu tháng in thành ngần sáng cong cong ở trên trời, thì chàng lại nhớ đến đôi lông mày đẹp hình cánh cung của Kiều. Nhất là mỗi khi chàng thấy những hộp son phấn thừa, hay thoang thoảng ngửi thấy những mùi sáp thơm cũ của nàng, thì chàng xót xa bội phần.

Câu 1795, 1796 = Chàng nhớ Kiều mãi, trải qua mùa hè ao sen đã tàn, lại sang thu hoa cúc lại nở. Mỗi sầu thương của chàng thì dài, mà ngày tháng thì ngắn, bỗng lại mùa đông qua mùa xuân đến.

Câu 1797, 1798 = Ôi! Còn tìm đâu cho thấy người yêu cũ nữa! Thầy đồng nói một năm nữa mới tìm thấy nhau, thì nay đây đã trải qua bốn mùa rồi đó, mà nào có được tin tức gì đâu! Thôi số vận đã định ra thế rồi, chàng đành chịu vậy mà khuây dần nỗi nhớ thương.

Câu 1799, 1800 = Nỗi tiếc Kiều đã nguôi dần đi rồi, Thúc Sinh mới động lòng nhớ đến quê Vô Tích, thế là chàng lại về thăm quê nhà.

Câu 1801 = Khi chàng về đến quê Vô Tích, Hoạn Thư ra cửa đón rất niềm nở, vợ chồng gặp nhau rất mừng rỡ, hả hê.

### **Mấy lời nhận xét thêm**

Từ câu 1802 đến 1938, tác giả tả cách Hoạn Thư đối với chồng, bề ngoài thì thật đứng đắn, có lễ độ, đúng với câu “*Ở ăn thì nét cũng hay.*” Nhưng bề trong, mục coi chồng rõ như đứa trẻ con, bắt thế nào phải y theo như thế – làm cho chồng muốn khóc, lại bắt chồng phải cười; làm chồng đau đớn trong bụng lại bắt chồng phải tươi vui ngoài mặt; làm chồng sát mặt với người yêu mà không dám nhìn. Thật đúng với các câu “*Đến điều giàm buộc thì tay cũng già*” và “*Làm cho nhìn chẳng được nhau / làm cho đau đớn cất đầu chẳng lên.*”

Câu 1802 đến 1804 = Khi tiểu thư chào mừng hỏi han đủ mọi điều lẽ lẽ phép xa gần rồi, nàng mới rước chàng vào ngồi chình chện ở trong căn nhà khách thơm nức những mùi hoa lan; nàng lại sai quần gợn bức màn the lên. Bấy giờ nàng mới truyền cho gọi Hoa Nô ở trong buồng ra lạy mừng ông chủ.

Câu 1805, 1806 = Kiều thấy tiểu thư gọi ra lạy mừng chồng tiểu thư, đã có ý ngờ, nên bước ra vừa ngần ngại, vừa sẽ đưa mắt nhìn xa thì biết ngay là bụng mình ngờ đoán không sai.

Câu 1807, 1808 = Kiều nghĩ: Nào đâu có phải là nắng làm quáng mắt mình hay đèn làm lòa mắt mình! Cái người ngồi đó rõ ràng là Thúc Sinh thật rồi!

Câu 1809, 1810 = Bấy giờ mình mới rõ thực tình của sự tình này là thế! Thôi, thôi! Thế là mình đã mắc vào trong vòng đánh ghen ghê gớm này rồi!

Câu 1811, 1812 = Mưu chước đầu lại có cái mưu chước lạ lùng khác đời như thế ? Và người đàn bà nào lại có cái tinh ma quỷ quyết thế này!

Câu 1813, 1814 = Rõ ràng một lứa đôi người ta như thế, mà làm chia rẽ thành ra con ở một nơi, chủ nhà một nơi như vậy!

Câu 1815, 1816 = Ngoài mặt thì thon thót nói cười như thế, mà trong bụng thì hiểm độc giết người không cần dao như thế!

Câu 1817, 1818 = Bây giờ thì mình thấp hèn như ở dưới đất, mà chàng thì cao quý như ở trên trời, thì mình biết ăn nói làm sao với nhau bây giờ nhỉ?

Câu 1819, 1820 = Nàng càng nhìn mặt chàng, thì mặt nàng càng ngẩn ngơ và lòng nàng càng bối rối như mớ tơ vò từng khúc ruột.

Câu 1821, 1822 = Nàng biết đích xác là Thúc Sinh rồi, nhưng sợ oai Hoạn Thư đâu dám nhận và đâu dám không vâng lời, cứ việc một chiều cúi đầu nép xuống sân mà lạy.

Câu 1823, 1824 = Về phần Thúc Sinh, thoát trông thấy Kiều, chàng giật mình sợ bạt hồn vía và bụng nghĩ: Thương ôi! Đúng là Kiều đây rồi chứ còn ai nữa!

Câu 1825, 1826 = Mà nhân cơ làm sao mà nàng phải chịu khổ nhục đến thế này? À thôi, thôi! Ta mắc mưu vào tay mưu này rồi!

Câu 1827, 1828 = Chàng thương vậy, nghĩ vậy, nhưng vì sợ vợ đã quen, nên chẳng dám hé môi nói nửa lời, song không thể nào ngăn được nước mắt thương nàng rơi xuống.

Câu 1829, 1830 = Tiểu thư để ý thấy chàng buồn bã khóc thầm như vậy, mới tra hỏi ngay rằng: Kìa! Chàng mới về, đang vui vẻ như vậy, bỗng vì có gì mà động lòng thương cảm, để sắc mặt hóa buồn như vậy?

Câu 1831, 1832 = Sinh thoái thác ra chuyện khác mà thưa rằng: Tôi buồn khóc là vì tuy vừa mới đã hết chờ mẹ rồi, nhưng suy nghĩ đến tấm lòng nhớ mẹ của người làm bài thơ ‘Trắc dĩ’ đời xưa, tôi những đau xót cái tang ‘chung thiên’ không bao giờ quên được này!

Câu 1833, 1834 = Thấy Thúc Sinh hèn quá, thương Kiều quá, nhưng sợ mình phải lờ đi, Hoạn Thư rất mừng là có thể bắt nạt thế nào cũng phải chịu; lại thấy chàng nói dối mình như nói dối đứa trẻ con, nên cũng khinh chàng như đứa trẻ con và làm như tin lời chàng nói là thật mà khen chàng một cách khinh bạc rằng: Chàng thật là một hiếu tử đáng khen lắm! Thôi xin chàng đừng buồn nhớ mẹ nữa. Tôi xin đặt tiệc tẩy trần để giải phiền trong buổi đêm thu này.

Câu 1835, 1836 = Thế là Hoạn Thư bày tiệc tẩy trần, vợ chồng chén tạc chén thù mời lẫn nhau, và bắt Kiều khoanh tay bụng hồ rượu đứng hầu, thấy ai uống cạn chén thì sẽ phải lại đón lấy chén rót cho cả hai bên.

Câu 1837, 1838 = Tiểu thư còn đem đủ lễ nghi ra mà bề bắt Kiều đủ điều: khi rót rượu phải quỳ xuống mà dâng chén lên, khi mời rượu phải tự tay nâng chén mà đổ vào miệng Thúc Sinh. Tiểu thư bắt làm thế là vừa có ý làm nhục nhã Kiều, vừa làm cho Thúc Sinh, Kiều kè sát mặt nhau mà chẳng dám nhìn nhau cho càng khổ tâm.

Câu 1839, 1840 = Thúc Sinh thương nàng quá, tâm trí như dại như ngây, vừa tuôn nước mắt giọt ngắn giọt dài, vừa đón uống chén rượu mời chẳng biết chén đầy vơi thế nào.

Câu 1841, 1842 = Chàng đã bầm bụng ngoảnh mặt đi chẳng dám nhìn Kiều, lại còn phải bỗng lúc gượng nói, lúc gượng cười để lấy lòng tiểu thư. Rồi chàng muốn mượn cớ là say rồi để tỏ ý lảng ra, từ chối không uống nữa cho Kiều khỏi quỳ mời nhục nhã.



Câu 1843, 1844 = Tiểu thư liền quát Kiều: Này con Hoa! Nếu mày không mời được chàng uống cạn mấy chén nữa thì sẽ đòn vào xác đó!

Câu 1845, 1846 = Thấy tiểu thư dọa đánh Kiều, Thúc Sinh thương sợ quá như nát ruột tan hồn, liền đón lấy chén rượu nàng mời mà dù lòng chàng đau thương cay đắng thế nào, chàng cũng cố làm ra bộ vui vẻ mà uống cạn ngay.

Câu 1847, 1848 = Tiểu thư tuy ngoài mặt vui vẻ, cười cười nói nói, lúc tỉnh lúc say, nhưng trong lòng vẫn chưa hả hê thật, còn muốn hành hạ cả đôi nữa cho thật bỏ ghét, nên chưa xong cuộc rượu, lại còn bày ra trò chơi nữa.

Câu 1849, 1850 = Nàng khoe với Sinh rằng: Con Hoa Nô này nó thật đủ mọi tài! Tôi bảo nó gảy một bản đàn cho chàng nghe nhé!

Câu 1851, 1852 = Được lệnh gảy đàn cho chàng nghe, Kiều thấy dịp tốt để ngấm tỏ nỗi mình với Thúc Sinh thì nàng mừng quá, cảm động quá, tâm thần mê đi, thân thể run lên như bị bệnh trúng phong gọi là “than hoá.” Nàng liền vâng lời, mang cây đàn ra ngồi ở trước bức bình phong bằng the căng trong khung gỗ, mà vẫn lại các dây rời gảy.

Câu 1853, 1854 = Bón dây đàn bật ra những tiếng như khóc như than, rầu rĩ thâm, khiến cho Thúc Sinh ngồi trên bàn tiệc đang vui thế mà cũng phải tan nát lòng vì đau thương.

Câu 1855, 1856 = Rõ thật là vẫn một tiếng dây tơ gỗ đồng ấy, mà để một người (Hoạn Thư) thì lòng vui ngoài miệng tùm tùm cười nụ, một người (Thúc Sinh) thì mặt buồn thiu, trong lòng tê tái khóc thầm.

Câu 1857, 1858 = Thúc Sinh cảm thương quá, không thể cảm được nước mắt, cứ phải cúi đầu xuống mà gạt ngấm những giọt lệ hãm không được, đầm đìa tuôn ra như hạt sương bám ở mí mắt.

Câu 1859, 1860 = Tiểu thư muốn bắt Thúc Sinh thương Kiều mà không dám khóc, vừa cho cànghỏ lòng hơn, mới quát Kiều rằng: Trong tiệc vui sao lại dám gảy khúc ‘Đoạn Trường’ ấy làm gì vậy?

Câu 1861, 1862 = Sao mà ngu thế! Chẳng biết ý tứ gì cả, để làm cho chàng phải buồn bã như thế là tội mày đó.

Câu 1863, 1864 = Thúc Sinh đã thương Kiều quá rồi, thấy Hoạn Thư kết tội dọa Kiều, chàng lại càng thảm thiết lo thương bội phần, bèn vội vàng gượng nói gượng cười làm ra vui vẻ cho quachuyện để Kiều khỏi bị tội trách.

Câu 1865, 1866 = Bây giờ đêm đã khuya, trống canh ba đã điểm, Hoạn Thư nhìn vẻ mặt khổ não của đôi Thúc-Kiều, lòng dạ có vẻ hả hê đầy đủ rồi.

Câu 1867, 1868 = Trong bụng nàng rất hí hửng, mừng thầm là đã báo thù Thúc và Kiều được một cách thật đích đáng thỏa mãn: cái vui buổi hôm nay thật đã bỏ với cái buồn trong suốt một năm trời nay!

Câu 1869, 1870 = Về phần Thúc Sinh thì thật khô héo ruột gan, tức giận đầy lòng, càng nghĩ đến nông nỗi mình và nông nỗi Kiều, lại càng cay đắng căm thù, mà đành phải chịu.

Câu 1871, 1872 = Thế là Thúc, Kiều lìa rẽ nhau một cách thâm – chàng thì phải ôm hận vào chung gối trong phòng với ác phụ, nàng thì phải ra ngồi lẻ loi với bóng ở trước ngọn đèn gióng suốt đêm dài.

Câu 1873, 1874 = Kiều nghĩ: Bây giờ mình mới biết tấm hơi sự tình là thế! Gớm cho máu ghen của mẹ này sao mà thâm độc lạ lùng đến thế?

Câu 1875, 1876 = Mưu kế chia rẽ vợ chồng người ta được đến thế là cùng! Thật rõ ràng người nào ra đường người ấy, chẳng ai còn đoái hoài được ai nữa.

Câu 1877, 1878 = Bây giờ hai người cao thấp cách biệt nhau xa quá – chàng thì như ở trên đỉnh trời, ta thì ở dưới đáy vực. Ta với chàng thế là bên khinh bên trọng, thật là hết điều giao thiệp với nhau. Ta với mưu thế là thân con đòi với bà chủ, không ai có lời chê trách được mưu là ghen tuông cả lẽ gì nữa.

Câu 1879, 1880 = Ôi! Ở trong cảnh thân phận và tính mạng rẻ như bèo, nhẹ như bấc, mà tâm hồn lúc nào cũng đầy những nỗi cực nhục lo sợ nặng như đá như chì này, chẳng biết có bao giờ ta gỡ cho thoát ra khỏi được không? Mà dù cho có gỡ ra khỏi được nữa, thì cũng đã già đời hết duyên rồi còn mong gì nữa!

Câu 1881, 1882 = Cái thân gái thuyền duyên của ta đã lỡ làng đến mực này, chẳng biết có toàn được ở nơi bề sâu sóng cả này không?

Câu 1883, 1884 = Nàng ngồi thức một mình, nghĩ âm ỉ mãi suốt đêm, lúc nào cũng tràn trụa nước mắt mà ngắm đĩa dầu đèn cạn dần dần.

Câu 1885, 1886 = Từ đó, lúc khuya lúc sớm, lúc vắng người, lúc nào nàng cũng khóc ngấm, nước mắt ứa đầy hai vành mắt như hai bể lệ sầu. Tiểu thư thấy mặt nàng khóc như vậy, sợ nàng khóc để cầu cứu với Thúc Sinh, mới tra hỏi cho rõ có làm sao mà khóc.

Câu 1887, 1888 = Nàng mới lựa lời mà thưa qua cho xong lần rằng : Tôi khóc là vì tôi bỗng thương xót cho nông nỗi thân phận tôi.

Câu 1889, 1890 = Hoạn Thư muốn bắt Thúc Sinh phải đánh Kiều mới ngoảnh lại hỏi chàng có biết có nào mà Kiều khóc không và nhờ tra khảo. Thúc Sinh muốn nói thật những có mình biết ra nhưng không tiện.

Câu 1891, 1892 = Trước cảnh thê thảm này, ruột Thúc Sinh đã bị đau rát như bị lưỡi bào nạo, muốn nói ra lời van xin hộ Kiều thì không thuận tiện, sợ Hoạn Thư càng giận thêm, mà trông vào cảnh khốn cực của Kiều thì không sao đành lòng không nói được.

Câu 1893, 1894 = Và chàng cũng không nỡ để Hoạn Thư xử tàn tệ với Kiều quá, nên chàng đành liềm nhận lời Hoạn Thư, nhưng chỉ ôn tồn lựa lời vừa sẽ hỏi, vừa sẽ dọa cho xong việc.

Câu 1895, 1896 = Kiều mới cúi đầu quỳ xuống trước sân lát gạch hoa, mà viết ngay một tờ cung khai kể rõ thân thế lưu lạc, tình cảnh cơ cực, và tỏ ý muốn xin đi tu cho thoát ly cõi tục.

Câu 1897 đến 1900 = Viết xong nàng đưa lên trình ngay trước mặt Tiểu thư. Thoạt nhìn tờ nàng viết, thấy chữ tốt văn hay, tình ý thâm thiết, Hoạn Thư bỗng ngẩn ngơ, có tình thương nể, mới đưa cho Thúc Sinh xem và nói:

Câu 1901, 1902 = Người này tài thật đáng trọng, và tình thật đáng thương, ví mà có số giàu sang ra, thì thật được người ta đúc nhà vàng cho ở cũng xứng đáng.

Câu 1903, 1904 = Nhưng tiếc thay số xấu quá, thành ra con người thuyền duyên này phải chìm nổi trong bể đời bụi đục. Thật là đáng thương cho kiếp hữu tài mà vô duyên như thế!

Câu 1905, 1906 = Thấy Hoạn Thư đã có ý thương nể Kiều, Thúc Sinh mới dám thưa cơ khuyên nhủ vợ rằng: Thật đúng như lời hiền thê nói. Nhiều kẻ hồng nhan bạc mệnh như vậy, chứ nào có một ai đâu!

Câu 1907, 1908 = Số kiếp những khách hồng nhan xưa nay vẫn thường thế. Vậy tôi dám khuyên hiền thê nên đem lòng từ bi mà đối đãi với nàng, liệu bớt tay cho vừa vừa phải đạo đi!

Câu 1909, 1910 = Thấy chồng đã có ý liều dấm tỏ ý bênh vực Kiều lại thấy chàng đem đạo từ bi phải chãng ra khuyên nhủ, Hoạn Thư liền nghĩ được một cách giam lỏng Kiều vào chùa để chia rẽ hai bên tình nhân một cách rất êm đềm chắc chắn và rõ đúng đắn theo lời chàng khuyên bảo, mới vui vẻ nói với chàng rằng: Chàng dạy phải lắm! Xem ý trong tờ này thì nàng muốn đem thân phận bạc mệnh của nàng đi nhờ cửa Phật cho sạch hết trần duyên.

Câu 1911, 1912 = Thôi thì tôi cũng chiều lòng cô ta cho cô ta đi tu, để cô ta được ra khỏi vòng trần lụy.

Câu 1913, 1914 = Nhà ta đã có sẵn gác Quan Âm, vườn ở đây có đủ cảnh nhà Phật: nào là cây trăm thước (cây cao tượng trưng cây bồ đề chỗ Phật Thích Ca ngồi mặc niệm thành đạo), nào là hoa bốn mùa (cây mùa nào cũng có hoa, tượng trưng tòa sen).

Câu 1915, 1916 = Lại có cây cối mát mẻ, có hoa thơm đẹp và núi non bộ, hồ thả sen. Ta cho nàng ra tu ở đó, giữ đèn hương thờ Phật và chếp kinh cầu phúc.

Câu 1917, 1918 = Sáng hôm sau, trời mới tằng tằng bình minh, Tiểu thư đã sai người sắm sanh sắp sửa đủ các thứ hương hoa ngũ quả cúng lễ thường ở Quan Âm Các.

Câu 1919 đến 1922 = Rồi đưa nàng ra trước bàn thờ Phật, làm đủ các lễ Tam Quy, Ngũ Giới cho nàng bỏ nhà ra tu ở đó; thay bỏ bộ áo xanh mà mặc bộ áo cà sa, và theo lệ nhà Phật đặt pháp danh nàng là Trạc Tuyên.

Câu 1923, 1924 = Tiểu thư lại sai cấp đủ số dầu đèn đốt thờ sớm khuya, và cắt hai gái Xuân Hoa và Thu Nguyệt ở luôn đó hầu hạ giúp nàng mọi việc thờ Phật như đốt hương pha trà.

Câu 1925, 1926 = Từ khi nàng ra ở riêng biệt nơi vườn này, thật là ở gần cõi Phật, ở xa cõi trần.

Câu 1927, 1928 = Lòng nàng thoảng không, chẳng còn mong gì về đường nhân duyên nữa, chỉ còn chút mừng là may được khỏi thẹn với tấm hồng nhan của mình.

Câu 1929, 1930 = Trước bàn thờ Phật vùi lấp được mọi nỗi thảm sầu, ban ngày thì chếp kinh làm bạn với pho thủ tự, ban đêm thì đốt hương niệm Phật, coi cái nồi hương như bạn tâm tình.

Câu 1931, 1932 = Thế mới biết phép Phật làm nguội lạnh được mọi nỗi lòng trần, y như lời người ta nói nước càn dương rẩy tắt được lửa lòng phiền não.

Câu 1933, 1934 = Từ khi nàng ăn mặc nâu sòng ra đây tu đến giờ đã được ra sân ngắm trăng thu tròn sáng đứng đỉnh đầu vài phen rồi.

Câu 1935, 1936 = Vì sự canh phòng nghiêm ngặt cẩn mật quá của hai con Xuân và Thu, trước mặt chúng nó, nàng vẫn nói năng như thường, nhưng mà khi vắng người, nàng thương thân không thể nào nhịn rơi lệ khóc thầm được.

Câu 1937, 1938 = Tuy gác kinh và viện sách đôi nơi cách nhau rất gần, chỉ trong gang tấc, mà hóa ra còn xa gấp muôn lần núi nọ ải kia.

### **Những câu hay chữ có ý móc nối hoặc khen chê**

- Đoạn Truyện Kiều này có nhiều câu ứng nghiệm với mấy câu đoạn trên. Những câu ứng nghiệm với hai câu 1795 và 1796 thầy Đồng nói: [*Sen tàn cúc lại nở hoa / Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân*] ứng nghiệm với câu 1696 [*Một năm nữa mới thăm dò được tin*] (hết mùa sen (hạ) qua mùa cúc (thu), lại hết mùa đông qua mùa xuân, đủ bốn mùa đúng được một năm).

- Những câu tả cảnh Thúc Sinh được Kiều rót rượu phải quỳ tận mặt mời tận tay, lòng Sinh thương vô cùng mà sợ vợ quá, không hề dám nhìn, phải: [*Ngoảnh đi chợt nói chợt cười*].
- Những câu tả Kiều phải ra chào lạy Thúc Sinh thì: [*Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều*].
- Khi được Thúc Sinh liếc thân sẽ liệu đường hỏi tra, thì đành: [*Cúi đầu quỳ trước sân hoa*] mà viết tờ cung chiêu rồi lại: [*Diện tiền trình với Tiểu thư*], chứ không dám nhìn mặt Thúc Sinh.
- Hai từ ngữ “ngoảnh mặt” và “cúi đầu” rõ ứng nghiệm với câu thầy Đồng nói: [*Hai bên giáp mặt chìn chìn / Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay*].
- Đều ứng nghiệm với những câu Hoạn Thư kể mưu sâu cho mẹ nghe: [*Làm cho cho mệt cho mê*], [*Làm cho đau đớn ê chề cho coi*], [*Làm cho bõ ghét những người*] là những câu : [*Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi*], [*Bắt khoan bắt nhặt đến lời*], [*Bắt quỳ tận mặt, bắt mời tận tay*], [*Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn*], [*Giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi*], [*Chén mời phải ngậm bõhòn ráo ngay*], [*Giọt châu lã chã khôn cầm*], [*Cúi đầu chàng những gạt ngậm giọt sương*].
- Đọc suốt đoạn này, chúng ta nhận thấy Hoạn Thư tuy dùng những ngón đòn ngầm thâm độc làm chồng đau đớn đủ phần, mà bề ngoài nàng vẫn rất mực lễ độ với chồng, thật đúng với hai câu tác giả Truyện Kiều giới thiệu nàng: [*Ở ăn thì nét cũng hay / Đến điều gièm buộc thì tay cũng giã*] và cũng đúng với câu Kiều phê bình nàng: [*Bề ngoài thơn thớt nói cười / Mà trong nham hiểm giết người không dao*].
- Hai câu lục-bát [*Nhà hương cao cuốn bức là / Buồng trong truyện gọi nàng ra lạy mừng*] mở đầu cho cuộc phân ly tuyệt đối, và cho cuộc đòn ngầm độc ác, đánh cho cả đôi Kiều và Thúc cũng bị đau đớn tái tê, mà không dám thở than nửa lời. Ác phụ đã khéo đặt chồng lên ngôi ông chủ cao quý đường bệ, và hạ tình địch xuống địa vị quá hèn hạ, để lấy quăng không gian ngăn ngừa từ chỗ ông chủ ngôi đến chỗ sân con ở lạy, làm bức hàng rào cao kín rẽ thúy chia loan. Cái bức thành hư vô mà rất độc ác, nó làm cho chàng càng thấy mình cao quý bao nhiêu, lại càng thấy nàng hèn kém bấy nhiêu và lòng chàng càng khổ ngầm bấy nhiêu; và nàng càng thấy ác phụ tôn trọng chàng bao nhiêu lại càng thấy lòng mình khốn cực bề bàng bấy nhiêu.
- Ác phụ đã lấy địa vị mà gièm được miệng chồng, buộc được tay chồng rồi, mục mới tha hồ ra tay giở những ngón đòn “đánh khóe cho đau lòng lừa” để “lừa” trông thấy nhõn tiền mà đành ngồi chịu đau đớn gạt thắm nước mắt.
- Suốt đoạn Truyện Kiều này, tác giả đặt lời Hoạn Thư luôn luôn gọi Thúc Sinh là “chàng” ở trước mặt Kiều, để tỏ ác phụ có thâm ý khêu lại mối thâm tình giữa Kiều và Thúc, cho hai bên nghe càng thêm nhớ tiếc, thêm đau khổ. Khi mục thét [*Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn*] hoặc [*Để chàng buồn bã tội thì tại người*], thật rõ ràng là ác phụ có ý cho Kiều biết rằng chồng là chồng chung thật đấy, nhưng mà “chưa dễ ai chiều cho ai” đâu! Mi chớ có hòng. ■

(Còn tiếp)

*Dàm Duy Tạo*

## Canh Gà Thọ Xương

Nguyễn Văn Ưu

### 1. Một cụm từ hai bài thơ

**H**ai câu thơ:

*Gió đưa cành trúc la đà,  
Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương*

thường được xem như đạt đến chỗ thanh thoát, trác tuyệt, ít lảm trên phương diện gọi hình gọi cảnh, bởi khi nghe qua một lần thì ít có thể quên. Hai câu này thường xem như có xuất xứ từ ca dao (xem Wikipedia), và ghi lại trong quyển *Mười Ngày ở Huế* [1] của Phạm Quỳnh (1892-1945). Hai câu kế tiếp, rất có khả năng, được thêm vào 2 câu trên mãi về sau này, làm thành một bài thơ 4 câu:

*Gió đưa cành trúc la đà,  
Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương  
Thuyền về xuôi mái sông Hương,  
Có nghe tâm sự đôi đường đấng cay*

Một bài thơ khác, cũng gồm 4 câu, có hai câu đầu rất giống 2 câu ca dao trên:

*Gió đưa cành trúc la đà  
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương  
Mịt mù khói tỏa ngàn sương  
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.*

ngày nay được tìm ra, có tựa là *Cảnh Đẹp Tây Hồ*, nằm trong cuốn *Vân Trì Thi Thảo* của Dương Khuê (1839-1902) (xem Wikipedia).

Từ chỗ giống nhau giữa hai câu đầu của hai bài thơ khác nhau, có thể thấy học thuật về thi văn hoặc Việt ngữ rất dễ xoay quanh vấn đề “ấn bản” nào có trước và ấn bản nào có sau, và theo đó sẽ mang khuynh hướng đặt chú tâm vào không gian miêu tả trong bài thơ, và lướt qua tính thời gian. Như sẽ thấy, thời gian miêu tả trong bài thơ thật sự khác xa nhau, một về buổi chiều tối, một về lúc trời vừa rạng đông. Cả hai bản thường được phân tích qua nghĩa bề mặt, tránh khỏi cụm từ *canh gà Thọ Xương*, một cụm từ “chủ lực” nói lên chuyện giải bày tâm sự của tác giả, được giữ nguyên, tuy rằng bản Thiên Mục có minh xác chuyện “tâm sự” trong hai câu sau:

*Thuyền về xuôi mái sông Hương,  
Có nghe tâm sự đôi đường đấng cay*



Thử phân tích lại hai câu này qua kiểu đào sâu vào ý nghĩa đằng sau của ngữ nghĩa bên ngoài, ứng với từ vựng chọn ra làm nên câu thơ, quan trọng nhất là cụm từ *canh gà Thọ Xương*, cũng như tìm cách đối chiếu với các ngữ từ hay cụm từ trong cả hai câu. Trước hết, cần đề ý là ý nghĩa bề mặt của hai bản, bản Trần Vũ (TV) và bản Thiên Mục (TM), xem như rất giống nhau, nhưng trong câu thứ hai chỉ có thay đổi giữa *Trần Vũ* và *Thiên Mục*, còn cụm từ mấu chốt *canh gà Thọ Xương*, mặc dù mang tính chất hay hay của tiếng Nôm, nhưng hơi lạ lẫm ở chỗ ngữ từ và ngữ pháp có vẻ không được chuẩn, và có thể khó hiểu dưới dạng quốc ngữ, lại được giữ nguyên trong cả hai bản. Chính ở chỗ này, cụm từ *canh gà Thọ Xương* trở nên tối quan trọng, xác nhận các tác giả bài thơ (hay ca dao) phải là những nhà Nho tinh thông Hán học và những kiểu chơi chữ, thường dính dáng với thành ngữ điển tích, đầy dẫy trong các sách vở thi văn cổ điển. Ngoài ra, cũng rất có khả năng, việc chuyển ngữ từ bài thơ viết bằng chữ Nôm sang chữ quốc ngữ, như bản Trần Vũ, hay lối lí giải dựa đa phần vào chữ quốc ngữ, không thể phản ánh trung thực được ngữ âm của hồn ngữ mà tác giả đã gói ghém qua ngữ âm của chữ Nôm. Và rất có thể, ý tưởng đằng sau, hoặc lối chọn ra cụm từ *canh gà Thọ Xương* là nạn nhân chính của việc chuyển ngữ từ Nôm sang tiếng Việt dùng mẫu tự La-Tinh.

Trong kho tàng thành ngữ điển tích của Nho học, có sự tích tóm tắt bằng chữ *canh tường* (羹牆 [geng qiang]), với *canh* và *tường* mang âm và nghĩa y như trong tiếng Nôm, *canh* là món ăn (như *canh chua cá bông lau*, *canh cải bẹ xanh*, *canh mồng tơi*) và *tường* là vách tường hay bức tường. Sự tích *canh tường* nói về hai vị minh quân thời huyền sử là *Nghiêu* và *Thuấn*. *Đế Nghiêu* (帝尧 [di ngiaou] đọc theo tiếng Hẹ, tức Hakka) là cha vợ của *Đế Thuấn* (帝舜 [di t'uan] Hakka). Đề ý kiểu nói là *Đế Nghiêu* (Vua Nghiêu), theo thứ tự cú pháp tiếng Việt, chứ không phải *Nghiêu Đế*. Ông vua *Nghiêu*, với phát âm tiếng Hakka (Hẹ) là [Ngiaou] rất giống âm Việt *Nghiêu*, trong khi âm tiếng phổ thông là [yao], nhường ngôi vua cho *Thuấn* rồi mất. Vua *Thuấn* sau đó thường tưởng nhớ đến vua *Nghiêu* và đêm đêm khi nhìn thấy ảnh khuôn mặt mình trong đáy bát *canh* cũng như nhâm bóng mình trên *tường*, mà ngỡ là vua *Nghiêu*, nên từ đó có tích *canh tường* để chỉ người sau tưởng nhớ đến những bậc tiên hiền hay tiên bối, nhất là những vị tiên đế. Chính vua Trần Nhân Tông cũng có một bài thơ dùng tích *canh tường* này, thuật lại chuyện ông thấy tiên vương đời trước [2].

Nếu tạm chấp nhận *canh gà Thọ Xương* là biểu tượng trong ngữ âm, ngữ từ và ngữ nghĩa cho *canh tường*, mặc dù *canh* (羹) trong *canh tường* khác với *canh* (更) trong *canh gà*, thì có thể thấy rõ là bản *Trần Vũ* (TV) với chữ *trắng tà*, tức trắng tàn, trong câu trước cho thấy thời gian miêu tả là lúc hừng 7777 sáng, tức không có chuyện đốt đèn và không có bóng người trên tường, và có lẽ cũng không có bát *canh* để thấy khuôn mặt ở đáy bát. Và như vậy *canh gà Thọ Xương* trong bản TV có thể không liên hệ trực tiếp đến *canh tường*, một từ biểu tượng cho cảm xúc nhớ tưởng đến người xưa, tiên đế hoặc triều đại xưa cũ, hoặc nếu có, bản TV dùng nguyên *canh gà Thọ Xương* như một thành ngữ như chữ *canh tường* mà không mang tính thời gian là ban đêm được diễn tả trong điển tích nguyên thủy. Hai câu tiếp theo của bản Trần Vũ: *Mặt mù khói tỏa ngàn sương // Dịp chày An Thái mặt gương Tây Hồ*, với chữ *Dịp chày* tức *nhịp chày* xác nhận thời gian ứng với bản TV phải là ban ngày, hoặc vào lúc tờ mờ sáng, mới có *dịp chày*. Cần đề ý là tự điển Alexandre de Rhodes (ADR) [3] không có ghi chữ *nhịp*, nhưng có ghi *dịp*, mang nghĩa *vỗ tay theo tiếng hát*, với rập vần giống với chữ *dip* (không dấu nặng) trong tự điển tiếng Mường [4], và tự điển Taberd [5] là tự điển có lẽ đầu tiên đổi *dịp* thành *nhịp*, giống theo kiểu biến chuyển âm Hán [ya] 牙 thành [nya] (nha), tức *răng như nha sỹ*; hay như âm [yan] 忍 (Quảng Đông) ứng với [nyễn] (nhễn, nhễn nhện), với 忍 [nhẫn], ứng với [nhận] tiếng Tây-Nùng [6], có phát âm trong tiếng Ngô (Thượng Hải/Tô Châu) là [gnin] hay [nyin] [7], rất giống *nhện*. Cũng rất giống biến chuyển giữa âm Quảng [yit] (bắt đầu bằng [y]) cho chữ 热 [re] âm Bắc Kinh, và âm tiếng Việt là *nhật* tức [ny- iệt]. Cũng cần đề ý là nhiều chữ Nôm viết cho ngữ âm [dip], như 蹠 (Huỳnh Tịnh Của) hay 喋 (Taberd),



trong *dịp chày*, lại tương ứng với chữ *điệp* viết với chữ 𠂔 theo biến chuyển [d] và [đ] giữa tiếng Việt và Mường: đăm hói / đạm hói; đăm mua / đạm mua; đản / đản; đản đò / đản dò; và từ nguyên của *dịp* hay *nhịp* do đó có thể nối với các chữ như 喋 hay 迭 hoặc 疊 mang cùng phát âm pinyin là [dié] (giống như hay tương ứng với *điệp*) mang nghĩa đại khái *lập đi lập lại* (nhịp), hoặc như *điệp* trong *trùng trùng điệp điệp*, *điệp khúc*. Lại cần để ý trong tiếng Việt chữ *nhịp* ua đi với *nhàng* (*nhịp nhàng*) và *nhịp nhàng* có lẽ mang nghĩa ban đầu chỉ bước đi hai chân (*nhịp bước*, *nhịp đi*). Trong tiếng Thai-Nùng (Tày-Nùng) [6], chữ *nhàng* mang nghĩa *bước đi*, và *nhàng tàng* là *đi đường*. *Nhịp* hay *dịp* dính với *đi* hay *bước đi* thể hiện trong chữ Nôm 蹠 viết cho *nhịp* trong tự điển Huỳnh Tịnh Của viết với bộ túc (足) tức *đi*, *bước đi*, thay vì bộ khẩu (口) như của Taberd 喋 [điệp], mang nghĩa *ăn nói thao thao*, *lưu loát* (*nhịp nhanh*).

Khác với bản *Trần Vũ* (TV), bản *Thiên Mục* (TM) không có cảnh trăng tà, tức rạng đông, nên rất có khả năng *canh gà Thọ Xương* lại là biểu tượng ngôn ngữ của *canh tường*, gọi lên nhớ tưởng đến tiền nhân và tiên đế, hoặc một tâm sự hoài cổ, với tích *canh tường* nằm trong khoảng thời gian chiều tối. Hai câu sau của bản TM: *Thuyền về xuôi mái sông Hương // Có nghe tâm sự đôi đường đặng cay*, thật ra cũng không dính kết chặt chẽ đến bối cảnh thời gian, nhưng nói rõ ý chính bài thơ là *giải bày tâm sự*. Nếu muốn truy tầm thêm về khoảng thời gian ứng với hai bản TV và TM, bắt buộc phải để ý đến chữ *canh gà*. Chữ này có thể được xem như chữ Nôm, và nói theo kiểu nôm na là phát âm *canh* như trong *canh gà* hay *canh tường*, thì không một người Hoa nào có thể hiểu chữ này có thể biểu tượng bằng chữ Hán,

như hai từ *canh tường* viết bằng 羹牆, tức [gang-coeng] đọc theo tiếng Quảng, hoặc [gang siong] theo Hẹ. Nhưng hai chữ *canh tường*, dù Nôm hay Hán Nôm hoặc quốc ngữ, thật ra có dính líu sâu đậm đến chữ Hán, và trong tiếng Hán rỗng, có chữ *canh* (更) mang ngữ âm giống với *canh* (羹) trong *canh tường*, và chữ *canh* (更) này, dùng trong *canh gà*, thường dùng để chỉ 5 khoảng thời gian vào ban đêm, lúc mặt trời đã khuất bóng, mỗi khoảng thời gian, *canh* (更 [geng]), kéo dài chừng hai giờ đồng hồ. Canh 1, thường cũng gọi là *canh giáp*, bắt đầu khoảng 7 giờ tối, kéo đến chừng 9 giờ đêm, và canh 5 (*canh mậu*, với *mậu* (戊) đọc tiếng phổ thông với âm [wu] 戊 cũng là âm chỉ số 5 [wu] 五), kết thúc vào khoảng 5 giờ sáng, theo giờ giấc dùng ngày nay.

Thì giờ cả ngày lại tính theo *mười hai địa chi*, tức 12 con giáp. Tiếng Hán gọi đó là *Shi-Ke*, *thời khắc* (時刻), chú trọng đến 12 thời tức 12 giờ trong ngày, mỗi *thời* (時 [shi]), tức *giờ*, kéo dài 2 tiếng đồng hồ. Chữ *khắc* (刻) lại khác. Hồi xưa *khắc* có nghĩa 1 phần trăm của một ngày (kể cả đêm), và ngày nay mang nghĩa 15 phút [2]. Một ngày có 12 *thời khắc*, bắt đầu bằng *giờ Tý* chạy từ 11 giờ đêm tới 1 giờ sáng, tiếp theo là *giờ Sửu* (1-3), *Dần*, *Mão*, *Thìn*, *Tỵ*, *Ngọ*, *Mùi*, *Thân*, *Dậu*, *Tuất*, *Hợi*. Và *giờ Dậu* (*Dậu* ứng với con gà) bắt đầu khoảng 5 giờ chiều, kéo đến 7 giờ tối. Để ý chữ *giờ* (hour) trong tiếng Việt có thể mang tính biểu tượng “vay mượn” về ngữ ý từ chữ 銖 [zhu], có âm tiếng Quảng, Tiều là [zu], [zyu], hoặc [zoek] (*giác*), và tiếng Mân là [tioh], tất cả đều rất gần với [giờ] âm quốc ngữ, và từ 銖 [zhu] này mang nghĩa tổng quát là một đơn vị đo lường, với một nghĩa xưa, gọi theo Hán-Việt là *thù* (銖 [zhu]), có nghĩa 1/24 (1 phần 24) của *một lượng* (*lượng*), giống như *một giờ* là khoảng thời gian bằng 1/24 của ngày. Chữ 銖 [zhu] này còn mang một nghĩa hiện đại là đồng *Baht* của Thái Lan (泰銖 [taai zyu] Quảng) [13], và kiểm chứng bằng hỏi đỏi từ internet sẽ cho biết 100 Baht của Thái Lan sẽ ăn chừng 24 đồng đô-la Hongkong. Cũng cùng con số 24 như 24 giờ trong một ngày. Đây là kiểm chứng từ nguyên của chữ *giờ* theo lối *ăn khớp*, rất khác với lô-gích hay thống kê thường xử dụng trong mô-pháp thông thường của khoa học. Chữ *giờ* tiếng Việt cũng ghi trong từ điển của Alexandre de Rhodes [3] nhưng được ghi như *giờ*, tức *thời* hay *thì* (時 [shi]), theo kiểu tiếng Hán, một *thì* bằng 2 tiếng đồng hồ, có tên theo 12 địa chi. Tự điển Taberd [5] và các tự điển về sau, ghi chữ Nôm cho *giờ* là 𠂔 gồm chữ *nhật* (日) và chữ *du* (余 [yu]), cho âm, đại khái với ý là *giờ* liên hệ mật thiết đến vị trí của mặt trời. Chữ *giác* trong *giờ giấc* cũng có thể liên hệ đến mặt trời qua âm gần *giác* là *gióc* (角), qua vài lớp biểu tượng, âm và nghĩa, trong đó có nghĩa *hướng Đông*, hướng mặt trời mọc. Đối với ngôn ngữ hạ

tầng Mon-Khmer [8], chữ *giờ* có thể cùng gốc với các âm như [juh] (Bahnar) mang nghĩa *thời gian* hay [jɔə] (*jo*), tiếng Bahnar, hoặc [diö] tiếng Sre, mang nghĩa là *giờ*. Để ý ở đây không thể nói từ *giờ* là từ vay mượn ở tiếng nào hoặc các ngữ âm như [jɔə] hay [diö] là vay mượn từ chữ *giờ*, bởi khi nói đến từ *vay mượn* mà không có thêm chi tiết về cấu trúc hoặc thời gian, tức *có trước* và *có sau*, thì chữ *vay mượn* thường chỉ dựa vào *giả dụ* là phát triển văn minh qua ngôn ngữ định đoạt luôn phân biệt từ gốc và từ vay mượn. Giả dụ này sẽ không giúp đỡ gì cho truy tầm từ nguyên, khi từ gốc có thể lại là một từ vay mượn từ một ngôn ngữ khác nào đó, ở gần hoặc đã thịnh hành trong một thời gian trước. Cũng như không giải quyết được thắc mắc là những từ thuộc loại thiết yếu cho đời sống có thể có trước khi cộng đồng tiến đến hình thái quốc gia và dân tộc.

Chữ *tiếng* trong *Tiếng chuông Trấn Vũ* (hay *Thiên Mục*) có thể xem như đồng âm khác nghĩa với *tiếng* trong *2 tiếng đồng hồ*, tức 2 giờ đồng hồ. *Tiếng* trong *1 tiếng, 2 tiếng (đồng hồ)* mang nghĩa chính là *giờ*, liên hệ đến phát âm Phúc Kiến [tsieng] cho từ Hán 钟 (鐘) [zhong], mang nghĩa *giờ* (五點鐘 [wu dian zhong]= 5 giờ (5 o'clock)). Chữ 钟 [zhong] này cũng mang nghĩa *đồng* trong *đồng hồ*, với âm [đồng] giống như 钟 [tson] theo tiếng Ngô Việt (Chiết Giang), tức [zhong] quan thoại. Âm [đồng] 钟 hay [zhong] này cũng tương ứng với âm Hán-Việt là [chung] gần với âm Hakka [zung], và [chung] cũng mang nghĩa Nôm là *chuông*, *điểm chuông*, *tiếng chuông*. Trong khi *hồ* trong *đồng hồ* là chữ 壶 [hu] trong 漏壶 [lou hu] (lậu hồ), tức *đồng hồ* tính giờ bằng cách đo nước rỉ ra (漏) khỏi bình chứa (壶). *Tiếng* trong *tiếng chuông Trấn Vũ* cũng giống như *tiếng trống sang canh*, tên của một tuồng cải lương xưa, mang nghĩa chính là âm thanh, và hai về *tiếng chuông Trấn Vũ* và *canh gà Thọ Xương* có thể xem như ứng đối với nhau. Chữ *tiếng* này và chữ *thanh* có thể viết bằng cùng một từ 声 [sheng] ứng với [shen] tiếng Ngô, *thanh* tiếng Hán-Việt, gần [sang] tiếng Hẹ, có âm tiếng Tiều [sian] rất gần với *tiếng* trong tiếng Nôm, sau khi chuyển sang quốc ngữ. *Tiếng* này cũng chính là *tiếng* trong *tiếng nói*, hoặc *tiếng* trong *danh tiếng* (fame), tức *thanh danh*. Với *tiếng chuông Thiên Mục* đối với *canh gà Thọ Xương*, *chuông* và *gà* sẽ mang nghĩa vật phát ra âm thanh cảnh báo giờ giấc (*tiếng* và *canh*). Chữ *gà* trong *canh gà* trong bản TV do đó chỉ *gà gáy* vào buổi sáng (khoảng 5 giờ sáng), ăn khớp với lúc *trăng tà*, trong khi *gà* trong bản TM phải tương đương với *giờ Dậu* (5 giờ - 7 giờ chiều), và mặc dù người ta ít khi nói tới *canh Dậu*, bởi *canh một* chỉ bắt đầu vào khoảng 7 giờ tối, với *đêm* có tất cả là 5 canh. Giờ Dậu (5-7 giờ tối) khác với *canh một* (7-9 giờ tối). Như vậy lối dùng chữ *canh gà* để chỉ buổi hoàng hôn qua hỗn hợp Hán-Nôm phải có một dụng ý khác, rất thường thấy đối với những nhà Nho khi xử dụng hay sáng tác thi văn.

Dụng ý này, nói theo lối *ăn khớp*, nằm trong một cấu trúc chung về thi văn thời xa xưa, bao gồm nhiều hình thái thường xuyên thấy trong thi văn Hán cũng như Nôm. Về chữ nghĩa, thi văn ưa xử dụng từ ngữ y như các lối sáng tác Hán tự, như *tượng hình*, *hình thanh*, *hội ý*, *giả tá* và *chuyển chú*. Về ý tưởng, rất nhiều sáng tác ưa nhắc lại tâm tình hoài cổ, tiếc nuối một cái gì đã qua mà không còn thấy nữa, dính liền với lòng trung quân, tôn thờ chúa cũ theo sát với đạo Khổng. Quan trọng hơn nữa là các nhà Nho lúc sáng tác thi văn hình như bắt buộc, hay có thói quen, phải tung ra hết, hoặc càng nhiều càng tốt, những gì họ biết được trong sở học của họ, thường là thành ngữ điển tích (Xem *Bình Ngô Đại Cáo* hay *Truyện Kiều*). Có vẻ như tất cả các chất tính này đều thể hiện trong bài thơ dùng cụm từ *canh gà Thọ Xương* ở đây. Trong bản TM, địa danh *Thọ Xương* (寿昌 [shouchang]) có thể thay bằng tên khác là *Thọ Khương* (寿康 [shoukang]) mang ý cũng gần giống như *Thọ Xương*, tức *hưởng thọ* và *phú quý lâu dài*. Nhưng các tác giả lại thích chọn *Thọ Xương* để nhân mạnh tính cách *đau nhói*, *đau xót xa* khi nhớ đến tiền nhân (*canh tường*). Việc tưởng nhớ đến cảnh cũ hay triều đại cũ thường dính đến một nỗi tâm sự khó giải bày như trong hai câu sau của bản TM: *Thuyền về xuôi mái sông Hương // Có nghe tâm sự đôi đường đắng cay*. Tâm sự này có vẻ rất giống như tâm sự của Tố Như (Nguyễn Du): *Bất tri tam*

*bách dư niên hậu // Thiên hạ hà nhân khắp Tố Như* (Ba trăm năm nữa ai người sẽ // Nhỏ lệ buồn cho một Tố Như (Tạ Ký)).

Cũng cần để ý là thi văn, kịch nghệ hay điện ảnh được xếp vào nghệ thuật, trên cơ bản nghệ thuật thường không giống với thực tại. Nhưng khi nghệ thuật gây được cảm xúc mạnh thì nghệ thuật đã tiếp cận khá sâu sắc với thực tại. Biến chuyển giữa *canh tường*, cũng như *canh gà Thọ Khuông*, với cụm từ được chọn là *canh gà Thọ Xương* nằm ngay ở chỗ gây thêm cảm xúc mạnh trên chữ *canh tường*. *Canh gà Thọ Xương* có thể hiểu theo hồn ngữ thời chưa có chữ quốc ngữ viết theo a-b-c, mang nghĩa thẳng và bình dân là *bị hóc xương vì canh gà*. Hóc xương gà đau đớn hơn mắc xương cá rất nhiều, và có thể mất mạng, vì ung nhọt sau đó, nếu không lấy xương ra được, theo với tình trạng thuốc men thời xưa.

Âm chữ *thọ* trong *Thọ Xương* tương ứng với âm [thụ] 受, mang nghĩa *bị, mắc, được*, phát âm [shòu] theo tiếng Phổ Thông, y hệt như chữ *thọ* (寿 [shòu]) trong *Thọ Xương* (寿昌 [shouchang]). *Thọ* giống *thụ*, trong tiếng nói, và *thụ* mang nghĩa *mắc, bị*, nên *Thọ Xương* có thể mang dụng ý là *mắc xương*, *mắc xương gà* (*canh gà thọ xương*), biểu tượng cho *đau đớn*. Nhớ hai chữ *mắc* và *hóc* (hóc xương) đều có cùng ngữ âm với tiếng Chăm, [muk] và [hauk] [16]. *Mắc* cũng có thể cùng gốc với [myek] tiếng Myanmar. *Mắc* mang nghĩa rộng là *ngộ* (*ngộ nạn*), *lâm* (*lâm nạn*), *mắc phải*, *mắc mưa*, *mắc xương*, trong khi *hóc* có vẻ chỉ tương ứng với *hóc xương*.

Một điểm rất hay nữa là chữ *canh* cũng là âm tương ứng với các chữ 梗 và 鯁 [geng], mang nghĩa *hóc* (xương), và *canh gà* theo âm vận Hán-Nôm có thể hiểu là *hóc xương gà*. Chữ *canh* hay [geng] (梗 và 鯁) này có phát âm Ngô Việt (Chiết Giang/ Thượng Hải) là [kan] và Quảng Đông [gang], giống như các phát âm tương ứng với *canh* trong *canh* (羹) *gà* hay *canh* (更) *một* (7-9 giờ tối). Cả hai chữ *canh* (梗 và 鯁) này có kí âm Hán Việt là *ngạnh*, và âm [ngạnh] này có lẽ ráp vần theo phiên thiết dựa vào quốc ngữ, trên chữ 鯁 [geng], bên trái viết với chữ 魚 [ngư] (giống phát âm Triều Châu [ngu]), tức *cá*, và [ngư] cho ra âm [ng] trong *ngạnh*, và 鯁 [geng] viết với 魚 [ngư], mang nghĩa chính là *bị mắc xương cá*, trong khi nghĩa chính của chữ 梗 [geng] (*canh*) kia là *bị nghẽn* (obstructed, blocked). Hiểu *canh* theo từ 梗 hoặc 鯁 [geng], mang nghĩa *hóc xương*, sẽ thấy *canh gà* rất có khả năng mang nghĩa bóng là *bị hóc xương gà*.

Nếu nhìn chung rằng bài thơ là do sáng tác của một nhà Nho nói về tâm sự của tác giả khi phải ở lại, hoặc ra, làm quan với một triều đình mới, hoặc ở một nơi xa lạ, sẽ thấy chuyện này khá ăn khớp với câu trên của bản TM: *Gió đưa cành trúc la đà*, với cây trúc hay cành trúc biểu tượng cho người quân tử, đứng chịu cảnh gió thổi chiều nào thì xoay theo chiều ấy. Và câu này ăn khớp với câu sau nói lên nỗi đau buốt khi tưởng nhớ đến tiên đế hay triều đại xưa cũ: *Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương*. Như vậy nếu chấp nhận *canh gà Thọ Xương* liên hệ mật thiết với sự tích *canh tường* thì *canh gà Thọ Xương* phải được xem là một lối chọn chữ trác tuyệt, một thứ cải tiến sự tích và thành ngữ *canh tường* thật thú vị, kèm vào cấu trúc ngôn ngữ một trạng từ chỉ sự đau đớn cực độ của chuyện tưởng nhớ đến người xưa cảnh cũ.

## 2. Vững Tàu và Ô Cấp

Tìm hiểu lối xử dụng từ vựng tiếng Việt của quốc ngữ qua bài thơ viết thời còn chữ Nôm, như trình bày ở trên, cho thấy tiếng Việt dùng quốc ngữ có rất nhiều cụm từ hay thành ngữ, ca dao, có ngữ nghĩa sâu xa bên trong, rất khó hiểu, nhất là trong bối cảnh của từ nguyên. Ngoài *canh gà Thọ Xương* còn rất nhiều cụm từ xem ra có vẻ dễ hiểu với ý nghĩa bề mặt, nhưng thật ra nếu muốn tìm ý nghĩa “trộn gói”, bao gồm từ nguyên và thành ngữ điển tích dẫn giải có thể phải đợi đến thế kỉ 21 mới có cơ hội đào sâu



vấn đề, do ở chuyện đủ thứ tin liệu, ở thế kĩ hiện nay, có thể tìm ra trong giây phút. Thí dụ như: *ăn vóc học hay, ăn xôi ở thì, ăn cháo đá bát* hoặc *ăn cháo đá bát, lãng Ông Bà Chiêu, ăn nên làm ra, học ăn học gói học nói học mở, nghèo rớt mòng tơi, tai vách mạch rừng, nôm na là cha mách quế*, v.v.. Kiểu dáng từ vựng dùng trong những cụm từ này có lẽ cần được quan sát bằng một lối nhìn tổng thể và ghi nhận rằng tiếng nước Nam thời chưa có quốc ngữ a-b-c, mang tính hỗn ngữ, hay có ngữ âm nằm dưới dạng của *phi song thể*, tức rất khó đối chiếu *một-với-một* với tiếng Việt quốc ngữ ở cuối thế kỉ 20 sang thế kỉ 21.

Như chữ *Bà Chiêu* trong *Lãng Ông Bà Chiêu*, là một kí âm “chuyển ngữ” sang âm Nôm, rồi quốc ngữ, từ một chữ viết theo Hán tự là 州伯 [zhou bo], tức *Châu Bá* (làm Bá một Châu), mang nghĩa giống như *tổng trấn*, với phát âm bằng tiếng Hẹ là [ziu bak] tức *Bà Chiêu* đọc ngược. Và như thế *Lãng Ông Bà Chiêu* phải hiểu như *Lãng của Ông Bà Chiêu* hay *Lãng Ông Tổng Trấn*. Cũng như cụm từ *ngã ba Chú Ía*, rất có khả năng là một thứ điệp ngữ với *Ngã Ba* mang ý nghĩa giống như *Chú Ía*. Trong Hán tự *ngã ba* có thể viết là 丫巴兒 [yābār] mang âm tương đương với [ngã ba]. (Âm [bar] của chữ viết 巴兒 thật ra có âm như [ba:] của *số ba* (3) trong tiếng Việt.) Chữ 丫 [ya] theo như hình vẽ, biểu tượng cho cây đinh ba, chỉ con lộ hoặc búi tóc, rẽ ra làm hai, mang phát âm [ya] quan thoại (*nha* tiếng Việt), như [ya] 牙 (răng), đọc là [nga] trong hầu hết các tiếng phía Bắc trừ quan thoại ([ya]). Chữ *ngã ba* (丫巴兒 [yābār]) này đồng nghĩa với các từ 丫叉 [ya cha] hay 丫岔 [ya cha], mang phát âm Ngô Việt là [ja tshu] đọc ngược như *Chú Ía*. Tức *ngã ba* đồng nghĩa với *chú ía* và có thể không có ông chú nào tên *Ía* ở khu vực đó cả. Tương tự, tên cũ của *Vũng Tàu* là *Ô Cáp*, và nếu phân tích từng chữ thì *Ô Cáp* hoàn toàn cùng nghĩa với *Vũng Tàu*, và *Ô* (汚 hay 洼, âm [u] hay [o], tiếng Tô Châu và Triều Châu) ở đây mang nghĩa *Vũng nước*, còn *Tàu* (套 hay 頭 [tou]) cũng giống như *Cáp* mang nghĩa đất cong, mũi đất, đầu (đầu tàu= mũi tàu), viết bằng 岬 hay 夾 [jia][giáp] ứng với âm [gəp] tiếng Quảng Đông, rất gần âm [Cáp] quốc ngữ. *Cáp*, trong *Ô Cáp* cũng mang âm và nghĩa giống tiếng Tây *Cap* (Cap St Jacques) nhưng không biết từ nào vay mượn của từ nào.

Lối nhìn tổng thể sẽ giúp nhận diện là những kiểu nói loại *ăn vóc học hay* rất thường là những châm ngôn hay ngôn ngữ ghi lại túi khôn người xưa dặn dò thế hệ nối tiếp về những kiến thức quý báu trong cuộc sống. Từ vựng sử dụng trong các châm ngôn truyền qua tiếng nói đa phần là kiểu hỗn ngữ, có Hán có Nôm, nhưng thường dễ nhận diện, nhưng lại có thể khó hiểu, hoặc hiểu với một nghĩa khác rất bình dân, qua dạng Nôm (na). *Châm ngôn* hay *Ngôn ngữ* mới là tiêu chuẩn chính khi chuyển ngữ các ngữ âm bình dân hay nôm na trong các câu nói này sang qua ý tưởng chính ẩn tàng và gói ghém trong ngôn ngữ. Thí dụ như *ăn cháo đá bát* phải tương ứng với *vong ân bội nghĩa, làm ơn mắc oán* hay *tri ân bất báo*, với chữ *ăn* (trong *ăn cháo*) có âm tương ứng với *ân* (恩 tức *ơn*) và *cháo* 粥 [zhou], mang âm gần với *thụ* hay *thọ* (受 [shou]) trọng *thọ ơn* (*thụ ân*). *Ăn cháo* do đó có thể là âm Nôm đọc ngược của chữ *thọ ơn*. *Ăn cháo đá bát* có thể xem như kiểu chuyển ngữ, hay phiên dịch bằng máy ở thế kỉ 21 từ một câu ngôn ngữ với ý giống như vậy, nhưng chữ với chữ thì lại khác. Như *ăn xôi ở thì*, nếu là một châm ngôn thì ý nghĩa đằng sau phải khác, nhưng không cần khác hẳn, với ý nghĩa thường thấy trong khoảng một hai thế kỉ qua là *sống tạm bợ qua ngày*.

Nếu *ăn xôi ở thì* là *sống vội sống vàng, sống tạm bợ lông bông*, thì chuyện đầu tiên là *ăn* trong *ăn ở*, trong ngữ nghĩa ẩn nấp, không dính dáng trực tiếp đến *ăn* trong *ăn uống*. *Ăn xôi ở thì* đã tách *ăn* ra khỏi *ở*, để cho ra âm vận và tiết điệu hay hay hơn, như kiểu *ăn nên làm ra* tương đương với *làm ăn* (*khám khá*), nhưng thật ra trong ngữ nghĩa, *ăn* và *ở* phải đi với nhau, và nghĩa *ăn ở* phải là *sống* (to live). Nhiều học giả phương Tây nhìn từ *ăn* này trong các thứ tiếng Miến, Mon, Khmer và Việt, với ít nhiều thắc mắc về vai trò cú pháp cũng như ngữ nghĩa khi *ăn* đứng trong cùng một câu có sẵn một động từ khác với ý nghĩa khác với *ăn* (to eat). Trừ một số từ như *ăn mòn* (có thể thấy tương đương trong tiếng

Anh *eat into*, hay tiếng Miên [sa:], hoặc tiếng Hoa 蝕 [sik] đọc theo tiếng Quảng Đông, mang nghĩa *ăn rỉ rả* và *ăn mòn* (corrode)), nhiều từ *ăn*, trong các thứ tiếng như tiếng Mon, thường được xem, theo ngữ học hiện nay, như một trợ động từ, như kiểu *can, must, should* bởi trợ động từ được phép đứng chung với một động từ khác và có nhiệm vụ là trợ giúp, thêm nghĩa cho động từ đó, theo sát với mô pháp của ngữ học. Nhưng lối nhìn ở đây lại khác, và chỉ có thể thực hiện được trong thế kỉ 21 với nhiều tự điển trực tuyến có đầy đủ trên mạng, tỉ như trang mạng SEAlang Library [8]. Có thể tìm thấy trong các thứ tiếng thuộc lớp hạ tầng, tức các lớp ban đầu, của tiếng Việt, như tiếng Mon, Khmer, hoặc các thứ tiếng ngày nay nằm trong, hay gói đầu với, tiếng Myanmar, tiếng Thái, tiếng Quảng Đông, tiếng Phúc Kiến, tiếng Hẹ (Hakka), có những ngữ từ mang nghĩa là *ăn* cộng với nhiều ngữ nghĩa khác. Tức *ăn* cộng với động từ khác, có thể quan sát theo kiểu *cận vị* (nằm gần nhau), tức *collocation*, vào thời xưa, nhất là trong các tiếng hạ tầng. Thí dụ như chữ [sii] hay [ʔaasray] trong tiếng Khmer mang nghĩa *ăn* hay *uống* và *ở*, và nhiều nghĩa khác. Cũng trong tiếng Khmer [sii caay] mang nghĩa *ăn xài* (spend), với [sii] chuyển ngữ thành *ăn* và [caay] rất gần *xài*, giống như *xài tiền* gọi theo tiếng Quảng là [sai cin] 使錢. Đề ý tiếng Việt *xài* vừa mang nghĩa *to spend* (xài tiền, trả tiền) vừa mang nghĩa *to use (up)* (xử dụng, xài hết, tận dụng), y như [jaai] trong tiếng Thái. Trong tiếng Shan ở Myanmar có [ʔin] phát âm giống *ăn* và mang nghĩa như *ăn*, trong khi [kin] cũng mang nghĩa *ăn* và mang thêm nghĩa *chia (ăn chia)*, và *ăn lời*. Tiếng Mon [ceʔ] mang nghĩa *ăn, chia* (toán học), *sống bằng* (tiền trợ cấp): *ăn tiền thất nghiệp*.

Ngộ nhất là chữ *ăn khớp*. Chữ này có ngữ nghĩa gần như *thích hợp* (適合), đọc theo tiếng Quảng Đông là [sik kap] hay [sik hap], và tiếng Hẹ (Hakka) là [sit keb][sit hap][tit hap][shit kap], v.v.. Âm [sik] Quảng Đông, [sit] Hẹ, ứng với chữ *thích* (適) trong *thích hợp* cũng giống y như âm [sik] và [sit] ứng với chữ 食 [thực][sik][sit] mang nghĩa là *ăn*. Trong khi các âm tương đương với [hap] hay [hợp] là [keb] hay [kap] tiếng Hẹ hay Quảng rất gần với âm quốc ngữ [khớp] cho ra *thích hợp* chuyển ngữ qua nhiều tầng lớp là *ăn khớp*.

Trở lại với *ăn xối ở thì*, từ hai âm *ăn ở* mang nghĩa giống như *sống*, tách ra xa nhau cho ra âm điệu hay hay và mang tính thành ngữ, của một từ mang 4 âm. Về ngữ âm, âm [xối] ứng với tiếng Hán mang rất nhiều nghĩa, và âm [xối] rất gần với âm Quảng Đông [coi] (kí âm [c] trong [coi] dọc như chữ [c] thứ 2 trong *success* tiếng Anh.) Chữ *xối* này chính là *tài*, 才 [zai], gọi theo kiểu Hán Việt, mang nghĩa theo Tam Thiên Tự (3T) là *tài, tài năng*, nhưng cũng mang nghĩa là *vừa mới: cà muối xối= cà muối mới làm* (xối=mới làm), hay là *gần với*. *Ăn xối* do đó có nghĩa “đen” là *ăn cải vừa mới làm muối (chứ không đợi một vài ngày)*. Đặc biệt, ngữ âm [xối] với ngữ nghĩa *cải muối*, có thể có liên hệ với ngữ âm [zeoi] tiếng Quảng ứng với chữ 菜 [jū] [zū] [jù] mang nghĩa là *rau/cải muối*. Âm [coi] tiếng Quảng Đông cũng ứng với chữ 賽 [coi] mang nghĩa *thi đua*. Cả hai từ 才 và 賽 [coi] đều mang nghĩa phù hợp với *hợp với*, *ăn khớp* với chữ *thì* theo sau. Còn *thì* trong *ở thì* thì đơn giản hơn, tương đương với, và viết bằng chữ 時 [shi], mang nghĩa *thì, thời, thì giờ, mùa, hợp thời, đúng thời*. *Thì* (trong *ở thì*) cũng có thể tương đương với 實(實) [shí], mang nghĩa *luơng thiện, chân thật*, mang cùng âm [shí] (quan thoại) của *thì* (時) mang nghĩa *hợp thời*. Chữ *thì* 時 (hợp thời) này khác với *thì, là*, tương ứng với động từ giống như *to be*, 是 [shi], kí âm theo Hán Việt là *thì*, với âm Nôm là *thì*. Khi nhận *thì* trong *ở thì* là 時 [shi] (*hợp thời, đúng thời*), *thì ở thì* khó mang nghĩa *ăn khớp* với *sống tạm bợ qua ngày*, theo ngữ nghĩa từng chữ. *Ăn xối ở thì*, như vậy theo nghĩa bình dân xưa nay là *sống tạm bợ qua ngày*, nhưng theo nghĩa gọi lên từ ngữ âm gần giống các thứ tiếng khác, cũng như *ăn khớp* với tiêu chuẩn của một châm ngôn, *ăn xối ở thì* sẽ mang nghĩa là *sống cho hợp thời, ăn ở cho hợp thời* (xối= [coi] 才, vừa mới, thì= [si] 是, hợp thời; [coi] và [si] là âm Quảng Đông).

Thật ra ý nghĩa mới mẻ của *ăn xối ở thì* không hoàn toàn khác với nghĩa *ăn xối* như thường dùng xưa nay, và có thể kiểm chứng tính cách châm ngôn của *ăn xối ở thì*, tức *sống vội sống vàng, sống tạm bợ*

qua ngày, hoặc sống cho hợp thời, bằng cách xem lại câu 507 đến câu 510 trong Truyện Kiều của Nguyễn Du:

507: Ra tuồng trên bệ, trong dâu

508: Thì con người ấy, ai cầu làm chi?

509: Phải điều **ăn xôi ở thì**,

510: Tiết trăm năm, nỡ bỏ đi một ngày!

Hai câu 507 và 508 đại ý nói nếu phải chọn người trai, thì ít ai lại cần đến những người trai ham mê sắc dục, tức *trên bệ trong dâu*, hay *bệ thượng tang gian*. (*Bệ thượng tang gian*, trên bệ trong dâu, là câu nói liên quan với điển tích về sex trên bờ sông Bệ và dưới ruộng dâu ở nước Trịnh thời xưa, xem Wiktionary). Nhưng hai câu kế (509-510) có một từ là *nữ* cần phải hiểu rõ mới có chìa khóa mở được ngữ nghĩa của *ăn xôi ở thì*. Muốn hiểu *nữ* phải thử chơi chữ và xử dụng một ngôn ngữ khác, bởi lí do chính và đơn giản là chữ Nôm của *nữ* 洵 viết với, và mang âm, chữ *nữ* (女 - con gái) chỉ cho biết âm gần gần chứ không cho biết ý nghĩa đằng sau hoặc tương cận. Trong lối chơi chữ phải thử đặt câu nói dùng đến *nữ*: *Sao em nữ bỏ anh đi lấy chồng?* Ở đây *sao em nữ* tương đương với *how could you...?* *Sao nữ* cũng có thể tương đương với *sao đành* hay *đành lòng nào*. *Sao nữ* cũng có thể giống như *lẽ nào*, *sao lại có thể* và trong cả hai, *how could you?*, cũng như *sao lại có thể* có chữ *có thể* hoặc *could*, mang ý nghĩa rất giống nhau và cũng tương đương với nghĩa và vị trí của *nữ*. Như vậy có thể thay *nữ* bằng *could*, *có thể*, tương đương tiếng Trung là *khả năng*. Trong tiếng Hán, chữ 能 [neng] ([nang] tiếng Weitou, Nam Quảng Đông) có thể xem như tương đương với *could*, *possible*, và chữ này có phát âm [ne] hay [nã] trong các tiếng Ngô Việt (thuộc địa bàn nước Việt của Việt Vương Câu Tiễn 句踐 (496-465 TCN)), rất gần với *nữ*. Ngoài ra trong tiếng Miến (Myanmar) có kí âm [ny] có nhiều ngữ nghĩa khác nhau, trong đó có nghĩa như *đành chịu* rất giống *nữ* trong tiếng Việt. Có thể diễn dịch hai câu 509-510, tiếp theo việc chê bai đàn ông hoang dâm vô độ ở câu 507-508, là đối với những người đàn ông *ăn ở cho hợp thời* hoặc ngay cả *sống lông bông tạm bợ qua ngày* thì tiết hạnh hôn nhân (trăm năm), hay *tiết trinh*, *có thể* được phá lệ, hay bỏ, đi một ngày.

### 3. Ruột đau chín chiều

Thử quan sát thêm chuyện những thành ngữ hoặc ngôn ngữ dùng chữ quốc ngữ kí âm tiếng nước Nam thời xưa bằng “động từ” 4 âm, *ăn nên làm ra*. Nghĩa chính của *ăn* và *làm* trong *ăn nên làm ra* có thể xem như tương đương với *làm ăn*, *kiếm ăn* (to earn a living, hay 搵食 [wen shi] *uẩn thực*/kiếm ăn, hoặc 謀生 [mou sheng] *muu sinh*), và so với *làm ăn*, chữ này (*ăn nên làm ra*) tách, và đảo ngược, *làm* với *ăn*, cũng như đôi nghĩa *làm ăn* đi một ít. *Ăn nên làm ra* cho biết việc làm ăn (thường thường là mới) có vẻ đang có mùi tấn phát, tức nói về *tiến triển tốt đẹp của người mới tự tạo việc làm cho mình để kiếm sống (ăn)*. Nó cũng giống như *công ăn việc làm*, đan xen chữ *công việc* với *làm ăn*, mang nghĩa nhấn mạnh vào chuyện nhân dụng tức employment (*Hãng của ông X tạo nên công ăn việc làm cho hàng trăm người*) hay bận rộn trong *công ăn việc làm*. Chữ *làm ăn* cũng có thể dính đến một thứ châm ngôn khác là *có làm thì mới có ăn*. Và như vậy hai từ *làm* và *ăn* rất có khả năng cùng dùng chung một từ trong những ngôn ngữ bản địa vào thời xa xưa. Trong tiếng Khmer [sii] mang cùng nghĩa là *ăn (ăn uống)* và *làm ăn, kiếm ăn, đi làm được trả tiền lương*, ngoài nhiều nghĩa khác. Theo [8], tiếng Mon có [klon ceʔ] với [klon] mang nhiều nghĩa giống như *làm* tiếng Việt, và [ceʔ] mang những nghĩa như *ăn(uống), ăn chia, ăn lời, ăn tiền trợ cấp, ăn thua* (đánh cờ), và *làm ăn* hoàn toàn giống với ngữ nghĩa của [klon ceʔ] trong tiếng Mon, mặc dù khác nhau trên dạng thức, ngữ âm, hay ráp vần. Trong tiếng Burmese [9] có từ [sa:] hay [sá] mang nghĩa *ăn (eat)* và cũng mang nghĩa như *làm ăn, kiếm ăn, kiếm*



*sống*. Từ [sa:] (mang nghĩa *ăn, làm ăn*) này cũng có phát âm như [za] tương đương với âm Việt [ra], và như vậy [ra] ua đi chung với *làm* hay *ăn (ăn nên làm ra)*. Chữ [za] (ra) này cũng mang nghĩa *trở nên* giống như trong *làm nên* hoặc *làm ra*. Tự điển Alexandre de Rhodes [3] ghi *làm nên* giống như *làm ra*, và cả hai có thể liên kết với *làm thành, trở thành* tức *become (nên người: trở thành người tốt)*. Trong khi trong tiếng Mngong [8] có chữ [njen] mang nghĩa *tạo nên, trở thành, là (to be)* rất giống với *nên*. Cũng trong tiếng Mngong, có chữ mang âm [ra:] với nghĩa *ra khỏi, đi ra*, và tiếng Katu cũng thuộc Mon-Khmer có [jər] âm rất gần [ra], với nghĩa *ra, ra ngoài*, và những nghĩa này không phù hợp hay ăn khớp với *làm ăn*, và với *ăn nên làm ra*. Thích hợp nhất về ngữ nghĩa của *nên* và *ra*, trong *ăn nên làm ra* là hai chữ này phải bỏ tức nghĩa cho *làm ăn*, cho thêm chi tiết là chuyện *làm ăn đang trên đường thành công, có tiền vô tiền ra*. Tức *nên* và *ra* mang ý nghĩa của *làm nên* và *làm ra*, tức *làm thành, đang làm thành, trên đường đến thành công*, hay nói theo tiếng Anh là *make it (làm được, làm ra, làm thành)*. Thật ra các chữ *ăn, làm, nên, ra* nếu so với các thứ tiếng bản địa, đều có thể tương ứng với các động từ mang nghĩa như *làm thành, tạo thành, canh tác, sản xuất, làm nên, làm việc, làm công, tạo tác, trở thành*, v.v.. Rất có khả năng, *nên* và *ra* mang nhiều tính bản địa và riêng chữ *ra* chiếm luôn cả 2 trang giấy khổ lớn, mỗi trang hai cột, trong quyển tự điển của Taberd [5]: *ra lệnh, đi ra, ra đi, hờ ra, sang ra, lấy ra, ra tài, nghĩ ra, ra đầu, buông ra, sinh ra, đuổi ra, ra tay*, v.v.

Cấu trúc bên trong của những từ 4 âm thuộc loại ngạn ngữ, châm ngôn, như trên đã thấy, thường rất phức tạp, bởi những từ này khi viết và đọc theo quốc ngữ a-b-c, không thể nào lộ ra những tầng lớp chuyển ngữ trong quá khứ, tập trung vào *dã ngữ* (vernacular) qua nhiều thời đại và bằng những thứ tiếng khác nhau. Thử lấy thêm một thí dụ nữa là chữ 4 âm *ruột đau chín chiều*.

*Ruột đau chín chiều* có lẽ được nhiều người biết đến qua câu ca dao: *Chiều chiều ra đứng ngõ sau // Trông về quê mẹ, ruột đau chín chiều*. Cụm từ này có nguyên bản chữ Hán là 九迴腸 [jiu hui chang], tức *cửu hồi trường*, có nghĩa 9 lần ruột quặn, như Sử gia Sima Qian (Tu Mã Thiên) đã từng dùng [2]. Ngày nay, có thể tìm rất nhiều thứ giải thích nghĩa đen và nghĩa bóng của cụm từ này trên mạng, nhưng rất ít thấy giải thích cho chữ *chiều*, mang nghĩa chính là *quặn lại, xoắn lại*, giống như từ thường gọi Hán Việt là chữ *hồi* trong *cửu hồi trường* (九迴腸). Ngoài ra cũng không có xác nhận rõ rệt là chữ *chiều* trong *ruột đau chín chiều* là một từ thuần Việt hay Hán Việt. Bởi âm quốc ngữ của từ có vẻ mang gốc Hán này không có trong các tự điển Hán Việt dùng chữ quốc ngữ. Điểm bẻ tặc về từ nguyên hay ý nghĩa và ngữ âm ban đầu hay trước-quốc-ngữ của chữ *chiều* trong *chín chiều* nằm trọn trong tiền đề của học thuật về ngôn ngữ tiếng Việt. Tiêu biểu nhất là lối phân chia ra từ thuần Việt và từ Hán-Việt, hoặc phân chia ra từng nhóm ngôn ngữ, đa phần dựa vào tính liên tục của địa lí, hay dựa vào một *giả định* là tiếng Việt quốc ngữ mang tính liên tục với tiếng Nôm vào thời chưa có quốc ngữ, nhất là về ngữ âm. *Giả định* này có lẽ cho mãi tới ngàn sau vẫn không bao giờ có thể được minh xác bởi tiếng nói sau khi phát ra luôn luôn tan biến vào không gian và thời gian. Nằm trên các thứ tiền đề này là thứ tiền đề cơ bản, một mặt rất mơ hồ về những đường hướng thiết lập và phát triển ngôn ngữ, một mặt khẳng định về những định luật xoay quanh mô hình *cây và cành*, cũng như *một dân tộc một ngôn ngữ*, hay đối chiếu với những dữ liệu lịch sử đã ghi trong sách vở. Tóm tắt là học thuật về ngôn ngữ xưa nay thường mang tính *song thể* (dualism), hoặc chọn một trong hai, như *độc thể* (monism).

Lí giải về từ nguyên của chữ *chiều*, theo thiên ý, chỉ có thể thực hiện được khi dùng tới *phi song thể* (non-dualism), nói nôm na là phải tạm gác sang một bên những đường lối phân tích dựa theo học thuật xưa nay, nhất là tạm quên đi âm quốc ngữ của từ Hán Việt của từ Nôm, viết ra sao, đánh vần ra sao, và phát âm chuẩn ra sao. Thí dụ như khi tìm âm giống như âm quốc ngữ [chiều] cần tra chữ *xoắn* hay *vặn* qua những quyển tự điển Anh Trung có trên mạng. Một ứng viên đáng để ý cho từ đồng nghĩa với *twist, entangle, wring* (xoắn, thắt chặt, vặn) trong tiếng Trung là 绞 [jiǎo] [xiáo] [jiào], mang nghĩa theo

[2] là *xoắn, vắt, thắt chặt*, ứng với âm tiếng Tô Châu<sup>1</sup> là [ciau] rất gần với âm chữ *chiều*, trong *ruột đau chín chiều* tức *chín lần ruột đau quặn*.

Trong tiếng Việt chữ *chiều* với nghĩa *xoắn, quặn* đồng âm dị nghĩa với *chiều* trong *buổi chiều* tức *hoàng hôn*. Có thể thấy chữ *buổi chiều* trong tiếng Việt chính là phiên dịch bằng ngữ âm qua nhiều lớp, mà lớp sau cùng là quốc ngữ viết theo a-b-c, của từ [bei][zhao], viết như 背朝 trong đó [bei] 背 có phát âm là [bui] hay [boi] trong các tiếng ở phía Nam nước Trung như Quảng, Tiều, Hẹ, rất giống [buổi], và [zhao] 朝 có phát âm [ciu] hay [ziu], rất giống [chiều], cũng trong các thứ tiếng phía Nam. Âm [bui zieu] này có âm đầu [bui], viết theo Hán tự là 背 [bei], thường đọc là [bói] chỉ *cái lưng, sau lưng*, và [chiều] hay [chiêu] 朝, thường viết *triều* hay *triêu*, có nghĩa chính là *buổi sáng, sáng sớm, ban ngày*. Có nghĩa, *buổi chiều*, là phiên dịch âm và nghĩa, qua nhiều lớp, của chữ *bối triều* (背朝), hiểu theo kiểu nôm na là *phía sau (lưng) của buổi sáng*, tức *buổi chiều*. Trong một quyển sách nghiên cứu, Bình Nguyên Lộc [15] cho rằng chữ *chiều* giống với *châu* trong *hạ châu*, tức buổi *sau trưa* (afternoon), nhưng Bình Nguyên Lộc không viết ra kí âm Hán tự cho chữ *châu*, cũng như thời đó không có internet để có thể biết đến hoán chuyển giữa hai âm [iu]-[au] giữa nhiều thứ tiếng khác nhau, như *câu / kiêu, châu / chiều/chiều, hiu-hiu* (gió thoảng) / *hau-hau* (tiếng Rapanui), v.v.. Chữ *hạ châu* (下書 [haa zau] Quảng Đông - buổi chiều) thường dùng trong đôi xứng với *thượng châu* (上書 [shang zhou] Quan-thoại - buổi sáng), trong đó chữ 書 [zhou] (châu), cũng viết là 昼, mang nghĩa chính là *ban ngày*, và *hạ châu* (chiều) mang nghĩa nguyên thủy là *phần dưới hay phần sau của ngày*, còn *thượng châu* (sáng), *phần trên hay phần trước của ngày*. Và nhớ là phát âm [châu] trong *hạ châu* là ứng với âm tiếng Quảng [zau], trong khi [chiều] (*buổi chiều*) ứng với [ziu] tiếng Hẹ, và cả [zau] và [ziu] viết theo Hán tự là 晝 [zhou]. Theo chiết tự, chữ 晝 [zhou] viết bằng 聿 [yu] (giấy bút), cùng với 旦 [dan], tức *đán*, mang nhiều nghĩa, trong đó có *rạng đông* (hình mặt trời ló dạng ở chân trời 旦). Và *ban ngày* 晝 [zhou] có thể mang nghĩa là sau khi mặt trời mọc (旦), và đủ sáng để viết chữ trên giấy (聿). Chữ *chiều* suy từ *bối triều* (背朝 [bei zhao]), khác với chữ *chiều* suy từ *hạ châu* (下書 [xia zhou]), cả nghĩa lẫn âm, và âm Việt [chiều] ứng với âm Quảng [ziu] đôi với chữ 朝 [triều], và ứng với âm Hẹ [ziu] cho chữ 晝 (昼) [châu]. Cũng có thể nói *chiều* là từ vay mượn của hai từ 晝 [ziu] và 朝 [ziu], nhưng vay mượn này lại là vay mượn trên nghĩa *noumenon* (bản thể), và âm địa phương, chứ không phải vay mượn đúng theo nghĩa của ngữ học.

Ngữ âm [chiều] của quốc ngữ cũng giống âm [chiều] của *chiều hướng*. Nếu tra chữ *direction* (chiều hướng) bằng nhiều tự điển Anh Trung trên mạng, sẽ tìm ra chữ tiếng Trung là 走向 [zǒu xiàng] mang một nghĩa là *direction* tức *phương hướng, chiều hướng*. Âm đầu [zou] (走) của 走向 [zǒu xiàng] (chiều hướng) ứng với âm [zeu] tiếng Hạc Việt (Hẹ) theo [7] rất gần âm [chiều] tiếng Việt dùng để chỉ *chiều hướng*.

Còn một chữ [chiu] nữa có âm rất gần [chiều] nhưng mang nghĩa khác là *chịu ý, thuận ý, đồng thuận* với. Có 2 ứng viên của chữ Hán mang ngữ âm và ngữ nghĩa rất gần với *chịu* trong *chịu theo ý*. Đó là: 俞 [yú] mang nghĩa *đồng ý, đáp ứng*, có âm Quảng Đông là [jyu] rất gần với [chiu], và 就 [jiù] mang nghĩa *tùy theo*, thường dùng như từ 2 âm 遷就 [qian jiu] (*chịu theo ý người khác*), với chữ 就 [jiù] đứng sau có âm Hẹ [ciu], Mân Việt, Triều Châu [ziu] và Nam Kinh [ziou] giống y như âm [chiu] tiếng Việt.

1 Thượng Hải và Tô Châu khi xưa nằm trong địa bàn của nước Việt (越國) của Việt Vương Câu Tiễn 句踐 (496-465 TCN).

Bây giờ, xin trở lại với *canh tường* và *canh gà Thọ Xương*. Muốn liên kết chữ *canh* trong *canh gà* (Thọ Xương) với chữ *tường* trong sự tích *canh tường*, cần nhấn mạnh rằng từ xưa tới nay chưa hề có một chứng minh chắc nịch rằng chữ quốc ngữ viết theo mẫu tự La-Tinh là một biến chuyển 100% cả ngữ âm, ngữ từ và ngữ nghĩa từ văn bản chữ Nôm, hay phát âm tiếng Việt thời chưa có quốc ngữ, với lí do đơn giản và chính yếu là chữ Nôm hoàn toàn khác với chữ quốc ngữ, ở chỗ phát âm (địa phương) nào cũng có thể núp bóng với chữ Nôm, tuy rằng chữ Nôm ứng với một từ có thể mang nhiều tuồng chữ viết khác nhau, và cần nhớ là chữ Nôm thời xưa không được định chuẩn. Thí dụ chữ *năm* (year) có thể viết 南 (nam+五 ngũ (5) => ngũ = số 5 cho âm [năm]), hay 𠂔 (南 nam+年 niên), hoặc 年 (niên), v.v.. Trong hoàn cảnh của chữ Nôm, *năm* có thể mang phát âm là [nam] hay [lăm] mà không ảnh hưởng gì đến kiểu viết của chữ Nôm, như ba chữ ghi lại ở trên. Lỗi viết chữ *nên* chỉ có một theo quốc ngữ, nhưng âm chữ *nên* có thể đọc như *nêng*, *lên*, *lêng*, hay *năn*, *nặng* qua chữ Trung (能), trong nghĩa *nên* là *should* (*nên* làm thế này // không *nên* làm như thế). Thật ra lỗi viết kiểu Hán tự và Nôm khác xa lỗi viết kiểu theo mẫu tự La-Tinh. Ngay như quan hệ giữa tiếng nói và chữ viết cũng không phải lúc nào cũng thuần nhất. Thí dụ như chữ *dục* (肉 [rou]) mang nghĩa *thịt*, giống với phát âm Quảng Đông [juk], lại tương đương với âm Triều Châu là [bat] hay [bah], như trong món *Bah-Kuh-Teh* ở Mã-Lay, trong đó [bah], ghi ở các tự điển tiếng Triều Châu, thường viết bằng chữ 肉 [rou] (thịt), còn [kuh] tương ứng với *cốt* (xương / 骨 [gu]), và [teh] (茶) giống tiếng Pháp *thé*, tiếng Anh *tea*, tức *chè* hay *trà* (giống [caa] tiếng Quảng). Nhấn mạnh *dục* (肉) thường ghi trong nhiều tự điển là có phát âm tiếng Triều Châu là [bat] hay [bah], như [bat] trong món *Bat-kuh-teh*. Nếu xem kỹ món *Bat-kuh-teh*, sẽ thấy món này thường nấu với thịt sườn (heo), và sườn heo thường gọi là 豬扒 [zyu paa] tiếng Quảng, như món [paaigwat] 扒骨, thịt xương sườn nấu tương, thường thấy ở các tiệm ăn *Dim Sum* (Yum-Cha). Như vậy, chữ 扒 [paa] (sườn), chứ không phải 肉 [rou], mới có phát âm Phúc Kiến hoặc Triều Châu là [bat] hay [bah], như [bah] trong món *Bah-Kuh-Teh*. Tức âm [bah] trong *Bah Kuh Teh*, được móc nối với âm [bat] (扒) mang nghĩa *thịt sườn*, chứ không phải với âm [rou] (肉 – *thịt*).

Biến chuyển 100%, tức chuyển ngữ chính xác từ chữ Nôm sang quốc ngữ, nằm trọn trong mô pháp (paradigm) chú trọng cơ bản ở ấn định sự liên tục của ngôn ngữ theo quy ước. Trên thực tế và theo triết học về khoa học, biến chuyển này cùng với mô pháp gói ghém nó rất khó vượt khỏi ranh giới của một tiền đề hay một giả dụ rất căn bản. Dạng chữ viết quốc ngữ cũng bao gồm luôn ngữ âm, ngữ từ và ngữ nghĩa của những thứ từ thường gọi là Hán Việt, và từ Hán Việt lại dựa vào một giả dụ khác. Đó là ngữ âm của từ Hán Việt là do giới ê-lít nước Nam thời xa xưa hoặc sáng tác từ ngữ âm của người Hán, hay phiên thiết tức ráp âm từ các chữ Hán nằm trong một từ hoặc dựa theo một âm biết trước của những chữ Hán gần giống. Tiền đề hay giả định này lại dựa vào rất nhiều giả dụ khác, trong đó có tiếng Hán luôn luôn có một phát âm chuẩn cho từng từ. Tựu chung, những tiến trình của hiểu biết về ngôn ngữ nằm trong mô pháp cổ truyền rất khó trở thành mô pháp căn bản dùng trong nghiên cứu khoa học, bởi nếu như vậy, kết quả mới sẽ chỉ khác với kết quả cũ tùy theo quan điểm khác nhau của nhà nghiên cứu, chứ trên thực tế và trên cốt lõi, cái cũ và cái mới không khác gì nhau, hay ít ra có thể đoán được là cái cũ và cái mới chỉ khác nhau trên chiếc áo bên ngoài. Ở bên trong, mô pháp vẫn mang nặng những tính chất chung của ngôn ngữ, đa phần tùy thuộc vào định đề ẩn tàng cho *từ vựng* và *cấu trúc ngôn ngữ*, chớ rằng đặc biệt *từ vựng* là sản phẩm của *định đề* và/hoặc *quy ước*, nhưng thế nào, khi nào, những tác giả nào, và nơi nào thì không biết rõ. Một quan điểm quan trọng khác hình như nằm trong mọi ngành khoa học là *trọng tài* của tiến trình khoa học, tức khi nào một công trình khoa học sẽ được đánh giá cao, hay xem như một thứ kiến thức *chung định* không cần bàn cãi thêm. Theo kiến thức thông thường trọng tài nằm ở chỗ một giả thiết hay một tiền đề được chứng minh bằng lô-gích và/hoặc thực nghiệm trong nhiều trường hợp và hoàn cảnh khác nhau, và được nhiều học giả trong lãnh vực nhìn nhận và đồng ý với nhau. Tức trọng tài cũng có thể chính là *mô pháp* hay *paradigm*. Lối nhìn *phi song thể* kiểu này sẽ nằm ngoài *mô pháp*, và cho biết khi mô pháp (paradigm) được xử dụng thường xuyên trong tiến trình



khoa học, và trở thành chính *trọng tài* cho kết quả khoa học, thì *trọng tài* và *mô pháp* sẽ nhập lại làm một. Từ đó có thể thấy, *trọng tài* hiểu qua *mô pháp* tức paradigm, thường dựa vào định luật đa số, kể cả đa số về thời gian, tức truyền thống xử dụng lâu dài của mô pháp. Cần để ý là *mô pháp* hiểu theo nghĩa rộng (*phi song thể*) có thể bao gồm rất nhiều thứ, ngoài nghĩa hẹp là phương pháp khoa học. Mô pháp có thể bao gồm cả trường học đào tạo chuyên viên theo ngành, các ý thức hệ tương ứng và hỗ trợ cho mô pháp, các chuyên gia lỗi lạc trong ngành và tất cả tin liệu hoặc dữ liệu, hay ngay cả lỗi làm việc của ngành. Cũng ở nghĩa thật rộng *paradigm* (mô pháp) có thể được hiểu như chữ *culture* (văn hóa) trong xã hội loài người, hoặc *regime* (thể chế) hay *institution* (cơ viện) trong nghĩa ứng với tổ chức và sinh hoạt của các cộng đồng khoa học. Trong những ý nghĩa này, có thể thấy *paradigm* (mô pháp) dễ mang tính chất bảo thủ, kéo theo tính chất cho khoa học, và như vậy chuyện *biến chuyển mô pháp*, tức *paradigm shift* do Thomas Kuhn (1922-1996) đề xướng [14], rất ít khi có thể xảy ra.

Có lẽ một trong những đường hướng rất thích hợp trong chuyện học hỏi hay nghiên cứu về ngôn ngữ là thử dùng phương pháp *ăn khớp* giữa nhiều chiều hướng phân tích khác nhau, nhất là xem ý nghĩa hoặc biểu tượng cốt lõi nằm phía sau từ vựng hay cụm từ hoặc câu nói, theo ý niệm về *noumenon* trong triết học của Kant [17], và/hoặc chơi trò hoán chuyển thay đổi ngữ từ, theo với đề nghị của Wittgenstein [18], hay phân tích vi phân về ngôn ngữ theo kiểu của Russell [19], và nhớ rằng nhiều khi không cần theo sát với các sách vở giáo khoa, những quy ước, hay sắp xếp ngôn ngữ theo từng nhóm, hoặc để ý đến ranh giới của ngôn ngữ được vạch ra từ trước. Phân tích kiểu mới này, khác với kiểu phân tích theo *mô pháp xưa nay* như vậy chính yếu nhìn nhận rằng mô pháp (paradigm) chính nó cũng có thể xem như *tiền đề lẫn trọng tài thường trực*. Thí dụ, theo mô pháp xưa nay, chữ *vách* là chữ Nôm tương ứng với từ Hán Việt *bích* (壁). Theo kiểu *ăn khớp* trình bày ở đây, cần để ý âm Bắc Kinh của *bích* là [bi] nhưng *bích* lại giống với âm tiếng Quảng là [bik] (壁), tương ứng với âm Phúc Kiến và Hẹ là [biak], và [biak] chính là âm rất gần với kí âm quốc ngữ [bách], tức [byách], ghi trong tự điển của Alexandre de Rhodes [3], mà Taberd [5] đã biên đổi ra *vách* viết với chữ Nôm 壁, y như Hán tự, với phát âm quan thoại [bi]. Tức lối ráp vần của Taberd trong chữ *vách* đã tách *vách* xa ra khỏi *bích* và [biak] (tức *bách* ghi trong tự điển [3]), cả hai viết theo Hán tự hoặc Nôm là 壁. Cũng cần để ý trong tiếng Việt còn có từ hai âm là *vách tường* hay *bức tường*. Hai chữ *vách* (壁) và *tường* (牆) viết khác nhau bằng chữ Hán, nhưng *bức* và *vách* (hay [byách]) cũng như *bích* đều tương ứng với cùng một từ là [bi] (壁), với *bức* (*bức tường*) có phát âm rất gần với [bik] (壁) tiếng Quảng Đông. Tiến triển internet ở thế kỉ 21 có thể giúp nhận ra lí do sau lưng việc Taberd đã kí âm [bách] tức [byách] thành *vách* trong tự điển của ông. Đó là trong tiếng Trung còn một từ nữa dùng để chỉ *tường*, *bức tường*, và đó là *quách*, 郭 [guo], với phát âm [gwok] trong tiếng Quảng, gần với kí âm [quách] tiếng Việt, mang nghĩa đại khái, *tường ngoài của thành* (thành quách). Chữ *quách* mang lối ráp vần nhân tạo bắt đầu bằng [qu], có gốc của tiếng Bồ, mà đáng nhẽ theo kí âm dễ hiểu hơn, có thể là [kw] hay [gw] như tiếng Quảng Đông [gwok] 郭. (Cần nhớ là tiếng Mường ở Hòa Bình ngày nay (xem [12]) đã bỏ kiểu kí âm dùng [qu] theo kiểu tiếng Bồ, mà chuyển sang dùng [kw]: *ngự quyết* (Việt) tương đương với *ngự kwiết* (Mường)). Như vậy *quách* tương đương với *kwách*, và có thể phát âm như [wách] trong môi trường không chữ viết. Và [wách] bắt buộc sẽ trở thành [vách] khi Taberd bỏ hết những âm đầu [w] như đã ghi trong tự điển của Alexandre de Rhodes, và đổi thành âm [v]: *wách* (tức *quách*) => *vách*.

Xem hai chữ *đánh giá* và *định giá*, thì *đánh* trong *đánh giá* được xem như chữ Nôm, trong khi *định* (定 [ding]) là Hán tự. Hai chữ *đánh giá* và *định giá* đều có hai âm, nhưng ngữ nghĩa không hoàn toàn giống như nhau. Đối với *đánh* và *định*, các tự điển trực tuyến ở thế kỉ 21 cho biết âm Triều Châu hay Nam Quảng Đông (Weitou) của 定 [ding] chính là [dæŋg] rất gần với *đánh* trong *đánh giá*. Nhưng *đánh giá* hơi khác với *định giá* qua lối dùng trong tiếng Việt xuyên qua dòng thời gian. *Đánh giá* liên quan đến giá trị (hay hoặc dở, tốt hay xấu), trong khi *định giá* thường liên hệ đến giá tiền. Chữ *đánh* còn mang

chiếc áo của từ Nôm, ứng với Hán Việt *đả* (打), tức đánh đấm. Chữ *đánh* này thật ra cũng không phải thuần Nôm, bởi ngữ âm của nó rất gần với âm [tan] trong tiếng Thượng Hải (Ngô Việt) hay Wuxi ở Giang Tô ứng với từ 打 [đả] mang phát âm y hệt [đả] tiếng Quảng Đông, ứng với [dohn] tiếng Thái. Chữ *đánh* tiếng Việt cũng có thể cùng gốc với một từ khác mang nghĩa *đánh* trong tiếng Hán là 動手 [dòng shǒu] thường gọi theo kiểu Hán Việt là *động thủ*. Chữ 動 [dòng] này có phát âm Mân (Phúc Kiến) là [dang] rất gần [đánh]. Trong khi phát âm [don] (tiếng Ngô Việt) của từ 動 [động] này lại gần với âm [dohn] tiếng Thái, gần với *đòn* trong *ăn đòn*. *An đi* với *đòn* (*ăn đòn*) mang tính *cận vị* của một từ [sa] thuộc tiếng bản địa hạ tầng là tiếng Mon mang hai nghĩa là *đòn trừng phạt* và *ăn* (như trong *ăn uống*). Trở lại chuyện chữ *định* và *đánh* trong *định giá* và *đánh giá*, như đã viết có thể cùng liên kết với chữ [ding] 定 tiếng Hán. Chữ [ding] 定 này có thể mang cùng ngữ nghĩa như *đành* trong *Sắc đành có một tài đành họa hai* (Kiều). Còn *đành* trong *sao đành* (*sao nở*) có thể ứng với ដង [dəŋ] tiếng Khmer [8], mang nghĩa *sao có thể*. Để ý các học giả Tây Phương ưa dùng chữ *tiếng hạ tầng* (substratum language), tức tiếng nói ở một khu vực có từ thời tiền sử xa xưa. Hiểu nôm na, phải hiểu *tiếng hạ tầng* chính là tiếng Việt ở thời chưa có tiếng Việt.

Quan sát ngôn ngữ theo tính cốt lõi, sẽ thấy ngôn ngữ, tiếng nói lẫn chữ viết, có cốt lõi là *biểu tượng* (symbol), và nếu là *biểu tượng* thì chắc chắn sẽ có *biểu tượng* của *biểu tượng*, tức *biểu tượng nháy chòm*, và *biểu tượng* có thể vượt khỏi biên giới chật hẹp của ngôn ngữ. Biên giới của ngôn ngữ thật ra, theo nhiều học giả, chỉ được khởi xướng rầm rộ, kết nối với ý thức hệ về quốc gia, dân tộc, vào thế kỉ 19 tiếp nối sang thế kỉ 20, bắt đầu tại Đức và Pháp, rồi thu nhận ở Nhật vào thời Minh Trị [11]. Điều này có nghĩa đối với nhiều ngôn ngữ trên thế giới, tình trạng hỗn ngữ có thể là tình trạng thường gặp ở nhiều nơi vào trước thế kỉ 19 hoặc 20. Hiểu như vậy sẽ dễ cho việc phân tích *canh gà Thọ Xương* qua *canh [gà Thọ] Xương* và *canh tường*, tức cho *tường* tương đương với *xương* trong thời chưa có quốc ngữ. Chữ *xương* trong *Thọ Xương* (壽昌 [shouchang]) có âm giống với *xương* mang nghĩa *xương xấu*, *xương cốt*, *xương* với *thịt*. *Xương* (cốt) ứng với ngữ âm [cheŋg] trong tiếng Khmer, [xiəŋg] tiếng Mường, mang cùng nghĩa (bone). Chữ *xương* (昌) trong *Thọ Xương* mang phát âm Triều Châu [xiang] (xương) giống với âm [xiang] quan thoại cho chữ *tường* (祥) như trong *cát tường* (吉祥), điềm tốt lành. Thêm vào đó, hai chữ 牆 (tường) và 昌 (Xương) có cùng phát âm [ciəŋg] trong tiếng Mân, và [coəŋg] tiếng Quảng. Chữ *xương* và *tường* (quốc ngữ) cũng biên chuyên qua lại trong các thứ tiếng Mon-Khmer [8], như [kəsiəŋ] (~ *xương*) trong tiếng Sedang, ứng với [ktiəŋ] (~ *tường*) tiếng Laven (Jru'), và cả hai mang nghĩa *xương*. Như vậy vào thời hỗn ngữ, khi tiếng Nôm không có định chuẩn, *tường* trong *canh tường* có thể chia cùng âm với *xương* trong *Thọ Xương* trong lối xử dụng ngữ từ của tác giả. Có nghĩa *canh tường* được thay bằng *canh gà Thọ Xương*, với dụng ý cho thêm trạng từ chỉ việc *đau đớn* khi nhớ tới cảnh cũ người xưa, hoặc nhớ đến tiên đế. *Đau đớn* như mắc phải *xương gà: canh gà Thọ Xương*. ■

Bản đầu tiên: Tháng 9-10/2018

Sửa chữa thêm bớt: Tháng 5/2023

*Nguyễn Văn Đu*

## THAM KHẢO

1. Phạm Quỳnh (1918) Mười Ngày ở Huế. Nam Phong Tạp Chí, số 10, Tháng 4, 1918.

2. Từ Điển Hán Việt Trích Dẫn: <http://www.vietnamtudien.org/hanviet/>
3. Alexandre de Rhodes (1651) Dictionarium Annamiticum – Lusitanum – Latinum. Hiệu đính: Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính. Tái bản: Viện Khoa Học Xã Hội – HCM 1991.
4. Nguyễn Văn Khang (editor), Bùi Chỉ, Hoàng Văn Hành (2002) Từ Điển Mường-Việt {Mường-Vietnamese Dictionary}. Published by Văn Hoá Dân Tộc – Hà Nội.
5. A J. L. TABERD (1838) Dictionarium Anamitico-Latinum. Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học – Nhà Xuất Bản Văn Học tái bản (2004). Bản Điện Tử: The Vietnamese Nôm Preservation Foundation:  
<http://nomfoundation.org/nom-tools/Taberd-Dictionary?uiLang=vn>
6. Hoàng Văn Ma - Lục Văn Pảo – Hoàng Chí (1974) Từ điển Tày-Nùng-Việt. Viện Ngôn Ngữ Học
7. <http://cn.voicedic.com>
8. SEAlang Mon-Khmer Languages Project:  
<http://sealang.net/monkhmer/dictionary/>
9. SEAlang Library, Burmese Dictionary: <http://sealang.net/burmese/dictionary.htm>
10. SEAlang Library, Khmer Dictionary:  
<http://sealang.net/khmer/dictionary.htm>
11. John C. Maher and Gaynor Macdonald, Eds. (1995). Diversity in Japanese Culture and Language. Kegan Paul International, New York. Distributed by Columbia University Press, 1995
12. Wikipedia về tiếng Mường:  
[https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng\\_M%C6%B0%E1%BB%9Dng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_M%C6%B0%E1%BB%9Dng)
13. CantoDict Project:  
<http://www.cantonese.sheik.co.uk/scripts/wordsearch.php?level=0>
14. Thomas S. Kuhn (1970) The Structure of Scientific Revolutions (2<sup>nd</sup> Edition). International Encyclopedia of Unified Science (Vol.2 No. 2). The University of Chicago Press.
15. Bình Nguyên Lộc (1971) Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam. Nxb Xuan Thu (USA) in lại.
16. Gerard Moussay, Nại Thành Bô, Thiên Sanh Cảnh, Lưu Ngọc Hiến, Đàng Năng Phương, Lưu Quang Sanh, Lâm Gia Tịnh, Trương Văn Tôn (1971). Tự Điển Chăm-Việt-Pháp (Champa-Vietnamese-French Dictionary). Trung tâm Văn-hóa Chăm - Phan-Rang.
17. Immanuel Kant (1781) The Critique of Pure Reason. Translated by J. M. D. Meiklejohn (2010-2013). The Electronic Classics Series.
18. Kelly Dean Jolley, Ed. (2014) Wittgenstein Key Concepts. Routledge (Taylor & Francis Group). London and New York.
19. Stanford Encyclopedia of Philosophy: Russell’s Logical Atomism  
<https://plato.stanford.edu/entries/logical-atomism/>



## Con Đường Ít Ai Đi

Nguyễn Tuấn Huy

- Thừa bác sĩ dạo này em cảm thấy khó thở, giống như là người bị hụt hơi.
- Xin cô cởi áo ra để tôi khám ngực của cô.

Chu chọa! Trong hơn 20 năm hành nghề bác sĩ, tôi đã được nhìn thấy được nhiều cặp vú khác nhau, đủ loại, đủ cỡ, đủ màu, đủ hình dáng. Có cặp bự và tròn như trái bưởi, có cặp to vừa bằng trái cam, có cặp nhìn giống trái lê. Nhưng cặp vú trước mặt tôi thì thật là một kỳ công tuyệt tác của kỹ nghệ giải phẫu thẩm mỹ. Nó to hơn trái cam nhưng nhỏ hơn trái bưởi. Tròn trịa nhưng vẫn có những đường cong thách thức. Nó làm cho tôi nghĩ đến những đôi vú tròn vo của tượng đá vũ nữ Trà Kiệu. Những nghệ nhân người Chăm này mà được làm bác sĩ thẩm mẩu thì chắc chắn sẽ có nhiều khách. Bình thường cặp vú của người đàn bà cho dù ở bất cứ hình dạng nào cũng sẽ có những khác biệt giữa bên phải và bên trái. Chỉ có những cặp vú giải phẫu thẩm mỹ mới có được sự cân bằng tuyệt đối giống như cặp mà tôi đang được chiêm ngưỡng ngay trước mặt đây. Thật là không bỏ công tám năm học làm bác sĩ.

Bệnh nhân là một thiếu phụ người Việt Nam 35 tuổi với triệu chứng khó thở. Thông thường nguyên nhân của triệu chứng khó thở là bệnh phổi, bệnh tim hoặc bệnh phi lữ. Tôi có thể loại nguyên nhân thứ ba vì bệnh nhân cao 1.65m và nặng 50 kg. Với một thân hình cân đối như thế này, cô ta có thể làm gái nhảy dễ dàng. Như vậy chỉ còn phổi và tim là nguyên nhân khó thở của cô. Tôi khen cô ta có bộ ngực đẹp để cho cô ta đỡ ngượng khi phải phơi ngực trần trước mặt tôi. Được bác sĩ khen, cô nàng như bớt được sự ngượng ngập và bắt đầu kể chuyện gia đình cho tôi nghe. Tôi đoán cô ta mới ở Việt Nam sang Mỹ, ít được tiếp xúc với đồng hương và đặc biệt là bác sĩ người Việt nên khi gặp tôi, cô ta liền tâm sự. Tôi nghĩ bác sĩ và linh mục là hai loại người bị nghe tội của thiên hạ nhiều nhất. Tôi vẫn thường xuyên phải nghe bệnh nhân tự thú những việc làm bất hợp pháp của họ hoặc kể tội người khác như thế đây là bản phận của tôi. Chẳng những tôi phải chữa thể xác của họ, họ muốn tôi còn phải chữa tâm hồn của họ như là một bác sĩ tâm lý. Họ giống như một chiếc xe bị hư, cho dù có sửa chữa nó hoàn hảo nhưng nếu không có ai để lái thì cũng vô dụng.

Cô ta cho tôi biết chồng cô lớn hơn cô 20 tuổi. Anh ta về Việt Nam lấy cô và bảo lãnh qua Mỹ đã được 5 năm. Bộ ngực này là món quà mà cô tặng cho anh trước khi cô qua Mỹ. Tôi muốn hỏi cô đã sửa ngực trước khi lấy anh hay sau khi lấy anh? Nhưng tôi không nỡ hỏi vì câu trả lời cũng không cần thiết. Nếu cô sửa ngực trước khi lấy anh ta thì dĩ nhiên là vì cô ta muốn kiếm chồng. Còn nếu như cô sửa ngực sau khi lấy anh ta thì chắc cũng là vì cô ta chứ chẳng phải vì anh chàng. Người ta thay đổi hình dáng vì người ta nghĩ rằng nếu ngoại hình của họ thay đổi, thì con người của họ cũng thay đổi. Điều này có thể đúng lúc ban đầu. Với một ngoại hình đẹp, người ta có thể tự tin hơn và từ đó dạn dĩ hơn trong giao tiếp. Giống như khi có một chiếc xe mới, chúng ta cảm thấy tự tin hơn, yêu đời hơn khi có nó. Nhưng sau một thời gian thì cảm giác phấn khởi từ chiếc xe sẽ không còn nữa và người ta trở về lại trạng thái cũ. Tuy nhiên, dạo này tôi thấy bệnh nhân Việt Nam của tôi có nhiều người đã sửa ngực. Có lẽ là họ muốn theo phong trào sửa ngực cho có chị có em chăng? Tôi biết ở bên Hàn Quốc, ngoại hình rất quan trọng khi đi xin việc. Hay là bộ ngực to là một lợi thế khi đi xin việc ở Việt Nam? Nếu không để để kiếm việc thì cũng để khoe họ là dân có tiền.

Khi tôi còn ở trung học, cô giáo có cho tôi đọc một bài thơ với tựa đề là “Con Đường Không Ai Đi” (The Road Not Taken) của thi hào Robert Frost. Đại khái là nhân vật đi dạo ở trong rừng, đến một ngã ba. Ông ta biết rằng mình không thể nào đi cả hai con đường nên phải chọn một. Ông nhìn con đường bên trái thấy nó dài hun hút. Ông nhìn qua con đường bên phải thấy cũng thăm thẳm như vậy. Nhưng ở bên phải thì cây cỏ xanh tươi hơn và con đường trơn tru hơn như thể đã có nhiều người đi qua. Thế là ông chọn con đường bên trái vì có ít người đã đi qua. Ông nghĩ rằng đó là một quyết định đã thay đổi cuộc đời của ông. Tư tưởng này nằm ở trong đầu của tôi từ lúc đó và tôi thích chọn lựa cái gì mà ít người dám làm. Tôi ít khi nào thấy cha mẹ Việt Nam khuyến khích con cái chọn con đường khó mà đi. Thậm chí họ còn cản nếu con cái chọn con đường khó. Tuy nhiên người ta hay khuyến khích con cái theo học bác sĩ. Con đường này không dễ dàng chút nào. Nhưng trong tư duy của bố mẹ thì đây là con đường dễ dàng nhất để đảm bảo một cuộc sống thoải mái về tài chánh cũng như địa vị trong xã hội. Tôi cũng đã chọn nghề bác sĩ nhưng không phải vì tiền tài, danh vọng. Nhưng đối với tôi, y khoa là giống một thử thách, một bài toán để tôi tìm đáp số. Tôi tìm được sự mãn nguyện khi tìm được căn bệnh và chữa lành cho bệnh nhân. Nếu xã hội cho rằng công việc của tôi là cứu người thì cũng tốt vì nó sẽ làm cho công việc của tôi được dễ dàng

Sau khi lấy tiền sử bệnh của cô ta, nghe nhịp tim và hơi thở của bệnh nhân, tôi không thấy có một triệu chứng bệnh nào khả quan hết. Tôi hỏi cô ta có thay đổi gì trong cuộc sống không? Cô ta trả lời là vẫn đi làm nghề nail vào cuối tuần. Mỗi ngày trong tuần cô ta đều tập thể dục. Buổi sáng cô ta đi chạy bộ 3 km, buổi tối cô ta tập yoga và phi-lát để cho thân hình được thon thả, mặc áo dài cho đẹp. Tôi hỏi cô có thay đổi gì trong thực phẩm không? Cô trả lời là cô rất kén ăn để giữ eo. Tôi nghĩ rằng với bộ ngực của cô mà còn giữ eo thì ai chịu cho thấu. Tôi thấy thật tội nghiệp cho ông chồng đang tuổi ngũ tuần của cô. Khi cô vợ còn đang phơi phới nhìn thật mát mắt mà anh thì đã đến tuổi xế chiều làm sao mà chiều nổi cô vợ. Bệnh nhân không có tiền sử bệnh tim trong gia đình. Tim đập mạnh, hơi thở tốt. Không có gì thay đổi trong sinh hoạt, ăn uống vẫn bình thường nhưng tự nhiên lại có triệu chứng khó thở. Tôi cũng đành bó tay không tìm được một giải thích nào xứng đáng. Tôi gửi bệnh nhân đi chụp x-ray phổi, chụp xi-ti ngực và làm EKG tim, hẹn cô khi nào có kết quả thử nghiệm thì đến tái khám.

Buổi tối tôi về nhà lên mạng tìm bài thơ “The Road Not Taken” của ông Robert Frost để đọc lại. Tìm trên Google thì lại thấy một cuốn sách với tựa đề “The Road Less Traveled” của tác giả M. Scott Peck, MD. Cuốn sách này đạt kỷ lục về số lượng sách bán được trong 12 năm nên chắc hẳn là rất thịnh hành. Linh mục Giuse Lê Công Đức cũng đã dịch ra tiếng Việt và in sách với tựa đề “Con đường chẳng mấy ai đi” nhưng bây giờ chỉ còn trong dạng ebook. Tôi ngồi đọc lướt qua tiểu sử của bác sĩ Peck thì biết được rằng hai năm sau khi xuất bản cuốn sách, ông Peck được rửa tội để trở thành một Kitô hữu. Người ta nghĩ một bác sĩ như ông Peck chắc khó mà tin vào một thượng đế sau khi phải chứng kiến nhiều sự chết chóc, đau khổ thể xác của con người. Tuy nhiên ông ta đã xin được rửa tội vì ông nhận thấy Thiên Chúa chiến thắng đau khổ và sự chết chóc? Tôi có nói chuyện với một vị linh mục Công Giáo, ông ta cho rằng người có đạo sẽ dễ chấp nhận cái chết hơn người không có đạo. Điều này là vì họ tin vào Thiên Chúa và sự sống đời sau. Riêng cá nhân tôi, tôi thấy có đạo hay không có đạo không nhất thiết chuẩn bị cho người ta đón nhận cái chết. Tôi thấy ai cũng ham sống sợ chết khi phải đối đầu với nó. Tôi đã từng phải chữa cho một bà cụ Việt Nam 85 tuổi, tim yếu, thận hư. Tôi khuyên gia đình mang bà về để bà chết trong bình an. Nhưng gia đình Công Giáo này nhất định không cho phép rút ống và bắt chúng tôi phải chữa trị bà bằng mọi cách. Họ sợ rằng thiên hạ sẽ cho rằng họ bất hiếu ư? Hay là họ sợ Chúa sẽ phạt họ về tội giết người? Tôi thật sự không hiểu tư duy của họ. Hai tuần sau bà cụ cũng ra đi mặc dù chúng tôi đã bơm đủ mọi loại thuốc vào cơ thể bà. Ngược lại tôi cũng được chứng kiến một linh mục Việt Nam chấp nhận cái chết một cách nhẹ nhàng. Ông ta còn cảm ơn tôi khi tôi mang hung tin đến cho ông. Ông từ chối những phương cách chữa trị cuối cùng và xin được về để chết tại gia. Gặp

những trường hợp như vị linh mục, tôi nghĩ rằng người ta dễ chấp nhận cái chết hơn nếu họ thật sự tin vào Thiên Chúa thay vì chỉ nói ngoài miệng.

Ba ngày sau, tôi gặp lại cô bệnh nhân với bộ ngực thẩm mỹ. Tôi hỏi:

- Có phải ông nhà bị bệnh yếu tim không?
- Dạ phải. Nhưng làm sao bác sĩ biết? Anh ấy mới phải uống thuốc trợ tim cách đây khoảng 6 tháng.
- Tôi đoán bệnh anh ấy sau khi nhìn kết quả test của chị.
- Em không hiểu. Kết quả test của em thì có liên quan gì đến anh?
- Đạo này ông xã có hay nấu cơm cho chị ăn không?
- Dạ không. Em ở nhà nấu cơm chiều. Buổi sáng trước khi đi làm, anh làm oatmeal để sẵn đó cho em dậy ăn sáng trước khi chạy bộ.
- Tôi đoán ông xã chị bị bệnh tim là như vậy. X-ray và xi-ti scan của chị bình thường. EKG cho thấy tim chị đập chậm lại giống như người bị bệnh tim. Lý do mà tim của chị đập chậm là tại vì ông xã cho chị uống thuốc trợ tim của ông. Vì tim của chị đập chậm nên chị cảm thấy khó thở.
- Nhưng tại sao anh ấy lại cho em uống thuốc trợ tim của anh ấy?
- Một trong những tác dụng phụ của các loại thuốc beta blockers là giảm ham muốn tình dục. Chuyện này cũng bình thường thôi. Anh ấy bị yếu tim mà còn muốn làm chuyện ấy thì chỉ có nước chết sớm. Tuy nhiên anh ấy uống thuốc mà chị không uống thì lại xảy ra cảnh anh không còn ham muốn tình dục nhưng còn chị thì sao? Do đó tôi đoán anh bỏ thuốc trợ tim của mình vào trong oatmeal của chị để hai người cùng lãnh cảm giống nhau, không còn thèm muốn chuyện đó nữa. Chắc anh ấy sợ nếu không thỏa mãn chị, thì chị sẽ tìm ở một nơi khác.
- Trời ơi! Bác sĩ có chắc chắn như vậy không?
- Chị không muốn tin tôi thì tùy chị. Chị có thể đi khám bác sĩ khác.
- Như vậy thì em phải làm sao?
- Thì đừng ăn oatmeal do anh ấy làm nữa.
- Không. Ý em muốn hỏi là làm sao để cho anh ấy bớt ghen tuông với em?
- Cái đó là ngoài kiến thức chuyên môn của tôi. Hay là anh chị có thể đi gặp cố vấn hôn nhân?

Cô nàng đột nhiên bật khóc nức nở. Tôi cũng không biết làm gì hơn nên đành phải ôm lấy nàng, vỗ nhẹ ở trên lưng và để yên cho nàng khóc trên vai tôi. Đời sống con người ta thật oái ăm. Có một bộ

ngực thật hấp dẫn như cô này. Lầy chồng Việt kiều rồi được đi Mỹ. Cuộc sống tưởng như là một giấc mơ của những cô gái khác. Nhưng bây giờ chính thân hình kêu gọi của cô và cuộc hôn nhân như đôi đũa lệch này đã đặt cô vào trong một tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Bỏ thì thương, vương thì tội. Cũng giống như trong niềm tin tôn giáo. Tin vào Chúa thì chết. Không tin vào Chúa thì cũng chết. Như vậy thì tin vào Chúa để làm gì? Tôi chọn con đường ít ai đi, không phải vì nó dễ hay khó. Chưa chắc con đường có nhiều người chọn như cô bệnh nhân này đã dễ dàng, suông sẻ. Nhưng tôi chọn con đường ít người đi vì tôi muốn chịu trách nhiệm cho sự lựa chọn của mình. Khi bất trắc xảy ra, tôi sẵn sàng đương đầu với nó mà không đổ thừa cho người khác. Tôi sẽ không than thân, trách phận vì đây là sự lựa chọn của tôi. Điều này chuẩn bị tư duy của tôi để đối phó với cuộc sống. Tôi tin vào Chúa không phải vì Chúa sẽ cứu tôi khỏi chết. Nhưng tôi tin vào Chúa để tôi có can đảm chấp nhận những đau khổ và khó khăn sẽ đến với tôi trong cuộc sống. Nó thật là mâu thuẫn phải không? Vì vậy nó mới là con đường ít ai đi... ■

*Vô Gia Nguyễn Tuấn Huy*

Houston, Ngày 29 Tháng 4 Năm 2023



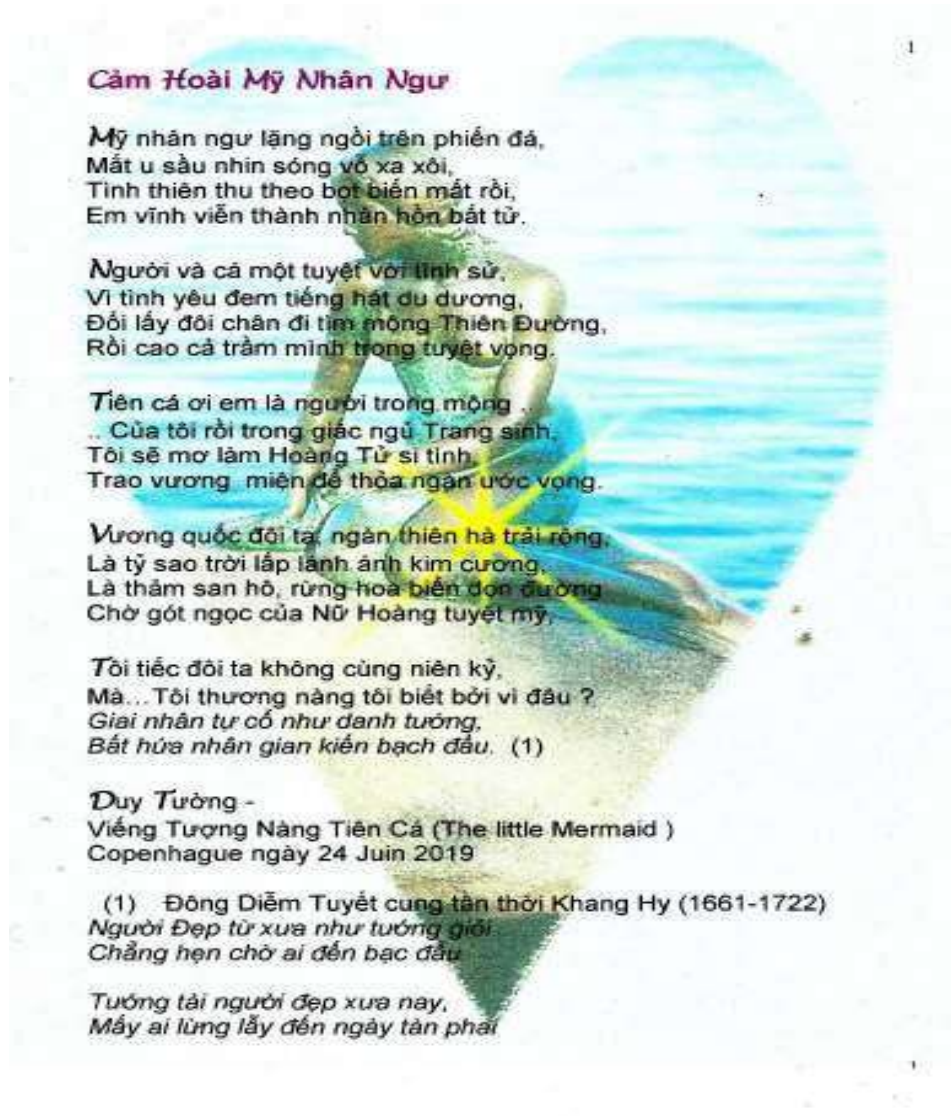
"Critical thinking is what college is all about. College is not about cramming students' heads with facts. It's about teaching students to think."

Critical thinking : a student's introduction / Gregory Bassham . . . [et al.].—4th ed., p. xi.

## “Cảm Hoài Mỹ Nhân Ngư”

(Reprinted to Include the First Page)

**Khuất Duy Tường**



**C**ảm Hoài Mỹ Nhân Ngư” là một bài thơ được cảm tác từ một cuộc du ngoạn xứ Đan Mạch vào năm 2019 với cộng đồng người Việt Paris, vào thời điểm chúng tôi đến chiêm ngưỡng Tượng Nàng Tiên Cá nổi tiếng (một biểu tượng văn hóa của đất nước Đan Mạch), xoa tóc u buồn ngồi trên tảng đá ở bên cảng Copenhagen tại Langelinie, lặng nhìn xuống vịnh Oresund.





Tượng nàng tiên cá Little Mermaid là một tuyệt phẩm điêu khắc để minh họa và lưu niệm truyện thần thoại The Little Mermaid của văn hào Đan Mạch Hans Christian Andersen.

Bức tượng được tài trợ bởi doanh nhân người Đan Mạch Carl Jacobsen (1842 - 1914 - người sáng lập hãng bia Carlsberg), thực hiện bởi nhà điêu khắc lừng danh Edvard Eriksen (1876 - 1959) và khánh thành ngày 23 08 1913.





Bức tượng Nàng tiên cá, biểu tượng văn hóa Đan Mạch đã vượt đại dương để dự Triển lãm Thế giới Thượng Hải từ 01/5 đến 31/10/2010.

<https://www.youtube.com/watch?v=8bH3JZoQg74>

### **The Little Mermaid Leaves For China EXPO**

Tượng Mỹ nhân ngư ngồi xổm tóc cô đơn trên phiến đá, nét u buồn và lãng mạn, chỉ cao 1,25 m và nặng 175 kg, đã khiến tôi nhớ lại cốt chuyện thần thoại lâm ly của Andersen đã có lần đọc qua, nhưng lần này trở lại trong ký ức, vô cùng thấm thía trước bức tượng tuyệt vời này, một đối tượng « sống » mục sở thị, làm tôi muôn phần xúc động, gây cảm hứng viết bài thơ này, để biểu lộ niềm xót xa xuất phát tận đáy lòng và chia sẻ với những bạn đồng hành du ngoạn lúc bấy giờ trong khuôn khổ một chương trình văn nghệ thi ca.

Các bạn có thể vào đường dẫn dưới đây để:

1/ đọc lại cốt chuyện thần thoại Nàng Tiên Cá này (Việt, Anh, Pháp ngữ) qua những đường dẫn dưới đây

<https://truvencotich.top/doc-truyen/nang-tien-ca>

[http://coachcenglish.weebly.com/uploads/1/3/3/7/13371658/hcas\\_the\\_little\\_mermaid.pdf](http://coachcenglish.weebly.com/uploads/1/3/3/7/13371658/hcas_the_little_mermaid.pdf)

<https://eduscol.education.fr/document/28861/download>

<https://www.pdfdrive.com/fairy-tales-illustrated-barnes-noble-classics-d192009637.html>

2/ xem video Theatre (một tài liệu đặc sắc)

The Little Mermaid #Shelley Duvall's Faerie Tale Theatre

<https://www.youtube.com/watch?v=iMuBPz4O5Oc>

**La petite sirène 2018 (Film complet en Français)**

<https://www.youtube.com/watch?v=vSFppRWcxO8>

3/ Xem phim hoạt hình truyện cổ tích Nàng tiên cá dành cho thiếu nhi

<https://www.youtube.com/watch?v=hJ1P2xFfUyA>

Nàng Tiên Cá Nhỏ Aria Phim | Truyện cổ tích Việt Nam | Phim hoạt hình cho trẻ em. ■

## **Khuất duy Tường**

Lyon, France

[Trở về mục lục](#)

**ĐỂ GÓP THÊM THÚ VỊ CHO NHỮNG NGƯỜI YÊU THÍCH LAN**  
**Phần 2/2**  
**Nguyễn Lương Duyên**



Các chi lan tiêu biểu: Ansellia, Eulophia, Bulbophyllum, Aerangis, Chamaengis, Habenaria, Ancistrochilus, Angraecum, Calanthe, Polystachia, Podangis.

Môi trường dễ bị tổn hại của khu vực này thường bị các tổ chức, các đại công ty lạm dụng, từ việc khai thác vô độ các tài nguyên đến việc thải rác công nghiệp gây ô nhiễm nặng. Đây cũng là khu vực mà dân số gia tăng nhanh chóng. Các bất ổn chính trị trong khu vực làm môi trường thiên nhiên bị tàn phá không được quan tâm đúng mức. Và dĩ nhiên tài nguyên lan rừng thuộc hàng quan tâm thứ yếu so với sự quan tâm cải thiện đời sống dân chúng và bảo tồn động vật.

11. Thực vật chúng, kể cả lan, khu vực **Nam Phi** rất riêng biệt, nhiều loài không tìm thấy nơi khác. Đa số lan là địa lan, thường không được coi thuộc lan nhiệt đới. Lan của khu vực này thường đòi hỏi một môi trường lạnh, nước sạch, và ánh sáng mạnh rất khó thấy nơi khác và cũng khó thiết lập chỗ vườn ương.

Các chi tiêu biểu: Disa, Habenaria, Stenoglottis, Polystachya, Disperis, Satyrium.



Nam Phi là vùng đất được bảo vệ tương đối ổn định so với những nơi khác ở châu Phi, tuy vậy môi trường thiên nhiên, trong đó có môi trường sinh trưởng của các loài lan, cũng bị ảnh hưởng bởi phát triển đô thị, kỹ nghệ, cầu đường...

12. Khu vực **Madagascar**, do vị trí tương đối biệt lập của đảo, thực vật và động vật nơi đây không tìm thấy nơi nào ngoài bản địa. Ước tính có đến 90% các loài lan trong số hơn 1000 loài chỉ hiện hữu tự nhiên trên đảo. Một loài lan nổi danh được biết phổ biến với tên Lan Darwin, *Angraecum sesquipedale*, do vị cha đẻ của ngành Sinh học Tiến hoá nghiên cứu, có ống mật hoa dài tới 30 cm. Darwin đặt giả thuyết **phải** có một loài thụ phấn đặc biệt cho loài này có vòi đủ dài để hút mật. Hai mươi năm sau, các nhà nghiên cứu mới xác định được loại bướm ngài chuyên thụ phấn cho loài này, là hawkmoth *Xanthopan morgani*.

Các chi chính tiêu biểu: *Angraecum*, *Aerangis*, *Aeranthes*, *Bulbophyllum*, *Cymbidiella*, *Cynorkis*, *Jumellea*, *Polystachya*.



Lan hiện diện khắp cùng trên đảo, từ bờ biển đến rừng núi cao nguyên đến những đỉnh núi cao. Đáng tiếc là đảo quốc này chịu nhiều thoái hoá môi sinh từ lâu nay. Mỗi năm đều có nhiều vụ hạ cây đốt rừng lấy đất làm nông nghiệp và khai thác trắng rừng lấy gỗ. Sự soi mòn đất đai vô cùng trầm trọng, sông ngòi nhuộm đỏ bùn đất đỏ ra Ấn độ dương, đến mức các phi hành gia mô tả là đảo quốc đang mất máu! Các nỗ lực của thế giới để cứu vãn sự thoái hoá môi sinh có vẻ không có kết quả, và hệ sinh vật hoang dã của đảo quốc này sẽ có nhiều loài tuyệt chủng là có nguy cơ rất cao.

13. Khu vực **Đông Nam châu Á**, khởi từ biên giới Nam Trung hoa trải dài hết bán đảo Mã lai và gồm thêm vô vàn đảo lớn nhỏ của Nam dương. Khu vực nhiều kiểu địa hình này hoàn toàn thuộc về nhiệt đới. Sự đa dạng của lan trong khu vực, một phần lớn là do ở sự hoang vu cô lập của nhiều đảo và chênh lệch cao độ. Khí hậu gió mùa nơi đây cho thấy 2 mùa, mùa mưa lớn xen kẽ với mùa khô thích hợp với đa số các loài lan. Lan khu vực Đông Nam Á đa số là phong lan (biểu sinh), từ loài chịu ẩm đến ưa lạnh khi cao độ tăng đến 3,000m hay đến 5,800m xa hơn về phía bắc vùng Myanmar.



Các chi tiêu biểu: *Vanda* (Hạ đà, Vân đa), *Dendrobium* (Hoàng thảo và nhiều tên mỹ miều khác cho từng loài), *Bulbophyllum* (Cầu diệp), *Phalaenopsis* (Hò điệp), *Paphiopedilum* (Lan hài), *Aerides* (Giáng Xuân), *Ascocentrum* (Hoả Hoàng).

Khu vực này có nền kinh tế phát triển nhanh, và hệ quả là sự lạm thác quy mô lớn các vùng rừng để lấy gỗ và mở mang đất nông nghiệp và công nghiệp. Việc đốt phá rừng vẫn là một vấn đề nan giải cho các chính phủ địa phương. Các chính sách phát triển của các quốc gia trong khu vực không coi lan là một tài nguyên cần gìn giữ, và do vậy rất nhiều loài lan ngày nay không còn tìm thấy trong tự nhiên nữa.





14. Khu vực **Trung Trung-hoa**, hoa lan hiện hữu lâu đời trong văn hoá Trung hoa. Lan được người Trung hoa tán thưởng về đẹp và giá trị qua thi thơ, qua y học từ ngàn xưa. Những ghi chép cổ ghi nhận Khổng Tử đã biết trồng lan trong bồn cách nay trên 2,500 năm.

Nơi sinh trưởng của các loài lan cũng khác nhau, đa số các lan sống trong rừng, và một số lớn trong chúng là địa lan hoặc gần-địa lan (mọc dưới gốc cây trên thảm rêu và mùn). Một vài Lan Hải (Paphiopedilum) mọc trên vách núi đá vôi. Môi trường nuôi trồng các loài này thường phải trộn thêm vỏ sò.

Các chi lớn tiêu biểu: Cymbidium, Paphiopedilum, Dendrobium, Bletilla, Ludisia, Cyripedium, Pleione, Neofinetia.



Sự phát triển kinh tế nhanh chóng của Trung hoa có hậu quả làm kiệt quệ môi trường hoang dã, và sự sinh tồn của lan các loài bị đe dọa nghiêm trọng. Y học cổ truyền Trung hoa đề cao dược tính của vài loài *Dendrobium*, đặc biệt là *Dendrobium officinale* (y học Tàu gọi là Thiết bì Thạch hộc) trong việc tăng cường hệ miễn nhiễm, đã không còn thấy trong thiên nhiên do bị thu hái quá độ. Phần lớn những lan gốc Trung hoa có trên thị trường hiện nay là do nuôi và gây giống trong các vườn ương khắp nơi (ex-situ)

15. Khu vực **Nhật bản-Triều tiên-Nam Kamchatka**, bao gồm Đông Siberia, bán đảo Triều tiên, và Nhật bản. Khí hậu vùng này có tính chất từ á nhiệt đới với vũ lượng cao, ôn đới đến hàn đới. Lan trong khu vực đa số là địa lan với một số không lớn phong lan sinh trưởng vùng á nhiệt đới. Nhật bản là nơi giàu các chi lan nhất trong khu vực và cũng là nơi có truyền thống ưa chuộng lan, nhất là các Kiếm lan, *Cymbidium*. Số chi lan ghi nhận là khoảng 85 ở Nhật, 24 đến 30 ở Đông Siberia và bán đảo Triều tiên.

Các chi tiêu biểu: *Hippeophyllum* *Cleisostoma* (Nhục lan), *Liparis* (Nhân diệp), *Sedirea*; vùng á nhiệt đới có các chi *Cymbidium*, *Dendrobium*, *Bulbophyllum*, *Taeniophyllum* (Căn diệp).





Các nước trong khu vực có chính sách bảo tồn thiên nhiên rất nghiêm ngặt. Các rừng tư nhân được quản trị khoa học và tuân luật pháp. Tuy nhiên nhu cầu về lan ở Nhật, Đại hàn, và cả Hoa kỳ rất cao đã là nguyên nhân của nạn thu hái quá độ, buôn lậu lan vùng Trung hoa và Đông Nam Á qua ngõ Hồng Kông, Đài loan, đưa đến nhiều loài có nguy cơ biến mất ngoài thiên nhiên. Tệ nạn này được hạn chế nhờ những biện pháp đòi hỏi và kiểm định xuất xứ của lan nhập cảng.

16. Khu vực **Tây châu Úc**, là một khu vực rộng lớn chiếm 1/3 diện tích nước Úc, có một khí hậu tương phản rõ rệt, phía Bắc là á nhiệt đới nóng, mưa nhiều, phía Nam là khí hậu Địa trung hải, vùng trung tâm là khu vực khô hạn. Tháng 11 nóng nhất và tháng 7 lạnh nhất. Dân cư sống tập trung phía Nam. Khu vực này khá giàu số loài lan, ước tính có 430 loài (trên tổng số 1,700 toàn châu Úc) phân chia trong 39 chi. Lan rất đặc sắc, đẹp, nhiều màu sắc và có 2 loài (trong số 4 loài trên thế giới) là lan mọc ngầm trong đất. Trên 90% các lan là loài bản địa không hiện diện tự nhiên nơi nào khác.

Các chi tiêu biểu: *Caladenia*, *Pterostylis*, *Diuris*, *Thelymitra*, *Microtis*, *Prasophyllum*, *Drakaea*, *Paracaleana*, *Cyanicula*.





Nguy cơ huỷ hoại môi trường do con người không lớn và các loài lan bị đe dọa mất môi trường sinh trưởng bởi nhiễm mặn, cỏ dại, bệnh, và lửa rừng.

17. Khu vực **Đông châu Úc và Tân tây lan**, bao gồm phần lãnh thổ trải dọc theo bờ biển phía góc Đông Bắc – Đông Úc – Đông Nam, đảo Tasmania, và nước Tân tây lan. Lãnh thổ thuộc Úc thấp và khô trong nội địa, khí hậu gió mùa nhiệt đới, nhiệt độ cao, có mưa ở phần trên của Nam chí tuyến và nhiệt độ ôn hoà hơn phần dưới chí tuyến (Victoria, Tasmania). Lãnh thổ Tân tây lan núi cao và mưa nhiều.

Từ lâu mọi người đã biết đường Wallace và/hoặc đường Weber chỉ ra sự ngăn cách về động thực vật của khu vực, các loài nơi đây rất đặc trưng bản địa, không tìm thấy trong thiên nhiên ở nơi khác, do không có cầu nối trong quá khứ địa chất với phần châu Á. Phong lan chỉ chiếm 25% trong số khoảng 800 loài, có thạch lan như *Dendrobium spaciosum* hay lan bò như *Dendrobium linguiforme*.

Các chi tiêu biểu: phong lan có *Dendrobium*, *Sarcochilus* (lan bướm), *Dockrillia*; địa lan rụng lá sống tiềm sinh mùa khô nhờ thân hành và cần ký sinh với một khuẩn ti khi nảy mầm từ hạt nhỏ li ti như bụi, có *Acianthus*, *Corybas*, *Eriochilus*, *Geodorum*, *Phaius*, *Malaxis*, *Spathoglottis*, cùng với những chi phổ biến ở phía Tây như *Caladenia* chẳng hạn.









Tân Tây Lan có khoảng 120 loài trong đó chỉ có 8 loài là phong lan (*Dendrobium cunninghamii*, *Bulbophyllum*, *Earina*, *Winika*, *Adelopetalum* ...), Các địa lan tiêu biểu: *Pterostylis*, *Gastrodia* (lan khoai), *Spiranthes*, *Paracaleana*, *Microtis*, *Acianthus*, *Chiloglottis*, *Thelymitra*, *Molloybas*.



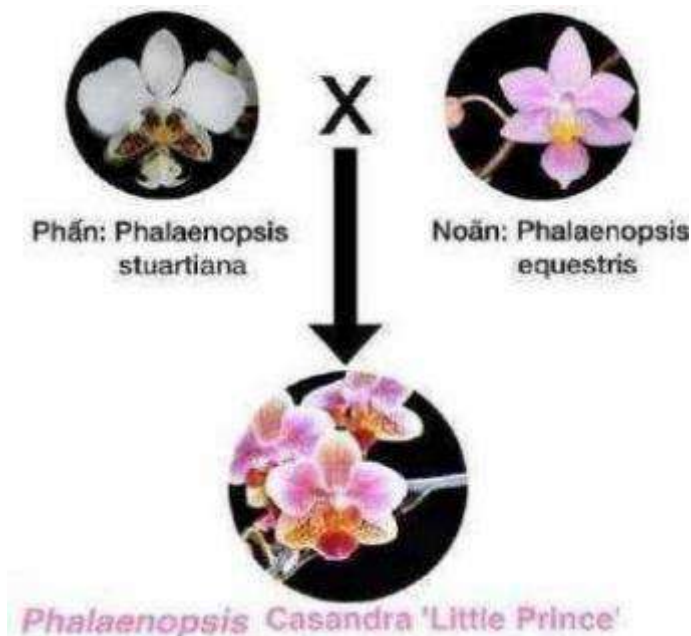
Việc khai thác hay chuyển đổi đất rừng cho nông nghiệp, mở mang đô thị, việc thu hái quá độ với mục đích thương mại là những mối đe dọa lớn nhất cho sự tồn tại của các loài lan khu vực này. Nhưng bù lại công tác sưu tầm, nhân giống, nuôi trồng các loài lan có nguy cơ bởi những nhà khoa học, các nhà vườn trong khu vực có những thành tựu đáng kể.

## 1. Lan lai giống.

Trong tự nhiên lan thường không tự lai giữa các loài với nhau dù mọc không quá cách xa. Lý do là các loài thường có thời gian trổ hoa sai biệt, hình thái hoa, mùi hương, màu sắc để dẫn dụ côn trùng thụ phấn cũng khác nhau. Về mặt di truyền bộ nhiễm thể cũng không tương hợp. hay nếu thụ phấn được thì loài lai cũng bất thụ. Nhưng nếu các trở ngại này được khắc chế, thí dụ như thụ phấn nhân tạo (dùng cây tăm chuyển phấn khối một loài đến nuốm nhuỵ một loài khác) thì sự lai tạo có nhiều cơ may thành công và loài lai có khả năng sinh sản. Các loài lai nhân tạo dễ thành công nếu lai giữa các loài cùng một chi, hay giữa những chikhác nhau nhưng cùng tông phụ, hiếm khi thành công giữa các tông phụ khác nhau (nhưng cùng trong một tông trong phân loại lan). Đã có những nhà lai tạo thành công trong việc tạo loài lan mới từ 6 chi khác nhau, gọi cho thấy lan là nhóm thực vật có khả năng lai tạo rộng rãi.

Loài lan đầu tiên lai tạo thành công và trổ hoa là *Calanthe Dominyi* (*furcata x masuca*), do John Dominy thực hiện ở Anh năm 1856. Sau đó là loài lai *Cattleya Hybrida* (*guttata x loddigesti*) đã khởi đầu cho một ngành tạo ra các loài lan nhân tạo không có trong tự nhiên phát triển. Đầu thế kỷ 20 khi Noel Bernard khám phá ra sự ký sinh cần thiết của lan với khuẩn ti để nảy mầm dần đến năm 1922 Lewis Knudson thực hiện thành công sự nảy mầm của các hạt lan nhỏ li ti như bụi trên môi trường agar với các đường chiết xuất từ khuẩn tivà thêm vài khoáng chất, đã thật sự mở đầu cho ngành kỹ thuật lai tạo lan bùng phát cho đến tận nay. Hiện thời số lượng loài lan lai tạo do con người đã vượt con số 100,000 loài và tiếp tục có thêm độ 1,000 loài mới mỗi năm.

Hai chi lan được lai tạo nhiều nhất là Phaleanopsis (Hồ điệp, Moth Orchid) và Dendrobium (từ chữ Hy Lạp có nghĩa là sống trên cây, Việt nam gọi là Lan Hoàng thảo). Có thể nói lan thuộc hai chi này bán rộng rãi trên thị trường hiện nay đều là lan lai giống. Với Hồ điệp các nhà lai tạo giống cổ tạo ra loài lai có cánh hoa lớn, tròn, phẳng, màu trắng, tím, có đốm hay sọc đẹp mắt.



*Phal* (tên viết tắt chỉ Hồ điệp lai giống) có màu trắng từ loài *P. amabilis* hay *P. aphrodite*. *Phal* tím có xuất xứ từ *P. sanderiana* hay *P. schilleriana*. Các loài khác được lai qua nhiều tầng tạo nên cả ngàn loài *Phal* bán trên thị trường.

*Dendrobium* cũng vậy, đại đa số bán trên thị trường là lan lai giống. Có khoảng 1,200 loài *Dendrobium* với đủ dạng vẻ, màu sắc để các nhà lai tạo chọn lựa tinh chất cho loài mới họ muốn tạo ra. Các *Dendrobium* lai thường xuất phát từ nhóm thân cứng, có lá tồn tại nhiều năm.

Để đặt tên cho loài mới, các nhà tạo giống chấp nhận quy ước chuẩn:

- nếu lai cùng chi, loài mới sẽ giữ lại tên chi (tên này khi in dùng chữ nghiêng, khi viết gạch dưới) tên loài do tác giả đặt, viết hoa chữ đầu, tiếp theo là tên hai loài cha mẹ cách nhau bằng chữ x, viết nghiêng). Thí dụ: *Phragmipedium* Eric Young (*besseae* x *longifolium*)

- nếu lai giữa hai loài khác chi, thí dụ lai *Cattleya mossiae* x *Laelia purpurata* tên loài lai sẽ là *Laeliocattleya* (viết tắt *Lc*) *Canhamiana*. Nếu loài lai này thụ phấn với chi mới *Brassavola* thì tên mới sẽ là *Brassolaeliocattleya* (tên tắt *Blc*).

- nếu lai nhiều hơn 3 chi, tên mới sẽ tận cùng bằng -ara, thí dụ *Potinara* (*Brassavola* x *Laelia* x *Cattleya* x *Sophranitis*). Một loài lan lai đa chi nổi danh là x- *Cambria* nay gọi là x- *Aliceara* được tạo nên từ 5 loài lai thuộc 5 chi nằm trong tông phụ *Oncidiinae*, tông *Cymbidieae*, họ phụ *Epiden-droideae*, (*Odontoglossum* Kunth x *Oncidium* Sw x *Miltonia* Lindl x *Cochlioda* Lindl x *Brassia* L.D).

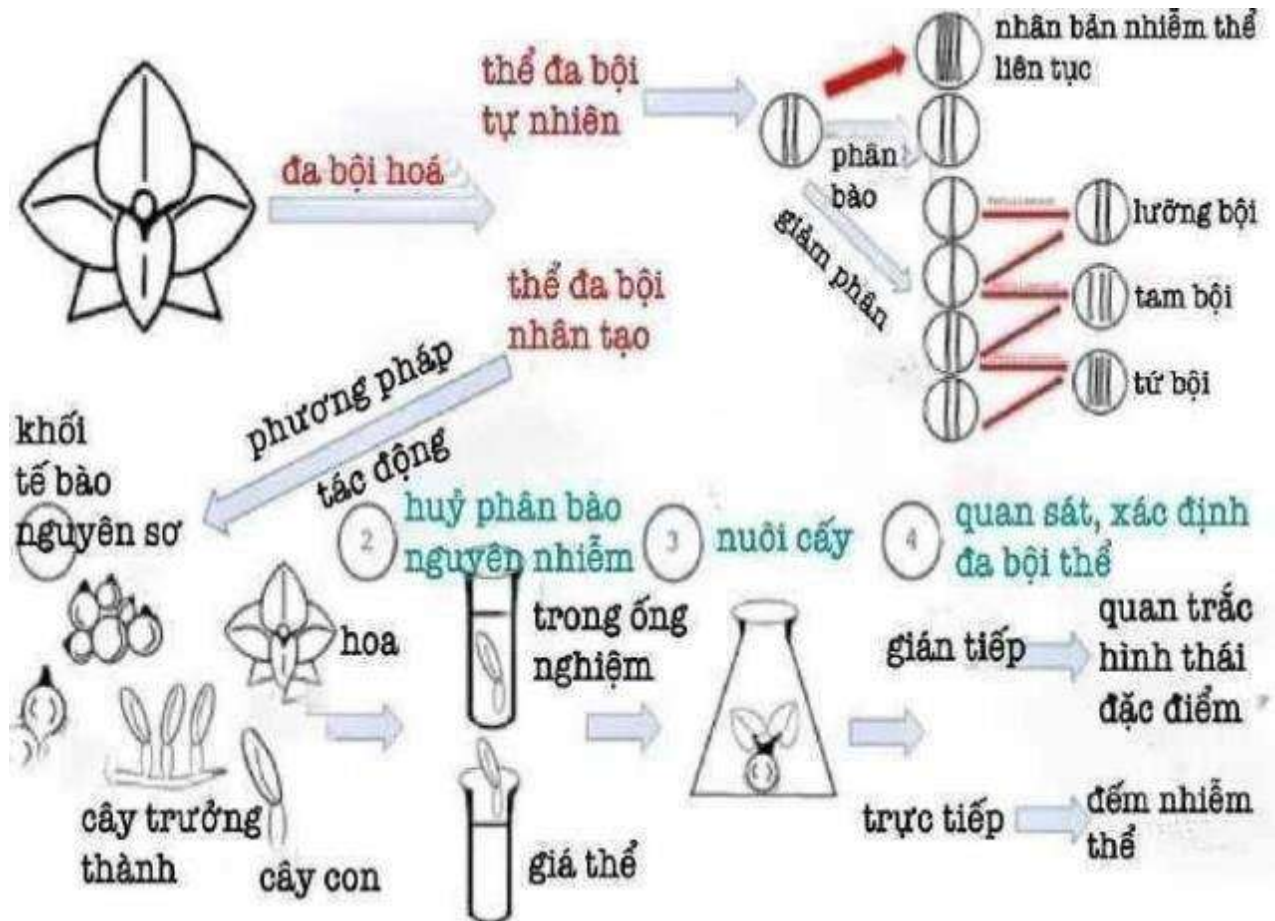


Các loài lai mới tạo sẽ đăng khai với Hội đoàn Royal Horticultural Society để được công bố và giữ tác quyền. Các loài lai mới sẽ được công bố trong chuyên san của Hội Đoàn và ghi nhận trong một danh sách xuất bản mỗi 5 năm.



## 5. Lan đa bội thể

Đa bội nhiễm sắc thể (có số nhiễm sắc thể nhiều hơn số lưỡng bội) ở thực vật, và nói riêng ở lan, xảy ra trong tự nhiên là do những trục trặc trong lúc phân bào hoặc có thể kích hoạt nhân tạo với những hoá chất ngăn cản phân bào như colchicin, oryzalin, trifluralin, propyzamide...



Hiện tượng đa bội thể có thể có tác động môi sinh qua việc phát triển, thích ứng, tiến hoá của loài bội thể. Đa bội thể nhân tạo được dùng trong các chương trình lai tuyến giống lan để có hoa lớn hơn, hương mạnh hơn, màu sắc rực rỡ hơn, lâu tàn hơn, kháng bệnh cao hơn... so với các lan lưỡng bội thể của tự nhiên. Bội thể cũng dùng như nguồn cải thiện các dòng lan lai tạo có sẵn. Nhưng cần nhớ, không phải tất cả các lan đa bội (cao hơn lưỡng bội tự nhiên) đều có đặc tính như nhau mà thay đổi rất lớn tùy loài. *Cymbidium* và *Phalaenopsis* có lẽ là hai chi lan đáp ứng thuận lợi nhất trong công việc tạo các loài đa bội thể.

Lưỡng bội ( $2n$ ) là chuẩn của tự nhiên. Thực vật lưỡng bội thường khoẻ mạnh, thích ứng cao với môi trường sinh sống, và là nguồn để lai tạo thích hợp cho các mức đa bội khác.

Lan tứ bội (4n), tăng trưởng chậm, độ mịn thô, hình thù không đẹp. Nhưng loài tứ bội rất đắcdụng trong lai tạo do ảnh hưởng mạnh vì số lượng nhiễm sắc thể gấp đôi.

Lan tam bội (3n) thường là kết quả của giao phối giữa 2n và 4n. Các Cymbidium 3n thường rất đẹp, tăng trưởng mạnh và thừa hưởng từ cha mẹ 2/3 đặc tính của lưỡng bội và 1/3 của tứ bội. Các Cymbidium 3n thường bất thụ, không cho hạt.

Lan ngũ bội (5n) có 5 bộ nhiễm sắc thể. Chúng ít được chuộng vì kém hữu dụng, loài lai tăng trưởng không đồng bộ, cây con rất khó dưỡng, và khó trở hoa. Chỉ một số nhỏ các loài lai có xuất thân từ 5n.

Lan lệch bội (dị bội) có một số lẻ nhiễm sắc thể, thừa 1 trong bộ nhiễm sắc thể của cây. Chúng thường là kết quả của giao phối với một loài có số nhiễm sắc thể lẻ hay giữa hai loài không tương thích mạnh. Cây con lai rất không đồng đều về phẩm chất tăng trưởng và trở hoa. Số cây thành thạo có phẩm chất tốt hay lạ thường mang tính ngẫu nhiên, là nguồn cảm hứng, kích thích cho những nhà lai tạo cố gắng theo đuổi lan dịbội.

Khi cho giao phối lai tạo giữa các đa bội có thể có các phương cách: lưỡng bội x lưỡng bội, tứ bội x tứ bội, tứ bội x lưỡng bội, giao phối giữa tam bội, ngũ bội, lệch bội.



***Cymbidium Fanfare***  
**'Sierra Spring'**  
**(2n)**



***Cymbidium Fanfare***  
**'St Francis'**  
**(4n)**





*Phai aphrodite 'Fancy Pearl'*  
(2n, 38 nhiễm sắc thể, tự nhiên)



*Phai amboinensis 'Patricia'*  
(4n, 76 nhiễm sắc thể,  
cây và hoa lớn hơn, khoẻ hơn,  
thụ tinh hữu hiệu hơn)



*Phai Sogo Grape*  
(3n, 57 nhiễm sắc thể  
thường bất thụ, không tốt để lai)



*Phai Ambo Buddha*  
(lệch bội)

## 6. Nhân giống vi mô Lan

Lan là nhóm hoa cảnh trong vườn nhà hay hoa viên, hoa trang trí, hoa trưng bày, hoa trang điểm trong lễ tiệc tôn giáo hay xã hội, rất được ưa chuộng. Ngành kinh doanh hoa lan trên thế giới trị giá nhiều trăm triệu dollar. Ngoài ra một số loài lan còn được dùng trong công nghệ thực phẩm như va-ni, gốc Trung Mỹ châu, nhưng nay được trồng khắp nơi. Một số lan, đặc biệt thuộc chi, Hoàng thảo, được dùng trong y học truyền thống để trị đau.

Nhu cầu chính yếu từ lan là hoa trưng bày và trang trí do vẻ đẹp, nét lạ, sự hiếm hoi, tính bí ẩn văn hoá. Số lượng để đáp ứng nhu cầu này rất cao, cần một phương cách sản xuất quy mô đại trà. Lan cũng được nuôi trồng như cây cảnh bởi những nhà chuyên môn và những người yêu thích lấy hoa lan làm thú thưởng ngoạn. Có lẽ không có nhóm hoa nào quy tụ đông đảo những nhà lai giống, gây giống chuyên nghiệp lẫn tài tử như lan. Và các hội đoàn chuyên lan nở rộ khắp thế giới, tạo nên một mạng lưới kinh doanh từ dụng cụ, hoá chất, nguồn hoa đa dạng, cơ sở phân phối... để đáp ứng cho ngành kinh doanh lan.

Trong thời gian dài lúc khởi đầu, các nhà thực vật và giới sưu tập không biết cách nhân giống lan do không có kiến thức sinh lý của lan, họ chỉ thu hái từ rừng, từ thiên nhiên.

Như đa số các loài trong giới thực vật, Lan có thể sinh sản theo hai đường: hữu tinh bằng hạt và vô tinh bằng chồi mầm từ cây trưởng thành. Sinh sản vô tinh có ba phương cách: tách cây có giả củ đang hoạt động (division), dùng giả củ già có chồi ngủ (backbulb, giới trồng lan Việt gọi là kie?), dùng cây chồi con mọc trên thân chính (offshoot, giới trồng lan gọi là keiki có nghĩa là đứa con trong ngôn ngữ bản địa Hawaii).



Hạt lan nhỏ li ti như bụi, được phát tán nhờ gió, có thể bay xa đến vài trăm km. Trong tự nhiên tỉ lệ nảy mầm của hạt lan rất thấp, dưới 1%. Nhưng với kỹ thuật hiện tại trong việc **cấy phôi** tỉ lệ nảy mầm tăng rất đáng kể, đóng góp đặc lực cho kỹ thuật lai giống và nhân giống. Hạt lan được diệt khuẩn với hoá chất và đặt vào bình cấy có chứa môi trường sinh trưởng nhân tạo gồm các muối, khoáng chất, acid amin, vitamin, đường, và các hormone tăng trưởng. Sau một năm, các cây con sẽ được lấy khỏi bình và đem trồng trong các vườn ương. Phôi dùng để cấy có thể đã phát triển đầy đủ (hạt trong nang lan) hay chưa (trứng đã được thụ phấn), và thủ thuật này có thể áp dụng cho mọi loài lan, thiên nhiên lẫn lai tạo. Kỹ thuật này cũng dùng để tạo ra dòng cây con không nhiễm khuẩn bệnh từ cha mẹ bị nhiễm bệnh.

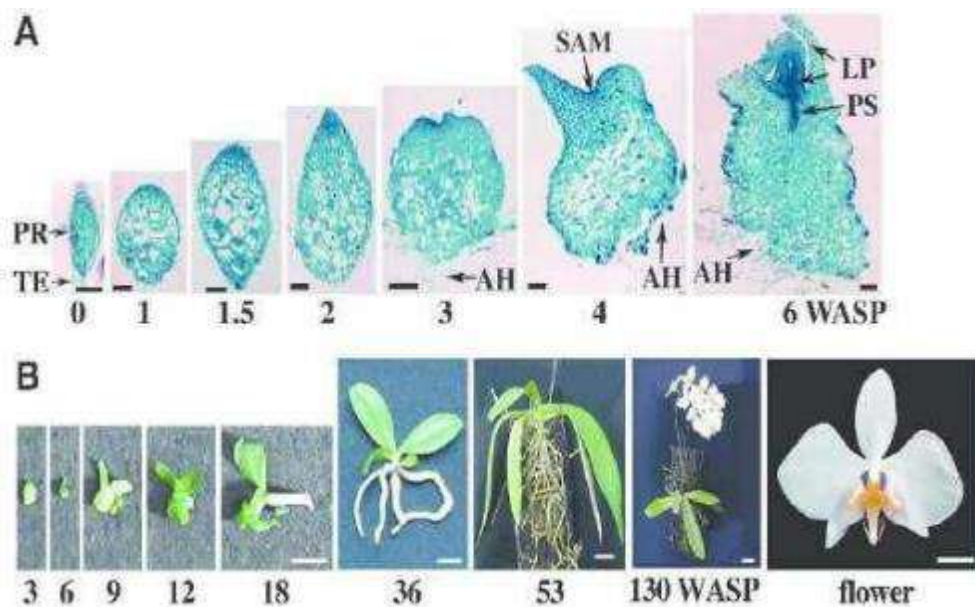


Các nhà lai tạo giống sẽ chọn lựa những cây có đặc tính mong muốn để gây tạo thuần dòng (clone) bằng sinh sản vô tính hay bằng cách hữu hiệu nhất là **cấy mô**.

### -Nhân giống vi mô Lan (Cấy mô Lan)

Cấy mô thực vật, đặc biệt cấy mô phân-sinh lan (nhân bản vô tính, thuần dòng hoá, cloning) là phương cách dùng kỹ thuật sinh học cao, rất hữu hiệu để sản xuất hàng loạt một loài lan được tuyển chọn hay loài lai bằng **con đường vô tính**. Mô phân sinh đỉnh của chồi hay của phát hoa non được bóc ra, **tiệt trùng kỹ lưỡng**, đặt vào môi trường sinh trưởng nhân tạo, sẽ phát triển thành các khối tế bào ban sơ (callus), từ đó hình thành cây con nhỏ. Các khối callus và cây con tiếp tục được chia cắt để tăng số lượng mong muốn trong phòng thí nghiệm. Cây con sau đó được chuyển ra vườn ương và nuôi dưỡng thành lan trưởng thành. Các cây con nhân giống theo cách này hoàn toàn mang các đặc tính đồng nhất với cây mẹ. Nhân giống vô tính vi mô thường có các phương cách sau:

- cấy chồi đỉnh của lá và rễ, chỉ dùng một phần của chồi, chọn mô phân sinh đỉnh, có kèm tế bào lá sơ khai. Cây mẹ có thể bị tổn thương khi thực hiện thủ thuật này.
- **cấy mô phân sinh trung tâm** (vòm) của chồi, **không** kèm tế bào lá sơ khai. Thủ thuật này còn được gọi là nhân bản vô tính với mô phân sinh trung tâm, và là phương cách chính để nhân giống quy mô các loài lan tuyển chọn hay lai giống, đồng thời cũng loại bỏ được khuẩn bệnh cho các cây con dòng vô tính, để khi đem trồng không là ổ lây lan bệnh.



### Chú thích:

**SAM:** mô phân sinh đỉnh của chồi ngọn    **LP:** lá sơ khai    **WASP:** số tuần từ khi gieo hạt một lan Hồ điệp, *P. amabilis*.

**A:** các giai đoạn phát triển của phôi, vạch: 20mm (0 tuần), 40mm (1-3 tuần), 50mm (4-6 tuần)

**B:** cấy callus, cây con, cây trưởng thành; vạch: 5mm (3-18 tuần), 1cm (36 tuần), 5cm (53 và 130 tuần), 2 cm (hoa).

- cấy mô khối tế bào sơ khai (callus) từ mô các cơ quan như lá, hoa, cuống hoa, nụ.

Khi các tế bào cơ quan được tách ra và chuyển vào các bình cấy có chứa môi trường dinh dưỡng, chúng thường có xu hướng tạo ra khối tế bào sơ khởi không tổ chức, không chuyên hoá gọi là callus, có vai trò giống như các tế bào của thể tiền khởi (protocorm) do cây con của lan tạo ra khi phải ký sinh bắt buộc với một khuẩn trong giai đoạn nảy mầm. Từ các mô này sẽ hình thành cây con hoàn chỉnh.

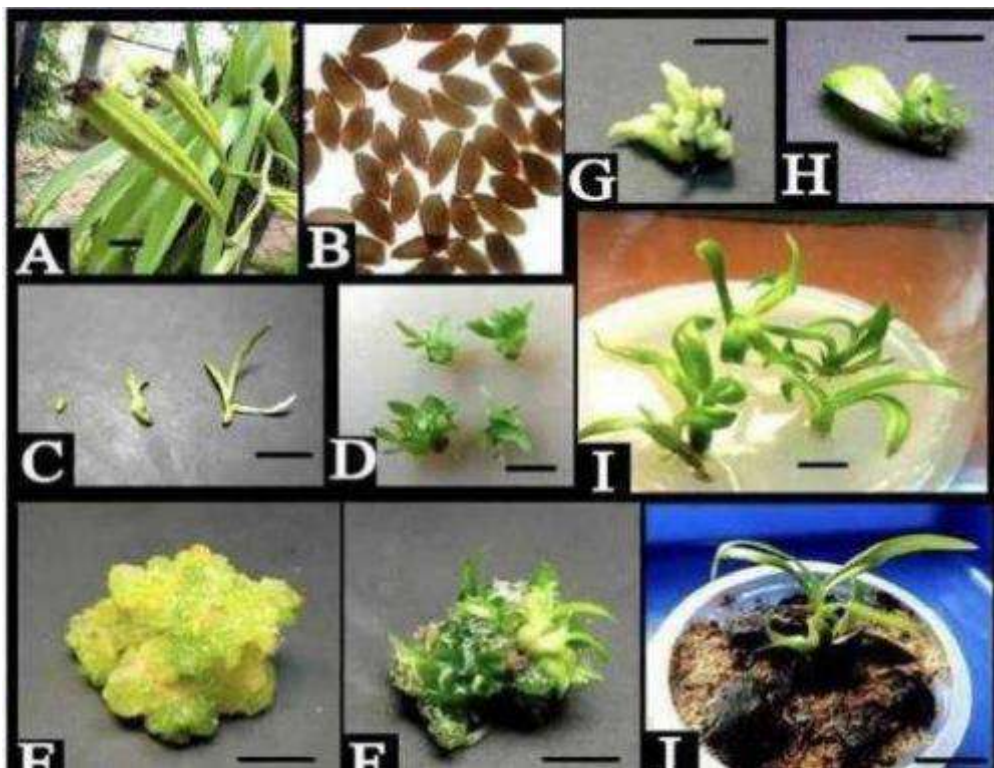
- cấy cơ quan, một cơ quan như lá, hoa, phát hoa, thân được cắt ra, tiệt khuẩn, ủ trong bình chứa môi trường cấy. Các tế bào của cơ quan **không** tạo sinh callus.

- cấy phần hoa, dùng bao phần nhị đực với các hạt phấn của phần khối chưa thành thực, để tạo ra khối tế bào đơn bội làm vật liệu cho công tác khác, như để tạo những tinh lặn của gen xuất hiện. Nhưng các callus đơn bội của lan thường tự động nhân đôi nhân ba số nhiễm thể và từ các callus này cây con sẽ sinh trưởng.

- cấy tế bào lơ lửng trong huyền濁, các tế bào riêng lẻ của cơ quan hay mô, các cụm tế bào nhỏ... được phân tán trong môi trường cấy lỏng. Cây con có thể phát sinh từ những tế bào này. Phương pháp này dùng trong việc hợp bào, tạo những loài lan biến đổi gene, hay tạo những chất biến dưỡng thứ cấp có mùi thơm, có màu sắc.

- cấy tế bào chất (tế bào thực vật không còn vách tế bào), dùng cho mục đích hợp bào, gắn DNA, hay đếm hay lựa nhiễm sắc thể. Các tế bào này có thể biến đổi trở lại thành cây lan hoàn chỉnh:





Chú thích: Nhân giống lan trong môi trường cấy nhân tạo, vạch 1 cm

**A:** trái lan **B:** hạt lan **C:** phát triển ban đầu của cây con từ cấy phôi **D:** cây con hoàn chỉnh **E:** callus (khối tế bào sơ khai) từ phôi **F:** cây mầm phát sinh từ callus **G:** mô phân sinh đỉnh phát triển thành tương đương thể tiền khởi (PLB-like) hay callus **H:** callus từ tế bào lá **I:** cây con trong đĩa cấy **J:** cây cấy mô chuyển ra chậu.

Các ứng dụng của cấy mô lan rất phong phú trong lĩnh vực khoa học cũng như kinh doanh. Có thể liệt kê các phần quan trọng như:

- nhân giống vi mô giúp nhân giống nhanh chóng với số lượng lớn cây giống các dòng thuần có tinh chất mong muốn.
- loại bỏ việc phát tán cây bệnh, nhất là các bệnh do virus, khuẩn, ở cây con qua việc cấy mô phân sinh.
- cấy phôi, đặc biệt với phôi chưa thành thực, có nhiều lợi điểm như rút ngắn thời gian tạo cây con, giảm thiểu tinh bất thụ các loài lai, thu thập, bảo tồn, trao đổi nguồn gene.
- sản xuất lan đa bội thể để có hoa bền, đẹp, lớn hơn.
- kích hoạt đột biến để có dòng có những tinh chất lạ, kháng bệnh hơn, chịu hạn hơn, thích ứng với môi trường mới...
- biến đổi di truyền
- tạo những chất biến dưỡng thứ cấp
- giúp ích cho nghiên cứu khoa học cơ bản về hình thái, chuyên hoá của tế bào, cơ quan, sinh sản, vai trò của các chất điều tiết sinh trưởng, sinh lý thực vật...



- chuyên chở an toàn, không quá cồng kềnh, ít tổn kém hơn...Khu sản xuất cây con không cần diện tích đất rộng, giảm thiểu nhân lực chăm sóc. Có thể hoạt động quanh năm, không phụ thuộc quá nhiều vào thời tiết, thời vụ.

Nhưng nhân giống vô tinh vi mô cũng có những bất tiện, nhất là cần nhân sự có chuyên môn cao, cần thiết bị cơ sở chuyên nghiệp và đắt tiền như nhà kính, phòng thí nghiệm. Việc tiệt khuẩn cần kỹ lưỡng ở mọi giai đoạn. Mỗi loài thường đòi hỏi những phương cách chuẩn bị, nhân giống, môi trường cấy khác nhau. Cây giống thường nhỏ, dễ dàng mất nước trong giai đoạn dưỡng cho cứng cáp trong nhà kính. Cây giống qua nhiều lần sinh sản vô tinh rất dễ tạo ra những tinh chất kỳ quặc do việc dùng rộng rãi các chất điều tiết sinh trưởng. Loạt cây gây giống chỉ nên sử dụng tối đa qua 7 lần cấy.

## 7. Tản mạn về Lan như một lời kết

Lan thiên nhiên phần nhiều thuộc loài khó “bắt nốt” hay nuôi trồng. Nhu cầu sinh trưởng của lan cũng rất khác nhau, đôi khi rất khó nấp fng trong ãn điều kiện nuôi thông thường mà cần những thiết bị chuyên môn như của các nhà chuyên nghiệp hay các tổ chức chuyên môn. Nhu cầu của các lan thường rất chi li về ánh sáng, nhiệt ãn, nước và dưỡng chất, ãn ãn không khí, sự thông thoáng không khí, giá thể, tính dễ nhiễm bệnh hay bị tổn hại từ côn trùng, khuẩn.

Với đại chúng, có lẽ khi nuôi lan lâu dài cần lưu ý hai điều: chọn loài thích hợp với điều kiện môi trường tự nhiên nơi mình sống, và theo dõi sức sống của lan như bệnh hay côn trùng gây hại, môi trường sinh trưởng phù hợp hay không, lá rụng, không trở hoa, ẽo uột...Như mọi cây cỏ, lan cũng chịu sự tấn công cắn phá, gây bệnh của thiên địch. Lan thường bị cắn hại bởi côn trùng thuộc nhóm Vỏ phấn (mealybug), nhóm Cánh nửa (scale insects), nhóm Rệp cây (aphid). Các loài Ve bét (spider mite) hay sên ốc cũng chọn lan làm thức ăn. Lan còn chịu sự gây bệnh của nấm, vi khuẩn, và virus.

Nhận biết tác hại và phương cách phòng chống, nuôi trồng lan thành công được cải thiện nhiều trong hiện tại nhờ tham khảo ở nơi các phần mềm ứng dụng dễ dàng truy cập trên Internet, hay tìm đọc tại thư viện, các hội đoàn, tổ chức chuyên lan.

Quốc gia nào cũng tự hào về lan đặc hữu của đất nước. Có thể nói không có bộ sưu tập hoa của nước nào không lấy hoa lan làm chủ điểm.

Thú vui tao nhã sưu tầm, nuôi trồng, thưởng ngoạn lan đã có từ rất lâu, từ đông sang tây. Những văn liệu cổ nhất cho thấy chữ Hán chỉ cây Lan xuất hiện từ 4,000 năm trước. Khổng tử (551- 497 trước tây lịch) đã ca ngợi khí tiết của lan để dạy đệ tử sự tu thân, là khởi điểm của sự nghiệp kẻ sĩ ưu tú. Ngài nói “Hoa lan lẩn khuất nơi thâm sâu, không ai biết tới nhưng hương thơm vãn toả. Người nhân phẩm cao quý không để cảnh khốn khó làm nhục chí mất đức.”

Việt Vương Câu Tiễn (trị vì 496-465 trước Tây lịch) đã sưu tầm và trồng lan có quy mô. Khoảng thế kỷ thứ ba sau tây lịch, trong các tác phẩm về cây cỏ của Trung hoa có đề cập đến Kiến Lan (nay được biết dưới tên Cym- bidium ensifolium) và Thạch học (nay được biết dưới tên Dendrobium moniliforme) một cách chi tiết. Nền văn hoá phương Đông đã coi lan như biểu tượng thanh cao của kẻ sĩ ưu tú. Sự vun trồng, thưởng ngoạn hoa lan, được coi là một cách thức dưỡng tâm điền ãm, đời nào cũng có văn nhân thi hào nổi danh ca tụng.

Trong lịch sử Việt nam, vua Trần Anh Tông (1276-1320) nổi tiếng với thú chơi lan qua việc thành lập Ngũ Bách Lan Viên, với cả 500 loài lan khắp nơi triều cống. Phương Đông sùng mộ lan và thấy trong lan ngoài hương, ngoài sắc, ngoài dạng còn có cả cái thần giao cảm giữa hoa và người. Xin chọn hai bài Vịnh Lan của hai danh sĩ,

Dư Đồng Lộc, đời Nguyên, của Trung hoa và Nguyễn Ân, một kẻ sĩ đất Việt, sống thời loạn lạc giữa hai nhà Nguyễn Tây Sơn – Nguyễn Phúc:

Thủ bồi lan nhụy lưỡng tam tài  
 Nhật noãn phong hoà thử đệ thiên  
 Toạ cửu bất tri hương tại thất  
 Thời song thời hữu điệp phi lai

(Dịch nghĩa: Tự tay chọn cài khóm lan để trồng, Theo nắng gió thuận hoà mà vun xới, Hương hoa tràn ngập trong nhà không hay biết, Chỉ khi đẩy cửa ra ngoài mới thấy bướm rập rờn bay quanh). DDL.

Đào lệnh quy lai tam kính gian  
 Cúc lý kham thái cánh tài lan  
 Thanh phân ám đệ vi phong quá  
 Tú sắc tầng triêm trụ lộ hàn  
 Thế thái phồn hoa cô mộng tỉnh  
 U hoài nhĩ đạm bán khâm nhàn  
 Du du thủy thi tri âm giả  
 Nghĩ thác cầm Nhan vị nhân đàn

(Dịch nghĩa: Như bậc hiền giả họ Đào ta trở về chốn chỉ có vài ba con lộ nhỏ. Sẵn cúc bên dậu nhưng vẫn muốn tìm lan để trồng, Hương thanh thoát tỏa lan trong gió thoảng, Sắc càng thắm khu đón giọt sương lạnh rơi, Mặc đời lao xao riêng ta tỉnh mộng, Nỗi u hoài đạm bạc muốn nhàn xin gói vào nửa cỗi lòng riêng, Biết ai tri âm trong cảnh đời vơi vợi. Muốn học theo họ Nhan nâng đàn nhưng vẫn còn do dự chưa làm) NA.

Bản nhạc cổ nhất viết về lan còn lưu được là điệu nhạc viết cho cổ cầm có tên “Kiệt Thạch Điệu U Lan” (Hoà điệu giữa táng Đá vững chãi với đoá Lan nhỏ yếu), viết vào khoảng thế kỷ thứ 6 hay 7 đời Đường, hiện trưng bày tại viện bảo tàng Kyoto, Nhật bản. Bản này được nhiều nhà sưu tầm nghiên cứu âm nhạc thể hiện với kỹ âm hiện tại và trình diễn. Có thể nghe điệu nhạc cổ cầm này với link: <https://youtu.be/GG4EiORb0xc>.



笛行調  
 Jiéshí Diào U Lan  
 Transcribing from historical handwritten scrolls

40128 A Transcribing Book Melody  
 for the 40128 Transcribing Book System  
 version 4.00 (1.0.0) © 2023 Cui Lin  
 Release timing of paper: 1.2.4.2.401.2

40128 A 2191 Qiu Ming (no. 401-199)  
 The score, a manuscript with 16-line lyrics  
 Shuangyan, Jishi from the 7th century  
 © 2023/24 Transcribed by Jishi Shuangyan

笛行調  
 Jiéshí Diào U Lan  
 Transcribing from historical handwritten scrolls

40128 A 2191 Qiu Ming (no. 401-199)  
 The score, a manuscript with 16-line lyrics  
 Shuangyan, Jishi from the 7th century  
 © 2023/24 Transcribed by Jishi Shuangyan

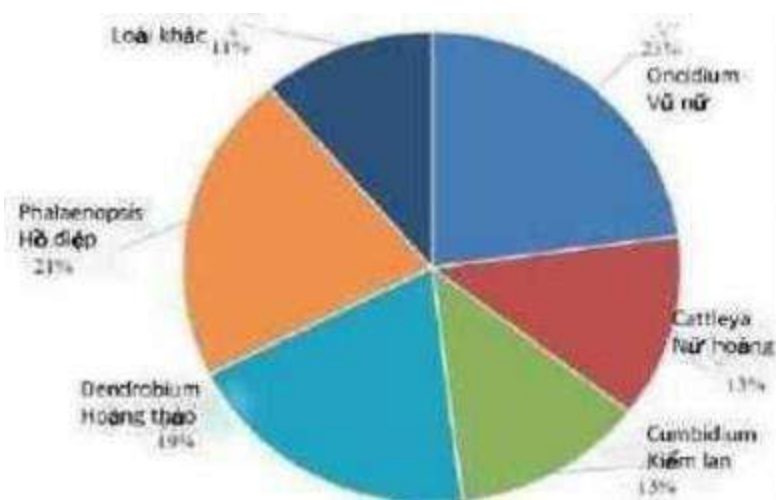
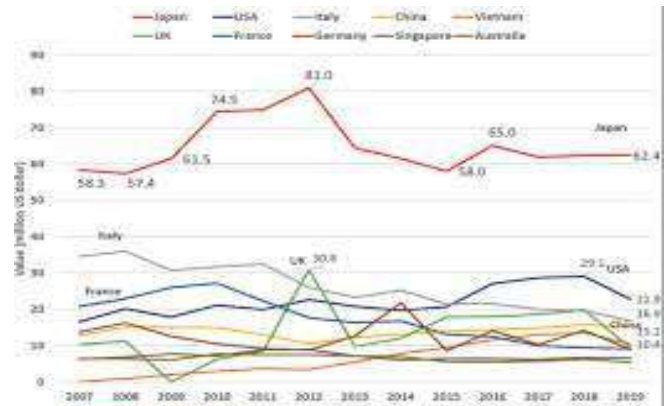
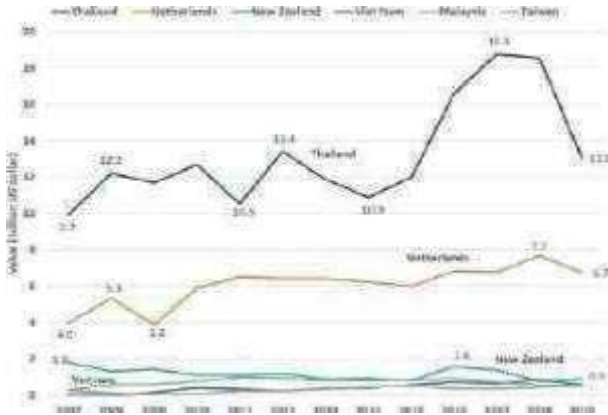
Các hoạ sĩ xưa nay cũng không ngừng tìm cảm hứng ở hoa lan. Các viện bảo tàng nghệ thuật đều có tranh về lan. Smithsonian có trưng bày tranh về lan đời nhà Tống, thế kỷ 11-12. Viện bảo tàng Philadelphia cũng dành cho hoạ sĩ Heade (1819-1904) một chỗ về tranh hoa lan mà ông đã lặn lội trong rừng Amazon để vẽ bộ tranh nổi danh “Hoa Lan giữa Rừng Già” trong những năm 1871-1874.



Ở phương Tây, người được tôn là Cha đẻ của Thực vật học, Theophrastus từ Lesbos (372-289 BC) đề cập Orchis trong tác phẩm Tìm hiểu Cây cỏ, và ngày càng nhiều loài lan được liệt kê trong các thảo tập. Từ nguyên của Orchis từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là dịch hoàn, do hình dạng của hai củ ngà loài địa lan Cánh xanh *Orchis morio*, trông giống tinh hoàn của giống đực động vật hữu nhũ. Niềm tin các củ ngà của lan mang tính kích dục và trợ dương tồn tại phổ biến đến thế kỷ 17 và vài nơi đến hiện nay. Trong nghiên cứu chuyên biệt về lan trong khoảng 1830-1840, John Lindley đã chính thức hoá tên Orchidaceae để chỉ họ Lan, còn dùng đến tận nay.

Những tài liệu ghi chép về cây cỏ cho thấy, các Vanilla được biết từ thế kỷ 16 trong các mô tả của Aztec. Giữa thế kỷ 18, Vườn Thực vật Hoàng gia Kew của Anh bắt đầu sưu tầm lan từ nhiều nơi trên thế giới. và đến thế kỷ 19 thì lan bắt đầu được kinh doanh rộng rãi, khởi đầu với Cát lan *Cattleya labiata*, xuất xứ từ Brazil. Nhưng những cố gắng nuôi trồng các loài lan khác không thành công, do các hiểu biết về sinh lý lan không hoàn bị thời đó, và thú chơi lan phai nhạt trong công chúng. Mãi đến đầu thế kỷ 20, với công trình của một nhà thực vật học người Pháp Noël Bernard khám phá sự cần thiết của khuẩn trong việc nảy mầm và phát triển cây lan con, và được một nhà sinh lý học thực vật Hoa Kỳ Lewis Knudson ứng dụng thành công năm 1922 với môi trường agar, mới làm cho ngành kinh doanh lan phát triển, tiến bộ, và có quy mô toàn cầu đến tận nay.

Theo Business Research Insights, thị trường lan thế giới có trị giá 292.6 triệu USD năm 2021 và dự phóng sẽ đạt 363.2 USD vào năm 2028. Hai chi lan chiếm thị phần cao nhất là Oncidium và Phalaenopsis. Việt nam nằm trong số 5 nước có trị giá lan xuất cảng cao trên thế giới. Nhật bản và Hoa kỳ là hai nước tiêu thụ lan cao nhất nhì thế giới.



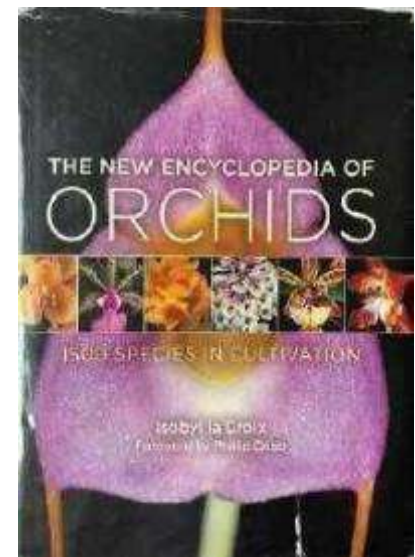
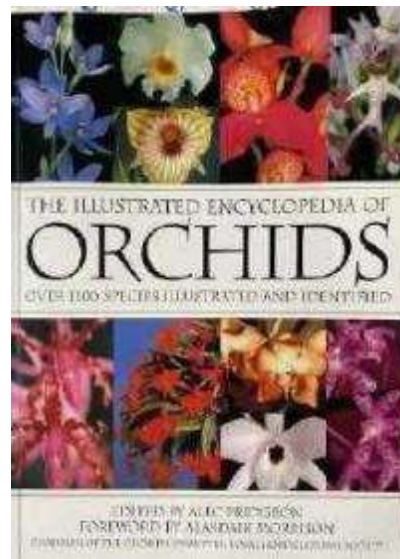
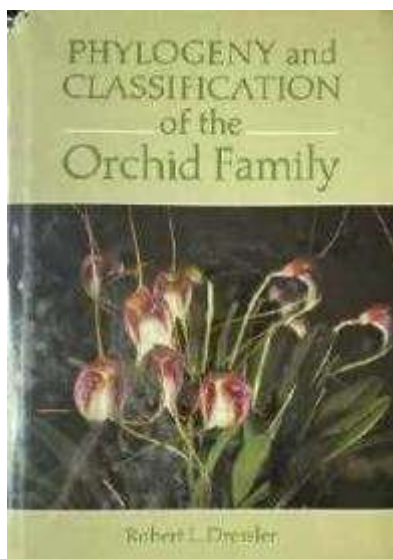
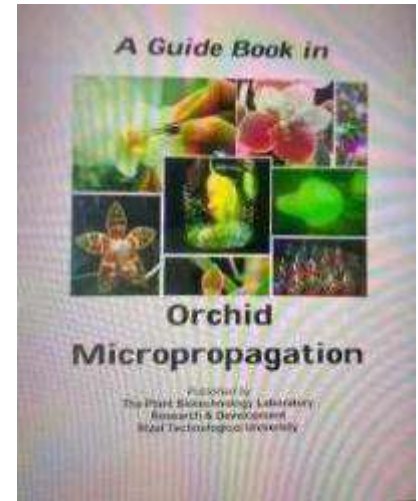
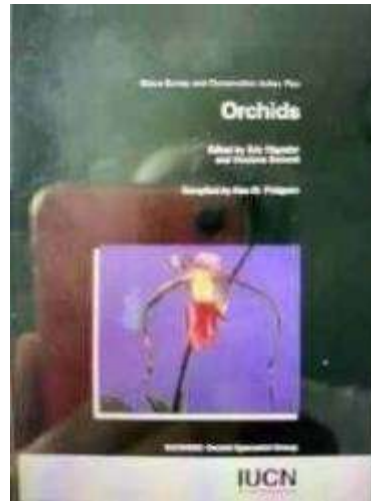
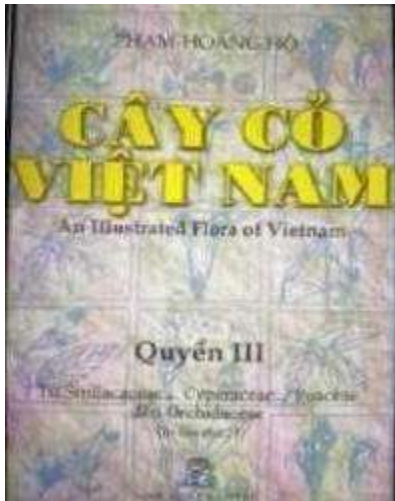


Hoa lan tự nhiên cao giá nhất là “Vàng ròng vùng Kinabalu”, một lan hài, tên thực vật là *Paphiopedilum rothschildianum*, Đây là loài lan được coi là rất hiếm gặp, phát hoa có 6 hoa, mùi rất dễ chịu, mọc khoảng cao độ 400-700 m, trong rừng mưa nhiệt đới Mã lai.. Hoa nở trong tháng Tư – Năm. Giá trên thị trường có thể đến \$ 6,000 một nhánh. Loài lan lai tạo mắc nhất là Lan Shenzhen Nongke, được các nhà khoa học thực vật học đại học Nông khoa Thẩm Quyến, lai tạo trong 8 năm. Lan chỉ trở hoa mỗi 4-5 năm. Năm 2005, lan này được mua với giá £160,000 trong một cuộc đấu giá bởi một người ẩn danh. Các thông tin về tổ tông còn được giữ kín.



Từ chốn thâm sâu lan đã chinh phục con người với sự tận mỹ tận thiện tận chân của mình qua mọi thế hệ. **Thung dung ưu nhã hay Vương giả chi hoa**, xưng tụng nào cũng xứng đáng với lan. Và tên Lan hay những danh xưng mỹ miều khác dành cho Lan rất đáng để đặt để gọi phái đẹp, những đệ nhất kỳ công của Tạo hoá...■

*Nguyễn Lương Duyên*



#### Websites:

- [hoalanvietnam.org](http://hoalanvietnam.org)
- [oregonorchidsociety.org](http://oregonorchidsociety.org)
- [sapphiredragonorchids.com](http://sapphiredragonorchids.com)
- nguồn hình ảnh từ Bing, Edge, và Google

## Tiếng Việt Đa Dạng, Phong Phú, và Ngoạn Mục

Nguyễn Ngọc Hà

**T**iếng Việt vốn là một ngôn ngữ hết sức đa dạng, phong phú, và ngoạn mục. Những nét đặc thù này thường được tìm thấy trong những trường hợp sau đây:

- Một số từ có tính cách tạo hình và gợi cảm *đứng trước danh từ*.
- Một số từ *đứng sau tính từ* thuộc dạng thổ ngữ hay khẩu ngữ, thường hàm ý chê bai.

### 1. Các từ ngữ đặc biệt đứng trước danh từ

#### 1.1. Những động từ khác nhau cùng chung một khái niệm (gần giống nghĩa như nhau) đứng trước những danh từ thuộc cùng nhóm chữ liên quan với nhau.

Mặc áo, mang giày, đeo nhẫn, đội nón, che dù, quàng khăn, choàng khăn, chít khăn, cài trâm (trên đầu), cài bông (trên áo) . . .

Ví dụ:

- Bên Mỹ khác với bên Việt Nam, che dù để chống mưa chứ không phải để che nắng.
- Xưa kia các tiểu thư con nhà giàu thường cài trâm quý trên đầu.

Ghi chú:

Hầu hết các động từ trên đây (trừ “che dù”), thường dùng “to wear” trong tiếng Anh, và “porter” trong tiếng Pháp.

#### 1.2. Những từ ngữ khác nhau có tính cách tạo hình, tăng sức gợi cảm, đứng trước danh từ thuộc cùng nhóm chữ liên quan với nhau.

##### 1.2.1. Nói về vũ trụ, thời tiết, thời gian

- Bầu trời, vòm trời. mặt trời, trái đất, quả địa cầu, ánh nắng, tia nắng, vạt nắng, mặt trăng, vầng trăng, ánh trăng, ngôi sao, vì sao, áng mây, đám mây, cụm mây, tầng mây . . .
- Con gió, làn gió, luồng gió, màn sương, cơn mưa, trận mưa, cơn bão, trận bão . . .
- Buổi sáng, ban đêm, bóng đêm, màn đêm . . .
- Khoảnh khắc, chớp mắt (nháy mắt), canh giờ, tiết học, hồi trống . . .

Ví dụ:

- Trong chớp mắt đám mây đen phủ kín vòm trời, và một trận mưa rào thành linh trút xuống, kéo dài đến mấy canh giờ mới dứt.
- Sau cơn mưa bầu trời trở lại trong xanh, những tia nắng đầu tiên xuyên qua vài cụm mây trắng như chào đón một buổi sáng huy hoàng.

### 1.2.2. Nói về thiên nhiên

Khu rừng, ngọn núi, cánh đồng, thửa ruộng, mảnh đất, dòng sông, tảng đá, hòn đá, viên sỏi, bãi cát, đợt sóng, lớp sóng . . .

Ví dụ:

- Nhà Ngoại tôi bên cạnh dòng sông, nhìn ra cánh đồng; ban đêm ngắm bầu trời lấp lánh các vì sao lấp lánh như những hạt kim cương, thật là yên tĩnh và thơ mộng biết bao!
- Những đợt sóng to liên tiếp ào ạt xô vào bờ, như báo hiệu một trận cuồng phong sắp quét qua nơi này.

### 1.2.3. Mô tả con người

Vóc dáng, làn da, mái tóc, làn tóc, suối tóc, gương mặt, khuôn mặt, vẻ mặt, nét mặt, sắc mặt, vàng trán, ánh mắt, khoe mắt, bờ mi, làn mi, khoé mi, bờ môi, làn môi, sóng mũi . . .

Ví dụ:

- Khuôn mặt đó với vàng trán kia đúng là chân tướng của một bậc hiền nhân
- Với vóc dáng thon thả, làn da mịn màng, mái tóc mượt mà, và ánh mắt nai tơ, nàng bước vào đời với lòng tràn đầy ước mơ.

### 1.2.4. Chỗ ở, các nơi và vật dụng phụ thuộc

- Tòa lâu đài, căn biệt thự, ngôi biệt thự, căn nhà, ngôi nhà, túp lều, mái hiên, bức tường, bực thềm, ngưỡng cửa, cánh cửa, bức màn, tấm màn, tấm gương . . .
- Xó bếp, xóm chén (thỏ ngữ / khẩu ngữ), nhà xe . . .
- Pho tượng, bức tranh, khung hình, cây dù, thanh kiếm . . .
- Tổ chim, ổ kiến, chuồng chó, hang cọp . . .

Ví dụ:

- Các bà các cô thời nay không chỉ nhốt mình trong bốn bức tường, hay suốt ngày ru rú trong xó bếp, mà còn góp phần không nhỏ trong việc tiếp tay xây dựng xã hội.
- Nó vô ý đập nhằm ổ kiến lừa, bị kiến cắn nhức nhối nên khóc rầm rút suốt đêm.
- Bước qua bực thềm, trước khi tới ngưỡng cửa, dưới mái hiên của căn nhà bên cạnh có một tổ chim nhỏ rất xinh xắn dễ thương.

### 1.2.5. Những từ chỉ số nhiều (không dùng “những / các / nhiều “)



Nhóm cử tri, đoàn học sinh, đám con nít / đàn chim, đàn bò, bầy gà, bầy vịt / dãy núi, hàng dừa, rừng trâm bầu, đàn mướp, lũy tre, bụi chuối / một loạt sách giáo khoa, khối bài vở / mâm trái cây, chùm nho, nải chuối, bó rau . . .

Ví dụ:

- Nhìn hàng dừa nghiêng mình soi bóng bên dòng nước, khiến lòng người rộn rã tình yêu quê hương thấm thiết.
- Sắp thi đến nơi mà còn khối bài vở chưa kịp ôn, thấy lo quá!

#### 1.2.6. Thức ăn, gia vị và nước uống

- Quả bưởi, múi cam, ổ bánh bông lang, khúc bánh mì, viên kẹo, thẻ sô cô la, khứa cá, khoanh ớt, lát ớt, lát gừng, cọng hành, tép tỏi . . .
- Bình trà, ấm trà, tách trà, chung trà, châu rượu, bầu rượu, chai nước, lon bia. . .

Ví dụ:

- Đêm đến, Ngoại tôi thường nhâm nhi một tách trà sen trước khi đi ngủ.
- Khứa cá kho của Má tôi, với vài lát ớt và mấy cọng hành, trông thật hấp dẫn!

#### 1.2.7. Liên quan đến các hình thức sinh hoạt, giải trí

Quyển sách, câu chuyện, cốt truyện, cuốn phim, tấn tuồng, vở kịch, màn kịch, ván cờ, thế cờ, nước cờ, ván bài, lá bài, cuộc xe . . .

Ví dụ:

- Anh ấy là “vua cờ tướng” nên đi nước cờ bí hiểm, làm đối phương bối rối, không tài nào chống đỡ.
- Mỗi ngày ông phải chạy đủ 12 cuộc xe mới nuôi nổi sáu mặt con.

#### 1.2.8. Nói lên phong cách, nhân phẩm của con người (tỏ lòng tôn trọng hay có ý miệt khinh)

Đấng minh quân, bậc trung thần, trang quân tử, vị quan tốt / gã lưu manh, phường trộm cướp, tên côn đồ, mục tú bà . . .

Ví dụ:

- Sao lại đi tin kẻ có thành tích bất hảo đó? Hắn là một gã lưu manh!
- Đa số các cô gái đều mong gặp được trang quân tử để gởi gắm tấm thân.

### 1.3. Nhận xét chung về các từ ngữ đứng trước danh từ

Các từ ngữ này rất đa dạng, có tác dụng tạo hình tượng, tăng cảm xúc, giúp ý nghĩa của danh từ được đầy đủ, dồi dào, và phong phú hơn.

Ví dụ:

- Nói về hình dạng: Bầu trời, vòm trời, cụm mây, tia nắng / suối tóc / khứa cá, lát gừng/ bình trà, bầu rượu, lon bia . . .
- Nói về kích thước của diện tích: Khu rừng, mảnh vườn, thửa ruộng, bãi cát . . .
- Nói về kích thước của thể tích: tòa lâu đài, tảng đá, hòn đá, viên sỏi . . .
- Gợi ý về mức độ cao thấp: Tầng mây, bực thêm. . .
- Hàm ý chứa cảm xúc, có âm hưởng nên thơ: Bờ mi, bờ môi, khước mắt, khước mi, suối tóc, vạt nắng . . .
- Liên quan đến sức mạnh: Trận bão, trận mưa, luồng gió . . .
- Sử dụng ẩn dụ để so sánh (metaphor): Chớp mắt (thời gian chớp nhoáng), suối tóc . . .

## 2. Các từ ngữ dùng sau tính từ

### 2.1. Trường hợp của thổ ngữ, khẩu ngữ hàm ý chê bai

Tiếng Việt thường dùng những chữ khác nhau đi sau tính từ, để củng cố nghĩa của tính từ, và đồng thời hàm ý chê bai (những chữ đi sau tính từ này phần lớn, nếu tách riêng ra, sẽ không có ý nghĩa).

#### 2.1.1. Trường hợp tổng quát

Cao nghệu, lùn xùn, lùn tịt (lùn tè), xấu in, dở ẹt, dở hầy, dở dáy, hôi rình, dài thòn, ngắn ngắn, ốm nhom, ốm nhách, mập lù (thù lù), ưót nhẹp, khô queo, chặm rì, rỗng tuếch, yếu xìu, tối hù, lâu lác, ầu tả, già khần, dốt nát, vắng ngắt, vắng tanh, vắng hoe, sai bét, trật lất . . .

Ví dụ:

- Cô ta ốm nhom ốm nhách, mà còn kiêng ăn thì làm sao chịu nổi!
- Thời kỳ Covid hoành hành, đường phố vắng tanh, không một bóng người lai vãng.

#### 2.1.2. Nói về màu sắc

Trắng bệch, đen thui, đen ngòm, xanh lè, vàng khè, đỏ lòm . . .

Ví dụ:

- Mặt nó trắng bết như mới vừa gặp ma giữa ban ngày.
- Nó đi tắm biển, phơi nắng mấy ngày, về nhà mặt mày đen thui.

### 2.1.3. Nói về vị giác

Chua lè, đắng ngắt, lạt nhách, mặn chát . . .

Ví dụ:

- “Bộ quên pha thêm chanh và đường sao, mà nước mắm mặn chát vậy?”
- “Cam gì chua lè, ăn vô muốn thụt lưỡi luôn!”

## 2.2. Một số trường hợp ngoại lệ

Một số tính từ trên đây có thể mang ý nghĩa tích cực:

Cao ráo, ngắn gọn, ướm át, khô ráo, mập mạp, chậm rãi, trắng tinh, trắng trẻo, trắng nõn, xanh um, mặn mòi . . .

Ví dụ:

- Cậu bé trông mập mạp, bụ bẫm, dễ thương quá!
- “Chuyện gì cũng từ từ chậm rãi kể cho Má nghe, đừng có khóc!”

## 3. Kết luận

Tất cả những từ đa dạng nói trên (đứng trước danh từ hoặc đứng sau tính từ) có tác dụng giúp tiếng Việt thêm phần linh hoạt, ngoạn mục, và phong phú, đồng thời dẫn dắt chúng ta bước vào một thế giới kỳ diệu, với muôn màu muôn sắc sinh động, và đầy âm thanh khác thường, ngộ nghĩnh như trong trường hợp của thổ ngữ và khẩu ngữ.

Ngôn ngữ của mỗi dân tộc mang sắc thái riêng biệt của dân tộc đó. Muốn hiểu rõ dân tộc nào, cần phải thông qua ngôn ngữ của dân tộc đó (bao gồm thổ ngữ và khẩu ngữ), được sử dụng từ thể hệ này qua thể hệ khác.

Càng tìm hiểu thêm, càng tiến sâu vào lãnh vực của ngôn ngữ, chúng ta càng không ngớt khám phá những điều mới lạ, kỳ thú, với cảm giác như “Alice au pays des merveilles / Alice in wonderland / Alice ở xứ sở thần tiên”. ■

*Gs. Nguyễn Ngọc Hà*

**Tham Khảo**

1. 123.doc - Phương ngữ tiếng Việt  
<https://123docz.net/document/3925469-phuong-ngu-tieng-viet.htm>
2. GEN - Khẩu ngữ là gì? Đặc điểm, ý nghĩa, cách sử dụng và ví dụ cụ thể  
<https://genzdocsach.com/khau-ngu-la-gi/>
3. Giáo viên Việt Nam - Khẩu ngữ là gì ?  
<https://giaovienvietnam.com/khau-ngu-la-gi-khau-ngu-trong-van-hoc-bieu-hien-nhu-the-nao/>
4. Nhóm 3 – d13nv01 - Mạng lưới phương ngữ thổ ngữ là tấm gương phản ánh quá trình phát triển của dân tộc .  
<https://123docz.net/document/3857545-phuong-ngu-tho-ngu-ba-vung-trong-tieng-viet.html>





THƯ GỬI BẠN

## HÈ TRÊN QUÊ HƯƠNG TA QUA THI CA

NGUYỄN GIỤ HÙNG

Mùa hè ở thành phố San Jose, nơi ở tôi đang, với cái nóng trôm trôm trên dưới 100 độ F (37.8 độ C) đang xông xộc tới. Vào những ngày cuối tuần, nhiều người trong thành phố cố chạy thoát khỏi cái nóng bằng cách lái xe từng đoàn lũ lượt, vội vã rời khỏi thành phố đông đúc để tới những vùng bãi biển lân cận êm đềm tìm gió mát hay tắm biển. Những bãi biển đẹp và thơ mộng nổi tiếng ở vùng bắc California như Monterey, Santa Cruz hay San Francisco, xe cộ luôn được nêm cứng không một chỗ hở dọc theo những bờ biển đó.

Thấy thiên hạ chạy nóng, tôi liên tưởng tới bài hát “Phố buồn” của nhạc sĩ Phạm Duy với những tiếng trách móc của mưa. Có đoạn:

*Hạt mưa, mưa qua mái rách  
Mưa như muốn trách  
Sao ta chạy quanh.*

*Hạt mưa, mưa yêu áo rách  
Yêu đôi sát nách  
Mưa ngưng không đành*

Với nắng nóng mùa hè, nắng có trách sự chạy trốn của chúng ta không nhỉ?

Nhân tiện đây, như để trả lời cho nắng, tôi xin gửi đến các bạn hình ảnh và tình cảm trong niềm thương nỗi nhớ của tôi dành cho những ngày nắng chói trên quê hương chúng ta *qua vài bài thơ hè* của dăm ba thi nhân tượng trưng đã làm trong thời *tiền chiến*. Âu cũng là “*Chúng ta đi mang theo quê hương*”, tài sản tinh thần trân quý của những người xa xứ lâu năm như tôi.

Xuân, Hạ, Thu, Đông bốn mùa thay đổi. Mùa Xuân mát mẻ, cây cối đâm chồi nảy lộc; mùa Hè nóng bức, cây lá tốt tươi; mùa Thu âm đạm với mây xám, có gió heo may, có lá vàng rơi xào xạc; mùa Đông giá lạnh, cảnh vật héo hắt, buồn tênh. Sự thay đổi thời tiết và cảnh vật thiên nhiên của mỗi mùa đều mang cảm hứng đến cho thi nhân, trải lòng mình qua thi ca. Nếu ta đi tìm những bài thơ về mùa Thu hay Xuân thì nhiều lắm, còn thơ về mùa Hè thì hiếm hoi hơn. Cứ như mùa Thu, nếu bỏ Thu đi, văn chương nhân loại ắt mất đi một phần rất lớn. Trong giới hạn bài này, tôi chỉ xin nói đến một vài bài thơ tiêu biểu của các thi nhân *viết về mùa hè miền Bắc và miền Trung nước ta*. Miền Nam, mưa nắng hai mùa hiền hoà, tôi xin được nói vào một dịp khác.

Trước hết, để biết về cái nóng mùa hè xứ Bắc thế nào, ta hãy nghe cụ Nguyễn Khuyến viết về nó:

*Cái nóng nung người, nóng nóng ghê...*

Nóng như nung thì đủ biết nó nóng như thế nào. Người ta nung gạch ý mà! Chỉ một câu ngắn ngủi ấy, nó đủ hàm chứa cái nóng của mùa hè miền Bắc ra sao. Bên cái nóng như nung, ta còn có biết bao nhiêu hình ảnh của ngày hè qua những buổi trưa nắng cháy, buổi chiều tà hay đêm trăng sáng. Mỗi thời điểm đều mang nét đặc thù của nó. Cái đáng nói nhất ở đây qua thi ca vẫn là cảnh sinh hoạt về *mùa hè ở thôn quê*.

Khi nói đến *trưa hè* ở thôn quê miền Bắc, người ta hình dung ngay ra cái cổng làng với cây đa, những con trâu nằm nhai cỏ lười biếng, những cô thôn nữ dừng chân bên lũy tre lặng gió phe phẩy chiếc nón lá, tiếng võng đưa kẽo kẹt, tiếng gà gáy trưa ... hình bóng chiếc điều đứng gió giữa trời xanh, bà hàng thiu thiu ngủ. Đây là những hình ảnh rất quen thuộc mà bất cứ người dân quê miền Bắc nào cũng thấy và sống trong đó. Thi sĩ Bằng Bá Lân đã góp nhặt tất cả những hình ảnh ấy vào một bài thơ như bức họa “*Trưa hè*” nơi đồng quê.

Chúng ta hãy nghe và thả hồn rung động với những dòng thơ chân quê mộc mạc nhưng đượm tình quê hương này nhé:

*Dưới gốc đa già, trong vũng bóng,  
Nằm mát đàn trâu ngẫm nghĩ nhai.  
Ve ve rung cánh ruồi say nắng;  
Gà gáy trong thôn những tiếng dài.*

*Trời lơ cao vút không buông gió;  
Đòng cỏ cào phỏ cảnh lướt hồng.  
Êm đềm sóng lúa trôi trên lúa;  
Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.*

*Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,  
Bà hàng thưa khách ngả thiu thiu,  
Nghe mồ hôi chảy đầm như tắm...  
Đứng lặng trong mây một cánh điều.*

*Cành thưa, nắng tưới, chim không đứng;  
Quả chín bâng khuâng rụng trước hè.  
Vài cô về chợ buông quang thúng  
Sửa lại vành khăn dưới bóng tre.*

*Thời gian dừng bước trên đồng vắng;  
Lá ngập ngừng sa nhẹ lướt ao.  
Như mơ đường khói lên trời nắng;  
Trường học làng kia tiếng trống vào.*

(Bằng Bá Lân - *Trưa hè*)

Đọc bài thơ này ta thấy ngay được cái cảnh trưa hè ở thôn quê miền Bắc. Có một điều lời thơ nhẹ nhàng quá, êm ả quá, người đọc chỉ thấy cái yên tĩnh của trưa hè mà không thấy được cái nóng sôi sục đến gà thoi gáy, chó biếng sủa của nó. Mặc dù cụ Bằng Bá Lân vẫn dùng những tiếng của “nóng” nhưng sao tôi vẫn không thấy nóng. Cụ tả:

*Ve ve rung cánh ruồi say nắng*

Nhưng bên cạnh đó:

*Nằm mát đàn trâu ngẫm nghĩ nhai*

Ta thấy trâu nằm mát ngẫm nghĩ nhai thì đâu còn thấy nóng gì nữa nhỉ? Rồi những câu thơ như:

*Êm đềm sóng lúa trôi trên lúa  
Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.*

Ta lại thấy man mát là đằng khác vì gió đã làm lúa tạo nên sóng lúa thì mát quá rồi. Lại thêm ngựa chạy trong nắng để rắc tiếng đồng thì nóng ở chỗ nào mới được chứ! “Rắc” thì thanh thoi quá, nhàn tản quá. Cứ nhưđi tản bộ vậy.

Trong bài này, nhà thơ đã dùng một vài chữ thật tài tình, tôi hết sức thán phục như:

*Bà hàng thừa khách NGẢ thiu thiu  
NGHE mờ hôi chầy đầm như tắm...  
Đứng lặng trong mây một cánh diều.*

Cái hay của nhà thơ là chỉ cho bà hàng NGẢ thiu thiu thôi chứ không được NGỬ thiu thiu. Chính vì chỉ NGẢ thiu thiu nên mới NGHE được tiếng mờ hôi chầy. Nhà thơ dùng chữ NGHE thật tuyệt làm sao. Không gianim lặng đến nghe được mờ hôi chầy thì yên tĩnh quá. Nhìn mờ hôi chầy thì có gì là yên tĩnh, NGHE được mờ hôi chầy thì phải nói là yên tĩnh đến tuyệt đối về mặt âm thanh. Thêm vào đó, hình ảnh chiếc diều nhà thơ đưa vào đoạn này đã làm cái yên tĩnh lại càng trở nên yên tĩnh hơn về mặt hình ảnh:

*Đứng lặng trong mây một cánh diều.*

Chưa hết, nhà thơ còn dùng âm thanh làm cho bức tranh quê sinh động thêm lên, không cứng nhắc, không im lìm chết cứng. Cụ Bằng Bá Lân đã điem vào cái yên tĩnh đó vài tiếng trống trường.

*Trường học làng kia tiếng trống vào.*

Có những âm thanh làm phá tan cái yên tĩnh, nhưng cũng có những âm thanh nếu ta khéo sử dụng sẽ làm tăng thêm cái yên tĩnh ấy lên như tiếng võng đưa, tiếng ru con rồi rạc hay tiếng gà gáy trong thôn giữa trưa hè ... chẳng hạn.

Ta thấy thơ cụ Bằng Bá Lân nặng về cảnh. Cụ nhìn cảnh chung quanh mà vẽ nên bức tranh như người chụp ảnh, có sao ghi vậy. Thịnh thoảng cụ điem thêm tí màu sắc, tí âm thanh mà thôi. Nhìn chung, bức tranh cụ vẽ có tính *cổ điển*, nhưng rõ ràng đây là một bức tranh tuyệt đẹp.

Tôi nghĩ chơi, nếu ta có thể điem vào bức tranh hè kia hình ảnh đầy khêu gợi nhưng chân phương của một cô thôn nữ nằm đưa võng để lộ một phần da thịt trắng nuột nà nửa kín nửa hở của đôi chân mỗi khi cô đang chânrộng một cách hờ hênh để đu đưa chiếc võng. Những giọt mờ hôi lấm tẩm trên trán, những sợi tóc mây dính trên da mặt ửng hồng vì nóng. Hơi thở phập phồng căng tràn nhựa sống dưới lớp yếm hồng, vô tình không che hết bụng. Trong cái trưa hè oi ả đó, chỉ một chút hình ảnh thoảng qua đó, ta có thể thấy ngay cái “động” trong lòng người và gắn cho cảnh vật ấy thêm một chút TÌNH.

Nhắc đến cái võng, một biểu tượng thân yêu của đồng quê, đặc biệt vào những buổi trưa hè. Tiện đây, để làm bớt cái nóng oi ả ta hãy cùng nhau nói một chút về *cái võng* nhé. Hãy nghỉ ở đây, nằm trên võng đu đưa để hứng chút gió của đồng nội trong quán vắng khách, phe phẩy chiếc quạt mo rồi làm một hơi thuốc lào “điếu cày” trước khi ta tiếp tục hành trình vào khung trời nóng bỏng của mùa hè.

Nói về chiếc võng là nói đến hình ảnh đặc trưng của quê hương mình. Nếu chỉ hình dung về cô thôn nữ nằm trên võng đu đưa trong buổi trưa hè thì quả thật không đủ, ta còn có thể liên tưởng thêm tới chiếc võng với hình ảnh của người chị ru em, hay mẹ ru con, bà ru cháu.

Nhân đọc bài thơ của cụ Bằng Bá Lân về cái võng tôi cũng xin mượn tạm vài ý của cụ sau đây:

*Cái võng là cái nôi của trẻ sơ sinh, là cái đu của trẻ nhỏ, là cái giường của người lớn ngã lưng, là nơi phát xuất ra những tiếng ru con của tình mẫu tử.*

Nó cũng là chứng nhân của những vui buồn, chia ly, đoàn tụ. Nhưng cái độc đáo nhất của võng vẫn là những bài ru con đã gắn liền với nó như bóng với hình. Tiếng võng không thể thiếu ca dao, ru con... Và ngược lại những lời ru con trong dân gian không thể vắng bóng của những tiếng võng đưa.

*Ta say sưa  
Nghe tiếng võng đưa  
Ru hồn mơ*

Trong lời thơ  
 Dân tộc.  
 Mơ màng lắng nghe tiếng khóc,  
 Của thời măng sữa xa xôi  
 À ơi... À à ời...  
 Cót ca cót két  
 Muôn đời  
 Nhịp thơ...  
 Tiếng võng đưa  
 Cót ca cót két  
 Trưa hè nóng khét  
 Bà ru cháu say sưa...  
 Tiếng võng đưa  
 Cót ca cót két  
 Mẹ đi biển biệt  
 Chị ru em ời ời...  
 Tiếng võng đưa  
 Cót ca cót két  
 Đêm dài mưa rét  
 Mẹ ru con mơ màng...  
 Dân tộc Việt Nam  
 Lớn trong tiếng võng,  
 Dân tộc Việt Nam  
 Già trong lời ru  
 Êm đềm theo tiếng võng đưa  
 Nhịp thơ dân tộc  
 Của thời măng sữa xa xôi.

(Bàng Bá Lân - Trích đoạn trong bài *Tiếng Võng Đưa*)

Bài thơ “Tiếng Võng Đưa” không dừng ở đây mà đưa ta về với những lời ca ru con ngọt ngào của người dân quê ba miền. Ngay ở thành thị cũng không vắng tiếng “à ơi” hay “àu ơ” rải rác vương trong xóm, nhưng nó không làm ta xúc động bằng những tiếng ầu ơ ở miền quê thôn dã. Theo cụ Bàn Bá Lân, mỗi địa phương có những điệu ru con riêng của nó, và điệu nào cũng trầm buồn, cùng gói gắm tâm sự của người ru vào lời ca tiếng hát của điệu ru con.

À ời... cái ngủ mà ngủ cho lâu  
 Mẹ mà đi cấy ruộng sâu chưa về  
 Bắt được con cá rô trê  
 Nắm cổ lôi về cho cái ngủ ăn...

Lòng như dâng cao niềm cảm xúc với những điệu ru miền Bắc. Ta lại được tiếp nối niềm cảm xúc ấy bay xa tới một thôn xóm xa xôi miền Nam trù phú, ruộng đồng thẳng cánh cò bay:

Ấu ơ ... gió đưa cây cải về trời  
 Rau răm ở lại chịu lời đắng cay!

Những lời ru con không phải chỉ để đưa đứa bé vào giấc ngủ, mà người ru còn gửi vào mây vào gió, vào những oi ả của trưa hè, vào ánh trăng khuya hay đêm đông lạnh lẽo những lời tâm sự của lòng mình.

Anh đi đằng ấy xa xa  
 Để em ôm bóng trăng tà năm canh,  
 Nước non nặng một lời tình,  
 Nhớ ai, ai có nhớ mình hay không?



(Bàng Bá Lân)

Tiếng hát lời ru như quyện vào với võng, vào hồn người từ thuở lọt lòng, và cũng lớn lên trong tiếng võng đưa.

Có ai đó, khi phải xa quê hương, lúc được nghe lại tiếng võng đưa với lời ru êm dịu ngọt ngào vọng từ thôn vắng thì hình ảnh người đàn bà Việt Nam đầm đàng được hiện ra rõ nét. Và cũng có thể buồn thay, nếu có chàng trai nào đó khi đi xa, trở lại nơi xưa với bao ước vọng được người yêu đáp lại những câu thề non hẹn biển trước lúc ra đi, thì nay hoàn cảnh đã đổi thay, nằng đang nằm ru con với tiếng võng ngày nào.

*Bước chân vào ngõ tre làng,  
Lòng buồn nặng trĩu nghe nàng ru con,  
Bước lên thêm đá rêu mòn  
Lòng buồn nặng trĩu nghe buồn võng đưa.*

(Bàng Bá Lân)

Thôi nhé, ta hãy tạm ngừng ở đây.

Mong các bạn đọc đoạn này xong sẽ thấy yêu cái tiếng võng đưa kéo kẹt, yêu nó như yêu âm thanh tiếng Việt, yêu tiếng mẹ ru êm đềm, và yêu nhà thơ Bằng Bá Lân hơn.

Các bạn đã rời khỏi chiếc võng chưa? Thôi ta lại lên đường nhé!

Sau cụ Bằng Bá Lân, ta lại thưởng thức thêm cái hè óng ả của làng quê qua nữ sĩ Anh Thơ. Làng của nữ sĩ Anh Thơ cũng ở miền Bắc nước ta. Nhà thơ Anh Thơ cũng không thoát ra được những hình ảnh có tính biểu tượng của trưa hè như cụ Bằng Bá Lân. Cũng bà già nằm ru cháu ngủ, với tiếng võng đu đưa, với hình ảnh con ruồi, con chuồn chuồn, những đường đê vắng bóng người cùng những tiếng nhạc đồng quê...

Chúng ta cùng lắng nghe và cùng ngắm nhìn bức tranh “*Trưa hè*” của thi sĩ Anh Thơ nhé. Ta hãy so sánh bức tranh này với bức tranh của cụ Bằng Bá Lân xem sao.

*Trời trong biếc không qua mây gợn trắng,  
Gió nồm nam lộng thổi cánh diều xa.  
Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng,  
Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua.*

*Trong thôn vắng, tiếng gà xao xác gáy,  
Các bà già đưa võng hát, thiu thiu...  
Những trẻ con ngồi buồn lê bắt chấy  
Bên đàn ruồi rạc nắng hét hơi kêu.*

*Ngoài đê thắm, không người đi vắng về,  
Lũ chuồn chuồn giỡn nắng đuổi nhau bay.  
Nhưng thỉnh thoảng tiếng nhạc đồng buồn tẻ  
Của vài người cười ngựa đến xưa ngay.*

(Anh Thơ - *Trưa hè*)

Cả hai bài thơ về trưa hè đều hay như nhau. Những hình ảnh, màu sắc giống nhau. Thơ Bằng Bá Lân ta thấy có những độc đáo về cách cụ làm nổi bật lên được cái yên tĩnh của trưa hè. Yên tĩnh mà không buồn chán bởi những tiếng diều, tiếng đồng rì rạc ... và tiếng trống trường. Tiếng trống trường của cụ, một nét chấm phá cuối cùng để đưa người thưởng ngoạn, hoặc đi sâu thêm vào cái yên tĩnh tuyệt đối hay ngược lại cũng là tiếng đánh thức người xem ra khỏi cái yên tĩnh đó. Nhà thơ Anh Thơ cũng thế, với tiếng nhạc đồng của vài người cười ngựa để đem ta ra khỏi cái lung linh huyền ảo của bức tranh quê trong buổi trưa hè.

Nay tôi lại giới thiệu với các bạn một nhà thơ khác: Trần Trung Phương. Nhà thơ này tôi yêu mến từ thuở học trò (tiểu học). Tôi đã từng chép thơ ông và tôi cố thuộc, cố nhớ thơ ông. Chúng ta hãy đi vào buổi trưa hè của nhà thơ này nhé.

*Trưa mùa hạ nắng gay nắng gắt.  
Vạc than hồng đang bắt lửa rơi.  
Hàng cây đứng lặng cảm trời,  
Giàn hoa cũng chẳng muốn cười buổi trưa.*

*Gió ích kỷ không đùa với lá,  
Mây chẳng buồn giông dả đi chơi.  
Đường xa vắng ngắt bóng người;  
Ve sầu bực bội cất lời thở than.*

*Trên cát trắng hoa soan chói đỏ,  
Mặt hồ xanh ngóng gió nằm im.  
Ngang trời không một bóng chim,  
Trưa hè vạn vật im lìm ngủ say.*

(Trần Trung Phương - Trưa hè)

Cái hay của thi sĩ Trần Trung Phương là nhà thơ đã “nhân cách hóa” cảnh vật nên ta thấy cảnh vật như cũng chính là ta. Ta và cảnh vật cùng hòa nhập trong nhau. Ta nóng cùng với vạc than hồng, ta uể oải cùng với mây đến chẳng buồn bay, ta cảm trời cùng với hàng cây, ta bực bội cùng với ve sầu ... Đọc thơ Trần Trung Phương ta thấy trong thơ ông có cái *trình cảm* của ông dành cho trưa hè chứ không chỉ đơn thuần chụp ảnh hay chỉ vẽ lên một bức tranh như hai thi sĩ Bằng Bá Lân và Anh Thơ. Ta thấy bức tranh của ông hiển hiện bóng dáng chúng ta trong đó. Cảm xúc của tác giả cũng là những cảm xúc của chính chúng ta. Cái yên tĩnh ông tả cũng có những chất liệu cổ điển nhưng nó sống động hơn nhiều vì nó gần với ta như ta có thể sờ mó được cái yên tĩnh ấy. Tôi thích thơ Trần Trung Phương vì cái tính giản dị, trong sáng trong thơ ông.

Ta lại nghe nhà thơ Trần Trung Phương diễn tả trưa hè dưới một khía cạnh khác:

*Mặt trời đứng giữa mây xanh,  
Rắc tàn hoa đỏ xuống cành hoa soan.  
Ve sầu khiếp nắng kêu ran...  
Con chim ngái ngủ vội vàng bay cao.  
Bóng dừa trốn dưới cầu ao,  
Con gà xõa cánh ẩn vào bụi tre.  
Trưa nay, một buổi trưa hè,  
Cánh đồng lúa chín vàng hoe nắng vàng.*

(Trần Trung Phương - Nắng chói)

Bất cứ vật gì, dù cho là thời gian hay không gian trừu tượng ông cũng gắn vào đó một “chất người”.

Các bạn có muốn tiếp tục rong chơi nơi đất Bắc để thưởng thức mùa hè của nơi đây hay không? Hay các bạn muốn đổi không khí bằng cách đáp chuyến xe lửa tốc hành vào Huế để ngắm nhìn thành phố này dưới cái nắng gắt gao như thế nào.

Rời miền Bắc, nay chúng ta hãy dừng chân trên thành phố Huế để ngắm nhìn vài nét sinh hoạt mùa hè của nơi đây nhé. Huế có muôn vàn thứ để xem, để chiêm ngưỡng, nhưng chúng ta hãy cùng giới hạn trong cái cảnh trưa hè qua những bài thơ thôi. Ta hãy đi theo nhà thơ Nam Trân:

*Lửa hạ bùng bùng cháy,  
Làn mây trớt trớt bay.  
Tiếng ve rè rè mãi  
Đánh đổ giấc ngủ ngày.*

*Đường sá ít người đi,  
Bụi cây lấm kẻ núp.  
Xơ xác quán nước chè,*

*Ra, vào người tấp nập.  
Phe phẩy chiếc quạt tre,  
Chú nài ngồi đầu voi  
Thình thoảng giờ tay bẻ  
Năm ba chùm nhãn còi.  
Huế phượng như giọt huyết,  
Dỏ xuống phủ lẽ đường.  
Mặt trời gay gay đỏ  
Nhuộm đỏ góc sông Hương.*

(Nam Trân - Huế, ngày hè)

Hay thì hay thật, nhưng vẫn chưa thấy đủ nóng bằng chỉ mấy chữ của cụ Tam nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến :

*Cái nóng nung người, nóng nóng ghê.*

Ta hãy cùng nhà thơ Nam Trân hưởng cái thú “Đêm hè” của đất Thần Kinh cổ kính này.

*Trời nóng băm bốn độ.  
Đèn sao khắp để đỏ.  
Mặt trăng vàng tròn trên  
Nấp sau nhánh phượng khô.*

*Ba dịp cầu Trường Tiền  
Đứng đây người hứng mát;  
Ngọn gió Thuận An lên,  
Áo quần kêu sột soạt.*

*Đùng đình chiếc thuyền nan  
Qua, lại bến sông Hương...  
Tiếng đàn chen tiếng hát,  
Thánh thót điệu Nam Bường.*

*Hai tay xách hai vệm,  
Một vài mụ le te,  
Tiếng non rao lạnh lỏi,  
Chóc chóc: “ai ăn chè”.*

(Nam Trân - Huế, đêm hè)

Thôi ta tạm rời Huế, xuôi về phía nam để nghe nhà thơ Chế Lan Viên tả cảnh trưa hè nơi ông ở, Bình Định.

*Trưa quanh vườn và vông gió an lành  
Ngang phòng trưa, rữ hôn nhẹ cây xanh.  
Trưa quanh góc, và mộng hiền của bóng  
Bống run theo... lá... run theo nhịp vông.  
Trưa lên trời và xanh thăm bầu trời,  
Bống mê ly, nằm thấy, trắng, mây trôi...  
Trưa! một ít trưa lạc vào lảng tằm  
Nhập làm hồn những tượng xưa u thâm.  
Trưa, theo tàu bước xuống những sân ga  
Dụng buồn lên xa gửi đến Muôn Xa . . .*

(Chế Lan Viên - Trích đoạn bài *Trưa đơn giản*)

Nhà thơ Chế Lan Viên đặt nhiều tình cảm với dân tộc Chiêm Thành nên trong thơ ông luôn có cái u uẩn của một người mất nước. Ông tiếc thương và luôn tha thiết với hình bóng quê hương cũ đã có một thời oanh liệt.

Cũng như bức tranh trưa hè, *đêm hè* cũng có những sinh hoạt quen thuộc ở thôn quê. Khi nói đến *đêm hè* thì phải có ánh trăng. Dưới ánh trăng, những cụ già ngồi trên chõng giữa sân, vài đứa bé đùa nghịch quanh ông, con chó thỏ hay lười biếng nằm thiu thiu ngủ trước sân thềm, hay ngọn đèn dầu leo lắt trong gian nhà tối . . . Tại nhà ngang, chàng và nàng cùng giã gạo. Thình thoảng vang nhẹ lẫn trong tiếng giã đều đều là những tiếng cười rúc rích nửa thanh cao nửa trần tục.

Ngoài giếng làng hay giếng đầu đình, những đám trai gái múc nước gánh về. Nơi giếng ấy đã nảy sinh biết bao nhiêu mối tình thâm kín, bao nhiêu thành tựu, cũng bao nhiêu tan vỡ.

Vài tiếng vạc xa xa vọng về. Thình thoảng trên trời điểm vài ngôi sao rơi. Đàn đom đóm lập lòe, chập chờn bay lượn bên khóm cỏ, bờ ao. Trong cảnh yên tĩnh và nên thơ ấy, cách giếng đình không xa lắm, có ai để ý đến một cặp trai gái, đang đứng bên nhau, dưới lũy tre màu đen sẫm? Họ đứng sát lại mỗi lúc một gần thêm, để rồi có hai mà tưởng như thành một. Tiếng họ thì thầm nhẹ hơn tiếng lá tre rung xào xạc trên cành. Cảnh vật chung quanh vắng lặng như tờ. Theo cơn gió nhẹ, chị Hằng trên cao, tò mò vén chút màn mây, chiếu tí ánh sáng vào nhìn trộm hai người. Chị vội vàng khép lại, đôi má ửng hồng. Chị chỉ còn nghe văng vẳng bên tai:

*Hoa lá ngậy tình không muốn động  
Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi...*

(Hàn Mạc Tử)

Những cảnh hẹn hò thâm kín này xảy ra đây đó trong xóm làng Việt Nam từ cái thuở người thôn nữ Việt nam còn mặc váy sồi đen, với “ruột tượng” (bao lung) điều, yếm hồng cánh sen, với nón quai thao, sợi dây “tích bạc” đất cạp váy lưng lẳng bên hông.

Ta hãy trở lại với đám đông bên giếng, với tiếng cười đùa của các chị em đương gánh nước về nhà, theo sau là những chàng trai đưa lời tình tứ hay đưa đây những câu ca dao, câu vè, câu đố được đem ra tranh tài cao thấp. Tiếng cười có khi rộn tan, có khi là lời hay thả lời cùng nhau nũng nịu trữ tình.

Vài con trâu trở về chuồng muộn. Theo sau trâu, bác nông phu vai đeo cày, ghé giếng nước rửa chân. Con nghé nghên cổ nhìn sao lấp lánh. Thình thoảng đâu đó, tiếng chó sủa trắng vang trong xóm tối, lẫn trên không trung vài con chim ăn đêm buông những tiếng kêu rời rạc.

Ta hãy thưởng thức những vần thơ của thi sĩ Đoàn Văn Cừ:

*Tiếng vông trong nhà kéo kẹt đưa,  
Đầu thềm con chó ngủ lơ mơ.  
Bóng cây lơ lá bên hàng dậu,  
Đêm vắng, người im, cảnh lặng tờ.*

*Ông lão nằm chơi ở giữa sân,  
Tàu cau lấp loáng ánh trăng ngàn,  
Thằng cu đứng vịn bên thành chõng,  
Ngắm bóng con mèo quỵện dưới chân*

*Bên giếng, dăm cô gái xír quê  
Từng đàn vui vẽ rủ nhau về,  
Trên vai nặng trĩu đôi thùng nước,  
Kêu kịt đi vào lối cổng tre.*

*Trong xóm giờ lâu quá nửa đêm,  
Tiếng chày giã gạo đã ngừng im,  
Trăng tà hạ xuống ngang đầu núi,  
Đom đóm bay qua giải nước đen.*

*Tiếng ốc trên chòi rúc thiết tha,*



*Gió lay cát kết rặng tre già,  
Sao trời từng chiếc rơi thành lệ,  
Sương khói bên đồng ủ bóng mơ.*

(Đoàn Văn Cừ - Trăng hè)

Đất nước ta đẹp đẽ quá, đẹp từ góc phố, đẹp từ góc làng. Đất nước chúng ta như gấm như hoa. Con người chúng ta lớn lên trong tình nhân bản, lấy con người làm gốc. Đất nước chúng ta dù có khó khăn đến đâu, với những con người ấy, với mảnh đất linh thiêng ấy, chúng ta sẽ có thanh bình như những đêm hè và sẽ tồn tại, bền vững như bước chân dựng nước và giữ nước của tiền nhân.

Ta nói thêm một vài hình ảnh khác của mùa hè nhé.

Nói đến hè, hình ảnh mà ta dễ tìm thấy nhất vẫn là những ngày thần tiên của tuổi học trò: **Nghỉ hè**. Trong chúng ta, hỏi ai không thích nghỉ hè, học trò nhỏ thích, học trò lớn cũng thích và cả người lớn như chúng ta cũng thích.

Ba tháng nghỉ hè, đối với học trò, đây mới thật là mùa xuân. Chúng ta hãy cùng nhau trở về với mái trường xưa trong những ngày sắp nghỉ hè. Bạn bè đưa nhau vội vã cuốn “lưu niệm” để ghi lên đó những kỷ niệm nhớ nhung, quây luyến. Cánh hoa phượng được gài vào cuốn sổ, tấm ảnh nhỏ trao nhau vội vã và cùng hẹn gặp lại nhau trong niên học tới. Những bức thư tình cũng được trao nhau ngập ngừng. Mọi tình đã được ôm ấp trong bao tháng, nay đã đến lúc phải ngỏ lời.

Ta hãy nghe nhà thơ Xuân Tâm diễn tả sự vui mừng của ông đến chừng nào khi biết ngày học hôm nay là ngày cuối cùng của niên học để bước vào thời gian nghỉ ngơi, đùa nghịch.

*Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã hết,  
Đoàn trai non hơn hờ rủ nhau về.  
Chín mươi ngày nhảy nhót ở miền quê,  
Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ.*

Còn gì sung sướng cho bằng khi những cậu học trò làng lên tỉnh học, nay được về sống với cha mẹ, anh em thân thương. Về với ruộng đồng là về với những cánh vật cùng sinh hoạt thôn quê mà cậu trai hay cô gái đã phải tạm xa. Với con sông uốn khúc quanh làng, cậu trai sẽ cùng chúng bạn bơi lội, nô đùa. Cậu sẽ tha hồ nhớ về những hương vị của cây trái: nào chùm nhãn vàng óng ả như mời chào, nào quả mít chín tỏa hương thơm quây luyến, nào chùm khế ngọt đong đưa, mấy trái ổi chín... như đang đợi cậu nếm thử. Cô hàng xóm nhỏ ngày nào nay vừa chớm lớn, bắt cậu trèo lên cây muỗm đầu ngõ hái quả để cô em ăn với muối ớt, nhãn mặt vì chua. Và đêròi những mối tình thầm kín phát sinh, tình trong như đã, mặt ngoài còn e.

*Trong khoảnh khắc sách, bài là giấy cũ,  
Nhớ làm chi, Thầy mẹ đợi em trông.  
Trên đường làng huyết phượng nở thành bông,  
Và vườn rộng nhiều trái cây ngon ngọt.*

Nhà thơ Trần Trung Phương vui chơi với mùa nghỉ hè của ông :

*Năm năm đến vụ hè,  
Về đón gió đồng quê.  
Chiều chiều ra ao tắm,  
Tối thả diều trên đê.*

*Sáng dậy ra bờ ao,  
Xem gió rờn nắng đào.  
Nghe gió đồng khê thổi  
Tàu lá chuối lao sao.*

*Nhớ những buổi đi câu,  
Anh nắng dài bên cầu;*

*In đáy hồ trong vắt,  
Bóng cây si gọi râu.  
Có những buổi chiều vàng,  
Một mình đi lang thang.  
Mơ màng nghe tiếng hát,  
Trẻ chăn trâu trong làng.  
Có những hôm mưa to,  
Xem lá tre thả đờ;  
Ngồi trên dòng nước đờ,  
Tôi làm bao nhiêu thơ.  
Năm nay lại nghỉ hè,  
Nghe tiếng gọi Đông Quê.  
Bao cảnh trời tươi đẹp,  
Quyện hồn tôi say sưa.*

(Trần Trung Phương - Nghỉ hè)

Không phải mùa hè đẹp cho tất cả mọi người. Mùa hè cũng còn là những nỗi buồn chia tay bịn rịn, nhớ thương, đôi người cách biệt dù chỉ trong ba tháng xa trường, xa lớp. Những cánh thư hồng, thư xanh mực tím gửi đến cho nhau phát phối.

Trong những cánh thư, cô cậu tỏ lộ tâm tình và cũng lần lờ xin lỗi khi sắp sửa chia tay:

*Hôm nọ em biếng học  
Khiến cho anh bất bình,  
Khẽ đánh em cái thước  
Vào bàn tay xinh xinh...  
Giận anh em ủ rũ  
Từ hôm đó mà đi,  
Anh hỏi em không đáp  
Anh cười em ngoảnh đi...*

(Nguyễn Xuân Huy)

Những bức thư như thế được chuyển đi. Và rồi, với những ngày vui trước mặt, lòng người cũng dễ thứ tha.

*Hôm nay em đã cười  
Nũng nịu đến “xin lỗi”  
Được thể anh làm cao  
“Sao em không giận mãi”*

Nhưng hỡi ôi! mùa hè cũng là **mùa thi cử**. Thi ơi là thi, thương mi làm chi. Bao nhiêu tiếng cười đắc thắng và cũng bên cạnh đó bao tiếng cười gượng gạo hòa trong nước mắt.

Rong chơi mãi rồi cũng chán để lại nhớ trường, nhớ bạn, nhớ thầy.

*Mong mãi sao không chóng hết hè!  
Nghỉ nhà chơi mãi cũng buồn ghê!  
Sớm không thầy học, chiều không bạn  
Không khí quanh tôi thở nặng nề!  
Tôi muốn trông ngay thấy bóng trường  
Và bao bạn học của tôi đương  
Chuyện trò hớn hờ vui chân bước,  
Tiếng guốc khua vang khắp vỉa đường.*

Tôi quên sao được lớp tôi ngồi,  
Ánh sáng xiên vào một ít thời.  
Có bóng cây bàng che mát rượi,  
Trên cành ríu rít tiếng chim vui.

Tôi nhớ những ngày dưới bóng cây  
Nó đùa cùng mấy bạn thơ ngây,  
Đánh chuyền, ca hát, cười, reo, nhảy,  
Hay đứng sân trường nhá bánh tây.

Hôm nay chợt nhớ đến trường tôi;  
Thấm thoát chơi rong một tháng rồi.  
Còn tháng rười hề, lâu quá nhỉ!  
Ai quay trái đất gấp dùm tôi?

(Trần Trung Phương - Nhớ trường)

Kỷ niệm rõ nhất của mùa hè vẫn là kỷ niệm của tuổi học trò. Mà tuổi học trò không phải chỉ biết đùa nghịch, mà còn là tuổi của mơ mộng, của những lý tưởng cao đẹp lấp biển vá trời, của những hình ảnh tương lai cao chất ngất. Và điều đáng nói nhất, ấy là tuổi của yêu đương, của chinh phục, tuổi của buồn, của vui trước những mối tình thâm kín.

Thời gian thấm thoát trôi mau. Nay tôi không còn trẻ nữa để có những mơ mộng viễn vông. Nghĩ lại thời xa xưa ấy thật buồn cười với những ngô nghê vụng dại, nhưng cũng thật dễ thương. Dù sao, đây cũng là kỷ niệm đáng nhớ của một đời người. Tôi biết trân quý những kỷ niệm đó và ôm ấp nó như ôm ấp một người tình. Tôi nhớ, đã từng nhiều lần âm thầm lê bước trong đêm khuya ngang qua cửa nhà cô hàng xóm chỉ để mong được nhìn chút ánh đèn leo lét hắt qua cửa sổ nơi nàng đang ngồi học. Giản dị thế thôi! Thế thôi, nhưng không thể thiếu cái ánh sáng ấy vào những đêm hè tôi không ngủ được vì nhớ nhung.

*Sống nơi quê người, hình ảnh quê hương luôn là những hình ảnh sống động nhất và có một sức mạnh mãnh liệt nhất để cuốn hút ta về và cuốn hút ta vào với những tình tự quê hương mà trong đó có cả hình ảnh của mùa hè dù chỉ qua thơ văn.*

Tôi xin trở lại San Jose với “Cái nóng nung người, nóng nóng ghê” của ngày hôm nay, cái nóng ở 100 độ F. ■

*Nguyễn Hữu Hùng*

Mời nghe

HÈ VÈ

Nhạc: Hùng Lân

[https://www.youtube.com/watch?v=bk3C9oz2JT8&list=RDbk3C9oz2JT8&start\\_radio=1&t=21s](https://www.youtube.com/watch?v=bk3C9oz2JT8&list=RDbk3C9oz2JT8&start_radio=1&t=21s)

Khúc Ca Mùa Hè

Ca sĩ: Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao

<https://www.youtube.com/watch?v=r9fuMeGYRzQ&list=RDbk3C9oz2JT8&index=4>

**LK Tình Thơ - Phương Hồng**

Ca sĩ: Đức Vĩnh

<https://www.youtube.com/watch?v=tcfC8xuTRGo>



## Cô Hàng Hoa Ngoài Phố

Vũ Thị Ngọc Thu



Ảnh: Nguyễn Phúc Thành

*“Các gánh hàng hoa, theo mùa, đôi khi còn có vài gói hoa nhài, hoa ngâu, hay hoa bưởi để người ở phố mua về ướp mía, ướp thạch, hay ướp chè. Các chùm hoa thơm ngọt ngào, ngăn cản được cuộn trong lá chuối, lá sen, hay hai, ba chiếc lá bàng chập lại, thành những gói hoa, cột bằng dây lạt đan chéo, nhìn như các giỏ hoa quê xinh xắn vừa mộc mạc trang trí quang gánh, vừa góp phần cùng cô hàng nhẹ nhàng thả hương quanh phố.”*

Từ hôm đến Hà Nội, sáng nào tôi cũng thức dậy thật sớm để đi dạo một mình quanh khu phố gần nhà trọ, khi trời vẫn còn mờ tối. Không gian hơi se lạnh, vắng vẻ của buổi sáng mùa đông ở đây mang cho tôi chút tĩnh lặng riêng. Tôi thích những khoảnh khắc được một mình âm thầm trong dòng trôi chậm rãi của thời gian như vậy. Bước đi thong dong, bồi hồi thả hồn tìm quá khứ của thế hệ gia đình đã thuộc từng vỉa hè, ngõ ngách trên khu phố vương bao nhân ảnh của nhiều thời bề dâu đã qua.

Nhiều lần tôi đã hiếu kỳ dò tìm những đường ngang, lối dọc, công viên, vườn cỏ từng được ông bà, bố mẹ tôi triu mến nhắc đến như những khung trời mang nhiều hình ảnh trữ tình, các kỷ niệm khó quên, bao xúc cảm thân ái trong tâm tư của họ. Nhưng đôi khi tôi cũng chỉ bước thật chậm để khứu giác vui thích phát hiện các mùi vị đặc trưng hay hương thơm dịu ngọt, lan tỏa từ các món ngon, đặc sản Hà Thành đang được chuẩn bị để bán mờ hàng. Và cũng có mấy lần, tôi loanh quanh không chủ đích, lơ đãng ghé vào chỗ bà cụ lợm khộm bán nước chè ở góc phố tối, nhân nha nhấp từng ngụm chè, nhìn làn hơi nóng nhẹ nhàng thoát bay vào các khoảng không vắng lặng giữa cảnh quan đìu hiu lạ lẫm như chưa từng biết, dù ngày nào cũng phải qua khu hàng phố đông đúc, nhộn nhịp này để về nhà trọ. Phố Cổ giờ ấy đang mệt mỏi, cố nấn ná nốt thời khắc nghỉ ngơi ngắn ngủi còn lại, trước khi bắt đầu một ngày bận rộn mới.

Cũng có lúc tôi mơ màng thú vị với ý nghĩ được may mắn thành thơ đi dạo trên những góc phố xưa, qua các nhà cổ, nhìn đoàn tàu sớm vào ga, vòng lối đường cũ xem khu vườn ven hoàng thành. Thật mãn nguyện làm sao khi được lang thang những nơi mà tao nhân, mặc khách từng đi qua, từng lảng lảng dấy trào cảm hứng khi nhận biết vài sắc thái văn hóa đặc trưng hay ý thức được vẻ đẹp rất riêng của hàng phố, và đã xuất thần phóng bút thả đôi ba câu chữ, khúc nhạc, hay tranh vẽ, để lại những tác phẩm văn học độc đáo về Hà Nội như Hà Nội Băm Sáu Phố Phường, Chuyện Cũ Hà Nội, Miếng Ngon Hà Nội, Thương Nhớ Mười Hai, Vang Bóng Một Thời, ... [1].

Và có một lần, đắm chìm trong bao băng khuâng hoài niệm các câu chuyện về một thời đã qua của gia đình, ngay giữa đường phố nhiều sương đêm và gió lạnh, đang thong thả bước, tôi tưởng đã nghe vọng lại từ xa thẳm, tiếng những bước chân dạo phố mơ hồ của những người thân từ muôn năm cũ. Hà Nội có những giây phút bồi hồi mê ám lạ như thế.



Vào Phố Sớm. Ảnh: Internet

Các ngõ đường quanh phố như vẫn còn ngủ yên. Phố vắng lặng, thỉnh thoảng mới có vài cô gái mặc áo len sậm màu, chở đầy hoa trên những chiếc xe đạp cũ. Họ đạp xe chậm rãi, sương đêm hơi lấp loáng trên những nhánh hoa trong giỏ xe. Bóng họ nhập nhòa dưới ánh đèn yếu ớt trong không gian khô lạnh. Vẻ lam lũ tận tảo lặng lẽ của các cô hàng đã làm tôi nao lòng băng khuâng nghĩ ngợi mãi sau khi phải từ giã Hà Nội đi thăm các nơi khác.

Những hôm Phố Cổ mờ ảo trong sương mù, lối đường dọc bờ đê sông Hồng từ ven đô vào lại càng như kỳ bí mê hoặc hơn. Vừa thoát nghe tiếng đạp xe dè dặt, rất khẽ như ngại đánh thức hàng phố, thì thoát cái, xe cùng giỏ hoa đã vút khỏi đoạn đường tù mù ánh đèn, chỉ để vang nhẹ lại nhịp xích khua cộc cạch khiến khách bộ hành phải hiếu kỳ ngó theo, vừa kịp thấy lẳng hoa đi động biến hút vào khối sương đặc dày phía trước. Trên

đường, chỉ còn mơ hồ thấp thoáng phần sáng nhỏ trên chóp nón của cô hàng, ẩn hiện thêm vài chóp mắt, rồi mất hẳn, không còn dấu tích gì nữa. Vạn vật lại lặng lẽ chìm trong màn sương mù phủ che đặc dày khắp nơi.

Tôi ngẫm nghĩ, giờ này đã lên đến trung tâm phố, có lẽ các cô hàng đã phải tắt tả chuẩn bị cắt, chọn, phân chia, và gói từng bó hoa từ 3, 4 giờ sáng. Hôm trước, khi nói chuyện với một cô bán hoa ven khu Hồ Tây, tôi được biết phần lớn hoa bán lẻ của các cô đều trồng ở mấy làng ngoại thành, cách phố khoảng từ 5 đến 15 cây số. Hoa thu hoạch từ vườn nhà họ, vườn hàng xóm, hay được mua lại từ chợ phân phối hoa của làng. Nghe cô nói *các làng hoa ven đô*, mới êm đềm thơ mộng làm sao! Đã hai hôm rồi, tôi có ý tìm cô bé để nhờ dẫn đến thăm làng cho biết mà vẫn chưa gặp được. Có lẽ chiều nay tôi sẽ bỏ chuyên đi đã xếp đặt theo tour để đến Hồ Tây chờ cô thêm một buổi nữa vì sáng ngày kia tôi dự định lên thăm vùng đồi núi Tây Bắc, gần khu biên giới.

Cô hàng hoa ấy chỉ độ mười chín, hai mươi, có thể trẻ hơn, nhưng gương mặt phẳng phất nét khắc khổ nên nhìn hơi chững tuổi hơn một chút. Mắt cô vẫn lấp lánh nét tinh nghịch học trò mỗi khi cười nói, lúc tôi hỏi mua hoa. Tôi cũng chẳng biết tại sao mình lại lân la trò chuyện với cô khi các khách du lịch cùng nhóm vui đùa tíu tít chụp ảnh quanh khu đền cổ hay trầm lặng ngắm nhìn phủ Tây Hồ. Có lẽ vì hình ảnh buổi chiều hôm ấy đẹp quá. Nắng hoàng hôn nhạt vàng lênh loang trải khắp hồ làm mặt nước, loãng xanh sắc cỏ úa cả khúc quanh ở lối cong đường bờ hồ, nơi cô gái đang dựng tạm chiếc xe đạp có hai giỏ hoa gồm nhiều nhánh cúc họa mi trắng xen lẫn vài loại hoa vàng, tím khác. Mái tóc cô xõa ngang vai, đôi mắt to đen, thấp thoáng nét đẹp nhu mì dưới vành chiếc nón lá quai tím. Tôi đã bị thu hút bởi khuôn mặt nhân hậu hiền lành luôn vui vẻ dịu dàng cười nói giữa những bó cúc họa mi trắng nhụy vàng, lác đác vài nhánh cỏ bướm tím. Bóng mát vòm cây rậm lá xanh. Không gian êm đềm trong buổi chiều ngày nước lên. Nước mênh mang sóng sánh đưa các khoảng trống lênh đênh về vô định. Đôi lúc, có khoảng lại ngược dòng loay hoay tìm mùa trôi tuổi thơ còn lách tách tiếng mưa làm bong bóng vỡ.

Tay thoăn thoắt tĩa nhanh mấy cái lá đã hơi héo, tiếng cô gái đều đều như thủ thi với tôi “*Cháu sinh ra đã thấy hoa cô ạ, hoa hôm nào bán không hết, bà hay mẹ cháu cắm vào chiếc độc bình cổ trên cái bàn duy nhất giữa nhà. Nhà sáng thêm vì có hoa. Trên trang thờ cao hơn, nơi luôn ám hương đèn, ngày nào bà cũng bày hoa ngâu, hoa ngọc lan hay hoa dành dành mới; mấy loại hoa thơm dịu này nhà cháu trồng riêng trên một góc vườn cao, chỉ để cúng.*” Câu chuyện của cô làm tôi nao lòng nghĩ ngợi băng quơ. Ừ, thì tôi sẽ mua bó hoa về cắm trong phòng mình đang ở, để không gian được sáng thêm, biết đâu cũng làm nguôi ngoai bớt những u uất của nỗi buồn vẫn nổi trôi ám ảnh tôi mấy năm vừa qua.

Ngay lúc này, tôi rất muốn gặp lại cô hàng để kể mỗi khi nhìn những bông cúc họa mi trinh khôi từ vườn nhà cô, tôi có cảm tưởng không gian trong căn phòng tạm của mình đã ấm áp hơn, khác hẳn

những hôm vừa đến sau chuyến đi dài từ Huế ra, tâm tư tôi đã triền miên bị buồn bã ám ảnh bởi những đoạn đường heo hút còn hằn nhiều dấu vết khổ đau của thời lửa đạn, chiến tranh.

Đôi lần, nhìn những bông hoa tươi tắn, đẹp nhu mì trong lọ, tôi còn có cảm tưởng như nhìn thấy cả đôi bàn tay cần cù, chịu thương, chịu khó của bà, của mẹ cô hàng khi họ chăm chút xới bón những bụi cúc họa mi đặc dây nụ, lá trong vườn. Đôi chân nứt nẻ của họ cứ uyển chuyển qua lại, kịu kịt quảy các vò nước, nhẩn nại tưới bón vun bồi các luống hoa quanh năm, suốt tháng. Họ chăm chỉ giữ vườn cho không bao giờ bị héo hon khát thèm nước hay thiếu thốn dưỡng chất cần thiết. Khắp vườn, đâu đâu cũng là những khóm hoa xanh mơn, thân cành chắc khỏe, đọt lá



Những Hàng Hoa trên Phố Hà Nội. Ảnh: topchitruongnien.com



xum xuê, nụ biếc mọng tròn, chín mẩy như sẵn sàng bung nở hồn hậu vào ngày thu hoạch. Những ánh mắt hân hoan vui mừng của mấy người phụ nữ đứng tuổi khi dõi theo bao lẵng hoa tươi mát hương sắc, rực rỡ vẻ đẹp bội thu được cô bé và các cô bạn cùng rong ruổi chở mang thành quả mùa làng vào phố thị. Cũng có lúc, buồn làm sao, tôi chỉ thấy các đôi mắt ngơ ngác, lạc thần, đầu đón trong ngày giông bão mịt mù hay khi nước lụt trào dâng. Cây ngã, cành bay xơ xác mà họ bất lực không thể bung hoa



Những Gánh Hoa từ Xã Ngọc Phong, Nam Định.  
Ảnh: Chi Tuấn, Zing News

vào nhà hay đưa chúng lên mái sơ tán khi biển nước lên loang lút tràn khắp nơi. Nỗi nhọc nhằn của họ khi phải buồn thảm nhổ từng bụi hoa chưa trở nụ đã úa chết sau vài ngày tai bay, gió vạ. Những nét mặt bơ phờ, hốc hác, hần sầnét ưu tư lo lắng khi trực diện nguy cơ mất mùa, đói kém. Tôi cũng không ngờ những đóa cúc họa mi mong manh ấy lại khiến tôi tưởng tượng và nghĩ ngợi lan man nhiều chuyện như vậy.

Tôi ước được đến thăm khu vườn nhỏ của gia đình cô hàng để có thể xem tận mắt công đoạn gặt hái tiêu biểu của một gia đình tiểu thương trong làng nghề trồng hoa; nhất là vào thời điểm họ đang mừng vui được bội thu cúc họa mi và cúc chi vàng. Đi thăm làng còn được xem cả những khóm cúc sao băng của mùa thu còn lác đác sót lại. Những cái tên cúc họa mi, cúc chi vàng, cúc sao băng như góp phần làm tăng thêm âm hưởng êm ái bình yên, hạnh phúc của mùa vàng chín trong thiên nhiên đất trời. Hương sắc hoa mang mùa thu, đúng hơn là những nốt nhạc thu êm ả, theo các cô hàng làm ngẩn ngơ nao lòng khắp các ngõ phố Hà Nội.

Đặc biệt, theo cô bé ấy, dạo quanh làng vào lúc này còn được miên man tận hưởng những thời khắc sáng khoái, thư giãn vì không gian ngập tràn hương thơm quyến rũ, dễ chịu của chè thuốc hoa cúc, thức uống thanh tao, đang được phơi sấy thủ công khắp làng. Chè hoa làm từ cúc chi vàng, hay gọi cao quý hơn là *chè cúc tiến vua*, rất được ưa chuộng bởi dân làng. Loại chè quê mộc mạc này luôn đậm ngát tinh túy hoa đã được cẩn thận, khéo léo ủ quyện cùng nắng, sương trong lành của đất trời, chỉ để dành cho gia đình dùng quanh năm. Từ lâu, người làng hoa đều biết cúc là thảo mộc quý, có nhiều dược tính đặc biệt hỗ trợ sức khỏe con người, nên họ luôn chăm chút hoa vườn nhà rất cẩn thận, tránh dùng hóa chất độc hại; vì, một phần số hoa thu hoạch sẽ được biến chế làm chè uống giải nhiệt hay được phơi khô để tinh tế trộn thêm như một dược chất trong các thang thuốc truyền thống.

Tôi còn nghĩ đi thăm làng cũng là cơ hội có thể tương tác với các nghệ nhân, người làng đã mưu sinh nhiều đời bằng cách nói rộng, phát triển kỹ nghệ trồng hoa nhà vườn, mà ban đầu chỉ là thú tiêu khiển tao nhã ươm trồng, uốn nắn cây cảnh vườn nhà. Trao đổi với họ, biết đâu sẽ có thêm gợi ý hay chút thấu suốt về quan điểm hạnh phúc, trạng thái cảm xúc trù tượng, luôn mạnh mẽ chi phối đời sống của tha nhân ... khi cố gắng giải mã những lẩn cẩn vì sao người làng hoa vẫn an nhiên duy trì và tiếp nối nếp sống thanh cảnh, không dư dả, của cha ông họ.

Miên man trong những suy tư, nghĩ ngợi về các câu chuyện mộc mạc, trong lành mà cô hàng đã kể đã làm tâm hồn tôi thư thái an nhiên như đang được vui thú dạo quanh làng hoa của cô. Ở đó, nhìn bất cứ hướng nào cũng ngút ngàn các thửa hoa phong phú sắc màu, không gian thanh thoảng hương thơm, nhà nhà trong xóm đầm ấm hơi ngọt được thảo; rất khác biệt cuộc sống công nghệ máy móc tân tiến ở các đô thị lớn mà tôi từng ngụ cư nhiều năm qua.

Tôi cũng được biết, hầu hết hoa bán trong phố đã đến từ các làng hoa truyền thống, đôi khi cũng từ những thảm hoa đại ngút ngàn vùng trung du, hay các cánh đồng hoa thương mại bất tận ở các tỉnh xa. Dù không được muôn màu, đa sắc, hay ngoại cỡ như hoa được sản xuất đại trà trên các cánh đồng đã được cơ giới hóa; hoa đến từ các làng hoa truyền thống quanh phố như Phú Thượng, Tứ Liên, Quảng Bá, ... vẫn là hoa được rất yêu chuộng và kén chọn đặt mua bởi nhiều nghệ nhân cắm hoa chuyên nghiệp.

Người Hà Nội cổ cũng thích mua hoa làng để thắp hương những ngày mừng một hay ngày rằm theo chu trình các tuần trăng. Hoa từ làng, tươi lâu và hương đậm thơm hơn, có lẽ vì được vun trồng kiểuthủ công vườn nhà, dinh dưỡng bằng tinh túy đất quê, bón xới theo các lễ lối được cẩn thận truyền giữ, và được chăm chút bằng những nâng niu, thương yêu của gia đình chủ vườn. Có thể nói, mỗi đóa hoa trong làng, dù phù du mong manh hay mẫn mà khuê các, lúc mãn khai, đều hiển lộ hương sắc hoàn hảo do những kết hợp hài hòa của thiên nhiên kỳ diệu và công sức cần mẫn chăm bón từ những đôi bàn tay khéo léo của người làng hoa.

Truyền thống ươm trồng, uốn nắn nhẹ nhàng để tạo các giỏ hoa cành lá tao nhã, thi vị ở các làng hoa cổ của một thời vang bóng như làng Ngọc Hà hay làng Hữu Tiệp, vẫn luôn được nhắc nhở với nhiều ngậm ngùi tiếc nuối trong tâm khảm người Hà Nội của thế hệ ông bà tôi. Thuở còn đi học, mấy ai trong nhóm nữ sinh chúng tôi không yêu thích và thương cảm Liên, cô hàng hoa đẹp nhân hậu, vị tha, tần tảo, và cũng đa đoan của làng hoa Hữu Tiệp trong tiểu thuyết “*Gánh Hàng Hoa*” của Khải Hưng và Nhất Linh. Và cũng thú vị làm sao, tự bao giờ, hai làng hoa truyền thống này đã ngẫu nhiên đi vào các trang sách văn học được lưu truyền mãi.

Chuyện về làng hoa còn rất nhiều mà cô hàng ấy chưa kịp nhớ hết thôi. Ở không gian luôn thoang thoảng hương thơm và tràn ngập hoa tươi, mấy ai không có lúc bị thôi thúc muốn tìm hiểu về truyền thuyết của những đóa Vô Ưu (Vàng Anh – *Saraca asoca*) luôn vươn cao an nhiên thoát tục trên vòm cây xanh ánh ngọc trong sân chùa, hay của các chùm hoa Bi Ngạn (*Lycoris radiata*) rực rỡ, chỉ kỳ bí bung tỏa trên đầu các ngọn cây trụi trụi không còn lá. Vì sao có loại hoa, khi cơ duyên thuận hợp, có thể thần bí mang đến trạng thái yên bình vô lượng cho tha nhân, giúp họ dễ thăng hoa vào cảnh giới thiền tĩnh yên bình. Dân dã hơn, các loại hoa mang ý nghĩa như Hường Dương thủy chung hay Tử Đằng thắm thiết đều được kể lại như đã xuất phát từ các truyền thuyết đề cao tình người. Qua thời gian, truyền thuyết được chiết xuất, gạn lọc, rồi giữ lại như các trầm tích căn bản trong sự hình thành văn hóa dân gian.



Trong không gian trùng trùng sắc không mờ ảo hương khói ngày lễ ở các đình chùa, tượng đài, hay lăng miếu, thì hương hoa cúng được trân trọng như mạch nối tâm linh dẫn truyền giao cảm giữa cuộc sống hiện hữu của con người với cõi hư vô, nơi có ông bà tổ tiên, và có thể, vãng lai đến cả cõi giới tâm linh bao la, vô hình của trời đất.

Cuộc sống sẽ vô hồn loãng nhạt làm sao khi không gian lễ hội không còn nồng nàn hương thơm và lung linh sắc màu của hoa tươi. Hoa không thể nào thiếu vắng trong tất cả các dịp hỷ, lễ, hiếu, tang của cuộc sống như Tết nhất, hội làng, đám cưới, ngày giỗ, đám tang, ... Và lòng tôn trọng cõi nguồn, tổ tiên đã hướng dẫn chúng ta chọn hoa có hương thơm tinh khiết và sắc màu thanh cao làm hoa nền trong các lăng cây hay các vòng hoa cúng lễ. Hoa nền luôn được cẩn thận cắm tia, đơm kết hài hòa cùng với vài loại hoa lá phụ có màu sắc trầm nhạt hơn, mang ý nghĩa an lạc, theo phong cách trang trọng cổ điển của từng lễ hội.

Những cô hàng hoa đã đi qua. Họ luôn là những hàng bán rong đến phố sớm nhất. Bóng tối vẫn thâm lạng bao trùm mọi nơi. Tôi bước chậm chậm qua những hàng quán còn đóng cửa nằm xen kẽ giữa các ngõ hẹp hút sâu. Và, thật ngạc nhiên kỳ thú làm sao, một phụ nữ còn khá trẻ, dáng dấp như cô Liên từ trang sách Gánh Hàng Hoa đang dịu dàng bước ra; chị chít khăn len màu hạt dẻ, gánh hai thúng hoa cải vàng đang nhịp nhàng uyển chuyển bước về hướng chợ Đồng Xuân. Lẫn trong thúng hàng của chị còn lác đác vài chùm cẩm tú cầu màu cốm xanh và hồng cánh sen. Gánh hàng hoa đong đưa qua lại, khoan thai theo từng nhịp bước của chị, đều đều, nhẹ như đang lướt trong điệu múa ngày mùa của các cô thôn nữ. Trong chốc lát, thúng hoa vàng cũng chìm tan dần vào màn sương mù trước mặt, chỉ còn thoảng lại hương hoa cải dịu nồng và chút hư thực thơm mát của vị hoa nhài.

Nhất định trong thúng hàng của chị phải có mấy gói hoa nhài! *Các gánh hàng hoa, theo mùa, đôi khi còn có vài gói hoa nhài, hoa ngâu, hay hoa bưởi để người ở phố mua về ướp mía, ướp thạch, hay ướp chè. Các chùm hoa thơm ngọt ngào, ngăn cảnh được cuộn trong lá chuối, lá sen, hay hai, ba chiếc lá bàng chập lại, thành những gói hoa, cột bằng dây lạt đan chéo, nhìn như các giỏ hoa quê xinh xắn, vừa mộc mạc trang trí quang gánh, vừa nhẹ nhàng góp phần cùng cô hàng thả hương quanh phố...* Đạikhái, cô bé hàng hoa bên hồ Tây đã nói với tôi như vậy. Câu nói gợi lại bao bồi hồi, xúc động về những ngày thơ êm đềm xa xưa của tôi. Cô làm tôi cay mờ mắt vì bỗng nhớ bà ngoại vô cùng.

Trong buổi chiều nhạt nắng bên hồ Tây hôm ấy, tôi tưởng như đã lại được thấy bà tôi đang cười nói, hít hà hương hoa thơm, tay nhẹ nhàng chọn mua gói hoa nhài mà cô hàng vừa kể. Tôi không sao quên được hình bóng bà nhu nhã, hiền dịu trong tấm áo dài nâu lác đác hoa văn chữ thọ, tóc vấn khăn nhung đen, chân mang đôi dép quai nỉ đơm nhiều hạt cườm ánh kim. Dáng điệu bà luôn thông thả khoan thai, từ tốn mỗi khi ra chợ chỉ để chọn mua hoa và trái cây cúng.

Khi nào đi đâu ra ngoài, chẳng bao giờ bà quên mua về một thứ quà nào đó cho đàn cháu háu ăn. Tôi nhớ rất nhiều lần bà đã mua vài gióng mía vỏ vàng hơi ánh sắc lá xanh, làm quà chợ cho chúng tôi. Khi nào mua được mía bà cũng mua thêm vài xâu hoa nhài. Người Sài Gòn gọi là hoa lài, hoa bán ở chợ thời đó được xỏ chỉ thành từng xâu, vài ba xâu thường được cột chung với nhau để treo bán. Tôi thường được bà giao cho việc tước hoa ra khỏi các



Bà Cự Trong Vườn Bưởi. Ảnh: Internet

vòng chỉ, rửa nhẹ bằng nước lọc, rồi hong thật khô. Trong khi ấy, bà cẩn thận bóc vỏ, chỉ li cắt mía thành từng khúc nhỏ đều đặn, rồi lại tần mẩn chẻ mỗi khúc làm tư hay làm sáu thành những miếng chỉ độ bằng lòng tay trẻ con. Sau đó, tất cả những miếng mía được bà sao nhanh trong một cái nồi gang đã hơ qua lửa vừa nóng độ năm, bảy phút. Mía hơi thơm mật, ngậy thơm thì bà thả nắm hoa nhài đã khô vào, đảo nhẹ một vòng, rồi để thêm tờ giấy bản hờ hững trên mặt mía, trước khi đập nắp ủ một lúc.

Thường sau giấc ngủ trưa ngắn của những hôm ấy, ngay khi thức dậy, tất cả chúng tôi đều rất vui mừng khi ngửi được mùi mật mía ngào ngạt khắp không gian, vị ngọt quyến rũ ấy hòa trộn hài hòa cùng hương hoa nhài dịu thơm, luôn nhẹ nhàng lan tỏa từ những miếng mía xinh xắn trong các ly thủy tinh được xếp trên bàn. Mỗi ly còn có sẵn cái ghim bà đã khéo léo tĩa từ khúc vỏ mía cứng. Đàn cháu xúm xít quây quần quanh bà, vừa nhâm nha nhai từng miếng mía thơm ngọt, vừa say mê hóng nghe những câu chuyện bà kể. Phần lớn vẫn luôn chỉ là các chuyện về vườn cây nhà hay chuyện lể lạc, giỗ tết thời xa xưa ở ngôi làng khoa bảng vang tiếng, Đông Ngạc [2] ở huyện Từ Liêm, quê của bà. Tôi thích nhất câu chuyện về hoa bưởi của bà.

Biết bao buổi chiều hè ở Sài Gòn, nắng ngoài hiên nhà dịu dần theo vị ngọt mát của từng miếng mía thơm, giọng bà tôi êm đềm xa vắng:

*“Bao giờ cũng vậy, qua Tết là gần đến mùa hoa bưởi. Đầu tháng 3, thỉnh thoảng có hôm trời oi nồng, ban đêm hai chị em bà thích để hé cửa sổ phòng ngủ cho thoáng. Hương hoa bưởi ngào ngào len vào khắp phòng, thơm như đang được ngủ dưới gốc bưởi ngoài vườn, thư thái vô cùng. Suốt hai, ba tuần trong mùa hoa, hai chị em ngày nào cũng được giao cho việc hái những chùm hoa bưởi trắng muốt, thơm lừng từ hơn mười cây bưởi trong vườn. Những chùm đẹp nhất, nhiều hoa và đủ cành lá, sẽ để riêng thấp hương trên bàn thờ. Hoa nào nguyên vẹn nhưng không còn cành lá thì một phần nhỏ để ướp chè, ướp mía, ướp trái cây, hay rải lác đác trên lớp bột sắn trong suốt của những chén chè hạt sen, phần còn lại để chưng cất thành nước hoa hoặc ngấu với đường làm mật hoa, để dành dùng quanh năm. Hoa để ướp chè thì chỉ tay con gái của vườn nhà được phép chạm vào thôi, tránh nhặt vị chè xuân. Những hoa hơi héo dập hay không còn đủ cánh thì hai bà gom lại, thả thêm một hai trái bồ kết*

*đã được âm i vùi trấu qua đêm, để nấu nước gội đầu. Hai chị em gội đầu lẫn cho nhau. Hoa bưởi cứ thơm mãi cả tóc chị, tóc em ...”*

Kể đến đây, tiếng bà luôn nghẹn lại một lúc, rồi lại thờ thẩn tiếp “*chẳng biết mấy cây bưởi trong vườn bây giờ có còn không nữa?*”

Chúng tôi cũng rom rom nước mắt thương những cây bưởi côì cút bị bỏ lại khi cả hai chị em bà lần lượt rời làng theo chồng vào hoàng thành Thăng Long định cư. Dù làng chỉ ở ngay ven thành, nhưng vào khoảng thập niên cuối của thế kỷ 19, ngoài việc đi lại phải dùng đường bộ băng rừng khó khăn, phụ nữ xuất giá thời phong kiến gần như chẳng được phép đi đâu xa khỏi nhà chồng, nên hai chị em bà cũng an phận không dám nghĩ đến việc về thăm quê nữa. Dân dã hai cậu em nhỏ của bà, như phần lớn các trượng phu khác trong làng Đông Ngạc, đều thành đạt ở trường thi rồi được bổ làm thương tá, tham tán phục vụ trong cơ sở của chính quyền thuộc khuôn viên hoàng thành. Từ đây, tất cả bốn chị em của bà lập nghiệp luôn ở kinh đô, trở thành người Hà Nội hơn một nửa thế kỷ. Sau đó bà lại bỏ tất cả, kể cả chị và hai em, cùng bố mẹ tôi di cư vào Nam khi đất nước phải ngậm ngùi tuân theo các điều lệ quy định bởi bản hiệp định Genève được ký kết năm 1954.

Nhiều năm đã qua, bà tôi bây giờ chỉ còn là các hình bóng mờ nhạt nhập nhòa xa vợ trong phần ký ức cũng đã đục mờ dần của tôi. Nhưng mỗi khi tình cờ nhìn thấy hoa bưởi hay bỗng chợt nghĩ đến bà, tôi vẫn tưởng như có làn hương bưởi tháng 3 ngày xưa đang quán quít gần gũi bên tôi. Những lúc ấy, nhiều lần tôi nhắm mắt lại, từ từ hít một hơi dài, như tận hưởng túy hương dịu ngọt của hoa bưởi đã ngậm no sương đêm, hòa trộn thanh tao tinh tế cùng vị bở kết nướng thơm, nhẹ nhàng thanh khiết, thoang thoảng từ suối tóc con gái óng mềm của bà thuở vừa có những băng khuâng xao động vu vơ đầu đời. ■

## **VŨ THỈ NGỰC THŨ**

### **Chú Thích**

[1] “Hà Nội Băm Sáu Phố Phường” là tập bút ký của nhà văn Thạch Lam, xuất bản năm 1943, viết về các món ăn và sự gắn bó của nghệ thuật ẩm thực với đời sống văn hóa-xã hội của Người Hà Nội.

“Vang Bóng Một Thời” là tập truyện ngắn và các bài tùy bút của nhà văn Nguyễn Tuân, xuất bản lần đầu năm 1940. Truyện viết về nề nếp sinh hoạt thời phong kiến với những nghệ thuật cổ thanh cao, những nếp sống, sinh hoạt xã hội nho phong của một nền văn minh xưa cũ.

“Chuyện Cũ Hà Nội” là tập ký sự đặc sắc mang nhiều dư âm lịch sử của Hà Nội được sâu sắc, trân trọng kể lại qua lời văn tinh tế, chất lọc, yêu thương của nhà văn Tô Hoài. xuất bản lần đầu năm 1986.

“Miếng Ngon Hà Nội” là một tập tùy bút của nhà văn Vũ Bằng. Xuất bản lần đầu năm 1960.

“Thương Nhớ Mười Hai” là một tập tùy bút của nhà văn Vũ Bằng. Nội dung các bài viết bộc lộ niềm thương nhớ của tác giả, những tình cảm không dễ nói thành lời của người con xa xứ dành cho quê hương. Xuất bản lần đầu năm 1972.

[2] Làng Đông Ngạc hay làng Kẻ Vẽ, thuộc huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội từ năm 1948. Thời phong kiến làng có gần 90 người đỗ từ bảng nhãn đến cử nhân. Làng Đông Ngạc là một làng khoa bảng nhất nước về đại khoa với 9 vị tiến sĩ phó bảng và nhì cả nước về số đậu cử nhân (42 vị) dưới triều Nguyễn. (theo *Bùi Duy Tâm* trong bài *Làng Đông Ngạc Kẻ Vẽ* ở <http://buiduytam.com/lang-dong-ngac-ke-ve/> )

## Vietnamese New Poetry-Part 4

### Bích Khê

By

Thomas D. Le

#### Bích Khê's Life and Works

**B**orn Lê Quang Lương on 24 March 1916 in his maternal village of Phước Lộc, Sơn Tịnh District, Quảng Ngãi Province, Bích Khê came from a family of patriotic scholars. Lê Mộng Thu was his pseudonym when he began writing Tang style poetry in his early career as a poet when he was thirteen. He soon abandoned it in favor of the modern versification of the New Poetry Movement. Educated at the Huế Pellerin High School, then later at a Hanoi high school, he left before graduation. In 1934 his sister Lê Thị Ngọc Sương and he opened the private Quảng Thuận School in Phan Thiết. Owing to her suspected clandestine activities against the French, she was incarcerated and the school was closed for two years. He returned to Quảng Ngãi to live sometimes in Mount Thiên Ân, sometimes on the river Trà Khúc. He contracted tuberculosis in 1937 and had to undergo treatment in Huế. With his disease in remission, he resumed teaching in 1938 in Phan Thiết with his freed sister. But the school was closed by the French after two years of successful operation. During this period he concentrated on publishing the only collection of poems to appear in his life titled *Tinh huyết* (Pure Blood). In 1941 he was invited to teach at Phú Xuân School in Huế. After only seven months, his tuberculosis flared up again forcing him to retire to Thu Xà Commune, Nghĩa Hòa Village, Tư Nghĩa District of Quảng Ngãi Province. He died on 17 January 1946 before reaching his thirtieth birthday.

Bích Khê's relation with Hàn Mặc Tử began in 1935 in Phan Thiết, when the latter visited his lover Mộng Cầm, who was Bích Khê's niece. This first encounter between the two young men (HMT being four years older than BK) was casual. It was not until 1937 that BK first read HMT's poems and recognized his genius. That prompted the younger poet to send his poems little by little to the "prince of crazy (deranged) poetry," who quickly returned them with unsavory comments designed to arouse his younger rival. Offended, BK vowed to produce great poetry in his six months, or else he would renounce poetry forever. Thus, in 1939 his collection *Tinh huyết* (Pure Blood) with HMT's preface. The collection made a powerful impact among the literary critics.

Bích Khê's and Hàn Mặc Tử's lives exemplified a rather unique parallel in Vietnamese literature: Both were young, almost the same age; both debuted early in their literary careers by writing poetry in the Tang style, which they abandoned in favor of modern forms and versification. Likewise, they forsook old-fashioned motifs and inspiration, and switched to bold, modern, or over-the-top ideas, visions, images, sensations, and motifs that their fevered and, sometimes, crazed minds invented over the wide swathe of critical territory from romanticism, symbolism to surrealism. Both early contracted then-incurable diseases, leprosy for the older one and tuberculosis for the younger, which caused their premature deaths in their prime, at twenty-eight for Hàn Mặc Tử and twenty-nine for Bích Khê.



The only poems published during Bích Khê's life were collected in *Tinh Huyết* (Pure Blood) in 1939. Among his unpublished poems are *Mấy Dòng Thơ Cũ* (Old Verses), written during the period 1931-1936, *Tinh Hoa* (Quintessence) during 1938-1944, and *Đẹp* (Beauty) in 1939.

After more than five years of practicing the Tang style and the sung-poetry (ca trù) genre, Bích Khê 's poetry development since 1937 follows three strands of artistic tendencies: the symbolic (probably influenced by Baudelaire, Verlaine, Rimbaud, Mallarmé through HMT), the supernatural (influenced by Hàn Mặc Tử), and the libertine (his own). To the new poetry he brought a refreshing creative imagination, a unique modern tone, a spirit of exploration and discovery into artistic imagery, construction, diction, and sensations. Uninhibited among the stars of the New Poetry Movement, Bích Khê 's bold and masterful handling of various motifs, especially those touching upon human sensuality, sets him apart and ahead of his generation.

Chế Lan Viên had this to say about Bích Khê:

*If Nguyễn Bính is the familiar scene of rustic life, Bích Khê is an exotic mountaintop. There are poets who make poetry. There are poets who, while making poetry, push it one more step toward modernism. There are poets who bring in a harvest of food. And there are poets who hold a bunch of novel seeds in their hands. Bích Khê belongs in the second group.*

Many of his poems were set to music by the famed composer Pham Duy and recorded in a CD featuring ten poems, among them *Tỳ Bà* (The Lute), *Tranh Lỏa Thố* (The Nude Painting) discussed below.



### **Tỳ Bà -- The Lute**

In the following poem, *Tỳ Bà* (The Lute), listen for the haunting rhythm and the low-tone endings of each verse, a stylistic device which must rank among the most daring experiments in poetic style. In Vietnamese, which is a tone language, the low tone group includes the neutral tone (denoted by no diacritics) and the *huyền* tone (or low-falling tone denoted by the grave accent mark over the vowel). Normally, Vietnamese poets instinctively vary the tone pattern of verse endings according to received prosodic practices or according to an intuitive sense of tonal harmony, specifically to avoid the deadening drone of a languishing monotone. Even among modern poets whose spirit of audacity, modernity and emancipation is the imprimatur of their personal worldview, such as Xuân Diệu, the temerity of pushing verse tone patterning to its limit was not particularly popular.

Not so with Bích Khê. His is a spirit so free and unconstrained that he flouted tradition in a highly idiosyncratic and iconoclastic way. All the verses in the poem *Tỳ Bà* end in a low (even) tone. It is as if Bích Khê dared his reader to fall asleep during the recitation: You have to read it aloud to appreciate the difficulty of maintaining a sense of excitement and anticipation when every single verse brings your voice to a vanishingly low pitch. Yet, for some inexplicable reason, you keep reading because you keep finding the words and emotions strangely woven, intriguing, and captivating. They relentlessly push you ever deeper into his world, and further forward until you feel fully engaged. In a sense, you feel dizzy and excited, as if intoxicated from an ever-increasing dose of liquor that stealthily insinuates itself into your system with every verse that impinges on your eye and ear. This two-tone poem speaks

an idiom irredeemably antithetical to joy.

*Tỳ Bà* (The Lute) grabs me from the start with its incantation-like flow, and holds me mesmerized till the last monotonous verse. At the last verse I was left with a sensation of bizarre befuddlement and bewilderment. I have just left the region of the fantastic (or so I thought), and of the monotonous lute, which in the midst of fall-spun tunes of melancholy loneliness for a man's lost sweetheart. The lovesickman spoke of spring and of winter, but his mood was dominated by the pervasive dreariness of golden fall. He grasped at the vision of happiness while in the throes of despair, yet refrained from begging her because of her unfaithfulness: She had forsaken her vows of fidelity in the face of his steadfastness. He longed for her with his waiting lips, which he knew she would never touch again. Yet he would never stop loving her, nor would he ever let her go. His life was now made insipid and disoriented, for she had taken his paradise with her, and buried it in her bosom, from which it now remained to him un-reachable.

Everywhere he looked he saw sadness, on the peach, on the conifer, on the wood-oil tree. Everywhere he looked, he saw the golden hue of fall, the endless golden hue of fall, the boundless color of fall, the color of despair. A doleful repetition that trails off into immense brokenhearted dejection.

### Tỳ Bà

Nàng ơi ! Tay đêm đang giăng mềm  
Trăng đan qua cành muôn tay êm  
Mây nhung pha màu thu trên trời  
Sương lam phoi màu thu muôn nơi.

Vàng sao nằm im trên hoa gầy  
Tương tư người xưa thôi qua đây  
Ôi ! Nàng năm xưa quên lời thề  
Hoa vừa đưa hương gầy đê mê.

Cây đàn yêu đương làm bằng thơ  
Cây đàn yêu đương run trong mơ  
Hồn về trên môi kêu: em ơi  
Thuyền hồn không đi lên chơi voi.

Tôi qua tìm nàng vay du dương  
Tôi mang lên lầu lên cung Thương  
Tôi không bao giờ thôi yêu nàng  
Tình tang tôi nghe như tình lang.

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi  
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi  
Đâu tìm Đào Nguyên cho xa xôi  
Đào Nguyên trong lòng nàng đây thôi.

### The Lute

My love! The arm of night extends its sweet touch soft  
While 'mong the trees the moon weaves its silky web sheer.  
With velvet clouds embedded in fall sky aloft,  
The mist of autumn spreads its color far and near.

The golden starlight calmly sleeps on spindly flowers;  
I feel such loneliness for my old sweetheart fair.  
Sweetheart! Why hast thou forgot the oath of ours?  
And here I am enthralled with blossoms' fragrant air.

The lute of love sings its tune made of verse;  
In dreams the lute rings clear its song of love.  
My soul cries out, 'My love', on my lips pursed.  
An empty boat, my wits aimlessly rove.

I seek her out to borrow tunes of bliss,  
And take them up to my palace cozy.  
Never would I my love for her surcease.  
This lute sounds like a lover's voice to me.

How much do I love her deep in my heart!  
How much do I adore her on my lips!  
No need to find Eden so far apart;  
Eden is here lodged in her bosom's depths.

Fall grasps all souls in its ethereal hands.

Thu ôm muôn hồn chơi phiêu diêu  
 Sao tôi không màng kêu: em yêu  
 Trăng nay không nằng như trăng thiêu  
 Đêm nay không nằng như đêm hiu.

Buồn lưu cây đào tìm hơi xuân  
 Buồn sang cây tùng thăm đông quân  
 Ô ! Hay buồn vương cây ngô đồng  
 Vàng rơi ! vàng rơi: Thu mệnh mông. ■

Bích Khê

Why do I not want to call out: 'Darling!'  
 Without my love the moon's but wasted lands;  
 Without my love the night is such sad thing.

Sadness on the peach roams for spring's breath,  
 Seeks out Sun God o'er at the conifer.  
 Why such sadness on the wood-oil tree's breadth?  
 O! golden fall, golden, boundless fall astir. ■

Translated by Thomas D. Le  
 17 August 2004. Updated 13 June 2023

The critics Hoài Thanh-Hoài Chân declared in their acclaimed book *Pre-War Vietnamese Poets* that the last two lines of the above poem are the best verses in Vietnamese poetry.

Bích Khê's posthumous honor was the naming of a street after him in Nghĩa Chánh Ward, Quảng Ngãi City.

### Tỳ Bà [Phạm Duy, thơ Bích Khê] Thu Vàng

Hoàng Khai Nhan. (2017, October 29). *Tỳ Bà [Phạm Duy, thơ Bích Khê] Thu Vàng*. [Video] YouTube. Retrieved June 14, 2023 from [https://www.youtube.com/watch?v=\\_ZN8tkXmqPs](https://www.youtube.com/watch?v=_ZN8tkXmqPs)



### Tranh Lỏa Thê - The Nude Painting

Pygmalion fashioned a perfect statue of a maiden, named her Galatea, then fell in love with his life-like creation. He implored the goddess Venus to give him "one like his ivory virgin" as bride. She breathed life into Galatea. And the two lived in blissful matrimony ever after.

Bích Khê neither created the nude painting nor married the lifeless image on canvas. Yet his devotion and passion were no less intense, and his feverish mind churned and burned with desire for the flesh that he saw softening and melting right under his gaze.

He mused and raved and longed achingly, with a vengeance, with all the strength of his anatomy, with all the raw power of his imagination, with all the bitterness of his unsatisfied prurient aspirations.

Bích Khê reveals here a personal, intimate glimpse of his inner soul, and the tension and conflict of a man with his libido, which sinks him to bottomless depths from which the only escape is to soar phoenix-like to the loftiest heights of deliverance from the sway of the flesh.

Given the traditional milieu in which Bích Khê lived, this is a remarkable piece of erotic creation in modern Vietnamese poetry.

### Tranh Lỏa Thể

Dáng tâm xuân uốn trong tranh Tố Nữ,  
Ô tiên nương ! nàng lại ngự nơi này ?  
Nàng ở mô ? Xiêm áo bỏ đâu đây ?  
Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm.

Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm ?  
Nàng là hương hay nhan sắc lên hương ?  
Mắt ngời châu rung ánh sóng nghệ thường;

Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc.  
Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc.  
Vài chút trăng say động ở làn môi.  
Hai vú nàng ! hai vú nàng ! chao ôi !

Cho tôi nút một dòng sâm ngọt lộng.  
Ôi lồ lộ một tòa hoa nghiêm động !  
Tôi run run hãm lại cánh hồn si...  
Ồ hai tay roi chén ngọc lưu ly;

Ồ hai chân nở màu sen ẽo lá;  
Cho tôi nàng ! cho tôi nàng ! tất cả...  
Tôi miên man uống lại mộng quỳnh dao  
Cho đê mê, chói với, hồn lên cao.

-- Một tinh cầu sẽ tan ra biển lệ.  
Tiên nương hỡi ! nàng sống trên thế hệ,  
Bóng thời gian phải quy dưới chân nàng --  
Xuân muôn đời di dưỡng giữa vùng tang !

Gương phép tắc suốt soi ngàn mộng ảnh !  
Cớ làm sao nâng niu bầu giá lạnh,  
Ấp tranh người, lơ đãng ngắm thi nhân ?  
Hay nàng nhớ nhung các phượng đèn lân ?

### The Nude Painting

A curvaceous body in the Venus painting.  
O goddess of beauty! 'T is hither that you reign?  
Where are you now? Yet here your clothes still  
are.

Whence came you to show your shapely body?  
Are you the stuff of snow or snow-skinned?  
Are you perfume-sweet or beauty-scented?  
Your pearl-lustrous eyes shimmer with heavenly  
hues

Damming tears about to burst in jade flows.  
Mysterious night sleeps soundly on your hair  
While sheaves of moonlight linger on your lips.  
Your two breasts! Your two breasts! Oh dear! Oh  
dear!

Let me suck the mellifluous nectar.  
What an engaging blossom uncovered!  
Shaken I rein in my demented soul...  
Oh! Those hands lay bare the twinkling jade  
bowls.  
Oh! Those legs spread lascivious lotus-pink.  
Give me you! Give me you! Give me you whole....  
I took a long quaff of the dream potion  
To reach the giddy height of ecstasy,  
And drown the globe in vast oceans of tears.  
O my Beauty! You dwell across all time;  
E'en dreaded Father Time kneels at your feet.  
There lies eternal spring in seas of change!

All rules of life are but mere illusions!  
Wherefore do you cuddle the bitter cold  
Of a mere painting, and fail to behold the bard?  
Or you so miss life in a phoenix castle?

Hay nàng ước mơ tình trong trắng ngọc ?  
 Ôi ! nàng ôi ! Làm sao nàng chẳng khóc  
 Người thi nhân, vẽ đẹp của khiêu dâm --  
 Trăng thanh tịnh còn lóng trong thơ câm,

Nhạc vô minh hằng sôi trên nét chữ ?  
 Ôi ! Nàng ôi ! thốt lên, lời ngọc nữ,  
 Lời trần châu rúng cả phiếm lòng tôi..  
 Ngọc Kiều ! Ngọc Kiều ! Đến cặp song đôi

Cho tôi độ vẽ hương trời sắc nước;  
 Vẽ huyền diệu ú men say lướt lướt;  
 Vẽ yêu tình đồn giận thâu vô gan;  
 Ta thiếp đi -- trong một phút mê loạn  
 Xuống muôn đợt rồi bay lên tột bực... ■

Bích Khê

Or you so long for the whitest pure love?  
 O my Beauty! Why shed you not your tears  
 For this poet, with all your lewd beauty?  
 The silent moon rests in mute lines of verse,

A soundless melody that boils in words.  
 O my Beauty! Speak up your words of jade  
 And tones of pearl that pluck my fond heartstrings.  
 Ngoc Kieu! Ngoc Kieu! Come here with your  
 double.

Let me portray your preternatural beauty  
 So wondrous it drowns me in tipsy daze,  
 So devilish it knocks my wrath deep in.  
 I blacked out...for a delirious moment;  
 From the deepest depths I then flung skyward. ■

Translated by Thomas D. Le  
 26 August 2004. Updated 13 June 2023

**Orig. August 2004. Updated 13 June 2023. TDL.**

### **Dị Khúc 3 - Tranh Loã Thể - Thơ: Bích Khê - Nhạc: Phạm Duy - CS: Tuyết Mai**

DiPiTi Nguyen. (2019, July 12). *Dị Khúc 3 - Tranh Loã Thể - Thơ: Bích Khê - Nhạc: Phạm Duy - CS: Tuyết Mai*. [Video] YouTube. Retrieved June 14, 2023 from [https://www.youtube.com/watch?v=-4vrA4Ln\\_c4](https://www.youtube.com/watch?v=-4vrA4Ln_c4)

### **Bibliography**

Bích Khê. (n.d.). Retrieved June 13, 2023 from <https://bichkhe.org/index.php>

Bích Khê. (2023, January 1). In *Wikipedia*. Retrieved June 14, 2023 from [https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ADch\\_Kh%C3%AA](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ADch_Kh%C3%AA)

Trang Thơ Bích Khê. (2021). *Thi Ca.net* Retrieved June 13, 2023 from <https://www.thica.net/tac-gia/bich-khe/>



## JACQUES YVES COUSTEAU

### Một truyền thuyết về biển cả

Dã Thảo

Lần này Dã-Thảo xin giới thiệu với các bạn về một chủ đề không ướt át, không bi lụy như mọi khi, có lẽ còn hơi khô khan và buồn chán nữa là khác, nhưng đó là một chủ đề gần như thời sự hàng đầu hiện nay, mà ai ai, còn một chút lòng từ bi với quả địa cầu mà chúng ta đang sống, đều phải cân nhắc và quan tâm, đó là làm sao cố gắng **BẢO VỆ MÔI SINH**. Và qua đề tài này, Dã Thảo cũng muốn nói đến một người, có nhiều liên quan đến vấn đề **MÔI TRƯỜNG**, một con người đã có một định mệnh thật vĩ đại, thật tài hoa, nhưng như cụ Nguyễn Du đã từng nói :

*Trăm năm trong cõi người ta  
Chữ Tài, chữ Mệnh khéo là ghét nhau*

hoặc :

*Có tài mà cậy chi tài  
Chữ Tài liền với chữ Tai một vần*

Cái Tài thì chắc chắn người ấy đã có rồi, danh vọng cũng ở tột đỉnh, nhưng gia cảnh thì có buồn hơn vui, và có phần hơi bi đát.

Đó là chuyện đời của **JACQUES-YVES COUSTEAU**.



Được xem như là sứ thần của những đáy biển, thuyền trưởng COUSTEAU đã thám hiểm không mệt mỏi hành tinh mà chúng ta đang sống và toàn bộ đại dương của nó. Mười ba năm sau cái chết của ông, thông điệp để lại vẫn đứng vững giữa tính thời sự.

Sinh ra được đúng một thế kỷ, nhân vật với chiếc mũ đỏ muôn đời đã trở thành một siêu sao thế giới. Cái con người khai phá những nơi sâu cùng cực của vực thẳm, đã phát hiện ra vào lúc hơn sáu mươi tuổi, rằng sự bảo vệ trái đất phải trực tiếp đi qua việc bảo vệ các đại dương.

Hôm ấy, cả chục nguyên thủ quốc gia toàn thế giới đã có mặt ở đó. Thế nhưng, tất cả những máy điện âm (micro) đều giờ ra về phía người đàn ông có chiếc áo vét (veste) màu lam lục rất bền bỉ. Ông ấy vừa được giới thiệu như một vị « sĩ quan chỉ huy hành tinh » (*Captain Planet*) bởi Maurice Strong, Tổng Bí Thư **Hội Nghị Thượng Đỉnh Trái Đất** (*Sommet de la Terre*), khai mạc vào tháng sáu 1992 tại Rio de Janeiro. Jacques-Yves COUSTEAU, tám mươi hai tuổi, với cái nhìn trong suốt, đang sẵn sàng truyền đạt cái thông điệp của ông. Hẳn ông ta không phải là một người tham dự chính thức Hội



Nghị Quốc Tế của Liên Hiệp Quốc (*O.N.U.*), nhưng nhà hải dương học nổi tiếng này, dù chỉ là một khách mời bình thường, nhưng lúc nào ông cũng biết lợi dụng cái uy lực của mình để trở thành cái loa cho một hành tinh đang trong tình trạng nguy khốn. Ông có thể phát động sự kêu gọi long trọng của ông, nhấn mạnh lên mỗi hiểm họa « **cơ bản** », mà theo ông, về số nhân khẩu quá đông. Jacques-Yves Cousteau, biểu hiệu của một thần tượng, mà ý thức đạo đức đã trở thành hầu như không thể lẩn tránh được. Vừa là một quân nhân, một nhà thám hiểm, một đạo diễn kỹ thuật phim, một thương gia, một viện sĩ của Hàn Lâm Viện Pháp, một nhà sinh thái học... Bao nhiêu trang phục chồng lên trên con người này ! Nhưng tầm vóc của một tổng tư lệnh bắt buộc chiếm ngôi vị hàng đầu.

Lúc đó, huyền thoại Cousteau đang ở tột đỉnh. Nhưng thực sự ở vào thời điểm nào mà cái truyền thuyết này đã bắt đầu được viết ra bằng màu mực xanh nước biển ? Có cần phải lặn ngụp vào thời thơ ấu của ông, để khơi dậy cái kho báu đam mê tột cùng của ông về những đại dương xanh biếc kia chăng ? Quả thực không đúng lắm. Ông chào đời vào ngày mười một tháng sáu năm 1910 tại Saint André de Cubzac (vùng Gironde) ở Pháp. Là đứa con thứ hai trong một gia đình đã từ sớm, dạy cho ông một cách nhanh chóng là không đặt vali của mình xuống một nơi nào quá lâu. Daniel, thân phụ của ông, khởi đầu làm thư ký riêng cho một nhà triệu phú Mỹ, James Hazen Hyde, người thừa kế một hãng bảo hiểm to lớn, được thành lập từ năm 1859 (hiện nay là cơ nghiệp AXA). Rồi về sau, tiếp tục làm cho một trọc phú cực kỳ giàu có ở Nữ Ước, Eugène Higgins. Đó là những hạng người đi du lịch không ngừng, và họ cũng chất luôn lên tàu những tên Cousteau theo cuộc sống phiêu bạt của họ. Duy nhất một cảng gần đó, đó là Saint-André-de-Cubzac, nơi cư trú của gia đình bà mẹ ông, Elisabeth, và cũng là nơi chàng traitré Jacques-Yves neo bến trong những kỳ nghỉ.

Những di chuyển không ngừng của những năm thanh xuân, không ảnh hưởng chút nào lên các trẻ con của các gia đình quan trọng, mà chưa bao giờ họ phải chịu khổ lụy về vấn đề tiền bạc. Giữa những năm 1920 và 1923, Jacques-Yves và anh của ông, Pierre-Antoine cùng cha mẹ, đặt chân đến Manhattan. Và chính trong một trại hè ở Vermont mà cậu bé này khám phá ra trò chơi lặn ngụp dưới nước : một sự khai tâm đã để lại cho ông những dấu ấn sâu sắc về sau này.

Một sự kiện khác, cậu thanh niên này lúc trở về Paris, bỗng đâm ra thích thú say mê về điện ảnh, khi cha cậu mang về nhà một máy quay phim Pathé-Baby. Và nữa, nếu không muốn nói rằng việc học tập của cậu có thể cho là hơi hỗn độn, từ một trường sở này thay đổi đến một trường ốc khác, không làm sao dự đoán trước được những năng khiếu gì đặc biệt của cậu. Bắt đầu vào tuổi hai mươi, chàng trai trẻ do dự về con đường nghề nghiệp mà mình phải theo : Ngành y học, điện ảnh hay vào quân đội ? **Sẽ là ngành hàng hải !** Ông đã đặt vào cuộc thi tuyển trong đội tàu chiến, kích thích bởi niềm ao ước đi khám phá thế giới, và với động cơ này mà viên thiếu úy hải quân không bao giờ để lỡ cơ hội rút khỏi bao máy quay phim, để chụp bắt hết những gì hiện ra chung quanh mình ở mỗi bến cảng. Nhưng, với cái thế giới mà ông khao khát tìm kiếm đó, ông cũng muốn được quan sát nó từ trên cao.

Vào năm 1935, ông ghi tên vào trường **Hàng Không Hải Vận HOURTIN** ở vùng Gironde. (*Ecole d'aviation maritime d'Hourtin*). Than ôi, một tai nạn xe hơi khủng khiếp đã ngăn trở giấc mơ của ông, và gây cho ông bị tê liệt trong tám tháng ! Sau thời gian dưỡng bệnh, thế là ông được bổ nhiệm về Toulon và duyên kiếp đưa đẩy, từ nơi đó, một sự gặp gỡ có tính cách xác định cho một đoạn đời mới đang mở rộng, với một viên sĩ quan hải quân khác, Philippe Tailliez, một tên thợ săn dưới biển rất kiên trì. Một ngày chúa nhật mùa hạ, ông Philippe này trao cho Jacques-Yves một cặp mắt kính đeo dưới biển và đưa ông đi lặn. Quả là một sự phát hiện kỳ diệu ! Bốn mươi năm sau, viên chỉ huy trưởng này kể lại : « Ngay lúc ấy, mọi sự phản ứng rất bất ngờ : viên sĩ quan pháo thủ Hải quân quốc gia mà tôi

đang thủ vai chính tự bao giờ, có cảm giác hình như dòng chảy đời tôi từ nay sẽ thay đổi toàn bộ » (*À l'instant, tout se déclenche : l'officier cannonier de la Marine nationale que j'ai été jusque-là, pressent que le cours de ma vie va être bouleversé*).

Rất nhanh chóng, cặp Tailliez-Cousteau liên kết với Frédéric Dumas, một con người nhiệt tình với khảo cổ học và đánh cá dưới lòng biển. Người ta đặt biệt danh cho bộ ba này là những tên **lính ngự lâm ở biển** (*les mousquemers*). Họ dành tất cả thời giờ rảnh rang vào một điểm chủ yếu của công việc lặn dưới biển, để sửa chữa tạm những dụng cụ hô hấp, hầu đảy xa hơn việc thám hiểm cái thế giới sâu dưới lòng biển, một thói quen gần như máy móc và đầy hạnh phúc đối với Jacques-Yves Cousteau.



Năm 1937, ông thành hôn với Simone Melchior, ái nữ của một sĩ quan chuyển đổi sang ngành công nghiệp tư nhân, và một năm sau đó, đưa con đầu lòng ra đời, Jean-Michel. Chiến tranh không thực sự đánh vỡ cái thế quân bình rất hài hoà này. Rồi kế tiếp một đứa thứ hai có mặt, đó là Philippe, sinh vào tháng mười hai 1940. Chàng quân nhân đang vượt qua một cơn bão tố mà không thực sự bị đắm ướt. Một sự tham gia huyền hoặc của ông vào

một thứ chiến dịch gián điệp trong thời gian « **cuộc chiến tranh dị kỳ** » này (*vì thực sự không có hoạt động quân sự trên mặt trận Pháp - Đức từ tháng chín 1939 đến tháng năm 1940*), chuyện này về sau đã mang lại cho ông **huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh** (*Légion d'honneur*). Phần còn lại, ông giải ngũ sau việc tự đánh đắm tàu của hạm đội Pháp ở Toulon, (để khỏi sa vào tay địch) vào tháng mười một năm 1942, và từ đó, chuyên tâm vào hai sở thích : việc lặn dưới biển và ngành điện ảnh.

Bắt đầu tháng mười hai 1942, ông sáng lập ra hãng sản xuất đầu tiên của ông. Và năm tháng sau đó, ông cho trình làng ở Paris một bộ phim ngắn thứ nhất : « Par dix-huit mètres de fond » (*dưới đáy sâu mười tám thước*), mà sự thành công đã cho ông đạt được giấy phép quay phim từ phía chính quyền Đức. Đó là một tiến triển rất xác định trong công việc dò tìm dưới vực thẳm của ông. Với kỹ sư Emile Gagnan của hãng Air Liquide, ông hoàn chỉnh phương pháp « **Aqualung** » nổi tiếng : (*phổi thủy sinh – poumon aquatique*), một hệ thống tự quản, tạo cho khả năng thở dưới nước. Một phát minh thật rõ ràng hấp được cho những dự án của các lính thủy về sau này.

Trong khi chờ đợi, cuộc chiến tranh giải phóng (*Liberation*) trong đệ nhị thế chiến, bắt buộc gia đình Cousteau phải gánh vác một thực tế thật đen tối, vì anh của ông, Pierre-Antoine Cousteau, một phóng viên cộng sự và cũng là Tổng biên tập, kế vị ông Robert Brasillach, đứng đầu tuần san « *Je suis partout* », đã cộng tác với địch trong thời kỳ Đức quốc xã chiếm nước Pháp. Ông này bị kết án tử hình. Trường hợp « Pierre Antoine Cousteau » này đã động viên hết gia đình Cousteau trong suốt nhiều năm, cho đến ngày ân xá của Tổng Thống vào năm 1947 và sự phóng thích của ông năm 1954. Hẳn là Jacques-Yves không chia xẻ những quan điểm của ông anh cả, nhưng bị thôi thúc bởi bà mẹ, ông tự thấy có bổn phận biện hộ cho việc làm của người anh. Phải nói rằng những liên hệ giao tiếp giữa hai anh em ông tự bao giờ cũng khá nhạt nhẽo với nhau. Từ sau cái chết của Pierre-Antoine, người con thứ là ông, nhận trách nhiệm giáo dục các cháu theo cách thức của mình – hơi xa cách, lạnh nhạt - và cũng như thế đối với các con ruột của chính ông. Nhờ vào sự sung túc tài chánh, việc sinh sống gia đình Cousteau chẳng có gì đáng phàn nàn cả.



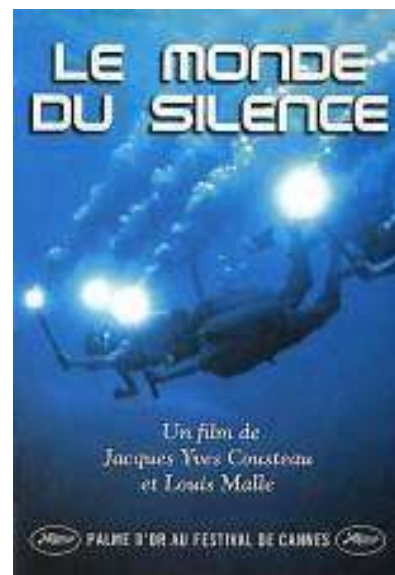
Jacques-Yves Cousteau thường xuyên quá tập trung vào những dự án của ông và tự biết « là một người cha rất khiếm khuyết với các con, bởi vì tôi chỉ là một người cha có mặt từng hồi, mà một phần ba thời gian, chúng không nhìn thấy mặt » (*père défaillant pour mes enfants, puisque je suis un père épisodique, qu'ils ne voient pas le tiers du temps*). Mọi chuyện cũng



không dễ dàng thu xếp được bởi một cú sét đánh, đã đóng dấu vào định mệnh của người đàn ông này. Tức khắc, ông thề rằng là ông đang si tình cái vỏ bằng gỗ mà ông vừa đi viếng buổi sáng mùa Xuân 1950 này, ở bên cảng La Valette (đảo Malte) : đó là chiếc « **la Calypso** ». Đã có sẵn trong tay một chiếc tàu hải dương học của mình mà ông từng ao ước bấy lâu, hành trình đầy biến cố có thể bắt đầu.

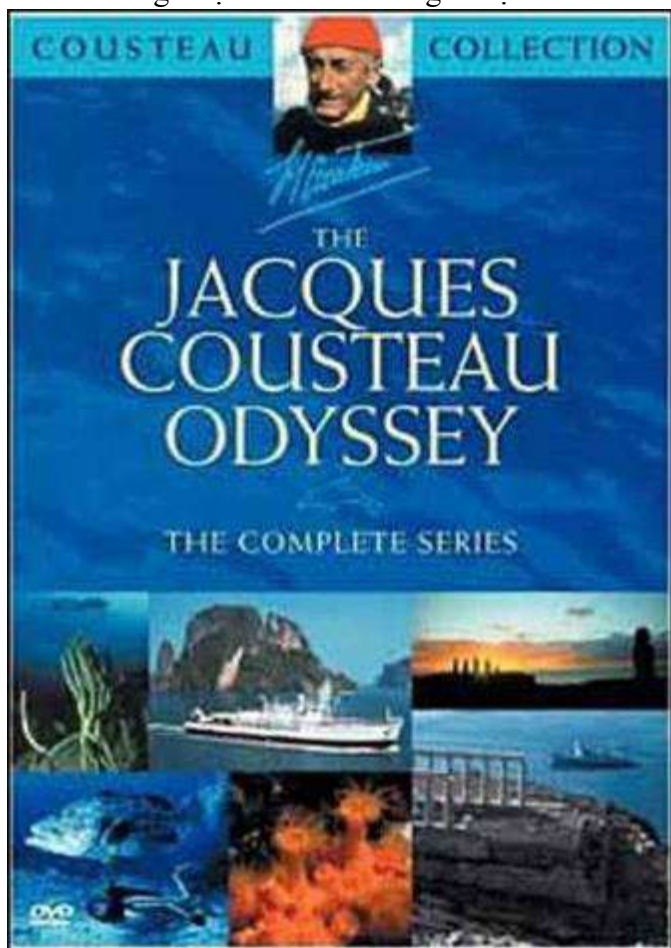
Sau khi mua và trang bị lại nhờ vào một người bảo trợ Anh quốc, chàng cựu vớt mìn khởi đầu chuyến đi vào năm 1951 : biển đỏ (Mer rouge), biển Égée (mer Egée), vịnh Ba Tư (golfe Persique), những khảo sát cứ thế mà nối tiếp không ngừng... Những tin đồn tương lai như chàng thợ lặn Albert Falco hay viên kỹ sư André Laban, gia tăng nhân số thủy thủ đoàn. Đến năm 1954, Louis Malle, hai mươi ba tuổi, vừa tốt nghiệp trường Cao Học Điện Ảnh (IDHEC) cũng lên tàu, chỉ định đến phụ trợ cho nhân vật mà những người trên tàu đặt cho cái biệt danh là « **JYC** », để quay một bộ phim dài. Tựa đề tự nhiên được nghĩ ra : « Thế giới của sự tĩnh lặng » (*Le monde du silence*), y như quyển hồi ký của Cousteau và Du-mas, xuất bản năm 1953, đã gặt hái một sự thắng lợi rất minh bạch. Cuốn phim vạch trần cho đại chúng một thế giới mà từ trước tới nay như vô hình. Sự khám phá đó giải thích được sự thành công của cuốn phim : một huy chương vàng ở Cannes vào năm 1956, cũng là một vinh dự hàng đầu cho loại phim tài liệu, và một giải Oscar ở Hollywood vài tháng sau. .

Năm kế tiếp, Jacques-Yves Cousteau rời bỏ quân đội và được bổ nhiệm bởi ông Hoàng Rainier, làm giám đốc Viện Bảo Tàng Hải Dương Học ở Monaco, (*Musée Océanographique de Monaco*), chức vụ mà ông đã giữ tròn trong suốt ba mươi hai năm. Giai đoạn tiếp theo là một chuỗi kế tục những dự án, biểu lộ sự quan tâm của vị thuyền trưởng này trong việc canh tân kỹ thuật cho chiếc Zodiac không lồ, với những kiểu sinh sống ngập nước, được xem như một loại tàu ngầm tương lai. Như thế, chiếc tàu đổi tên thành chiếc **Argyronète**, được chính phủ trợ lực và ký thác cho Jacques-Yves Cousteau, nhưng không may nó đã đi đến một sự thất bại hoàn toàn về ngân sách trước khi bị vứt bỏ. Việc này đã gây cho Cousteau giữ một mối thù dai dẳng với chính phủ Pháp, nhưng rồi ông lại mò mẫm tiến đến một lãnh vực hoạt



động khác, như một cuộc hành quân quá sức của mình. Quả là một cú thần diệu : ông liền thấu hiểu rất nhanh chóng sự lợi ích của đài truyền hình, và chính cái màn ảnh nhỏ này đã làm cho ông nổi danh vào cuối những năm 1960.

« Cuộc hành trình đầy biến cố của thuyền đội Cousteau » (*L'Odyssee de l'équipe Cousteau*), đó là chủ đề một loạt phim tư liệu quay cho đài truyền hình ABC Mỹ, gián tiếp phát trên cả trăm đài truyền hình khác trên toàn thế giới. Nhân vật với cái mũ đỏ muôn đời trở thành một siêu sao, nhất là ở Mỹ. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi ông thành lập năm 1973, ở bên kia bờ Đại Tây Dương « Hội Cousteau » (*la Cousteau Society*), hiệp hội với một mục tiêu xác định là « bảo vệ thiên nhiên và sự thăng cấp cho phẩm chất cuộc sống » (*la protection de la nature et la promotion de la qualité de la vie*). Hiệp hội này đã nhanh chóng được hơn cả trăm ngàn hội viên.



Chính lúc về cuối đời, khi quá hơn sáu mươi tuổi, nhà thám hiểm-đạo diễn kỹ thuật phim, mới trở thành người cái trang phục của kẻ bảo vệ môi sinh. Ý thức quan trọng này đã nhờ rất nhiều vào những khám phá của ông về vùng Nam cực, cùng một năm ấy, và cũng vì lý do đó, ông đã toàn lực động viên trong suốt mười năm về sau, để giành được một trong những kết quả to lớn nhất về sinh thái, bằng việc gây sức ép với một nhóm có thể lực lớn, để họ chịu góp phần ngăn chặn vào những sinh hoạt công nghiệp trên lục địa trắng này. Tất nhiên, cái khuôn mặt nổi tiếng và được ca tụng từ nay, bắt đầu làm cho vài « **cái răng bị nghiêng lại** ». Hơn nữa, khi vào năm 1981, Jacques-Yves Cousteau cũng sáng lập ra tại Pháp, một Viện – tương tự như « cô em gái tam tài » song sinh với « Hội Cousteau » ở Mỹ, hình như lúc ấy, ông cũng bị kích thích bởi chính trị, nên có lúc cũng thoáng nghĩ qua đến một sự dự tuyển chức Tổng Thống. Dù sao, xét cho cùng, chẳng phải ông cũng là một trong những nhân vật thường xuyên được dân Pháp yêu chuộng nhất sao ? Sau khi cân nhắc kỹ, ông lựa chọn cho mình một cuộc đấu tranh to rộng hơn. Vững vàng bởi cái uy tín đạo đức sẵn có, ông tin tưởng để

thu phục được nhân tâm trong việc bảo vệ môi trường, thì phải đứng trệt lên trên các cuộc hỗn chiến thường tình, và đẩy mạnh ở tầm vóc quốc tế, mới có thể làm tác động trên vài quyết định của những cường quốc trên thế giới. Do đó, những sự công kích tứ phía về tính chuyên quyền, cái khuynh hướng khoe khoang, lúc nào cũng tỏ ra trệt hơn người, và những tham vọng phát minh của ông. Những sự tấn công đó cũng không cản trở được nhân vật Cousteau, thẳng đứng trong đôi ủng của mình, bước vào Viện Hàn Lâm của Pháp với những nghi lễ tương xứng vào năm 1989, lúc bảy mươi chín tuổi. Đứng làm một Jacques-Yves Cousteau bất tử, trong sự lưu truyền muôn thuở ! (*Immortel JYC*) .



Những năm tháng cuối đời của ông sẽ không phải là những năm vinh quang, rực rỡ nhất. Theo hình ảnh thể hiện sự thất bại của **khu trang viên thuộc đại dương học Cousteau** (*Parc océanique Cousteau*), mở cửa ra ở khu Les Halles, tại Paris, cùng năm với sự gia nhập của ông vào Hàn Lâm Viện, không một động vật nào trong ấy còn sinh tồn, mặc dù trang viên mang một khái niệm rất độc đáo...tất nhiên, nếu không muốn nói là hơi quá một chút...Công chúng như đổ vỡ, không hưởng ứng là mấy. Cuối năm 1992, cơ cấu đó đóng cửa. Rất ê chề và đau buồn, Jacques-Yves Cousteau quỵ sự thất bại này cho cậu con trai của ông, Jean Michel, người đã nhận trách nhiệm dự án ấy. Từ đó, mối bất hoà giữa hai cha con đã hết hồi cứu vãn mà còn khởi tố nhau ra trước Toà án. Thế là một sự tan rã gia đình đã được thừa nhận !

Vào năm 1979, Philippe, người con thứ của ông, tử nạn trong một tai nạn thủy phi cơ (*hydravion*) mà cậu ta lái. Là một người bướng bỉnh, chỉ thích làm theo ý mình, cậu này thường chống đối uy quyền của cha cậu, mặc dù Jacques-Yves vẫn muốn chỉ định cậu vào quyền thừa kế. Sau thảm kịch này, Jean Michel trở về tái hợp với cha và cộng tác lại trong thuyền đội Calypso, nhưng sẽ không bao giờ chia phần trong sự vinh quang của cha cậu.

Năm 1990, bệnh ung thư cướp đi bà vợ của ông, Simone, còn được gọi là « thủ lĩnh » (*la Bergère*), linh hồn của chiếc Calypso, (*l'âme de la Calypso*) trong suốt hơn ba mươi năm, đó cũng là « thiên đường » của bà, (*son paradis*), bà vẫn nói thế. Vì nó, bà đã hy sinh tất cả và giấu nhem tới cùng, cơn bệnh của mình. Trong nhiều năm dài đằng đằng, bà vẫn trung thành với nhiệm vụ, và cố gắng ít nhiều, thích nghi với những sự vắng mặt thường xuyên của chồng. Đây là « một vực thẳm với những mặt vách bên trong phủ kín những mặt đắng » (*un gouffre aux parois tapissées d'amertume*). Nghe thật tội tình và chua xót quá phải không các bạn ? Bà được biết mối quan hệ luyến ái của vị thuyền trưởng với Francine Triplet, một cựu chiêu đãi viên hàng không, và hai đứa con sinh ra từ sự ăn ở không chính thức này, năm 1980 và 1982. Jacques-Yves Cousteau chỉ tiết lộ công khai sự có mặt của chúng năm 1990, sau cái chết của Simone, và thành hôn chính thức vào tháng sáu 1991, với người đàn bà ngày hôm nay đang chăm lo di sản Cousteau, một nhân hiệu thật sự đã trình toà.

Những đôn không đẹp cùng những mưu mẹo quanh co gia đình, đã làm hao hụt ít nhiều cái hình ảnh trơn mượt của vị thuyền trưởng Planet vào cuối đời. Cái hiến chương về những quy tắc pháp lý cho những thế hệ tương lai của ông, (*Charte pour les Droits des générations futures*), phát động vào năm 1991, bắt ông chuyên tâm tranh đấu cho đến cùng trong những năm chót.. Về sau, Hiến chương này đã được UNESCO cho thông qua. Chính cái nghị lực đó đã để lại sự ngưỡng mộ rơi xuống từ bốn góc trời của quả địa cầu, khi vị thuyền trưởng vĩnh viễn giã chào từ biệt ngày hai mươi lăm tháng sáu 1997. Người đàn ông với chiếc mũ đỏ, mãi tồn tại là nhà phát minh cái công thức vừa phối hợp phương tiện thông tin đại chúng, công việc kinh doanh lẫn vấn đề bảo vệ thiên nhiên, với một công hiệu cực kỳ giá trị, để gây cảm ứng cho đại chúng đối đầu với những thách thức môi sinh toàn bộ. Hai mươi năm sau, Nicolas Hulot hay Yann Arthus-Bertrand cũng chẳng làm được điều gì khác hơn.

*Chúng ta đang ở thời đại mà người ta thường bàn đến vấn đề Ecologie và « les Verts », Dã-Thảo sưu tầm và kể lại cho các bạn, hy vọng các thân hữu sẽ không chán với đề tài khó khăn này. ■*


**Dã Thảo**

PARIS - 29/2/2012

[Trở về mục lục](#)

## CHUYẾN ĐI CUBA – Tháng 04 năm 2023

### Đàm Trung Phán

 ăm 2019, trong lúc chúng tôi đang sửa soạn xây cất Tượng Đài Thuyền Nhân tại Mississauga, Canada, vợ chồng chúng tôi đã may mắn được đi Panama vào khoảng Tháng 4 với một số bạn bè. Sau đó, vào tháng 8, 2019, chúng tôi bay sang thăm Vancouver và Calgary trong vòng 10 ngày để xả “sú páp”.

May mắn thay, chúng tôi đã hoàn tất đợt 1 của Tượng Đài Thuyền Nhân vào ngày mùng 9 tháng 11, năm 2019. Ngay ngày hôm sau, trời đổ bão tuyết luôn trong vòng ba ngày liền!

Những tưởng được đi chơi đây đó... Thế rồi, năm 2020, 2021, 2022, Canada cũng như rất nhiều nước trên toàn thế giới đã ở trong tình trạng bị cô lập vì vấn đề Covid-19. Chúng tôi rất thèm khát được đi... nghỉ nóng để tránh cái khí lạnh đã làm cho cái thân già bị đau ê ẩm!

Năm nay, 2023, cặp vợ chồng già chúng tôi đã may mắn có dịp bay sang thành phố CAYO COCO của Cuba để hưởng cái không khí mùa hè nhiệt đới tại vùng Trung Mỹ.

Cả hai vợ chồng đã già nay được bay ra khỏi đất nước lạnh lẽo Cà Ná Điền này! Cái thân thể già nua được hòa mình vào khí hậu nóng ấm của miền nhiệt đới!

Ôi chào là mừng! Chúng tôi cảm thấy vui sướng làm sao.

So với những lần đi chơi trước khi có vụ COVID-19, chúng tôi “travel light”: mỗi người chỉ mang theo 1 cái “carry-on” để check-in và mang theo trong máy bay một cái back-pack mà thôi.

Máy bay đến phi trường COYO COCO, Cuba khoảng gần 10 giờ đêm và một cái xe bus già nua đã đưa chúng tôi đến hotel Muthu Imperial lúc nửa đêm về sáng.

Sau khi đã check-in và mang đồ vào phòng, 3 cặp vợ chồng già vào đến phòng ăn mở cửa 24 giờ trong mỗi ngày để ăn mỗi bữa một cái hamburger và uống ly nước, ly bia trước khi đi ngủ.

Sáng hôm sau, như những lần đi lịch trước, người viết dậy sớm, cùng bà vợ đi chụp một số hình trước khi vào phòng ăn “Buffet” để ăn sáng. Đây là những giây phút vui thú nhất của người viết.

Ăn sáng xong, mặt trời đã bắt đầu lên cao, không khí nóng đã bốc lên nên hai vợ chồng men theo chỗ nào có bóng mát để làm quen với khu nghỉ mát này. Sau đó cả bò vào phòng ăn “Buffet” để ăn trưa.

Bàn ghế được xếp theo đơn vị bàn cho hai người. Chúng tôi có 6 người cho nên chọn ba cái ngay bên cạnh nhau để tiện việc ăn uống, nói chuyện và định đoạt chương trình sinh hoạt trong ngày.

Waiter, waitress rót bia, rượu, trà, cà phê, nước lạnh cho chúng tôi. Thực khách tự đi lấy đồ ăn cho chính mình. Người viết mê nhất món ổi đồ vì nó gợi nhớ hồi nhỏ tại làng quê ngoài Bắc trước khi di cư năm 1954. Ở Saigon, hồi đó, tôi không thấy ổi đồ.

Món đu đủ chín đồ cũng làm cho người viết thật là ... hả dạ! Tuy nhiên, năm nay, chắc là Cuba/Cụ Bà(?) đang “được mùa ruồi”: chỗ nào cũng thấy ruồi làm người viết có cảm giác như... QuanTào Tháo đang lảng vảng đâu đây. May quá, “Quan” không nhìn thấy tui! Thank you, Quan! -:))

So với những “resorts” khác mà người viết đã thăm viếng từ cuối thập niên 80 cho đến năm nay, cái “resort” này, về phần ăn uống, thua xa những nơi khác. Thức ăn đã không ngon mà lại chỉ có 2 đêm, chúng tôi mới được đi ăn trong cái “a la carte” restaurant để đổi món. Nhưng đồ ăn tại đó còn khó nuốt hơn nữa. Trong đầu tôi lóe ra: ước ao được ăn một bát phở Việt Nam, ăn cơm với một đĩa rau muống xào mắm tôm và tỏi mà thôi...

Chúng tôi cũng không thấy ngạc nhiên gì khi thấy trong cái phòng ăn “buffet” này chỉ có 10% số thực khách. Chắc là vì vấn đề COVID-19, ít người dám đi du lịch như ngày xưa?

Năm 2016, vợ chồng chúng tôi cùng hai người em của BN từ Âu châu qua thăm và bốn anh chị em chúng tôi đã cùng nhau bay sang khu “resort” VARADERO của Cuba, chúng tôi không bị nạn ruồi

ám ảnh như năm nay. Chuyến đi thật là vui. Tôi thích nhất khi ghé thăm thủ đô Havana có rất nhiều xe Hoa Kỳ như hồi tôi còn học Trung Học tại Saigon. Chút gì để nhớ, để thương...

Tại những nơi du lịch vùng Trung Mỹ, Nam Mỹ và Caribbean, dân du lịch tha hồ mà uống rượu, bia, nước ngọt thả cửa mà không phải trả tiền. Thú vui của dân du lịch là có thể uống ngay tại các khu bơi lội, và trong các phòng ăn, và phòng tiếp tân.

Điểm son tại những nước trong vùng Trung Mỹ, Nam Mỹ, và Caribbean: bãi biển cát trắng mịn, nước trong veo, gió biển âm áp thổi làm cho người đi nghỉ mát cảm thấy quên đời luôn.

Đôi với dân Cà Ná chúng tôi, nhất là người viết, đi du lịch miền này làm cho tôi cảm thấy đỡ phiền nhiễu hết sức: chỉ cần bay trong vòng 4 hay 5 tiếng là chúng tôi đã tới nơi. Tuy nhiên nếu đi du lịch vào khoảng tháng Chín cho đến tháng Mười Một, coi chừng vụ gió mạnh và bão tố. Một lần, vợ chồng chúng tôi sau khi đã may mắn về lại Canada thì ngay hôm sau bão đã đổ xuống miền Dominican Republic.

Trong vòng mấy năm nay, mỗi lần đi du lịch về lại Canada, chúng tôi chỉ cần đưa cái passport qua máy điện toán, rồi tự trả lời mấy câu hỏi “yes/no” để rồi máy tự in ra hết cho dân du lịch một tấm giấy để trao lại cho các nhân viên tại phi trường. Dịch vụ này đã giúp chúng cho chúng tôi đỡ phải chờ đợi mất nhiều thì giờ để khai báo.

Tuy nhiên, khi chúng tôi khi rời Canada, chúng tôi thường phải mang cái áo khoác mùa đông cồng kềnh. Sang đến miền Trung Mỹ, Nam Mỹ, hay Caribbean, trời lại quá nóng... rồi khi trở về, thì cảm thấy lạnh hời hợt vì cần cái áo khoác ngoài : nhìn “nàng” tuyết đang rơi mà... lệ của tui... cũng muốn rơi... Hỡi ơi! ■

### **Đàm Trung Phán**

May 1, 2023

Xin mời quý vị vào xem 2 YouTube dưới đây với trùng dương, cát trắng, biển trong xanh:

<https://www.youtube.com/watch?v=-gq9pjloLOw&t=620s>

<https://www.youtube.com/watch?v=zw6cVkeS1qk>



## CON ĐƯỜNG THƠM

NGUYỄN GIỮ HÙNG

### Lời tác giả:

*-Nội dung câu chuyện được ghi lại theo ký ức của một người xa quê lâu năm nhớ về “những năm tháng ấy” tại quê nhà vào giai đoạn đầu thập niên 1950, trước hiệp định Geneve 1954, ở miền Bắc nước ta.*

Một buổi trưa chan hòa ánh nắng trong vắt như thủy tinh của một ngày nắng ấm cuối đông, chớm bước sang xuân. Cảnh vật như bừng sáng dậy sau những ngày u ám. Tôi và Thi ngồi bên nhau tại một nơi vắng vẻ trong khu vườn sau nhà, dưới tàn cây mít, gần bên chiếc cầu ao soi bóng lung linh trên mặt nước đang gợn sóng lăn tăn. Tuy không có những bông hoa hồng rực rỡ trong vườn hay những bông hoa dâm bụt (bông bụt) khoe sắc thắm trên hàng dậu nhưng tôi vẫn thấy được những bông hoa ấy đang nở rộ trong lòng. Tôi rất vui, vui vì Thi đang ở bên tôi.

Tôi ngồi bên Thi và đang nghe nàng nói. Thi nói huyền thuyên về những điều nàng nằm mộng đêm qua. Ánh mắt trong sáng ngây thơ của nàng hòa nhịp trong giọng nói hồn nhiên của một cô học trò ở lứa tuổi vừa chớm lớn, chưa một lần biết yêu đương và tan vỡ.

Tôi nghe Thi nói, nhưng mắt vẫn không rời khỏi bàn tay nàng đang múa may theo câu chuyện. Hai bàn tay ấy như đang cuốn hút lấy tôi. Và tôi muốn được nắm lấy chúng lúc này để gửi đến nàng những thông điệp yêu thương của lòng tôi. Tôi biết, với lòng tin cậy nơi tôi, Thi chỉ có thể hiểu được thông điệp ấy như một thông điệp thương yêu của một người bạn hay của một người anh. Nàng không thể nghĩ xa hơn về những điều tôi mong muốn. Và tôi cũng không muốn làm mất đi lòng tin cậy nơi một cô gái chưa một lần biết nghi ngờ như Thi. Tôi cố giữ được điều đó đến bao giờ, một câu hỏi lớn trong tôi!

Thi im lặng một lúc. Tiếng gió thì xào xạc nhẹ. Vài chiếc lá cuối đông còn toong teng dính trên cành cây sung đong đưa. Con nhái từ trên bờ phóng xuống ao đến "tùm" làm tôi như tỉnh giấc. Thi từ nãy nói với tôi những điều gì tôi không còn nhớ rõ. Thi đang ngồi bó gối nhìn tôi mỉm cười.

- Anh đang nghĩ gì mà thần người ra thế?

- Không! Tôi chối và mỉm cười với nàng.

Nếu Thi biết được những điều tôi vừa nghĩ về nàng, chắc nàng phải đỏ mặt và chạy trốn. *Cũng may, ông Trời đã không cho loài người cái khả năng siêu việt ấy nên cuộc đời vẫn cứ được bình an.*

Thi đứng dậy bỏ đi, một trong những chiếc lá mít nàng dùng để ngồi dính theo quần. Thi phúi cho chiếc lá rơi xuống đất. Chiếc lá như còn vương vấn cuốn theo chân nàng. Tôi liên tưởng đến một đoạn thơ của Thái Can:

*Cánh hồng quyến luyến nơi chân ngọc,  
Như muốn cùng ai sóng phứt thừa.*

Thi tung tăng trong vườn. Khi tới sân gạch nhà trong, nàng nhặt một vật nhỏ ném mạnh về phía tôi nhưng không tới rồi nàng mắt hút trong dãy nhà ngang. Tôi ngồi nhỏ những cọng cỏ vàng úa một cách lơ đãng.

Chiếc áo len màu tím hoa cà của Thi lại vừa thoáng trong sân rồi hướng về phía cổng. Tôi đoán nàng đã ra ngõ về nhà. Một chút gì băng khuâng, vương vấn trong lòng.

Tiếng hát ru con từ hàng xóm đưa sang. Tiếng ru con lúc nào cũng êm đềm tha thiết và mang đến cho người nghe một chút gì buồn man mát. Tôi như:

*Tơ trời lơ lửng vươn mình uốn,  
Đến nói duyên mình với cõi không.*  
(Thanh Tịnh)

Nắng vẫn tươi, gió vẫn thổi nhẹ, chim vẫn hót trên cành, khóm tre vẫn uốn mình kéo kẹt đu đưa, và chiếc lá mít Thi ngồi lúc này vẫn còn vương trên cỏ úa, nhưng chỉ riêng mình tôi bỗng sao thấy có cái gì trống vắng xa xăm khi nàng vừa bỏ đi.

Tôi ngồi dựa hẳn người vào thân cây mít, hai bàn tay đan sau gáy, tư lự nhìn trời xanh, thả hồn nhớ tới hình bóng của Thi tưởng chừng như nàng còn đang tung tăng trên con "đường thơm", thơm mùi tóc quện với hương "bò kết" xen thoảng lẫn mùi chanh theo gió nhẹ tỏa đi xa. Chiếc áo len màu tím như còn thấp thoáng ẩn hiện sau rặng tre xanh đầu ngõ.

Cùng lúc ấy, từ chiếc "kèn hát"<sup>(1)</sup> bên hàng xóm, văng vẳng tiếng hát lồng thông, chậm rãi, đu đưa của người ca sĩ, cộng thêm với gió mát hiu hiu hòa lẫn trong tiếng xào xạc của lá cây trên cành cây mít như những tiếng ru đã đưa dân tôi vào giấc ngủ.

Chẳng biết thời gian tôi thiếp vào giấc ngủ bao lâu. Âu cái tuổi thanh niên vô tư là thế đấy.

Bỗng tôi nghe thấy tiếng chân đi sột soạt lẫn tiếng cười khúc khích. Tôi mở mắt ra thấy Thi đang đi về phía tôi.

Thấy tôi tỉnh dậy, Thi hỏi ngay:

- Sao anh ngủ say thế?
- Không, anh chỉ nhắm mắt thôi mà! Tôi cãi lại.

Nàng liền thoáng:

- Không phải! Anh ngủ say lắm! Em đem cọng rơm ra định ngoáy mũi anh này.
- Anh ngủ lâu lắm hả? Tôi hỏi.
- Anh ngủ say lắm! Anh ngáy nữa, ngáy to lắm!
- Anh ngáy thế nào? Tôi giật mình hỏi lại.
- Như người ta xê gõ ấy! Thi vừa trả lời vừa phá lên cười.

- ...?

- Anh chảy cả nước dãi (nước miếng) bên mép nữa kia kìa! Nàng chỉ vào mặt tôi.

Tôi vội đưa tay lên mép, không thấy ướt. Thi vội chạy vào sân trong vừa quay lại trêu tôi:

- Lêu lêu, có người phải lừa! Lêu lêu, có người phải lừa!

Tôi biết bị lừa, vội đuổi theo Thi, tay dứ về phía trước như để "cốc" nàng cho chừa thói trêu chọc người khác. Tôi đuổi sát theo và có thể bắt ngay được bất cứ lúc nào, nhưng tôi đã không làm như thế vì tránh sự đụng chạm đến thân thể nàng.

Thi cứ chạy vòng vòng, trốn sau những cột mái hiên. Tôi đuổi theo sau mà không bắt. Bất chợt, tôi vọt chạy lên phía trước chặn đầu. Thi quay ngược về phía sau để tránh. Nàng chạy thêm vài bước rồi bỗng ngồi thụp xuống, hai tay ôm đầu, úp mặt vào hai đầu gối:



- Không được đánh em! Không được đánh em!

Tôi đứng chống nạnh nhìn nàng:

- Còn trêu anh nữa thôi?

- Dạ thôi ạ!

Tôi cười tùm tùm. Thi ngừng lên, thấy tôi không đánh, vội vàng đứng dậy định chạy đi. Chúng tôi chợt trông thấy chị Thìn, người chị nuôi trong gia đình tôi, đứng trước cửa nhà bếp nhìn chúng tôi mỉm cười, cái mỉm cười thật hiền lành đôn hậu pha chút hóm hỉnh. Mặc dầu chị không nói gì, nhưng chúng tôi cùng cảm thấy ngưỡng ngượng. Thi kéo tôi đi về phía cổng ra con đường làng, mặc cho chị Thìn nhìn theo.

Vừa ra khỏi cổng, Thi nghiêm mặt lại vì sợ gặp người trong làng nhìn ngó. Nàng đi bên cạnh tôi, ít nói, chỉ thỉnh thoảng ngược mắt nhìn tôi mỉm cười.

...

*Chân bên chân, hồn bên hồn yên lặng  
Em cùng tôi đi giữa đường rải nắng,  
Trí vô tư cho dạ nở hương tình.  
Em khẽ nắm tay, tôi khẽ nghiêng mình  
Như sắp nói, nhưng mà không; khóm trúc*

...

*Chân đang bước bỗng e dè đứng lại  
Ở giữa đường làng, mùi rơm, hoa dại.*

(Đường Thơm-Huy Cận)

Thi rủ tôi đến thăm cô giáo của nàng năm xưa.

Chúng tôi đi về phía đình làng, qua vài ba ngõ dài, băng qua mấy thửa ruộng trước đây trồng ngô, rồi tới xóm dưới. Xóm dưới, nhà cửa thưa thớt hơn xóm trên nơi chúng tôi đang ở, nhưng vườn tược nhà nào cũng rộng rãi, khang trang. Trong sân, thường được trồng vài khóm trúc hay một vườn hoa nho nhỏ với đủ loại hoa. Đôi nhà có cả hòn non bộ ở giữa sân hay dăm ba chậu cây cảnh trồng trong chậu sứ trắng men lớn.

Đi tới cuối một cái ngõ, Thi ngừng lại trước cửa căn nhà gạch ba gian hai chái, mái lợp rơm vừa được thay mới, trông rất khang trang. Chung quanh nhà được bao quanh bởi hàng rào thưa làm bằng thân tre và nứa, thấp chỉ tới đầu người. Vài loại cây leo bò trên đó.

Qua chiếc cổng gỗ, mái lợp rạ, kiến trúc trông giống như tam quan nhà chùa thu nhỏ. Cánh cổng một đóng, một mở. Chúng tôi cùng bước vào phía bên trong.

Con đường nhỏ dẫn từ cổng vào sân trước nhà được lát gạch đỏ đã đổi màu rêu. Hai bên đường là hai vườn hoa nho nhỏ.

Nằm dài suốt dọc bề ngang căn nhà, một sân gạch nhỏ cũng đã rêu phong. Ở cuối góc sân bên phải, một giàn hoa rủ những nhánh hoa màu trắng thoảng hương thơm. Một chiếc chum sành to màu men nâu đậm dùng hứng nước mưa được đặt hơi xệ dưới mái hiên nhà phía trước. Góc trên miệng chum là chiếc “gáo dừa”<sup>(2)</sup> nâu bóng.

Hai bên hông nhà, vài cây bưởi mọc xen lẫn với hàng cây na. Ngọn hai cây nhãn mọc ở phía sân sau lấp ló vượt khỏi mái nhà, cành lá xum xuê.

Đứng trong sân, Thi gọi vọng to vào nhà:

- Cô Vân ơi!

Không ai trả lời. Thi lại gọi thêm hai ba lần nữa. Một người đàn bà từ trong nhà tất tả đi ra, tuổi trạc ba mươi, người nhỏ nhắn và nhanh nhẹn với nét mặt vui tươi.

Người đàn bà nhận ngay ra Thi, niềm nở nói:

- Thi đấy à! Các em vào chơi!

Thi cúi đầu chào:

- Chào cô ạ! Thầy cô và em mạnh khỏe chứ ạ?

- Ủ, vào đây! Vào nhà đã!

Sau vài câu chào hỏi xã giao, tôi theo Thi và cô giáo vào nhà. Sau khi mời ngồi, cô giáo vội vã vào trong nhà pha nước. Một cháu gái chừng sáu, bảy tuổi đi ra, khoanh tay cúi chào.

- Chào “cô chú” ạ!

Chúng tôi nhìn nhau. Thi bước lại ôm cháu vào lòng hỏi chuyện. Cháu bé ngoan ngoãn đứng dựa vào lòng Thi tò mò nhìn tôi. Thi đã quen thân với cháu bé, tôi đoán, chắc Thi đã đến đây chơi nhiều lần.

Cô giáo trở lại với ấm nước “chè xanh” hay “chè tươi” đựng trong “ấm giở” và bốn tách nước trong khay. Cô rót nước mời chúng tôi. Nước chè xanh trong vắt, màu xanh vàng nhạt như màu rượu sam-pa (champagne).

Tôi đỡ tách nước chè vừa rót từ tay cô giáo, ủ nó trong lòng bàn tay để giữ hơi ấm, đợi mọi người cùng uống. Mùi thơm nước chè xanh thoang thoang bốc lên như mời gọi. Nhà nghèo hay những quán nước chè xanh bên đường bán cho những người lao động thường dùng bát ăn cơm để uống chứ không dùng cốc hay tách như thế này.

Ở nhà quê, nước *chè xanh* là một thứ nước uống thông dụng và bình dân. Vị chè hơi chần chát nhưng có “hậu vị” đậm đà. Đôi khi người ta cũng uống nước *chè nụ*, nụ được lấy từ cây chè xanh phơi khô để giữ được lâu; hay uống *chè hạt vối*, lấy từ cây vối, màu nâu đậm. Chè hạt vối vị đắng đắng chứ không chần chát như chè xanh. *Chè mạn* là chè xanh được hái để héo, hấp rồi phơi khô bằng nắng hay sấy khô bằng lửa. Có nhà cầu kì, người ta ướp chè mạn với nhụy bông sen làm cho nước *chè mạn sen* có hương vị mát và thơm mùi sen. Nếu không có hương sen, người ta có thể ướp chè mạn với hoa ngâu, hoa sói, hoa lài hay hoa cúc... Ở nhà quê, ít ai uống *chè Tàu* vì đắt, chỉ có các cụ già thuộc gia đình trung lưu, giàu có mới uống nhâm nhi vào buổi sáng hay lúc rảnh rỗi hoặc đãi khách mà thôi.

Dân ta biết uống chè từ lâu, trước cả người Tàu, vì những cây chè cổ được tìm thấy lại ở những vùng hay những nước ở phía Nam nước Tàu. Như thế, chứng tỏ là người Việt ta biết thưởng thức nước chè trước người Tàu. Cũng như những nhà khảo cổ quốc tế đã chứng minh được rằng người Việt ta biết trồng *lúa nước* và biết làm *trống đồng* như trống đồng Ngọc Lũ trước cả người Hán. Cả nghìn năm trước công nguyên, đồng bằng Bắc Việt đã từng là cái nôi văn hóa và văn minh rất sớm của vùng Đông Nam Á cổ đại.



Chè xanh

Nụ với



Tiếng “chè” là tiếng Lạc Việt cổ, tiếng “chia” là tiếng Điền Việt cổ ở Vân Nam, sau đó người Hán phiên âm là “cha” mà ta gọi là “trà” hay “chè”. Sau khi chè được lan tỏa từ các nước phương nam sang bên Tàu từ đời nhà Hán hay trước nữa, “chè Tàu” được phát triển mạnh vào đời nhà Đường và đã đi đến chỗ gần như tuyệt đỉnh vào đời nhà Tống, sau đó được cải tiến thêm về những trà cụ (ấm tách) vào những đời sau như Nguyên, Minh, Thanh. Theo sử liệu, dân ta phải triều cống chè ngon cho nhà Nguyên.

Uống nước chè không phải chỉ là vấn đề giải khát đơn thuần mà nó còn là cái thú thưởng thức thuộc hàng nghệ thuật tao nhã nữa. Người Nhật và người Trung hoa đã đưa nghệ thuật uống chè lên hàng “trà đạo”, mà khởi thủy phát nguồn từ những nhà sư Phật giáo. Trong ca dao của dân ta có những câu chỉ phùng tục tử như:

*Vai u thịt bắp mồ hôi dầu,  
Lông nách một nạm chè Tàu một hơi.*

Ta cũng có thể tìm thấy trong văn chương nước ta những vần thơ về chè của những thi nhân, trong đó ta phải kể tới thượng tướng Trần Quang Khải, người từng đánh đuổi quân Nguyên và đã có những câu thơ hùng khí đĩnh đời:

*Đoạt giáo Chương dương độ,  
Cầm hồ Hàm tử quan.*

[Chương Dương cướp giáo giặc  
Hàm Tử bắt quân thù]

Mà vẫn có những vần thơ tao nhã:

*Thử lai yêu khách nghiên trà uyển  
Vũ quá hồ đồng lý được lan.*

[Mùa hè lại, pha trà mời khách uống  
Con mưa xong, gọi trẻ sửa chậu lan]

Hay những câu thơ nôm của Quân sư Nguyễn Trãi, người đã từng giúp vua Lê Lợi mười năm đánh đuổi quân Minh, cụ mong mời được:

*Bao giờ dưới núi làm nhà  
Nước khe gối đá pha trà ngủ say.*

Còn cụ Cao Bá Quát có những vần thơ:

*Thư nhàn hỏi lửa pha trà mới,  
Thích thú tựa thông nhìn ráng sa  
Chợt nghĩ về hưu vui thú ẩn,  
Một căn câu trúc chuyện đời qua.*

Cô giáo Vân hỏi han chúng tôi hết chuyện học hành đến chuyện Hà Nội. Cô giáo và Thi, hai người nói chuyện có vẻ thân mật lắm. Tôi chỉ ngồi nghe và trả lời cô giáo mỗi khi cô hỏi. Tôi góp chuyện bằng những nụ cười nhẹ. Được Thi giới thiệu, cô cứ luôn mồm tấc tấc khen tôi học cao và giỏi. Cô cho biết cô học trường Sư phạm trên Hà Nội, sau đó được bổ về đây dạy học. Cô đã dạy được vài năm rồi. Khi cô về đây, tôi đã rời khỏi trường nhiều năm trước đó nên không biết cô.

Cứ theo câu chuyện cô nói và Thi kể lại thì cô Vân rất yêu nghề giáo và thương mến học trò. Và học trò cũng rất yêu quý cô. Tình thương yêu của học trò dành cho cô là nguồn vui rất lớn cho cô khi cô phải sống tại nơi thôn dã xa thành phố này. Cô khen Thi là đứa học trò giỏi và ngoan, ngoan nhất của cô. Mỗi lần được khen, Thi lại sung sướng liếc nhìn tôi ra chiều hãnh diện lắm. Câu chuyện cứ lan man kéo dài đến hết mấy tuần nước.

Thi bỗng dắt cháu gái chạy ra sau vườn. Khi trở lại nàng mang theo hai quả ổi chín thật to. Nàng đưa cho tôi một quả.

Cô giáo nói với Thi:

- Sao con không hái thêm? Nhà có ai ăn đâu!

Thi đưa lên mũi ngửi mùi thơm của ổi rồi cho vào túi áo, không ăn.

Cuộc nói chuyện của Thi và cô giáo Vân lại tiếp tục và cứ dài ra tưởng như không dứt. Tôi lơ đãng nhìn qua cửa sổ. Hai con chim bồ câu đang đứng gần nhau tía lông, thỉnh thoảng cùng gật gật đầu, gù gù vài tiếng. Vài chùm hoa từ hàng xóm vắt ngang qua hàng rào rung rinh trước gió.

Hết nhìn qua cửa sổ tôi lại đảo mắt quanh nhà. Nhà có ba gian chính. Gian giữa kê bàn thờ và bộ “tràng kỷ” dùng để tiếp khách, nơi chúng tôi đang ngồi. Hai gian bên trái và phải kê hai bộ “ghế ngựa” ghép bằng những tấm gỗ lim màu đen rộng bản, bóng láng tự nhiên, dày cả tấc.

Trên bàn thờ, bày biện nào lư, nào chân đèn bằng đồng sáng loáng. Phía bên trong cùng, sát tường hai con chim hạc lớn đứng châu hai bên tượng Phật Bà Quan Âm. Tượng Phật Bà được kê lên cao bằng chiếc bục nhỏ bằng gỗ sơn son. Dưới chân Phật Bà là di ảnh của những người thân trong nhà đã quá cố. Sau đèn, gần nhất, là bình hương, mâm ngũ quả với chiếc đèn dầu leo lắt cháy. Mọi thứ trên bàn thờ như được đặt đối xứng với nhau. Tôi nghĩ nên văn hóa của ta có tính đối xứng đó chăng?

Dưới chân bàn thờ, hai bên là hai lọ “độc bình”.

Trên tường được treo vài bức tranh Đông Hồ rất đẹp, dân gian thường gọi chung loại tranh này là “tranh con lợn” hay “tranh con gà”. Hai tranh gà, lợn này được đại diện gọi như thế vì chúng được phổ biến rộng rãi nhất trong những tranh của làng Đông Hồ.





Tranh Đông Hồ vừa phong phú về nội dung lại đa dạng về hình thức. So sánh loại tranh con lợn, con gà được sản xuất tại làng Đông Hồ với loại tranh con lợn, con gà sản xuất ở phố Hàng Trống, Hà Nội, ta thường gọi tắt là tranh Đông Hồ hay tranh Hàng Trống thì tôi thích loại tranh Đông Hồ hơn.

Tranh Hàng Trống, được in trên giấy tốt, sắc sảo cả về nét vẽ lẫn màu sắc nhưng nó lại có cái vẻ đẹp tinh thành. Ngược lại, tranh Đông Hồ được in trên giấy "dó", màu sắc được pha chế bằng những vật liệu đơn sơ sẵn có ở thôn quê hay trong thiên nhiên như vỏ cây, vỏ sò hên, lá tre, hoa hòe, lá chanh, lá cam... và đặc biệt là tranh được sản xuất trên mộc bản. Chính những cái đơn sơ ấy đã tạo cho tranh Đông Hồ một sắc thái riêng biệt, độc đáo đối với các loại tranh khác, ấy chính là tính chất mộc mạc, chân quê, đầy tình dân tộc của nó. Và đứng cả về phương diện lịch sử của loại tranh dân gian, tranh Đông Hồ được coi là lâu đời nhất trên đất nước ta.

Mỗi bức tranh con lợn, con gà, các nghệ sĩ dân gian đều gửi gắm những ý nghĩa vừa tinh tế, vừa thâm trầm vào đó. Tôi liếc vội sang Thi, mỉm cười vì nhận ra rằng Thi còn quá trẻ và ngây thơ để tôi có thể giảng giải cho nàng về ý nghĩa *lãng lơ* của bức tranh "hái dừa" đầy *đục tính nam nữ* gồm một cô thôn nữ vén váy cao, uốn người, dạng chân đứng hứng lấy hai trái dừa của chàng trai với nét mặt hóm hình chuẩn bị ném xuống từ trên thân cao cây dừa. Hai trái dừa ấy tượng trưng cho nam giới. Hay ý nghĩa thâm thúy của bức tranh "đám cưới chuột" nói lên cái uy quyền của *giai cấp cai trị* được miêu tả bằng hình ảnh con mèo to lớn, lớn hơn cả mấy lần con ngựa chú rể chuột cưới. Hay ý nghĩa *phồn thực*, con đàn cháu đống qua tranh "đàn gà", "đàn lợn" ...



Chỉ có người Việt Nam mới thật sự thương thức nỗi hết ý nghĩa sâu xa của những bức tranh dân gian của người Việt Nam. Ở thôn quê, người ta còn dùng tranh Đông Hồ như tranh ông Hồ, ông Chúa, bà Chúa ... để thờ. Tranh con lợn, con gà nói chung thường được bày bán tại những phiên chợ Tết hàng năm ở làng quê. Dân làng mua tranh về để trang hoàng, để vui Xuân cùng với *thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ, cây nêu ngày Tết bánh chưng xanh*, và những tràng pháo đỏ.

*Đi đệt ngoài sân tràng pháo chuột,  
Om xòm trên vách bức tranh gà.  
(Tú Xương)*

Hay

*Đón Xuân anh thích treo tranh,  
Vách tím tranh lợn, vách xanh tranh gà.*



Mọi thứ trong nhà cô giáo được sắp xếp một cách ngăn nắp, sạch sẽ. Cứ nhìn cách bày biện, trang trí này người ta cũng nhận ra ngay gia chủ phải là một người thẩm nhuần văn hóa chân phương dân tộc.

Trời đã ngả về chiều, câu chuyện cũng phải tới lúc chấm dứt. Tôi và Thi chào tạm biệt cô giáo. Cô đưa chúng tôi ra tới tận cổng. Trước khi chia tay, Thi không quên hôn lên má cháu gái và cùng vẫy tay chào.

Trên đường về Thi kể chuyện về cô giáo Vân. Nàng yêu cô giáo lắm. Tết đến nàng thường hay mang hoa đến tặng cô. Tôi và Thi bước bên nhau và kể cho nhau nghe về những kỉ niệm với thầy cô. Và chẳng mấy chốc, chúng tôi đến chỗ rẽ phải chia tay nhau, ai về nhà nấy. Tôi đứng lại nhìn theo Thi cho tới khi nàng khuất nơi cuối ngõ.

Tôi bước về nhà với lòng vui lâng lâng khó tả. Đi được một quãng ngắn, tôi cảm đầu chạy một mạch về nhà, tung công chạy ào vào sân. Chị Thìn nhìn tôi ngỡ ngàng, mỉm cười. Chị lặng lẽ lên nhà trên chuẩn bị cho bữa cơm chiều dường như sắp được dọn ra.

Tôi chạy tiếp ra phía sau vườn. Tôi chợt nhớ về Thi dù nàng vừa ở bên tôi cách đây mấy phút. Âm thanh của bản nhạc tôi nghe buổi trưa lẫn tiếng cười tinh nghịch của Thi như còn văng vẳng đâu đây.

Tôi băng khuông nhìn trời cao. Những cụm mây trắng lơ lửng bay bình thản, "*Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay*"<sup>(3)</sup>, còn bay và bay mãi tới vô cùng như tình yêu của loài người chẳng bao giờ chấm dứt. Tôi lững thững quay trở vào nhà, mỉm cười với niềm hạnh phúc trào dâng trong lòng. ■

*Nguyễn Giàu Hùng*

#### Chú thích:

- (1) “kèn hát” là tiếng của người miền Bắc chỉ máy quay đĩa 45 hay 33 vòng, chạy bằng “dây cốt” quay tay.
- (2) Gáo múc nước làm bằng nửa quả dừa khô, có cán.
- (3) Câu thơ cụ Tản Đà dịch từ bài thơ Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu

#### Mời nghe

##### Nhỏ ơi

<https://www.youtube.com/watch?v=zmSaEqu69dE&list=RDxcuOEJc96qE&index=3>

##### Thâm thì

<https://www.youtube.com/watch?v=ITU-DxKqmZE>



## Huế - Nhìn từ trên cao P1 | Flying over Hue - Viet Nam

Hue Flycam. (2023, June 25). **Huế - Nhìn từ trên cao P1 | Flying over Hue - Viet Nam** [Video]  
YouTube. Retrieved July 8, 2023 from  
<https://www.youtube.com/watch?v=CDWBOVzNzhI>

## **CỔ NGUYỆT ĐƯỜNG & Mỗi tình NGUYỄN DÙ - HỒ XUÂN HUƠNG**

**Nguyễn Thị Mát Nâu**

**Cổ Nguyệt Đường là cái chi chi**  
**Là căn nhà cổ hát thì mua vui**  
**Hoạt cảnh huyền nao ngậm ngùi**  
**Nửa đêm chúa Trịnh ngự chơi thuyền rồng**  
**Tình là sắc sắc không không**  
**Là trăng là gió là băng khuâng sâu**

Ai đã đến làng Nghi Tàm thăm thú đình chùa và những vườn hoa kiểng quanh Hồ Tây - Dù trời nắng gió hay mưa bụi, cũng khiến lòng một chút băng khuâng, khi nhìn các di tích đã ghi dấu trong thơ Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Phạm Đình Hồ ... nhất là trong 31 bài thơ của Tôn Phong Nham Giác Phu.... Những bài thơ ca tụng nữ sỹ Phi Mai - người đẹp xuân sắc nhất kinh thành, hai trăm năm qua các thi nhân đã tôn biết bao bút mực để tìm kiếm và miêu tả về nàng.

Phi Mai tức Hồ Phi Mai, tức Hồ Xuân Hương, con ông Hồ Phi Diễn, quê làng Quỳnh Lưu (Nghệ An). - Ông Hồ Phi Diễn không con với vợ cả, cưới người con gái họ Hà, sanh một gái duy nhất là Hồ Phi Mai. - Mẹ của Phi Mai quê gốc Hải Dương, nhưng sinh ra, lớn lên ở làng Nghi Tàm, nơi nổi tiếng nghề dệt lụa, làm giấy, và dệt lãnh đen. "*Ôi chao cái váy lụa sồi/ Cái khăn mỏ quạ cái quần lãnh đen*". Hình ảnh gợi tình của các cô gái thời xưa.

Hồ phi Mai, tức nữ sỹ Xuân Hương, làm thơ từ thiếu nữ, bút hiệu là Xuân Hương. Thơ của nữ sỹ được nhiều nam thi sỹ thưởng ngoạn, truyền nhau rồi lan vào dân chúng. Những vần thơ của Xuân Hương được ca tụng, do nhiều đặc tính. Đặc tính đặc biệt nhất là dí dỏm, trào phúng, mang tính trào lộng, bồn chột và phóng khoáng, không khép nép như tính cách phái nữ thường e ấp thời xưa.

Vần thơ đầu tiên, khi trượt chân té, để chữa thẹn nữ sỹ đã xuất thơ ngay rằng "*Giơ tay vói thủ trời cao thấp/ Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài*". Chữ trong thơ sống động, sống thực và bạo, không ước lệ, không quanh co. - Khi là thiếu nữ, Hồ Phi Mai yêu đời như bao thiếu nữ khác.

Xuân Hương làm thơ đối tét nhí nhảnh ỡm ờ lơ lửng rằng

**"Tối ba mươi khép cửa càn khôn/ Ních chặt cửa lại**  
**Kéo ma vương đưa quỷ tới/ Sáng mừng một, lóng then tạo hóa**  
**Mở toang cửa ra/ Cho thiếu nữ đón xuân vào**

... Rồi một cuộc gặp gỡ giữa đôi nam nữ Tiên Điền Nguyễn Du và Hồ Phi Mai Xuân Hương đã xảy ra tại Thăng Long năm 1790: Lúc ấy Tiên Điền Nguyễn Du 25 - Xuân Hương 18.

Để hiểu được cái duyên gặp gỡ này, lược sơ vài nét về Nguyễn Du, vài nét về Phi Mai, về thời thế loạn lạc bấy giờ, cùng là từng bước tiến triển định mệnh về cuộc tình của họ:

**1.** Nguyễn Du (1765-1820 =55), quê làng Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh. Cha là Nguyễn Nghiễm, quan Tư đồ (tể tướng) triều Hậu Lê. Ông tể tướng này 8 vợ + 21 con. Nguyễn Du là con thứ ba của bà thứ ba. Nguyễn Du mồ côi cha lúc 8 tuổi - Mồ côi mẹ sau đó 3 năm - Ở với anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản, người anh lớn hơn Nguyễn Du 31 tuổi. Người anh Nguyễn Khản, làm quan tới chức Tả Nhi Long, hiệp trấn Tây Sơn. - Ngoài ra còn có những anh cùng cha khác mẹ như: Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Nễ, làm quan dưới triều Tây Sơn.

**2.** Đôi thi sĩ Tiên Điền và Xuân Hương gặp nhau ở Thăng Long và nảy nở mối tình thơ mộng - Sau 3 năm, từ giã nhau, vì người anh là Nguyễn Nễ giao Nguyễn Du nhiệm vụ mang tiền và vàng về làng Tiên Điền ở Hà Tĩnh, để xây dựng nhà từ đường dòng họ Nguyễn .

**3/** Sau đó chiến tranh gia tăng. Tây Sơn thua Nguyễn Phúc Ánh. Đôi tình nhân không gặp lại nhau. Đời vẫn như vậy, "Phước bất trùng lai/ Hoạ vô đơn chí (Phước ít khi đến hai lần/ Hoạ thì dồn dập) giống ở trường hợp này. Nguyễn Du về quê - Sau khi Hồ Phi Mai từ giã Nguyễn Du, thì cha mất.

Hồ Phi Mai và mẹ đưa nhau về quê ngoại, sống trong cảnh nghèo - Và nữ giới ngày xưa phải chịu thiệt thòi bất công đủ thứ. Một trong những thiệt thòi là dù học giỏi, nhưng không được làm quan như nam giới và phải lệ thuộc nam giới - Hồ Phi Mai sớm ý thức điều bất công ấy đã kháng khái thốt rằng: "*Ví đây đối phận làm trai được/ Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu*".

Tuy sống cảnh nghèo, nhưng tiếng đồn Phi Mai xinh đẹp, giỏi thơ phú vẫn truyền trong giới yêu thơ. Một trong những đàn ông thường đến ve vãn trêu chọc Phi Mai, là Phạm Đình Hồ cũng giỏi thơ phú.

Một hôm ông ghé thăm, đi ngang qua sân, lơ ngơ đứng dây phơi áo. Phi Mai đọc thơ ngạo nghễ rằng

***"Tàn vàng tàn tía/ Che đầu nhau đỡ khi nắng cực"***

Biết là câu trêu. Chiêu Hồ làm vế đối

***"Thuyền rồng thuyền vẽ/ Vén buồm lên rồi sẽ lộn lèo"***.

Hai mẹ con Phi Mai chẳng biết làm sao sinh sống, liền hỏi mượn tiền Chiêu Hồ mở quán - Chiêu Hồ không khá giả, nhưng hứa sẽ cho mượn 5 tiền. Hôm đưa tiền, Phi Mai vắng nhà, Chiêu Hồ giao cho bà mẹ 3 tiền. Phi Mai mới làm thơ trách "*Sao bảo rằng năm, lại có ba/ Trách người quân tử hèn sai ra/ Bao giờ thông thả lên chơi nguyệt/ Nhớ hái cho vài cái lá đa*".

Chiêu Hồ làm ngay thơ họa với lời ve vãn

***"Rằng Gián thi năm, Quý có ba/ Tại người thực nữ tính không ra/ Ừ, rồi thông thả lên chơi nguyệt/ Cho cả cành đa lẫn củ đa"***.

Sự khác biệt giữa tiền Gián và tiền Quý, không nói ở đây. Nhưng qua thơ, cả người mượn tiền lẫn người cho mượn tiền cùng sống sượng như nhau. Và đây là nét thơ thẳng thừng sống sượng trở thành quen thuộc của nữ sĩ Xuân Hương và đã đi vào văn học.

Đôi thanh niên thiếu nữ Xuân Hương, Nguyễn Du từ già nhau năm 1793 sau ba năm quen biết, rồi chẳng bao giờ gặp lại nhau.

Đến 1813, Nguyễn Du được Gia Long thăng chức Chánh Học Sĩ, đi sứ sang Tàu, ghé qua Thăng Long, gặp lại Phi Mai. Nhưng hoàn cảnh đã khác: chàng có thể thiếp, nàng đã trải ba đời chồng.

Tuy thế Xuân Hương cũng có bài thơ "MỪNG NHƯNG TỬ" bày tỏ mười năm xa cách tặng Nguyễn Du, mừng công danh của chàng, tủi cho phận của nàng, thơ rằng: "***Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung/ Mượn ai tới đây gửi cho cùng/ Chữ tình chốc đã ba năm vẹn/ Giấc mộng rồi ra nửa khắc không/ Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập/ Phần son càng tủi phận long đong/ Biết còn mấy chút sương siu ấy/ Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong.***

Và chuyện tình Nguyễn Du và những vắn thơ Phi Mai đã đóng góp cho thi tứ Tao đàn Cổ Nguyệt Đường, là ngôi nhà lớn.

Năm 1783, cụ Phi Diễn, thân phụ Phi Mai, thượng thọ 80. Hôm ấy học trò của cụ những làm quan đỗ đạt, cả lớn lẫn bé, chung tiền xây nhà cho thầy. Đó là tục lệ mừng thượng thọ cho thầy thuở xưa.

***Tục lệ ngày xưa hậu hĩnh thay  
Mừng thầy thượng thọ tỏ bày phong lưu  
Ngày xưa ai bảo rằng nghèo  
Bây giờ hải ngoại còn nghèo hơn xưa***

Vì bận rộn chuyện xây cất, Phi Mai được gửi về quê cha ở Quỳnh Lưu một thời gian.

Năm 1814 Trần Phúc Hiến cưới Xuân Hương, và năm sau về Vĩnh Hạ Long cư tang mẹ.

Đình làng Nghi Tàm là vùng đất rộng, có đài Khán Xuân, có ngôi gác tía của Nguyễn Khản, anh của Nguyễn Du, hay ra đây câu cá cùng chúa Trịnh. Từ năm 1790 đến 1793, Nguyễn Du về ở với anh Nguyễn Nễ, xây lại dinh thự của cha bị phá hủy. Và là dịp Xuân Hương gặp gỡ Nguyễn Du.

**Vài địa danh để hiểu thêm trong quá khứ :**

1. Bến Trúc Nghi Tàm: bến tắm của chúa Trịnh Giang, nằm dưới dãy trúc ngà làng Nghi Tàm nổi tiếng,
2. Rừng Bàng Yên Thái: khu rừng bàng trên núi đất làng Bưởi do chúa Trịnh Giang bắt trồng.
3. Đàn thể Đồng Cổ: Cái đàn do vua Lý Thái Tông (1028-1054) xây để hàng năm quân thần đến bày tỏ lòng trung hiếu.
4. Phật say làng Thụy, chùa làng Thụy Chương, có pho tượng Phật chống gậy, thợ điêu khắc làm sai lệch, bức tượng trông giống người say rượu, nào ngờ hóa ra kiệt tác, ai xem cũng thích.



5. Sâm Cầm bóng rợp: nghề săn chim ở các làng quanh Hồ Tây.
6. Đông hoa Nghi Tàm: Làng Nghi Tàm, nổi tiếng nghề trồng hoa rất đẹp.
7. Chợ đêm Khán Xuân: Nơi chứa Trịnh hợp chợ đêm cùng cung nữ và thái giám mua vui. Trong Tang Thương Ngẫu Lục, Phạm Đình Hổ có tả cảnh hội chợ, với nội thi, cung nữ, bắt chước cảnh mua bán ngoài đời vẫn làm.

Vào dịp trung thu, chợ đêm Khán Xuân, hàng ngàn lồng đèn do các cung nữ làm bằng gấm ở trong cung, đem treo khắp nơi. các quan nội thị chít khăn như đàn bà, ngồi bán đủ thứ. Các cung nữ đi qua đi lại, vừa mua vừa tranh cướp, bắt chước ngôn ngữ thường dùng nơi chợ búa, cười vui hơn hờ. Nửa đêm chúa Trịnh ngự thuyền rồng, bơi qua bơi lại, hát xướng cho đến gà gáy sáng.

8. Tiếng đàn hành cung: là tiếng đàn các cung nữ hành cung chúa Trịnh, ngày nay là chùa Trấn Quốc.

- Còn Cổ Nguyệt Đường, nằm cạnh chùa Kim Liên, là ngôi nhà lớn do các môn sinh xây tặng thầy Hồ Phi Diễn, thân phụ Xuân Hương, nhân thầy thượng thọ 80 tuổi. Một tục lệ mừng thọ thầy ngày xưa. Tại đây Phạm Đình Hổ đã viết câu "*Từ thuở làm thân khách Cổ Kinh/ Kim Liên qua lại đã bao lần*"// Chiêu Hổ là môn sinh của thầy Phi Diễn, nên biết Xuân Hương từ khi là thiếu nữ.

Trong Vũ Trung tùy bút, trang 42, ông cho biết, năm 1798-1799, có dạy học tại thôn Khánh Văn, hạ lưu sông Tô Lịch, không xa nhà Xuân Hương mấy. Và trong Tang thương Ngẫu Lục, quyển 2, trang 231 có bài ký, về cảnh chùa Kim Liên.

***Kim Liên là đóa sen vàng  
Tang Thương Ngẫu Lục dạ ngổn ngang  
Viết thơ phóng bút ông Chiêu Hổ  
Tiếng vọng trầm tư dạ mơ màng***

Mùa thu Đinh Tị 1797, ông cùng Nguyễn Thạch Hiên, Nguyễn Kính Phủ, Hoàng Hy Đổ, vẽ cảnh chùa Kim Liên và ghé thăm Xuân Hương. Qua đó người ta đoán Phạm Đình Hổ ở phố Hàng Buồm, Nguyễn Kính Phủ ở gần đền Lý Quốc Sư cạnh hồ Guom. Quang cảnh Cổ Nguyệt Đường trong thơ Tôn Phong, người viết tựa cho Lưu Hương Ký, thì bảo: Ở trước nhà trồng cây Bàng lớn "*Cội bàng rặng khuyết chiếu mai đình*".

Chung quanh nhà trồng nhiều mai (mơ) "*Bên quán người hoa chỉ thích mai/ Tiết hàn mai tự nở ngàn hoa*"//.

Trên bên vại cây liễu "*Bến nước đìu hiu liễu rũ cành*". Trong vườn nhiều cây vông và cây mận "*Ngô đồng lá cũ mơ hồn phượng/ Ngõ hạnh lạnh tàn chuyển bóng oanh*".

Và căn nhà của nàng ở cạnh bên trúc làng Nghi Tàm là như thế.

Nhà quay mặt hướng đông nhìn ra hồ tây "Đối mặt trời xanh mưa móc thuận". Nhà xây hình chữ khẩu (ô vuông nhỏ), có tả viện (bên trái) làm nơi tiếp khách, bán giấy, bán mực, bán sách "Hoa đóm tả viện hương còn ấm". Hữu viện (phía phải) là nơi dạy học.

Tiền viện là nơi thờ. Hậu viện là khuê phòng Hồ Xuân Hương. Chính giữa sân trồng, có hòn non bộ và chậu kiểng "Chim hót non hàn khói biếc dâng" nơi cha và anh của Nguyễn Du có ngôi nhà mát mẻ câu cá.

Nguyễn Du sau ba năm chu du Vân Nam, Trường An, Hàng Châu, gặp lại anh Nguyễn Nễ và Đoàn Nguyễn Tuấn, từ Hoàng Châu cùng trở về Thăng Long. Trong bài Mộng đặc Thái Liên. Nguyễn Du gọi Xuân Hương là lân nữ (cô hàng xóm). Và hẹn hò cùng nhau đi hái sen. Mỗi tình ba năm (1790-1793) "Chữ tình thoáng chốc đã 3 năm".

Và bài thơ Mộng Đặc Thái Liên (Mơ thấy Hái Sen) Nguyễn Du làm khoảng năm 1804-1805, thơ chữ Hán, ngũ ngôn tức 5 chữ, gồm 5 đoạn, Nhật Uyên đã dịch như sau:

Trích đoạn 1 : "**Khẩn thúc gián điệp quân/ Thái liên trạo tiểu đĩnh/ Hồ thủy hà xung dung/ Thủy trung hữu nhân ảnh**// (dịch: Xấn gợn quân cánh bướm/ Chèo thuyền nan hái sen/ Nước hồ dâng lai láng/ Bóng người soi nước trong).

Trích đoạn 3: "**Kim thần khứ thái liên/ Nãi ước đông lân nữ/ Bất tri lai bất tri/ Cách hoa văn tiểu ngữ**// (Dịch: Sáng nay đi hái sen/ Hẹn láng giềng đi với/ Nàng đến tự bao giờ/ Cách hoa nghe cười nói.)

Trích đoạn 5: = "**Liên điệp hà thanh thanh/ Liên hoa kiều doanh doanh/ Thái chi vật thương ngẫu/ Minh niên bất phục sinh**.  
Dịch:

*Lá sen màu xanh xanh/ Hoa sen đẹp xinh xinh/ Hái chớ làm lia ngó? Năm sau sen chẳng sinh.*

Nguyễn Du sau khi được triệu vào kinh đô Huế và thăng chức Đông Các Học sĩ, chức thân cận vua Gia Long, hàng ngày dâng sách cho vua đọc, bàn luận việc nước, thảo chiếu biểu cho vua.

Khi ngắm hồ sen Tịnh Tâm, Nguyễn Du chạnh lòng nhớ những ngày cùng cô hàng xóm hẹn hò đi hái sen. Hình ảnh nàng thơ đã nhập vào hồn ông lúc nào chẳng biết.

Tiếng của nàng vọng từ sau khóm hoa, mà Nguyễn Du đã kín đáo ví mình như sợi tơ bèn bi, vẫn vương không dứt. Nguyễn Du hái hoa và gương sen tặng người mình kính mình thương. Cũng hôm ấy, chàng cũng tặng sen cho cả bà Hà (mẹ Xuân Hương) .

**Tình phẳng phát nhẹ như siêu thoát  
Hình bóng người đi nhẹ vào tâm  
Hương sen giữa chốn bụi trần  
Hương rất nhẹ tình trần nghe thom ngát  
Chờng đâu đó như tiếng nàng đang hát  
Giấc mơ đời mộng mị nhàn du.**

Trong bài thơ Chơi Hồ Tây Nhớ bạn, nữ sĩ Xuân Hương đã trả lời bài Độc Tiểu Thanh Ký "Trần Quốc rêu phong vẫn ngán thơ".

"Đề chùa Trần Quốc", là bài thơ chữ Hán của Xuân Hương, chép trong Hương Đình Cổ Nguyệt Thi tập, gồm những bài ngâm vịnh đứng đắn. Nên các nhà thơ như Đại thần Trương Đăng Quế, Tùng Thiện Vương... đã đọc và so sánh Mai Am Công chúa với Hồ Xuân Hương và Phạm Lam Anh.

Thế kỷ 19, các nhà thơ đương thời nhìn Hồ Xuân Hương là nhà thơ đứng đắn, lãng mạn, chứ không dâm tục. Và Nhất Uyên dịch bài "Đề Chùa Trần Quốc" như sau **"Té té thanh phong phiến phiến huân/ Thủy nguyệt ba lung tiên quả chói/ Hương yên bảo thoại lộ liên vân/ Tẩy không trần lự hoa hàm thoại/ Hoán tỉnh mê đồ thảo diệp xuân/ Đáo cảnh linh nhân hồi thủ vấn/ Đông nam nhất tụ hạn thành quần** (Dịch =Ai người đến đó, khách dài trang/ Nhẹ lướt êm êm cơn gió Nam/ Trăng nước sóng lồng sen nồn cánh/ Khói hương tàn báu hạc bay ngàn/ Rửa niêm trần tục hoa hàm tiếu/ Gợi tình niêm mơ cỏ thắm xuân/ Đến cảnh quay đầu người muốn hỏi/ Đông nam tay vẫy nhận tung đàn )

Hay bài "Duyên Kỳ Ngộ" như vậy **"Nghìn dặm có duyên sự cũng thành/ Xin đừng lo lắng hết xuân xanh/ Tấc gang tay họa thơ không dứt/ Gần gũi cung duong lá vẫn lành/ Tên sẵn bút đề đường chinh chiến/ Trống mang, dùi cặp đã phanh phanh/ Tuy không thả lá trôi dòng ngự/ Chim tới vườn đào thế mới xinh"**.

Rồi một ngày mùa hạ Quý sửu 1793, mới tình đứng 3 năm. Vào cuối mùa sen nở, Nguyễn Du báo tin cho Hồ Phi Mai biết đã trở về Hồng Lĩnh cùng em là Nguyễn Úc, xây lại từ đường, đình chùa, cầu Tiên của làng Tiên Điền đã bị tướng Lê Văn Dụ của Tây Sơn đốt phá năm 1790 do khởi nghĩa Nguyễn Quynh.

Biết tin, Xuân Hương buồn bã viết bài Tường Đáo Nhân Tình Minh Nhiên Hạ Lệ tấu bút phụng trình. Rằng em chẳng thể vượt đèo Tam Điệp cùng chàng trở về Hồng Lĩnh như thế này: **"Ba sinh tự hện nghĩa non vàng/ Man mác lòng riêng lại ngõ ngang/ Lối bước đèo mây đành chẳng đã/ Mạnh nguyên hương lửa ngõ lên đường/ Trăng gió lòng kia mãi chán chuông/ Đầy đọa thân này thôi chẳng tiếc/ Thương sao cho trọn tấm lòng thương"**.

Xuân Hương nặng tình, ní non tha thiết. Nguyễn Du nửa muốn thử lòng xem nàng có thực tình với mình không. Nửa vì hoài bão công danh. Nửa muốn vào Nam theo chúa Nguyễn Ánh, lòng hồ hững. Nên có bài thơ chữ nôm Thạch Đình tặng biệt, bài này chép trong Lưu Hương Ký: **"Đường nghĩa bấy lâu trót vẽ vôi/ Nước non sâu nặng muốn đi về/ Cung hoàng diệu vợ đường khôn lọt/ Đường nguyệt mơ màng giấc hãy mê/ Đã chắc hương đầu cho lửa bén/ Lệ mà hoa lại quyến xuân đi/ Xanh vàng chẳng phụ lòng ân ái/ Tròn nặng gương tình cũng có khi.** Đúng là

**Cái thói đàn ông khéo ốm ở  
Giả say giả tỉnh giả trong mơ  
Đường mê không khỏi vòng danh lợi  
Mặc gái thuyền duyên chuyện bên lề.**

Nếu gặp con gái thời nay, cái kiêu thử lòng thử dạ, kiêu hãnh, có vẻ xem thường phái nữ kiêu này, dám ăn bặt tai chứ chẳng chơi....

Nhưng Xuân Hương dạo ấy, đã họa một bài họa Thanh Hiên nguyên vận: "*Khúc hoàng tay nguyệt còn chờ dạy/ Cánh phượng đường mây đã vội chi/ Chua xót lòng em lời đề lại/ Hững hờ duyên bấy bước ra đi/ Thử vàng đá nọ treo từng giá/ Phong gấm hoa kia nở có thì/ Đào thắm mặn xanh còn thú lắm/ Xuân ơi đành nở dứt ra về.*"

Dạo đó, Nguyễn Du dạy đàn cho Xuân Hương. Trong thơ Phạm Đình Hồ có câu "*Buông đàn cười chẳng gầy/ Ngại làm ai chạnh lòng*".

Và Tôn Phong từ xa đi ngựa đến, nghe tiếng đàn vang lên sau khóm trúc, đã từng cùng Xuân Hương thổi sáo

***Khung cảnh ngày xưa thật tuyệt vời  
Dạo đàn thổi sáo khúc buồn lời  
Âm thanh ngơ ngẩn chiều say ngủ  
Thời thế một thời nghe chơi với.***

Rời thuyền Nguyễn Du ra khơi. Để lại Xuân Hương Hồ Phi Mai còn lại trên Thạch Đình nước nở. Nguyễn Du về đến làng Tiên Điền, không nhà, anh em đã lưu lạc. Thật ra anh em của ông chẳng bao giờ ở Tiên Điền cả. Những năm cuối cùng nhà Lê Trịnh, người anh Nguyễn Khả làm thương thư bộ lại, tương đương thủ tướng ngày nay, lại kiêm chức trấn thủ 3 tỉnh Hưng Yên, Thái Nguyên và Sơn Tây.

Ông giao Sơn Tây cho Nguyễn Điều, Nguyễn Nễ. Giao Hưng Yên cho Nguyễn Nghi Nguyễn Trứ. Giao Thái Nguyên cho cai gia Nguyễn Đại Lang làm quân sự. Cai Gia là nhân vật có tên trong Hoàng Lê nhất thống chí, vốn người phản Thanh, phục Minh TQ, tay cáo già này được Nguyễn Khả, anh Nguyễn Du thu nạp để dạy võ cho các em. Vì biết Thái nguyên là đất có nhiều dân TQ sang khai mỏ, trộm cướp và trốn thuế, mà tên cáo già này có thể trị được.

Nguyễn Du kết nghĩa với Cai Gia, sinh tử giao tình trong bài tiễn biệt Nguyễn Đại Lang và gọi là anh cả. Khi nhà Trịnh sụp đổ, Nguyễn Du cùng Nguyễn Đại Gia, và Nguyễn Quỳnh chạy sang Vân Nam. Gia phải có ghi giữ 1 chức quan nhỏ, coi như đại diện binh quyền cho anh Nguyễn Khả tại Thái Nguyên.

Năm 1786, hai anh Nguyễn Khả, Nguyễn Điều mất. Nguyễn Nễ làm quan ở Phú Xuân. Năm 1790, Nguyễn Quỳnh bị Tây Sơn giết tại Hà Tĩnh. Nguyễn Nghi, Nguyễn Trứ đại diện Nguyễn Khả từ Hưng Yên về Chu Kiều, Bắc Ninh làm nghề thuốc. Nguyễn Nghi viết truyện thơ Quân Trung Đồi dài 116 câu, có con là Nguyễn Toàn đỗ tiến sỹ đời Minh Mạng, có con là Nguyễn Trứ làm nghề thuốc đậu tam trường năm 1779 đời Gia Long, làm tri phủ Nam Sách, có con là Nguyễn Thích làm tri phủ, Nghĩa Hưng Nam Định và Nguyễn trù tri phủ Vĩnh Tường, cùng Nguyễn thị Uyên làm thuốc giỏi được mời vào cung chữa bệnh cho cung nữ đời Gia Long.

Theo giáo sư Hoàng Xuân Hãn, trong số những người cộng tác với La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiệp ở Sùng Chính Viện đời Tây Sơn, có Nguyễn Công con của Nguyễn Khả và Nguyễn Thiện con Nguyễn Điều.

Nguyễn Du khi về tới Tiên Điền, anh em Nguyễn Du ở trong căn nhà nhỏ ở bến Quế Giang, đầu sông Long Vĩ, để tiện chở gạch ngói, gỗ đá vật liệu xây dựng bằng thuyền. Tại Tiên Điền, Nguyễn Du

còn người bạn là Thực Đình, người bạn này tặng Nguyễn Du cái áo vải, mà bản thân bạn đi dạy học lấy lát không đủ sống.

Nhà Nguyễn Du sách vở chất đầy như thư viện đã chỉ còn một hai phần. Ngoài sân có khóm cúc vàng, bếp vắng tanh vì thiếu đàn bà. Ông hớp vại hớp rượu cho sắc diện hồng hào, về đây sau cuộc khởi nghĩa, khóc cười theo thời thế loạn ly, bệnh tật, và im lặng.

Bệnh cũ của mười năm xưa tái phát. Một người quen cầm đến cho ông bài thơ của Xuân Hương. Bài thơ "Nhân Tặng" viết hỏi thăm trong nước mắt đầy vui.

***"Nghiêm thăm hầu môn biết mấy trùng/ May chăng khôn lẽ dám pha xông/ Mấy hàng chữ mực châu lai láng/ Một mảnh tờ mây ý mộng mong/ Buông thả luống e khơi ngọn nước / Gửi trao còn ngại mỗi vai hồng/ Người tiên ví chẳng soi trần thế/ Cây có vàng xanh tỏ tấm lòng.***

Nguyễn Du trả lời bài thơ Nhân Tặng bằng một bài ký "Gửi Bạn", đăng trong Thanh Hiên Thi Tập. Thơ của họ đối đáp qua lại, thi họa xướng vãn, lãng mạn ủy mị và nhớ nhung khách sáo. Họ ví cuộc đời trước mắt như đám mây trôi nổi sóng hiện rồi tan. Nhìn khóm trúc trước sân, để thấy tuyết tan đi, trúc sẽ thành rỗng, và tài năng kẻ sĩ sẽ được trọng dụng.

***Đúng là mộng ước đầy vui  
Trăng tỏ trên cao dạ sáng ngời  
Trăng lòng bóng nguyệt đời hư ảo  
Sắc nguyệt trời cao nguyệt sáng soi.***

Họ ví Nguyễn Du như cánh nhận bay xa. Xuân Hương còn ở lại, và những bài thơ qua lại nặng tình vào những năm 1794.

Đêm đêm đã tàn, Xuân Hương còn thức và ngơ ngẩn tưởng nhớ người đi xa. Nghe đế nỉ non thăm hỏi chàng nơi nao qua bài Đêm thu hoài cảm

***"Đêm tàn người thức lòng ngơ ngẩn/ Rượu lạnh lâu mây bạc ánh tà".***

Ngoài Đêm Thu, còn những bài như Mưa Thu, Đêm Thu. Rồi lại một mùa thu, Xuân Hương gửi bài thơ chữ Hán trong Hương Đình Cổ Nguyệt Thi Tập, với những lời nhung nhớ đầy vui, qua dòng sông Tô chảy về hướng Tây không ngừng nghỉ.

Dưới bóng Cổ Nguyệt Đường thương những di sản nho học của cha ông. Sương rơi quanh nhà trắng xóa không tan, mà bóng chàng vẫn ra đi biệt.

***"Thắm thoát đường thu ánh nguyệt tà/ Chôn xưa rượu chấu chén phồn hoa/ Dòng Tô nước cuốn về tây mãi/ Tam Đảo trời quang vọng bắc xa".***

Thắm thoát hai năm. Nguyễn Du vẫn biệt. Mẹ Xuân Hương thúc ép cô lấy chồng. Có anh thầy Lang xóm tây làng Nghi Tàm, con cụ Lang cậy người mai mối. Nhân có người về Hà Tĩnh, Xuân Hương gửi thư cấp báo. Những dòng thư đầy nước mắt, nào là những tưởng có thể chờ nhau lâu hơn. Nào là nhìn lá nhuộm sương mai mà thẹn cho lòng, vì đã hẹn cùng nhau.



Một đàn anh Lang xóm tây đi theo tán tỉnh và ve vãn. Nàng muốn hỏi trăng già có sao khe khát với tình duyên như vậy.

Phạm Đình Hồ là người chứng kiến việc mẹ Xuân Hương gả con cho anh thầy Lang, có lẽ cũng là học trò của thầy Phi Diễn năm xưa. Anh Lang ngày xưa không thi cử nhưng cũng hành nghề Y, Lý Bốc Số theo nghiệp cha. Phạm Đình Hồ viết về Xuân Hương như sau:

*"Năm xưa hoa đào nở/ Em tôi học cài trâm/  
 Năm nay hoa đào nở/ Mẹ gà xóm Tây gần/  
 Năm nay hoa đào nở/ Gió xuân sao lạnh lòng/  
 Em nhìn hoa mà khóc/ Sầu vương nét mi cong/  
 Năm nay hoa đào nở/ Có xuân muọt trời mơ/  
 Bên hoa em cười nụ/ Ngâm thành tựa đề thơ".*

Phạm Đình Hồ, người ham học, thấy người tài là đến chơi, thấy nhà ai nhiều sách hay là ghé đến đọc, thấy việc gì cũng ghi chép. Qua thơ văn để thấy ông chứng kiến mối tình Xuân Hương với Nguyễn Du, với anh thầy Lang, với Mai Sơn Phủ, và đã cho Xuân Hương mượn tiền mở quán sách ở phố Nam Thành Thăng Long, cạnh đền Lý Quốc Sư, sau khi Xuân Hương dứt tình với ông Tổng Cóc Nguyễn Xuân Hòa.

Và bài thơ cuối cùng Xuân Hương viết cho Nguyễn Du bằng chữ nôm là bài Hoạ Nhân, rằng :

*"Vài hàng chữ gấm trạnh niêm châu/ Nghĩ tưởng năm canh nguyệt hé lâu/ Lá nhuộm thức lam thêm vẻ thẹn/ Suong pha khói biếc rộn thêm sầu/ Thân thơ trước viện, nhà khoe gió/ Đồng vọng bên tai, địch thét lâu/ Uớm hỏi trăng già khe khát đầy/ Trêu nhau chi những sợi cơ cầu".*

Nguyễn Du phúc đáp bằng bài thơ Ký Mộng... ông bỏ mẹ, bỏ lớp dạy trẻ, vượt đèo Tam Điệp đầy hổ báo, vượt sông Lam lăm cá sấu, vượt đường đi hiểm trở vào thăm mình ở Hồng Lĩnh. Tình dậy viết bài Ký mộng gửi Xuân Hương.

Năm 1813, khi tình duyên tan vỡ, dò đã qua mấy chuyến, Xuân Hương còn nhắc.

Ông Đào Duy Anh trong cuốn khảo luận truyện Kiều, căn cứ vào câu Du tử hành vị quy cho rằng Nguyễn Du nhớ vua Lê Chiêu Thống. Trương Chính thì cho là nhớ người vợ trước (em Đoàn Nguyễn Tuấn) mà Nguyễn Du không gọi là hiền thê, không gọi là bạn, mà gọi là mỹ nhân, thì mỹ nhân đó chính là Xuân Hương Hồ Phi Mai. Lúc ấy chàng chưa vợ. Ba mươi tuổi mới về cưới vợ ở Quỳnh Hải.

Trên đường tìm vào Nam theo chúa Nguyễn Ánh, Nguyễn Du rơi vào bẫy, bị đưa thẳng vào tù. Ông làm bài thơ Cảm Hứng trong tù và cho rằng không ai biết lòng mình.

Ra tù Nguyễn Du đi bộ trốn ra Thăng Long, làm bài thơ Dạ Hành. Trên đường đi phải ăn xin khát thực, làm bài Khát Thực.

*"Chống guom ngạo nghệ thét trời xanh/Ba chục năm trong bùn hôi tanh/ Chử nghĩa ích gì cho cuộc sống/ Nào ngờ đối rách người thương tâm".*

Xuân Hương lấy anh thầy Lang chẳng bao lâu, anh thầy Lang mất, về với mẹ ở Cổ Nguyệt Đường dạy học. Rồi yêu Mai Sơn Phủ, mỗi tình cũng để lại những bài thơ nồng nàn thề thốt trong tập Lưu Hương Ký, Mai Sơn Phủ biệt tằm trong trận đánh cuối cùng của Gia Long và Tây Sơn. Xuân Hương đi lánh nạn chiến tranh, gặp Tổng Cóc Nguyễn Xuân Hoà, Xuân Hương chấp nhận làm vợ lẽ, bị vợ cả ghen tuong khi đang mang thai 6 tháng...

***Tội nghiệp làm sao kiếp đàn bà/ Đi đâu cũng bị người ta làm chồng...***

Khi nhận được bài thơ của Nguyễn Du, Xuân Hương thức tỉnh kiếp làm lẽ, dứt tình với Tổng Cóc

***"Chàng Cóc ơi, chàng Cóc ơi/ Thiếp bén duyên chàng thế đủ rồi/  
Nồng nọc dứt đuôi từ đây nhé/ Nghìn vàng khôn chuộc dầu bôi vôi"***

Tóm lại, Xuân Hương trải qua mối tình với Nguyễn Du, với anh thầy Lang ở Nghi Tàm, với Mai Sơn Phủ, với ông Tổng Cóc, sau là Tri phủ Vĩnh Tường. Ngày chồng bị tử hình, có mặt trong buổi hành hình và cười điên dại. Xuân Hương lên núi Yên Tử, rồi quay về Cổ Nguyệt Đường, vài năm sau thì mất, bên cạnh có gia đình Tử Minh, tuy không ruột rà nhưng như ruột thịt. Có 2 con trai, và cô Nguyễn thị Hình, tức Bà Huyện Thanh Quan.

Mộ Xuân Hương nằm bên hồ sen trước chùa Kim Liên.

Năm 1842 vua Thiệu Trị ra Bắc, đến cúng dường chùa Kim Liên, dặn cô hầu gái đi hái sen, không được trèo qua mộ Xuân Hương "Suối vàng còn hận tơ duyên lỡ làng"...

Đầu thế kỷ 20, mực nước hồ tây dâng cao. Mộ Xuân Hương chìm trong lòng nước... Các mối tình của Xuân Hương, đều được người bạn Phạm Đình Hồ chứng kiến. Tôn Phong Nham Giác Phu, viết tựa cho tập Lưu Hương Ký, ghi lại những vần thơ về thân phận bạc bẽo và ngang trái của người đẹp tài hoa phận bạc....

Một hôm nào đó, ngồi trong mưa, nghe tiếng sóng Hồ Tây, người yêu văn chương nhớ đến nàng Xuân Hương tài hoa nằm trong làn nước lạnh. Cũng hy vọng Cổ Nguyệt Đường được dựng lại bên cạnh chùa Kim Liên, để khách vãng lai mơ màng ôn lại dĩ vãng.

Tam nguyên Vị Xuyên Trần Bích San 42 năm sau, tại Xuân Đường làm hai bài phú viếng Xuân Hương thay cho Nguyễn Du và Phạm Quý Thích, tiết lộ mối tình Xuân Hương và Nguyễn Du rằng có thể viết nên một thiên tình sử nào nề.

Nếu Nguyễn Du có câu

***"Bách tri tam bách dư niên hậu/ Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như"***.

Có phải ông muốn người đời khóc nhớ ông? ?

Hay ông thương tiếc người con gái Hồ Phi Mai, hồng nhan bạc mệnh, mong manh như cành mai trước gió xuân về.

*"Trăm năm trong cõi người ta/ Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau/  
Trải qua một cuộc bể dâu/ Những điều trông thấy mà đau đớn lòng/  
Lạ gì bỉ sắc tư phong/ Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen" ..*

Thì ra Ông cao xanh hay ghen ghét đố kỵ những người đẹp có tài -  
Ô hô ai tai "Tài mệnh tương đố" ... là như thế ! ■

## ***Nguyễn thị Mắt Nâu***

*(trích trong bộ biên khảo Xã Hội Việt Nam xưa và nay của tác giả Nguyễn thị Mắt Nâu)*

## A Very Brief Look at European History

### as Preliminary to French Poetry

Thomas D. Le

#### A Very Brief Look at European History

Historians divided the history of Europe into three periods with the first two each lasting a thousand years and the last barely a few hundred years.

##### *Classical Antiquity*

*Classical Antiquity* in Europe covered the period from Homer roughly in the middle of the eighth century BCE to the fall of the Western Roman Empire in the fifth century CE. This is the period in which *ancient Greece* dominated the western world and beyond as far east as India in philosophy, theater, poetry, art, architecture, medicine, science, mathematics, and historiography. Koine Greek (based on Attic Greek) became a *lingua franca* during the Classical period and the following *Hellenistic period*, which lasted from the death of Alexander the Great of Macedon in 305 BCE to the death of Cleopatra VII in 30 BCE. *Ancient Rome* began in the eighth century BCE as Roman Kingdom (753–509 BCE), Roman Republic (509–27 BCE), and Roman Empire (27 BCE–476 CE), when Rome fell to the Germanic peoples. During these centuries, Rome assimilated Greek culture and learning through contact with Greece and *Magna Grecia* (Greater Greece) in Southern Italy, and disseminated it throughout its empire. Thus, together ancient Greece and ancient Rome formed the *Greco-Roman World*, to which Western civilization is heir. In the Roman Empire, Latin was taught and spoken as a *lingua franca*. Latin gave rise to the Romance family of languages: French, Italian, Spanish, Portuguese, and Romanian. Although no longer spoken and considered "dead" because it no longer changes, Latin lives on in all European languages and in all languages that borrow from European languages in words and expressions pertaining to science, art, architecture, music, medicine, mathematics, law, literature, philosophy, even in everyday conversations. Greek enjoys a similar status albeit to a lesser extent.

The *Roman Empire*, that covered most of Europe, including Britain and the lands bordering the entire Mediterranean Sea, namely southern and eastern Europe, north Africa and western Asia. In 330 CE, Emperor Constantine I chose Byzantium, an ancient Greek colony situated on the European side of the Strait of Bosphorus between the Sea of Marmara and the Black Sea as the New Rome (later renamed Constantinople, and deemed more defensible than Rome), converted to Christianity, then just a small but growing Jewish sect, and made it a state religion. Among the Roman subjects were numerous Germanic tribes, barbarians to the Romans, whom they employed in their army mainly to guard the borders, and who managed in time to subdue Rome in 476, putting an end to the Western Roman Empire, and ushering in an era of great changes in Europe that culminated in the Modern World via the Renaissance. The eastern half of Roman Empire, now called the *Eastern Roman* or *Byzantine Empire*, was safer from wars and political upheavals with Constantinople as capital, and endured as a great power

throughout the thousand years of the Middle Ages, which in Western Europe roughly began with the fall of Rome and lasted to the fall of Constantinople to the Ottoman Turks in 1453.

### ***The Middle Ages***

***The Middle Ages*** are divided into three periods: *The Early Middle Ages, the High Middle Ages and the Later Middle Ages.*

The period called the ***Early Middle Ages*** (476-1000 CE) witnessed mass migrations of Germanic peoples, the expansion of Christianity, the formation of states under monarchy, feudalism, political conflicts, invasions, wars. There was a general decline in the peasants' quality of life as they were bound to the nobles as serfs who paid rents and owed them military service. On the other hand, momentous developments were observed in religion: Catholicism-Orthodox division called the East-West Schism occurring in 1054 permanently divided Christendom into West and East. Latin was the *lingua franca* in the west, just as Greek was in the east. However, the calamities and ignorance of this early period, compared to the light of Classical Antiquity, are responsible of the name Dark Ages that later historians called the entire European Middle Ages. Now, it is common the designation of 'Dark Ages' refers to the Early Middle Ages only. It is Petrarch who first characterized the early period as 'dark'.

Science merits careful attention. Greek had been the language of science since Antiquity. But few people in Western Europe knew Greek, and Latin books were inadequate in number. This separation from Greek roots resulted in a general decline in learning in Western Europe. Education centered on the Bible and was offered in monasteries and Church schools. The most educated were the clerics, who needed to study nature for the practical purpose of maintaining health, treating the sick or to calculate time for religious purposes such as daily prayers or celebration of Easter. Hence, medicine, mathematics, and astronomy were necessary fields of study.

In the ***High Middle Ages*** (1000-1300 CE), the Black Death, and the Crusades launched to reclaim the Holy Land from the Muslims. The translation of Greek, Jewish, and Arabic texts into Latin provided an impetus for the founding of universities in France, England, Spain, Italy, using translated texts of Aristotle, Euclid, Archimedes, Galen, Ptolemy, Avicenna, Averroes and Maimonides. Thanks to this new influx of knowledge from Ancient Greece and the Levant, the Western Europeans were able to pursue science with experimentation, build Christian philosophy, natural philosophy and scholasticism, invent the scientific method with logic, and share cross-borders learning. The Byzantine Greek scholar John Philoponus contributed to theology and philosophy. William of Occam developed the principle of parsimony, now known as Occam's razor to aid in deciding between two competing theories. Jean Buridan proposed the theory of impetus, heralding Isaac Newton's first law of motion, inertia. In short, there was a general belief in experimentation, the scientific method, natural causes instead of miracles, and the questioning of authorities (even Aristotle came under attack). Yet, the Ptolemaic geocentric system, which had begun by Aristotle, continued to enjoy universal acceptance, no less so because it coincided with the Christian Church's (and Islam's) worldview until it was first seriously challenged by Copernicus in his book *On the Revolutions of the Heavenly Spheres* published in 1543 and gradually superseded by the heliocentric system in the seventeenth century.

In sum, the Late Middle Ages with their intellectual and scientific achievements paved the way for the scientific revolution via a period of two centuries of the Renaissance that originated from Italy.



## The Italian Renaissance

The term *renaissance* (which means rebirth in French) has been applied repeatedly in the Middle Ages by historians to medieval renaissances, of which there are three. They cited the Carolingian Renaissance undertaken by Charlemagne during the eighth and ninth centuries, the Ottonian Renaissance under the three Saxon kings Otto I-III spanning almost the entire tenth century. However, these were veneer rather than true rebirth unlike the twelfth-century renaissance, which Harvard Professor Charles Homer Haskins described extensively as introducing the High Middle Ages starting about 1070. He noted many events and achievements such as the Crusades, which contributed to the fall of the Byzantine Empire by weakening it. Towns and independent states with bureaucracy were functioning. Romanesque art and architecture flourished; and Gothic architecture appeared that over the next thousand years left its legacy that endured to the present. Latin classics and poetry were revived as was Roman law. Greek philosophy and science with Arab contributions were restored thanks to translation. Universities were founded with scholasticism dominating higher education. Vernacular literature made its debut in poetry and in religious drama in several countries.

The name *Dark Ages* ascribed to the whole or early part of the Middle Ages by Francesco Petrarca, anglicized as Petrarch (July 20, 1304-July 18/19, 1374) in the 1330's is inappropriate. In fact, he was comparing the cultural achievements of his time with those of Greek Antiquity, which were superior in terms of philosophy, art, drama, and architecture. Today historians avoid the term for its misleading and negative connotations. Petrarch was referred to as the father of Renaissance humanism. His sonnets, written in Latin, were models of form and lyricism which later European poets tried to emulate.

*The Italian Renaissance of the fifteenth and sixteenth centuries.* It originated from Italy because the Roman Empire was founded there, and spread to the rest of Europe and the basin of the Mediterranean Sea. Italy was heir to the Greco-Roman World and contained not only the major works of art and architecture of Classical Antiquity but also its ruins. The intellectual achievements of the Greco-Roman World formed the core values of the West. Historians have been known to cite Greek thought, Roman law and Christian religion as the three pillars of Western civilization.

*The Black Death.* The *renaissance* was one unintended consequence of the *Black Death* (1346 to 1353), the name of the pandemic of the bubonic plague that struck China, India, Syria, Iran, Egypt, and spread to Sicily and the rest of Europe and North Africa. It is estimated that between one and two thirds of the population of Europe, North Africa and the Islamic world were killed by waves after waves of the pandemic well into the nineteenth century. Between 350 and 375 million out of an estimated 475 million people worldwide remained alive in the aftermath. Most estimates put the dead toll at about 75 million spread unevenly, with cities and towns, where population density was high, bearing the brunt of mortality. and rural areas, where most of the population lived, suffering relatively less. Also Southern and Western Europe were hit harder than countries in the north. In many parts of Europe the Jews suffered the most, scapegoated and murdered en masse because of rampant antisemitism, which lingers on to the present. Not only that, beggars, friars, pilgrims, foreigners, lepers, and Romani were persecuted on suspicion they were the cause of the plague.

[As an aside, did you know that two famous Hollywood stars Yul Brynner and Rita Hayworth (not their birth names) and Charlie Chaplin were Romani? These are the nomadic people who migrated west

from India to most of Europe, even to the Americas including the United States, with local names like Gypsy, Tsigane, Gitano, Roma, etc. Esmeralda in Victor Hugo 's *The Hunchback of Notre Dame* is a Gypsy.]

On a grand scale, the massive decrease in European population meant for the survivors a shortage of labor. Subsequent demand for labor for increased production of food and commodities raised wages, and in the agricultural sector new ownership of land now distributed among fewer people virtually wiped out serfdom. There was prosperity compared with previous periods. This economic picture, however, was muddled by war, looting, scarcity of food and other commodities, inflation, the black market, peasants' revolts at the smaller scale of individual countries and communities.

Nevertheless, many families of entrepreneurs and bankers amassed fortune. In Florence, the Medeci family became so powerful that members of the clan were prominently represented in politics, trade, banking, and religion. The Catholic Church, under capable popes, prospered accordingly and joined in the flowering of Renaissance art to promote Christianity. Cities such as Florence, Mantua, Sienna, Urbino. Rome, and Venice vied for excellence. Such wealthy patrons as cities, popes, and nobles commissioned art works for their palaces and other buildings from famous artists, painters, sculptors and architects with such familiar names as Raphael, Michelangelo, Botticelli, Donatello, Brunelleschi, Mantegna, Perugino, Leonardo da Vinci, and a host of other names. Leonardo da Vinci is the quintessential Renaissance man. Today Italy is the worldwide mecca of Renaissance art. And Florence is the foremost venue for Renaissance art.

### **The Age of Enlightenment (of the seventeenth and eighteenth centuries)**

The Age of Enlightenment (or Age of Reason) followed on the heels of the Scientific Revolution, during which René Descartes expounded *Cogito, ergo sum* (I think, therefore I am) in his *Discourse on Method* (1634), and Isaac Newton published his *Principia Mathematica* (1687). Historians traditionally date this age as beginning at the death of French King Louis XIV in 1715 and ending with the outbreak of the French Revolution in 1789, which definitely used, as did the earlier American Revolution of 1776, the Enlightenment ideas and thoughts of thinkers and philosophers such as Descartes, Francis Bacon, Cesare Beccaria, Leibniz, Diderot, Montesquieu, Jean-Jacques Rousseau, John Locke, David Hume, Voltaire, Spinoza, Adam Smith among others. Some historians propose prolonging the end of Enlightenment till the death of Immanuel Kant in 1804.

In Age of Enlightenment (2023), the Enlightenment, which followed the Scientific Revolution, is defined as follows:

The Age of Enlightenment or the Enlightenment,[note 2] also known as the Age of Reason, was an intellectual and philosophical movement that occurred in Europe, especially Western Europe, in the 17th and 18th centuries, with global influences and effects.[2][3] The Enlightenment included a range of ideas centered on the value of human happiness, the pursuit of knowledge obtained by means of reason and the evidence of the senses, and ideals such as natural law, liberty, progress, toleration, fraternity, constitutional government, and separation of church and state.[4][5]. (Age of Enlightenment, 2023, para. 1)

And the doctrines of the Enlightenment are summarized in the same article thus:

The central doctrines of the Enlightenment were individual liberty and religious tolerance, in opposition to an absolute monarchy and the fixed dogmas of the Church. The concepts of utility and sociability were also crucial in the dissemination of information that would better society as a whole. The Enlightenment was marked by an increasing awareness of the relationship between the mind and the everyday media of the world,[9] and by an emphasis on the scientific method and reductionism, along with increased questioning of religious orthodoxy—an attitude captured by Kant's essay *Answering the Question: What is Enlightenment*, where the phrase *Sapere aude* (Dare to know) can be found.[10]. (Age of Enlightenment, 2023, para. 4)

The revolutionary ideas of the Enlightenment discussed in coffee houses, masonic lodges, literary salons, scientific academies upended the European order, assaulted the authority of the monarchy and the Catholic Church, and prepared the groundwork for the political revolutions of the 18th and 19th centuries. The American Revolution (1776) and French Revolution (1789) drew their inspiration and intellectual justification from the ideas of this Age of Reason. Democracy in the modern sense, liberalism, and socialism are the intellectual heritage of the Enlightenment. Once emancipated from the intellectual bondage of what the French call the *ancien régime* (the old order), men freely think for themselves with all the consequences we are living today and in the future.

Let's conclude this brief and hasty overview of European history here, knowing that we will come back in due time. Though the most important concept of *humanism* is made short shrift of here, it merits more extensive treatment. We will deal with it in more detail when the need arises. ■

## ***TDL***

22 July 2023

### Bibliography

Age of Enlightenment. (2023, July 3). In *Wikipedia*. Retrieved July 18, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Age\\_of\\_Enlightenment](https://en.wikipedia.org/wiki/Age_of_Enlightenment)

Black Death, (2023, June 14). In *Wikipedia*. Retrieved June 21, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Black\\_Death](https://en.wikipedia.org/wiki/Black_Death)

Black Death. (2023, March 28; origin. 2010, September 17). *History.com Editors*. Retrieved June 21, 2023 from <https://www.history.com/topics/middle-ages/black-death>

Classical Antiquity. (2023, June 20). In *Wikipedia*. Retrieved June 21, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Classical\\_antiquity](https://en.wikipedia.org/wiki/Classical_antiquity)

Consequences of the Black Death. (2023, June 4). In *Wikipedia*. Retrieved July 22, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Consequences\\_of\\_the\\_Black\\_Death](https://en.wikipedia.org/wiki/Consequences_of_the_Black_Death)

Dark Ages (historiography). (2023, July 4). In *Wikipedia*. Retrieved July 21,2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Dark\\_Ages\\_\(historiography\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Dark_Ages_(historiography))

Greco-Roman World. (2023, June 3). In *Wikipedia*. Retrieved June 21,2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Greco-Roman\\_world](https://en.wikipedia.org/wiki/Greco-Roman_world)

Humanism. (2023, April 18). In *Wikipedia*. Retrieved June 21,2023 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Humanism>

Italian Renaissance. (2023, July 6). In *Wikipedia*. Retrieved July 19,2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Italian\\_Renaissance](https://en.wikipedia.org/wiki/Italian_Renaissance)

Medieval renaissances. (2022, December 30). In *Wikipedia*. Retrieved July 19,2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Medieval\\_renaissances](https://en.wikipedia.org/wiki/Medieval_renaissances)

Middle Ages.(2023, June 6). In *Wikipedia*. Retrieved June 21,2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Middle\\_Ages](https://en.wikipedia.org/wiki/Middle_Ages)

Prehistoric Europe. (2023, July 13). In *Wikipedia*. Retrieved July 18, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Prehistoric\\_Europe](https://en.wikipedia.org/wiki/Prehistoric_Europe)

Renaissance. (2023, June 10). In *Wikipedia*. Retrieved June 21,2023 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Renaissance>

Renaissance of the 12th century.(2023, July 8). In *Wikipedia*. Retrieved July 19, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Renaissance\\_of\\_the\\_12th\\_century](https://en.wikipedia.org/wiki/Renaissance_of_the_12th_century)

## French Poetry - Part 3

### Sully-Prudhomme (1839-1907) Winner of 1901 Nobel Prize for Literature

by

Thomas D. Le

#### Life and Works

René François Armand "Sully" Prudhomme (6 March 1839 – 6 September 1907) was a French poet and essayist. He was the first winner of the Nobel Prize in Literature in 1901.

According to Sully Prudhomme (2023), he was born in Paris. Prudhomme turned away from engineering studies to immerse himself in philosophy and later in poetry. He openly admitted wanting "to create scientific poetry for modern times." In character sincere and melancholic, he was linked to the Parnassus school although his work has independent characteristics.

Given that he was recipient of the first Nobel prize for literature, let this organization speak.

#### Sully Prudhomme Biographical Sketch



René François Armand Prudhomme (1839-1907) was the son of a French shopkeeper. He wanted to become an engineer, but an eye disease terminated his training at a polytechnic institute. He studied literature, and after a brief and unsuccessful interlude in industry, he took up law, though without much conviction, and worked in a solicitor's office. Sully Prudhomme was a member of the «Conference La Bruyère», a distinguished student society, and the favourable reception that his fellow members gave to his juvenilia encouraged him to go on writing poetry. His first volume, *Stances et Poèmes* (1865) [Stanzas and Poems], was well reviewed by Sainte-Beuve and established his reputation. Sully Prudhomme combined a Parnassian regard for formal perfection and elegance with philosophic and scientific interests, which are revealed, for instance, in his translation of the first book of Lucretius' *De Rerum Natura* (1878-79). Some of his other poetic works are: *Croquis Italiens* (1866-68) [Italian Notebook]; *Solitudes* (1869); *Impressions de la guerre* (1870) [Impressions of War]; *Les Destins* (1872) [Destinies]; *La Révolte des fleurs* (1872) [Revolt of the Flowers]; *La France* (1874); *Les Vaines Tendresses* (1875) [Vain Endearments]; *La Justice* (1878); and *Le Bonheur* (1888) [Happiness]. *Les Epaves* (1908) [Flotsam], published posthumously, was a collection of miscellaneous poems. A collected edition of his writings in five volumes appeared in 1900-01. He also wrote es-



says and a book on Pascal, *La Vraie Religion selon Pascal* (1905) [Pascal on true Religion]. Sully Prudhomme was a member of the French Academy from 1881 until his death in 1907.

From *Nobel Lectures, Literature 1901-1967*, Editor Horst Frenz, Elsevier Publishing Company, Amsterdam, 1969

This autobiography/biography was written at the time of the award and first published in the book series *Les Prix Nobel*. It was later edited and republished in *Nobel Lectures*. To cite this document, always state the source as shown above.

Sully Prudhomme died on September 7, 1907.

The following citation is displayed the Nobel Prize website:

The Nobel Prize in Literature 1901 was awarded to Sully Prudhomme "in special recognition of his poetic composition, which gives evidence of lofty idealism, artistic perfection and a rare combination of the qualities of both heart and intellect."

## Comments

Sully Prudhomme, by his attention to the precise form and style, belongs in the Parnassian movement. However, his inspiration runs counter to the movement; he sings of his intimate feelings, the dictates of his moral conscience, and the troubles of his thoughts. His lyrical works, *Stances et Poèmes* (Stanzas and Poems 1865), *Les Épreuves* (The Trials, 1866), *Les Solitudes* (1869), *Les Vaines Tendresses* (Vain Tenderness 1875), are followed by philosophical poems, *La Justice* (1878) and *Le Bonheur* (Happiness, 1888). Certain of his poems have a melancholy and delicate charm. The last two philosophical, according to critics, missed their mark because of the interference of poetic exigencies.

## Parnassianism

Reacting against the excesses of Romanticism, a new poetry movement, the *Parnasse*, propounded art for art's sake, lifted poetry to Parnasse, the abode of the Muses, and restored art to its former purity and dignity, from which Lamartine had dragged it down. Three reviews contributed to the Parnassian movement, *La Revue fantaisiste* (1861), founded by Catulle Mendès, who defamed romantic declamation and rehabilitated virtuosity, *La Revue du progrès* (1863-64), founded by Xavier de Ricard, who extolled scientific poetry, and *L'Art* (1865-66), dominated by the influence of Leconte de Lisle. The first collection of Parnassian poetry, *Le Parnasse contemporain* was edited in 1866 by Alphonse Lemerre, who assembled works from thirty-seven poets, including Théophile Gautier, Baudelaire, Leconte de Lisle, Théodore de Banville, François Coppée, Catulle Mendès, José-Maria de Heredia, Verlaine, Mallarmé, and many more. This collection was succeeded by two others published in 1871 and 1876.

All Parnassians shared the cult of formal perfection. "The Parnassians strove for exact and flawless workmanship,[3] selecting exotic and (neo-)classical subjects that they treated with rigidity of form and emotional detachment...The style was influenced by the author Théophile Gautier as well as by the philosophical ideas of Arthur Schopenhauer." (*Parnassianism*. 2023)

The Parnassian movement spread across Europe, from the UK to Romania, from Poland to Portugal.

then to Brazil. It gave way immediately to *fin de siècle* Symbolism. Many poets of identified as symbolists such as Baudelaire, Stéphane Mallarmé, and Verlaine already had their poems published in the *Parnasse contemporain* as seen above. Survivors of World War I such as Guillaume Apollinaire and André Breton founded Surrealism. Modernism, which straddled late nineteenth century and twentieth century, is the social, cultural or political view that seeks to restore what Professor Roger Griffin calls a "sense of sublime order and purpose to the contemporary world" to counter the fragmentation of a secular world. We in the twenty-first century live in the Postmodern period.

### Art for Art's Sake

Underlying Parnassianism is the concept *art for art's sake* (in French *l'art pour l'art*), which Théophile Gautier (1811–1872) espoused along with other movements, such as symbolism and decadence; for him art suffices by itself and in itself. True art is independent of any utilitarian purposes whether didactic, moral, political, social, or otherwise. It is its own purpose (autoletic), and needs no justification since it is its own justification.

Elaborating in his prefaces to his book of poetry *Albertus* (1932) and his novel *Mademoiselle de Maupin* (1935), Gautier wrote:

Nothing which is beautiful is indispensable to life... Nothing is truly beautiful except that which is useless; all that is useful is ugly, because it's the expression of some need, and those of mankind are ignoble and disgusting, as is his poor and weak nature—The most useful place of a house is the latrine. (Preface, *Mademoiselle de Maupin*)

One century later, Marcel Duchamp submitted an upside-down urinal at the “unjuried” Society of Independent Artists’ salon in New York. The urinal was inscribed with "R. Mutt, 1917" and titled *Fountain*. The salon promised to accept any work as long as an application fee was paid. However, Duchamp's urinal was rejected for the reason it's not art; being on the board he resigned in protest. Wikipedia in 'Fountain (Duchamp)' denied that the submission had been rejected, but asserted it wasn't displayed. No one knows what happened to the original, but Duchamp has commissioned 17 copies. They are bought by Tate Modern in London, Indiana University Art Museum, San Francisco Museum of Modern Art, MoMA in New York, National Gallery of Canada, National Museum of Modern Art in Kyoto, and individual collectors. Thus though not on exhibit at first, the *Fountain* broke new ground, for "conceptual" art, where ready-made articles of life began their appearance as works of art with uncouth articles in museums and art galleries across the world. Marcel Duchamp became legend, and was lauded as "perhaps the world's most eminent Dadaist" by Life magazine.

In 2016, the Italian artist, Maurizio Cattelan created a fully functional 18-carat gold toilet for the 1 percent named pointedly 'America' and installed it in a unisex restroom at the Guggenheim Museum in New York for almost a year. Thousands of visitors lined up to use it.



As Cattelan has said, “Whatever you eat, a two-hundred-dollar lunch or a two-dollar hot dog, the results are the same, toilet-wise.” Art-wise, the work reached a certain pinnacle of acceptability—or notoriety—when it was featured on the cover of the *New York Post* (September 15, 2016) with the headline, “We’re #1 (and #2!),” and an article titled, “The Guggenheim Wants You to Crap All Over ‘America.’ ” However, Cattelan’s anticipation of Trump’s America will, perhaps, be the lasting imprint of the sculpture’s time at the Guggenheim. (Spector, para. 6)

In his essay "Poetic Principle," Edgar Allan Poe advocates for poetry for poetry's sake in the following passage:

We have taken it into our heads that to write a poem simply for the poem’s sake, and to acknowledge such to have been our design, would be to confess ourselves radically wanting in the true poetic dignity and force:—but the simple fact is that would we but permit ourselves to look into our own souls we should immediately there discover that under the sun there neither exists nor *can* exist any work more thoroughly dignified, more supremely noble, than this very poem, this poem *per se*, this poem which is a poem and nothing more, this poem written solely for the poem’s sake.

In response to a claim that the ultimate goal of poetry is truth, he countered by saying poetry and truth are like oil and water.

In England, the Aesthetic Movement, which proclaimed art for art-for-art's-sake as a rebellion to Victorian moralism, numbered among its adherents such artists as William Morris, Dante Gabriel Rossetti, Frederick Leighton, James McNeill Whistler and writers like Walter Pater, and Algernon Charles Swinburne. Aestheticism is the cult of beauty pure and simple. The most prominent advocate of this philosophy is the Irish poet and playwright Oscar Wilde, who famously concluded the Preface of his novel *The Picture of Dorian Gray* with the pithy "All art is quite useless."

Opponents of arts for art's sake are overwhelmingly numerous, however. Most writers, poets, and philosophers see literature as a tool to promote social, political, cultural programs and more. Sometimes such literature verges on propaganda. Activists of all kinds of persuasion, revolutionaries, nationalists, fascists, socialists, feminists, environmentalists, propagandists, anti-colonialists, anti-imperialists, essayists, playwrights, even Marceline Desbordes-Valmore, Molière, George Sand, Alphonse de Lamartine, Victor Hugo, Jean-Paul Sartre, Albert Camus, George Orwell, Salman Rushdie, Aleksandr Solzhenitsyn, Toni Morrison, Wole Soyinka, Kurt Vonnegut, Chinua Achebe, to name a tiny few, did oppose art for art's sake implicitly or explicitly since they are committed. George Orwell, author of the acclaimed novels 'Animal Farm' and '1984', wrote a whole book 'All Art Is Propaganda' to emphasize his stand on art. As long as injustice, inequality, corruption, discrimination, oppression, abuse of power, genocide, and a whole host of other evil deeds exist in society, it is reasonable to expect that literature, art, drama, poetry, including *avant-garde* movements, cannot afford to remain aloof to contemplate beauty, and must get involved, committed, and engaged to help bring about change. Committed literature (*la littérature engagée* in French), for good or ill, is very much alive today, albeit not always characterized as such.



To conclude this brief study of Sully Prudhomme, who was only half Parnassian for his fidelity to the perfection of form achieved through the intellect, and half romantic in his expressing delicate feelings through subtle metaphorical language of the heart, let's savor two of his most famous poems with translation into Vietnamese and English. The late [Lý Lăng Nhân](#), a former ARVN lieutenant-colonel retrained as industrial engineer in the United States after the war, was one of the founders of [Thế Hữu Văn Đàn](#), poet and folklorist, who ably translated English or French poems into Vietnamese verse. His complete poems as well as articles on Vietnamese literature were published in Firmament until his death a few years back.

### Le vase brisé

#### Sully Prudhomme

Le vase où meurt cette vervaine  
D'un coup d'éventail fut fêlé ;  
Le coup dut effleurer à peine,  
Aucun bruit ne l'a révélé.

Mais la plus légère meurtrissure,  
Mordant le cristal chaque jour,  
D'une marche invisible et sûre  
En a fait lentement le tour.

Son eau fraîche a fui goutte à goutte,  
Le suc des fleurs s'est épuisé ;  
Personne encore ne s'en doute,  
N'y touchez pas, il est brisé.

Souvent aussi la main qu'on aime,  
Effleurant le coeur, le meurtrit ;  
Puis le coeur se fend de lui-même,  
La fleur de son amour périt ;

Toujours intact aux yeux du monde,  
Il sent croître et pleurer tout bas  
Sa blessure fine et profonde ;  
Il est brisé, n'y touchez pas. ■

**Chiếc Bình Rạn Nứt**

Hoa héo chết trong bình nước cạn  
 Ai có ngờ tai nạn bất tường  
 Quạt kia vừa khẽ chạm nhẹ nhàng  
 Không tiếng động mà bình đã rạn.

Vết nứt dầu nhẹ nhàng nông cạn  
 Ngày lại ngày thanh thân sâu thêm  
 Tuy vô hình tàn phá lặng êm  
 Pha lê đã trọn vòng nứt rạn.

Từng giọt nước lăn hồi tiêu tán  
 Hoa héo dần nhựa cạn hao mòn  
 Chưa ai ngờ sự thể vẫn còn  
 Đừng chạm nhé! Bình hoa đã vỡ.

Thương như thể bàn tay yêu đó  
 Chạm tim mình dầu có nhẹ nhàng  
 Rôi tim kia sẽ tự vỡ tan  
 Hoa tình ái thôi đành liệm chết.

Nhưng thế giới bên ngoài ai biết  
 Khóc âm thầm cho vết thương đau  
 Nghe trong tâm nứt rạn thâm sâu  
 Bình đã vỡ, xin đừng chạm nhé. ■

Traduit par Lý Lăng Nhân  
 19 Août 2002

**The Fissured Vase**

This vase wherein the vervain dies  
 A fan's light touch left a crack fine.  
 Soft blow it was to all the eyes,  
 And made no noise one would divine.

Yet slight as is the little bruise,  
 It gnaws at its crystal each day.  
 Unseen but sure in its slow cruise  
 Around the vase it makes its way.

Fresh water leaves in dribs and aught,  
 The flowers' soul will expire soon.  
 Though none has yet to suspect naught,  
 Touch not the vase for it's in ruin.

Thus often when the hand you love  
 Strokes light the heart yet breaks it so,  
 The heart shatters on its blest love,  
 The flower dies of its love's woe.

It looks whole to the world outside,  
 Yet feels the growth, and softly cries,  
 Of its wound deep and fine inside.  
 It is injured, touch not the vase. ■

Translated by Thomas D. Le  
 12 August 2002

**Les yeux****Sully-Prudhomme**

Bleus ou noirs, tous aimés, tous beaux,



Des yeux sans nombre ont vu l'aurore ;  
Ils dorment au fond des tombeaux,  
Et le soleil se lève encore.

Les nuits plus douces que les jours,  
Ont enchanté des yeux sans nombre ;  
Les étoiles brillent toujours,  
Et les yeux se sont remplis d'ombre.

Oh ! qu'ils aient perdu le regard,  
Non, non, cela n'est pas possible  
Ils se sont tournés quelque part,  
Vers ce qu'on nomme l'invisible.

Et comme les astres penchants  
Nous quittent, mais au ciel demeurent,  
Les prunelles ont leurs couchants,  
Mais il n'est pas vrai qu'elles meurent :

Bleus ou noirs, tous aimés, tous beaux,  
Ouverts à quelque immense aurore,  
De l'autre côté des tombeaux  
Les yeux qu'on ferme voient encore. ■

### Đôi Mắt

Mắt nhung huyền hay mắt xanh hồ thủy  
Đẹp như tình chung thủy buổi bình minh  
Biết bao người yên nghỉ dưới mồ xanh  
Mặt trời vẫn vô tình soi sáng tỏ.

Đêm lắng dịu như đẹp lông mắt đó  
Ngày trôi mau đã có vạn người qua  
Ánh sao đêm còn lấp lánh cõi trời xa  
Sao mắt ấy đã ngập tràn bóng tối.

Hay mắt đã không nhìn thấy lối  
Nhưng không, không! Điều vô lý làm sao!  
Mắt kia chỉ quay về một phía nào  
Ấy là chốn vô hình ta vẫn gọi.

Như sao lạc chỉ vài giây sáng chói  
Dẫu xa ta còn mãi cõi trời xanh  
Đôi đồng tử dù đã hết long lanh  
Đâu có nghĩa là mắt kia đã chết.

### The Eyes

Blue or black, all adored and fair,  
The countless eyes that saw the dawn  
Now rest in peace deep in their lair  
While the sun still rises beyond.

The nights than days are sweeter still  
Have delighted the eyes countless.  
The stars will always shine at will  
And yet the eyes filled with darkness.

O that they have all lost their sight!  
But no, no! That just cannot be.  
They simply must have turned aside  
Towards a place no one can see.

And though the stars will sure decline  
In yonder sky they still remain.  
The eyeballs fall in sleep supine  
Yet always will their life regain.

Mắt huyền đẹp hay mắt xanh yêu dấu  
 Mắt mở tròn soi thấu cõi bình minh  
 Bên bờ kia ngoài dãy nấm mồ xanh  
 Mắt tuy khép vẫn còn trông thấy mãi. ■

Traduit par Lý Lăng Nhân  
 24 Août 2002

Blue, black, all beautiful and loved,  
 And open to some dawn behold,  
 Beyond the grave the eyes beloved  
 That death has closed will never fold. ■

Translated by Thomas D. Le  
 13 August 2002

***TDL***

Updated 26 July 2023

### Bibliography

Age of Enlightenment. (2023, May 25). In *Wikipedia*. Retrieved May 25, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Age\\_of\\_Enlightenment](https://en.wikipedia.org/wiki/Age_of_Enlightenment)

Arthur Schopenhauer. (2023, June ). In *Wikipedia*. Retrieved July 23, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Arthur\\_Schopenhauer](https://en.wikipedia.org/wiki/Arthur_Schopenhauer)

Art for Art's Sake. (2023, February 22). In *Wikipedia*. Retrieved May 20, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Art\\_for\\_art%27s\\_sake](https://en.wikipedia.org/wiki/Art_for_art%27s_sake)

Art for Art's Sake. (2023, July 11). *Art in Context*. Retrieved July 20, 2023 from <https://artincontext.org/art-for-arts-sake/>

Art for Art's Sake: Our Blessing and Our Curse. (2010, October 29). *Finearteblogs's Blog*. Retrieved July 24, 2023 from <https://finearteblogs.wordpress.com/2010/10/29/art-for-arts-sake-our-blessing-and-our-curse/>

Committed literature. (2023, April 16). In *Wikipedia*. Retrieved July 25, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Committed\\_literature](https://en.wikipedia.org/wiki/Committed_literature)

Fountain (Duchamp). (2023, July 20). In *Wikipedia*. Retrieved July 26, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Fountain\\_\(Duchamp\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Fountain_(Duchamp))

Le Parnasse. (n.d.). Retrieved July 18, 2023 from <https://www.site-magister.com/parnasse.htm>

Modernism. (2023, July 17). In *Wikipedia*. Retrieved July 25, 2023 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Modernism>

- The Nobel Prize in Literature 1901. NobelPrize.org. (n.d.) .Nobel Prize Outreach AB 2023.  
Retrieved July 18, 2023 from <https://www.nobelprize.org/prizes/literature/1901/summary/>
- Orwell, G. (2008). *All Art Is Propaganda*. [eBook edition]. Mariner Books / Houghton Mifflin Harcourt .  
Retrieved August 3, 2023 from  
<https://pdfdrive.to/filedownload/all-art-is-propaganda-critical-essay>
- Parnassianism. (2023, April 13). In *Wikipedia*. Retrieved May 20, 2023 from  
<https://en.wikipedia.org/wiki/Parnassianism>
- Renaissance Art – Europe’s Cultural Rebirth,(2023, April 4). *Art in Context*. Retrieved July 20, 2023  
from <https://artincontext.org/renaissance-art/>
- Scientific Revolution. (2023, May 6). In *Wikipedia*. Retrieved June 2, 2023 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Scientific\\_Revolution](https://en.wikipedia.org/wiki/Scientific_Revolution)
- Souriau, M. (1929). *Histoire du Parnasse*. [eBook edition] Editions Spes. Retrieved July 25, 2023  
from <https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k33808520#>
- Spector, N. (2017, August 17). Maurizio Cattelan’s Golden Toilet in the Time of Trump, *Guggenheim*.  
Retrieved July 23, 2023 from  
<https://www.guggenheim.org/blogs/checklist/maurizio-cattelans-golden-toilet-in-the-time-of-trump>
- Sully Prudhomme. (2023, ). In *Wikipedia*. Retrieved May 20, 2023 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Sully\\_Prudhomme](https://en.wikipedia.org/wiki/Sully_Prudhomme)
- Sully Prudhomme Biographical. (n.d.). *Sully Prudhomme – Biographical. NobelPrize.org. Nobel Prize Outreach AB 2023*. Retrieved July 23, 2023 from  
<https://www.nobelprize.org/prizes/literature/1901/prudhomme/biographical/>
- Surrealism.( 2023, July 11). In *Wikipedia*. Retrieved July 25, 2023 from  
<https://en.wikipedia.org/wiki/Surrealism>
- Symbolism. (2023, July 23). In *Wikipedia*. Retrieved July 25, 2023 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Symbolism\\_\(arts\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Symbolism_(arts))
- Théophile Gautier. (2023, April 8). In *Wikipedia*. Retrieved May 20, 2023 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A9ophile\\_Gautier](https://en.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A9ophile_Gautier)

## ĐỜI ĐI DẠY TẠI CANADA: Những năm đầu & Con đầu lòng

### Đàm Trung Phán

*(Lời người viết: Tất cả các nhân vật trong bài viết này và những bài viết kế tiếp là có thật nhưng không đúng họ và tên)*

**T**háng 4 năm 1970, một hãng “Consulting engineering firm” tại Canada đã cho tôi công việc đi kiểm mỏ tại Manitoba. Tôi rất mừng vì đã nằm dài ở nhà để đi kiếm việc cả mấy tháng trời. Ông kỹ sư trưởng (Chief Engineer) gọi điện thoại cho tôi, báo tin rằng tôi cần phải “đi shopping” với ông ta. Tôi ngay thơ hỏi:

- Đi shopping để mua gì, thưa ông?
- Để mua quần áo đặc biệt cho anh vì ở bên Manitoba có khi lạnh lắm!
- Lạnh đến bao nhiêu độ?
- Trừ 50 độ F, anh à.

Thú thực là chưa bao giờ tôi nghe nói đến -50 độ F, nhưng tôi biết lạnh lắm. Hai vợ chồng son mới lấy nhau được một năm và tôi đã hứa với vợ là hai đứa sẽ sang Canada lập nghiệp và luôn luôn ở bên nhau. Nay mỗi đứa mỗi nơi ở hai chỗ xa lạ và lúc đó tại thành phố Toronto chỉ mới có chừng 50 người Việt mà thôi. Nhìn thấy ánh mắt không vui của vợ, tôi đành phải viết thư không nhận cái job này mặc dù rằng tôi thừa biết kiếm được việc làm của một kỹ sư công chánh tại “miền đất hứa” này không phải là dễ.

May mắn thay, vài tháng sau, tôi được Centennial College, một Đại Học Cộng Đồng tại Toronto thuê tôi trông coi và dạy trong các phòng thí nghiệm của Ngành/Trường Công Chánh (Civil Engineering Technology Department) để rồi vài năm sau tôi sẽ trở thành một Giáo Sư thực thụ dạy các môn Công Chánh khác. Thực sự ra trong thâm tâm, tôi không bao giờ có ý định đi dạy học giống như thân phụ chúng tôi: lúc nào cũng phải lo soạn bài, chấm bài, cộng điểm...

Thôi thì, ít nhất bây giờ tôi cũng có công ăn việc làm, không còn phải nằm dài mà đọc báo, đi kiếm việc, nấu ăn và chờ vợ đi làm về rồi cùng nhau ngồi ăn nữa.

Ngày đầu tiên, tôi đến trường rất sớm và phải đợi trước cửa văn phòng của ông Chairman (Giáo Sư Trưởng Phòng) của Department. Bà thư ký già đến sau tôi vài phút. Sau khi tôi tự giới thiệu, bà biết tôi là ai ngay và trao cho tôi chìa khóa để vào phòng thí nghiệm của Department ở phía ngoài cái “main building” xây cất rất kiên cố (ngày xưa là nơi sản xuất súng đạn của Canada vào hồi Đại Chiến Thứ Hai). Và bàn giấy của tôi cùng với năm vị giáo sư khác lại ở trong một cái “portable” (căn nhà này có thể dời đi chỗ khác được).

Thay vì làm việc trong văn phòng này, tôi vào ngay trong phòng thí nghiệm vật liệu xây cất (Construction Materials Lab) trước để bắt đầu làm việc. Sao mà nó bừa bộn đến thế!

Trong khi làm việc này, trong đầu tôi lại lóe ra rất nhiều việc khác cần phải thu xếp cho xong càng sớm càng tốt. Khoảng 10 giờ sáng, ông Chairman John McKnight xuất hiện và “welcome” tôi. Ông cho tôi biết phải làm cho xong những việc cần thiết nhất trước khi nhà trường bắt đầu dạy trong niên khóa mùa Thu (Fall Semester), chỉ hai tuần sau đó.

Ông mang tôi sang cái “portable office” để giới thiệu với Ban Giảng Huấn của trường Công Chánh: Ông George Sand, ông Tom Transit, ông Sharad Kali, ông Thomas Skip (thay thế ông GS Don Kennedy đã kiếm được việc dạy học trong một college khác), ông Rick Chan để họ biết tôi sẽ giúp họ trong những môn học nào trong niên hai khóa Mùa Thu 1970 (Fall Semester) và Mùa Đông 1971 (Winter Semester).

Tôi cảm thấy rất vui khi gặp các đồng sự đàn anh này và nhất là cái viễn vọng được cùng làm việc với họ, không những chỉ cho Mùa Thu năm đó mà còn từ năm này qua năm khác nữa. Trừ ông Tom Transit là một Địa Chánh Chuyên Nghiệp (Licensed Surveyor), các ông khác đều là Kỹ Sư Công Chánh Chuyên Nghiệp (Professional Engineers) có bằng hành nghề tại Canada với nhiều năm kinh nghiệm đã đi làm tại Mỹ và Canada. Điều này làm tôi thích thú vô cùng vì tôi sẽ học hỏi được từ các vị đàn anh này không những trên phương diện dạy học mà còn trên phương diện nghề nghiệp về Công Chánh tại Bắc Mỹ nữa.

Để chuẩn bị dạy trong phòng thí nghiệm môn Soil Testings (Thử Đất Đá), chính tôi phải thực tập trước các thí nghiệm trong phòng thí nghiệm và đi kiểm các tất cả các dụng cụ xem chúng đang nằm ở đâu để rồi chính tôi phải gom lại rồi cất chúng trong một cái tủ sắt lớn, rồi khóa lại trước khi niên khóa mùa thu bắt đầu. Tôi tốn khá nhiều thì giờ trong công việc này vì chẳng có ai có thể giúp tôi, ngoại trừ ông GS Don Kennedy nhưng mà ông đã chuyển sang một college khác!

Ngày đầu tiên đi vào phòng thí nghiệm để dạy, tôi nơm nớp, lo âu vô cùng: college mới, chưa hề đi dạy học bao giờ, nhỏ con nhất lớp so với các sinh viên Canadian phần lớn là da trắng to con, tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ, nhờ học trò hỏi tôi câu nào mà tôi không giải thích được, và nhờ mà học trò mà quá ồn ào trong lớp thì tôi biết phải làm gì đây...

Sau khi đã phát bài chỉ dẫn (laboratory hand out notes) cho sinh viên, tôi bắt đầu viết trên bảng đen những điều chính yếu họ phải làm trong ngày hôm đó. Trong khi tay phải thì viết bảng, tay trái bỏ trong túi quần vì tôi đang... run!

Lâu lâu tôi hỏi học trò có hiểu tôi nói gì không? Tôi đã nghe ông Sharad Kali cho biết là mùa hè năm 1969, một ông giáo sư gốc Tàu đã bị sa thải vì nói tiếng Anh không vững và học trò không ưa ông ta làm cho tôi càng lo thêm.

Tuần đầu, rồi tuần thứ nhì qua đi mà tôi “vẫn chưa bị làm sao hết”. Tay trái của tôi ra khỏi túi quần lúc nào không hay... Hết run rồi!!! Hai tay bắt đầu vung vít để rồi còn... pha trò với học trò nữa.

Bắt đầu cảm thấy an tâm nhưng công việc vẫn còn quá nhiều và đêm nào tôi cũng còn phải ở lại trong phòng thí nghiệm để tự mình đi kiểm dụng cụ, và thực tập các phần thí nghiệm khác cho những tuần sau đó... Tôi lại còn phải tự mình viết ra cách sử dụng các dụng cụ, phân trình bày các con số dữ kiện (experimental data), cách trình bày các đồ thị (graphical plotting) cho sinh viên, rồi làm toán... để rồi còn nhờ bà thư ký già đánh máy dùm tôi... Sau đó, lại còn phải đọc lại các văn kiện đã được đánh máy để sửa lại những phần nào đánh máy sai hay tôi vẫn còn trình bày chưa thật rõ ràng.

Có phải viết cách làm thí nghiệm cho thật đúng để tránh cái vụ học trò phàn nàn vì họ hiểu lầm phần “lecture notes” của tôi. Lo nhất là phần “probation period” (thời kỳ “tập sự” trong hai năm đầu) của tôi đối với nhà trường. Ban Giảng Huấn và Ban Thủ Dụng Nhân Viên (Human Resources) của



nhà trường có quyền “fire” (cho các giáo sư nghỉ việc) trong vòng hai năm đầu nếu các giáo sư (faculty) bị sinh viên than phiền về lối giảng dạy và cách cư xử của họ với sinh viên. Trong niên học mùa Thu và mùa Đông (Fall Semester, Winter Semester) người viết vẫn phải liên tục làm thí nghiệm, soạn bài cho hai môn Soil Testings (Thử Nghiệm Đất Đá), Cements and Concretes (Thử Nghiệm Xi Măng, Bê Tông, nghệ thuật trộn Bê Tông), rồi viết lại cách làm thí nghiệm rất tốn thì giờ, nhờ bà thư ký đánh máy, soát lại bài viết trước khi đem in.

Có nhiều đêm, tôi thường hay mơ ngủ trở về lại hồi còn đang đi làm cho chính quyền Úc của tiểu bang New South Wales. Thật là vui: cả một tầng lầu chứa đầy các draftsmen (họa viên), các design engineers (kỹ sư thiết kế) và các ông Sếp (bosses) cao cấp. Cứ 2 tuần một lần, chúng tôi được phát lương bằng tiền giấy, tiền xu và chúng tôi chung tiền để mua vé xô số do Sydney Opera quản trị. Bao nhiêu người thường ước mơ trúng số độc đắc và cá nhân người viết cũng đã mơ ước để có dịp được đi vòng quanh thế giới. Làm việc thật là nhàn hạ, không bị thôi thúc như khi đi làm tại Centennial College. Đã vậy, lại còn được trả lương khá cao so với vật giá bên Úc thời bấy giờ.

Cũng có đêm, tôi còn nằm mơ thấy đang hăng say làm việc trước khi đi ăn trưa tại Circular Quay, Sydney... Nhưng mơ vẫn chỉ là mơ mà sự thực là tôi đang phải phấn đấu triệt để, để mà còn sống sót trong hai năm đầu trong nghề dạy học. Fall Semester qua đi, tôi không bị sinh viên than phiền, mà tôi còn cảm thấy rất vui trong lớp với sinh viên nữa. Thầy trò bắt đầu đùa rỡ với nhau.

Sang đến Winter Semester 1971, tôi vẫn còn phải ngồi viết “lecture notes” cho phần thực tập trong lớp. Phần lý thuyết của môn “Cements and Concretes” vẫn do ông Thomas Skip phụ trách dựa theo phần thực hành của tôi, giống như môn “Soil Testings” do ông ta và tôi đã phụ trách: ông dạy phần lý thuyết 2 tiếng cho cả lớp trong khi tôi dạy phần thực tập 2 tiếng trong 2 lần khác nhau mỗi tuần. Ông là một kỹ sư chuyên nghiệp về bộ môn Cầu Đường (Roads and Streets), ông được mượn để thay thế ông Don Kennedy đã đổi sang một college khác vì ông ta và ông Chair “không hợp tính” nhau.

Năm sau, Ông Thomas Skip xin nghỉ việc vì ông ta đã kiếm được việc làm với lương cao về Cầu Đường trong một hãng “Consulting Engineering firm” vào mùa hè năm 1972. Ông Chairmann John McKnight đã tự ý tuyển lựa ông Shaukat Alum đang học năm đầu của Ph.D về ngành Soil Mechanics tại Đại Học Toronto để thay thế ông Thomas Skip. Đây là một lỗi lầm tai hại cho ông Chair-man và cả Civil Department chúng tôi về sau này. Ông Ali tuy thông minh nhưng lại lười mà lại không có kinh nghiệm nghề nghiệp ngoài đời cũng như về giảng dạy... Department của chúng tôi được mệnh danh là “Department of Immigrants” vì trong số tất cả có 7 “teaching staff” thì chỉ có ông McKnight và Tom Transit là sinh quán tại Canada mà thôi.

Tuy rằng nền kinh tế của Canada bắt đầu đi xuống trong đầu thập niên 1970, các Colleges của tỉnh bang Ontario vẫn còn nhận được ngân sách khá hậu hỷ từ “Ministry of Colleges and Universities” (MCU – Bộ Đại Học và Đại Học Công Đồng). Trong 3 năm liên tục (1970, 1971, 1972), ngân quỹ để mua dụng cụ của trường Công Chánh chúng tôi còn chưa tiêu hết tiền. Cuối tháng Hai, ông Chairman thường nhắc tôi:

- Department của mình còn dư khá nhiều tiền đó anh. Tôi nhờ anh kiếm thêm những dụng cụ để dạy các môn Statics (Tĩnh lực học trong ngành kỹ thuật), Applied Mechanics (Cơ học ứng dụng), Soil Testings (Thử đất đá), Soil Mechanics (Cơ học đất đá), Cements and Concretes Testing (Thử xi măng và bê tông), Hydraulics (Thủy động học)... Anh nhớ liên lạc với các công ty bán dụng cụ để lấy giá cả của các dụng cụ... Nếu anh thấy dụng cụ nào vừa ý anh, anh nộp ngay cái “order form” cho bà thư ký

để bà ta đưa cho tôi ký ngay tức thì. Nếu mình không tiêu hết tiền năm nay, sang năm College sẽ giảm ngân quỹ của mình...”

Đầu năm 1974, tôi còn nhớ lần đầu tiên nhìn thấy mấy cái “hand held calculators” có cả sine, cosine... Trước đó, trong bộ môn Địa Chấn (Surveying), chúng tôi đã phải tự ý dùng cái “7 figure table for Trigonometry” để mà cộng- trừ- nhân- chia mỗi khi làm toán. Lúc đó, sau 2 giờ học và làm toán bằng cái slide rule (“máy tính” của dân Kỹ Sư) và tự ý phải làm cộng, trừ, nhân, chia, tôi thấy váng cái đầu. Nay nhờ có cái “hand held calculator” này, chúng tôi làm toán rất nhanh và chính xác, không còn đau đầu gì nữa, thoải mái vô cùng. Được ông Chair báo cho biết Department còn tiền, tôi đặt mua ngay 7 cái hand held calculators để ông Chairman và mỗi nhà giáo chúng tôi được một món quà quý trời cho này (a gift from God). Vui thú vô cùng nhất là khi chúng tôi cộng điểm cho sinh viên vào cuối học kỳ.

Tôi làm quen được với một số các “salesmen” và nhờ vậy mà chúng tôi có đủ các loại “catalogues” để mua sắm đồ. Vật dụng nào thấy ưng ý, tôi hỏi các salesmen về giá cả ngay tức thì. Đôi khi họ còn đến đón tôi ngay tại College rồi đưa đến hãng của họ để tôi tìm hiểu thêm về các dụng cụ này nữa. Sau đó, tôi hỏi ý kiến của 5 vị giáo sư kia trước khi tôi quyết định. Nếu họ thuận, tôi chỉ cần điền vào cái “requisition form” rồi đưa ngay cho bà thư ký để ông Chairman ký. Thế là xong và đợi ngày máy móc được mang tới.

Sau khi đã “làm quen” với công việc nhà trường, tôi cảm thấy vui vẻ với đời sống hàng ngày mỗi khi đi làm. Cuộc sống trong những năm đầu của thập niên 1970 của cặp vợ chồng son chúng tôi thật là dễ chịu trên phương diện tài chánh vì cả vợ lẫn chồng cùng có công ăn, việc làm.

Đầu năm 1971, hai vợ chồng son đi mua một chiếc xe Ford Maverick 6 cylinders (tương đương như chiếc xe Toyota Camry bây giờ) màu xanh đậm. Sau khi trả thuế xong, giá tiền của chiếc xe là 3,200.00 Gia Kim. Xăng giá khoảng 9cents/1 lít. Tem gửi trong Canada mất khoảng 5 cents. Cặp vợ chồng son bắt đầu rủ nhau đi ăn cơm tàu để nhớ lại cái hồi mới tới Canada: cơm rau, cơm dưa 7 ngày một tuần. Mùa xuân 1972, đôi trẻ bắt đầu đi kiếm nhà và sẵn sàng có con đầu lòng vào mùa thu năm đó.

Lúc bấy giờ, một căn nhà mới xây xong có 3 phòng ngủ, chỉ phải trả khoảng 40,000.00 - 45,000.00 Gia Kim (Canadian Dollars) tại một “subdivision” (khu nhà ở) mới của Toronto. Chúng tôi không dám mua nhà mới vì đường xe bus chưa đến các “subdivisions” này. Chúng tôi kiếm nhà cũ nhưng tiện đường đi xe bus. Thế rồi hai vợ chồng cùng ưng ý và mua một căn nhà xây khoảng 20 năm trước đó, tại vùng ngoại ô mang tên Scarborough. Chúng tôi thích nhất: nhà có 2 cây hoa anh đào Bắc Mỹ (North American cherry blossoms) màu đỏ đậm rất đẹp mà đằng sau vườn lại là khu đất “green belt” có đường giây điện cao thế và trong khu đó còn có một khu rừng nhỏ không có ai được phép xây cất. Nhà có 3 phòng ngủ, đất rộng 45ft x 125ft, khá khang trang và đôi uyên ương phải trả có 31,500.00 tiền Canadian hồi đó.

Khi viết những giòng chữ này, tôi ngồi làm một con tính nhằm để so sánh vật giá của hồi năm 2022 với hồi năm 1972:

- . Xăng: lên giá gấp 16 lần
- . Xe hơi: lên giá gấp hơn 10 lần
- . Nhà cửa: lên giá gấp 30 lần.

. So sánh lương đi làm năm 2022 với năm 1972: lương của người đi làm năm 2022 được tăng khoảng 5 tới 6 lần nhưng mà lương càng cao, chính quyền đánh thuế càng nhiều. Tiền để dành sau khi trừ thuế càng ít đi thì làm sao mà người mới đi làm có thể mua nhà dễ dàng được, ngay cả nếu cả 2 vợ chồng cùng đi làm.

Hè năm 1972, tôi có bằng hành nghề Kỹ sư (Professional Engineer, P.Eng.) tại tỉnh bang Ontario vì tôi đã làm việc được 2 năm tại Canada. Phải cần có bằng hành nghề này, để lỡ sau này tôi phải đi kiếm việc làm Kỹ sư tại Toronto ... cho chắc ăn!

Trong 3 năm đầu của tôi tại College, ông Chairman thường hay ghé vào cái “Soil Lab” để bàn với tôi những việc cần phải làm trong ngày. Thấy tôi mới mua xe, ông căn dặn tôi:

– Young Fellow, anh phải nhớ để một cái xẻng trong xe để xúc tuyết cùng với một vài thứ đồ hộp, đồ ăn khô không bị thiu, nước lạnh, một cái chăn, và quần áo lạnh để mặc thêm. Cần có nhiều giấy báo, sách cũ và bật lửa để đốt lên nếu mà xe của anh bị hỏng trong lúc mùa đông.

Những lúc rảnh, ông còn kể cho tôi nghe đời sống của ông khi ông hãy còn trẻ. Ông nói:

– Tôi thấy thương cho lớp tuổi của anh và của con trai lớn của tôi. So ra, lớp tuổi của tụi tôi sướng hơn các anh bây giờ rất nhiều. Tiền lương kỹ sư của tôi hồi đó khá cao, nhà rất rẻ, rất đẹp. Tiền xăng, tiền đồ ăn chẳng tốn gì nhiều cho lắm. Cả đời chỉ một mình tôi đi làm mà đời sống gia đình của tụi tôi rất sung túc.

Sau hơn một năm đi dạy, tôi cảm thấy vững bụng vì tôi không bị học trò làm khó dễ và không thấy ông Chair hay nhà trường than phiền gì hết. Tôi cảm thấy an tâm nhưng vẫn còn phải làm việc vất vả, nhất là phần soạn bài. Tôi phải cố gắng để mà làm cho đầu ra đó. Sinh viên phải tự cảm thấy họ học hành dễ dàng vì họ hiểu được hết phần bài vở theo lối dạy của tôi. Qua được năm đầu, tôi thở phào.

Chương trình Công chánh (Civil program) của chúng tôi gồm có 2 bộ môn chính:

- Structures: Cấu trúc, thiết kế (design)
- Public works: Công trình xây cất và bảo trì của những dự án (project design and maintenance)

Chương trình học này có thể kéo dài

- 2 năm: cấp Cán sự (Technicians)
- 3 năm: cấp Cán sự cao cấp (Technologists)

Sau khi ra trường, sinh viên có thể gia nhập nghiệp đoàn (OACETT viết tắt từ chữ Ontario Association of Certified Engineering Technicians and Technologists).

Năm đầu là năm “Common First year”, có nghĩa là năm học chung cho tất cả các sinh viên của trường Công Chánh gồm có các môn: Toán, Vật Lý, Anh Văn, Thử Đất (Soil Testings), thử Xi Măng và Bê Tông (Cements and Concretes), Vẽ kỹ nghệ (Drafting), Thực Tập Địa Chánh (Field Surveying), các môn Địa Chánh (Surveying), Công Chánh Đại Cương (Introduction to Civil Engineering Technology), Tĩnh Lực Học (Statics), Cơ Học Áp Dụng (Applied Mechanics)... trong hai niên khóa Mùa Thu và niên khóa Mùa Đông. Môn Toán do trường Toán (Math Department) dạy. Môn Vật Lý do trường Vật Lý (Physics Department) dạy. Môn Anh văn do trường Anh văn (English Department) dạy.

Suốt thập niên 1970-1980, các trường Cao Đẳng tại Ontario và nghiệp đoàn Giáo Sư (Faculty Association) chưa có quy luật rõ ràng mỗi giáo sư phải dạy bao nhiêu tiếng trong một tuần. Các môn như Anh Văn, Toán, các môn nhiệm ý (electives), nhà trường có thể bắt giáo sư dạy 30-40 sinh viên trong một lớp vì các sinh viên này không phải làm thí nghiệm. Lấy một thí dụ: Trong phòng thí nghiệm, môn thử Đất Đá (Soil Testings) và môn thử Xi Măng-Bê Tông (Cements & Concretes), chúng tôi chỉ có thể dạy 16-20 sinh viên trong vòng 2 tiếng thực tập mà thôi vì chúng tôi không có đủ ngân sách để mua dụng cụ cho mỗi sinh viên. Chúng tôi phải chia ra nhóm (mỗi nhóm có 4 hay 5 sinh viên). Phần “general lecture” (phần đại cương) chúng tôi có thể dạy 30-50 sinh viên trong một lớp. Vì vậy, các môn học có phần thực tập, hầu như tốn tiền gấp đôi so với các môn học khác: không những Collegedã tốn tiền vì dạy ít sinh viên hơn trong một lớp so với các môn học khác mà còn phải mua dụng cụ và vật liệu để làm thí nghiệm nữa.

Cũng vì lý do này mà người viết đã phải “dậm chân tại chỗ” trong nhiều năm trên phương diện lương bổng... (Người viết bị ở thế kẹt vì số sinh viên trong Department quá ít ỏi, trong khi đó chúng tôi có tất cả 6 người trong ban giảng huấn kể cả ông Chair McKnight. Trên phương diện hành chánh (budgeting), ông Chair tự ý quyết định Phan Dam (PD) là một “support staff” để trả tôi ít lương hơn so với các vị giáo sư kia trong khi PD còn dạy nhiều giờ hơn vài vị đàn anh nữa. Vì có rất nhiều vấn đề trong phạm vi phân chia giờ giấc cho các giáo sư không đồng đều cho nên năm 1984, tất cả các giáo sư của 22 trường trong tỉnh bang đã đình công trong 3 tuần lễ liên vì Nghiệp Đoàn Giáo Sư (Faculty Association) muốn các colleges phải cải tổ lại phân giờ giấc, mỗi “Lecture” có bao nhiêu sinh viên, mỗi “Laboratory session” có bao nhiêu học trò, giờ giấc chấm bài và soạn bài của mỗi giáo sư ra sao để tránh cãi vụ “overwork” cho nhà giáo chúng tôi.

Giữa tháng 5, 1971, sau khi chúng tôi dạy xong niên khóa Mùa Đông (Winter semester), tôi thấy nhẹ nhõm vì đã bắt đầu làm quen với công việc và nhất là từ giữa tháng Năm cho tới đầu tháng Chín, các giáo sư không còn phải dạy học vì sinh viên đang nghỉ hè hay đi làm trong mùa hè. Tôi thấy đỡ vất vả hơn nhiều. Hai vợ chồng son chúng tôi lái xe đi thăm rất nhiều nơi, nhất là đi thăm thác Niagara Falls... Mùa Xuân quá đẹp, chúng tôi đi mua một cái “folding bicycle” (xe đạp có thể gấp lại được rồi bỏ vào thùng xe hơi để đi chơi xa). Tôi thích nhất là đi xe đạp để ngắm hoa, nhất là hoa anh đào đang nở trong vườn nhà người ta... Nhìn cảnh đẹp và người Canadians sống hạnh phúc, hai vợ chồng son thấy nhớ gia đình vì chúng tôi chưa hề biết mặt được gia đình bên nhà chồng và gia đình bên nhà vợ còn đang sống ở Vietnam.

Chúng tôi nghĩ ngay đến việc mua nhà và có con sớm để tự tạo hạnh phúc cho gia đình lứa đôi.

Hai vợ chồng đọc báo, đi xem những nhà đang xây, xem đường xe bus đi để lựa chọn nên mua nhà chỗ nào để sau này con cái, bố mẹ đi học, đi làm cho tiện.

Thằng cu ra đời, thật bụ bẫm, dễ thương. Cả bố lẫn mẹ vừa hạnh phúc mà lại vừa thương nhớ gia đình bên Việt Nam. Chỉ còn biết chụp hình đứa con đầu lòng để gửi về cho ông bà ngoại, ông nội và các anh chị em mà thôi.

Mỗi lần ẵm con, nhìn vào khuôn mặt ngây thơ của con, tôi thường nghĩ đến cha già đang mong ngóng tôi và muốn được xem mặt đứa cháu nội của cụ.

Nếu không có vụ di cư 1954, giờ này (năm 1972) có thể tôi đang là một Bác sĩ đang làm việc tại Hà Nội hay tại Pháp vì bố mẹ chúng tôi đã có nhà cửa, ruộng vườn tại Bắc Ninh và một căn nhà ở Hà Nội. Hai cụ có đủ tiền bạc để nuôi cho tôi ăn học cho đến nơi đến chốn. Tôi chỉ ước mong được đi học Y khoa để chữa bệnh cho người đời mà thôi. Vào Nam, hai cụ khánh kiệt, rồi mẹ tôi qua đời quá sớm để rồi tôi không có thể trở thành Bác sĩ vì thân phụ không những là một nhà giáo đã về hưu mà còn phải “gà trống nuôi con” nữa.

Bây giờ tôi đã có công ăn, việc làm, lại còn có con trai đầu lòng. Đây là lúc tôi có thể trả ơn cha già bằng cách giúp cụ, giúp em trai tôi tiếp tục giấc mộng Y Khoa của tôi. Phải đợi đến thập niên 1980, nhất là sau biến cố 30/4/1975, giấc mộng đó mới thành sự thực (giấc mộng Y Khoa của chú em út và của tôi) đã thành hình tại cái miền đất hứa, Canada đất lạnh tình nồng này.

Năm 1973, mẹ thẳng cu bắt buộc phải đi làm trở lại. Ngày đầu tiên, hai vợ chồng mang con nhỏ đến cho bà giữ trẻ (baby sitter). Mẹ cháu phải lấy xe bus đi làm ngay. Tôi không thể bỏ đi làm ngay được vì còn nghe thấy tiếng con mình khóc nhiều quá. Rồi cũng phải lái xe đến trường, trong đầu chốc chốc nghe thấy tiếng con mình vẫn còn đang khóc vì nhớ bố mẹ.

Rồi thời gian qua đi, mọi việc thấy bắt đầu ổn định. Công việc nhà trường không còn làm tôi quá phải bận bịu nữa. Và tôi bắt đầu thấy cái “phúc lợi” (fringe benefits) của cái “nghịệp” dạy học này: không phải đến trường đúng 8:30 sáng trừ khi tôi phải có lớp dạy quá sớm. Thường thì tôi phải vào lớp lúc 10:30 sáng, rất tiện cho việc đưa con đến nhà bà trông con (baby sitter). Lại còn hên nữa: chừng khoảng 3:30 chiều là tôi dạy xong. Đón con lúc 4:30 chiều để mẹ cháu đi subway rồi lấy xe bus về đến nhà trước khi thẳng cu đói bụng và cho nó ăn. Khi nào thẳng cu bị cảm, cúm, mẹ ở nhà với nó và bố về sớm để cả hai bố mẹ cùng trông con.

Khi thẳng cu đã lớn, sau khi đã xong học kỳ Mùa Đông, tôi không còn phải dạy cho đến tháng 9, tôi thường đến đón con sớm rồi chở con ra các công viên gần nhà để thẳng cu ngồi ghé xích đu. Đây là những lúc mà tôi cảm nhận như mình đang sống trên thiên đàng. Rồi thẳng cu bắt bố dẫn hẳn ra các “Variety stores” (hiệu tạp hóa tại Toronto) để mua nước táo (apple juice) và kẹo bánh. Tối về thẳng cu mách mẹ:

- Bố hư quá vì Bố đã mua “apple juice” và kẹo cho con ăn. Bây giờ răng con đau, mẹ ơi!

Thế là ông Bố được trọng tài cho “thẻ đỏ”! ... Oan ông địa!

Hai vợ chồng son cùng nhau dẫn con đi chơi rồi ghé vào hiệu Tàu ăn bữa cơm tối cùng với nhau. Đôi lúc, khi thấy một gia đình gồm có ông – bà, cha – mẹ cùng các con, cháu cùng đi ăn cơm trong hiệu cơm Tàu, tự nhiên người viết thêm khát có được cha già, em trai út và các anh chị em cùng đi ăn bữa cơm tối với chúng tôi... Buồn ơi, chào mi!

Ông Chairman của Department chúng tôi bắt đầu bị nhà trường làm khó dễ vì vấn đề “budget” (ngân quỹ): số học trò theo học (student enrollment) quá ít mà số giáo sư lại khá nhiều so với các department khác trong Phân Khoa Kỹ Thuật và các Phân Khoa khác.

Ông Chairman bèn “lên kế hoạch”: ông muốn con số sinh viên ghi tên học năm đầu lớn hơn nhiều trong khi vẫn giữ các giáo sư và dạy theo số giờ như thường lệ, Department của chúng tôi phải “recruit” (tuyển mộ) thêm nhiều sinh viên. Ông đến gặp riêng tôi:



– Nay anh Pee Dee, tôi muốn mình có thêm môn môn Asphalts & Asphalt Concretes (Nhựa Đường trộn với đá & cát) và môn Non Destructive Testing (NDT – Thử các vật liệu nhưng không làm hỏng chúng). Trong khi đó Department của mình không thuê thêm nhân viên nữa. Tôi trao cho anh nhiệm vụ này.

Tôi hỏi dồn ông:

– Máy lần trước, ông đã nổi nóng với tôi một cách vô lý. Lỗi là tại mấy vị “senior” của tôi. Ông phải nói với họ chứ, tại sao ông chỉ mang tôi ra mà hạch sách?

– Thì tôi đã nói với họ nhiều lần rồi, trước khi anh bắt đầu làm việc, nhưng họ có bao giờ nghe lời tôi đâu.

– Mà tại sao ông lại hay “dũa” tôi như vậy? Hai môn này rất mới mẻ. Một mình tôi làm, chịu sao nổi. Các ông kia đâu?

– Anh à, sợ dĩ tôi “mài” anh bây giờ vì tôi thấy trong tương lai, anh sẽ còn làm được nhiều thứ khác cho Department mình lắm. Tôi không trông cậy gì được với mấy ông kia...

Tôi giải thích với ông John McKnight: môn Nhựa Đường (Asphalts, Asphaltic Concretes) rất sáng giá và tôi còn có thể liên lạc với Bộ Cầu Đường (Department of Highways), các hãng tư (private Consulting Engineering Firms), các hãng bán dụng cụ và nhờ các nhân viên của Thư Viện nhà trường đi kiếm các tài liệu dùm tôi. Bộ môn NDT liên quan đến phần Điện/Điện Tử (Electrical Engineering, Electronics), phần Vật Lý (Physics), quá rộng lớn, làm sao mà tôi có đủ “bản lãnh”.

Ông đồng ý nhưng ông đề nghị tôi nên đi dự các “meetings” về NDT dưới sự hướng dẫn của Tiến Sĩ Fred Sapienza, đang làm Chairman của Physics Department. May thay, chương trình NDT này bị College từ chối vì vấn đề không có ngân quỹ để mua dụng cụ trong khi đó số sinh viên ghi tên lại ít ỏi.

Cả ông John McKnight và tôi cùng đồng ý: tôi sẽ được nguyên cả năm 1973 để lãnh trách nhiệm soạn thảo tài liệu giảng dạy (Course Outline) môn Asphalts and Asphalt Concretes, mua sắm dụng cụ, tự làm thí nghiệm, đi thăm các phòng thí nghiệm... Một khi mà tôi cảm thấy “khả thi” (feasible, ready), tôi phải báo tin cho ông Chairman biết ngay để ông làm các thủ tục với nhà trường trên phương diện ngân quỹ mua dụng cụ, và viết văn kiện về “Curriculum” (văn kiện giảng dạy môn học) để rồi cả ông Chair và tôi sẽ trình bày trước “Curriculum Committee of the School of Engineering Technology” (Ủy Ban Học Trình của Phân Khoa Kỹ Thuật). Lại một lần nữa, công việc này làm tôi nao núng trên phương diện “content of the course outline” (nội dung giảng dạy của môn học), các tài liệu từ các cơ xưởng công chánh... trong khi các giáo sư đàn anh của tôi không những đã được an nhàn mà họ lại còn được trả lương cao hơn tôi. Đây là “bình đẳng trên phương diện nghe nghiệp”? May mắn là tôi đã linh cảm thấy được cái “nghiệp đi dạy” của mình.

Trong thập niên 1980, cái “nghiệp” đã xuất hiện và tôi không còn “than khóc” gì nữa: tôi chấp nhận nó và cứ thế mà mình tiến bước ... “Mind your own business”, như người Tây Phương thường nói.

Càng ngày tôi càng cảm thấy vui vẻ mỗi khi bước chân vào lớp học và trò chuyện với sinh viên cũng như khi gia nhập những công việc ngoại khóa (extra curricular activities) tại Centennial College.

Chúng tôi chưa muốn kết thúc phần viết về đời đi dạy này vì còn có rất nhiều các câu chuyện khác liên quan đến đời đi dạy sẽ được viết ra trong những bài viết kế tiếp.

Xin hẹn gặp lại. ■

*Đàm Trung Chính*

GS Công Chánh hồi hưu  
Mississauga, Canada  
Dec.25, 2022

## **Làm đẹp cho bài viết #3** **Cách đưa hình ảnh vào bài viết**

**Trương Thiệu Hùng**

Nội dung chính:

Mở đầu

- (1) Cách lấy hình ảnh từ folder Pictures, Online, hay từ một folder nào đó
  - a. Hình ảnh có sẵn để ở folder “Pictures” trong máy tính
  - b. Lấy hình ảnh Online
  - c. Hình ảnh từ một folder nào đó
    - Dùng Highlight, Copy và Paste
    - Dùng “Open with” và Paint
- (2) Dùng Paint để cắt bớt chi tiết của hình ảnh
- (3) Đóng khung hình ảnh
  - a. Dùng Paint để đóng khung hình ảnh
  - b. Đóng khung hình ảnh trong bài viết
- (4) Cách di chuyển hình ảnh
  - 4.1. Di chuyển qua vị trí ấn định
  - 4.2. Di chuyển tới bất kỳ vị trí nào
- (5) Quay hình ảnh một góc theo chiều hay nghịch chiều kim đồng hồ
  - a. Dùng mouse
  - b. Dùng Alt-key
  - c. Dùng Page layout-Rotation
- (6) Dùng Canvas để xếp đặt khi có nhiều hình ảnh
- (7) Kết luận

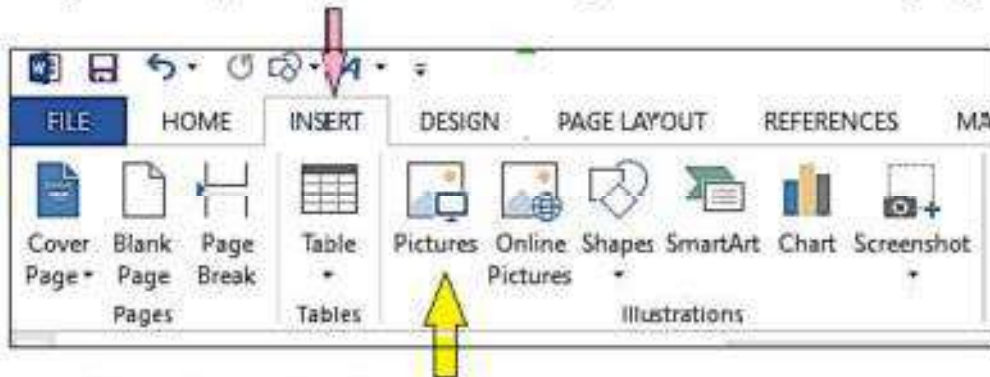
**Mở đầu**

Hình ảnh đẹp đóng vai trò nhất định trong các bài viết. Ngoài tác dụng trang trí và làm đẹp cho bài viết, hình ảnh đôi khi còn phần nào nói lên nội dung của bài viết cũng như tâm ý của tác giả. Vì vậy công việc sắp xếp và làm đẹp các hình ảnh của bài viết cũng rất cần thiết.

Trong bài viết này chúng tôi đề cập tới một số kỹ thuật mà các bạn đã biết qua hay đã quên đi với thời gian. Hy vọng bài viết này sẽ giúp các bạn nhớ lại phần nào những kỹ thuật về hình ảnh khi sử dụng Microsoft Word để viết bài.

**Cách lấy hình ảnh từ folder Pictures, Online hay từ một folder nào đó**

Trong bài viết này ta nói về các cách Insert hay chèn hình ảnh vào trong một bài viết dùng MS-Word.



Ta có nhiều trường hợp:

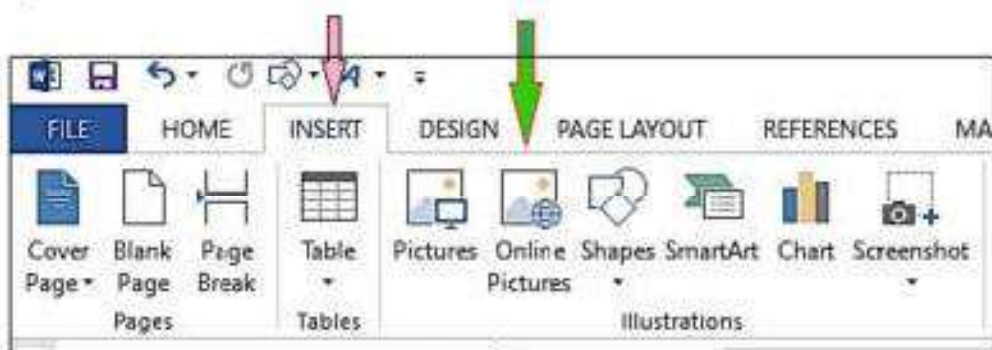
### 1.1. Hình ảnh có sẵn ở trong folder “Pictures” của computer (máy điện toán)

Muốn lấy hình ảnh từ folder Pictures để mang về bài viết ta làm các bước như sau:

- Click vào một vị trí trong bài mà ta muốn insert ảnh.
  - Click Insert
  - Click Pictures
  - Click lên hình ảnh lựa chọn, sau đó nhấn Insert → hình ảnh ở trong folder Pictures sẽ được đưa vào bài viết.
- \* Làm lại các bước trên cho những hình ảnh chọn lựa khác, ta sẽ được nhiều hình ảnh cho bài viết.



## 1.2. Lấy hình ảnh Online



Ta có thể lấy hình ảnh trên online bằng cách sau:

- Click Insert.
- Click “Online Pictures” ta được màn hình mới:



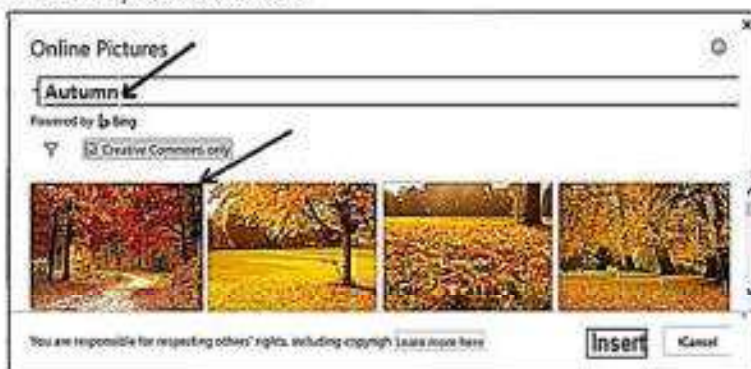
- Click vào “Bing Image Search” hay click vào “One Drive-Personal” ta có thể lấy ra được nhiều hình ảnh.

Ví dụ lấy hình ảnh từ Bing Image:

Sau khi làm các bước a,b và click lên “Bing Image Search” ta được màn hình mới.

Muốn có hình ảnh về mùa Thu, ta đánh chữ Autumn vào khung chữ nhật của Online Pictures, nhấn Enter được một màn hình với nhiều hình ảnh về mùa Thu.

Di chuyển con chuột lên xuống để kiểm hình ảnh. Click lên hình ảnh được lựa chọn, click lên Insert: Hình ảnh về mùa Thu đã được đưa vào bài.



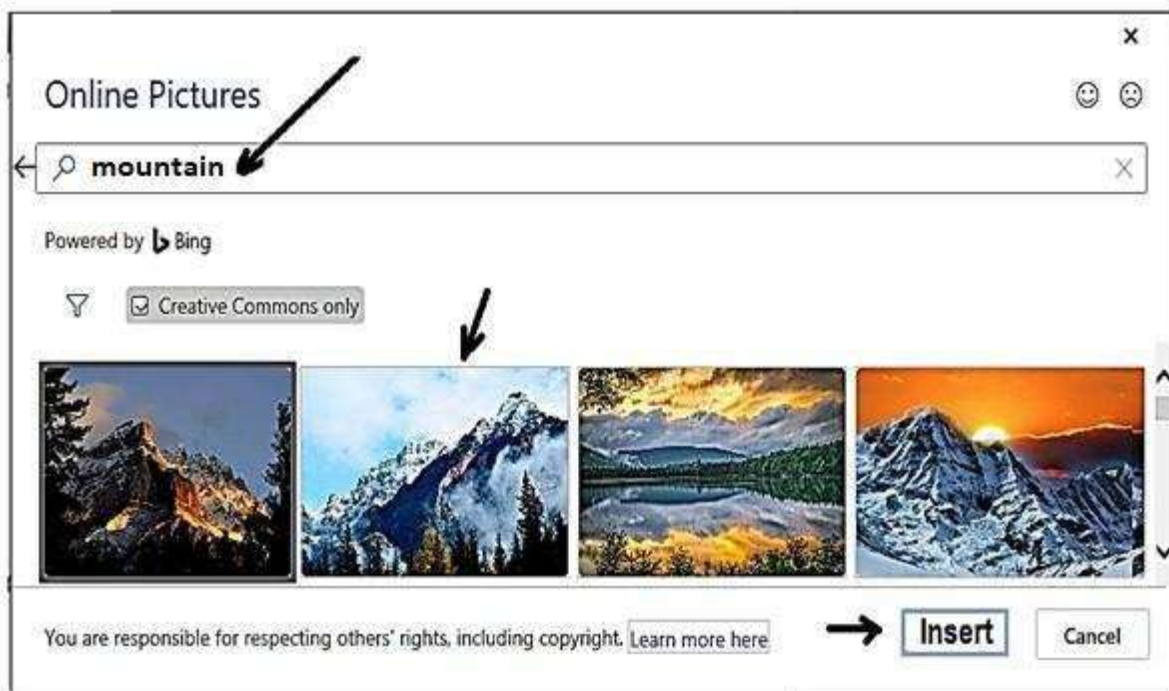




Muốn có hình ảnh núi non, ta đánh chữ Mountain vào khung chữ nhật của “Online Pictures”, nhấn Enter ta được một màn hình mới với nhiều hình ảnh có núi non.

Ta chỉ cần click lên hình lựa chọn, click lên Insert: Hình ảnh sẽ được đưa vào bài viết.

1.3 .



### Hình ảnh từ một folder nào đó

Có 2 cách để lấy hình ảnh từ một folder nào đó.

#### 1.3.1. Dùng Highlight-Copy-Paste

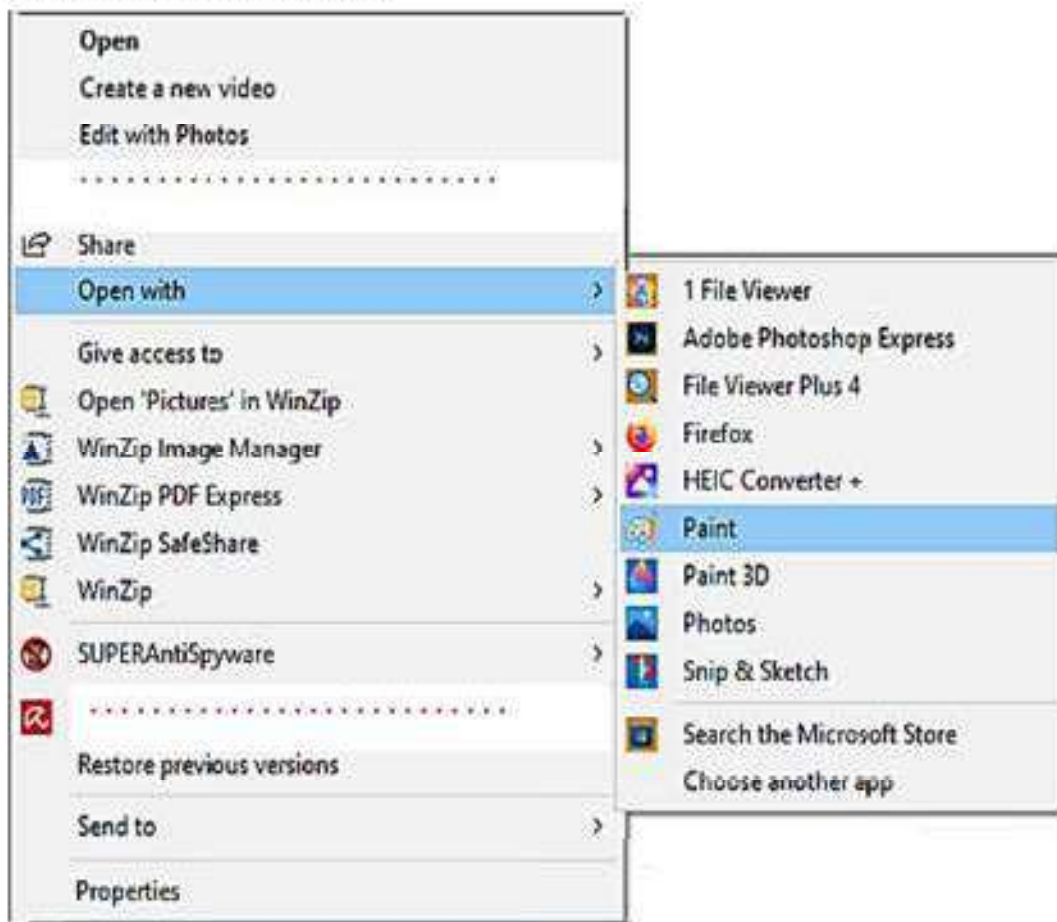
Vào folder đó, tìm hình ảnh thích hợp và right click lên hình này.

Nhấn Ctrl C để copy.



Sau đó trở về bài viết, tìm nơi thích hợp nhấn Ctrl V để paste: hình ảnh sẽ hiện ra trong bài viết.

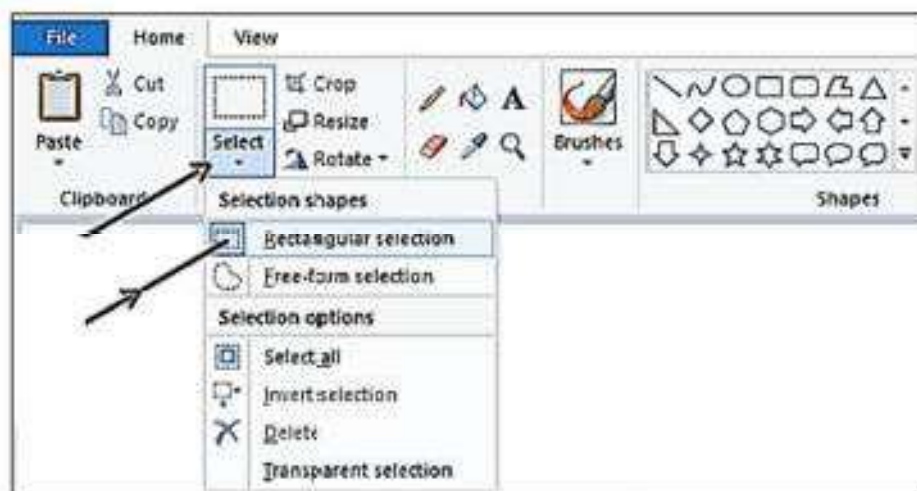
### 1.3.2. Dùng “Open with” và Paint



Right click lên hình ảnh, sau đó move mouse tới “*Open with*”, kéo mouse dờ qua phải hay trái, kéo mouse xuống và dừng lại ở *Paint*. click lên Paint ta được hình ảnh hiện ra trong Paint.

### Dùng Paint để cắt bớt chi tiết không cần thiết

Ở Paint ta có thể cắt bớt kích thước của hình ảnh.



- \* Click trên chữ **Select**
- \* Click lên hình chữ nhật để chọn lựa (Rectangular selection)
- \* Click mouse lên một điểm bên góc trái phía cao của ảnh, và di chuyển mouse để vẽ hình chữ nhật lựa chọn cho ảnh (hình chữ nhật nét gián đoạn).



- \* Nhấn Ctrl C để copy phần lựa chọn.
- \* Trở về bài viết, click Ctrl V để paste (dán) phần hình ảnh đã lựa chọn vào bài viết. Ta được hình ảnh mới như sau:



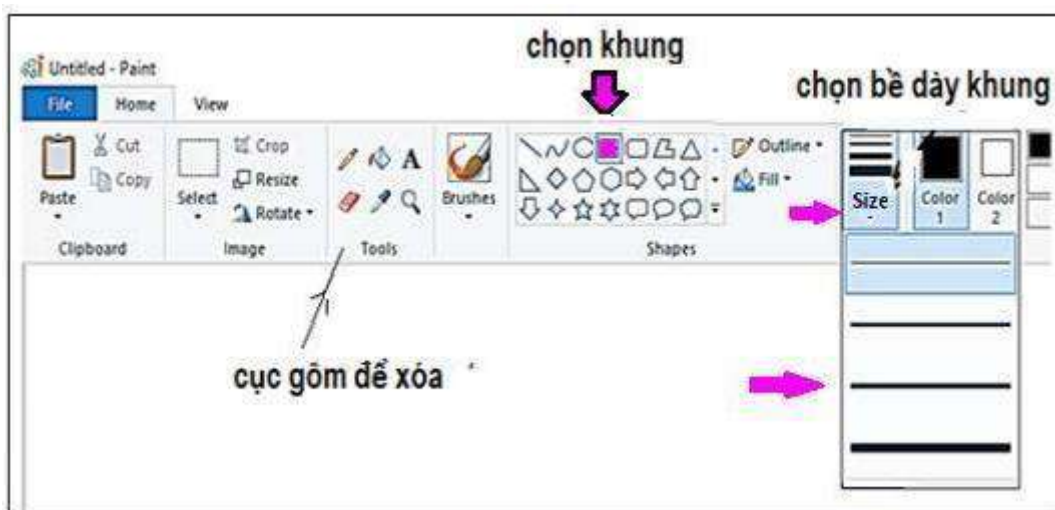


Click mouse vào các vị trí a, b hay c và di chuyển mouse, ta có thể thay đổi kích thước của hình ảnh.

## Đóng khung hình ảnh

Ta có thể đóng khung cho hình ảnh bằng 2 cách:

### 3.1. Dùng Paint để đóng khung hình ảnh



Click Home, click hình chữ nhật (ở Shapes cho khung), click lên Size để chọn bề dày của khung, click lên một size nào đó.

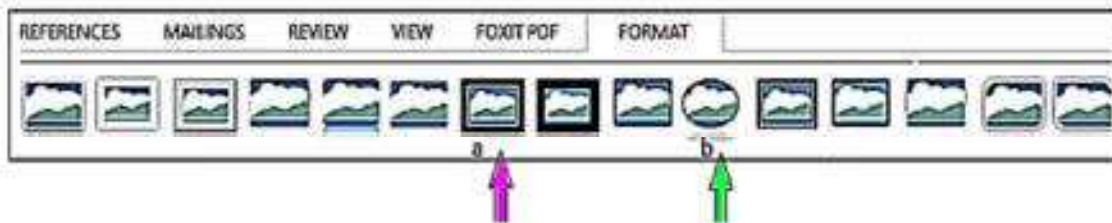
Sau đó di chuyển mouse tới hình ảnh và vẽ đường gianh giới cho hình ảnh, buông tay: Hình ảnh đã được đóng khung. Có nhiều kiểu khung được lựa chọn như: Khung hình chữ nhật, khung hình chữ nhật có góc tròn trịa, khung hình tròn/hình ellipse . . .



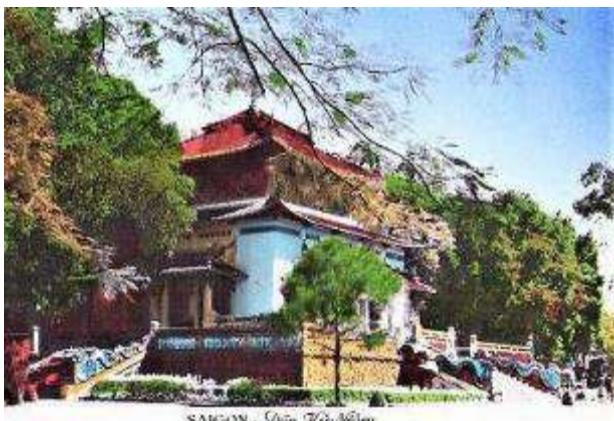
(có thể dùng các công cụ để xóa (Erase) các chỗ dư thừa của hình ảnh nằm ngoài khung)

### 3.2. Đóng khung hình ảnh trong bài viết

Ngay trong bài viết ta cũng có thể tạo khung cho hình ảnh.







### Hình ảnh gốc

Muốn hình ảnh được đóng khung, ta làm như sau:

- Bước 1: Click lên hình ảnh gốc.
- Bước 2: Click Format của Picture Tools.
- Bước 3: Click lên hình (a)  
→ Ta được hình ảnh a nằm trong khung chữ nhật có bề dày màu đen.



Ảnh a



Ảnh b

Làm lại các công việc như trên, nhưng ở bước 3 ta click lên hình b:

- Ta được ảnh b nằm trong một khung hình tròn hay ellipse.

Nếu ta chỉ muốn làm một khung chữ nhật đơn giản có bề dày tùy, ta làm như sau:



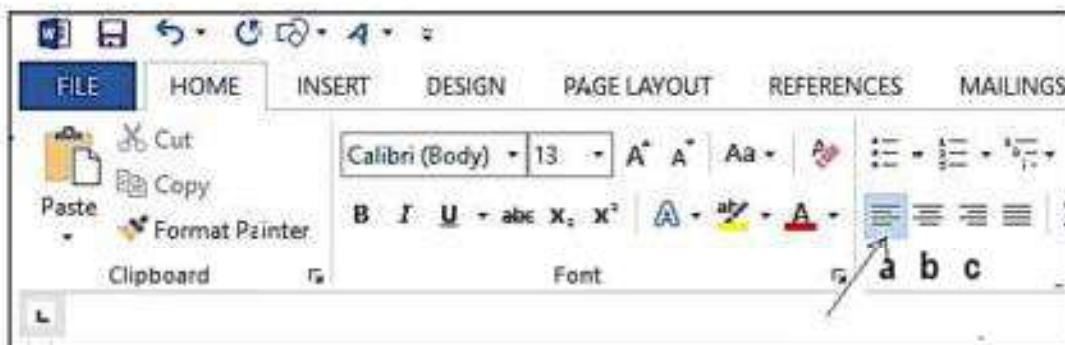
- Click lên ảnh .
- Click Format .
- Click Picture Border .
- Click Weight .
- Di chuyển mouse sang phải để chọn bề dày của khung .
- Click lên 2 1/4 pt (tùy ta chọn lựa số độ dày).

⇒ Ảnh đã được đóng khung bởi bề dày là 2 1/4 points .



#### 4. Cách di chuyển hình ảnh

##### 4.1. Di chuyển qua ba vị trí ẩn định (trái, giữa và phải)



#### Click Home

- Click (a), hình ảnh đưa sang phía trái.
- Click (b), hình ảnh đưa vào giữa.
- Click (c), hình ảnh đưa sang bên phải.

(1)



Click (a)



Click (b)



Click (c)

#### 4.2. Di chuyển tùy ý đến vị trí bất kỳ nào đó của bài viết

Trong cách làm này ta sử dụng tính chất của “Wrap Text”. Ta có thể di chuyển hình ảnh tới mọi vị trí trong bài viết.

Bước 1: Click vào hình ảnh cần di chuyển.



Bước 2: Click vào Format (hay Picture Tools Format).

Bước 3: Click lên Wrap Text, chọn **Tight hay Through**.

Bước 4: Left click lên hình ảnh, giữ mouse và move hình ảnh tới vị trí vừa ý, nhả mouse. Hình ảnh đã được đặt vào vị trí lựa chọn này. Vị trí này có thể chọn bất kỳ, ở bên trái, ở giữa, hay bên phải hay ở ngay giữa bài viết (hình ảnh sẽ có các chữ bao quanh).

Ví dụ ta có hình ảnh sau đây muốn đưa vào đoạn văn.



#### 4.2.1. Đưa hình ảnh vào bên trái trong một đoạn văn

Trong cách làm này ta sử dụng đặc tính chất Wrap Text. Ta có thể di chuyển hình ảnh tới mọi vị trí trong bài viết.

Bước 1: Click vào hình ảnh cần di chuyển

Bước 2: Click vào Picture Tools Format hay Format.



Bước 3: Click lên Wrap Text, chọn Tight hay Through.

Bước 4 Left click lên hình ảnh, giữ mouse và move hình ảnh tới vị trí vừa ý, nhả mouse. Hình ảnh đã được đặt vào vị trí lựa chọn này. Vị trí lựa chọn này có thể là bất kỳ, ở **bên trái**, ở giữa, ở bên phải, hay ở ngay giữa bài viết (hình ảnh sẽ được các chữ bao quanh).

#### 4.2.2. Đưa hình ảnh vào bên phải trong một đoạn văn

Trong cách làm này ta sử dụng đặc tính chất Wrap Text. Ta có thể di chuyển hình ảnh tới mọi vị trí trong bài viết.

Bước 1: Click vào hình ảnh cần di chuyển

Bước 2: Click vào Picture Tools Format hay Format.

Bước 3: Click lên Wrap Text, chọn Tight hay Through.

Bước 4 Left click lên hình ảnh, giữ mouse và move hình ảnh tới vị trí vừa ý, nhả mouse. Hình ảnh đã được đặt vào vị trí lựa chọn này. Vị trí lựa chọn này có thể chọn bất kỳ, ở bên trái, ở giữa hay **bên phải** hay ở ngay giữa bài viết (hình ảnh sẽ được các chữ bao quanh).



#### 4.2.3. Đưa hình ảnh vào giữa trong một đoạn văn

Trong cách làm này ta sử dụng đặc tính chất Wrap Text. Ta có thể di chuyển hình ảnh tới mọi vị trí trong bài viết.

Bước 1: Click vào hình ảnh cần di chuyển

Bước 2: Click vào Picture Tools Format hay Format.

Bước 3: Click lên Wrap Text, chọn Tight hay Through.

Bước 4 Left click lên hình ảnh, giữ mouse và move hình ảnh tới vị trí vừa ý, nhả mouse. Hình ảnh đã được đặt vào vị trí lựa chọn này. Vị trí lựa chọn này có thể chọn bất kỳ, ở bên trái, ở giữa hay bên phải hay o ngay giữa bài viết (hình ảnh sẽ được các chữ bao quanh).



## 5. Quay hình ảnh một góc theo chiều hay ngược chiều quay của kim đồng hồ

### 5.1. Dùng mouse quay hình ảnh một góc nào đó

Click mouse lên hình, phía bên trên của hình ta thấy có một vòng tròn nhỏ

Di chuyển mouse lên vòng tròn, di chuyển mouse từ từ theo chiều quay hay ngược chiều quay của kim đồng hồ ta thấy hình ảnh cũng quay theo.





### 5.2. Dùng Alt-key





Giữ Alt key và nhấn mũi tên ► hay ◀ rồi buông tay, hình ảnh quay một góc  $12.5^\circ$  cho mỗi lần nhấn mũi tên phải hay trái, tâm quay là điểm O nằm bên góc trái cao nhất của hình ảnh.

Alt + ► hình ảnh quay *theo chiều* kim đồng hồ 

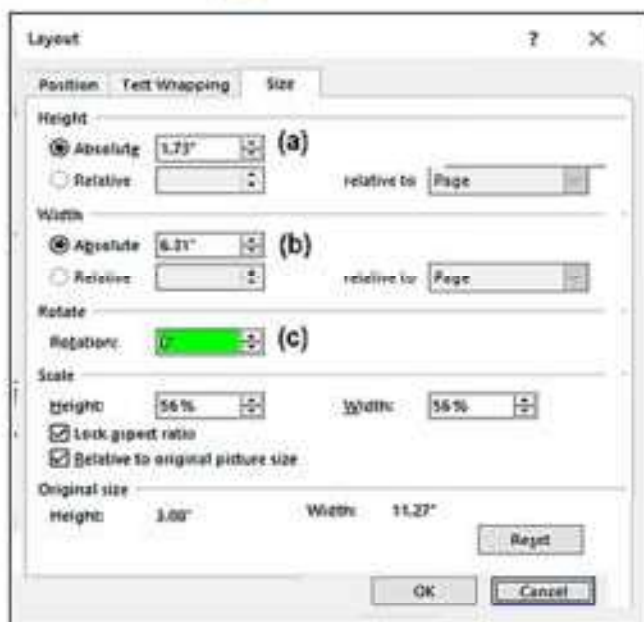
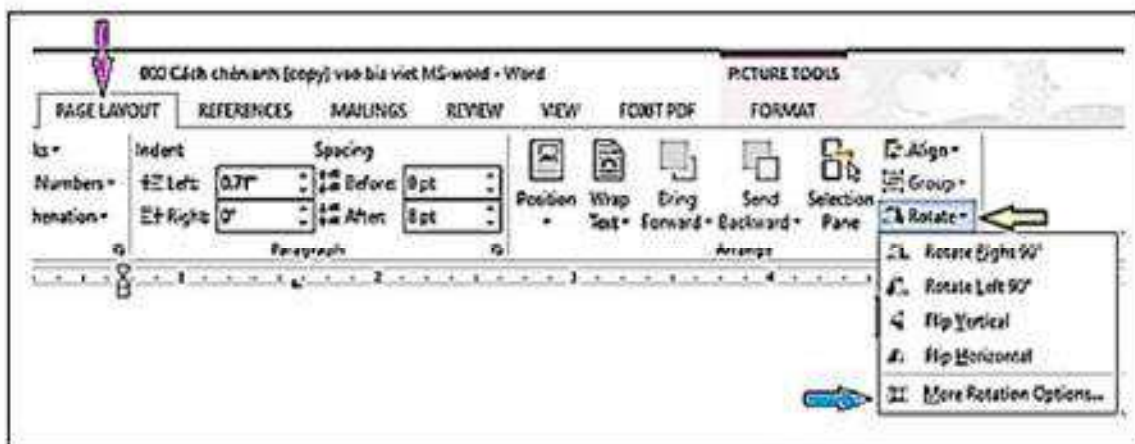
Alt + ◀ hình ảnh quay *ngược chiều* kim đồng hồ 

Ghi chú: Mỗi lần giữ Alt-key và nhấn mũi tên phải hay trái, hình ảnh sẽ quay đi một góc  $12.5^\circ$ .

### 5.3. Dùng Page Layout-Rotate



- (1) Click lên tâm hình.
- (2) Click Page Layout , click Rotate.
- (3) Click “More Rotation Options”.



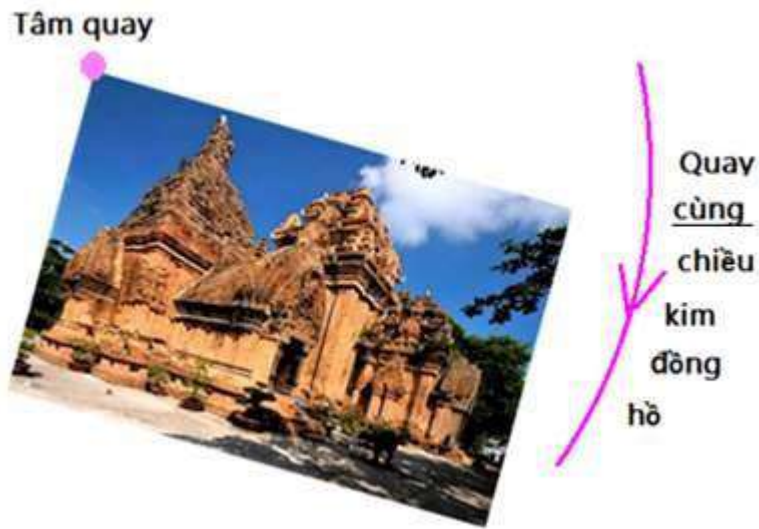
- (4) Ở (a) ta có thể thay đổi bề cao của hình ảnh.
- (5) Ở (b) ta có thể thay đổi bề rộng của hình ảnh.

(6) Ở (c) ta có thể thay đổi góc quay của hình ảnh



Ở (c) click lên các tam giác xuôi ▲ hay các tam giác ngược ▼ :

\* click lên hình tam giác xuôi ▲ (màu hồng) nhiều lần, rồi click OK , ta làm hình ảnh quay cùng chiều kim đồng hồ, tâm quay **O** nằm bên góc cao nhất bên trái của hình ảnh.



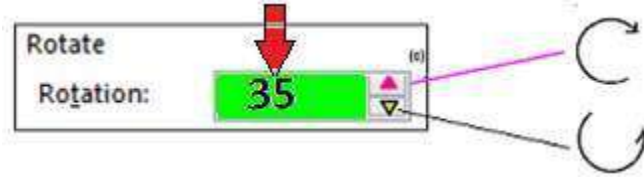
\* ở (c) click lên hình tam giác ngược ▼ (màu xanh lá cây) làm hình ảnh quay ngược chiều kim đồng hồ, tâm quay **O'** nằm bên góc cao nhất bên phải của hình ảnh.



Chú ý:



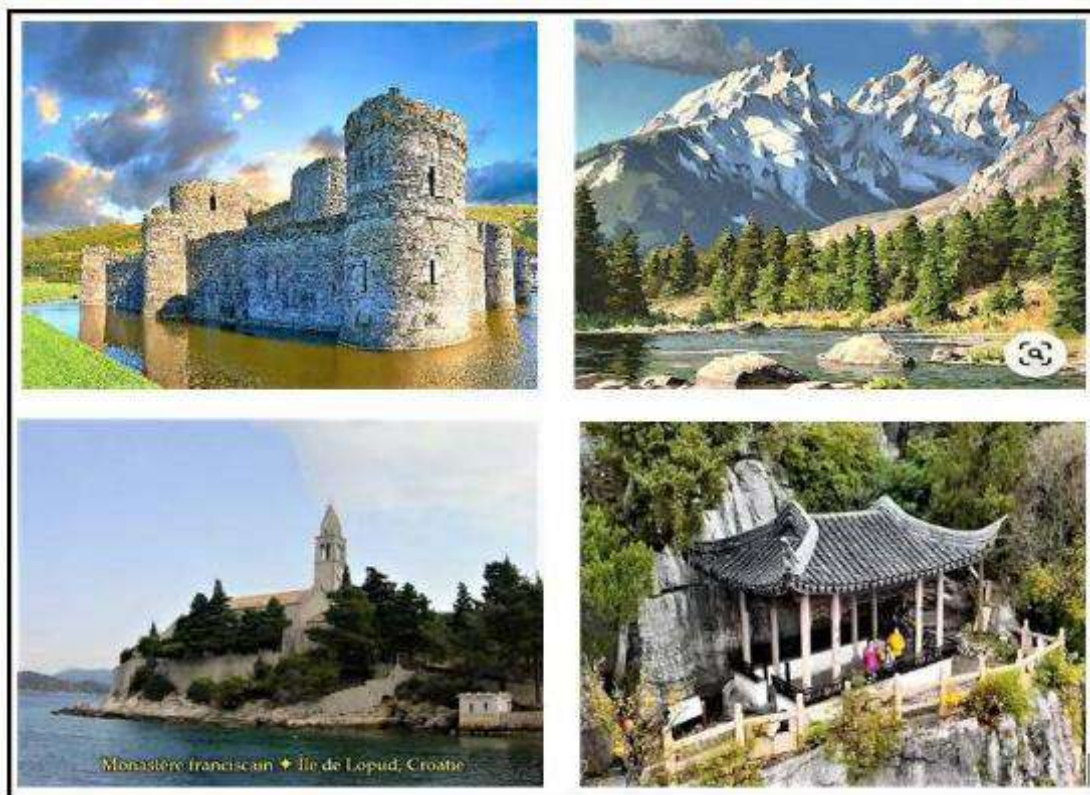
Trong các trường hợp trên ta có thể đánh ngay trị số nào đó cho góc quay mà ta muốn vào khung hình chữ nhật, rồi click OK để thay đổi tình trạng của hình ảnh.



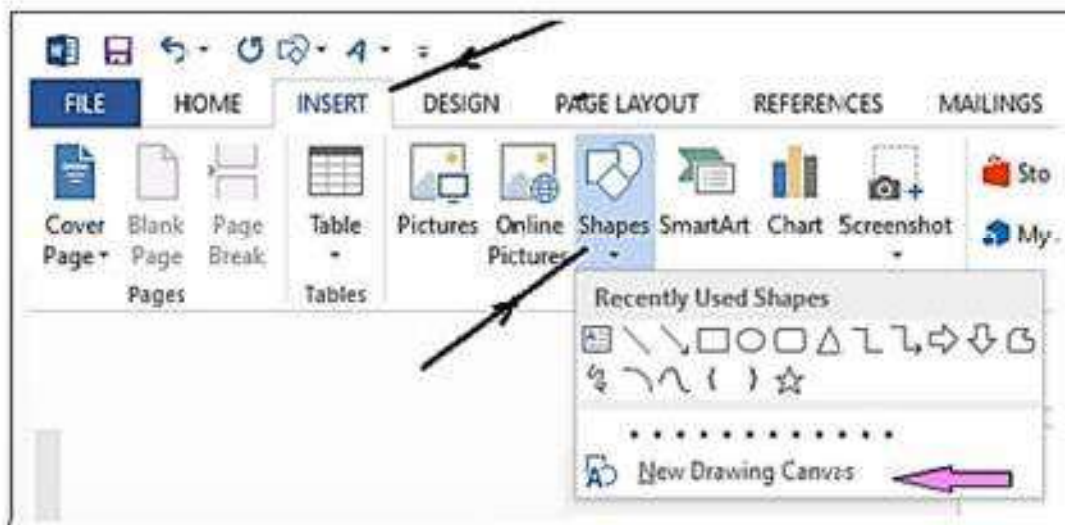
## 6. Dùng Canvas để xếp đặt hình ảnh khi có nhiều hình ảnh.

Có nhiều cách xếp đặt, tùy theo cách ta lựa chọn.

### 6.1. Xếp đặt ngay ngắn các hình ảnh.



### 6.2. Mở Canvas để xếp đặt các hình ảnh



Click Insert, click Shapes, click "New Drawing Canvas" → Ta được một Canvas có khung mờ mờ hình chữ nhật.

Click lên hình ảnh, nhấn Ctrl C để copy hình ảnh.

Click vào Canvas, nhấn Ctrl V để paste hình ảnh vào Canvas

Ghi chú:

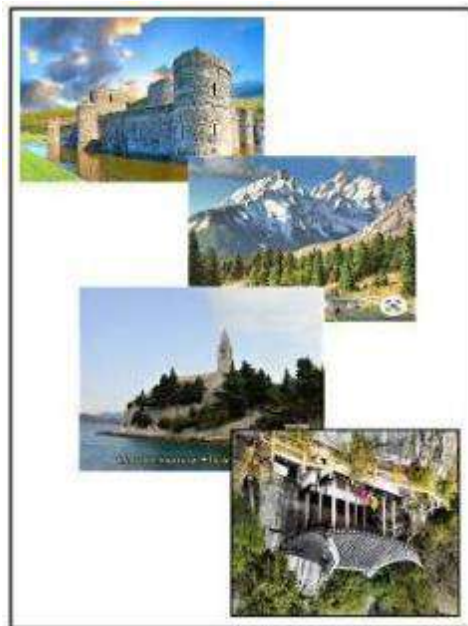
Trong trường hợp có nhiều hình ảnh ta nên xếp chúng vào trong 1 canvas để dễ di chuyển, quay chúng, xếp đặt chúng theo nhiều kiểu khác nhau.

### 6.2.1. Cách xếp đặt thứ nhất:

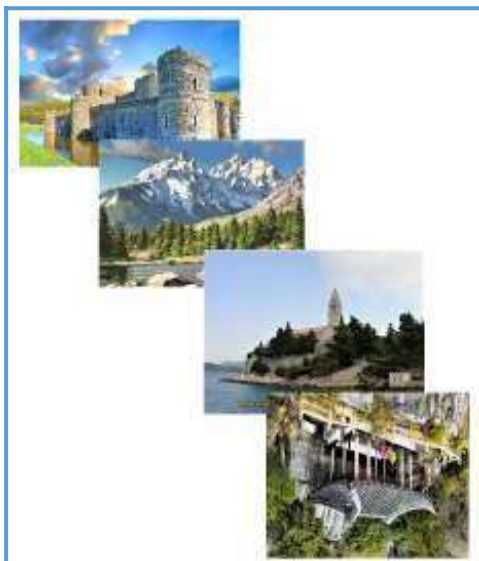




**6.2.2. Cách xếp đặt thứ hai:**



**6.3. Cách xếp đặt thứ ba:**



#### 6.4. Cách xếp đặt thứ tự:



#### 7. Kết luận

Ta đã đi qua được nhiều tiết mục như: Insert một hình ảnh vào bài viết, hình ảnh này có thể từ một folder nào đó hay ở trên online, dùng Paint để cắt bớt chi tiết và đóng khung tấm ảnh. Ta cũng biết cách di chuyển hình ảnh tới các vị trí khác nhau trong bài viết, thay đổi kích thước, độ lớn, quay hình ảnh, cùng cách sử dụng Canvas để sắp xếp các hình ảnh theo nhiều kiểu khác nhau.

Có quá nhiều chi tiết để nhớ nên cũng dễ quên, các bạn hãy làm quen với chúng bằng cách trong mỗi bài viết cố gắng áp dụng một vài kỹ thuật đã biết để làm đẹp cho bài viết, dần dần chúng ta sẽ nắm vững các kỹ thuật "đáng yêu và cũng đáng ghét này".

Chúc các bạn thành công và sống vui sống khỏe với điện toán. ■

## *Gs Truong Thieu Hung*

*Ghi chú: Các hình ảnh trong bài này được lấy từ Internet*

#### Tham khảo

- (a) Unica - 3 Cách chèn ảnh vào Word đơn giản nhất  
<https://unica.vn/blog/3-cach-chen-anh-vao-trong-word>
- (b) **Do bao Nam Blog - Cách di chuyển ảnh trong Word theo ý muốn**  
<https://dobaonamblog.com/tin-hoc/tin-hoc-van-phong/word/cach-di-chuyen-anh-trong-word/>
- (c) **Hướng dẫn cách đưa ảnh vào bài viết**  
<https://truonghoa70.violet.vn/entry/huong-dan-cach-dua-anh-vao-bai-viet-4792407.html>
- (d) **Computer Hope -How to insert an image in a text file or document**  
<https://www.computerhope.com/issues/ch000740.htm>
- (e) **How to Geek -How to Insert an Image Inside of Text in Microsoft Word**  
<https://www.howtogeek.com/707608/how-to-insert-an-image-inside-of-text-in-microsoft-word/>

[Trở về mục lục](#)

## Sứ Mệnh Tinh Thần

### Phần 2/2

### *Yên Sơn*

#### 5.

**M**àn đêm phủ kín khu phố; những ngọn đèn đường vàng vọt trải xuống cảnh vật chung quanh một màu âm đạm, thê lương. Đâu đây tiếng đé kêu vang như hòa cùng tiếng khóc than của một người thiếu phụ mất chồng và một đứa con gái nhỏ mất cha.

Có chiếc xe ôm trời tới, tôi bảo anh ta cho tôi trở về khách sạn Trung Tâm. Anh ta nhìn tôi chăm chăm, nói “anh có thể đi bộ được mà”. “Tôi không thể đi thêm bước nào nữa”. Anh tài xế nhìn tôi ái ngại, “anh có muốn tôi chạy quanh một vòng cho khuây khỏa không?” “Cảm ơn anh, tôi cần một giấc ngủ!”

Chỉ xa hơn một lốc đường và tốn không đầy 3 phút chạy xe, anh tài xế đã đỡ tôi xuống trước khách sạn. Bước xuống xe, hai chân muốn khuyu xuống. Về đến phòng, không kịp thay đồ, tôi tuột giày ném vật mình trên nệm... Một ngày đầy âu lo, vất vả làm rệu cả tâm hồn lẫn thể xác! Thế nhưng có ngủ được đâu. Niềm xót thương đứa học trò tình nghĩa đã ra đi, để lại vợ con trong hoàn cảnh vô cùng nghiệt ngã như hiện tại cứ dâng đầy, làm hai con mắt ráo hoảnh. Tôi cố làm mọi cách để quên hết mọi chuyện, áp dụng mọi phương pháp để dễ giấc ngủ... nhưng hình ảnh đau thương của một gia đình 3 thế hệ cứ chập chờn làm cay đôi mắt.

Cứ ray rứt như thế cho đến quá nửa khuya, tôi bật dậy vào phòng tắm mở nước đầy bồn, nằm ngâm mình với những suy tư dần vật rời ngủ quên cho tới gần sáng khi tiếng loa tuyên truyền vang lên ra rả bên ngoài khách sạn.

Lau mình sạch sẽ xong, tôi lại vùi đầu vào gối cố ngủ tiếp nhưng không thể nào, cứ nghĩ tới những công việc cần phải làm trước mắt, trong ngày hôm nay... tôi nóng lòng trông cho trời mau sáng...

7 giờ sáng, tôi thay đồ ra hàng quán trước khách sạn uống mấy cốc cà phê chờ đợi. Tôi nghĩ có lẽ mọi người cũng nóng lòng muốn biết hết câu chuyện, và tôi cũng muốn nói cho xong, cho nhẹ lòng. Thấy còn nhiều thì giờ, tôi quyết định đi bộ theo con đường anh xe ôm chạy tới hôm qua. Đi dọc theo đường Quang Trung để nhớ về một thời... Ngày xưa, tôi cũng có “người yêu bé nhỏ” có tiệm bán xe đạp ở trên con đường này. Khi đi ngang qua trường Trung học Trần Quốc Tuấn – ngôi trường nổi tiếng năm xưa không biết bây giờ có còn được dư hương ngày tháng cũ hay cũng chỉ còn là những kỷ niệm muôn màu như tuổi ấu thơ của tôi đã biệt mù trong thế kỷ trước... Ngôi trường đồ sộ hơn nhiều so với “năm xưa”. Bây giờ đang là mùa Hè, sân trường lác đác người và xe cộ, những tầng phượng vĩ đỏ ối sân trường cho tôi nhiều bồi hồi nhớ tiếc.

Queo phải Nguyễn Nghiêm, queo trái Ngô Quyền, queo vào hai con hẻm, tới trước nhà thầy cửa trước mở hé. Vừa bước qua khoảng sân hẹp đã thấy Phương Lan đứng chờ:

- Em nghĩ tôi qua chắc anh không ngủ được... nên mới tới trễ?
- Bằng vào đâu cô nói vậy?
- Nhìn mặt anh trộm lơ em đoán rứa. Vì không ngủ được, anh trần trọc suốt đêm và rồi ngủ quên lúc về sáng?
- Nếu vậy tôi cũng có thể nói cô đã thức và khóc trắng đêm.

Phương Lan cúi mặt như cố giấu đôi mắt đỏ ngầu, sưng húp.

– Dạ, em mô có muốn rứa nhưng nước mắt cứ tuôn hoài. Em đã tốn biết bao nhiêu nước mắt trước khi anh về nhưng có lẽ trời sinh ra em với hồ nước mắt lớn hơn bình thường!

Bé Lan Huệ cũng vui mừng ôm chầm lấy tôi khi tôi vừa đặt chân qua ngưỡng cửa. Cụ bà cũng đã thức, đang ngồi trên mép giường nhai trà bồm bẻm.

– Cháu chào Bác ạ. Tối qua Bác ngủ được tí nào không?

– Ngủ nghe chi được cậu. Mạ con chúng nó khóc hoài cả đêm. Hơn nữa tui cũng buồn cho số phận của con cháu quá!

– Vâng thưa Bác, cháu là người ngoài mà cũng buồn nảo nuốt cho hoàn cảnh của gia đình Bác hướng chi người ruột thịt, và là con là vợ. Chuyện đã xảy ra rồi, bây giờ những người còn sống phải sống cho đáng sống để linh hồn người ra đi không quá nặng nề.

– Anh uống cà phê chưa? – Phương Lan hỏi.

– Đã uống ở khách sạn rồi.

Ngửi thấy mùi khói nhang nồng nực, tôi đưa tay kéo thêm cánh cửa mở rộng hơn chút nữa, xong tự động ngồi xuống chỗ ngồi hôm qua. Phương Lan cũng ngồi xuống ghé đối diện. Trông nàng có vẻ bình tĩnh hơn nhiều. Trên chiếc bàn nhỏ có một chiếc bình trà nhỏ với 4 cái tách nằm úp trong một cái đĩa vừa đủ lớn. Nàng khoan thai rót trà ra ba tách, đẩy về phía tôi một chung, gạt đầu thay lời mời và hai tay bưng một chung đứng lên mời bà cụ. Trở lại ghé ngồi, nhắm môi vào chung trà rồi nhẹ nhàng đặt xuống, nhìn thẳng vào tôi, giọng tâm sự:

– Anh Phong à! Suốt đêm qua em đã nghĩ thấu đến thực tế đời mình. Huệ đã chết rồi và em có bốn phận phải sống tốt để lo cho cháu Lan Huệ. Chừ em đã bình tĩnh hơn nhiều rồi; anh có thể kể hết ngọn ngành câu chuyện.

– Hôm qua mình ngừng ở chỗ Huệ sắp chuyển nhà thương.

– Anh nói Huệ bị ung thư không cứu chữa kịp và vì Huệ không có thân nhân nên người ta chuẩn bị đưa Huệ qua chỗ nằm chờ chết... Trời ơi nghe đau lòng quá! Huệ có vợ, có con mà!

Nói tới đây nàng lại nức lên, nước mắt lại tuôn trào. Tôi ái ngại nhìn nàng, nhìn con bé, nhìn bà cụ, nhìn quanh căn phòng, nhìn lên bàn thờ nghi ngút khói hương... Để làm nhẹ không khí ảm đạm, tôi nói như chọc nàng:

– Cô mới nói là cô đã bình tĩnh rồi mà?

Nàng nhích môi như cố mỉm cười nhưng là nụ cười méo xệch trên bờ môi khô héo:

– Em xin lỗi, em sẽ cố gắng!

– Tôi mong cô cố gắng hơn nữa vì những gì tôi sắp nói ra sẽ vô cùng bi thiết. Cô nên nhớ, đảng nào Huệ cũng đã chết rồi; bốn phận của tôi phải làm những gì Huệ gửi gắm; và bốn phận của cô là giữ gìn sức khỏe thật tốt để chăm sóc cụ bà trong lúc tuổi già và lo tương lai cho bé Lan Huệ, giọt máu duy nhất của Huệ.

## 6.

Tối hôm đó Huệ mệt quá không nói được gì ngoài câu “em trông mong Thầy giúp em, vì em không còn ai thân thuộc ngoài vợ và con gái nhỏ còn ở VN.” Tôi quá bất ngờ để nghe như vậy nhưng không tiện nói gì vì Huệ là đi. Tôi quanh quẩn với Huệ tới khuya, khi thấy Huệ đã tạm ổn tôi ra về vì không chuẩn bị trước.

Sáng sớm hôm sau tôi trở lại thì người ta đã chuyển Huệ qua nhà thương hospice. Theo lời chỉ dẫn của phòng y tá trực, tôi chạy qua với Huệ.

Huệ thấy tôi vào mừng rỡ gượng ngồi dậy, “em trông Thầy từ sáng sớm đến giờ! Em đã ký giấy ủy quyền pháp lý cho Thầy với bệnh viện tối hôm qua.” Tôi ngăn không cho ngồi dậy, nhưng Huệ nói hôm nay Huệ thấy khỏe hơn nhiều. Tôi bấm nút cho chiếc giường cao lên tối đa, chặn thêm vài chiếc gối sau lưng để Huệ ngồi thoải mái. Tôi ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh giường.

– Huệ nói “hôm nay em phải nói hết sự thật cho Thầy biết vì em rất cần đến sự hy sinh và giúp đỡ của Thầy.”

Tôi lo sợ Huệ phải vận động tâm lực nhiều quá không tốt:

– Thì khi nào em thật khỏe kể Thầy nghe cũng được.

– Thầy không cần phải lo cho sức khỏe của em nữa. Em biết thời gian của em không còn được bao lâu, bác sĩ và y tá cũng đã nói cho em biết là em có thể ra đi bất cứ lúc nào.

Tôi mũi lòng cố gắng cầm nước mắt:

– Nếu Thầy có thể giúp được gì cho em, Thầy rất vui lòng. Đã từ lâu Thầy coi em như người thân trong gia đình. Chỉ vì em ít nói nên Thầy không rõ em nghĩ sao.

– Em xin Thầy cho em nói hết mọi việc xong Thầy sẽ cho em biết ý kiến của Thầy; nhất là sau này, khi có dịp Thầy nói lại với vợ con em giùm em.

Dù trong thâm tâm tôi nghĩ sẽ chẳng có cơ hội đó nhưng vì tôn trọng thời gian hiếm hoi còn lại của chú học trò, tôi gật đầu lắng nghe.

– Em sẽ nói điều cần nói trước và không theo thứ tự nào. Những gì em không kịp nói thì cũng đành, Thầy không cần bận tâm. Em cũng xin Thầy tha thứ vì em đã không cho Thầy biết về đời sống riêng tư của em. Và còn tự ý làm một việc mà không hỏi ý kiến Thầy trước. Em sẽ nói tới sau. Em biết Thầy ngạc nhiên lắm khi biết em đã có vợ có con ở Việt Nam.

## 7.

Bảy năm về trước em đi cùng mẹ em về Mỹ Khê, Quảng Ngãi lần đầu tiên thăm mộ phần của ba em. Theo lời mẹ em kể, ba em bị giết trong trại tù Cộng sản vì trốn trại khi em chưa đầy tuổi. Trong chuyến đi này em gặp và thương yêu một người con gái đồng cảnh ngộ tên Phạm Thị Phương Lan, dân Mỹ Khê gốc Huế. Sau khi về Mỹ, chúng em vẫn thường xuyên liên lạc càng ngày càng mật thiết. Chúng em thật sự yêu nhau, muốn tiến đến hôn nhân. Trong thời gian quen biết em nhận thấy Phương Lan là một cô gái hiền hòa, xinh đẹp, tâm hồn đoan hậu và là một người con hiếu đễ. Nàng không hề đòi hỏi bất cứ một điều gì ở em, kể cả khi em đề nghị làm giấy tờ cho nàng sang Mỹ. Đến lúc này em mới biết mẹ con Phương Lan không còn thân nhân nào ở Việt Nam!

Dĩ nhiên tất cả việc riêng tư này em đều cho mẹ em biết. Mẹ em nói em đủ khôn lớn rồi có thể tự quyết định tương lai cho mình; mẹ không lo được gì và cũng sẽ không phản đối.

Vì quá yêu thương và tin tưởng lẫn nhau, sáu tháng sau, em xin phép Mẹ trở lại Quảng Ngãi một mình để làm một đám cưới đơn giản nhằm hợp thức hóa hôn nhân. Em về lại Mỹ hỏi thăm nhiều Luật sư Di trú về trường hợp của chúng em. Ai cũng nói là không có cách nào cho tới khi Phương Lan trở thành công dân Hoa Kỳ mới bảo lãnh cho mẹ nàng qua được.

Tụi em chưa biết tính sao thì được tin Phương Lan có mang. Em vừa mừng vui vừa buồn bã... Rồi Phương Lan sinh hạ một bé gái. Em tức tốc bay về khi nàng còn trong nhà thương. Chúng em đồng ý đặt tên cho con là Lan Huệ để đánh dấu mối tình sâu đậm của chúng em. Việc bảo lãnh vẫn dậm chân tại chỗ. Không ai nói với ai nhưng trong thâm tâm đều biết rất khó để chúng em đoàn viên trong nghịch cảnh éo le này. Em thương yêu mẹ của nàng như yêu thương mẹ của em. Chúng em cùng đau đớn chấp nhận số phận. Không dám nói ra nhưng ai cũng biết chỉ khi nào hai bà mẹ trăm tuổi thì chúng em mới có cơ hội chung sống với nhau, hoặc bên này hoặc bên kia...

Nói tới đây thì Huệ mệt quá phải ngưng lại. Tôi khuyên Huệ nằm xuống nghỉ ngơi đợi lúc khỏe sẽ tiếp. Huệ ra đầu xin uống nước, cùng lúc cô y tá vào thăm bệnh. Tôi bước ra ngoài, gọi nhà tôi hỏi ông bác sĩ về tình trạng sức khỏe của Huệ. Ông ta khuyên, nếu là người thân thì nên chuẩn bị tinh thần và vui vẻ với Huệ được lúc nào



hay lúc này (enjoy him while you could). Tôi cố làm tỉnh, trở lại phòng. Huệ đã đỡ mệt và muốn tôi ngồi bên giường để Huệ nói tiếp.

– Thưa Thầy, Thầy đừng lo cho em, em cần nói ngay những điều cần nói chỉ sợ không còn đủ giờ. Dạ, cách đây khoảng ba năm, mẹ em ngã bệnh rồi mất vài năm trước như Thầy đã biết. Trong thời gian mẹ em bệnh, em phải luôn ở bên mẹ sau giờ đi làm, dù Mẹ ở nhà hay trong bệnh viện, vì chỉ có hai mẹ con. Ngoài ra, em còn phải cáng đáng tài chánh cho mọi chi phí trong gia đình kể cả thuốc men. Những khó khăn này em chỉ giữ riêng em chứ không dám nói với Phương Lan vì em nghĩ chẳng lợi ích gì mà còn tạo thêm sự lo lắng cho nhau hơn thôi. Em chỉ nói với Phương Lan về bệnh tình của mẹ em. Phương Lan tỏ ra rất thông cảm và khuyên em yên tâm lo cho mẹ là quan trọng hơn hết. Sự cao thượng của nàng đã an ủi em không ít. Trong khi đó tiền để dành càng ngày càng cạn dần, em lo sợ nếu không tính ngay thì cuộc sống của mẹ con Phương Lan sẽ rất khó khăn; vì thế, em quyết định lấy ra 10 ngàn đô gửi cho nàng, khuyến khích tìm cách buôn bán sống tạm trong thời gian khó khăn sắp tới. Bệnh tình của mẹ em trở nên nguy kịch nên em không còn tâm trí nào để nghĩ tới việc riêng của mình. Để rồi chưa đầy năm sau mẹ em lìa đời! Tang lễ cho mẹ xong, tinh thần em suy sụp đáng kể, tài chánh kiệt quệ. Cả tháng sau em mới nguôi ngoai, dần dần phục hồi. Trong thời gian bị bệnh em có nghĩ nhiều về vợ con nhưng em không muốn liên lạc trong lúc cùng quẫn. Em dự định trở lại sở làm một thời gian để dành đủ tiền sẽ về thăm mẹ con Phương Lan; lúc gặp nhau sẽ giải thích sự vắng bóng của em trong thời gian qua cũng không muộn. Nhầm lúc kinh tế khó khăn, hăng xướng sa thải nhân viên hoặc đóng cửa và vì vậy em bị cho nghỉ việc luôn!”

Thấy Huệ ra dấu xin uống nước, tôi nói em nghỉ một lát nhưng Huệ lắc đầu. “Thầy để em nói, phần này mới là quan trọng.”

Ba tháng sau em vẫn chưa tìm ra việc làm, em buồn chán quá sức, ăn ngủ thất thường lại nhớ vợ, nhớ con đứt ruột... rồi ngã bệnh. Ông bác sĩ gia đình chỉ nói có lẽ tại em buồn rầu rồi sinh bệnh; bảo em về cố tĩnh dưỡng, ăn uống, ngủ nghỉ điều độ một thời gian sẽ khỏi; rồi cho cái toa mua mớ trụ sinh về uống.

Thấy con đau bụng thuyên giảm đi nhiều em chưa kịp mừng thì phải nhờ ông bạn hàng xóm đưa đi cấp cứu vì bụng dưới của em đau không chịu nổi!

Sau khi khám nghiệm, bác sĩ nói em có vấn đề ở ruột già! Họ gửi em đi các chuyên khoa để xác nghiệm... Sự xác nhận cuối cùng là em bị ung thư ruột già không còn cách chữa trị như Thầy đã biết. Họ đề nghị em làm xạ trị không ổn, đổi qua hóa trị cũng vô phương. Trong thời gian điều trị, em sợ em khó thể vượt qua nên đã lo sắp xếp mọi thứ từ ngân hàng, nhà cửa, xe cộ, hàng bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ; đi luật sư làm di chúc; làm giấy ủy quyền pháp lý (power of attorney). Em đã để tên Thầy là người đại diện pháp lý, có toàn quyền định đoạt về tài sản khiêm nhường của em kể cả thân xác này sau khi em không còn tự quyết định được nữa. Em hoàn toàn tin tưởng vào tấm lòng nhân ái của Thầy; và Thầy là người thân duy nhất của em bên Mỹ. Tất cả sổ sách, giấy tờ, chìa khóa em đựng trong hộp sắt để tại Chase Bank trên đường Bellaire Blvd., Houston, TX gần đường Synott; và đây là chìa khóa chiếc hộp sắt em xin trân trọng giao lại cho Thầy quản thủ. Sau khi em chết rồi, Thầy cứ theo di chúc mà giúp em hoàn thành tâm nguyện.

Nói xong, Huệ cởi chiếc chìa khóa đeo trên tay đưa cho tôi rồi nhắm mắt lịm đi. Hơi thở gấp gấp, mặt tái nhợt! Tôi hoảng hốt gọi y tá trực vào phòng xem xét... Một lúc sau Huệ tỉnh lại. Huệ nhìn tôi gượng mím cười, môi mấp máy, yếu ớt nhưng thần thái có vẻ tự tại lắm. Tôi nắm chặt tay Huệ và áp tai để nghe:

– Bây giờ thì em yên tâm rồi. Thầy hứa với em đi! Em chỉ ân hận là không chính miệng em kể lại cho vợ em nghe về những trầm luân của em; em biết Phương Lan đang buồn trách em và rồi nàng sẽ đau đớn lắm khi biết tất cả sự thật. Và em cũng ân hận không được nhìn được mặt đứa con gái yêu quý; hơn ba năm qua chắc nó đã lớn lắm rồi...

Nói tới đây Huệ thở hắt ra và nhắm mắt lại, hai giọt nước mắt lăn dài trên đôi má gầy nhom. Tôi ngó nhịp tim vẫn đập nhưng không đều đặn và hơi thở yếu dần đi. Một tay nắm, một tay ôm vai, tôi áp miệng vào tai Huệ thì thầm: “Thầy tuyên hứa với em sẽ làm tất cả những gì em muốn Thầy làm.” Huệ mở bừng mắt ra, cố siết nhẹ tay tôi, mím miệng cười xong trút hơi thở cuối cùng!

## 8.

Phương Lan hự lên một tiếng rồi ngất xỉu. Tôi đã đề phòng nên đỡ nàng kịp lúc, bế xốc nàng đặt lên giường, làm các động tác như hôm qua. Ngoài xoa bóp ở hai huyệt Nhĩ Môn và Thái Dương, lần này tôi phải ấn bóp thêm huyệt Thần Đình trên đỉnh đầu để trợ não. Tiếng khóc của bà cụ và con bé quyện hòa với mùi hương trầm uất làm đau xé tim gan. Dù vậy, tôi cũng cố bình tĩnh để trấn an hai người trong lúc nước mắt cứ chực tuôn trào.

Một lúc sau Phương Lan tỉnh dần nhưng lại hôn mê ngay. Tôi thực sự lo sợ cho sức khỏe của nàng, nên vừa ấn bóp các huyệt đạo cho nàng vừa bảo con bé mở toang các cánh cửa cho thoáng khí và chạy tìm gấp người y tá hôm nọ. Nó vừa khóc vừa chạy đi. Bà cụ lu bu xúc dầu xanh lên mũi, lên thái dương Phương Lan. Tôi xem mạch nàng vẫn điều hòa dù hơi thở có yếu ớt. Tôi biết, ai mà không sốc với hoàn cảnh đau đớn cùng cực như vậy!

Vài phút sau nàng lại tỉnh, ngỏ lời xin uống nước. Tôi lấy tách trà và giúp nàng ngồi dậy. Thân hình nàng ẻo lả như cọng bún; tôi phải đỡ nàng tựa vào tôi và chậm chạp cho nàng uống từng hớp nước xong đặt nàng nằm gối đầu lên hai chiếc gối chồng cao.

Khoảng mười phút sau, cô y tá và con bé hốt hải bước vào nhà. Người y tá hành sự thành thạo, bày đồ nghề và chích cho nàng một ống thuốc khỏe (?); tôi không buồn hỏi loại thuốc gì vì thấy cô ta đã chích cho Phương Lan hôm qua rất tốt. Cô y tá ra về hẹn tối sẽ tới chích thêm một ống nữa.

Tôi nhẹ nhàng nói với Phương Lan:

– Tôi chia sẻ sự đau đớn, mất mát to lớn của Phương Lan nhưng cô phải ráng khỏe, chúng ta còn vài việc cần làm, tôi chỉ có thể ở đây vài hôm nữa thôi.

Phương Lan lại òa khóc. Tôi khuyên giải:

– Người đi đã đi, người ở lại mới là quan trọng. Bà cụ và bé Lan Huệ chỉ trông cậy vào cô, và đó cũng là ước nguyện của Huệ.

– Dạ, em hiểu!

– Tôi nghĩ tốt nhất bây giờ tôi về khách sạn, để mọi người nghỉ ngơi; sau trưa tôi trở lại, rất mong Phương Lan khỏe đi ra ngoài được, chúng ta có việc cần làm.

– Bao giờ anh trở lại Mỹ?

– Xong việc ở đây, tôi trở lại Mỹ Khê, ghé thăm mồ mả ông bà một hôm xong về Saigon thăm bạn bè vài hôm.

– Quê anh cũng ở Mỹ Khê? – Nàng có vẻ ngạc nhiên.

– Dòng họ, bà con tôi hầu hết ở đó.

– Anh có liên hệ chi với dòng họ Trương Quang không?

– Dòng họ của tôi.

– Em sớm làm dâu nhà Trương Quang.

– ??? – Tôi ngó nàng chờ đợi.

– Cũng may, em khám phá sớm gia đình nó có thân nhân làm lớn trong chính quyền Việt cộng nên chấm dứt liên hệ liền.

– Ăn nhằm gì tới tương lai của cô?

– Em không thích liên hệ tới Việt cộng!

– Cô chưa biết tôi là ai sao dám nói những điều như vậy?

– Em chắc anh không phải Việt cộng, vì Việt cộng không có trái tim từ ái, không có tấm lòng nhân hậu.

– Thôi bỏ qua chuyện này đi Phương Lan, tôi không muốn tai bay họa gửi cho ai hết.

– Bi chừ em thấy khỏe nhiều rồi, anh không cần phải đi tới đi lui. Anh muốn em đi mô và làm chi mà anh nói rất cần?

– Buổi trưa các ngân hàng có làm việc hay không?

– Em không lui tới những chỗ nớ nên không rõ. Chắc ăn mình có thể tới đó sau 1 giờ chiều. Ở trên đường Hùng Vương gần nhà có Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam, đó là chi nhánh của Vietcombank.

– Rất tốt! Vậy liệu cô và mọi người đi tiệm ăn trưa với tôi được không, xong tôi với cô đi nhà bank lúc 2 giờ, để cho họ còn ngủ trưa an giấc.

– Mạ em không thích đi tiệm ăn mô. Mình mua thức ăn đem về nhà như hôm qua được không anh?

Tôi dành phần đi mua thức ăn cùng với bé Lan Huệ. Con bé vui hẳn lên, tự động nắm tay tôi kéo đi. Không ai nói ăn gì nên tôi tự quyết định tới tiệm cơm gà nổi tiếng ở gần chợ Quảng Ngãi mua về.

Trong suốt bữa ăn gia đình, tôi cố pha trò để phá tan không khí u trầm nhưng không thành công mấy. Phương Lan và bà cụ vẫn chỉ ăn chút đỉnh; tôi và con bé cứ ăn ngon lành vì bụng đói. Tôi chưa nói gì về những dự định sắp tới, chỉ mở hé chút chút là ngoài tin buồn cũng sẽ có tin vui...

## 9.

Sau khi Huệ trút hơi thở cuối cùng và trong lúc chờ giao nghiệm, tôi dàn xếp với nhà thương rồi cấp tốc chạy về ngân hàng Chase mở tủ sắt đọc di chúc để biết phải làm gì.

Trong di chúc, Huệ cho tôi chi tiết để liên lạc với hãng bảo hiểm nhân thọ AIG ngay sau khi Huệ tắt thở để được hướng dẫn. Huệ muốn được hỏa thiêu; nhờ tôi tìm cách bán căn nhà và chiếc xe; đến nhà băng đóng trưng mục, lấy hết tiền ra; đến ngôi chùa nơi để di ảnh của Mẹ, trích ra \$5 ngàn để cúng chùa. Khẩn cầu tôi đi Việt Nam về Mỹ Khê tìm gặp mẹ con Phương Lan trao lại tất cả số tiền còn lại để nàng buôn bán nuôi con và lo cho mẹ già sau khi chi trả tất cả những khoản chi phí cần thiết, kể cả chi phí cho chuyến đi của tôi; tiền bảo hiểm nhân thọ ký thác vào quỹ học vấn cho con gái Lan Huệ. Huệ cũng bày tỏ ước mong Phương Lan sẽ thay Huệ chăm sóc mồ mả của Ba Huệ ở Mỹ Khê...

Tôi chảy nước mắt vì những toan tính tình nghĩa và chu đáo của Huệ. Tôi gọi ngay cho hãng bảo hiểm. Ngạc nhiên thay, họ đã biết trước, đã chuẩn bị sẵn giấy tờ cho tôi ký nộp qua internet. Tôi thắc mắc hỏi họ, họ chia buồn và nói với tôi Huệ đã chuẩn bị cho việc ra đi từ mấy tuần trước. Nhờ vậy mọi thủ tục rất suôn sẻ.

Sau khi xong việc tang lễ, tôi mang hũ tro cốt để tạm vào chùa (cho tới khi tôi mang đi Việt Nam) nhân dịp đến cúng viếng theo lời dặn của Huệ. Vị trụ trì cũng là chỗ quen biết lâu dài nên dành cho tôi mọi sự dễ dàng. Tôi nhờ chú em làm địa ốc đăng bán nhà sau khi đã mượn người dọn dẹp, lau chùi, cắt cỏ sạch sẽ. Nhà trệt có 3 phòng ngủ, rộng 1700 square feet, hai phòng tắm, mái nhà thay chưa quá 5 năm, nhà để xe riêng, khoản đất ¼ mẫu, bàn ghế tủ giường còn nguyên vẹn. Chú em đề nghị đăng giá \$120 ngàn gồm luôn đồ đạc. Đồng thời tôi cũng liên lạc với một người bạn quen, có công ty mua bán xe cũ để bán chiếc xe của Huệ. Chiếc xe Toyota Camry 2008, bạn nói vì thương hoàn cảnh của Huệ nên mua giúp \$10 ngàn, không tính thuế. Tôi liên lạc với hãng bảo hiểm AIG làm thủ tục chuyển hết số hiện kim vào một trưng mục đặc biệt tôi vừa mở ở ngân hàng Citibank. Trong khi đó tôi cũng xếp đặt công việc ở trường võ, giao cho một học trò lớn tuổi, cao đẳng nhất để trông coi trong thời gian tôi vắng mặt.

Trong đời tôi thăng trầm cũng lắm, gian nan cũng thừa trong bất cứ công việc gì tôi làm; thế nhưng, trong tiến trình lo cho Huệ mọi việc đều trơn tru, mau lẹ. Nhiều lúc tôi nghĩ có lẽ Huệ theo phò hộ cho tôi nên mọi chuyện mới êm thấm như vậy.

Nhà đăng bảng chưa đầy một tháng đã có mấy người muốn mua; trong số đó có một cặp vợ chồng lớn tuổi người Việt ở California mới dọn về, muốn mua một căn nhà nhỏ, trả tiền mặt, để an hưởng tuổi già. Họ hẹn đến xem nhà rồi đồng ý mua luôn với giá \$122 ngàn tiền mặt, đặt cọc 20% ngay trong ngày. Chú em tôi vui mừng gọi báo cho biết; rồi năm ngày sau, giấy tờ sang nhượng hoàn tất. Chú em chỉ lấy ít tiền công tượng trưng.

Tôi làm một cuốn sổ nhỏ, ghi tất cả những dữ kiện về tài chánh của Huệ để sau này trao lại cho Phương Lan.

\*\*\*

Hai giờ chiều chúng tôi có mặt ở ngân hàng. Phương Lan rất đỗi ngạc nhiên thấy tôi mở hai trương mục, một cho nàng và một dành riêng cho con bé. Càng ngạc nhiên đến nỗi không tin là sự thật khi tôi chuyển ngân vào mỗi trương mục. Tổng số tiền cho nàng là \$124+ ngàn (gồm tiền bán nhà, bán xe, sổ tiết kiệm); của con bé \$105+ ngàn (gồm \$100 ngàn trị giá bảo hiểm và tiền lời). Tôi đề nghị nàng lấy ra một ít để chi dụng và lo thuốc men, số còn lại để trong nhà băng cho an toàn cho tới lúc cần dùng thì lấy. Nàng đồng ý lấy ra 10 triệu tiền mặt.

Tôi thật không ngờ mọi sự việc lại xảy ra một cách mau lẹ và suôn sẻ như vậy. Khi mọi thủ tục đã xong, tôi mở xách tay lấy ra tờ di chúc của Huệ để lại cho riêng tôi, và cuốn sổ tài chánh trao lại cho Phương Lan giữ làm kỷ niệm. Tôi cũng nói luôn ước nguyện của Huệ muốn nàng thay Huệ chăm sóc mộ phần của ông cụ. Nước mắt lại là chảy rơi; nàng sụt sùi khóc như thể suốt trong thời gian làm thủ tục giấy tờ.

Tôi thờ phào khoan khoái như trút được gánh nặng trên lưng. Cám ơn người nhân viên ngân hàng rồi rít. Chúng tôi đứng dậy ra khỏi nhà băng. Đôi chân tôi nhẹ tênh, tâm hồn tôi bình bồng. Sức khỏe Phương Lan quá yếu, tôi phải dìu nàng ra cửa gọi taxi đưa nàng về nhà. Tôi dự định về tới nhà dặn dò đầu đó xong xuôi sẽ nói lời từ giã với mọi người. Phương Lan rất yếu để đi hết hai con hẻm nhưng tôi ngại người ta dòm ngó đành để nàng chậm chạp bước đi một mình, tôi theo sát sau canh chừng. Khi tới ngõ đã thấy bà Cụ và con bé bắc ghế ngồi trước cửa như trông đợi. Con bé thấy mẹ chạy lại ôm chầm, dìu mẹ nó vào giường rồi xoay lại ôm tôi và khóc. Tôi cảm động ôm chặt con bé vào lòng, thủ thi:

– Từ nay về sau cháu ngoan của chú không cần đi bán vé số nữa. Ba của cháu đã chuẩn bị hết việc học hành cho cháu rồi. Cháu phải hứa với chú học hành ngoan ngoãn để nên người hữu dụng mai sau. Đó cũng là ước nguyện của ba cháu. Ba cháu đã thương nhớ cháu vô cùng!

Con bé khóc lớn, nói trong tiếng nấc:

– Dạ con hứa với Ba, con hứa với Chú!

Tôi gật đầu chào bà cụ, bế con bé trên tay cùng bước đến trước bàn thờ khói hương nghi ngút, tôi đặt con bé xuống, loay hoay đốt hai nén nhang, trao cho con bé một... Phương Lan cũng tới đứng một bên từ lúc nào, tôi trao nén nhang còn lại cho nàng và đốt thêm một cây khác. Tôi khấn lớn:

– Huệ quý mến, Thầy đã giữ trọn lời hứa với em rồi đó, đã chu toàn tốt đẹp một “mission” tưởng đâu “impossible”; một sứ mạng tinh thần đầy nước mắt. Thầy biết chắc có sự phù trợ của em nên mọi việc đều thông suốt, hoàn mỹ. Thầy cảm ơn em. Bên kia thế giới chắc em đang nở nụ cười mãn nguyện. Thầy tiếc cho em có vợ đẹp con ngoan mà không cùng cộng hưởng hạnh phúc gia đình lâu dài. Có lẽ mỗi người chúng ta khi sinh ra đã được xếp đặt cho một định mệnh riêng biệt. Định mệnh của em có nghiệt ngã nhưng Thầy chắc những người thân yêu này sẽ làm rạng danh em. Cầu xin linh hồn em đời đời an lạc nơi cõi vĩnh hằng.

Phương Lan khóc rầm rức, cảm nhang rồi phủ phục xuống đất lạy trước di cốt của Huệ. Con bé cũng quỳ lạy theo mẹ. Cụ bà ngồi ở cạnh giường tự nãy giờ cũng lặng lẽ đứng dậy thắp nhang lên bàn thờ.

Ngoài hiên bóng chiều mờ dần, tiếng ồn ào của thị tứ cũng lắng xuống cùng với tiếng rao hàng thỉnh thoảng vang lên. Tôi ngó lời chào tạm biệt nhưng ai cũng nấn nỉ tôi ở thêm chút nữa. Phương Lan vừa khóc vừa nói:

– Lần chia tay này không chắc có lần tái ngộ. Xin anh ở lại dùng bữa cơm cuối cùng với chúng em. Em không biết nói gì hơn ngoài tấm lòng tri ân sâu xa của gia đình em đối với nghĩa cử cao đẹp của anh. Em xin lạy anh một lạy đền ơn...

Tôi nháy tránh qua một bên để nghe nàng nói tiếp:

– Em xin hứa với anh và vong linh Huệ, em sẽ tự lo thân mình, bảo trọng sức khỏe và tận tình chăm sóc Lan Huệ; nhất định cháu sẽ học hành tới nơi tới chốn để có một tương lai rạng rỡ như di ngôn của Ba nó. Việc mò mẫm của Ba Huệ, em đã là vợ của Huệ nên đã và đang thay mặt chồng lo việc hương khói từ lúc cưới nhau đến giờ.

– Cậu rần ở lại với chúng tôi một lúc nữa nghe. Bà cụ nói.

– Chú đi con buồn lắm!

Nói xong nó lại khóc ròng. Tôi cũng buồn bã nói:

– Trước sau gì cũng phải chia tay. Tôi sẽ đưa số điện thoại của tôi bên Mỹ cho Phương Lan để khi nào cần thiết thì liên lạc. Việc tôi làm hoàn toàn do lòng tự nguyện và do tấm lòng quý mến người học trò đầy tình nghĩa của tôi. Vì thế, tôi không dám nhận cái lạy đền ơn của cô nhưng tôi nhận lời với mọi người... ở lại dùng cơm tối với gia đình.

Tôi lại đi với Bé Lan Huệ mua thức ăn đổi món nhưng bà cụ và Phương Lan cũng chẳng ăn uống gì khá hơn mặc dù cô ý tá đã trở lại chích thêm cho nàng một ống thuốc khỏe.

Khoảng 9g tối tôi ra về, lòng tràn ngập niềm vui, chân bước lằng lằng, tâm hồn nhẹ nhàng... nhưng khi về tới phòng thì đôi mi nặng trĩu, đôi chân rời rã, đặt lưng nằm xuống là ngủ vùi một giấc, không còn biết trời trăng gì cả cho tới hơn 8 giờ sáng hôm sau khi những tiếng động của mấy người dọn phòng làm tôi thức giấc.

## 10.

Tôi xếp đặt thì giờ để đi Mỹ Khê thăm nhà thờ Đại Tôn, nhà thờ Tiểu Tôn và nhà thờ Thái Bảo Trương Đăng Quế một chuyến; nhân tiện ghé thăm một vài người bà con thân thuộc rồi sáng mai trở về Saigon, tuần sau về lại Mỹ.

Vừa bước ra phòng khách, tôi khựng lại vì thấy Phương Lan đã đứng đó từ lúc nào! Nàng có vẻ mừng ra mặt nhưng bỗng nước mắt lại rơi! Tôi chưa kịp nói gì thì nàng đã nói:

– Em sợ anh đi sớm nên đến đây chờ từ lúc 6g sáng hỏi thăm chị Lễ Tân (front desk) cho biết anh còn đang ngủ nên ngồi chờ tới bây giờ.

Tôi ái ngại nhìn nàng và mời nàng ngồi xuống ghế, âu lo hỏi:

– Có chuyện gì không Phương Lan?

– Dạ không có gì quan trọng lắm. Tôi qua khi anh về rồi em vẫn bâng khuâng thương tiếc Huệ nên không ngủ được. Em lấy bản Di Chúc của Huệ và cuốn sổ nhỏ của anh đưa ra xem. Em thấy anh ghi tỉ mỉ việc tài sản của Huệ và chi tiết chi tiêu nhưng không thấy chi phí cho chuyến đi của anh như lời Huệ muốn nên em đến tìm anh để xin anh cho em gửi lại tất cả chi phí theo lời dặn dò của Huệ trong di chúc. Nếu không, em sẽ áy náy suốt đời.

– Phương Lan không cần phải áy náy. Như tôi đã nói, công việc này hoàn toàn tự nguyện như một nghĩa cử cuối cùng đối với một người học trò yêu quý đã đặt hết niềm tin vào mình. Thật sự lúc đầu tôi nghĩ sẽ làm như vậy, nhưng suy đi nghĩ lại tôi thấy không thể làm như thế được, nhất là khi thấy tình cảnh sống của Bà cụ và mẹ con Phương Lan. Thật ra, tất cả những chi phí cho chuyến đi này đối với tôi không đáng là bao nhiêu, mong cô yên tâm để cho tôi có cơ hội làm được một việc đáng làm và kể như quà tặng của tôi dành cho gia đình cô vậy.

Phương Lan đứng lên tiến lại phía tôi. Tôi cũng ngập ngừng đứng dậy, nàng ôm choàng tôi vừa khóc vừa nói:– Anh đã nói rứa thì em xin nghe. Mẹ con em xin kết cở ngậm vành cảm tạ tấm lòng cao thượng của anh. Thấy mọi người nhìn làm tôi luống cuống, gỡ tay nàng diu ngồi xuống ghế:– Xin đừng nói chuyện ân nghĩa nữa. Cô hãy rần bảo dưỡng sức khỏe thật tốt để lo cho bà cụ và cháu Lan Huệ. Tôi không cần nhắc cô cũng thừa biết là rất nên cẩn thận trong việc giao tế. Cũng không cần bày là cô cần phải làm gì để có tương lai tốt đẹp hơn. Tôi quý mến con bé lắm, nó rất thông minh, hiếu nghĩa giống ba mẹ nó. Xin giữ liên lạc; nếu tôi có dịp trở lại Quảng Ngãi lần sau, tôi sẽ tìm thăm mọi người. Bây giờ thì tôi phải đi Mỹ Khê. Kể như đây là lần từ giã cuối cùng.



- Em ước phải chi sức khỏe của em tốt em sẽ đi cùng với anh về Mỹ Khê hôm nay luôn.
- Khi nào xong hết mọi việc và sức khỏe cho phép, cô về cúng ông cụ mâm cơm là tốt rồi!
- Em xin nghe lời anh. Chúc anh đi bình yên.

Chúng tôi cùng đứng dậy sánh vai bước ra cửa. Không gian bên ngoài tràn ngập tiếng còi xe và tiếng người qua lại ồn ào bất tận. Phương Lan cúi mặt bước đi bên tôi, nghe tiếng nàng sục sục nhưng tôi làm như không để ý, nói lời từ biệt lần nữa. Bất ngờ nàng quay lại ôm chặt tôi, sau một khoảnh khắc, buông tay quay mặt vội vã bước đi hòa lẫn vào đám đông tấp nập trên đường. Tôi thương cảm nhìn theo “tội nghiệp cho một kiếp con người”.

Ánh nắng hè chói chang, cùng tiếng ve sầu râm ran hòa nhập vào hoạt cảnh của một thành phố cổ vươn mình lên trong một xã hội phát triển không mấy trật tự.

Đó, Quảng Ngãi quê tôi! ■

*Hét*

***Yên Sơn***

## VỤ ÁN LỆ CHI VIÊN : MỘT THỦ ĐOẠN, MỘT ÂM MƯU TÀN BẠO.

*Nguyễn Cẩm Xuyên*

(Kiến thức ngày nay số 677 - 01/6/2009)

### NHỮNG CÁI CHẾT OAN NGHIỆT.

**N**gày 27 tháng 7 năm nhâm tuất (1442), vua Lê Thái Tông tuần du, duyệt binh ở Chí Linh. Đầu tháng 8 vua ghé thăm chùa Tư Quốc, Côn Sơn, Chí Linh nơi Nguyễn Trãi về ẩn dật sau khi bị thất sủng. Sau khi viếng thăm, vua yêu cầu Nguyễn Thị Lộ là thứ thiếp của Nguyễn Trãi cùng theo về kinh. Trên đường về, ngày mùng 4 tháng 8 âm lịch Lê Thái Tông chết đột ngột tại vườn vải (lệ chi viên) vốn là một ly cung được xây cất từ triều Lý trong một trại trồng vải thuộc làng Đại Lai, huyện Gia Định (nay là Gia Bình), tỉnh Bắc Ninh. Trước khi Thái Tông mất chỉ một mình Nguyễn Thị Lộ hầu bên cạnh, “*bọn thái giám Tạ Thanh, Lương Dật chạy biến đi mất, nói là đi tìm thầy thuốc địa phương, sáng mới về, vua đã tắt thở*” (1). Viện cớ này, Hoàng hậu Nguyễn Thị Anh cho bắt Thị Lộ tra tấn dã man nhằm bức cung khép tội cùng Nguyễn Trãi đồng mưu giết vua. Chịu không nổi cực hình, Nguyễn Thị Lộ phải khai nhận. Án được thi hành ngay: Nguyễn Thị Lộ bị bỏ vào cũi sắt chìm xuống sông cho chết, Nguyễn Trãi bị kết án *tru di tam tộc*.

Ngày 16 tháng 8 năm nhâm tuất, những người thuộc họ Nguyễn của Nguyễn Trãi, họ Trần của bà Trần Thị Thái, mẹ Nguyễn Trãi, họ Nhữ của vợ thứ Nguyễn Phi Khanh (cha Nguyễn Trãi) và họ tộc của tất cả 5 người vợ Nguyễn Trãi, từ ông già đầu bạc đến đứa bé mới khóc chào đời bị chém đầu một loạt.(2)

Nhận xét về cách gấp rút kết thúc vụ án của triều đình nhà Lê dưới quyền nhiếp chính của Hoàng hậu Nguyễn Thị Anh lúc bấy giờ, Giáo sư Đinh Xuân Lâm viết: “*Trước hết là Nguyễn Trãi không có mặt tại nơi xảy ra vụ án, lúc này ông lui về ở ẩn tại Côn Sơn để tránh những phiền toái nơi triều chính, thế thì muốn kết tội ông có liên quan đến việc giết vua với Nguyễn Thị Lộ thì phải có chứng cứ cụ thể, cần tiến hành điều tra xét xử công khai, không thể làm án ngay được. Thế mà tới ngày 16 (nghĩa là chỉ 12 ngày sau đó), cũng nên nhớ lúc này triều đình còn bận rộn việc làm tang cho vua Lê Thái Tông, bản án hành hình Nguyễn Trãi-Nguyễn Thị Lộ cùng ba họ đã được thi hành! Sự hấp tấp vội vã trong việc kết án đối với Khai quốc công thần Nguyễn Trãi và vợ là Nguyễn Thị Lộ cùng vợ con họ hàng quả là có gì bất thường, lộ rõ ý định xấu của bọn thù địch với Nguyễn Trãi muốn kết thúc vụ án có nhiều nghi vấn để bịt đầu mối. Đó là chưa nói tới ý định xấu xa của chúng là bằng cuộc tàn sát lớn này muốn đàn áp dư luận dân chúng vô cùng thương xót và căm phẫn bất bình trước cái chết oan ức của vị anh hùng dân tộc và toàn gia.*” (3)

## **NHỮNG GHI CHÉP MẬP MỜ CỦA CHÍNH SỬ VÀ NHỮNG TRUYỀN THUYẾT HOANG ĐƯỜNG.**

Sau cái chết của Thái Tông, *Đại Việt Sử Ký toàn thư, bản ki thực lục, quyển XI* do Ngô Sĩ Liên chủ biên đã ghi lại vắn tắt và khá mập mờ như sau :

"...Tháng 8, ngày mùng 4, vua đến vườn vải, huyện Gia Định, bỗng bạo bệnh rồi băng. Trước đây vua thích vợ của Thừa chỉ Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Lộ, người rất đẹp, văn chương rất hay, gọi vào cung phong làm Lễ nghi Học sĩ, ngày đêm hầu bên cạnh. Đến khi đi tuần miền đông, xa giá về đến vườn vải xã Đại Lại, ven sông Thiên Đức, vua thức suốt đêm với Nguyễn Thị Lộ, rồi băng. Các quan bí mật đưa về, ngày mùng 6 về tới kinh sư, nửa đêm đem vào cung rồi mới phát tang. Mọi người đều nói là Nguyễn Thị Lộ giết vua".

Nhiều thế kỉ qua, cho mãi đến gần đây nhiều người đọc *Đại Việt sử kí toàn thư*, vẫn tin là giữa Thái Tông và Nguyễn Thị Lộ có quan hệ ân ái. Họ nghĩ rằng đây là nguyên nhân dẫn đến *thảm án Lệ chi viên* mà không biết rằng tất cả chỉ là âm mưu tàn độc của Hoàng hậu Nguyễn Thị Anh nhằm trả thù riêng, giết người diệt khẩu, bảo vệ ngôi báu cho con mình là Thái tử Bang Cơ lên ngôi ngay sau khi Thái Tông mất.

Ngoài những chi tiết của chính sử triều Lê còn có các truyền thuyết lưu truyền và ghi chép nhiều nơi: truyền thuyết “*rắn báo oán*” trong dân gian có mấy chuyện kể khác nhau, khi thì kể là Nguyễn Phi Khanh, khi lại kể là Nguyễn Trãi lúc còn là thầy đồ dạy học, cho học trò phát cỏ khu vườn quanh nhà. Đêm trước Nguyễn có nằm mơ thấy một người đàn bà với bầy con đại đến xin ông vì con mọn chothur thả ít hôm để dọn nhà... Sáng ra không nhớ, mãi khi học trò phát xong cỏ vườn vào báo là có đánh chết một bầy rắn con, lúc đó Nguyễn mới bản khoăn nhớ ra và hiểu ý nghĩa giấc mơ. Đêm ngồi khâu đèn đọc sách thì bỗng đâu một giọt máu từ trên rơi xuống đúng ngay vào chữ “*đại*” (代: đời), thắm qua ba lớp giấy (ứng với việc gia tộc sau này bị hại đến ba đời), ngẩng lên chỉ thắp thoáng thấy một con rắn trên xà nhà bò đi.

Nhiều dị bản lại bịa thêm nhiều chi tiết hoang đường khác như: trong đêm nghỉ tại vườn vải, vua đau lưỡi, Thị Lộ xin vua thè lưỡi ra để chữa. Lộ cắn vào lưỡi vua, vua chết ngay. Khi Thị Lộ bị chìm chết dưới sông thì bỗng có con rắn trắng lớn hiện hình bơi đi...(4)

Các chi tiết của chính sử triều Lê cũng như truyền thuyết là do phe Nguyễn Thị Anh dựng nên nhằm mập mờ lí giải bằng nguyên nhân tiền định, nhân quả, xoa dịu lòng tiếc thương Nguyễn Trãi-Nguyễn Thị Lộ, lòng chán ghét việc nhà Lê tàn sát công thần.

## **GẦN 600 NĂM, SỰ THẬT ĐƯỢC TRẢ VỀ ĐÚNG NGUYÊN BẢN.**

Nhà Lê tuy có công lớn đánh thắng quân Minh giúp đất nước thoát ách nô lệ nhưng lại là triều đại có các khai quốc công thần bị nghi kị, giết hại nhiều nhất: Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo, Lê

Sát, Lê Ngân, Nguyễn Trãi, Trịnh Khả, Trịnh Khắc Phục... Riêng vào thời Lê Thái Tông, nhiều án oan khiến bao nhiêu người bị thảm sát. Tất cả đã xuất phát từ những mâu thuẫn khốc liệt giữa hậu và phi làm phát sinh những âm mưu tàn độc chốn cung đình:

Lê Thái Tông lên ngôi 11 tuổi và mất năm 20 tuổi; khi ấy vua đã có được 04 hoàng nam, sinh bởi 06 người vợ :

1. Lê Thị Ngọc Dao (bị phế làm dân thường sau khi cha là công thần Lê Sát bị giết năm 1437)
2. Lê Thị Lệ (bị truất xuống làm *Tu Dung* sau khi cha là công thần Lê Ngân bị giết sau Lê Sát.)
3. Dương Thị Bí (Nguyên là Hoàng hậu bị phế xuống làm *Chiêu Nghi*, mẹ của *Lê Đức hầu Nghi Dân*);
4. Bùi Quý Nhân (Thần phi; mẹ của *Cung vương Khắc Xương*);
5. Nguyễn Thị Anh (mẹ của Thái tử Bang Cơ, được phong: *Tuyên Từ Hoàng hậu* sau khi Dương Thị Bí bị phế truất);
6. Ngô Thị Ngọc Dao (*Tiếp dư*, mẹ của Hoàng tử Tư Thành; lúc có mang vì sợ bị giết hại, phải trốn khỏi cung, cải trang làm ni cô).

Nhiều vợ, nhiều hoàng nam chính là đầu mối của bất hòa, nguyên nhân của bao nhiêu toan tính để rồi sinh ra bao nhiêu thủ đoạn, âm mưu tàn độc. Sơ khởi cuộc cạnh tranh khốc liệt chốn hậu cung ấy, Nghi Dân và Khắc Xương đã bị Thái Tông phế truất; lúc này Nguyễn Thị Anh đã sinh được Bang Cơ và mong cho con mình được kế nghiệp, lại rất lo lắng, sợ lộ một tội tày đình là Bang Cơ chẳng phải là con Thái Tông (trước đó, Thị Anh đã gian dối, có mang với Lê Nguyên Sơn, người thuộc dòng dõi Lê Khoáng) (5) .

Sự thực này gần đây đã được công bố trong tác phẩm "*Nhìn lại lịch sử*" của Phan Duy Kha, Lê Duy Lan, Đinh Công Vĩ. Công trình nghiên cứu đã vận dụng nhiều nguồn tư liệu khác nhau, nhiều gia phả họ tộc, đặc biệt là *Ngọc phá họ Đinh* ở làng *Đông Cao, Nông Cống, Thanh Hóa* thuộc họ tộc công thần Đinh Liệt (hiện có bản lưu trữ tại Viện Hán Nôm). Trong *Ngọc phá họ Đinh* có "*Bút kí Hồng Mai*" chép mấy bài thơ do chính Đinh Liệt để lại, chứng minh được điều mờ ám của Nguyễn Thị Anh; sau đây là một bài khá tiêu biểu:

*Nhung tân hà hữu tống thai tinh,  
Lục nguyệt khai hoa quái dị hình,  
Niên nguyệt nhật thời thặng đĩnh ký,  
Hoàng bào ô nhiễm vạn niên thanh.*

Sợ vạ gió khôn lường, trong bài thơ, Đinh Liệt đã phải nói trại *Nhung Tân* thành "*nhung tân*", *Thái Tông* thành "*tống thai*", *Đinh Thặng* thành "*thặng đĩnh*". Bài thơ có thể dịch ra như sau:

*Nhung Tân chẳng phải máu Nguyên Long (6)  
Sáu tháng mang thai thật lạ lùng,  
Năm, tháng, ngày, giờ Đinh Thặng chép,*

*Hoàng bào như bản tiếng ngàn năm.*

Sở dĩ Đinh Liệt viết “*năm tháng, ngày giờ Đinh Thắng chép*” là vì mỗi khi vua nhập phòng với hoàng hậu hay phi tần, hoạn quan có trách nhiệm ghi lại ngày giờ, năm tháng và Đinh Thắng đã tính được: từ khi Nguyễn Thị Anh chẵn gối với Thái Tông đến ngày sinh Bang Cơ chỉ 6 tháng. Lo sợ lộ bí mật, Thị Anh đã cho giết ngay 2 hoạn quan Đinh Thắng, Đinh Phúc sau khi Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ bị hành hình bởi vì bà hiểu rằng Thắng và Phúc biết bí mật tày đình trên.

Đinh Thắng biết thì Nguyễn Thị Lộ và Nguyễn Trãi cũng biết vì Thị Lộ ở ngay trong cung và được Thái Tông có cảm tình. Vì lí do này, Hoàng hậu Nguyễn Thị Anh đặc biệt căm ghét Nguyễn Trãi và Thị Lộ. Nỗi căm ghét này được nhân lên bội phần sau khi Thị Lộ theo kế của Nguyễn Trãi vô hiệu hóa âm mưu phế bỏ *Ngô Thị Ngọc Dao*. Nguyên *Ngô Thị Ngọc Dao* là vợ cuối của Thái Tông, lúc này đã có mang. Nguyễn Thị Anh sợ Ngọc Dao sinh hoàng nam có thể chiếm ngôi thái tử, bèn vu cho Ngọc Dao tham dự việc làm bùa ngãi hại Bang Cơ, xui Thái Tông khép Ngọc Dao vào tội "voi giày". Nguyễn Trãi biết chuyện, ngầm cho Thị Lộ khuyên Thái Tông đừng nghe lời xúc xiểm mà làm việc thất đức. Vua đồng ý, cho phép Thị Lộ đem Ngọc Dao giấu ở chùa Huy Văn.

Căm thù, rắp tâm thi hành độc kế; thời cơ đến, nhân khi Thái Tông nghỉ đêm tại vườn vải, Nguyễn Thị Anh cho tay chân hạ độc vua (7) đồng thời mật lệnh cho bốn hoạn quan tẩn mác hết vào làng chỉ để một mình Thị Lộ hầu bên cạnh. Thái Tông chết, Bang Cơ đương nhiên nổi nghiệp. Một mũitên bắn trúng hai đích. Nguyễn Thị Anh đồng thời lại giết được Thị Lộ, Nguyễn Trãi, Đinh Thắng, Đinh Phúc... diệt khẩu trừ hậu hoạn. Việc Thái Tông bị Nguyễn Thị Anh hạ độc chắc chắn Ngô Sĩ Liên biết rõ; vậy nhưng *Đại Việt sử kí toàn thư* do Ngô Sĩ Liên chủ biên lại giấu đi, cố ý thay bằng những chi tiết rất hàm hồ về mối quan hệ giữa Thái Tông và Thị Lộ ngầm cho người đọc hiểu đây là nguyên nhân cái chết của Thái Tông:

*“ Trước đây vua thích vợ của Thừa chỉ Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Lộ, người rất đẹp, văn chương rất hay, gọi vào cung phong làm Lễ nghi Học sĩ, ngày đêm hầu bên cạnh. Đến khi đi tuần miền đông, xa giá về đến vườn vải ... vua thức suốt đêm với Nguyễn Thị Lộ, rồi băng.” ...*

Cách viết của Ngô Sĩ Liên đã khiến nhiều người lầm tưởng rằng Thị Lộ trẻ gần bằng Thái Tông và Nguyễn Trãi thì già lão; giữa Thái Tông và Thị Lộ chắc có quan hệ ái tình.

Sự thật hoàn toàn khác. Nguyễn Thị Lộ, sinh năm 1390 (8) trong gia đình nền nếp. Cha là Nguyễn Mỗ, thầy thuốc ở làng Hải Triều, tục gọi làng Hới (còn gọi là Hải Hồ), tổng Thanh Triều, huyện Ngự Thiên, phủ Tân Hưng (nay thuộc xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà), sớm được học chữ, lại thông minh, từ bé đã thuộc Tứ thư, Ngũ kinh, Nam sử... lại giỏi thơ văn... Bà nổi tiếng là người đẹp nhất vùng. Xuất thân nông dân, giỏi nghề làm chiếu truyền thống của làng, Nguyễn Thị Lộ tận tảo nuôi dạy các em, thường phải đi bán chiếu (9) gặp Nguyễn Trãi lúc đang làm quan nhà Hồ; bấy giờ Nguyễn Trãi mới 26 tuổi Nguyễn Thị Lộ 16 tuổi (*trăng tròn lẻ*). Cuộc tình đẹp được lưu truyền qua giai thoại *bài thơ bán chiếu* (10). Vợ chồng chỉ chênh nhau 10 tuổi, độ chênh tuổi tác rất bình thường trong cuộc đời... Riêng đối với Thái Tông thì Thị Lộ lớn hơn Thái Tông đến 30 tuổi (11) nghĩa là lúc Thái Tông lên ngôi 11 tuổi, Thị Lộ đã 41 tuổi. Giỏi văn chương chữ nghĩa, được tuyển vào cung làm Lễ nghi học sĩ.



Hoàng Cơ Thụy, *Việt Sử Khảo luận*, Paris 1988, Tập 4, Đoạn 69-D có trích dẫn *Toàn Thư tục biên*: “...*Lê Sát thấy Thái Tông còn nhỏ, thích chơi bời, lười biếng học tập, liền lập một ban văn thần, trong số đó có Nguyễn Trãi, để thay phiên vào tòa Kinh Diên dạy vua. Cả bọn đều bị Thái Tông đuổi về. Sau đó, Lê Sát bị khép vào tội lộng quyền, vua cho được tự tử tại nhà.*”

*Trước tình trạng ấy, năm 1438, Thái bảo Ngô Tử đưa ra ý kiến có lẽ Thị Lộ dịu dàng khéo léo, học giỏi, văn hay, may ra có thể giúp nhà vua chăm chỉ học hành. Sau khi hội ý với Nguyễn Trãi, Thị Lộ, Ngô Tử đưa Thị Lộ vào châu Thái Tông, được vua nhận, phong làm Lễ Nghi học sĩ, ngày đêm giảng sách cho Thái Tông và được Thái Tông tin dùng. Dù ở cương vị vua-tôi, Thị Lộ là cô giáo lớn tuổi như mẹ...; vậy mà Ngô Sĩ Liên lại viết “vua thích vợ của Thừa chỉ Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Lộ...” là có ý gì? Thế nào là “thích”? Phải chăng đây là cái thích, cái cảm tình của một bé trai đối với một phụ nữ luống tuổi chăm chút mình như nhũ mẫu?*

Có một sự việc được chép trong *Lam Sơn thực lục*: “*Năm 1425, trong thời gian đang đánh nhau với quân Minh, Lê Lợi nằm mộng thấy thần “Cá Quả” đến nói “Xin tướng quân cho một người thiếp thì nguyện giúp tướng quân đánh được giặc Ngô mà thành nghiệp đế”. Ngày hôm sau, Lê Lợi gọi các thiếp đến hỏi ai bằng lòng làm vợ của thân “Cá Quả”, ta được thiên hạ sẽ truyền cho con của người ấy làm vua. Bà Phạm Thị Ngọc Trần (mẹ của Thái tông, lúc đó mới 2 tuổi) thưa: “Nếu ngài giữ lời ước thì thiếp xin nhận. Ngày sau xin đừng phụ mẹ con thiếp”. Lê Lợi giao ước với các quan văn võ y lời ấy. Ngày 24 tháng 3 âm lịch 1425, sai lập đàn tế thần, dâng bà phi họ Phạm làm tế vật. Bà mặc áo quần lộng lẫy, bịt mắt lại, lên ngồi trên chiếc thuyền nan. Thuyền được thả theo dòng sông Lam và chìm dần dần, trong tiếng khóc nức nở của mọi người. Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Lộ cũng chứng kiến việc này. Về sau, giữ lời ước ấy, Lê Lợi truyền ngôi cho Nguyễn Long (Lê Thái Tông)...” . Từ đó Thái Tông mồ côi mẹ, thiếu tình mẫu tử, gặp Nguyễn Thị Lộ là người từng chung sống với mẹ mình, tình cảm giữa hai người không thể không quyên luyến; ngoài ra nhờ có khuyên bảo của Thị Lộ, mà Thái Tông đã từ một thiêu niên ham chơi trở thành một vị vua mẫn cán. Sử thần Vũ Quỳnh(12) trong *Bản kỉ; Việt giám thông khảo* đã từng khen: “*Thị Lộ đã cảm hóa được Lê Thái Tông, thuyết phục vua chăm chỉ đèn sách, lại giúp vua nhiều ý kiến để sửa trị nước. Cậu bé bắt trị nay đổi thành một “minh quân” khác hẳn trước*”.*

Lại có thêm một chi tiết nữa chứng minh tuổi tác giữa Nguyễn Thị Lộ và Lê Thái Tông chênh lệch khá xa: *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn có chép: “*năm 1416, có tin Lê Lợi ở Thanh Hóa chuẩn bị mộ quân đánh giặc Minh, Nguyễn Trãi đến ra mắt, chuyển nầy có Nguyễn Thị Lộ cùng đi, phong cách lúc nào cũng tươi cười, nhẵn nại, hoạt bát, đ đoan chính, được mọi người kính nể...”* (*Việt Sử đại cương* của Phạm Ngọc Huyền, chép lại; trang 75). Lúc này, Thái Tông chưa chào đời. Thái Tông chỉ đáng tuổi con cháu của Thị Lộ. Những việc này Ngô Sĩ Liên đã lập lò bỏ qua, không bàn đến.

Về chi tiết “*về đến vườn vải..., vua thức suốt đêm với Nguyễn Thị Lộ, rồi băng, mọi người nói là Thị Lộ giết vua*” Ngô Sĩ Liên đã có ác ý mập mờ buộc tội; nếu đọc và suy xét kĩ thì phi lí: Một vị vua trẻ có chung quanh vô số mỹ nữ lại *thức suốt đêm* với một bà già 50 tuổi để làm gì? Phải chăng Ngô Sĩ Liên không dám viết rõ là khi này Thái Tông đã mệt nặng (vì trúng độc), các hoạn quan theo mật kế tẩn mác hết vào làng lấy có tìm lương y, một mình Nguyễn Thị Lộ phải hết lòng với vua, chăm sóc suốt đêm. Sở dĩ khẳng định được việc này là vì về sau vào đời Lê Thánh Tông, khi thuật lại chuyện

cũ, Ngọc Dao có dặn vua Thánh Tông rằng: "*Chính Nguyễn Thị Anh đã ngấm sai hoạn quan Tạ Thanh bỏ thuốc độc cho Thái Tông chết, nhưng con nên giữ kín việc ấy*". (13).

Chuyện Hoàng hậu Nguyễn Thị Anh hạ độc vua, Ngô Sĩ Liên không thể không biết nhưng lại viết "*Mọi người nói là Thị Lộ giết vua*". Tại sao không nói là Ngô Sĩ Liên nói mà lại nói là *mọi người*? Mọi người ở đây là ai? Chữ dùng hàm hồ vì "*mọi người*" đây không thể là quần chúng đông đảo, cũng không phải là văn võ bá quan; đêm khuya, nơi vua ngự mây ai được lai vãng? vậy phải chăng "*mọi người*" đây chính là những kẻ cùng cánh với Hoàng hậu Nguyễn Thị Anh?

Giáo sư Đinh Xuân Lâm trong bài viết "*Nhân một vụ án, suy nghĩ về trách nhiệm người viết sử*" cũng nêu quan điểm: "*... đối với Nguyễn Thị Lộ thì thái độ của người chép sử ra sao? Rõ ràng đây là một thái độ không khách quan, thiên vị, có dụng ý, ngay từ đầu đã lộ rõ ý định bằng bất cứ giá nào cũng phải giết cho được người phụ nữ mà chúng buộc phải công nhận là "người đẹp, văn chương hay", khi chúng tung ra một dư luận ác độc có ý áp đặt, cả vú lấp miệng em mà thiếu một cơ sở điều tra cần thiết rằng "mọi người đều nói là Nguyễn Thị Lộ giết vua" ...*(14)

Đọc kỹ *Bản kỉ thực lục của Đại Việt sử kí toàn thư* người ta còn nhận thấy vận dụng cách ghi vấn tắt, Ngô Sĩ Liên đã cắt đi nhiều sự kiện, nhất là đã không ghi lại quãng thời gian sau khi Nguyễn Trãi bị thất sủng, lui về Chí Linh ở ẩn, Nguyễn Thị Lộ cũng về quê mãi đến 1442 mới theo xa giá hồi cung theo lệnh vua.

### LÍ GIẢI NGUYÊN NHÂN - NHỮNG CHIÊM NGHIỆM CHO CUỘC ĐỜI.

Tại sao Ngô Sĩ Liên lại chép sử như thế? Điều này dễ lí giải; trước hết là thời phong kiến, quan chép sử do nhà vua bổ nhiệm, chuyên chú ghi việc theo lệnh vua. Nguyễn Thị Anh lúc này thế đã mạnh, tay chân đã nhiều, sau khi hạ độc vua liền dùng thủ đoạn tàn độc giết Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Lộ nhằm bịt đầu mối. Ngô Sĩ Liên chỉ mới đỗ tiến sĩ trước khi Thái Tông mất được vài tháng bỗng chốc được tin dùng, Hoàng hậu nhiếp chính (lúc này Nhân Tông mới 2 tuổi) đã cho Ngô Sĩ Liên làm đến chức *Đô ngự sử*. Ngô Sĩ Liên lại chẳng là người trung trực, nghĩa khí gì vì dù được cho chức quan to mà khi Thái hậu và Nhân Tông bị Nghi Dân giết ông ta cũng không hề phản ứng (về sau Lê Thánh Tông đã quở trách, giáng chức Ngô Sĩ Liên vì lỗi này).

Trong sử học, bộ *Đại Việt sử kí toàn thư* được đánh giá cao. Tác phẩm có thể là khách quan đối với các triều đại khác nhưng vì phục vụ quyền lợi riêng triều Lê nên chắc chắn phải uốn ngòi bút khi viết về vụ án *Lệ chi viên*: có nhiều chỗ ghi chép méo mó, sai sự thực; vậy mà về sau (khi Nguyễn Thị Anh đã chết) Ngô Sĩ Liên cũng có trung thực chép lại một đoạn của *Trung hưng kí*:

"*Nhân Tông mới lên hai tuổi đã sớm nối ngôi vua, thái hậu Nguyễn Thị là gà mái gáy sớm, đồ đốc Lê Khuyển như thỏ khôn giữ mệnh. Vua đàn bà quáng mắt buông rèm ngôi chốn thâm khuê, bọn họ ngoại lòng tham, khoác lác hoành hành khắp cõi, kẻ thân yêu nắm quyền vị, nạn hối lộ được công khai, việc Văn giáo lạng lẽ như băng tan, người hiền từ phải bó cánh. Bạc túc nho như Lý Tử Tấn, Trình Thuấn Du thì đẩy vào chỗ nhàn, phường dốt đặc ồn ào như ong đàn nổi dậy, như chó chuột nhe răng. Tề thần như Lê Sùng, Lê Sát thì ngu si không phân biệt sáu loài súc vật..."*.

Đoạn văn trên nói lên tính cách Nguyễn Thị Anh. Con người này phe đảng nhiều sẵn sàng thi hành độc kế tày đình để bảo vệ quyền uy tột đỉnh của mình.

Thời gian gần đây các nhà sử học Việt Nam cũng đã thống nhất về nguyên nhân đích thực của *thảm án Lệ chi viên*. Chủ mưu vụ án chính là Nguyễn Thị Anh, vợ thứ vua Lê Thái Tông; Nguyễn Trãi, Nguyễn thị Lộ là nạn nhân của âm mưu tàn độc ấy. Trần Huy Liệu trong *Nguyễn Trãi, một nhân vật vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, năm 1962 đã viết: *Ngày nay chúng ta chẳng những phải làm sáng tỏ khí tiết của Nguyễn Trãi mà còn phải minh oan cho Nguyễn Thị Lộ nữa*” (15).



GS. Nguyễn Khắc Dương : Tác giả cuốn *VẠN XUÂN* (Dịch DIX MILLE PRINTEMPS của Yveline Féray ) & Nguyễn Cẩm Xuyên.

Tháng 12/2002, Nhân kỷ niệm 560 năm ngày mất Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi, tại thôn Khuyến Lương, Thanh Trì, Hà Nội, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam mở hội thảo khoa học về Nguyễn Thị Lộ. Hội thảo đã đánh giá với cái nhìn khách quan. Bà được tôn vinh như một nữ sĩ tài hoa, một nhà giáo nữ văn chương và phẩm hạnh tuyệt vời, người bạn đời tâm đầu ý hợp của anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Năm 2004, NXB Văn Hóa đã xuất bản cuốn *Lễ nghi học sĩ Nguyễn Thị Lộ với thảm án Lệ chi viên* do Hoàng Đạo Chúc biên soạn cùng một số sử gia. Nhà văn nữ người Pháp Yveline Féray cũng đã viết

*(“Vạn Xuân”; Gs. Nguyễn Khắc Dương dịch)*-NXB Picquier 1996; 1136 trang về Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ. Trong lời giới thiệu đầu sách, Huy Cận đã nhận xét: *“Tác phẩm của Yveline Féray đã phục hiện cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi, tâm trạng và tâm tình của Nguyễn Trãi với một sự thấu hiểu tâm lý sâu sắc”*. Trước đó, Yveline Féray đã gặp gỡ nhiều người, từ Pierre Richard Féray

(sử gia chuyên về Đông Á), Paul Schneider (chuyên gia Việt Nam học), Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Đình Thi, Cù Huy Cận... để tìm tư liệu. Bà đã viết về Nguyễn Trãi: “*Độc giả sẽ say sưa kinh ngạc trước tài năng đa dạng của kẻ sĩ Việt Nam này vì ông vừa là một thi hào, một nhà viết văn cừ khôi, vừa là một chiến lược gia có tầm mắt nhìn thấu suốt, một nhà ngoại giao tài tình, một nhạc sĩ lịch lãm, một nhà địa lý thông thái, một nhà sư phạm tuyệt vời...*”.

*Dix mille printemps* cũng đã dành đến 211 trang viết về “*Tán bi kịch vườn Lê chi*”. Theo bà, đó là bi kịch của một vĩ nhân sống trong một xã hội quá u bé nhỏ và chật hẹp.

**Điều đáng buồn là gần đây, một số nhà văn nước ta lại chỉ căn cứ *Đại Việt sử kí toàn thư*, tưởng tượng nên cảnh chồng già vợ trẻ, tưởng tượng ra sự sung mãn của Nguyễn Thị Lộ đang môn môn xuân sắc (!) ngã vào vòng tay của nhà vua trẻ...rồi gây nên thảm án Lê chi viên (16). Viết truyện sử mà lẫn lộn đúng sai, không phân biệt được phải trái, tưởng tượng hồ đồ thì không thể chấp nhận.**

Hôm nay, nhà nước đã xây đền thờ Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, tôn tạo và xây dựng lại đền thờ Lê nghi học sĩ Nguyễn Thị Lộ-Nguyễn Trãi ở Tân Lễ (Thái Bình), Khuyến Lương (Hà Nội) và Đại Lại (Bắc Ninh).

*Thảm án Lê chi viên* bao năm chìm trong tăm tối của ngộ nhận, hàng mấy trăm năm *cái ác* đã hả hê cười trên thành tích chiến thắng *cái thiện*; mãi hôm nay người ta mới đủ điều kiện để biết được sự thực bàng hoàng. Sự thật được trả lại đúng nguyên bản của sự thật. Không có gì mãi giấu mãi được với thời gian và cũng không gì đánh lừa được lịch sử. Dù dụng tâm bung bít bằng chính sử thì chẳng qua cũng chỉ như *mũi dùi Mao Toại*: cái kim trong bọc lâu ngày phải lộ ra; thời gian có khi là 20 năm, 50 năm... thậm chí như thảm án LÊ CHI VIÊN: vết nhơ lớn của cung đình phong kiến triều Lê lộ mặt sau hơn 5 thế kỉ. Đây cũng là điều đáng quan tâm của nhà văn, nhà sử học hôm nay. ■

*Nguyễn Lâm Xuyên*

## CHÚ THÍCH:

(1) Vụ án Lê chi viên; Gs.Võ Thu Tịnh; 04/04/2007;

<http://vietsciences.free.fr/vietnam/sudia/vuan-lechivien.htm>

(2) Theo gia phả họ Nguyễn, Nguyễn Trãi có 5 người vợ sinh được nhiều con. Sau vụ án *Lê chi viên*, gia tộc bị thảm sát gần hết, có một số ít thoát nạn là: Nguyễn Phi Hùng (em thứ ba của Nguyễn Trãi, chạy về Phù Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh); Nguyễn Phù (con Nguyễn Trãi, chạy lên Cao Bằng, đổi họ sang họ Bé Nguyễn); Phạm Thị Mẫn (vợ thứ tư, có mang ba tháng, được người học trò cũ của Nguyễn Trãi là Lê Đạt đưa chạy trốn vào xứ Bồn Man, phía Tây Thanh Hóa) và vợ thứ năm họ Lê cũng đang mang thai, chạy về Phương Quát, huyện Kim Môn, Hải Dương về sau sinh được khá nhiều con cháu. (<http://vnlisting.homelinux.com/vietnam>).

Hương Giang Thái Văn Kiểm; *Năm Ty Nói Chuyện Rắn*.



(<http://www.quangduc.com/xuan/32namty.html>) căn cứ trên *Chrestomathie Annamite (Quảng Tập Viêm Văn)* của Edmond Nordemann (Ngô ĐỀ MÂN), ấn hành ở Hà Nội năm 1898 và *Les Familles Illustres de l' Annam: S.E.Nguyễn Hữu Độ* của L.Sogny, đăng trong *Bulletin des Amis du Vieux Hue*, năm 1924, lại cho rằng vua Gia Long về sau chính là cháu nhiều đời của Nguyễn Trãi bởi vì Châu Thị, vợ cả của Nguyễn Trãi, đã trốn thoát được bản án tru di năm 1442, chạy vào Nam Hà, đem theo được nhiều con trong đó có Nguyễn Công Duẩn, rồi Duẩn sinh ra Nguyễn Đức Trung, Trung sinh ra Nguyễn Văn Lãng, Lãng sinh ra Nguyễn Hoàng Dụ, Dụ sinh ra Nguyễn Hoàng Kim, tức là Nguyễn Kim (1500-1545), Kim sinh ra Nguyễn Hoàng (1525-1613), tức là chúa Tiên, chúa đầu tiên của nhà Nguyễn.

(3) “*Nhân một vụ án, suy nghĩ về trách nhiệm người viết sử*”; <http://bach-khoa.org>.

(4) *Truyện "Rắn báo oán"* nhằm lập lò lí giải thảm án *Lệ chi viên*. Truyện cũng chẳng có sáng tạo gì mới mà chỉ là mô phỏng từ các truyện truyền thuyết Trung Hoa như *truyện Phương Chính Học* giết rắn sau khi nằm mơ, rồi bị vạ diệt tộc do đàn rắn báo thù; *truyện Ngô Trân*, làm quan đời Tống, ra lệnh đốt khu rừng rậm ở Kim Bình thì có một bà già dắt con đến cửa dinh kêu xin cho thư thả để kịp dời chỗ; Ngô Trân mắng đuổi, giục quân cứ đốt rừng bỗng có một luồng hắc khí bay vào, con dâu Ngô Trân có mang rồi đẻ ra Ngô Hy. Về sau Ngô Hy bị án diệt tộc; *truyện Chu Tuệ và Kiều Oanh*, cũng có nội dung tương tự: Chu Tuệ, một đại học sĩ đời Minh, bị vua không tin dùng, trở về quê Hàng Châu; một hôm nằm mơ thấy một người đàn bà đẹp đến xin hoãn việc dọn vườn để mẹ con kịp thu xếp. Tỉnh dậy thì đầy tớ đã giết mất 5 con rắn. Một đêm Chu Tuệ đọc sách, một con rắn bò trên xà há mồm nhỏ một giọt máu lên sách, thấm qua 3 trang giấy. Một hôm du ngoạn bên sông, Chu Tuệ gặp Kiều Oanh, một cô gái bán hoa xinh đẹp, cùng xướng họa rồi cưới Kiều Oanh làm thiếp. Một hôm tình cờ Thái tử đi qua ghé thăm, Chu Tuệ mở tiệc, Kiều Oanh hầu rượu. Đêm ấy, Thái tử ở lại với Kiều Oanh; sáng hôm sau Thái tử đã chết cứng. Chu Tuệ bị tru di tam tộc, 100 năm sau được minh oan.

Có lẽ phe cánh của Nguyễn Thị Anh lúc gặp chẳng nghĩ ra được chuyện gì mới bèn dùng ngay các truyền thuyết cũ của Trung Hoa.

(5) Giết được Nguyễn Thị Anh và Lê Nhân Tông rồi, Nghi Dân đã viết trong *Đại xá thiên hạ* khi nói về Nhân Tông như sau:

“*Diên Ninh (Nhân Tông) tự biết mình không phải là con của tiên đế...*” (*Đại Việt sử kí toàn thư* và *Đại Việt thông sử* có ghi lại chi tiết này).

(6) Nguyên tác “*Tổng thài tinh*” – nói lái là *tính Thái Tông* nghĩa là *họ của Thái Tông*. Lê Thái Tông có tên là Lê Nguyên Long – “*tính Thái Tông*” dịch thoát là “*máu Nguyên Long*”

(7) Từ thực tế này, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của triều Nguyễn về sau đã nhầm mà cho rằng Lê Thái Tông mất tại vườn vải vì bệnh sốt rét.

(8) *Vụ án Lệ chi viên*; Gs.Võ Thu Tịnh; <http://vietsciences.free>. & *Đình Công Vỹ - Bên lề chính sử*; NXB Văn hóa Thông tin 2005.

(9) Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh Thái Bình.

(10) Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ lúc gặp nhau đã có 2 bài thơ xướng họa :

*Á ở đâu ta bán chiếu gon,  
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?  
Xuân xanh nay độ bao nhiêu tuổi;  
Đã có chồng chưa được mấy con?*

Nguyễn Thị Lộ ứng khẩu họa ngay:

*Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon,  
Có sao ông hỏi hết hay còn?*



*Xuân xanh vừa độ trăng tròn lẻ;*

*Chông còn chưa có, có chi con.*

(11) (15) Theo Đinh Công Vỹ; *Bên lề chính sử*; NXB Văn hóa Thông tin 2005.

(12) Vũ Quỳnh : Binh bộ thượng thư, Quốc tử giám tu nghiệp kiêm Sử quan Đô tổng tài đời vua Lê Tương Dực, tác giả bộ *Việt giám thông khảo* gồm 26 quyển.

(13) *Vụ án Lệ chi viên*; Gs.Võ Thu Tịnh; 04/04/2007;

<http://vietsciences.free.fr/vietnam/sudia/vuan-lechivien.htm>

(14) GS. ĐINH XUÂN LÂM, Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam;

(<http://bach-khoa.org/forum/showthread.php?t=6624&page=2>.)

(16) \* Phan Tình; truyện ngắn *Đêm Lệ chi viên* : “... Rượu say thì ít mà tình say thì nhiều, lòng xuân phơi phới giữa cảnh trăng thanh gió mát, khiến lòng quân vương không tài nào kềm hãm, dục tình trào dâng trước một mỹ nhân thân vóc cực kỳ kiều gợi, và chùng như cũng có ý hiển dâng lên hoàng thượng một mùi mọt đồng cảm ái ân. Đứng trước tình cảnh lòng xuân ngùn ngụt chứa chan, nhà vua không tài nào cưỡng nổi ...” ( <http://vantuyen.net> )

\* Nguyễn Thúy Ai, truyện ngắn *Trở về Lệ chi viên* (NXB Trẻ) :”... Qua khe của chiếc cửa sổ tròn nhỏ, bằng gỗ chạm trổ hình chim hạc rất tinh xảo, nhìn vào (...) mình rỗng đang ở trần trụi trực, phủ lên thân thể ngọc ngà của Thị Lộ, cũng không một mảnh vải che thân. Cả hai người ra sức tận hưởng lạc thú ...”

\* Hà Văn Thùy, *tiểu thuyết lịch sử Nguyễn Thị Lộ* (NXB Văn Học) cũng tưởng tượng những chi tiết tương tự.

## Tuổi Mơ

Kim Oanh



**C**uộn mình trong chăn, tấm chăn được đan chằng chịt từng kỷ niệm, liếng thoáng, ngây ngô, nười tiếc và cả ngọt ngào... Nhỏ mơ màng theo tiếng hát của ca sĩ Thùy Dương

*“Hãy yêu lại từ đầu,  
Những bông hoa mới nở.  
Hãy đi lại từ đầu,  
Con đường bóng cây che.  
Hãy nghe lại từ đầu,  
Tiếng yêu người thô thê.  
Hãy yên vui chờ đợi,  
Bàn tay tìm bàn tay.”*

(Hãy Yêu Lại Từ Đầu của Nhạc sĩ Nguyên Chương)

Mùa hè ấy nhỏ tròn mười lăm tuổi, cái tuổi môi hồng e ấp, nụ cười then thùng đôi mắt lóng lánh mộng mơ, và những cái “lớ ngớ” lại làm “khờ” người ta. Ai mà chả nghe các nhà thơ, nhà văn, ca tụng tuổi dễ thương này.

Con gái có mái tóc dài để làm duyên che những e thẹn và cũng trộm... nhìn người ta. Mái tóc nhỏ demi cho nên đã bị người ta nhìn lên một cách dễ dàng, ức quá cho nên không thêm nhìn trộm ai hết....mà chỉ trộm.. để trong lòng rồi ấp ủ mộng mơ...



*Trường Tổng Phước Hiệp - Ảnh KimOanh Tháng 4/2000*

Lớp học nhỏ trên lầu, mỗi giờ ra chơi từ hành lang nhìn xuống sân, nhìn anh lang thang dưới hàng phượng vĩ, hoa cũng thẹn thùng, từng cánh rơi trên tóc anh, nhỏ mím cười liếng thoảng làm thơ

*Ước chi là cánh phượng hồng  
Rơi trên mái tóc bành bồng của anh..*

Hằng, nhỏ bạn thân bật cười.  
- Thôi đi bà cụ non muốn ngồi trên đầu người ta sao?  
hỏ phá lên cười  
- Ta thử mi có thông minh không thôi, ta ước vậy nè:

*Ước chi là cánh phượng hồng  
Trôi theo mái tóc bành bồng của anh..*

- Tạm được, vậy là mi chỉ ngồi... trên vai của tên con nít đó thôi.  
- Ê Hằng nói chi tẻ rứa, biết đâu hấn ta hơn mình một, hai tuổi.  
- Bà cụ non ơi! luật lệ bọn mình đã định rồi không được thay đổi. Con trai bằng tuổi làm em, lớn hơn hai tuổi là bạn .  
- Ô hay! Thì ta chỉ xem hấn là bạn thôi mà.  
- Bạn gì? Con nít quý mới trở mã đã bày đặt yêu. Nghe ta đi đừng ước chi hết...đi theo ta... nó lôi tay nhỏ đi như bay... xuống thang lầu ...  
- Ê ,từ từ rách áo dài ta nè...  
- Thì mi cứ cột hai tà áo lại, giờ ra chơi hết rồi...nhanh thôi...

Vèo một cái là hai đứa đã có mặt ở canteen, và hai ly chè sâm bổ lượng có ngay.  
Thế là mơ mộng thoảng phút chốc được theo ly chè trôi vào bao tử. Nhỏ khoang khoái sửa lại hai câu thơ khi này

*Ước chi là một ly chè  
Trôi vào bao tử để mềo nè anh??!!*

Nhỏ Hằng thích chí cười như nắc nẻ:

- Vậy mới là phải phải bà cụ non ơi! Tùng..tùng... tiếng trống vào học bắt đầu, hai đứa lại cuốn áo chạy như bay.



*(Cầu thang lên lớp nhìn xuống đường Pasteur - Tổng Phước Hiệp - Ảnh Vũ Bình)*

Nhưng vừa đến chân cầu thang thì anh cũng vừa chạm mặt, nhỏ tài lạnh khi nãy giờ riu riu làm dáng, nhỏ níu tay Hằng tiếp tục chạy về lớp để tránh ánh mắt như sao đang...xẹt vào mắt nhỏ. Bỗng tiếng anh ngâm nga làm cả hai dừng bước và tròn tròn đôi mắt ngạc nhiên.

*Ước chi là vạt áo dài*

*Bay theo cơn gió cùng ai ...ăn chè?*

Ô hay! nghe lén người ta, nhỏ giận dỗi bỏ đi, miệng lầm bầm: “đi thì có hai chân mà đi, làm gì bắt chước người ta ước này ước nọ”

Nhỏ Hằng nguýt nhẹ.

- Đáng đời ai bảo mi trao duyên nhâm tương ...nhỏ vội bịt miệng không cho Hằng phát ngôn bừa bãi.

Nhưng nhỏ không thể bịt miệng anh:

- Đùa chút thôi cô bé, đừng hờn mà anh thực sự ước thế này nè:

*Ước chi là vạt áo dài*

*Bay theo cơn gió cùng ai đến trường*

*Ước chi được người ta... thương*

*Đêm trăng thanh vắng anh tương tư hoài.*

Nhỏ Hằng xí ....một tiếng dài và vừa đi vừa cảm râm:

- Ê tỉnh lại đi bà cụ, hấn chỉ tương tư mi khi hấn ăn bánh Trung Thu thôi, còn đêm nào trời không trăng không sao hấn ngủ khò... mất thôi.

- Nhỏ khỏi lo không trăng thì ...có đèn đường.

Nhỏ mỉm cười hài lòng với câu nói của mình. Nhẹ nhàng buông hai tà áo dài xuống cho gió phất phơ và ung dung rảo bước đi về lớp dù biết sẽ bị thầy la vì cái tội vào trễ giờ. Quê lắm đó!...nhưng có bị la thì tội này cũng đáng lắm cơ!

Thì ra ...ly chè của nhỏ đã chui vào bao tử của anh thật rồi. Thế là giờ học kế tiếp hồn nhỏ len theo cơn gió cùng ai bay ra ngoài cửa sổ rong chơi.

Hết giờ học nhỏ Hằng vúi quyền tập của Hằng vào tay nhỏ:

- Nè về làm ơn chép bài đi bà cụ non, ta biết mi hôm nay hồn treo lơ lửng trên cây phượng rồi, ráng mà giữ chặt nhe đừng để té đầu đó em.

Hằng tựa vào vai nhỏ ngân nga:

*Ước mi là cánh chuồn chuồn*

*Khi vui thì được khi buồn nhớ bay!*

- Nhớ nhe em cưng, Hằng bẹo yêu vào má nhỏ.

Nhỏ vuốt tóc nhỏ Hằng, cười triu mến:

- Chỉ có mi là số một hiểu ta nhất, cảm ơn nhe bạn.

- Mốc xì ta bây giờ là con số một nhỏ hiểu mi, cái tên “chết tiệt” kia dám chiếm số một La Mã của ta, từ nay ta sẽ bám theo mi ăn hàng... trù hấn, cho hấn biết tay ta.

Tan trường chiều nay gió lặng nhưng sao hai tà áo dài cứ vướn đôi chân, trái tim thì thỉnh thoảng, sau lưng nhỏ tiếng giầy anh khẽ đều bước cùng tiếng sỏi rạo rạo làm nhỏ luống cuống.. nhưng hài lòng... dạ cảm thấy nhẹ tênh.

Và từ dạo đó đêm nào học bài xong nhỏ cũng ra hành lang ngồi dưới góc cây xoài, ngắm xuyên qua kẽ lá, thăm mơ ánh mắt anh đang hòa vào ánh trăng thần thờ một bóng tương tư!.

Sương đêm tắm mát vào hồn, một nỗi nhớ dịu dàng cho tình đầy miên man.

***Dãy lớp ngay cột cờ - Trường Tổng Phước Hiệp -  
(KimDiệp, KimOanh)***

Những giờ ra chơi sau đó, nhỏ không được yên thân để thả hồn theo cánh phượng, không được trộm nhìn anh dưới hàng cây... vì cái ranh mãnh của nhỏ Hằng, bắt nhỏ phải nhanh chóng đi ăn hàng, Hằng không bỏ lỡ cơ hội “trả thù” anh.

Một hôm hai đứa vào quán giải khát, trên tay anh ba ly sâm bồ lượng cũng vừa mang đến, trong nụ cười thân ái anh mời.

- Mời hai cô bé giải khát

Nhỏ Hằng chanh chua:





- Cô bé hả? ”chị hai” thì có

Miệng nói, tay nhỏ nhe kéo ly chè vừa nói băng quơ:

- Người đâu tự nhiên tề!

Khác mọi ngày, hôm nay Hằng thủng thỉnh ăn một cách rề rà... không “đóp” nhanh...”đóp” bạo như trước. Hằng thả hồn lên mây, lim dim đôi mắt cất giọng một cách đặc ý:

*Ước chi tôi được thế này!*

*Ra chơi được đãi.. dài dài...vui ghê!*

*Ước chi người ta.. say mê.*

*Còn tôi thì được .. ê hê chè ăn...*

Từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, thì ra bạn cũng biết làm thơ, Hằng nghiêng người hít vào hông nhỏ, cái mặt nghinh nghinh ra về ta đây, mặt nhỏ nhăn nhăn vì hai chữ “say mê” táo bạo của Hằng, lại tiếp tục trở tài:

*Ước chi cái mặt đừng nhăn..*

Hằng chưa kịp dứt lời thì anh lại tiếp:

*Ước chi ai đó hãy thăng*

*Đừng cà kê nói lãng nhăng “em” nhờ*

Nhỏ không nhịn được cười vì trận chiến thơ đến hồi sôi nổi, Hằng cũng chẳng vừa ngồi lý ra đó và xuất khẩu thành thơ:

*Người đâu cái mặt bơ.. bơ*

*Nhưng sao cũng biết làm thơ đuổi tà*

*Ước chi ...*

Chưa dứt câu nhỏ thúc lưng Hằng phụ họa:

*Ước chi có cây chổi chà..*

Nhỏ Hằng tiếp lời:

*Đừng đánh...chị sẽ tà tà...đi đây.*

Hằng nhéo mũi nhỏ và nghiêng người qua anh cười đắc thắng

- Cám ơn ly chè nhe “chị” thăng đây.

Nhỏ cũng chạy theo Hằng vì hết giờ chơi, nhỏ để lại anh nụ cười đầm ấm thay lời cảm ơn. Anh nhìn theo nhỏ ánh mắt triu mến thật thà.

***Hành Lang Dãy sau Văn Phòng -Tổng Phước Hiệp -  
(Ảnh KimOanh)***

Một hôm vào giờ Việt Văn, thầy Việt Văn thông báo, nhà trường chuẩn bị làm bích báo tất cả các lớp được tham gia, thầy sẽ kiểm duyệt nội dung bài vở.



Nhỏ vui thầm trong lòng, đây là dịp may “gián tiếp” thổ lộ nỗi lòng thầm kín của mình mà ngày qua ngày nhỏ vẫn “làm tàng” anh chả có “ký lô” nào trong tim nhỏ, rồi mơ màng tìm ý làm thơ.

Nhỏ Hằng thúc cùi chỏ và tùm tùm cười:

- Ta sẽ làm một bài thơ đặng chơi.

Tùng...tùng...tùng tiếng trống ra chơi! Trống chưa dứt Hằng đã kéo nhỏ đi.

- Ê nhỏ Hằng, thầy chưa đi đây.

Hằng nháp nha nháp nhòm:

- Thì ta mới depart thôi mà.

Thầy vừa bước xuống bục, Hằng đứng tựa cửa cúi đầu đưa tay:

- Em mời thầy nghỉ giải lao a.! và Hằng kéo nhỏ chạy vội vàng...

- Nhanh lên bà cụ hôm nay ta đãi mi và hấn ăn hàng nè.

- Ê chuyện lạ bốn phương à nha, mi tính toán gì đây?

- Xuyt... ngoan “chị” cung !

Đến canteen, Hằng ấn nhỏ ngồi xuống vội vã đi mua chè, anh cũng vừa đến, Hằng mang đến ba ly chè và mời

- Hôm nay “tui” trả lễ nè.

Nhỏ trở mắt nhìn và anh tùm tùm cười ngạc nhiên, không biết con nhỏ này quý quái gì đây, sao hôm nay tử tế thế này? Chắc là có ẩn ý gì?!

Rồi Hằng ăn từ.. từ.. từng hạt bo bo từng cọng phở tai, vờ như không có ai bên cạnh, nhỏ và anh chờ xem Hằng trở tài gì hôm nay... Anh nháy mắt ra hiệu cho nhỏ ăn nhanh.

Ngẩn đầu lên Hằng hỏi:

-Ưa sao im lặng vậy? Hôm nay hồng ước nữa hả?

Anh cũng lém lỉnh không kém Hằng

*Hôm nay.. ”chị” khỏi la cà*

*Ngồi đây chị hãy ...tà tà ...mà xoi!*

Anh đứng lên và bảo:

- Nhỏ đi, chúng ta đi

Nhỏ bật cười và thấy thương cái mặt ngớ ra của Hằng

Hằng nói to:

- Ê mi phản bội ta há!

Hằng xô nhỏ ra và bảo:

- Thôi đi đi, nhất hoa phương nhớ chia cho ta với nhe.

Hằng cười kèm theo ánh mắt tinh ranh.

Bỗng nhiên vài hạt mưa còn sót rơi nhanh trong mùa hạ, mưa êm ả nhẹ cài lên tóc, gió lùa qua nhánh cây mang theo những cánh hoa phượng rơi làm rối lòng bao thi sĩ và ...cũng rối lòng nhỏ.

Nhỏ Hằng chỉ “xạo”thôi, có bao giờ nhỏ tha cho anh và nhỏ, nhỏ luôn kè kè làm cái đuôi..đi theo phá đám.



*Lối ra cổng chính Trường Tổng Phước Hiệp - ( Ảnh KimOanh)*

Sợi dây thân ái kết ba người từng chuỗi ngày vui nhộn bên nhau, trời thêm muộn phiền theo Thu tàn, Đông qua, Xuân sang, rồi Hạ đến. Tha thiết chờ đợi một điều gì sao mà chậm chạp, van xin một điều gì chớ vội thì lại đến thật nhanh.

Hè về, hè về... một thông điệp chia tay, không chỉ riêng nhỏ, tâm hồn học trò đều xuyên xao buồn vui gói trọn.

- Ê, bà cụ non có làm bài thơ nào cho Bích Báo năm nay không?

Câu hỏi Hằng mang nhỏ về với thực tại, nhỏ trả lời:

- Rồi chị hai ạ. Bài Tuổi Mơ

- Đưa ta xem, lấy bút hiệu là gì?

- Bút hiệu Áo Trắng

- Còn mi, làm thơ cũng khá lắm đấy, được bài nào cống hiến cho lớp không?

- Có rồi bà cụ non ơi. Nhưng chưa có tựa đề

- Nhỏ Hằng cho ta kiểm duyệt trước nhe.

- Khi mốc nè, ta bật mí sau.

Bất chợt Hằng reo vui:

- A! có tựa rồi Tuổi Ước, bút hiệu Chè Ba Màu được không? Hằng cười hề hà thật vô tư.

- Trời ơi làm ơn cho hoa lá cành chút đi mi ạ. Tuổi Ô Mai, Tuổi Ngọc hay Tuổi Thơ. Mi toàn là ăn với uống!

Nhỏ Hằng khoác tay lia lịa

- Thôi đi, ở Vĩnh Long này làm gì có Ô Mai, chỉ có Chùm Ruột, Xí Muội, Ô Môi thôi, ta thực tế lắm.

Nhỏ vui cười trong nét trẻ con của bạn, hồn nhiên, thanh thoát, đáng yêu.

Giờ Văn kế tiếp, thầy thu bài, lần đầu tiên nhỏ bạo dạn nộp bài dư thi, phập phồng chờ đợi.

Tuần sau cũng giờ này thầy trả lời những bài dư thi hợp lệ và không hợp lệ. Tên Hằng được lọt vào danh sách hợp lệ, bạn mừng toáng lên choàng ôm lấy nhỏ. Tên nhỏ được đầu danh sách...bất hợp lệ.

Nhỏ Hằng đứng lên khiếu nại:

- Thầy có chấm kỹ không thầy?

Thầy mỉm cười không đáp, tiếp tục xướng danh.

Trên tay nhỏ bài thơ kèm theo dòng viết đỏ thắm với lời phê bình

*“Bài thơ lãng mạn không phù hợp với lứa tuổi học sinh ”*

Một chút buồn thoáng qua, thế là hồng, lòng mình chỉ riêng mình hiểu!

Nhỏ Hằng tức tối:

- Đưa ta xem, hay mi bị ếm tài. Hằng xuống giọng “em ghét thầy!”. Hằng thì thầm bên tai nhỏ, phân tách như một lời an ủi:

- Mi nè, theo ta thầy cũng dễ thương lắm, không như ta nghĩ, thầy khen khéo mi nè "thơ lãng mạn" vậy là hay rồi, nhưng ai bảo mi yêu sớm nên mới ra nông nỗi này. Thôi biết đâu thiếu bài, thầy sẽ cho đăng bài dự khuyết.

Nhỏ bật cười: "Mi là con bạn..." lảng nhách" ...nhưng... thật... dễ thương của ta"

Trong tim mỗi người có một căn nhà nhỏ, Hằng là người khách quý luôn ghé vào tề xá thăm nhỏ, Hằng đem nụ cười xoa dịu nỗi muộn phiền chợt đến trong nhỏ, và Hằng mang nhỏ trở lại hồn nhiên trong thực tại.



Tiếp nối những ngày nhộn nhịp, háo hức mỗi bận nhỏ đi ngang qua văn phòng báo chí, nhìn các đàn chị, đàn anh trong ban chấp hành cùng nhau cặm cụi làm báo, không khí náo nhiệt tung bừng tiếng máy đánh chữ lóc cóc ...lóc cóc.. đều đều vang lên hòa với tiếng cười dòn làm lòng nhỏ thêm náo nức, hòa niềm vui như mình đang được tham gia. Trong tâm tư nhỏ ước muốn, được bước vào để được phụ một tay dù chỉ được quây bột trét hồ dán báo hay cắt xén bài vở cho đỡ ghiền. Thực sự thời đó nhỏ rất “thèm” được làm báo.

Nhỏ cũng ganh tỵ với các chị Phi Phi, Suong, Huệ, Điều, Thúy Hiền, vừa đẹp lại tài ba, rồi thêm Ngô Thị Mỹ Trang, Phan Các Chiêu Hằng gương mặt sáng giá trong ban Văn nghệ kiêm luôn Báo chí, hai

cái tên dài lê thê...vậy mà khi gọi không ai có thể tách rời ra vì sẽ mất hay đi. Tiếc rằng thời ấy không ai hiểu tâm trạng của nhỏ và cũng tại quá nhút nhát hồng chiụ nói ra làm chi.

Rồi ngày lại qua ngày, nhỏ hay thần thờ lo nghĩ, anh ái ngại lo tra hỏi, nhỏ chẳng dám nói, anh mà biết nhỏ làm “thơ yêu” rớt đài, mắc cỡ chết !

Anh một phen vất vả, tốn tiền o bế nhỏ Hằng để điều tra, nhỏ Hằng tha hồ hành hạ anh, lợi dụng anh để được ăn chè miễn phí.

Rõ sự việc thơ nhỏ bị bắt hợp lệ, anh nài nỉ cho anh xem thơ.

Nhỏ Hằng ngồi bên đốc thúc:

- Bà cụ non đưa cho ông cụ xem thơ đi.

Nhỏ trừng mắt bạn:

- Mi không phản bội ta nha.

Nhỏ Hằng cười vuốt ve:

- Bà cụ non ơi, ta biết trên đời này có một “ông cụ non” sẽ thương thức thơ mi, ta mặc kệ cho mi giận..

1. Nhanh tay Hằng chìa bài thơ cho anh,; nhỏ tái mặt vì xấu hổ.

Nhỏ choàng người để giật lại nhưng bài thơ gọn gàng nằm trong túi áo anh.

- Cảm ơn cô bé nhé, mai anh trả lại.

Cái ngày mai của anh như là một cục hình, nhỏ hồi hộp, hồ thẹn đợi chờ... còn hơn là dạo trước chờ thầy duyệt bài nữa kia.

Nhỏ hờn dỗi Hằng, suốt đoạn đường tan học vắng tiếng cười, mặc Hằng xin lỗi hay dỗ dành, nhỏ vẫn lặng im... Hằng cũng tự ái chẳng nói chi...

Hai đứa lặng lẽ đi một cách nặng nề. Hằng rẽ vào nhà chẳng có tiếng chia tay... Thế là giận thật rồi!

Nhỏ hối hận... nhưng ai bảo Hằng quá đáng chi.

Sáng hôm sau nhỏ đi học lẻ loi, trên đường qua cổng nhà Hằng, nhỏ không thấy Hằng đợi như mọi hôm, lòng buồn rười rượi. Nhưng bỗng phía sau Hằng tiến lên kề vai sánh bước, mắt liếc sang nhỏ thỏ thẻ:

- Giận đã chưa? đầu ta nè “ giận cá thì cứ chém thớt” cho sáng con mắt tên chết tiệt kia, tôi con mắt mi.

- Mi làm như vô tội vạ vậy, con mắt mi thì sao?

- Mắt ta hả? Ờ thì xem như bị bù lệch ăn đi, hồng biết nhìn người...

- Ồ hay, mi đúng là tên ăn nói ngang ngược. Hằng cặp tay nhỏ xiết mạnh, hai đứa khúc khích cười... thối nổi buồn, con hờn giận cho... “qua cầu gió bay”.

Hai đứa vừa đồ dốc Cầu Lâu, anh đã đứng đây chờ cùng nhau đến trường. Anh kín đáo trao quyển vở cho nhỏ trong ấy kèm bài thơ của nhỏ, được anh chép lại màu mực tím với nét chữ thanh thanh bằng ngòi viết lá tre. Cùng đoạn tái bút của anh.





### **Tuổi Mơ**

*Tuổi mười lăm sao lòng lạ quá!  
Có những trưa hè chợt băng khuâng  
Nhớ hoa rơi đỏ thắm trên sân  
Nhớ áo trắng học trò chi lạ  
Hay là em đã... nhớ người ta?!*

*Tuổi mười sáu pha chút thương thương.  
Nắng vàng rơi ấm áp lạ thường  
Tha thiết như mắt người ta ấy  
Ấm nồng trong sáng sớm hơi sương  
Buổi sáng đến trường những ván vương.*

*Tuổi mười bảy hồn bay theo gió  
Thoảng hương thơm áo trắng học trò  
Mộng mơ thơ thẩn với lá hoa  
Tương tư một bóng dưới trăng ngà  
Thì ra... em đã yêu người ta!!!*

### **Áo Trắng**

(Bút Hiệu của Kim Oanh)

Mùa Hè 1973

TB:

*Cảm ơn cô bé!  
Anh cũng xin cảm ơn thầy em!  
Đã dành bài thơ này chỉ riêng anh  
Trong nắng sáng long lanh  
Mỗi độ hoa phượng nở đầy cành,*

*Anh nhớ mãi bài thơ tình "Áo Trắng"*

Nhớ người...nhớ lớp, nhớ trường.. một chút gì ấm áp pha cả luyến thương có lẽ nhờ “chiếc chăn kỷ niệm” phủ kín lên người?! Chiếc chăn kiên trì không phai màu, không nhàu rách đã thủy chung cùng nhỏ vượt đại dương và chia sẻ ba mươi mùa giá lạnh.Và hơi ấm ấy đã cho nhỏ những giấc mơ tuyệt đẹp, đẹp như một thuở mới khởi đầu của tuổi mười lăm.

Hình ảnh cũ, âm vang xưa vẫn mãi mãi là bức tranh linh hoạt, là những nốt nhạc bổng trầm hòa thành khúc hát du dương ấp ủ hương học trò, ru cuộc đời còn lại trong nhỏ...ấm áp ngọt ngào, trong giây phút này nhỏ vẫn còn những “ước chi” chân thành, giản dị của thuở mười sáu, mười bảy ngây ngô.



*Ước chi là cánh phượng hồng  
Vương lên mái tóc bồng bềnh của anh  
Ước chi là chiếc lá xanh  
Rơi trên vai áo dạo quanh sân trường  
Ước chi là những hạt sương  
Long lanh nắng sớm anh tương tư hoài  
Ước chi là mái tóc dài  
Gió lay em gửi hương say cuộc đời  
Ước chi là trang tập mới  
Hồn nhiên anh viết những lời thơ yêu  
Ước chi là một cánh diều  
Anh say sưa ngắm những chiều vàng rơi..*

Có ai biết nắng vàng rơi nơi đây có như nắng vàng quê nhỏ không nhỉ? Rồi khẳng định lòng mình.  
Chắc không nắng nào đẹp bằng nắng Vĩnh Long!  
Thời gian trôi hay dừng lại?  
Có bao giờ anh còn nhớ như nhỏ?

*Khó mà hiểu được lòng người ta.  
Nhưng chỉ hiểu được cái tình mình... xa.  
Thì thôi, cứ mặc thì thôi...  
Chỉ cần anh hiểu... là đời nhỏ vui.  
Kéo mai tóc trắng như vôi  
Nhai trầu, xỉ thuốc, vẫn còn làm thơ.*

*Dù thơ có tẻ đến đâu...  
Có người hút điếu, vuốt râu ngâm hoài!  
Nhất thiên hạ rồi nhĩ !!!  
Khà...khà...khà...*

Còn ước chi hơn nhỏ và anh hời!  
Dòng đời ba mươi ba năm trôi qua có một cái ước mơ.. được toại nguyện không còn thấy đời hiu quạnh lẻ loi.

Mỹ Úc thật xa xôi, nhưng nhỏ ngỡ như đang ngồi dưới mái trường xưa yêu dấu, nhờ sự động viên khuyến khích của thầy cô Hiệu Trưởng, anh Ngọc Em, và bạn hữu nhỏ cũng tập tễnh làm thơ, viết tùy bút gửi cho Đặc San Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Tổng Phước Hiệp Cali.

Nhỏ có một lá gan và lá phổi bò to lắm, chị 6 Phượng của nhỏ bảo “*đúng là điếc không sợ súng*”, nhỏ điện thoại cho anh 4 Thành của nhỏ bên Mỹ hỏi: “ Anh cảm nghĩ thế nào” anh cũng như thầy dạy Văn khi xưa phán một câu “xanh dòn”  
“*Thì không ai viết, bài mình phải đăng thôi*”  
Cũng như nhỏ Hằng bảo thơ nhỏ chờ “*dự khuyết*” ấy mà...

Nhưng cô Dung chưa thấy nhỏ gửi bài sang thì kêu “ Bớ em Kim Oanh. ...” Chiêu Hằng thì bảo “ kêu gào chớ không phải kêu gọi đâu nhé...” thế thì sao nhĩ??? Gãy đầu nhỏ biết chắc bài viết mình đã được ...*dự khuyết* rồi.  
Thiện tai!Thiện tai!

Anh Tư Thành của nhỏ ngày xa xưa cũng một thời đã hiên ngang làm Trưởng ban Văn Nghệ và Báo Chí của trường Tổng Phước Hiệp. Thế mà đứa em gái này một bài cũng hồng được đăng. Rõ dở ơi là dở!!!  
Thôi thì làm liều một phen, nay nhỏ cũng không còn trẻ, tai cũng ù..., da mặt cũng không còn non... để mắc cỡ . Viết được.. thì thầy cô, bạn bè khen một tiếng, có dở thì cũng được ...một nụ cười tươi như ...“Tuổi Mơ” ấy mà.  
Phải chăng các bạn?!!!

....Bâng khuâng, rộn ràng, ngại ngần theo tháng ngày vun vút trôi.  
Tôi ơi, người ơi, đừng để thêm một lần nuối tiếc. Hãy thấp lên tia lửa ấm trong đêm lạnh, ngân lên chút tình.. ngọt ngào... như lời hát cuối của ca sĩ Thùy Dương.

*Mỗi chúng ta trong đời  
Đã có lần dang dở.*

*Hãy yêu lại từ đầu,  
Mỗi tình tuổi thanh xuân.  
Hãy trao lại từ đầu,  
Lá thư xanh muốn tỏ...  
Hãy yên tâm hò hẹn  
Êm đềm ánh trăng khuya...”*  
(Hãy Yêu Lại Từ Đầu của Nhạc sĩ Nguyễn Chương)

Khúc tình thuần khiết năm xưa của nhỏ nay chỉ còn là một thoáng hương...nhẹ bay vào trong nỗi nhớ dịu dàng và rơi vào tim nhỏ, tiếng nói đầu đời của một tri âm cùng một tri âm. ■

***Kim Oanh***

Úc Châu 2009  
Viết cho Kỷ niệm mùa Hè 1973

\*\*\*

**Hãy Yêu Lại Từ đầu của Nhạc sĩ Nguyễn Chương**

[Hay yeu lai tu dau - YouTube](#)

Nhạc sĩ Nguyễn Chương  
Tiếng Hát Thùy Dương  
Thực Hiện youtube: Nguyen Thang

## **ĐỜI ĐI DẠY TẠI CANADA: Những Ngày Được Sống Với Cha Già**

**GS Đàm Trung Phán**

**M**ấy hôm vừa qua, Giáo Già nhà tôi có hứng đi tìm các chi tiết về mấy môn dạy trong khoảng thời gian 1975 đến 1979. Mở cuốn sổ điểm thứ ba ra, và nhất là đoạn cuối của cuốn sổ điểm thứ nhất, tôi có cảm giác như mình đang đi lạc vào một miền đất chẳng có xa lạ gì cho lắm: có khi cảm thấy như mình đang đắm tàu, rồi thuyền được cứu vớt đề rồi người viết cảm thấy nhẹ nhàng và êm đẹp vô cùng. Tuy nhiên, khi nghĩ đến giai đoạn gia đình chúng tôi gồm có cụ thân sinh, gia đình anh chị Đàm Trung Pháp cùng ba cháu gái, và nhất là chú Út đã ra khỏi được Việt Nam trong hai ngày khác nhau, qua hai đường bay khác nhau, tôi vẫn còn cảm thấy hồi hộp.

Tuy rằng tất cả mọi người trong gia đình chúng tôi đã nhận được giấy bảo lãnh của tôi sang Canada qua ngã tòa đại sứ Canada tại Sài Gòn nhưng tôi cứ thắc mắc là tại sao sau khi gia đình đã sang được Clark Air Base tại Phi Luật Tân mà để rồi lại một phe lại đi Mỹ, chỉ trừ có chú Út lại bay sang Canada theo diện tôi bảo lãnh mà thôi.

Tôi chỉ nhớ là đã lấy xe điện ngầm (Subway) từ Scarborough/Toronto lên đến Union Station để đón chú Út đi xe lửa từ Montreal đến Toronto. Hóa ra, chú đã bay từ đảo Clarke Air base đến Guam rồi lấy máy bay đến Florida, rồi bay từ Florida đến Montreal.

Hai anh em gặp nhau mừng mừng tủi tủi sau 14 năm xa cách. Tuy rằng tôi rất muốn đưa em trai đi ăn một bát phở nhưng mà hồi đó đâu đã có một hiệu phở nào đâu tại Toronto?

Vì thân phụ chúng tôi đã đi máy bay từ đảo Guam cùng với gia đình anh chị Pháp sang đến Camp Pendleton, rồi ngay sau đó được một gia đình người Mỹ bảo trợ tại Fort Wayne, cho nên cụ đã bịn rịn ở lại Mỹ một khoảng thời gian, rồi tôi mới bảo lãnh sang Canada được.

Năm 1976, tôi cảm thấy rất hạnh phúc được sống với cha già, một điều mà tôi không thể tưởng tượng được: tuy nước mắt, nhà tan nhưng mà tôi lại có cái may mắn được gặp lại cha già và hai anh em trai tại miền Bắc Mỹ này.

Còn gì thú vị hơn là không những Giáo Út nhà tôi không đã phải dạy một môn mới nào mà lại còn có thì giờ đưa con trai đầu lòng đến nhà giữ trẻ rồi đón con về vào ban chiều trong hai năm 1975, 1976.

Rất nhiều lần thằng cu muốn tôi đưa anh chàng vào trong cái phòng Thí Nghiệm Vật Liệu của tôi tại College. Anh chàng được bố cho trèo lên cái ghế để mà tha hồ viết phấn trắng, vẽ trên cái bảng đen dài hơn 5 mét. Vừa vẽ, vừa cười nói trong khi đó ông bố thu xếp phòng thí nghiệm mà không sợ anh chàng chạy nhảy lung tung. Đây là những giây phút tuyệt vời nhất cho hai cha con chúng tôi. Lúc đó thằng cu mới chưa đầy 4 tuổi, và bố của thằng cu 34 tuổi. Trong xe, trước khi về nhà, thằng cu nói hấn đói và khát nước, hẳn bắt bố nó lái xe đến hiệu tạp hóa “Variety Store” để mua nước táo, bánh ngọt và kẹo.



Buổi tối, thằng cu “hót” với mẹ là rằng nó đau vì bố đã hư quá: bố đã bắt nó uống nước táo và ăn kẹo... Thật là một đồ phản thùng vì anh chàng sợ bị mẹ la rầy, bèn đổ lỗi cho ông bố “ngây thơ vô số tội” của hần!

Tuy rằng Sài Gòn đã mất, nhưng cá nhân tôi lần đầu tiên cảm thấy không còn phải lo sợ là tôi sẽ chẳng bao giờ được gặp lại cha già trong những lúc “trái gió, dỏ trời”!

Tôi vui mừng đi mua thêm một chiếc xe đạp “folding bicycle” nữa, có nghĩa là một cái xe đạp có bánh nhỏ hơn xe đạp thường và có thể gấp lại được để mà bỏ vào thùng xe. Mua luôn cả một cái ghênhỏ để cho để chở con trai đầu lòng đi xung quanh khu phố trong mùa xuân, mùa hè, và mùa thu. Vui nhất là được nghe thằng cu mới chưa đầy 4 tuổi ngồi đằng sau hát líu lo trong khi người phu xe mỉm cười rất là hạnh phúc...

Mùa hè 1975, ông bố trẻ đạp xe đưa con đi chơi trong cái rừng mát rượi trong khi đó nhiệt độ ngoài trời Toronto có thể lên cao đến hơn 30 độ C. Còn vui hơn nữa: trong nên khóa mùa thu năm 1975, giáo Út không phải dạy môn học nào mới hết. Tha mà có thì giờ đạp xe đưa con trai đầu lòng đi chơi mà chẳng phải lo soạn bài trước. Trong khi đó còn có em trai để hai anh em đi chơi, đi kiếm việc, đi xem tình hình về ngành Y khoa tại Toronto...

Mùa hè năm 1975, Giáo Út cũng đã từng lái xe ra phi trường Toronto để đón một số đồng bào tị nạn mới tới Canada rồi giúp họ kiếm nhà, hướng dẫn cách làm đơn để đi kiếm việc...

Mùa thu năm 1975, sau khi Giáo Út đi dạy lại, nhờ có đường dây điện thoại đặt ngay trong phòng thí nghiệm nhà trường, cho nên Giáo Út vừa trông phòng thí nghiệm, vừa liên lạc với văn phòng “Việt Nam Welcome House”... để mà trò chuyện với những ai mới tới mà cần chỉ dẫn.

Lúc này, thân phụ chúng tôi đã 80 tuổi, trạc tuổi tôi bây giờ khi đang viết những dòng chữ này. Cụ đã đã lãng tai, mắt đã phải dùng đến hai cái kính “lúp” mới đọc được. May thay, Giáo Út nhà tôi còn giữ được cuốn truyện Kiều do cụ Trần Trọng Kim và cụ Bùi Kỷ giải nghĩa mà Cụ đã gửi sang Úc cho đứa con trai trót út năm 1965 vì cụ sợ tôi sẽ quên tiếng Việt nếu không đọc truyện Kiều!

Canada rất lạnh về mùa Đông. Cụ còn nhớ khi tôi còn ở bên Úc, tôi đã mua cho cha già nào là áo len, nào là “robe de chambre” bằng len của Úc, cho nên tôi đã lên phố cho cha già một số quần áo lạnh.

Khi đó thằng cu đã hơn 4 tuổi nhưng không nói được tiếng Việt rành cho nên hai ông cháu không nói chuyện với nhau được nhiều. Một hôm, sau bữa ăn, mẹ thằng cu nói hần đưa cho ông nộimột bát cà rem. Hần nói:

- Ông nội, eat!

Ông nhìn bát “ice cream”, rồi nói:

- Cho ông nhiều như vậy mà sao lại nói là “ít”?

Chỉ có bố và mẹ thằng cu mới biết câu chuyện để mà cười mà thôi.

Buổi tối khi hai cha con chúng tôi vào phòng thăm ông nội, thằng cu thường hay nhìn trên bàn của ông xem có thứ gì lạ. Đôi khi anh chàng còn mở ngăn kéo xem ông chứa những thứ gì trong đó.

Chiều tối, khi ngồi ăn, thằng cu bắt người lớn phải chấp tay để hấn chấp tay cảm ơn Thượng Đế đã cho bữa ăn ngon. Ông nội mỉm cười móm mém vì rưng hết răng nhưng không cho con trai đi làm răng giả cho cụ. Ông gọi cháu nội trai là “ông cha đạo”. Khi tôi viết những dòng này thì “thằng cu” nay đã có hai đứa con trai ở tuổi 17 và 15 rồi! Hai cháu nội của Giáo Già gọi tôi là “Ông Nội” rất rõ ràng nhưng không nói được tiếng Việt!

Tuy nhiên ba bố con chúng nó (tức là con trai và hai cháu nội của tôi) ngồi ăn đồ ăn Việt Nam... y như người Việt Nam chính gốc!

Hai mùa hè năm 1975 và 1976 là hai mùa hè tươi đẹp nhất của người viết. Này nhé: tôi không còn phải dạy học từ giữa tháng 5 đến cho đầu tháng 9! Trong vòng 2 năm liền, nhất là ban đêm không phải ngồi chấm bài hay soạn bài gì hết! Tuy tôi vẫn phải có mặt tại trường nhưng sướng nhất là chỉ phải vào trường khoảng sau 9:30 sáng rồi muốn về nhà lúc nào cũng được, nếu mà không bị đi mít tinh. Nếu cần phải đi đâu hay đi về nhà, tôi chỉ cần nói với bà thư ký là tôi sẵn sàng trả lời trên điện thoại. Nếu không, tôi sẽ lái xe tới trường ngay, cách nhà khoảng 2 km mà thôi.

Thường thường, Giáo Út (GU) đưa thằng cu đến nhà giữ trẻ buổi sáng rồi đến đón con về khoảng 4:00 giờ chiều. Sau khi đưa con đến trường (mẹ thằng cu phải đi làm sớm), tôi trở về nhà nói chuyện với thân phụ và kể cho cụ nghe đời sống của tôi lúc bên Úc và nhất là những năm về sau này của tôi trong thời đi dạy học. Ban ngày, khi tôi phải vào nhà trường, cụ ở nhà một mình và đầu viết lách về Truyện Kiều. Thật may mắn thay: không ngờ nhờ có cơ hội này mà cụ đã để lại cho chúng ta những nhận xét rất đúng đắn về những nhiều câu thơ trong Truyện Kiều. Trong thời gian 1976, 1977 này, cụ còn nhắc tôi mua cho cụ cuốn “Fables de La Fontaine” để cụ dịch thành thơ sang tiếng Việt nữa. Lâu lâu, tôi còn lên phố tàu mua cho cha già một vài cuốn sách chữ Hán nữa.

Trước khi tôi được thực sự nghỉ hè, tôi vào trong trường làm việc một lúc, cứ khoảng xế trưa, tôi lái xe về nhà ăn cơm với cha già. Trong văn chương Việt Nam, người ta thường hay nói đến bà mẹ già nhưng ba anh em trai út chúng tôi chỉ có cha già vì thân mẫu chúng tôi đã mất lúc bà mới 50 tuổi. Anh chị em chúng tôi chỉ biết có tình cha già gà trống nuôi con mà thôi. Tiếc nỗi, hồi đó, Giáo Út nhà tôi đã quên tiếng Việt khá nhiều vì hai vợ chồng thường hay chỉ nói tiếng Anh với nhau, với con cái và khi đi làm. Vì vậy mà một số chữ như immigration, history, education... tôi không còn nhớ rõ phần tiếng Việt của nó ra sao nữa. Tôi đã phải bập bẹ khi nói chuyện với cha già.

Tôi cảm thấy rất bực bội với chính mình vì tuy đã may mắn được sống với cha già mà lại không nói được tiếng Việt mẹ đẻ của mình với cha già? Bèn phải lên phố tàu xin mấy tờ báo tiếng Việt để mang về nhà đọc. Vào phòng, đóng cửa lại và đọc to thật to để đánh thức cái tâm hồn đang đi ngủ của tôi, đang quên tiếng mẹ đẻ! Sau đó, tôi còn đi mua thơ Nguyễn Bính, thơ Vũ Hoàng Chương về đọc to lên trong những năm về sau này nữa. Mục đích là để nghe cha già tâm sự và để nhớ lại phần thi ca Việt Nam!

May thay, những năm, tháng về sau đó, khi tôi đi thăm cụ tại Texas hay tại Montreal, tôi đã có thể nói tiếng Việt một cách trơn tru hơn.

Năm 1976, khi thấy thân phụ phải dùng kính lúp hai mắt (hai cái kính lúp được gắn vào một cái ống bằng các tông tại hai đầu) mỗi khi cụ đọc sách, tôi đã đưa Cụ đi nhà thương để mổ hạt cườm nhưng Cụ không đi. Lý do là vì... ”Bố sợ lắm vì không biết tiếng Anh!” (Cụ nói tiếng Pháp rất trơn tru!)

\*\*\*

Khoảng gần cuối năm 1976, ông Super Chairman Chuck Cobourne gọi điện thoại báo cho tôi biết là bà Khoa Trưởng Margo Kenny và ông ta muốn gặp tôi trong phòng họp của họ. Hai vị này muốn tôi phải nộp cho họ một cái Résumé trong đó tôi phải viết ra tất cả những chi tiết của những môn tôi đã dạy và nhất là phần kinh nghiệm mà tôi đã phải trông coi các phòng thí nghiệm. Buộc lòng, tôi hỏi họ lý do tại sao tôi phải làm như vậy. Bà Khoa Trưởng mỉm cười và nói với tôi:

- Chúng tôi phải đăng báo để nhà trường thuê một giáo sư cho trường Công Chánh mà chính anh PD sẽ là vị đó.

Tôi nói tiếp:

-Thì quý vị cứ tự tiện mà ký giấy cho tôi lên chức, việc gì mà phải làm như vậy?

- Anh không biết luật lệ của nhà trường và của Công Đoàn Giáo Chức (Faculty Association) đó mà thôi. Chúng tôi phải cho đăng báo để cho thiên hạ có thể nộp đơn xin làm giáo sư. Vì ông “Chair” và tôi không muốn ai được thuê làm giáo sư ngoài anh ra, cho nên chúng tôi bắt buộc phải dựa theo những kinh nghiệm của anh để chúng tôi có thể loại bỏ họ mà không bị họ khiếu nại hay kiện tụng sau đó mà thôi. Anh nhớ nộp cho chúng tôi cái Résumé của anh để chúng tôi có thể sửa soạn cho đăng báo và lập Ban Tuyển Chọn Giáo Sư (Faculty Selection Committee) vào khoảng tháng 4 năm 1977. Ông Cobourne sẽ là “Selection Committee Chair”!

Vào khoảng tháng 4 năm 77, tôi được gọi đi interview, sau khi tôi đã phải nộp đơn xin công việc này. Một ủy ban gồm có 12 người đã interview tôi, rồi họ chấm điểm. Dĩ nhiên là họ đã hỏi tôi về những kinh nghiệm dạy học và tôi cũng đã nộp cho họ hết những lời nhận xét của sinh viên về tôi, về cách tôi dạy trong lớp học, trong những giờ dạy “Lecture” trong lớp và phần thực tập trong phòng thí nghiệm. Dĩ nhiên là tôi đã thắng cuộc vì đã được phe ta cho điểm rất cao! Tôi được biết đã có nhiều ứng viên cũng đã từng là giáo sư dạy tại các tỉnh bang khác nhau tại vùng phía đông và phía tây của Canada.

Tháng 5, năm 1977 tôi được bổ nhiệm với chức vụ “Instructor” (tương đương với Chức vụ “Assistant Professor” tại các đại học bên Canada và Mỹ). Có nghĩa là tôi được trở thành một “Faculty member” chứ không phải còn là một “Support staff” nữa.

Hai ngày hôm sau, tôi gặp một đồng sự dạy Toán đang làm chức vụ “Faculty Steward” (Đại Diện Công Đoàn Giáo Sư). Ông ta hỏi tôi đã được thuê theo chức vụ “Instructor” hay “Professor”. Sau khi ông ta được biết tôi chỉ là một “Instructor”, ông ta lớn tiếng chửi thề rồi nói với tôi:

- Anh để tôi cho tôi lo giùm anh vụ này. Bọn “management” ở đây chúng khôn kiếp lắm. Anh đã bị chúng ngấm tôm vì chúng nó chỉ lo cho quyền lợi của chúng nó mà thôi. Tôi sẽ lo vụ kiện này cho anh ngay ngày hôm nay.

Chưa đầy một tuần sau đó, tôi trở thành một “Full time Professor” (giống như một Full Chair Professor trong Đại học vậy). Và từ đó về sau này, tôi mới được trả lương giống như các bậc đàn anh của chúng tôi nhưng trên thực tế, tôi vẫn phải sống như một cái ao tù: nước chảy vào chỗ trũng. Cái ao là tôi, phải lãnh rất nhiều trước các món “left over” (cơm thừa, canh cặn) của ba ông George Sand, Sharad Kali và ông Mohamed Ali, chỉ trừ có hai ông Rick Chan và Tommy Transit mà thôi!

Muốn biết thêm chi tiết về thân phụ chúng tôi, xin mời đọc:

<http://chimviet.free.fr/truyenky/damphan/caydaloicu/dtpn051.htm>

Câu chuyện còn dài. Xin hẹn Quý Vị trong bài viết tiếp.

### **Đàm Trung Phán**

GS Công Chánh hồi hưu

April 3, 2023

## RƯỢU VÀ TRÀ

### Cát Minh & Phụng Hồng

**LTS.**-Bài này nguyên là thiên khảo luận của Bác sĩ Nguyễn Đình Cát bút hiệu Cát Minh (Giáo sư Nhân khoa bệnh lý của Y Khoa Đại Học Đường Saigon) viết bằng tiếng Pháp nhan đề “Comment boivent les Vietnamiens : Le Vin et le Thé” từ năm 1968 đến năm 1970, và đã diễn thuyết tại Phù Luân Hội Saigon (Rotary Club) năm 1973. Năm 1974 đã in thành sách do Bộ Văn Hóa Giáo Dục ấn hành. Sau đó BS Phụng Hồng chuyển qua Việt Ngữ để phổ biến. Vừa hoàn tất vào tháng giêng 1975 chưa kịp đăng báo thì Đà Nẵng thất thủ rơi vào tay Cộng Sản và BS Phụng Hồng bị kẹt lại rồi sau đó phải đi cải tạo tầy nã. Trước khi rời Đà Nẵng, Phụng Hồng đã ký thác các tài liệu thư văn sáng tác của mình (kể cả bài này) cho một anh bạn Hoa Kiều cố tri.

Hơn 10 năm qua tưởng chừng như tan biến, không còn hy vọng tìm lại được. Nào ngờ tháng trước đây, anh bạn đó vượt biển qua Hồng Kông. Thật là một chuyện hy hữu trong văn học sử VN sau khi mất nước. Nay BS Phụng Hồng lại ký thác cho Đông Phương được toàn quyền đăng báo để quýbạn đọc xa gần thưởng thức lúc “trà dư tửu hậu”. Nghĩ rằng đây là một tài liệu khảo cứu giá trị suýt bị tuyệt bản, chúng tôi hân hạnh giới thiệu với quý bạn bốn phương 2 kỳ trên tờ báo này.

(Đông-Phong)

**D**ói đến Tết, đồng bào ta thường nghĩ đến chén rượu ngày Xuân, một phong vị Á Đông cổ truyền. Trong kho tàng văn học bình dân, có lẽ rượu là đề tài phong phú nhất cho nguồn cảm hứng về lối sống của con người nên đã nhắc nhở rất nhiều, dưới hình thức tục ngữ, phong dao, ca dao... Lại thêm vào đó những câu thơ của nhiều thi sĩ, tự nhiên theo thời gian, cũng được nhập vào văn chương truyền khẩu rồi biến thành xuất xứ vô danh.

Từ ngàn xưa, hầu hết người Việt Nam đều tự sản xuất một thứ rượu duy nhất, cất từ gạo nếp hoặc gạo tẻ và sau này có vài loại từ đậu nành hay mật mía.

Rượu Trung Hoa như Mai Quế Lộ, Ngũ gia bì...đều thuộc loại rượu quý và ngon, nhưng không phổ thông trong dân gian. Ở miền Bắc những người sành rượu đều kén rượu cất tại làng Vạn Vân :

Vạn Vân nấu rượu cho người ta mua

Rượu nho Tây phương được nhập cảng vào xứ ta vào cuối thế kỷ thứ 19 cùng với sữa bò hộp.

Thi sĩ Trần Tế Xương (1870 – 1907) đã mô tả đời sống mới đó bằng những câu thơ châm biếm mà sau này được dân gian thường nhắc lại, mỗi khi muốn ám chỉ một số viên chức được quan thầy Pháp ưu đãi trong xã hội đương thời :

Sao bằng đi học làm thầy Phán

Tối rượu sâm banh sáng sữa bò

Rượu đã ăn sâu vào phong tục của dân ta. Đó là chất uống thêm sức cho dân quê :

Trời đất hương hoa,

Người ta com rượu

tăng nguồn cảm hứng cho kẻ sĩ :

Khi gió gác khi trăng sân,

Bầu tiên chúc rượu, câu thần nói thơ

và dự phần quan trọng trong việc tín ngưỡng và đại lễ :



Vô tửu bất thành lễ

Từ cúng gia tiên đến thần thánh, Phật, Chúa đều có rượu. Cả những trong các hội hè, lễ cưới xin đều có rượu :

Cưới em một thúng xôi vò,

Một con lợn béo, một vò rượu tăm

Trong cử chỉ thân mật, tạm biệt người thân, rượu cũng là mối liên lạc ước vọng ngày tái hợp. Không có bữa tiệc đãi khách lên đường mà không nhắc đến câu :

Chén đưa nhớ bữa hôm nay,

Chén mừng xin đợi ngày này năm sau

Kim Vân Kiều (câu 1517, 1518)

Trong những ma chay tại các xã, tiệc rượu cúng với đồ lễ là cơ hội say sưa cho nhiều người. Đám tang càng lớn, lại càng nhiều rượu và tốn kém chừng nào, gia đình người quá cố càng được trọng vọng chừng này. Cả dân làng đều được mời đến ăn uống no say, tùy theo sức chịu đựng của gia đình khổ chủ. Một người mất bao nhiêu người say :

Nhất nhân tử, vạn nhân túy

Ở nước ta cũng như ở các nước khác mà rượu không cấm chế, một số định hiến tán dương đã biến thành châm ngôn mà nhiều người cho là hay và chính người uống cũng nêu ra để bênh vực thói hư của mình. Ở đình làng, trong các hội lễ lớn có sức uống được nhiều rượu là một ưu điểm xã hội. Mọi người đều đua nhau uống để xem ai uống được nhiều. Những chén rượu mời nhau qua lại, “chén anh chén chú” những chén trà vui vẻ nhộn nhịp, “chén tạc chén thù”, đã gây ra những phút náo động, tăng cảm khoái, tạo nhiều can đảm và phát triển dũng tráng :

Nam vô tửu như kỳ vô phong

Lá cờ tung bay trước gió trên cột treo cao là tượng trưng hình ảnh chàng hào kiệt, có nhiều sinh lực thể xác và tinh thần, bộc lộ một nhận thức vững vàng, tăng hoạt bát :

Tửu nhập ngôn xuất

Người ta cũng nghĩ rằng rượu còn làm nảy nở một môi trường thuận lợi, chẳng khác con hổ trở về rừng xanh :

Tửu nhập tâm như hổ nhập lâm

Những viện chứng kể trên đã được rất phổ biến trong nhiều tầng lớp xã hội, nhưng thật ra chỉ là những cảm nghĩ hay suy tưởng vội vã. Kể từ thời xưa đã dùng rượu để lãng quên những nghịch cảnh hay những giây phút phủ phàng của cuộc sống hiện tại. Rượu đã coi như một trong 4 thú tiêu khiển thanh tao :

Cầm, kỳ, thi, tửu

Nhà thơ đã tìm thấy một nguồn mới cho thi hứng. Rượu trở thành một chất liệu trong thơ và thơ thiếu rượu thì như đàn đứt dây. Điển hình là câu thơ của Tản Đà thường được văn nhân làng say sưa truyền tụng :

Rượu say thơ lại khơi nguồn,

Nên thơ rượu cũng thêm ngon giọng tình

Rượu nhiều khi cũng là lối thoát tục, khuấy khỏa mối sầu vạn cổ :

Cảnh đời gió gió, mưa mưa,

Buồn trông ta phải say sưa đỡ buồn

Tản Đà (1889 – 1939)

Nhưng phải thành thực mà nói đó là một luận điệu của kẻ tiêu cực, yếm thế, không bao giờ chịu tìm lời giải cho các bài toán khó của cuộc đời, kiếm có xa lánh trần tục nhờ bầu rượu túi thơ. Tuy nhiên cũng thật khó mà phân biệt ranh giới giữa thú tiêu khiển và sự say sưa, giữa thái trạng kích thích nhất

thời của thần kinh hệ và sự đam mê có thể kéo dài một cách tai hại. Thế cho nên luân lý cổ truyền Á đông đã nêu nguyên tắc “tứ giới”, tự câu thúc lấy mình để thành người đạo đức :

Tửu, sắc, yên, đồ

Cũng trong tinh thần đó giáo lý nhà Phật đã quy định 5 điều răn cấm “ngũ giới” :

Sát, đạo, dâm, vọng, tửu

Nhiều triết gia Trung Hoa thời xưa đã đem rượu như là một trong 4 bức tường gò bó con người dù khôn hay dại, trong chốn trần tục :

Tửu, sắc, tài, khí, tứ đồ tường,

Đa thiếu hiền ngu tại nội sương...

Minh tâm bửu giám

Đức tính hiền hòa của người bình dân, thực tế và khoan hồng, cũng kết án rượu khi có sự lạm dụng :

Giàu đâu những kẻ ngủ trưa,

Sang đâu những kẻ say sưa tối ngày

Chông lại mọi hoàn cảnh, người dân quê chăm chỉ công việc đồng áng và con trâu cày, cũng được vợ hiền nhắc nhở tiết độ :

Ai ơi uống rượu thì say,

Bỏ ruộng ai cày bỏ giống ai gieo ?

Ta có thể tìm hiểu trong câu khuyên răn đó sắc thái kín đáo tế nhị của người vợ Việt Nam đối với chồng, dù cho chàng ta có thể đôi khi quá trớn say sưa, sao chẳng trách nhiệm nông gia vì đã quá biết rõ :

Tình anh hay tửu hay tắm,

Hay nước chè đặc hay nằm ngủ trưa

Những người vợ luôn luôn khuyên nhủ tránh nghiện ngập. Có thể năm thừo mười thì được phép nhắm nháp chút đỉnh trong các cuộc vui đình đám hội hè :

Làm trai cờ bạc thì chừa,

Rượu làng thì uống, rượu mua thì đừng

Tuy nhiên cũng có một số kẻ sĩ đã chịu ảnh hưởng Lão Trang muốn tận hưởng lạc thú ở đời, uống đến độ bê tha be bét, bất chấp dư luận :

Còn trời còn nước còn non,

Còn cô bán rượu anh còn say sưa

Những người uống rượu đều biết là khi nhấp rượu nếu nhắm thêm món ăn thì sẽ cảm cực lâu với men say. Rượu mạnh dễ làm say lúc bụng đói. Trái lại vừa ăn vừa uống, người dùng rượu có thể uống nhiều mà không say. Do đó họ mới bày ra những món ăn nhắm có thể là món chay, nhưng thường là món mặn đủ loại và cần có thêm gia vị : ớt, hành, tỏi... rồi đem hay chiên hay nướng tùy theo gia cảnh :

Đốt than nướng cá cho vàng,

Lấy tiền mua rượu cho chàng uống chơi

Cũng có khi là món nguội như nem, tré nhưng lúc đầu là món ăn chơi, khai vị, trước khi vào bàn. Rồi dần dà tác động đó vượt qua mục đích, bữa ăn không còn là nguyên có chánh đáng nữa, rượu cứ kéo dài và anh sâu rượu trở nên bê tha, đòi trụ về thể chất lẫn tinh thần :

Tặng mảng tê mê vì cô bán rượu, Liệt

chiếu, liệt giường vì cô bán nem

Trong gia đình, khi người chồng mê rượu, cuộc sống có thể trở nên khôn đốn. Người vợ hiền Việt Nam, gánh vác mọi việc trong nhà, có đức tính khoan dung, so hơn tinh thiệt, rượu ít còn hơn cờ bạc, tự an ủi :

Lấy chồng trà rượu là tiên,

Lấy chồng cờ bạc là duyên nợ nần

Nhưng nếu anh chồng vẫn phóng túng, uống đến say sưa, uống đến nổi tự mình làm mất nhân cách trên phương diện tình cảm, chỉ vợ chỉ biết thâm trách một cách nhã nhặn và cảm động :

Tay cầm bầu rượu, nắm nem,

Mãi vui quên hết lời em dặn dò

Rượu có thông dụng ở Việt Nam không ?

Chưa có một thống kê nào chắc chắn về vấn đề đó cả vì những tai hại về rượu có tính cách ngấm ngầm và biến thiên. Nhưng căn cứ vào các tài liệu phong phú trong văn học truyền khẩu, thì có lẽ thói uống rượu có từ ngàn xưa, vẫn đang còn khuynh hướng lan tràn trong mọi tầng lớp xã hội. Hơn nữa những đồ đệ của Lưu Linh trong giới bình dân thường còn bảo chính cái chất lượng của rượu mới quan trọng chứ không phải cái bình đựng rượu :

Rượu ngon bất luận ve sành,

Áo rách khéo vá hơn lành vụng may

Con người ta ở đời là vậy, có đôi lúc hệ thống thần kinh cần một yếu tố xúc tác như cà phê, trà, rượu, thuốc lá... để tô điểm cho cuộc sống thêm tươi đẹp, để hưởng vài giây phút khoái cảm thanh cao thoát tục, hay để quên trong tróc lát cái thăng trầm của thế sự. Rồi dần dần thói quen trở thành tập tính, có khi nghĩ lại nên bỏ, nhưng khó lòng :

Đó ai chừa được rượu tằm,

Chừa ăn thuốc chín, chừa nằm chung hơi

Những nguy hại của rượu đều do xu hướng sử dụng quá độ và trong làng sành điệu kể sao cho xiết số nhà thơ lớn, chính trị gia lão luyện, hay binh gia đại tài... Elvin Morton JELLINEK (1890 - 1963) đã phân loại những nhà nghiện rượu ra 5 hạng theo thứ tự chữ cái Hy Lạp. Hạng gamma và delta đều coi như là bệnh hoạn. Một khi mà có người đã tự kiểm như sau :

Những lúc say sưa cũng muốn chừa,

Muốn chừa nhưng tính lại hay ưa,

Hay ưa nên nổi không chừa được,

Chừa được nhưng mà cũng chẳng chừa.

Nguyễn Khuyên (1835 – 1909)

Thì ta phải liệt họ vào cấp delta là hạng những cây rượu không bao giờ có thể tự kềm chế trong một thời gian lâu khả di phục hồi tình trạng bình thường.

Từ xưa, ai cũng dè chừng "cái âm qui quái đó" mà nhiều người vẫn thích vì nó hứa hẹn "hy vọng, thanh xuân và sinh lực", Baudelaire (1821 – 1867) hay thay đổi nhân cách trong vài chốc lát. Ở Việt Nam, giới bình dân chất phác, khi muốn cải tạo kẻ có thiên hướng nghiện rượu thì họ không mô tả những hậu quả tai hại đối với cơ thể do rượu theo cách nhà vệ sinh học, mà lại đem so sánh hình ảnh chàng say rượu với một ba hoa nói mà chẳng ai buồn nghe :

Rượu lạt uống lắm cũng say,

Người khôn nói lắm dầu hay cũng nhàm

Thường thường khắp mọi nơi, thói quen uống rượu đã tạo một môi trường cho các ả khách được vui chuyện và thông cảm lẫn nhau. Rượu quả thật là một dây truyền cảm xã hội có lợi ích và cần thiết.

Rượu vô lời ra

Tuy nhiên nếu một ly đã làm cho tinh thần tươi tỉnh thì những ly nối tiếp có thể đưa đến chỗ rối loạn. Người uống thận trọng lúc nào cũng đề phòng sự quá chén vì họ thừa biết là bao giờ xã hội cũng có thành kiến xấu đối với người say, cho là kém bất thiệp và đã bị thác loạn về khả năng vận động tâm thần :

Ở đời không biết sợ ai,

Sợ người say rượu nói dai như khùng

Dù cho người say thường chỉ làm thiệt hại cho mình, những người thân cận cũng có bổn phận khuyên nhủ kẻ quá trốn trở lại con đường chính đạo. Người ta sẽ bày tỏ thiết tha cho họ biết là sự say không nhất thiết là do rượu, mà chính là một suy sụp về tinh thần làm cho người trong cuộc không tự chủ được mình :

Rượu đâu có rượu say người,

Bớ người say rượu chớ cười rượu say

Từ Lý Thái Bạch (701 - 762) đến nay, biết bao thi sĩ đã ca tụng rượu theo nhiều lối khác nhau, nhưng lúc nào cũng với một nhiệt tình chủ quan hơn là thuần lý. Chúng ta không muốn ám chỉ ai, tuy nhiên có một bài tứ tuyệt, tác giả vô danh, mà hầu hết kẻ sĩ hay người sành rượu và chè tàu, đều thích ngâm nga mỗi khi nhấp một ly rượu hay thưởng thức một chén trà. Bài thơ ngắn gọn nhưng thú vị, chùng cất từ bao thế kỷ cho đến ngày nay theo lối truyền khẩu. Dù lời thơ theo chữ Hán, nhưng vẫn dễ hiểu vì lối hành văn giản dị nên cũng dễ thích ứng với tâm tình bình dân, không cần dịch ra tiếng Việt ai cũng hiểu và được coi như là một phương thuốc trường sinh :

Bán dạ tam bôi tửu,

Bình minh sở trà trà,

Mỗi nhật cứ như thử,

Lương y bất đáo gia

Theo kinh nghiệm cổ truyền, rượu làm nở mạch, lợi ích cho sự tuần hoàn máu : “tửu năng dẫn huyết”. Từ thượng cổ có nhiều đạo gia hái thuốc luyện đan tim kẻ trường sinh bất lão, nên họ dùng rượu để dẫn thuốc. Ở Tây phương vẫn còn thịnh hành huyền thuyết cho rượu Whisky là một linh đơn chữa bệnh động mạch và chứng nhồi máu cơ tim. Phải chăng ba chén rượu uống lúc nửa đêm của thi sĩ Đông Phương đã báo trước giá trị của “tửu liệu pháp” mà Bác sĩ người Anh, William Heberden (1710 – 1801), chuyên về bệnh phong thấp cách đây hơn 200 năm, đã áp dụng để làm dịu cơn đau về đêm của chứng đau thắt ngực “angor pectoris” mà ngày nay ta cho là bệnh động mạch vành ? Hơn nữa, hiện nay nhiều nhà khảo cứu đã cho biết là trong máu có một chất mỡ thuộc loại alpha lipoprotein “ALP” có tính chất vận chuyển phần lớn cholesterol trong máu, tác nhân chính của những bệnh động mạch tim. Họ nhận thấy trong máu của người thường uống rượu một nồng độ ALP từ 80 đến 100 mg/decilit tức là 2 lần hơn mức bình thường. Nếu những người đó nghỉ uống rượu thì nồng độ ALP hạ xuống mức bình thường trong vòng 15 ngày. Vì ALP là đối kháng với cholesterol nên có khả năng chuyển đi cholesterol thặng dư ở trong các mô về gan và từ đó được bài tiết ra ngoài. Do đó có kết luận cho rằng uống rượu điều độ có thể giảm những tai biến của bệnh động mạch vành và gián tiếp tăng tuổi thọ.

Nhưng uống rượu quá độ đến nỗi rối loạn tâm thần hay mang nặng nhiều thương tổn trong cơ thể, tất nhiên là thuộc những sâu rượu đáng trách. Các cụ xưa đã lên án những kẻ vì rượu sinh ra loạn tính và phạm pháp : “không phải ai cũng được phép uống rượu, chỉ những người nào có tư cách và nhân duyên với rượu mới nên uống vì rượu nằm trong một triết lý nhân sinh”.

Những người nghiện rượu mà còn đủ lý trí tự kiềm chế, để mong tránh những hậu quả tai hại của rượu đối với gia đình và xã hội, đã thực hiện một hành vi cao cả. Chúng ta thán phục thi sĩ Trần Tế Xương (1870 - 1907) khi tự xét lại quá khứ rượu chè, muốn chừa bỏ rượu, đã thú tội trong 4 câu thơ rất quen thuộc như sau :

Một trà, một rượu, một đàn bà,

Ba cái lãnh nhãng nó quấy ta,

Chừa được cái gì hay cái nấy,

Có chẳng chừa rượu với chừa trà ?

Dù sao ta nên nhận rằng khắp mọi nơi, ở đô thị cũng như ở thôn quê, niềm thích thú không phải ở sự uống rượu đơn thuần, mà chính là sự uống trong các hội họp, thân quen. Ăn uống là một tác động

xã hội. Khi những điều kiện bên ngoài không phù hợp nữa, thì uống rượu sẽ mất cái nguyên lý của nó. Phải chăng theo ý niệm đó nên thi sĩ Nguyễn Khuyến (1835 - 1909) đã bỏ rượu khi mà hoàn cảnh không còn hứng thú nữa ?

Thực vậy khi được tin bạn thân là cụ Dương Khuê (1839 - 1902) “một thi sĩ có xu hướng Lão Trang thời bấy giờ” đã mất, thì Nguyễn Khuyến nhất quyết không uống rượu nữa. Mỗi tình chân thành khóc bạn đã được bộc lộ trong 2 câu thơ bất hủ mà giới bình dân thường hay nhắc lại khi cần đến :

Rượu ngon không có bạn hiền,

Không mua, không phải không tiền không mua

Chúng ta có thể coi phần lớn những trích dẫn kể trên trong văn học bình dân là thuộc về một thời đã qua. Những điều kiện sinh sống đã được thay đổi nhiều từ đời tổ tiên đến nay. Tuy thế những kinh nghiệm của người xưa thuộc về rượu vẫn luôn luôn còn giá trị nhờ nơi những mô tả hồn nhiên, những ví von bóng bẩy và những nhận xét thích đáng, thâm thúy.

\*\*\*

Người Việt Nam uống trà quanh năm. Nhưng đến ngày Tết trà thêm hương vị vì đây là một cúng phẩm thanh khiết để dành cho tổ tiên, trước tổ lòng thành kính, sau được hưởng chút thơm dư.

Riêng đối với người sành thạo, nếu mua được trà hái lúc đầu xuân để hưởng cái tinh túy của thiên nhiên chung đúc trong những búp trà non, thì thật là một phúc hạnh đầy thi vị.

Trong dịp Nguyên Đán, trà cũng dùng để biếu các bậc kính mến và các thân hữu, lấy ý trà có hương vị thanh tao, gói trà đầu năm là một tặng phẩm lịch sự.

Ngày nay trà đã thành thức uống của ba phần tư nhân loại. Theo những tài liệu cũ và những phát triển hiện đại, ta thử kiểm điểm những vị có thể hiểu biết về trà, nhất là về phương diện y học, văn học và xã hội học.

### CÂY TRÀ Ở Đâu RA ?

Theo danh hiệu khoa học, *Camellia sinensis*, cây trà phát xuất ở Trung quốc khoảng từ 2000 năm. Thoạt tiên chỉ là một vị thuốc. Đến đời Hán, người vùng Tứ Xuyên mới lấy trà nấu nước uống. Đến đời Đường (thế kỷ VII) trà mới phổ biến khắp trong dân gian, nhân dịp thiên hạ gặp cơ hội thái bình, văn học nghệ thuật phát triển, đem lại những giải trí thanh cao.

Lẽ tất nhiên là thời đó, Việt Nam nội thuộc Trung Quốc, các vị sư tăng đã đưa trà vào Giao Châu. Lần đầu tiên trà và tơ lụa là những phẩm vật dùng vào hàng nhất dùng để trao đổi hàng hóa.

Trà cũng du nhập Nhật Bản đồng thời với Phật Giáo từ thế kỷ VII. Sau này, nhà Yaigai sang Trung Quốc học Đạo thiên lúc hồi hương mang về được những giống trà quý, trong nhiều nơi ở Vũ Trị (Uji, gần Tokyo).

Trà Vũ Trị hiện nay nổi tiếng là một trong những trà ngon nhất thế giới. Yaisai có viết “Trà là một thần dược, một tặng phẩm cao quý của trời đất” và “những nơi trồng trà đều là thánh địa”. Sự thưởng thức trà và tinh thần thẩm mỹ của Nhật đã trở nên một lễ nghi, một triết lý, “trà đạo”, còn tồn tại đến ngày nay. Những “trà thất” đã thường dựng lên, làm nơi pha trà đãi khách, sau những giờ phút gian lao, ngoài câu thúc của xã hội.

Mãi đến đầu thế kỷ XVII Âu Châu mới biết mùi trà đầu tiên do các thương thuyền của công ty Đông Ấn Độ của Hòa Lan đem về cùng với các thứ hương liệu Á Đông. Từ 1650, trà vượt biển du nhập Anh và Mỹ. Ở Anh quốc, trà dần dần thay thế cà phê và trở thành quốc ẩm không khác gì ở Trung quốc. Trong thời gian đó ở Mỹ, trà cũng sắp chiếm đoạt thị trường đồ uống nếu người Anh không đặt



thuế trà làm kiêu dân phản đối mãnh liệt. Năm 1773, ba tàu Anh của công ty Đông Ấn Độ ở hải cảng Boston, bị người Mỹ tấn công, đem vớt xuống biển 342 kiện trà.

Trong vài năm, trà biến mất ở thị trường Tân Thế Giới. Nhưng về sau nhờ có sự phát minh chế tạo những tàu buôn trọng tải lớn, người Anh dùng những tàu đó chở hàng buôn bán với Trung quốc và tung vào thị trường Mỹ rất nhiều trà với giá vừa phải.

Người ta đã so sánh các thức uống thông dụng trên thế giới và có thể phân như sau : nếu rượu nho là thứ uống thông hoạt truyện trò, whisky tăng tính vui vẻ, cà phê trợ sức làm việc trí óc ban đêm, thì trà giúp cho ta tinh thần sáng suốt, điềm đạm và gây khoái cảm trong con người, trà thật là một ân huệ của thiên nhiên.

Thuộc dòng họ cây trà hoa dại, cây trà có lá bền, được trồng trong vườn hay ở các đồn, điền ráo nước, quanh triền núi. Cây để tự nhiên, có thể mọc cao đến 9 mét, nhưng thường được cắt xén còn lại khoảng 1 mét, cây trà sống hơn 100 năm.

Trên hoàn cầu có ít nhất là 6 giống trà về phương diện thực vật học. Những loại trà được ưa chuộng trên thị trường quốc tế đều đa số xuất xứ từ những vùng đã có thành tích : Ấn Độ, Trung quốc, Sri Lan Ka. Nhưng thật sự mỗi loại trà đều tùy thuộc các đồn điền, đất đai và mùa hái. Hương vị đặc biệt liên quan đến môi trường và khí hậu. Trà Lapsang souchong có hương thơm ngọt ngào là nhờ đất vùng Fou Kien, trà Darjeeling đượm hương trái cây là nhờ phong thổ quanh chân núi Himalaya. Trà thượng đẳng được hái mỗi năm 5 hay 6 vụ, từ hái lá non và nụ trắng mà tên quốc tế là Pekoe. Một người hái giỏi (thường là đàn bà) có thể thu hoạch khoảng 30 kg một ngày. Búp non để héo ừ, sấy và đóng thùng để đưa ra thị trường.

### ĐẶC TÍNH CỦA TRÀ

Thành phần chính của trà là chất cafein và tanin. Cafein (thay thế danh từ thein) kích thích thần kinh hệ trung ương, tăng hoạt tinh thần, tim mạch và lợi niệu, ba tách trà có hàm lượng cafein bằng một tách cà phê. Tanin có đặc tính làm se lại niêm mạc, giảm nhu động ruột và cản sự phát triển của vi sinh vật. Tanin làm cho da sống không bị hư thối được, nên ở Trung quốc từ đời cổ, người ta dùng trà để rịt các vết thương và y học áp dụng theo phương pháp đó.

Kỹ thuật điều chế trà dùng nhiều hơi nóng đã hủy phần lớn các sinh tố chỉ còn tồn tại một số sinh tố nhóm B, sinh tố nhóm C, D. Trà tươi còn nhiều sinh tố E, vì không quá nhiều giai đoạn chế biến. Một tách trà cho ta nhiệt lượng khoảng 4 calori. Thật ra trà còn nhiều vi lượng thiếu tố mà phần tính không định lượng hết được và có lẽ sự tổng hợp của tất cả các thành phần cùng với hương vị đặc thù của trà đã chung đúc những đức tính bổ ích cho cả tinh thần và thể xác.

Từ một vị thuốc, sau biến thành một thức uống phổ thông từ ngàn năm, trà đã giúp cho phần lớn của nhân loại một yếu tố cần thiết cho cuộc sinh hoạt. Từ xưa, y học Trung quốc đã cho Trà “có hiệu năng làm cho người ta bớt mệt nhọc, tinh thần sáng khoái, ý chí tăng cường và thị lực hồi phục.

Trà cũng đã coi như là một vị trọng yếu trong môn thuốc trường sinh bất lão. Các Tăng đồ Phật giáo dùng trà để tỉnh ngủ mà “Tham thiền Nhập Định”. Hoa Đà (145 - 208), vị danh y thời Trung quốc đã ghi :

Khô độ cửu thực ích ý tứ  
(Trà đắng uống lâu ích cho tư tưởng)

## VĂN HỌC NÓI GÌ ĐẾN TRÀ ?

Theo cuốn “Trà Thư” (The book of tea) của khảo cổ kiêm thẩm mỹ gia Nhật Bản Okakura Kakugo (1862 - 1913), muốn biết về đức tính của trà, thì nên nhắc lại hai thi nhân đời nhà Đường : Lục Vũ (733 - 804) và Lô Đồng (778 - 835).

Lục Vũ viết cuốn “Trà Kinh” định thức hóa pháp điển về trà và đã được thờ như vị thần giám hộ của các nhà buôn trà Trung quốc, “Trà Kinh” gồm ba cuốn, bàn về tính chất của trà, mô tả các dụng cụ dùng để trồng trà, hướng dẫn phương pháp chọn lựa lá trà. Phần tiên dành riêng để liệt kê và mô tả các dụng cụ pha trà, cho men xanh là màu lý tưởng của chén dùng trà. Cách nấu trà và vấn đề chọn dùng, mức độ đun nước sôi, đã được đề cập phân minh. Phần cuối kể tiếp truyện những người sành trà danh tiếng và liệt kê những miền sản xuất trà ngon.

Chính vì thức uống này mà Lỗ Đồng (778 - 835) đã viết bài thơ được truyền tụng gọi là “Trà ca”. Thử trích một đoạn dịch ra văn vần (Trần Gia Am) :

...Chén đầu cổ họng trơn trơn,  
Chén hai cảm thấy nỗi buồn tiêu tan.  
Chén ba trút tâm can mọi sự,  
Năm ngàn pho văn tự còn thôi.  
Chén tư râm rập mồ hôi  
Bát bình mọi nỗi trong đời sạch không.  
Thoát theo lỗ chân lông ra tuốt  
Chén năm thổi gân cốt nhẹ tênh.  
Uống xong sáu chén vào mình  
Nhẹ nhàng khoan khoái như hình lên tiên.  
Đến bảy chén nhấp liền chẳng nổi  
Nách hai bên gió thổi hây hây  
Bồng lai ở chốn nào đây  
Để ta coi gió lướt bay đi về...

“Trà kinh” và “Trà ca” đã thúc đẩy dân chúng trồng trà, pha chế trà và dùng trà thành phong tục quốc gia.

Ở nước ta về thế kỷ XV – XVI, Trạng nguyên Nguyễn Bính Khiêm (1491 - 1585) thích uống trà thọ 94 tuổi, có thể ví với triết gia Pháp Bernard Le Bouyer de Fontenelle (1657 – 1757) ca tụng cà phê, sống đến 99 tuổi. Nguyễn Bính Khiêm đã tự thú :

Khát uống trà mai hương ngọt ngọt  
Giấc nam hiền nguyệt gió hiu hiu

Thi sĩ Nguyễn Du (1766 - 1820) đã cho phép mục quản gia săn sóc sức khỏe của nàng Kiều với những chén chè :

Khi chè chén, khi thuốc thang,  
Đem lời phương tiện mở đường hiếu sinh  
Kim Vân Kiều (câu 1749, 1750)

Đầu thế kỷ XIX, danh nhân Phạm Đình Hổ (1768 – 1839) đã dành một chương trong bộ « Vũ Trung tùy bút» đề ca tụng và phổ biến cách dùng trà... “Trà Tàu thú vị ở chỗ cái tính nó sạch sẽ, cái hương nó thơm tho. Buổi sớm gió mát, buổi chiều trang trọng, với bạn rượu làng thơ cũng làm chủ khách mà ung dung pha ấm trà Tàu ra thưởng thức thì có thể tỉnh được mộng trần, rửa được lòng tục, ấy người xưa ưa chuộng trà Tàu là vì vậy...”

Văn chương bình dân có câu phong dao tả người nông dân sau những buổi lao động mệt nhọc, xin bát nước trà tươi :

Vắt chân chữ ngũ

Đánh củ khoai lang

Bớ mụ nhà hàng

Cho tôi bát nước

Trà đã xâm nhập vào sinh hoạt của dân chúng, các cụ nho học cũng có truyền tụng bài thơ tán thưởng :

Bán dạ tam bôi tửu

Bình minh sổ trần trà

Môi nhạt cứ như thử

Lương y bát đảo gia

Trong văn học Tây phương có nhiều dẫn chứng sáng tỏ là Đông và Tây đã gặp nhau trong một chén trà.

Nhà chính trị gia nổi tiếng của Anh quốc William Gladstone (1809 - 1898), thế kỷ XIX có viết “Trà làm nóng người bị lạnh, làm mát người bị nóng, trợ lực người bị tinh thần suy nhược và làm dịu người bị kích động”. Một câu của thi sĩ người Mỹ Henry W. Longfellow (1807 - 1882) : “Trà đưa tâm hồn đến cho thanh tịnh” đủ chứng tỏ trà là cây của đạo Phật. Triết gia Emmanuel Kant (1724 - 1804) thường ngồi hàng giờ uống trà và nói, nhờ vậy, cảm thấy khỏe khoắn hơn. Cố Alexandre de Rhodes (1591 - 1660), người đã hệ thống hóa chữ quốc ngữ Việt Nam, có viết trong ký sự du hành (1653) : “Một trong những thú làm dân Trung Hoa khỏe mạnh, sống lâu là trà. Trà thông dụng khắp Á Đông”.

### CÔNG DỤNG ĐIỀU CHẾ CỦA TRÀ

Trà buổi xế trưa : Ở Anh quốc từ thế kỷ XIX, khi giá trà đã hạ nhiều nhờ phương tiện chuyên chở và phát triển canh tác, trà dần dần trở thành thức uống hằng ngày. Năm 1840, bà Công Tước Bedford có sáng kiến tổ chức uống trà và dùng bánh ngọt vào khoảng 4 giờ chiều để làm dịu cơn xây xẩm của bà ta lúc xế trưa. Tiệc trà dần dần biến thành một bữa ăn nhẹ và nay được coi như là một nghi thức quan trọng trong đời sống xã hội Tây phương.

Cũng ở Anh quốc đã từng có cuộc đình công của thợ thuyền yêu cầu dùng tạm làm việc để dùng trà.

Trà đá từ đâu ra ? Hiện nay ở xứ ta, trong những bữa tiệc mừng khiếm tốn, có nhiều gia đình thường dùng “trà đá” thay vì rượu hay nước ngọt tương đối đắt tiền hơn. Ai có biết “trà đá” từ đâu ra ? Nguyên nhân là năm 1904, trong dịp hội chợ quốc tế ở Saint-Louis (Mỹ) người Anh Richard Blechyn-den nhận thấy người đi xem hội gặp trời bức chề trà Viễn Đông của ông ta mời khách nóng quá, bèn nghĩ cách cho vài cục nước đá vào tách trà. Từ đó có thói dùng trà lạnh.

Trà túi : Năm 1904, một thương gia Mỹ Thomas Sullivan có sáng kiến gửi biếu khách hàng những mẫu trà trong những túi nhỏ bằng lụa khâu tay. Người dùng chỉ cần để túi trà vào 1 tách nước sôi, mấy phút sau đó có trà uống đàng hoàng. Ngày nay những túi đựng trà được làm bằng giấy thấm nước. Sự dùng trà theo lối mới này đã thành một thói quen giản tiện, vượt biên giới xâm nhập thị trường quốc tế (nhãn hiệu trà Lipton, Anh quốc).

Trà sữa : Năm 1680, nữ sĩ de Sévigné (1626 - 1696) có kể rằng bà Marguerite Hessein de La Sablière (1640 - 1693) có sáng kiến pha trà với sữa của Tây phương. Ngày nay cách uống trà đó được coi như là làm đầy bụng khó tiêu, vì sữa sẽ làm mất gần hết đặc tính của Tanin.

Trà hộp, trà chai : Theo đà phát triển xã hội, ngày nay ta thấy trên thị trường nước ngoài, những hộp nhôm hay những chai nhỏ nhãn hiệu Lemtea hay Liptonic, giống như bia hộp hay bia chai. Đó là

nước trà pha sẵn có thêm chanh để uống lạnh, tựa như Coca-Cola, Trà hộp đã thành 1 thức uống không có rượu rất thịnh hành ở Tây phương từ những ngày gần đây chớm nở phong trào bớt uống rượu mạnh. Tinh thần Đông phương đã nghiêm nhiên ngự trị trong phạm vi ẩm thực nhờ tiến bộ kỹ nghệ.

Ném trà : Londres là trụ sở quốc tế giao dịch thương mại các thứ trà. Twinings là hãng pha chế trà sáng lập từ 1706. Ở đó, trong một phòng tinh khiết, có 6 chuyên viên ném trà, đầu giá và phân loại các thứ trà. Một tay sành sỏi ném từ 500 đến 600 mẫu trà mỗi ngày và hàng trăm ngàn mỹ kim mỗi dịch tùy thuộc sự phán đoán của họ. Họ húp một muống trà, súc sòng sọc trong miệng rồi nhổ vào trong một cái ống phễu. Những chuyên viên ném lão luyện có thể nhận ra mà không bao giờ sai lầm tên của đồn điền trồng trà và ngay cả mùa hái của mẫu trà. Để đánh giá các sản phẩm, họ dùng những danh từ bóng bẩy không khác gì thuật ngữ của những người chuyên ném rượu nho.

\*\*\*

Đối với người Việt Nam ngày nay, trà đã thành một thức uống quý giá, bồi dưỡng sức lao động, trấn tĩnh tinh thần, hợp với vệ sinh vì bắt buộc phải tinh khiết. Nhưng do nhu cầu kinh tế, sự tán dương thương thức có phần nhẹ thể.

Đất nước ta trùng điệp đồi núi. Từ thượng du miền Bắc đến cao nguyên phía Nam, từ vườn cá thể xen lẫn với những đồn điền canh tác qui mô, cây trà đã ngự trị một phần lớn hương hoa xứ sở.

Uống trà đầu năm tức là góp phần vào phát triển và nêu cao nghệ thuật sống. ■

Sàigòn Xuân 75

**BS CÁT MINH &  
BS PHỤNG HỒNG**

## Các Ký Tự Đặc Biệt Dùng trong một Số Ngoại Ngữ

**Trương Thiệu Hùng**

**K**hi đánh bài dùng tiếng Pháp hay ngoại ngữ khác như tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nga, tiếng Đức ... người viết bài phải dùng các mẫu tự với dấu đặc biệt mà keyboard không có, thì chúng ta phải làm sao đây, “Tìm đâu, biết tìm đâu bây giờ?”.

Bình thường phải click lên Insert, Symbols, More Symbols và vào đó lướt từ screen này sang screen khác để tìm các ký tự đặc biệt. Khi đã tìm thấy, highlight, copy ký tự này, đi ra và paste ký tự đó vào bài viết. Cứ phải “đi vào đi ra” nhiều lần như vậy để tìm các ký tự đặc biệt khác mỗi khi cần đến cho bài viết. Ngoài cách này, nếu biết các code nhiều chữ số cũng có thể tìm ra được các ký tự này.

Trong bài viết sau đây chúng tôi đề cập đến một vài phương pháp đơn giản để có được các ký tự đặc biệt mà không phải tốn nhiều công sức và thời giờ.

### (8) Phương pháp đơn giản nhất

Ta load một bảng chứa các ký tự đặc biệt này, rồi đưa vào cuối trang của bài viết. Khi cần ký tự nào ta copy và paste nó vào bài viết. Khi viết xong bài, ta chỉ cần xóa bảng các ký tự đặc biệt đi.

#### **Bảng ký tự đặc biệt:**

à, è, ì, ò, ù,	á, é, í, ó, ú, ý	â, ê, î, ô, û	ä, ë, ï, ö, ü, ÿ,
À, È, Ì, Ò, Ù	Á, É, Í, Ó, Ú, Ý	Â, Ê, Î, Ô, Û	Ä, Ë, Ì, Ö, Ü, ÿ
ã, ñ, õ	ç,	æ,	œ,
Ã, Ñ, Õ	Ç	Æ	Œ
ß,	ø	ı, İ	đ, Đ
Ø ø			

#### **Bàn phím của máy điện toán**





### (9) Phương pháp short cut dùng Ctrl-key

#### a. Phương pháp đơn giản dùng Control-key “Ctrl key”

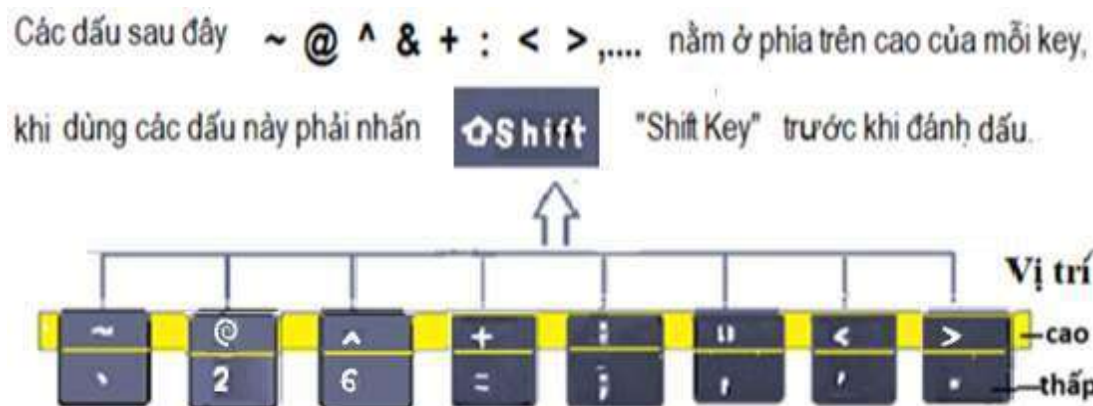
Ctrl + dấu + chữ

hay

Ctrl + Shift + dấu + Shift + chữ

#### Ghi nhớ:

- Trong phương pháp này **không đánh dấu +** (dấu + này chỉ được dùng để nói lên sự nối kết mà thôi).
- Nếu là **chữ hoa** (upper case) ta phải **nhấn thêm Shift** trước khi nhấn chữ.
- Nếu dấu ở **phía trên** của key, ta phải **nhấn thêm Shift** trước khi nhấn dấu.
- Ví dụ:



## b. Áp dụng:

Thí dụ:

### i. Đánh ký tự ñ :

Ta phân tích ký tự:

- Dấu ngã “~” ở phía trên của key nên cần đánh thêm Shift trước khi đánh dấu.
- Chữ ñ là chữ thường (lower case) nên không cần nhấn thêm Shift trước khi đánh chữ n.
- Kết quả: **Ctrl + Shift + ~ + n → ñ**

### ii. Đánh ký tự “ Ë “

Phân tích ký tự:

- Dấu “:” không có, được thay thế bằng “:”
- Dấu “:” ở trên cao của key nên phải nhấn Shift trước khi đánh “:”
- Chữ Ë là chữ hoa (upper case) nên phải nhấn Shift trước khi đánh chữ E.
- Kết quả: **Ctrl + Shift + : + Shift + E → Ë**

### iii. Đánh ký tự “ ç ”, “Ç”, .

Phân tích ký tự “ç”:

- Cái đuôi của “ç” giống như dấu “;” (dấu phẩy) nên được thay thế bằng dấu “;”.
- Dấu “;” ở dưới nên không cần dùng Shift trước khi đánh dấu.
- Chữ ç là chữ thường nên không cần nhấn Shift trước khi đánh chữ “c”.
- Kết quả: **Ctrl + , + c → ç**

**Ghi chú:**

Nếu đánh ký tự chữ hoa “Ç”, ta phải nhấn thêm Shift trước khi đánh chữ C:  
**Ctrl + , + Shift + C** → Ç

**iv. Các ký tự dính nhau: “a và e” hay “o và e”**

**Ghi chú:** Chữ à được biểu hiệu bằng ký hiệu “&”, và chữ e được ngầm hiểu không viết ra.

Dấu & ở phía trên của key nên phải nhấn Shift trước khi nhấn dấu &.

æ, Æ CTRL + SHIFT + & + a (hoặc A)

œ, Œ CTRL + SHIFT + & + o (hoặc O)

(Dấu ampersant “&” ở trong toán học có nghĩa là “và / and”).

**v. Một vài ký tự đặc biệt khác:**

Dấu hỏi ngược	¿	CTRL + ALT+SHIFT+?
Chữ i	¡	.CTRL + ALT+SHIFT+!
Chữ bêta	β	CTRL+SHIFT+&, s

**Bảng tóm lược:**

Dấu	Chữ có dấu	Press (không đánh dấu +)
Huyền ` (ACCENT GRAVE)	À, Ê, Ì, Ò, Ù à, è, ì, ò, ù,	CTRL + ` + Shift chữ
Sắc ´ (APOSTROPHE)	Á, É, Í, Ó, Ú, Ý á, é, í, ó, ú, ý	CTRL + ´ + Shift chữ
Mũ ^ (carret)	Â, Ê, Î, Ô, Û â, ê, î, ô, û	CTRL+SHIFT+ ^ + Shift chữ
Ngã ~ (tilde)	Ã, Ñ, Õ ã, ñ, õ	CTRL+SHIFT + ~ + Shift chữ
Dấu Tréma ** (Được thay bằng " : ")	Ä, Ê, Ì, Ö, Ü, Ý ä, ë, ï, ö, ü, ý,	CTRL+SHIFT + : + Shift chữ
Dấu cedile (dùng dấu phẩy (comma))	ç, Ç	CTRL + , + Shift chữ
o, O slash	ø, Ø	CTRL + / + Shift o or O
A, E dính nhau	æ, Æ	CTRL+SHIFT+ & + Shift A
O, E dính nhau	œ, Œ	CTRL+SHIFT+ & + Shift o or O

Chữ ð, Ð	ð, Ð	CTRL + ' + Shift. D
Chữ Eszett(ss)	ß	CTRL+SHIFT+& s
Dấu than ngược	¡	CTRL+ALT+SHIFT+!
Dấu hỏi ngược	¿	CTRL+ALT+SHIFT+?

**Ghi chú:**

- Dùng Shift cho dấu khi dấu ở vị trí cao của key.
- Dùng dấu cho chữ khi là chữ hoa (upper case)

**(10) Kết luận**

Hy vọng các độc giả sẽ tập làm quen với cách dùng Control key “**Ctrl**” để đánh các ký tự đặc biệt. Phương pháp này không đòi hỏi phải có nhiều dữ kiện phức tạp. Chỉ cần biết phân tích cách cấu tạo của các ký tự này trước khi tìm ra chúng. Thực tập nhiều lần dùng Ctrl-key để tìm các ký tự đặc biệt, Quý vị sẽ quen và không còn lệ thuộc vào việc dò tìm chúng trong các trang Symbols rắc rối của Microsoft Word nữa.

Xin chúc các bạn thành công. ■

## *Gs Trương Thiệu Hùng*

### Tham khảo

1. **Keyboard shortcuts to add language accent marks in Word and Outlook**  
<https://support.microsoft.com/en-us/office/keyboard-shortcuts-to-add-language-accent-marks-in-word-and-outlook-3801b103-6a8d-42a5-b8ba-fdc3774cfc76>.
2. **How do I type accents for language**  
<https://wiki.umbc.edu/pages/viewpage.action?pageId=31916582>.
3. **How-to-Geek - How to Type Accent Marks Over Letters in Microsoft Word**  
<https://www.howtogeek.com/360252/how-to-type-accent-marks-over-letters-in-microsoft-word/> .
4. **How do I type accents for languages?**  
<https://wiki.umbc.edu/pages/viewpage.action?pageId=31916582> .



## HẠC VÀNG VŨ HÁN

*Nguyễn Thị Mát Nâu*

*Vũ Hán khi xưa có hạc vàng  
Vần thơ Thôi Hiệu mênh mang giọt sầu  
Dòng đời tuôn chảy về đâu  
Ngày nay Vũ Hán thăm sầu thê lương  
Dịch phổi lẫn lóc đoạn trường  
Còn đâu hoàng hạc tư vương hôm nào*

Dịch viêm phổi Vũ Hán hoành hành toàn cầu, gieo rắc, lây lan, truyền nhiễm, chết chóc đau thương gây kinh hoàng cho nhân loại suốt mấy năm nay (2019-2021, 2022).

Chưa kể còn biến thể.

*Vũ Hán xưa và Vũ Hán nay  
Hoang mang ngỡ ngẩn suốt canh chày  
Nhớ thơ Thôi Hiệu Lầu Hoàng Hạ  
Nay chợt kinh hoàng với dịch lây  
Thiên tai nhân họa vì sinh học  
Nhân loại trầm luân một kiếp này*

\*Trước hết, Vũ Hán ngày xưa:

Vũ Hán xưa kia nguyên là thành Vũ Xương, có lầu Hoàng Hạc, có thơ Thôi Hiệu, có thơ Lý Bạch. Và bầu trời của Vũ Hán là bầu trời của Hạc Vàng thi thoại.

Theo Liệt Tiên Toàn truyện, của Vương Thế Trinh đời Minh, giai thoại Hạc Vàng Vũ Hán như sau:

Xưa, có người mở quán bán rượu ở chân núi Hoàng Cốc, kiếm sống qua ngày. Một hôm có người ăn mày rách rưới đến xin rượu uống. Người bán quán tuy chẳng giàu nhưng tốt bụng, thấy ông lão đáng thương, chẳng những không coi thường, không khinh khi, mà mang ra đãi ông một chén rượu lớn.

*Lòng nhân hiền hậu đãi người  
Nhân gian hiểm có, cuộc đời mấy khi  
Thấy nghèo ai cũng khinh khi  
Đằng này vui vẻ cho đi vui vậy.*

Từ đây ngày nào ông lão cũng đến xin rượu. Chủ quán vui vẻ cho, không hề khó chịu.

Nhiều ngày tháng trôi qua.... Một hôm, người ăn mày đến từ biệt và nói với chủ quán rằng "Suốt thời gian qua, ngày nào anh cũng cho lão rượu, ta nợ anh nhiều quá mà không có tiền trả. Nay chẳng có gì đền đáp, chỉ có con hạc quý, tặng anh để tỏ lòng biết ơn" ... Rồi ông lấy trong túi một mảnh vỏ cam, vẽ lên tường một con hạc bằng cái mảnh vỏ cam ấy và dặn "Anh chỉ cần vỗ tay, con

*hạc sẽ bay ra nhảy múa, làm vui cho khách".* Nói rồi ông vỗ tay hát lên một điệu hát, quả thật con hạc trên tường nhảy ra và múa theo điệu nhạc

***Mảnh vỏ trái cam vẽ hạc vàng  
Trên khung tường nhỏ, trần gian đáp đền  
Cuộc đời vay trả không quên  
Vỗ tay Hạc múa rữ mềm không gian.***

Sau đó ông lão biến mất. Anh bán rượu y lời làm theo, vỗ tay, quả nhiên con hạc vàng bật ra từ bức tường, nhảy múa.

Tiếng đồn lan xa. Từ đây khách kéo tới quán rất đông, chẳng bao lâu quán rượu phát đạt, anh bán rượu trở nên người giàu có ở đất Vũ Xương.

***Vũ Xương vang bóng một thời  
Tin đồn như sóng đập dãi vang xa  
Hạc vàng nhảy múa tài hoa  
Giúp người bán quán thật thà hiền lương***

Bằng một thời gian dài, bỗng một ngày ông lão trở lại. Chủ quán nói lời cảm ơn và ngỏ ý muốn chu cấp cho ông, và nuôi ông suốt đời.

Ông lão cười bảo: "*Lý do ta quay lại không phải vì điều này, và ta cũng không cầu mong được đền đáp".*

***Quay lại không để lấy ơn  
Cái duyên hạnh ngộ mây vờn trời xanh  
Cuộc đời xao xác yển oanh  
Có duyên có phận long lanh ngọt ngào  
Cũng là duyên phận trên cao  
Cho đi không nhận, trăng sao dịu dàng***

Nói xong ông lão rút trong túi ra cây sáo, thổi một điệu nhạc êm đềm. Khi tiếng sáo cất lên, những đám mây trắng như bông trên thành Vũ Xương, từ trên cao tít, là đà sa xuống đất, và từ đám mây trắng một con hạc vàng giang rộng cánh bay về phía hai người.

Ông lão nhẹ nhàng cười lên lưng hạc, vỗ tay từ biệt, ông theo cánh hạc bay về trời.

Chủ quán biết ơn hạnh ngộ, cho đây là một tiên ông từ trời sai xuống. Và dốc toàn bộ của cải, xây một ngôi lầu thật đẹp, nổi tiếng nhất Trung Hoa thời ấy.

Vì truyền thuyết này, từ đây căn lầu kia, có tên Lâu Hoàng Hạc.

***Giai thoại nhẹ nhàng như lá bay  
Tiên ông xuống thế rượu nồng cay  
Dăm ba chén rượu vui ngân ấy  
Hoàng hạc tung mây thỏa mộng này***

Và bài thơ Hoàng Hạc Lâu tức Lâu Hoàng Hạc, được nhà thơ Thôi Hiệu viết từ thời ấy, nổi tiếng, và mang cảm xúc cho tới tận bây giờ.

Những người yêu thơ Đường, rất nhiều người biết bài thơ Hoàng Hạc Lâu :

" Hạc vàng ai cười đi đâu/ Mà nay Hoàng Hạc riêng lâu còn trơ  
 Hạc vàng đi mất từ xưa / Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay  
 Hán Dương sông tạnh cây bay/ Bãi xưa Anh Vũ xanh dầy cỏ non  
 Quê hương khuất bóng hoàng hôn/ Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai"

***Nghe câu thơ lòng buồn nhưng nhớ  
 Hoàng Hạc về trời mây ở tầng cao/  
 Xa quê khuất nẻo xông xao  
 Nhìn khói sóng cồn cào nhớ nhưng***

Bài thơ Hoàng Hạc thì nhiều người biết, nhưng tiểu sử Thôi Hiệu thì ít tài liệu ghi chép lại. Vì ông không là một vị quan cao nên không xuất hiện trong Đường thư.

Trong Quốc Văn Học Sử, trong Quốc thi sử, trong Trung quốc Tác giả Tiểu truyện, xuất bản ở đại lục, ở Hồng Kông và Đài Loan đều không có tiểu sử của Thôi Hiệu.

Mãi sau trong đồ bản Trung Quốc văn học sử của Trịnh Chấn Đạt, Thương vụ Ấn thư quán ở Hồng Kông mới tìm thấy một đoạn viết về Thôi Hiệu là : Thôi Hiệu người Biện Châu, năm khai nguyên thứ 11 (723) thi đỗ tiến sĩ. Làm quan đến chức Tư Huân Viên Ngoại Lang. Mất năm Thiên Bảo thứ 13 (754).

***Tiểu sử vài dòng ngắn gọn thôi  
 Vì không quan chức nên đời bỏ quên  
 Công danh thiên hạ để tên  
 Thường do bè phái mà nên chuyện đời  
 Đường thư rạn vỡ một thời  
 Cũng là như vậy, cuộc đời bể dâu***

Hồi trẻ Thôi Hiệu làm thơ phần nhiều dùng lời bóng bẩy diễm lệ. Đến cuối đời cốt cách và phong thái của ông vẫn mạnh mẽ, rắn dỏi. Khi lên chơi Vũ Xương, lên lầu Hoàng Hạc, trong lòng cảm khái mà làm bài thơ trong đó có câu:

*"Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản / Bạch Vân thiên tái không du du".*

Đề rồi Lý Bạch khi tới nơi, nhìn trước nhìn sau mới nói rằng :

*"Nhãn tiền hữu cảnh đạo bất đắc/ Thôi Hiệu đề thi tại Thượng đầu",*

(nghĩa là nhìn cảnh trước mắt mà không tả được, vì đã có Thôi Hiệu đề thơ ở trên đầu.

Và Lý Bạch không làm thơ nữa.

***Tức cảnh sinh tình muốn đề thơ  
 Nhưng ai đó đã làm thơ trước rồi  
 Nhân sinh tự cổ bao đời  
 Tâm tư lãng đãng cảnh trời phiêu du***

Thôi Hiệu là người thích đánh bạc, nghiện rượu. Lấy vợ thì phải chọn vợ đẹp, hơi không vừa ý là bỏ, thay vợ đến ba bốn lần. Ông khổ sở vì ngâm vịnh làm thơ, khi hết bệnh trở dậy, ngơ ngẩn xanh xao hốc hác.

Thơ Thôi Hiệu truyền đến nay, phần nhiều vẫn là thơ diễm lệ, như bài Trường Can Hành "*Quân gia trú hà xú/ Thiếp trụ tại Hành Đường/ Đình thuyền tạm tương vãn/ Hoặc khùng thị đồng hương*"

(*Nàng ở nơi nào vậy/ Nhà thiếp ở Hành Đường/ Dừng thuyền tạm thăm hỏi/ Biết đâu chẳng đồng hương*)

Hoàng Hạc Lâu được xây thời Tam quốc, các đời sau bị hủy đi, rồi xây lại.

Tuy nhiên theo Vương Tương Chi đời Bắc Tống viết trong Du Địa Ký Thắng, thì ghi chép sơ dĩ được gọi là Hoàng Hạc Lâu vì cái tháp này nằm trong Hoàng Hộc Sơn .

Thời cổ đại, chữ Hộc còn có nghĩa là Hạc, cũng như ngỗng trời gọi là thiên nga, nên sau này người ta dùng chữ Hạc thay cho chữ Hộc.

*Giai thoại bao giờ cũng là mơ  
Địa dư địa lý tỏa mây mờ  
Lâu cũ hôm xưa còn đâu đó  
Vọng nhớ người xưa lâu còn trơ  
Quê hương xa tít mờ khói sóng  
Chập chồn mây trắng mấy dòng thơ  
Hạc hay Hộc cũng mang một nghĩa  
Như ngỗng trời mà gọi thiên nga  
Hán tự trau chuốt mượt mà  
Văn chương chữ nghĩa xa hoa gọi hình*

Lâu Hoàng Hạc là một đài quan sát , được xây từ thời Tam Quốc, ở bờ sông Trường Giang. Đài này tồn tại 50 năm, thì nước Ngô bị diệt. Từ đây không mang ý nghĩa quân sự nữa, nhưng vì xây trên một vị trí to lớn hùng vĩ, nên trở thành địa điểm cho tao nhân mặc khách thăm viếng văn cảnh, đồng thời cũng là niềm tự hào của Vũ Hán.

*Vũ Hán xa xưa rất tự hào  
Núi non hùng vĩ đẹp biết bao  
Bông chốc biến thành ra ổ dịch  
Lan tỏa lây truyền khổ làm sao*

Lâu Hoàng Hạc nguyên thủy được kiến trúc bằng gỗ chạm trổ, ba tầng. Trải qua nhiều triều đại phong kiến, chịu nhiều chiến tranh hủy diệt, rồi lại trùng tu

Ngày nay được tái sinh với phong cách độc đáo, lộng lẫy hơn, với 5 tầng lầu, chiều cao 51m 4. Lợp ngói vàng trộn đỏ. Các tầng mái vênh cong như đôi cánh hạc.

*Mái lầu cong như đôi cánh hạc  
Ngôi lầu buồn như vạc kêu sưng  
Chiến tranh, hủy diệt, tai ương  
Tái sinh, tu bổ còn vương nơi này*

Đứng ở tầng cao nhất, có thể ngắm cảnh trời bao la hùng vĩ, nhìn dòng sông Hán Thủy, hợp lại thành hình chữ Nhân trong Hán tự - Chữ Nhân là hai nét như dấu sắc, dấu huyền chụm đầu vào nhau, chân dang rộng ra.

Các bài thơ về Hoàng Hạc Lâu, theo tài liệu của văn học Trung quốc thì có khoảng 300 bài, nhưng bài thơ Thôi Hiệu là xuất sắc nhất, có giá trị vượt thời gian và lưu truyền tới bây giờ. Để ghi nhớ giai thoại Thôi Hiệu đề thơ , Lý Bạch gác bút, tức là không làm thơ nữa , người ta xây một cái đình gác bút, để làm thắng cảnh cho du khách dừng chân.

*Gác bút thôi chẳng đề thơ  
Lưu linh đáy nước hững hờ gió trăng  
Nhìn trăng mơ tưởng chị Hằng  
Ôm trăng đáy nước cung hằng võ tan  
Say sưa mơ tưởng cung hàn  
Lý bạch tiên tử tan hoang một đời.*

\* Lầu Hoàng Hạc tức Hoàng Hạc Lâu ở Vũ Hán, qua ngòi bút Nguyễn Du:

"Hà xú thân tiên kinh kỹ thì/ Do lưu tiên tích thử giang mi  
Kim lai cổ vãng Lư sinh mộng/ Hạc khứ lâu không Thôi Hiệu thi  
Hiên ngoại yên ba không điều điều/ Nhân trung thảo thụ thượng y y  
Truy tình vô hạn bằng thùy tổ/ Minh nguyệt thanh phong dã bất tri.

\* Hoàng Hạc Lâu Quách Tấn dịch:

"Nào thuở tiên đi mãi đến giờ / Dấu tiên bên bến đứng trơ vơ  
Xưa qua nay lại Lư đồn mộng / Hạc khuất lầu không Hạc đề thơ  
Thăm thẳm nước mây ngoài vạn dặm / Rờn rờn cây cỏ vẫn nghìn xưa  
Nỗi lòng áp ủ cùng ai tỏ / Gió mát trăng thanh luống hững hờ

\* Hoàng Hạc Lâu của thi sĩ Vũ Hoàng Chương:

"Đã bao giờ có hạc vàng đâu / Mà có người tiên để có lầu  
Trông hạc vàng đi mây trắng ở/ Làm Thôi Hiệu trước, Nguyễn Du sau  
Hạc chưa thoát khỏi mê hồn kịch / Tiên vẫn nằm trong vạn cổ sầu  
Trăng gió hão huyền như khói sóng/ Nỗi kê đã chín nghĩ mà đau"

Tuy nhiên năm 1981, lầu hoàng hạc trong thơ Thôi Hiệu đã bị người Trung quốc đập bỏ và xây lại một cái lầu khác, cách vị trí cũ chừng hơn cây số, và không biết có còn gọi là lầu Hoàng Hạc nữa hay không?

Và bây giờ thật mai mĩa và kinh hoàng, khi Vũ Hán lan tràn dịch Covid-19 chết người.

Những người dân Trung quốc, các chuyên viên, các nhà khoa học, các bác sĩ, y tá, rất nhiều đã chết vì trận chiến vi sinh học này.

Cả thế giới đang lên án dịch viêm Phổi Vũ Hán. Các lò thiêu ở Vũ Hán và Hồ Bắc, Trung quốc, hoạt động 24/24 thiêu đốt thật nhanh những thân xác con người để xóa đi dấu tích giết người trong nhân loại.

Bầu trời Vũ Hán tối ropy trời bởi hàng tỉ con quạ đen tụ về trong hơi người, trong xác chết vì Covid-19 kinh hoàng:

**"Quạ đen thay thế hạc vàng  
Ngàn năm Vũ Hán mơ màng Vũ Xương"  
Oan oan tương báo đoạn trường  
Xác người vùi lấp tai ương trùng trùng".**

Vũ Hán ngày xưa với lầu hoàng hạc, mái cong cong như trong cổ tích, qua vãn thơ Thôi Hiệu đã làm vương vấn hồn thơ trong tâm tưởng những kẻ tha hương, nhất là ở hai câu cuối tha thiết của Tản Đà:



"*Quê hương khuất bóng hoàng hôn/ Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai*"

*Khói trên sông cho lòng ai ngỡ ngẩn  
Quê hương xa mờ khuất bóng hoàng hôn  
Mây bay nhả khói lam buồn  
Hạc bay đi mất sầu tuôn chạnh lòng*

Lơ lửng đầu đây dòng nhạc trôi rất nhẹ, vút lên không trung :

...."*Hoàng hạc bay, bay mãi bỏ trời mơ.... Về thành đô... ta nhớ người vô bờ...*"

Đề lại nhớ '*Thăng Long thành Hoài cổ*' của Bà Huyện Thanh Quan:

*"Tạo hóa gây chi cuộc hí trường/ Đến nay thấm thoát mấy hơi sương  
Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo/ Nền cũ lâu đài bóng tịch dương  
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt/ Nước còn cau mặt với tang thương  
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ/ Cảnh đày người đây luống đoạn trường"*

*Soi lại cổ kim đây dấu tích  
Dấu tích điêu tàn thế sự hoang liêu  
Nhân sinh thấp thoáng tiêu điều  
Đêm đen vắng lạnh liêu xiêu lụi tàn.  
Để ngấm lại nhân gian đau khổ  
Người hại người, tan tác, phù du  
Dấu tích hôm xưa, một khúc âm thừa  
Nhân loại khổ đau ... vì con... " vì sinh vật"... ■*

*Nguyễn Thị Mất Nêu*

2021 (Dịch Covid-19 vẫn đang lan tràn )

## THE GOLDEN CRANE OF WU HAN

by *Nguyễn thị Mắt Nâu*

Translated from Vietnamese into English by *Hương Cau Cao Tân*  
on 28 May 2023, in British Columbia, Canada

*Wu Han used to have golden crane story  
Where the verses of the poems of Cui Hao were flowing sadly  
As life is flowing to whatever destiny  
Yet today Wu Han is so suffering and is in melancholy  
As lung disease is wallowing and causing sufferings so terribly  
How can one find those days' silk strands of crane story.*

The Wu Han Pandemic invaded, spread, infected, and caused terrible deaths to mankind throughout many years (2019-2021, 2022).

Not counting the effects of its variants.

*Take Old Wu Han and New Wu Han into consideration  
That would make one dazed all through night's portions  
One would miss the Cui Hao's Golden Crane poem's story  
While everyone is astounded by the pandemic disease  
Because of the human virus terrible disaster  
Mankind is suffering by vicissitude of this life terribly ever*

Wu Han of the old days:

It was originally the Vũ Xương City, where there were Lầu Hoàng Hạc (Golden Crane Tower), the poems of Cui Hao and Li Po. And the sky of Wu Han was the firmament of The Tale of the Golden Crane Poetic Dialogues.

According to Liệt Tiên Toàn Truyện of Vương Thế Trinh of Ming Dynasty, the Wu Han's Golden Crane Tale is as follows:

Once upon a time there was a man who opened a bar at the bottom of Hoàng Cốc Mountain to make a daily living.

One day, a tattered beggar came to ask for a wine glass for drinking. Although he was not well-off, the bar's owner, who was kind at heart, was touched at the sight of the poor old beggar, offered him a large bowl of wine for him to drink without showing contempt.

*A kind heart always treats people with offerings  
That is rare in people, and is seldom in the living  
It is common, when being poor, to be despised  
But kind people always show others how to be kind.*

Since that day, the old beggar had been coming for wine every day. The bar owner complied with the situation without a slightest sign of displeasing.

... Many days and months had passed ... One day, the beggar came to say farewell and said to the bar owner that

*"Throughout the past time, you have given me wine to drink daily, therefore, I owe you so much without money to repay. I have nothing much to requite to you, I have only my precious crane, so I am giving it to you to show my gratitude" ...*

The beggar then fumbled inside his pocket, fished out a piece of orange peel and used it to draw a crane on the wall and told the bar owner:

*“You only need to clap your hands then the crane would fly out and dance, pleasing customers.”*

The beggar then clapped his hands and sang a melody, and the crane actually jumped out of the wall and danced to the tune of music.

***The piece of orange peel drew up a crane in golden***

***On a small wall, to requite for a secular compensation***

***Life’s laws are “Debts are entitled to requitement”***

***Hands clapping, the crane dances, refining the firmament***

Then the old beggar vanished into thin air. The bar owner followed the instructions, clapped his hands, and the golden crane actually jumped out from the wall and started dancing.

The rumour spread far and wide. Since then, customers had flocked to his bar, its sale had increased tenfold, and the owner had become rich and prosperous in the land of Vū Xuong.

***Vū Xuong, at one time, had a renowned reputation***

***Alive with interesting rumour like waves in repetition***

***Where a golden crane danced its performance so famous***

***Only to help the decent and kind bar owner in earnestness.***

A very long time had passed, and then the old man showed up one day. The bar owner thanked him and intended to support him all his life.

The old man smiled and said, *“I have not come back for this reason, neither have I returned to be requited for the merits.”*

***To return not to be requited of meritorious performance***

***Only to fulfill the destination covering the blue firmament***

***Because a bird’s life is so unpredictable, so impermanent***

***It is sweet when good deeds leading to good destination***

***It is the natural result of cause and effect in life***

***Giving without expectation of returning, to be right.***

Having finished talking, the old man pulled out a flute from his pocket and played a sweet melody.

When the sounds of the flute were heard, clusters of clouds as white as cotton over the Vū Xuong City started lowering down from high above to the ground, and there appeared a golden crane spreading its wings, flying towards the two men.

The old man leisurely mounted on the crane, waved his good-bye, and rode the crane, flying up to heaven.

The bar owner remembered the marvelous meeting, and was of the view that that was an angel coming down from Heaven. He then spent all his wealth to build a beautiful multistorey tower that was ranked the first in China at that time.

It is from this tale that the Tower is called Golden Crane Tower.

***The tale sounds as sweet as a leaf in the wind floating***

***Of the male angel descending to earth for wine drinking***

***Satisfying in only a few wine glasses for enjoyment***

***Resulting in the golden crane’s dream fulfillment.***

And the poem “Golden Crane Tower”, then composed by Cui Hao, has become famous for its sentimental feelings since.

Lovers of Tang’s Regulated Format poems likely know the poem “Golden Crane Tower” as follows:

*Someone has ridden the golden crane to places far away  
Leaving the desolate Golden Crane Tower in loneliness nowadays  
The golden crane has gone since time memorial long ago  
Only white clouds, for thousands of years, still flow  
On the Hán Dương River, banks are deserted, trees’ leaves flying  
On old Anh Vũ Bay, thick layers of grass are still covering  
Home country is so far away in the covering of evening  
Only the river’s wave mist is saddening one’s hearty feelings*

***Listening to poem verses makes one sadly missing  
Heaven bound golden crane in high clouds is it floating  
Unsettled towards homeland while in land of strangers’  
Upsetting missing as wave mist am I looking over***

The poem Golden Crane has been well known, but Cui Hao’s biography is less known by people and much less recorded in documents. Because he was not a mandarin of high ranking hence he did not appear in the Books of Tang.

There is none of Cui Hao’s biography whatsoever in the National Literal Chronicle, or National Poems Chronicle, or Short Stories’ Authors of China, those that have been published in Hong Kong and Taiwan.

Only in the very later time, there appeared in Maps of China’s Literal Chronicle by Trịnh Chấn Đạt in Commercial Publishing House of Honking a paragraph describing Cui Hao as follows:

Cui Hao of Biện Châu, was conferred Doctorate in the year of Khai Nguyên (723 AD).

He advanced in his mandarinic career to the rank of Tư Huân Viên Ngoại Lang – and passed away in the year of Thiên Bảo the 13<sup>th</sup> (754 AD).

***There are only a few lines in his modest biography  
No high ranking, to be forgotten, that’s how life is.  
Reputation and career are often remembered by name  
Built by factions who crave on life’s illusory fame  
Even though in the Books of Tang one’s name is mentioned  
It’s nothing, as life is evolving from mulberry fields to oceans***

When Cui Hao was young, he was of the habit of composing poems with mostly flowery, resplendent words.

And he maintained this style of strength and solidity until the end of his life.

When he travelled to Vũ Xương and visited Golden Crane Tower, he was touched by this visit and composed a poem which included the verses:

*"Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản / Bạch Vân thiên tái không du du".*

Then when Li Po went there, he had looked around before saying:

*"Nhãn tiền hữu cảnh đạo bất đắc/ Thôi Hiệu đề thi tại Thượng đầu",*  
(i.e. “Though they are before me, I dare not describe in words the scenes of these/ Because Cui Hao has composed a poem here before me.”)

And Li Po gave up composing poems since.

***One has wanted to compose poems by instant inspiration***

***But someone else has done that by pre-destination***

***The human heart, since time immemorial is***

***When facing immense firmament, always feeling utterly free***

Cui Hao was a person who was fond of gambling and drinking.

When he decided to get married, he had to choose a beautiful wife, if not, he would abandon her, and he had changed wives three or four times.

He was tortured by his habit of poem recitation, and when he had awakened after a long time of illness, he did look terribly pale and gaunt.

Some of his poems that have survived until today are mostly beautifully romantic ones, such as the poem “Trường Can Hành” “*Quân gia trú hà xứ/ Thiếp trụ tại Hành Đường/ Đình thuyền tạm tương vấn/ Hoặc khùng thị đồng hương*”, i.e. (*Where are you residing/ Hành Đường is where I have been living/ I pause my boat to inquire then/ Who knows, you might be one of my country fellowmen*)

The golden Crane Tower was built during the period of the Three Kingdoms, and then was destroyed in subsequent periods, and then was rebuilt.

But, according to Vương Tương Chi of the Northern Song Dynasty, who wrote the book *Du Địa Ký Thắng*, in which the building was recorded by the name of Golden Crane Tower because it was situated where Hoàng Hộc Mountain was.

In pre-historic time, the term Hộc had another meaning of Hạc (crane), in the same way that flying geese were erroneously called swans, therefore, the term Hạc (crane) has been used to replace the term Hộc.

***Tales always have a dreamy poetic appearance ever***

***As geographic places produce something with misty cover***

***Old tower of those days are still somewhere***

***Missing people of old, the tower is still sitting there***

***Home country far away in wave mist is blurring***

***In whitish clouds some poetic verses are flickering***

***Hạc or Hộc, they are of the same meaning***

***Like geese and swans, both have the same calling***

***Archaic Chinese is one of smooth writing culture***

***Where its terms are famous for its literal style of figure***

The Golden Crane Tower is an observatory tower, built since the period of the Three Kingdoms, and is situated on the bank of Trường Giang (Long River) – this tower had survived 50 years before the Kingdom of Ngô Dynasty was eliminated.

The Tower has not carried a military implication since then, yet because of its magnificent position, it has become a scenic site suitable for sightseeing, attracting many elite visitors as well as has been boasting itself to be the pride of Wu Han.

***Wu Han used to pride upon itself***

***Of the magnificent mountains that look so well***

***All of a sudden it becomes the origin of a pandemic***

***That has infected many people, oh how terrific***

The Golden Crane Tower was originally built in carved wood on all three storeys.



It has survived many feudalistic dynasties, suffered many demolitions in wars, and then has been rebuilt and renovated.

Nowadays, it has been reconstructed in a more unique and magnificent style, in 5 storeys of the height of 51 meters 40. Its roofs are covered in golden red tiles.

All of the storey's roofs are curved up, resembling a crane's wings.

***The tower's roofs are as curved as a crane's wings***

***It is as sad as a scene of night herons in calling***

***Surviving wars, demolitions, and disasters***

***Enduring rebuilding, renovations, remaining here forever***

When standing on the highest storey, one can admire the immense sky, or view the curves of Hán Thủy River, and as they are viewed together, they form the word Nhân (man) in archaic written Chinese.

The word Nhân (man) consists of the two forward and backward slashes with both of their ends together, and the other ends spreading apart.

Among the poems describing Golden Crane Tower, according to Chinese literal documents, that amount to about 300 poems, the Cui Hao's poem is the best one, and it has surpassed time and survived until now ...

In remembrance of the event of Cui Hao's poem's composing and writing as well as that of Li Po's poem writing termination, a pen holding shrine is built, to serve as a pausing spot for visiting travelers.

***Stopping using pens in poem writing and composition***

***Glittering is stream's bottom, yet moon, wind, are indifferent***

***Admiring the moon reminding of Moon Queen's dreaming***

***Her mansion lost as poet, at bottom of river, is drowning***

***Being drunk and dreaming about Moon Queen's mansion***

***A drinking angel's, Li Po's life has come to a sad termination***

***\* The Golden Crane Tower, alias Hoàng Hạc Tower in Wu Han, is as per the penmanship of***

***Nguyễn Du:***

*"Hà xư thần tiên kinh kỷ thì/ Do lưu tiên tích thử giang mi  
Kim lai cổ vãng Lư sinh mộng/ Hạc khứ lâu không Thôi Hiệu thi  
Hiên ngoại yên ba không điều điều/ Nhãn trung thảo thụ thượng y y  
Truy tình vô hạn bằng thùy tổ/ Minh nguyệt thanh phong dã bất tri.*

***\* As it is transliterated into Vietnamese by Quách Tấn as:***

*"What is the time the angel has left until now  
Lonely stood on the bank is the sign of him to be found  
From previous time until now Li Po has stopped dreaming  
Crane vanishing from the tower where Hao has been poem composing  
Water and clouds are stretching far away for tens of thousands of miles  
In greenish colour is the sea of grass since immemorial time  
To whom can I reveal my utmost hidden hearty feelings  
It is appearing indifferent in its cool windy and clear moonlighting*

The poem of “Golden Crane Tower” by poet Vũ Hoàng Chương:

*"There has not been a golden crane in appearance  
So that there would be an angel or tower construction  
It has been thought that the crane is flying, clouds are staying  
As Cui Hao has erred first, followed by Nguyễn Du's mistaking  
The crane has not gone from the maze play that happened to be  
The angel is still included in the old everlasting misery  
Moon and winds are as illusory as wave mists  
The millet pot has been well cooked, it is so hurting, that's it!*

Nevertheless, in the year 1981, the Golden Crane Tower described in Cui Hao's poem was demolished by the Chinese, and they built another tower situated about more than a kilometer away from the old one, and that makes one wonder whether it is still called The Golden Crane Tower or not.

And now it is so ironic and terrible that Wu Han is overwhelmingly infected by fatal Covid-19

...

Chinese, specialists, scientists, doctors, nurses, and many more have died from this microbiological war.

The whole world has condemned this Wu Han's cardiac disease.

The cremation furnaces in Wu Han and Hu Pei, China, have been working 24 hours to speedily burn away human corpses in order to eradicate the evidence of human killings in mankind history ...

The sky of Wu Han is densely covered by millions of black crows that concentrated there due to the smell of human flesh of people who had been dead from the terrible Covid-19:

***"It was the golden crane, now black crows are in replacement  
Wu Han for thousand years, dreams about Vũ Xương then  
Revenge upon revenge produces miseries  
Human corpses are buried; layers of misfortune repeatedly."***

The old Wu Han, with the Golden Crane Tower in curved roofs as if in fairy tales, with the spirit of Cui Hao's poems, has tied down the poetic threads in the souls of people who have been away from their homeland, such as in the two earnest verses of Tân Đà's poem:

*"Homeland is so far away hidden in the shadow of evening  
The wave mist on the river is just making one suffering"*

***"The wave mist on the river is just making one dazedly suffering  
Homeland is so far away hidden in the shadow of evening  
The bluish smoke is released as clouds are from above floating  
The crane has gone so the sorrow is freely feeling"***

Somewhere there is a melody is floating lightly and climbing up to the high heaven:

*"The golden crane is flying away, leaving behind the dreamy sky...  
Returning to the city ... Missing you is what I have in my mind ..."*

And then one would miss the poem "Remembrance of Old Dragon Ascending Fortress" by Wife of Head of Thanh Quan District:

*"It is wondered why the Creator causes such life's play and playground,  
Where so many quiet daybreaks have come quickly around.  
The soul of autumn grass grooved in the old horse carriages' traction"*

*The shade of setting sun shown on the ancient castles' foundation.  
Stones are still surviving the wear and tear of time silently,  
Water is also frowning its glassy surface upon all the happening misery.  
This serves as a thousand-year-old example for the past and presently  
The scenes are there to arouse incessant sadness here so painfully."*

***We are now searching for so many vestiges of old time  
Vestiges of devastation, of desolation of things of that time  
Now living people are blurred in appearance, in the desolation    In empty nights that continue in  
totteringly elimination  
Only to reflect upon mankind's sufferings  
Where people hurt people, becoming vague and scattering  
Those vestiges are only an excessive melody  
As mankind is now suffering because the virus of microbiology. ■***

## Mây và con Người

### Thái Công Tụng

#### 1. Dẫn nhập.

Mây đi liền với khí hậu nên khi xem tin thời tiết trước khi đi ra khỏi nhà, các bản tin khí tượng có đề cập đến nhiệt độ, áp suất không khí và mây. Nói về mây, ta có mây vàng, mây trắng, mây xám, mây đen v.v. Mây đi liền với văn học nên tựa đề một quyển sách của Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh có tựa *Đường xưa mây trắng*. Trong điện toán có thuật ngữ *điện toán đám mây*.

Nhà thơ cũng đề cập nhiều đến mây:

*Làm thi sĩ nghĩa là ru với gió*

*Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng **mây** (Xuân Diệu)*

Hàn Mac Tử có câu thơ “*Gió theo lối gió, **mây** đường mây*”.

Nguyễn Khuyến ca tụng mây trời xanh ngắt:

**Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,**

*Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*

Nhiều nhạc sĩ cũng dùng mây làm đối tượng bài hát nên ta bắt gặp đó đây Chiều tím, Chiều vàng v.v.

**Chiều tím** *chiều nhớ thương ai, người em tóc dài*

*Sâu trên phím đàn, tình vương không gian,*

**Mây bay** *quan san, có hay?*

*Đàn nhớ từng cánh hoa bay, vẩn trắng viễn hoài*

*Màu xanh ước thể, dòng sông trôi đi*

*Lúc chia tay còn nhớ chăng?*

hoặc:

*Trên đôi xanh chiều đã xuống dần*

*Mặt trời lúp ló sau đôi **chiều vàng***

Mây cũng có trong thành ngữ quen thuộc ‘**bèo dạt mây trôi**’ và được phổ biến thành nhạc đầy chất trữ tình với các yếu tố như chim, cá, mây, trăng, gió v.v. cho thấy cảnh vật sâu lắng tâm hồn của làng Việt, nông thôn Việt.

Truyện Kiều cũng có nhiều câu thơ có chữ mây:

-khi nói về thời tiết đẹp:

*Gió quang, **mây** tạnh thành thơ*

-khi nói về thời tiết xấu:

*Đùng đùng gió đục mây vùn  
Một xe trong cõi hồng trần như bay*

hoặc:

*Nàng thì dậm khách xa xăm  
Bạc phau cầu giá, đen rằm ngàn mây.*

Khi còn hi vọng, Cụ Nguyễn Du cũng dùng chữ mây vì sau cơn mưa, trời lại sáng:

*Trời còn để có hôm nay,  
Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.*

Hơi nước dưới đất bốc lên cao, gặp lạnh sẽ ngưng tụ tạo thành các giọt nước nhỏ hay tinh thể nước đá, cùng với hàng tỷ giọt nước nhỏ khác tạo thành **mây** mà con người có thể nhìn thấy. Nói khác đi, mây là khối các giọt nước ngưng tụ hay nước đá tinh thể treo lơ lửng trong khí quyển ở phía trên Trái Đất. Ta thường xem mây để tiên đoán thời tiết vì mây là một bộ phận quan yếu về thời tiết. Chẳng thế mà Liên Hiệp Quốc có **Ngày Thế Giới về Mây**, cũng như đã có Ngày Thế Giới về Rừng, Ngày Thế Giới về Nước, Ngày Thế Giới về Khí Tượng, v.v.

Tiên đoán thời tiết cũng phần nào dựa vào mây vì mây có vai trò quan trọng trong điều tiết khí hậu, trong chu kỳ nước. Thế nên Tổ chức Khí tượng Thế giới của Liên Hiệp Quốc lựa chọn chủ đề **Ngày Khí tượng thế giới năm 2017** là “**Hiểu biết về mây**” nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của mây trong chu kỳ nước, trong điều tiết khí hậu và truyền tải thông điệp về sự cần thiết của việc tăng cường đầu tư nghiên cứu, phổ biến thông tin, kiến thức và nâng cao hiểu biết về mây, góp phần nâng cao hiệu quả việc tiên đoán thời tiết cũng như nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của hoạt động khí tượng, thủy văn trong các hoạt động kinh tế, xã hội, phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai.

## 2. Mây trong ca dao tục ngữ Việt.

Ca dao Việt cũng dùng mây để tiên đoán thời tiết. Nhiều câu ca dao sau đây cho thấy nông dân Việt thường nhìn mây hoặc sao ban đêm để tiên đoán thời tiết:

-Vàng mây thì gió, đỏ mây thì mưa.

-Trời hôm mây kéo bồi bờ

*Trời còn nắng ráo ta chưa vội gì*

*Bao giờ kéo vầy tê tê*

*Sắp gông, sắp gánh ta về kéo mưa.*

-Mây kéo xuống bể thì nắng chang chang

*Mây kéo lên ngàn thì mưa như trút.*

-Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa.



-Chớp đông nhay nháy Mà gà gáy thi mưa  
 -Chớp đằng đông, vừa trông vừa chạy  
 -Đêm trời trăng, trăng sao không tỏ,  
 Ấy là điềm mưa gió tới nơi.  
 Đêm nào sao sáng xanh trời,  
 Ấy là nắng ráo yên vui suốt ngày.  
 Những ai chăm việc cấy cấy,  
 Điềm trời trông đó, liệu xoay việc làm.  
 -Sao dày thì mưa, sao thưa thì nắng

### 3. Các màu sắc của mây.

Màu sắc mây có được là do mây **phản chiếu lại ánh sáng mặt trời**; ánh sáng mặt trời gồm nhiều màu, mỗi màu có độ dài bước sóng riêng:

-**Tia tử ngoại** là tia sóng ngắn, từ 10 đến 380 nm (nanomet), mắt thường không nhìn thấy được. Hầu hết các tia sóng ngắn nhỏ hơn 290nm gây độc cho cơ thể bị lớp khí quyển hấp thụ ở độ cao 25-30km.

-**Ánh sáng nhìn thấy** có độ dài bước sóng 380-780nm, gồm nhiều tia có màu sắc khác nhau: tia tím, tia xanh, tia lục, tia vàng, tia đỏ.

-**Tia hồng ngoại** có độ dài bước sóng lớn (trên 780nm), mắt thường không nhìn thấy được.

Trong quang phổ, màu **lam và lục** là có *bước sóng tương đối ngắn*, trong khi **đỏ** và **vàng** là có *bước sóng dài*. Các tia sóng ngắn dễ dàng bị **tán xạ** bởi các giọt nước, còn các tia sóng dài dễ bị **hấp thụ**.

Màu sắc của mây là do phản xạ từ ánh sáng Mặt Trời đến toàn bộ 7 độ dài bước sóng ánh sáng nhìn thấy (vàng, đỏ, cam, lục, xanh, lơ và tím), do vậy có màu trắng, nhưng chúng cũng có thể có màu xám hay đen nếu chúng quá dày hoặc quá đặc do ánh sáng không thể đi qua.

Các đám mây cũng có thể dày hay mỏng: đám mây dày có thể đạt đến 7 – 8 nghìn mét, đám mây mỏng thì chỉ có mấy chục mét.

Ánh sáng mặt trời khi đến bầu khí quyển của Trái Đất sẽ bị khúc xạ tán ra nhiều phía bởi đủ mọi loại khí trong không khí; tuy nhiên, ánh sáng **màu xanh bị khúc xạ tán nhiều hơn các màu kia vì độ dài sóng ngắn hơn**; đó là lý do tại sao ta thường thấy bầu trời màu xanh, đúng như trong bài hát Bức họa đồng quê của nhạc sĩ Văn Phụng :

*Trời xanh xanh bao la mây trắng trắng trắng xóa  
 Tia nắng tung bồng chiếu trên đồng lúa vàng  
 Đàn chim, chim chim non đang rú rú rít hót  
 tung cánh bay nhẹ lướt trên cành la đà.*

Câu ca dao sau đây phân biệt 3 loại mây:

*Trên trời có đám **mây xanh**  
Ở giữa **mây trắng** chung quanh **mây vàng**.*

Quang Dũng nói về **mây trắng**:

*Vàng trán em mang trời quê hương  
Mắt em dịu dịu buồn Tây phương  
Tôi nhớ xứ Đoài **mây trắng** lắm  
Em đã bao ngày em nhớ thương?*

Nhiều bản nhạc Việt như *Chiều vàng*, *Chiều tím*, *Giọt nắng hồng*, v.v. đều nói lên nhiều sắc màu của mây trong nhạc Việt. Mây trên trời đa phần đều là màu trắng pha một chút xám. Nhưng mây cũng có nhiều màu sắc khác nhau: có mây màu hồng, có mây màu vàng, màu xám, màu tím, màu đỏ v.v, tùy điều kiện thời tiết:

**-Mây vàng.**

Bà Huyện Thanh Quan có câu thơ tả cảnh hoàng hôn:  
*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn.*

Bảng lảng vì chen lẫn giữa sáng và tối. Vào lúc mặt trời lặn, ta bắt gặp nhiều màu ở chân trời : ánh nắng mặt trời đều chiếu **ngiên qua một tầng khí quyển rất dày**,--dày 10 lần nhiều hơn khi Mặt Trời ở chân trời so với lúc Mặt Trời ở thiên đỉnh-- nên các tia sóng ngắn (tím và xanh) bị tán xạ dần hết, chỉ còn tia màu đỏ hay màu da cam là tia sóng dài mới dễ bị hấp thụ, khiến chúng bị nhuộm thành một màu cam đỏ hay màu vàng.

Nhà nhạc sĩ ca tụng **Chiều tím**, **Chiều hồng**:

*-Chiều nay sương khói lên khơi. Thuyền dương rữ bến toi bời. **Làn mây hồng** pha ráng trời. Sóng Đà Giang thuyền qua xứ người. Thuyền ơi, viễn xứ xa xưa. Một lần qua đọt bến lau thưa. Hồ ơi giọng hát thiên thu. Suối nguồn xa vắng, chiều mưa ngàn về.  
-Trời tây lãng đãng bóng **vàng** (Kiều).*

*-Chiều hôm đón mát cổng làng  
Gió hiu hiu thổi, **mây vàng** êm trôi (Bàng Bá Lân).*

**-mây hồng**: vào mùa hè, trời nắng đẹp nên mây có màu hồng như trong bài hát Hè về của Hùng Lĩnh:

*Trời **hồng hồng**, sáng trong trong  
Ngàn phượng rung nắng ngoài song*

hoặc trong thơ:

***Mây hồng** dừng lại sau đèo  
Ngàn cây nắng nhuộm bóng chiều không đi*

**-mây xám:**

Ngàn **mây xám**, chiều nay về đây treo lững lờ  
 Và tiếng hát về ru mình trong giấc ngủ vừa  
 Rồi từ đó, loài sâu nửa đêm quên đi ưu phiền  
 Để người về hát đêm hồng  
 Địa đàng còn in dấu chân bước quên. (Bài hát Dấu Chân Địa Đàng)

**-mây trắng.** Thơ của Lý Bạch có nói đến loại mây trắng trong bài Hoàng Hạc Lâu:

Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,  
**Bạch vân** thiên tải không du du.

**Dịch nghĩa:**

Hạc vàng một khi bay đi đã không trở lại,  
**Mây trắng** ngàn năm vẫn phiêu diêu trên không.

**-mây đen** vì ánh sáng Mặt Trời không xuyên qua được một tầng khí quyển dày:

Trời đêm **mây kéo** tối râm,  
 Rầu rầu ngọn cỏ, đằm đằm cành sương (Kiều)



**-mây trắng** vì các hạt nước trong mây có đủ để phân tán độ sáng của 7 độ dài bước sóng khác nhau (đỏ, cam, lục, xanh, tím, tím lợt), hoặc gặp lúc trời nắng ráo hay nhiều mây, lượng mây trên bầu trời rất ít, được mặt trời chiếu sáng



Ngoài **màu sắc** của mây, phải đề cập đến **độ dày** của mây vì có đám mây dày có thể đạt đến 7-8 nghìn mét, đám mây mỏng thì chỉ có mấy chục mét:

-nếu là các đám mây mỏng, ánh sáng đi qua dễ dàng ta thấy có **màu trắng**.

-nếu là đám mây dày thì **ánh sáng mặt trời** khó có thể xuyên qua được, vì thế mây có **màu xám**

Mây không cố định một chỗ vì mây cũng bị gió cuốn đi, như lời ca trong bản nhạc nọ:

*Mây kia ở đâu từng không*

*Mưa nắng ở trọ bên trong mắt người.*

Mây đỏ, da cam, hồng xảy ra chủ yếu vào lúc bình minh hay hoàng hôn, và chúng là kết quả của sự **tán xạ ánh sáng của khí quyển**. Mây tự bản thân nó không có những màu này, chúng chỉ phản xạ các tia sóng dài (không tán xạ) của ánh sáng là những bước sóng chính trong khoảng thời gian đó. Nhiều bản nhạc ca ngợi màu tím lúc hoàng hôn như trong bài **Chiều tím**:

*Chiều hoàng hôn tím cả dòng sông*

*Đò neo bến vắng mà nhớ anh tha thiết trong lòng*

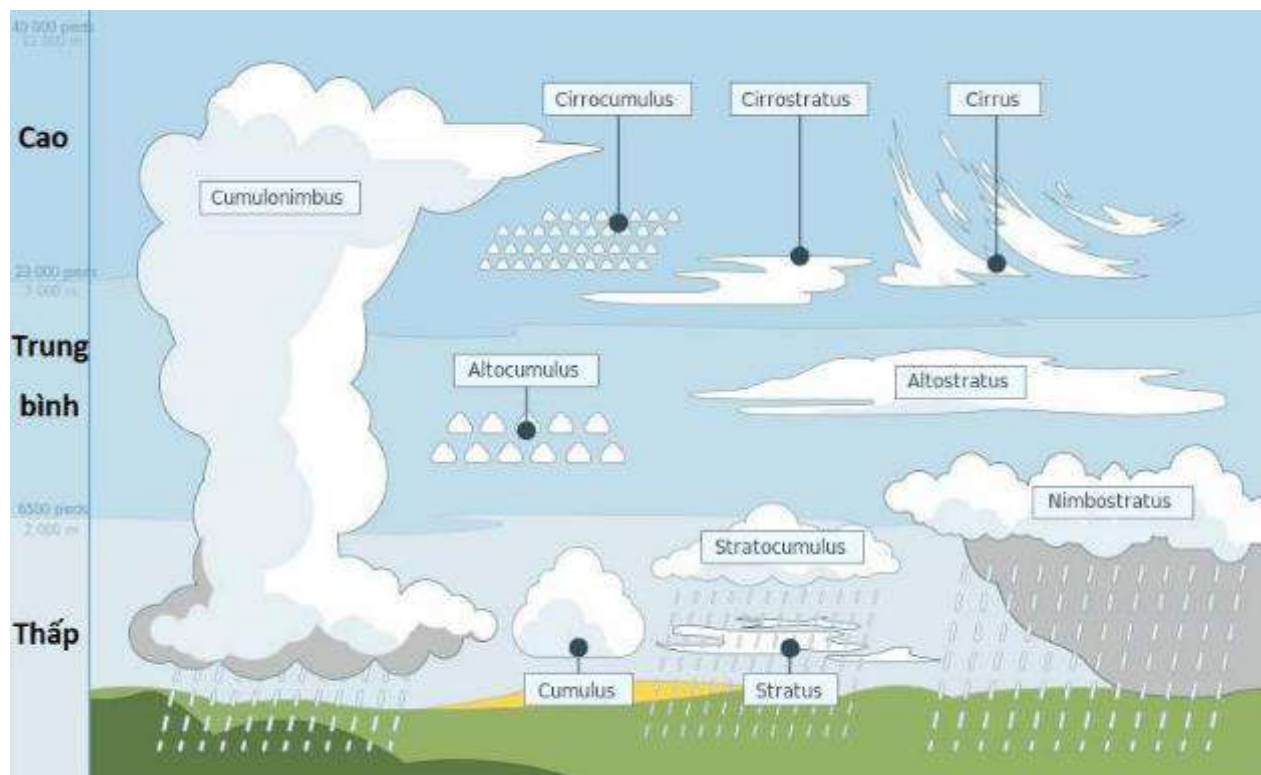
*Người anh sang sông quên lời ước*

*Để lại tình em mênh mông sông nước*

*Con sáo sỏ lồng sáo bay theo pháo đỏ rượu nồng.*

#### 4. Các hình dạng của mây

Mây trong quá trình biến đổi liên tục thể hiện bằng nhiều hình dạng, song có thể quy định một số loại hình chủ yếu luôn luôn quan sát được trong khí quyển, chúng có thể kết hợp thành nhóm lớn. Căn cứ vào cấu trúc vật lý, hình dạng, sự phát triển và độ cao của mây, quy định gồm **10 loại mây** thuộc **3 tầng** là: mây tầng trên, mây tầng giữa và mây tầng dưới.



Căn cứ vào cao độ của tầng mây, dựa vào các tiền từ sau đây:

**Cirro-**: chỉ các loại mây **tầng cao** (trên 6000 mét).

**Alto-**: chỉ các loại mây **tầng giữa** (giữa 2000 và 6000 mét).

**Strato-**: chỉ các loại mây **tầng thấp** (dưới 2000 mét).

Căn cứ vào hình dạng mây, cũng có nhiều danh từ tiếng latin dùng để chỉ:

**Stratus**: mây xám đầy trời, chứa giọt nước mịn.

**Cirrus**: với nhiều tơ trời trắng, chứa tinh thể nước đá.

**Cumulus**: mây màu trắng xóa, phía trên trông như cải hoa.

**Nimbus**: mây báo trời mưa.

Người ta gom lại các từ ghi trên để xác định được 10 loại mây sau đây, theo độ cao của tầng mây:

### **Tầng cao: trên 6000 mét**

**4.1. Mây ti (cirrus, viết tắt Ci)**: có những dải mỏng, không gây mưa, thời tiết tốt. Mây ti là những đám mây riêng lẻ mảnh để có kiến trúc sợi không có bóng, thường có màu trắng, nhiều khi có vẻ sáng như tơ. Bao giờ mây ti cũng cấu tạo bởi những tinh thể băng, mây ti không gây nguy hiểm cho hoạt động bay. Mây này không gây mưa.

Độ cao trung bình của mây này khoảng từ 7-10km.



**4.2. Mây ti tích (cirrocumulus, viết tắt Cc):** mây màu trắng, mỏng, phân bố thành hàng cụm hoặc như vết gợn trên bãi cát bờ biển, không gây mưa. Độ cao trung bình của loại mây này vào khoảng 6- 8km.

**4.3. Mây ti tầng (cirrostratus, viết tắt Cs):** mây màu trắng, không gây mưa, có khi che phủ cả bầu trời.

**Tầng trung bình: 2000-6000 mét:**

**4.4. Mây cao tích (altocumulus, viết tắt Ac):** tương tự mây ti tích, nhưng các mảng riêng rẽ và lớn, sẫm màu hơn; độ cao 3-6 km.

**4.5. Mây cao tầng (altostratus, viết tắt As):** như tấm màn màu xám, hơi trắng đục, gây ra mưa; độ cao 2-5km.

**Tầng thấp: dưới 2000 mét:**

**4.6. Mây tầng tích (stratocumulus, viết tắt Sc):** mây màu trắng, dạng nắm, sóng hoặc luống; mây màu trắng, giữa xám là đục; độ cao 1-2km; mây này gây ra mưa nhỏ rải rác.

**4.7. Mây vũ tầng (nimbostratus, viết tắt Ns):** có màu xám đồng nhất, bao trùm bầu trời, gây ra mưa lớn và kéo dài.

**4.8. Mây tích (Cu)** độ cao 500-1500 mét, cho mưa rào.

**4.9. Mây vũ tích (Cb)** cho mưa lớn, mưa rào to, kèm theo sấm chớp.

## 5. Kết luận

Mây trời đa dạng về màu sắc cũng như về độ cao. Có mây mới có mưa, giúp khí hậu bớt khô hạn. Mây trời là nguồn cảm hứng cho nhà thơ, nhà văn, nhà nhạc. Bình minh vàng, hoàng hôn tím là những đối tượng cho văn nhân, thi nhân. Nhà nhạc sĩ cũng gửi gắm lòng mình qua ‘*Lời gọi chân mây*’. Nhưng mây cũng chỉ là một giai đoạn trong chu kỳ nước của Trái Đất ta đang ở. Nếu bầu không khí bị ô nhiễm do xe cộ, nhà máy cứ tự do phát thải lên cao thì mây cũng có lúc nặng trĩu hơi nước và rơi lại xuống đất, làm nước ngầm, nước sông suối trở lại ô nhiễm vì ‘*nước trôi ra biển lại mưa về nguồn*’. Do đó, bổn phận con người là giữ môi trường không khí cho trong sạch, vì không khí có trong sạch thì mây mới trong sạch, tạo điều kiện cho mưa trên trời không ô nhiễm khi rơi lại xuống trái đất. ■

***Thái Công Tụng***

## Chiếc Bóng Bên Đường

Linh Vang



**D**ạo trước Châu vẫn cười nhỏ Linh Chi vì cái tánh lung chùng, không biết mình muốn gì của nó, hay để bạn lôi cuốn chứ không tự quyết định việc cho mình, không muốn đi những chỗ nhảy đêm, nhưng rồi lại đi, để rồi đến nơi trong khi thiên hạ vui chơi thì nó lại ngồi nhàm chán, ngáp dài. Có ai bắt nó phải đi?

Châu bây giờ cũng thế, biết là mình đã qua cái lứa tuổi học trò, không còn say mê những buổi party đông người ồn ào nhưng rồi sợ một tối thứ bảy nằm nhà buồn nản, Châu đã theo cô bạn đi dự tiệc sinh nhật của một người bạn khác. Đến nơi, Châu thấy ngay mình lạc lõng trong đám đông, tay chân lúng túng, Châu mới hỏi tiếc là đã đi. Nhưng hình như chẳng ai để ý đến sự lúng túng của Châu. Từng cặp, từng đôi lả lướt. Khung cảnh âm cúng.

Trong khi đó lại có người đàn ông cứ để ý cô gái ngồi lẻ loi trong góc phòng. Ông thấy không phải là cô không có ai để ý. Vài thanh niên tới mời cô nhảy, nhưng cô cứ lắc đầu, nên họ đành để cô yên. Cô ngồi gõ nhịp mấy ngón tay trên thành ghế.

Người đàn ông đó là ông anh của cô gái đang ăn mừng sinh nhật. Ông và bà vợ đã vui vẻ phụ em tiếp đãi đám khách trẻ. Vợ ông là Mỹ trắng. Bà đem bánh mời Châu vì thấy nàng chưa có bánh. Nàng còn chần chừ thì bạn nàng là cô gái đang mừng sinh nhật chạy lại nói, nếu bò chưa thích ăn bây giờ thì để tui bỏ hộp cho bò mang về nha, ăn thử tí bánh trái cây cho vui mà?

Khuya về, Châu ngồi gác chân lên xa-lông vừa ăn bánh vừa xem TV. Tối thứ bảy mà chẳng có phim gì hay! Châu cứ vặn hết đài này qua đài khác. Cuối cùng, nàng cũng bắt được phim Roman Holiday, một phim tình cảm nhẹ nhàng kể về một nàng công chúa chán cuộc sống cung điện và những buổi lễ nghi gò bó nên đã trốn ra ngoài chơi, gặp và thương một anh chàng nhà báo. Đoạn cuối, anh nhà báo đã tặng cô công chúa những tấm hình về cuộc đi chơi của hai người mà không dùng chúng vào việc thương mại có lợi cho mình. Coi phim cảm động quá, nàng chỉ muốn khóc. Tưởng nàng không còn khóc được nữa. Nàng thở dài, nhớ về mối tình cũ của nàng. Chia tay cả năm mà tôi vẫn chưa quên anh ấy!

Một tuần sau, trong cuốn album của cô em, có hình cô gái đó. Cô em chỉ tấm hình nói với ông anh:

– Châu, bạn em, nó đẹp mà buồn quá, cứ thủy chung chờ một gã đàn ông chẳng còn yêu nó! Anh có nhớ bữa sinh nhật của em không, anh đã thấy nó rồi? Cái con nhỏ ngồi một chỗ, không nhảy đó!

Cô gái trong hình như nhìn ông, với đôi mắt to và buồn. Người đàn ông có vợ muốn nói với cô em:

– Cho anh xin tấm hình này!

Nhưng khó mở lời quá, ai mà hiểu được ông xin để làm gì. Không dám xin hình, ông cố giữ hình ảnh cô gái trong trí nhớ của ông. Giữ nơi đó thì không ai biết cả! Ông không biết nếu ông cứ nghĩ về cô gái thì có phải ông đang ngoại tình trong tư tưởng không đây? Là tình yêu trai gái hay là tình cảm của một người dành cho một người đồng hương với mình?

Tháng sáu đã có những ngày nóng 80 độ. Hôm nay trúng vào một trong những ngày nóng đó. Không ai ngờ! Vì vùng Tây Bắc thường cũng phải tháng bảy, tháng tám mới là hai tháng nóng nhất. Cuối cùng thì cái lễ ra mắt ông bà, thừa gửi hai bên cũng đã xong, và nhà trai đang rước cô dâu đi. Trong đám đông khách khứa, họ hàng, bạn bè, Châu đang nhón gót và cố nhìn cô dâu, chú rể qua cái vai cao của một người đàn ông đang đứng trước mặt cô. Vô ích: ông ta quá cao và bờ vai ông ta quá rộng. Ông ta choán hết khoảng trống trước mặt Châu. Ông ta cũng điếc nữa! Hai lần Châu nói xin lỗi, kêu ông ta nhích qua một tí để Châu nhìn được chú rể mở cửa đưa cô dâu vô xe, mà ông ta đã không nghe. Lần này Châu nói lớn tiếng:

– Xin lỗi!

Châu định làm gan đưa tay đẩy ông ta, nhưng ông ta đã nghe, ông ta lách người nhường qua một bên để Châu tiến tới. Châu nói cảm ơn mà không buồn xoay đầu nhìn mặt người đàn ông. Châu chỉ muốn nhìn cô dâu chú rể một lần, nhưng quá muộn, đoàn xe rước dâu đã rời bánh rồi. Châu lo là bạn sẽ giận mình, bạn sẽ nghĩ là mình đã không đến dự đám cưới của bạn. Giờ giấc rời nhà đã tính trước, ai dè có một cái tai nạn trên xa lộ, liên quan tới nhiều chiếc xe, làm nguyên cái hướng đi về hướng Nam bị tạm thời đóng hai tiếng đồng hồ, Châu bị kẹt trong luồng xe cộ đó, rồi cảnh sát mở đường cho đi, thế là Châu đến trễ, không kịp chào cô dâu chú rể. Châu quay nhìn người đàn ông còn đang đứng bên cạnh. Ông bèn lên tiếng:

– Cô đừng lo, thế nào rồi tối nay cô cũng gặp họ ở nhà hàng mà!

Người đàn ông chắc là đã thấy nét thất vọng trên khuôn mặt Châu nên mới nói như vậy. Và ông ta cũng vừa nhận ra nàng là cô gái mà ông đã gặp ở bữa tiệc sinh nhật của cô em. Đêm đó, khuôn mặt cô thật buồn. Nhưng hôm nay thì khác. Hai má cô hồng, đôi mắt tinh anh. Cô trông còn trẻ lắm, chưa tới ba mươi. Có lẽ vì cô trang điểm thật nhẹ. Một chút phấn hồng, một chút môi son. Cô có làn da mỏng mịn.

– Nhưng tôi lại không đi dự tiệc được! Lát nữa tôi phải ra phi trường rồi!

Ông cảm thấy như là thân thiết với cô gái nên ông mới nói đùa:

– Cô làm gì mà đi dự đám cưới như chạy giặc vậy?

– Ông không biết đâu, đáng lẽ thì tôi đã đi chuyến sớm rồi nhưng vì muốn dự lễ cưới của Băng Như nên mới đổi chuyến đi trễ hơn. Tôi lo bạn tôi sẽ giận.

Người đàn ông mỉm cười, nói rồi bạn cô sẽ hiểu mà không giận cô đâu. Không hiểu sao Châu đã thấy hết giận ông ta. Thì ra nàng cũng dễ quên. Ông vồn vã tử tế, hỏi cô uống gì, tôi đi lấy cho? Bây giờ nàng mới biết là nàng khát nước. Nàng gật đầu. Trời nóng quá. Chắc phải xin chai nước lạnh rồi chuẩn bị đi phi trường là vừa, hy vọng là không bị kẹt xe lần nữa. Rồi nàng cứ khăng khăng phải đi ngay, không cách nào người đàn ông giữ nàng ở lại lâu hơn, vì lúc này người đàn ông không tìm ra một lý do gì chính đáng để giữ nàng cả.

Trong đầu ông: Chắc cô không nhớ tôi, nhưng tôi thì nhớ rõ gặp cô bữa sinh nhật.

Một năm đã trôi qua từ bữa sinh nhật đó. Hiện giờ, người đàn ông vừa bị vợ ly dị. Không phải lỗi của ông có mè nheo gì cả. Đứng ra là lỗi của người vợ. Nhưng xứ này chuyện ly dị xảy ra như cơm bữa mà không cần lỗi phải của ai. Cứ muốn thôi nhau thì cứ thôi dễ dàng. Người vợ, ông quen và lấy thời hai người còn học đại học. Khi miền Nam sắp mất, ông một mình chạy được. Thuở đó, gái Việt ở nước ngoài còn hiếm, chưa có những đợt vượt biên, đợt đoàn tụ gia đình, đợt HO nên lập gia đình với người khác chừng là chuyện khó tránh khỏi. Họ có chung một đứa con trai mười tuổi. Bao năm, người vợ không đi làm. Đến khi bà đi làm thì bà gặp rồi yêu thương người khác, và đòi ông trả lại sự tự do cho bà. Người vợ cũ theo tình nhân mới cùng màu da trắng với bà, không dẫn con theo. Chú bé ở lại với người đàn ông. Không trở ngại gì, vì xưa nay chính ông là người gàn gửi săn sóc nó. Cuộc hôn nhân dị chủng sống với nhau lâu, càng ngày càng xa cách, nếu người vợ không đòi chấm dứt thì ông cũng nghĩ là ông sẽ sống tới ngày răng long tóc bạc với bà, vậy mà sau khi ký giấy tờ ly dị, ông lại cảm thấy cõi lòng trống vắng lạ thường. Ông quan niệm dù sao lúc còn vợ cũng coi như còn một gia đình. Người ngoài đâu ai biết được gia đình đó có êm ấm hay không. Mất vợ, ông như hụt hẫng.

Những ngày này ông lại nhớ nhiều về cô gái. Ông nghĩ là ông đang tương tư cô. Cứ như cậu học trò mới lớn. Ông buồn cười với ý nghĩ đó. Rồi ông chắc chắn là ông sẽ có cách tìm lại cô.

Khi Châu đi công tác ba tuần trở về thì cô dâu chú rể đi hưởng tuần trăng mật cũng chưa về. Cái “mét sệt” của Băng Như để lại trong máy nhắn nhà Châu:

Đi đâu mà vội thế? Châu ơi, có người đã trách như thế đó. Tau chỉ làm nhiệm vụ nhắn lại thôi. Mi làm chi thì làm, nhớ đừng hốt hồn ông anh tau.

Châu chưa gọi cho Băng Như thì ngay thời gian đó, người tình cũ trở lại, làm Châu không có dịp thắc mắc hồn ông anh nào mà cô bạn sợ Châu hốt mất. Nhân như trưởng thành chín chắn ra sau vài năm xa cách. Nhân cũng thú thật là anh có một đứa con với một phụ nữ da trắng. Anh nói hối tiếc, tương cô ta đã uống thuốc ngừa thai! Hằng tháng anh phải gửi ba trăm tiền nuôi đứa nhỏ. Anh xin nàng thứ lỗi việc trước đây anh đã bỏ rơi nàng, và nếu bây giờ nàng còn yêu anh thì anh sẽ là của nàng vĩnh

viễn. Châu có buồn chuyện Nhân có con rơi, nhưng yêu anh, Châu chấp nhận quên đi lỗi lầm của anh. Họ lại yêu nhau tưởng như sợ mất nhau lần nữa.

Sau đó, trong vài lần nói chuyện với bạn, Như cũng quên không nhắc lại lời nhắn đó vì Như thấy Châu đã trở lại với người tình cũ, cô thấy cũng không ích gì mà nhắc.

Người đàn ông chần chừ tới mấy tháng trời, cuối cùng mới lấy đủ can đảm gửi cho Châu một cái thư. Ông giở cuốn sổ địa chỉ màu đen. Cái địa chỉ của nàng đã được ông cẩn thận cất trong đó. Viết thư thì dễ hơn gọi phôn. Vừa đọc thân trở lại, ông còn lạ lẫm, ngỡ ngàng với cách làm quen với phái nữ. Gửi thư đi rồi, ông cứ thấp thỏm lo. Viết ngắn quá, sợ không gây được sự chú ý nào của cô. Mà viết dài thì ông cũng ngại, biết viết gì đây?

*Kỳ trước chưa kịp hỏi tên cô. Nhưng không sao, tôi đã hỏi cô em của tôi. Tôi tên là Định. Xin lỗi đã đường đột gửi thư cho cô, mong cô không giận. Chờ tin cô.*

Chỉ viết được có thế. Nếu ông may mắn được cô hồi âm thì khi đó ông sẽ có ý mà viết dài hơn, ông tự nhủ.

Châu coi xong, vô tình theo thói quen nàng xé thư quẳng vào sọt giấy rác. Phải thôi, nàng cũng không có ý định trả lời. Lúc này Châu đang bận rộn với tình cảm cũ đang được làm mới lại. Nhân vừa hỏi nàng làm vợ và nàng cũng vừa bằng lòng. Anh sẽ đưa nàng đi chọn nhẫn cưới. Cái thư không làm nàng bận tâm mấy.

Nàng sắp lấy chồng. Nàng gửi thiệp cưới cho cô bạn. Cô bạn không nhớ gì tới ông anh.

Một hôm chỉ vô tình cô nói với ông:

– Anh Định à, anh còn nhớ nhỏ Châu không? Nó điên thì thôi! Lấy ai không lấy lại đi lấy cái thằng cha cà chớn! Em ái ngại cho nó lắm, em có khuyên nó hãy suy nghĩ cho chín chắn trước khi có quyết định gì. Nó lại nói nó biết trái tim của nó chỉ yêu có một người. Biết nó thích thơ, chả lại tán tỉnh nó với bao vần thơ, toàn là thơ của ai, chứ đâu phải của chả, chả làm gì biết làm thơ! Nghĩ lại, em biết em cũng không nên bực tức gì cả, vì không phải chuyện của mình, em không nên xía vô.

Nghe tin Châu đi lấy chồng, người đàn ông chỉ biết thờ dài một mình:

– Chắc là chúng mình không có duyên phận!

Rồi một thời gian không lâu sau đó, người đàn ông cũng đi lấy vợ. Ông không thích đời sống độc thân, bấp bực tẻ lạnh. Ông đã từng nhủ khi ông lập gia đình lần nữa thì ông sẽ kiếm một cô vợ Việt Nam; như vậy thì mới hy vọng ông không bị vợ bỏ. Người quen làm mai cho ông một cô gái khá lớn tuổi con của một gia đình HO mới qua Mỹ. Vì thời cuộc, cha đi cải tạo, cô đã phải nghỉ học sớm, phụ mẹ lo gia đình, lo các em, cô bỏ mất tuổi thanh xuân của cô. Cô không đẹp và lạnh lẽo bằng Châu là một người đã ở Mỹ lâu năm và đã cập nhật được đời sống mới. Người vợ ngoan ngoãn, chập chững đi khép nép bên người chồng nhờ chồng chỉ dẫn từng ly từng tí. Ông lại lấy đó làm vui. Họ đều an phận trong vai trò họ đóng. Ông ăn cơm Việt mỗi ngày, nghe nhạc Việt nghe trong xe. Ông trở về sinh hoạt với cộng đồng Việt.



Dòng đời đưa đẩy rồi có một ngày chớm thu, Châu đưa con đi chơi công viên nơi bờ hồ. Lúc này, Nhân đã bỏ hẳn mẹ con nàng chạy theo một bóng hình khác. Châu làm bà mẹ độc thân nuôi con. Tưởng như đổi lại thời gian ngắn làm vợ của Nhân, Châu lời được một đứa con—là bé Thanh, rất ngoan. Còn nỗi buồn, nỗi cô đơn thì vẫn như xưa. Vẫn dính theo nàng!

Châu gặp một cặp vợ chồng Việt cũng dắt một đứa con gái nhỏ. Nàng thấy người đàn ông quen quen, mà không nhớ là đã gặp ở đâu. Tóc ông đã hoa râm, bà vợ cũng không còn trẻ mà con của họ còn nhỏ lắm. Dưới mắt nàng, cái gia đình tí hon đó trông hạnh phúc. Còn người đàn ông thì nhận ra Châu ngay, ông nghĩ nét mặt Châu vẫn buồn buồn như lần đầu ông gặp. Chỉ khác lần này Châu đã là thiếu phụ với một con nhỏ. Cô bé cũng cỡ tuổi con ông.

Hai đứa bé chẳng mấy chốc làm quen nhau. Chúng vui đùa đẩy nhau ở ghé xích đu. Lú lo dùng tiếng Mỹ nói với nhau. Cũng có vài đứa trẻ con Mỹ. Cha mẹ hay ông bà nội ngoại gì đó đưa chúng ra đây chơi. Tiếng cười giòn của tụi nhỏ làm náo nhiệt một khu công viên. Vợ chồng người đàn ông ngồi ở ghé đá phía bên này, nhỏ to điều gì không rõ. Châu ngồi lặng yên một mình ở ghé đá phía bên kia. Cả cặp vợ chồng đó và Châu đều đưa mắt theo dõi hai đứa trẻ đang chơi với nhau. Nửa tiếng sau, Châu kêu con và sửa soạn dắt con ra về. Con bé chạy quật lại chào bạn của nó. Hai đứa bé quyến luyến, dặn dò sẽ gặp lại. Rồi bóng Châu và con xa dần.

Nghe con gái méc là bạn mới của nó không có ba, người đàn ông cảm thấy ái ngại cho thiếu phụ. Trong thâm tâm, người đàn ông vẫn muôn đời nhớ về cô gái năm nào.

– Chẳng lẽ cả cuộc đời mình cứ đuổi bắt nhau như thế này?

Thật sự thì cũng đã có một thời điểm mà người đàn ông và cô gái đều lẻ bóng. Chỉ là họ đã không có dịp may mắn để tìm hiểu nhau ở thời điểm đó thôi. Cần một chút xê xích, họ có thể là đôi vợ chồng tốt số, nếu ngày đó Nhân không trở lại và Châu bỏ thì giờ ra trả lời lá thư của ông. Biết đâu! Biết đâu! Nhưng tất cả bây giờ đối với nhau, họ chỉ là những chiếc bóng bên đường. ■

*Linh Vang*

## Thơ Đường Luật Tại Việt Nam

### Phần 2/2

*Phí Minh Tâm* hiệu chính ngày 14-12-2022

#### Võ Phá (1936-2016)

**T**rong thời gian từ 19/8/2015 đến 16/9/2015, trong vòng 28 ngày trên giường bệnh, anh Võ Phá đã sáng tác 26 bài thơ Đường Luật bằng chữ Hán và dịch thơ ra Việt ngữ:

- 1- 3 bài tứ tuyệt 2 bài chào và 1 bài giả từ bạn
- 2- 7 bài TNBC về Tuổi Già
- 3- 6 bài TNBC về Tình Cảm
- 4- 1 bài TNBC về Khai Trường
- 5- 2 bài TNBC về Quê Hương
- 6- 7 bài TNBC về Chiến Trường (thời VNCH)

Tháng trước đó anh sáng tác 10 bài Thơ Thiên, nhưng chưa dịch thơ ra Việt ngữ. Bên dưới chỉ chép lại vài bài thơ “yêu nước” của anh.

*Ngày 20/8/2015, anh viết:*

Thân gửi các bạn già của tôi,

Sau khi bài thơ vừa rồi được gửi đi, tôi nhanh chóng nhận được hồi âm cùng lời khuyến khích của vài bạn. Đặc biệt, anh Quang Tuấn làm ngay một bài thơ tứ tuyệt để họa vận. Đó là món quà tinh thần quý giá cho tôi. Xin thành thật cảm ơn.

Già rồi, bệnh hoạn nằm một chỗ không thường được gặp bạn bè thì buồn lắm. May mắn, tôi tìm được cách giải quyết cô đơn và giết bớt thời gian dài lê thê ở cuối đời bằng cách sử dụng văn chương.

Về việc trữ tác văn chương, tôi ngại dùng văn xuôi vì phải lấy đề tài thật hấp dẫn, thông thường hiện nay là đề tài chính trị. Với đề tài này, sáng tác theo lẽ phải thì dễ bị thiên hạ mắng chửi hoặc công kích; sáng tác theo lẽ trái thì dễ mua phiên phức với “ông nhà nước”. Làm thơ văn thì hay hơn vì dễ tránh đụng chạm chính trị.

Ngoài ra, tôi thích làm thơ bằng chữ Hán, vì mỗi bài cần tốn nhiều thì giờ hơn thơ nôm, do đó góp phần giết bớt thời gian lê thê của tuổi gần đất xa trời. Xin các bạn già thông cảm và đừng bảo tôi thích “nảy ne” với đời.

Thơ chữ Hán của các cụ ngày xưa quá cao siêu và khó hiểu vì dùng quá nhiều từ Hán thuần túy. Vì vậy nên khi làm thơ chữ Hán tôi cố ý dùng phần nhiều là từ Hán Việt, để thơ được dễ hiểu và dễ tạo hứng thú cho người đọc.

Tiếp theo đây tôi gửi các bạn bài thơ thứ 2 và sẽ làm thêm những bài thơ khác nữa để gửi tiếp. Ngoài ra tôi cũng sẽ sử dụng một ít bài thơ tôi đã sáng tác trước đây nếu thích hợp với những chủ đề chọn lựa ngày hôm nay.

Thân mến chào các bạn.

### 寄老朋友

### KÝ LÃO BẰNG HỮU

自時患病想曼曼 Tự thời hoạn bệnh tưởng man man, 須  
卧常川力亦殘 Tu ngọa thường xuyên lực diệc tàn. 創作  
韻詩而解悶 Sáng tác vận thi nhi giải muộn,  
老朋予贈祝平安 Lão bằng dư tặng, chúc bình an.

#### GỬI CÁC BẠN GIÀ\*

Tự thời lâm bệnh nghĩ lan man,  
Nằm mãi cho nên sức cũng tàn.  
Sáng tác vận thơ mà giải muộn,  
Bạn già mình tặng, chúc bình an.

\*Bài này nhận ngày hôm trước 19/8/2015

### 寄老朋友(其二)

### KÝ LÃO BẰNG HỮU(kỳ nhị)

完成詩品感欣歡 Hoàn thành thi phẩm cảm hân hoan,  
既寄雖然興未殘 Ký ký tuy nhiên hứng vị tàn.  
再著作詩贈老友 Tái trú tác thi tặng lão hữu,  
以添一刻趣安閒 Dĩ thêm nhất khắc thú an nhàn

#### GỬI CÁC BẠN GIÀ (bài hai)

Làm xong thơ cảm thấy hân hoan,  
Đã gửi tuy nhiên hứng chưa tàn.  
Nên lại làm thơ tặng lão hữu,  
Để thêm một phút thú an nhàn.

Ngày 21/8/15

### 老年

### LÃO NIÊN

其一: 老年之心事 Kỳ nhất: LÃO NIÊN CHI TÂM SỰ  
靜坐沈思境老年 Tĩnh tọa trầm tư cảnh lão niên  
人人不脫律天然 Nhân nhân bất thoát luật thiên nhiên 健  
健階斷方辭別 Kiện kang giai đoạn phương từ biệt, 退化  
時期志接連 Thoái hóa thời kỳ chí tiếp liên.  
身體衰微生悶悶 Thân thể suy vi sinh muộn muộn,  
精神竭弱造煩煩 Tinh thần kiệt nhược tạo phiền phiền.  
平心推想而安分 Bình tâm suy tưởng nhi an phận,  
數劫塵間必在天 Số kiếp trần gian tất tại thiên.

#### Bài 1: TÂM SỰ TUỔI GIÀ

Ngồi lặng trầm tư cảnh lão niên,  
Chẳng ai thoát được luật thiên nhiên.

*Thời kỳ mạnh khỏe vừa từ biệt,  
 Giai đoạn yếu đi đã đến liền.  
 Thể chất suy vì sinh bực bội,  
 Tâm thần kiệt nhược tạo buồn phiền.  
 Bình tâm nghĩ ngợi nên an phận,  
 Số kiếp hồng trần tất tại thiên.*

*Ngày 23/8/2015*

**老年**

**LÃO NIÊN**

**其二: 老年之觀念** Kỳ nhị: LÃO NIÊN CHI QUAN NIỆM  
 至時末路在紅塵 Chí thời mạt lộ tại hồng trần,  
 真理不離智老人 Chân lý bất ly trí lão nhân  
 地位功名如幻影 Địa vị công danh như ảo ảnh,  
 錢財產業似浮雲 Tiền tài sản nghiệp tựa phù vân.  
 特權宜贈於他者 Đặc quyền nghi tặng ư tha giả,  
 利祿莫尋以本身 Lợi lộc mạc tìm dĩ bản thân.  
 樂趣老年非物質 Lạc thú lão niên phi vật chất  
 歡情含意義精神 Hoan tình hàm ý nghĩa tinh thần.

*Bài 2: QUAN NIỆM TUỔI GIÀ  
 Bước vào thời cuối tại hồng trần,  
 Chân lý không rời trí lão nhân  
 Chức vụ công danh như ảo ảnh.  
 Tiền tài địa vị tựa phù vân.  
 Lợi quyền nên để cho người khác  
 Phúc lộc chớ tìm hiển bản thân.  
 Lạc thú tuổi già không vật chất,  
 Niềm vui trong ý nghĩa tinh thần.*

*Ngày 8/31/15*

**老年**

**LÃO NIÊN**

**其七: 幽居之夢** Kỳ thất: U CƯ CHI MỘNG  
 八十閑時果實餘 Bát thập, nhàn thời quả thực dư.  
 靖看人世以推思 Tĩnh khan nhân thế dĩ suy tư  
 樂希悲甚宜公認 Lạc hi bi thậm nghi công nhận,  
 生寄死歸莫却辭 Sinh ký tử quy mạc khước từ.  
 日盡太陽頹地域 Nhật tận, thái dương đòi địa vực,  
 命終魂魄入空虛 Mệnh chung, hồn phách nhập không hư.  
 天機如此何居悶 Thiên cơ như thử hà cư muộn,  
 乃擬騷人在隱居 Nãi nghi tao nhân tại ẩn cư.

*Bài 7: MỘNG ẨN CƯ  
 Tám chục, nhàn thời quả thật dư,*

Lặng xem nhân thế để suy tư.  
 Buồn nhiều vui ít nên công nhận,  
 Sống gởi thác về chẳng khước từ?  
 Ngày hết, thái dương chìm địa vực,  
 Mệnh xong, hồn phách nhập không hư.  
 Cơ trời biết thế phiên chi nữa,  
 Bất chước tao nhân tại ẩn cư.

Các bạn ơi, 7 bài nói về tuổi già cũng đã tạm đủ, từ ngày mai xin lần lượt qua các đề tài khác. Những bài thơ này hiện nay cũng nhất thời đem lại cho tôi nguồn vui thanh thản trong tuổi già, mong được các bạn vui lòng đón nhận. Chân thành cảm tạ.

*Ngày 3/9/2015*

情感

其三: 朋友之情  
 朋友不分別富貧  
 交情主要在精神  
 同思同想而和睦  
 合性合情易結親  
 失敗同甘非隔別  
 成功共享不離分  
 塵間多事爲無道  
 朋友恩情順義仁

TÌNH CẢM

Kỳ tam: BẰNG HỮU CHI TÌNH  
 Bằng hữu bất phân biệt phú bần,  
 Giao tình chủ yếu tại tinh thần.  
 Đồng tư đồng tưởng nhi hòa mục,  
 Hợp tính hợp tình dị kết thân.  
 Thất bại đồng cam phi cách biệt,  
 Thành công cộng hưởng bất ly phân,  
 Trần gian đa sự vi vô đạo,  
 Bằng hữu ân tình thuận nghĩa nhân.

*Bài 3: TÌNH BẠN BÈ*

Bè bạn không phân biệt phú bần,  
 Giao lưu chủ yếu ở tinh thần.  
 Đồng suy đồng nghĩ nên hòa hợp,  
 Hợp tính hợp tình dễ kết thân.  
 Thất bại cùng cam không cách biệt,  
 Thành công chung hưởng chẳng ly phân.  
 Trần gian nhiều chuyện là vô đạo,  
 Bằng hữu ân tình thuận nghĩa nhân.

*Ngày 5/9/2015*

情感

其五: 愛國之情  
 愛國之情住在心  
 公民宜守爲方鍼  
 家鄉恩德爲窮重  
 祖國功勞是極深  
 敗國安生常易失  
 散家幸福實難尋

TÌNH CẢM

Kỳ ngũ: ÁI QUỐC CHI TÌNH  
 Ái quốc chi tình trú tại tâm,  
 Công dân nghi thủ vị phương châm  
 Gia hương ân đức vi cùng trọng,  
 Tổ quốc công lao thị cực thâm.  
 Bại quốc an sinh thường dị thất,  
 Tán gia hạnh phúc thật nan tầm.



知恩死士曾英勇 Tri ân tử sĩ tăng anh dũng,  
戰地犧牲抗外侵 Chiến địa hi sinh kháng ngoại xâm.

**Bài 6: TÌNH YÊU NƯỚC**

*Yêu nước là tình nguyện tại tâm,  
Công dân nên lấy làm phương châm.  
Quê hương ân đức vô cùng trọng,  
Tổ quốc công lao lại rất thâm.  
Nước bại, an sinh dễ dàng mất.  
Nhà tan, hạnh phúc khó khăn tầm.  
Nhớ ân tử sĩ từng anh dũng,  
Chiến địa hi sinh chống ngoại xâm.*

Sáng nay, tôi gửi cho các bạn bài thơ “học đường chi tình”, tình cờ đúng vào ngày khai giảng ở Việt Nam.

Nhớ lại thuở xưa, trong ngày khai trường, học sinh hân hoan trở lại mái ấm tình cảm của mình, gặp lại bạn bè và thầy cô sau 3 tháng xa cách. Lễ khai trường thực là có nghĩa đối với tuổi trẻ, đúng như nhà văn Thanh Tịnh đã mô tả.

Ngày nay thì khác rồi. Cả tháng nay, bộ giáo dục bắt học sinh đến trường để học rồi hôm nay mới làm lễ khai giảng. Thật là chuyện ngược đời, thiếu tính chân thật cần thiết trong giáo dục, có lẽ được thực hiện vì mục đích nào đó chứ không phải vì tình cảm dễ thương của bọn trẻ. Tôi cấp tốc làm một bài thơ về ngày khai giảng gửi đến các bạn hiền để cùng nhớ lại một thời xưa đậm đà tình cảm của chúng mình.

**開講之禮 KHAI GIẢNG CHI LỄ**

今朝開講在家鄉	Kim triều khai giảng tại gia hương,
突憶昔時境學堂	Đột ức tích thời cảnh học đường.
實事暫離三月短	Thực sự tạm ly tam nguyệt đoản,
想如隔別一年長	Tưởng như cách biệt nhất niên trường
逢師對面歡無限	Phùng sư đối diện hoan vô hạn,
見友內心快異常	Kiến hữu nội tâm khoái dị thường.
開講昔時爲少歲	Khai giảng tích thời vi thiếu tuế,
現今目的果難詳	Hiện kim mục đích quả nan tường.

**LỄ KHAI GIẢNG**

*Sáng nay khai giảng tại quê hương,  
Bỗng nhớ thời xưa cảnh học đường.  
Thực sự tạm xa ba tháng ngắn,  
Tưởng như cách biệt một năm trường.  
Gặp thầy đối mặt vui vô hạn,  
Thấy bạn trong tim khoái dị thường  
Khai giảng thời xưa vì tuổi trẻ,  
Ngày nay mục đích khó am tường.*

Ngày 6/9/2015

情感                      TÌNH CẢM  
**其六: 故鄉之情**      Kỳ lục : CỐ HƯƠNG CHI TÌNH  
 (旅客之心事)        (Lữ khách chi tâm sự)  
 自時辭別去他方      Tự thời từ biệt khứ tha phương,  
 祖國變成處故鄉      Tổ quốc biến thành xứ cố hương.  
 往往精神猶黯淡      Vãng vãng tinh thần do ảm đạm,  
 常常心狀尚悽涼      Thường thường tâm trạng thượng thê lương.  
 過時易憶生煩惱      Quá thời dị ức sinh phiền não  
 紀念難忘造斷腸      Kỷ niệm nan vong tạo đoạn trường.  
 遠隔家鄉成旅客      Viễn cách gia hương thành lữ khách,  
 至今已過幾星霜      Chí kim dĩ quá kỷ tinh sương.

**Bài 6 : TÌNH CỐ HƯƠNG**

(Tâm sự người đi xa)

Tự thời từ biệt đi tha phương,  
 Tổ quốc biến thành chốn cố hương.  
 Thoảng thoảng tinh thần còn ảm đạm,  
 Thường thường tâm trạng vẫn thê lương.  
 Thời qua dễ nhớ sinh phiền não,  
 Kỷ niệm khó quên khiến đoạn trường.  
 Xa cách quê hương thành lữ khách.  
 Đến nay đã được mấy tinh sương.

Ngày 7/9/2015

家鄉                      GIA HƯƠNG  
**其一: 北方之禍**      Kỳ nhất: BẮC PHƯƠNG CHI HỌA  
 幾時民族耐災殃      Kỷ thời dân tộc nại tai ương,  
 的實原因禍北方      Đích thật nguyên nhân họa Bắc phương.  
 祖國難侵陵酷烈      Tổ quốc nạn xâm lăng khốc liệt,  
 江山禍失國悲傷      Giang sơn họa thất quốc bi thương.  
 千年中國層該治      Thiên niên Trung Quốc tầng cai trị,  
 萬代越南尚倔彊      Vạn đại Việt Nam thượng quật cường.  
 歷史證明民決志      Lịch sử chứng minh dân quyết chí,  
 保全每地寸家鄉      Bảo toàn mỗi địa thốn gia hương.

**QUÊ HƯƠNG**

**Bài 1: HỌA BẮC PHƯƠNG**

Bao đời dân tộc chịu tai ương,  
 Đích thực nguyên nhân họa Bắc phương.  
 Tổ quốc nạn xâm lăng khốc liệt,  
 Giang sơn họa mất nước bi thương.

*Ngàn năm Trung quốc từng cai trị.  
Vạn đại Việt Nam vẫn quật cường.  
Lịch sử chứng minh dân quyết chí,  
Bảo toàn mỗi tấc đất quê hương.*

*Ngày 8/9/2015*

### 家鄉

### GIA HƯƠNG

其二：北屬之災 Kỳ nhị: BẮC THUỘC CHI TAI.  
 怯哉北屬千年長 Khiếp tai Bắc thuộc thiên niên trường,  
 惡罪造成滿大洋 Ác tội tạo thành mǎn đại dương. 劫  
 掠遭凋殘處所 Kiếp lược khiến điêu tàn xứ sở, 貪污  
 使慘害家鄉 Tham ô sử thâm hại gia hương.  
 仇人本質窮兇暴 Cừ nhân bản chất cùng hung bạo.  
 讎敵性情極不良 Thù địch tính tình cực bất lương.  
 無福莫如難失國 Vô phúc mạc như họa thất quốc.  
 故人民勿不諳詳 Ngã nhân dân vật bất am tường.

### QUÊ HƯƠNG

*Bài 2: TAI HỌA BẮC THUỘC*  
*Khiếp thay Bắc thuộc ngàn năm trường,*  
*Tội ác gây ra ngập đại dương.*  
*Cướp bóc khiến điêu tàn xứ sở,*  
*Tham ô làm thâm hại quê hương*  
*Kẻ thù bản chất rất hung bạo,*  
*Bọn địch tính tình quá bất lương.*  
*Vô phước không gì như mất nước.*  
*Dân mình ai cũng phải am tường.*

*Ngày 10/9/2015*

### 戰場

### CHIẾN TRƯỜNG

其一：戰爭之紀念 Kỳ nhất: CHIẾN TRƯỜNG CHI KỶ NIỆM  
 經過多年難戰征 Kinh quá đa niên nạn chiến chinh,  
 災殃使社會凋零 Tai ương sử xã hội điêu linh.  
 情形村野窮幽暗 Tình hình thôn dã cùng u ám,  
 景象沙場甚怯惊 Cảnh tượng sa trường thậm khiếp kinh.  
 往日時期常變亂 Vãng nhật thời kỳ thường biến loạn.  
 現今階斷暫和平 Hiện kim giai đoạn tạm hòa bình.  
 戰場紀念猶存在 Chiến trường kỷ niệm do tồn tại,  
 重壓心中舊戰兵 Trọng áp tâm trung cựu chiến binh.

*Bài 1: KỶ NIỆM CHIẾN TRƯỜNG*  
*Qua những năm xưa nạn chiến chinh*  
*Tai ương khiến xã hội điêu linh.*

Tình hình thôn xóm rất u ám,  
Cảnh tượng sa trường quá khiếp kinh.  
Ngày đó thời kỳ luôn biến loạn,  
Giờ đây giai đoạn tạm hòa bình.  
Chiến trường kỷ niệm còn tồn tại,  
Đè nặng trong lòng cựu chiến binh.

Ngày 16/9/2015

### 戰場

其七：戰爭之後果  
自時入伍著戎衣  
多次痛心使淚垂  
戰地傷兵纔墜墮  
沙場死士永辭離  
愁看遺影裝軍服  
悲視襖棺置國旗  
後果戰爭窮慘害  
人民痛苦國家衰

### CHIẾN TRƯỜNG

Kỳ thất: CHIẾN TRANH CHI HẬU QUẢ  
Tự thời nhập ngũ trước nhung y,  
Đa thứ thống tâm sử lệ thùy.  
Chiến địa thương binh tài trụ đọa,  
Sa trường tử sĩ vĩnh từ ly.  
Sầu khan di ảnh trang quân phục,  
Bi thị áo quan trí quốc kỳ.  
Hậu quả chiến tranh cùng thảm hại,  
Nhân dân thống khổ quốc gia suy.

Bài 7: HẬU QUẢ CHIẾN TRANH  
Từ ngày nhập ngũ khoác nhung y,  
Xúc động lệ rơi cũng lắm khi.  
Chiến địa thương binh vừa ngã xuống  
Sa trường tử sĩ mãi ra đi.  
Sầu nhìn di ảnh mang quân phục,  
Buồn thấy áo quan phủ quốc kỳ.  
Hậu quả chiến tranh rất thảm hại,  
Nhân dân thống khổ, nước nhà suy.

Ngày 16/9/2015

### 暫別

文章安慰晚年時 Văn chương an úy vãn niên thì.  
多謝諸朋既認詩 Đa tạ chư bằng ký nhận thi.  
暫別同時存約望 Tạm biệt đồng thời tồn ước vọng.  
交情親友尚維持 Giao tình thân hữu vẫn duy trì.

### TẠM BIỆT

TẠM BIỆT.  
Văn chương an ủi lão niên thì.  
Đa tạ bạn bè đã nhận thi.  
Tạm biệt đồng thời còn ước vọng  
Giao tình thân hữu vẫn duy trì.

*Ngày 31/10/2015*

### CHIẾC XE CŨ

Một ông bạn già của tôi đi khám bệnh định kỳ tại phòng mạch của vị bác sĩ quen. Bác sĩ hỏi:

- Thế nào? Đạo này bác thấy trong người ra sao?

Ông bạn già thở dài:

- Bác sĩ ơi, chẳng có gì bất thường xảy ra, nhưng tôi rất buồn phiền khi thấy rất rõ sức khỏe mình mỗi ngày một sút giảm, cơ thể cứ suy nhược dần dần. Mắt thì mờ, đọc báo chí và sách vở càng ngày càng khó khăn. Tai thì nặng thêm, không thể nghe hết những lời nói của người khác. Miệng thì nhạt nhẽo, ăn uống chẳng thấy thích thú chút nào. Chân thì yếu đuối hết đi chơi được nên bạn bè cứ xa cách dần. Tay thì run, có lần làm rơi vỡ mất một chén cháo. Thân thể thì thường uể oải, nay đau đớn chỗ này, mai nhức nhối chỗ kia. Da thì nổi vảy và ngứa ngáy nhiều nơi. Chuyện tiểu tiện thì thật là rắc rối, mỗi đêm phải thức dậy giải quyết hai ba lần, mỗi lần phải đỡ lại giấc ngủ một cách gay go. Thiệt là khổ cho thân tôi. Nhiều khi nằm nhớ lại thời trai trẻ khỏe mạnh mà buồn tê tái, ước chi được sống lại thời xa xưa đó thì hạnh phúc biết bao.

Vị bác sĩ thân mật cầm bàn tay khẳng khiu của ông già, nói một cách ôn tồn:

- Thôi đủ rồi, tôi thông cảm. Nhưng bác nên nhớ rằng chiếc xe của bác đã chạy liên tục tám mươi năm rồi mà nay bác cứ muốn chạy ngon lành như xe mới sao được. Trên thế gian này, không ai được phép vứt bỏ chiếc xe cũ mà Thượng đế đã ban cho để đi mua chiếc xe mới theo ý muốn của mình. Mọi người phải hiểu chân lý tuyệt đối đó và phải cố gắng tìm hạnh phúc nơi chiếc xe cũ già nua của mình. Không nên đau khổ khi nhớ lại chiếc xe của mình ngày trước hoặc khi nhìn những chiếc xe còn mới của thiên hạ quanh mình. Rất mong bác nghe theo lời tôi.

Ông bạn già chăm chú nghe bác sĩ nói, nét mặt dần dần tươi ra. Sau cùng, ông cười với vẻ thoải mái:

- Vâng, cảm ơn bác sĩ về lời khuyên có tính triết lý đó. Tôi phải vui với chiếc xe cũ hiện tại của tôi, cho đến lúc nào Thượng đế thu lại thì thôi. Hi vọng kiếp sau tôi sẽ được cấp lại một chiếc xe mới thực ngon lành!

### HẾT CHUYỆN

*Không giỏi sáng tác nên tôi mượn thơ của Võ Phá, một bạn thi văn để tưởng niệm và đồng thời nói ý mình. PMTâm Ngày 18-12-2019*



## Bài Thơ Nguồn Gốc Phức Tạp

Có thể nói là trong văn học Việt Nam, chưa có bài thơ nào có nguồn gốc phức tạp như bài này. Bài thơ chưa đến 2 trăm tuổi, được sao chép ở nhiều tập thơ, được cho là tác phẩm của 2 nữ sĩ anh tài Việt Nam là bà Hồ Xuân Hương và bà Huyện Thanh Quan. Nhưng cho đến nay, người ta cũng không biết chắc chắn ai là tác giả và bài thơ nguyên gốc ra sao và tựa là gì?

Bài thơ này chép trong nhiều tập thơ được biết đến:

1. *Tạp Thảo Tập* 雜草集, A. 3159 có bài thơ chữ Nôm **Vịnh Bắc Trấn Tự** Bài #1 với 2 câu đầu là:

*Qua chơi Trấn Bắc cảnh dãi dầu,  
Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.*

Bài #1

### 詠鎮北寺

戈制鎮北景游油  
鄰念固國北麻坊  
余座蓮匪唏香御  
觚式蓮封笠襖朝  
濟注廢興曉劍廟  
鐘回今古凌強毛  
歌碧景虧蒂兜佐  
密謹魚台屢濁頭

### VINH TRẮN BẮC TỰ

*Qua chơi Trấn Bắc cảnh dãi dầu,  
Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.  
Mấy tòa sen ngát hơi hương ngự,  
Năm thức mây phong nếp áo châu.  
Sóng lớp phé hưng coi vẫn rộng,  
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau.  
Người xưa cảnh cũ nào đâu tá,  
Khéo ngán ngơ thay lũ trọc đầu.*

2. *Xuân Hương Thi Sao* 春香詩抄, AB. 620, có 2 câu đầu là:

*Qua chơi Trấn Bắc cảnh buồn rầu,  
Ngao ngán tình xưa đã lạnh mầu”,* so với bản #1.

3. *Xuân Hương Quốc Âm Thi Tuyển* 春香詩選, R.97 (Thư viện Quốc gia Hà Nội) bản chữ Nôm Bài # 2 tựa là **Đề Chùa Chân Quốc** và chỉ có 4 câu giữa.

Bài #2

### Đề Chùa Chân Bắc

Mấy tòa sen rót hơi hương ngự  
Năm thức mây phong nếp áo châu  
Sang lớp phé hưng coi vẫn rộng  
Chuông hồi kim cổ lắng còn mau.



4. *Xuân Hương Thi Tập* 春香詩記, R.1931 (Thư viện Quốc gia Hà Nội) chỉ có 4 câu giữa chữ Nôm, không có Quốc âm.

5. *Quốc Văn Tùng Kí* 國文叢記, Hồ Xuân Hương Thi Tập  
AB. 398, trang 24 có bài **Vịnh Chùa Trấn Quốc**, bản chữ Nôm Bài #3 với 2 câu đầu là:

*Ngôi cửa hành cung cỏ dãi dầu  
Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.*

6. *Quốc Văn Tùng Kí* 國文叢記, AB.383, Hồ Xuân Hương Thi Tập, trang 43 có bài #4 **Qua Chùa Trấn Bắc**, ghi là của Bà Huyện Thanh Quan, trong khi AB. 398 bài #3 có tựa là **Vịnh chùa Trấn quốc**. Bản chữ Nôm Bài #4 chỉ khác Bài #3 ở câu 1 và vài chữ khác trong câu 3, câu 5 và câu 7:

*Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu*

*Bài #3 (AB 398) HXH*

*Bài #4 (AB 383) Bà HTQ*



7. Văn Đàn Bảo Giám, NXB Văn Học, 2004 chép là **Chơi Chùa Trấn Quốc**, được xem là của Bà Huyện Thanh Quan, Bài #5.

*Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu  
Khách đi qua đó chạnh niềm đau*

Bài #5

### Chơi Chùa Trấn Quốc

Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu  
Khách đi qua đó chạnh niềm đau  
Mấy toà sen rót mùi hương ngự  
Năm thức mây phong nếp áo châu  
Sóng lớp phé hưng coi đã rộn  
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau  
Người xưa, cảnh cũ, nào đâu tá?  
Khéo ngăn ngơ thay lũ trọc đầu

### Ghi chú:

Chùa Trấn Bắc ở bờ phía đông Hồ Tây, Hà Nội, nguyên tên là chùa An Quốc, được xây từ đời Trần, đến năm Vĩnh Tộ thứ 10 (1628) đời Lê được làm lại và đổi là chùa Trấn Quốc, năm Dương Hoà thứ 5 (1639) chúa Trịnh Tráng lại cho sửa sang rộng thêm và đổi là chùa Trấn Bắc. Vua Lê, chúa Trịnh thường ngự ở đây thưởng sen.

8. Tất cả các bài thơ bên trên đều có 2 câu cuối giống nhau:

*Người xưa, cảnh cũ, nào đâu tá?  
Khéo ngăn ngơ thay lũ trọc đầu.*

9. Bài **Chùa Trấn Quốc** (Bài #6) do Diệp Y Như đưa lên [www.thivien.net](http://www.thivien.net) có 2 câu cuối khác tất cả các bài nêu bên trên, rất phù hợp với văn phong thơ của Bà Huyện Thanh Quan.

**Chùa Trấn Quốc**

Trấn Quốc hành cung cỏ dãi dầu  
 Khiến người qua đó chạnh lòng đau  
 Dưới hồ sen rót hơi hương ngự  
 Trên vách rêu in nếp áo châu  
 Song lớp phế hưng coi đã rộn  
 Chuông hồi kim cổ lắng càng mau  
 Người xưa cảnh cũ còn đâu tá  
 Ngơ ngẩn lòng thu khách bạc đầu.

*Nguồn: Danh nhân Việt Nam, Nguyễn Anh - Văn Lang - Quỳnh Cư, Nhà xuất bản Thanh niên, 2002*

**Phân Tích Bài Thơ Đường Luật**

Hai bài TNBC điển hình bên dưới được làm ví dụ để ôn lại hình thức và quy luật căn bản cho thơ Đường Luật. Dù không đồng ý với tất cả các quy luật mới trong thơ Đường luật để xét tác phẩm của người xưa, tôi cũng nêu ra “lỗi” để cùng học hỏi hơn là phê phán.

<p>2. <b>B B T T T B B</b> (V)          3. <b>B B T T B B T</b>          4. <b>T T B B T T B</b> (V)          5. <b>T T B B B T T</b>          6. <b>B B T T T B B</b> (V)          7. <b>B B T T B B T</b>          8. <b>T T B B T T B</b> (V)</p>	<p><b>Đánh Đu</b> - <a href="#">Hồ Xuân Hương</a></p> <p>Người thì <b>lên</b> đánh kẻ ngồi trông          Trai co gói hạc khom khom cật          Gái uốn lưng ong giữa giữa lòng          Bốn mảnh quần hồng bay phát phời          Hai hàng <b>chân</b> ngọc duỗi song song          Chơi xuân đã biết xuân chẳng tá          Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không.</p>
<p><b>Luật:</b>          Bài <i>Đánh Đu</i> của Hồ Xuân Hương theo Luật Trắc vì chữ 2 câu 1 có thanh trắc.</p> <p><b>Niêm:</b>          Niêm chặt chẽ giữa các câu 1, 4, 5, 8 và 2, 3, 6, 7.</p> <p><b>Vận:</b>          Vận Bằng cuối các câu 1, 2, 4, 6, và 8.</p> <p><b>Tiết tấu:</b>          2/2/3 cho tất cả các câu.</p> <p><b>Bố cục:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Đề gồm câu 1 và 2.</li> <li>3. Thực gồm câu 3 và 4.</li> <li>4. Luận gồm câu 5 và 6.</li> <li>5. Kết gồm câu 7 và 8.</li> </ol> <p><b>Đối xứng:</b>          Câu 3 và 4 cân xứng về từ và đối nhau về thanh và ý: <i>Trai co/Gái uốn, gói hạc/lưng ong,</i></p>	

*khom khom cật/ngừa giữa lòng*

Câu 5 và 6 cân xứng về từ và đối nhau về thanh và ý: *Bốn mảnh/Hai hàng. quân hồng/chân ngọc, bay phát phối/đuôi song song*

**Biệt lệ:**

Sử dụng biệt lệ *Nhất Tam Ngũ* ở câu 2 và 6. Ngoài trừ 3 lỗi không quan trọng là *bình đầu* với 3 danh từ *người, trai, gái* ở đầu câu trong 4 câu liên tiếp, *hạc tất* với chữ 4 và 7 cùng dấu thanh trong câu 3 và 7, và *đại vận* trong câu 4 với chữ *ong* và *lòng* trùng vần. Không phạm *khổ độc* vì các chữ biệt lệ đối từ trắc qua bằng.

<p>1. B <b>B</b> T T T <b>B B</b> (V)          2. T <b>T</b> B <b>B</b> T <b>T B</b> (V)          3. T <b>T</b> B <b>B B</b> T T          4. B <b>B</b> T T T <b>B B</b> (V)          5. B <b>B</b> T T B <b>B T</b>          6. T <b>T</b> B <b>B</b> T <b>T B</b> (V)          7. T <b>T</b> B <b>B B</b> T T          8. B <b>B</b> T T T <b>B B</b> (V)</p>	<p><b>Thu Điếu - Nguyễn Khuyến</b>          Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,          Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.          Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,          Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.          Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,          Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.          Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,          Cá đâu động đống dưới chân bèo.</p>
---	---

**Luật:**

Bài *Thu Điếu* của Nguyễn Khuyến theo Luật Bằng vì chữ 2 câu 1 có thanh bằng.

**Niêm:**

Niêm chặt chẽ giữa các câu 1, 4, 5, 8 và 2, 3, 6, 7.

**Vận:**

Vần Bằng “eo” cuối các câu 1, 2, 4, 6, và 8.

**Tiết tấu:**

2/2/3 cho tất cả các câu.

**Bố cục:**

6. Đề gồm câu 1 và 2.
7. Thực gồm câu 3 và 4.
8. Luận gồm câu 5 và 6.
9. Kết gồm câu 7 và 8.

**Đối xứng:**

Câu 3 và 4 cân xứng về từ và đối nhau về thanh và ý: *Sóng biếc/ Lá vàng theo làn/trước gió hơi gợn tí/sẽ đưa vèo.*

Câu 5 và 6 cân xứng về từ và đối nhau về thanh và ý: *Tầng mây/Ngõ trúc lơ lửng/quanh co trời xanh ngắt/khách vắng teo*

**Biệt lệ:**

Sử dụng biệt lệ *Nhất Tam Ngũ* ở câu 2, 5 và 8. Ngoài trừ 3 lỗi không quan trọng là *bình*



*đầu* với 4 danh từ *sóng, lá, tầng và ngổ* ở đầu câu trong 4 câu liên tiếp, *hạc tất* với chữ 4 và 7 cùng dấu thanh trong câu 2 và 6, và *đại vận* trong câu 1 với chữ *lẻo* và *veo* trùng vần. Lỗi *khổ độc* trong câu 2 lại thấy hay với thanh trắc *bé*. Không thấy các lỗi khác. ■

## ***Phí Minh Tâm***

## ĐÁU THỂ HỮNG HỒ

Võ Thị Như Mai

Chỉ một chút thôi có thể nàng sẽ ra ngoài khơi và ngã vào con sóng đại dương . Cuốn tung bạt ngàn biển trời mây nắng mưa bão gió. Để những chiếc hôn rạn san hô mịn màng da thịt, xúc cảm dâng như triều cường lụt hấp dẫn mặt trăng.



Chỉ một chút thôi nàng vươn đôi tay gầy thám hiểm thế gian, luồn sâu vào vùng đất lặng thinh ánh sáng đỏ hay thành phố Panama mây phủ, môn man phiến đá đầy kim cương tảng băng tròn lâu đài Hi Lạp, dụi vào tâm vũ trụ lắng nghe thì thầm nũng nịu tiếng mèo bài hát của cá voi.



Chỉ một chút thôi nàng muốn ôm vào lòng ve vuốt đỉnh Mẫu Sơn một màu trắng lẻ loi, uống cạn giọt sương trước khi những tia nắng băng qua dãy núi trùng điệp vào Bắc Sơn thung lũng, nằm nghỉ ngơi trên vùng đất mộng mơ Đà Lạt diệu kỳ thông rừng làng mạc, chưa trọn cuộc yêu bình minh Cửa Sốt cánh đồng thốt nốt An Giang.



Chỉ một chút thôi làm sao nàng có thể đi khắp hành tinh, làm sao tròn những thanh âm dịu êm lời nồng nàn rót mật, nhắm mắt để đón nhận vì tinh tú lung linh sáng nhất, soi rõ cả địa cầu đâu thể hững hờ một kiếp nhân sinh. ■

*Võ Thị Như Mai*

## **ÁO YẾM VIỆT NAM**

*Nguyễn Thị Mất Nâu*

**Áo yếm là gì anh hỡi anh**  
**Là vuông vải chéo nhỏ mỏng manh**  
**Che ngang trước ngực, hai dây cột**  
**Treo vào khuôn cổ đẹp như tranh**  
**Thuần phong mỹ tục đầy nghệ thuật**  
**Áo yếm đơn sơ dẹt mộng lành .**

Áo yếm của Việt Nam không đích xác có từ bao giờ, có lẽ xuất hiện khoảng thế kỷ 12 triều nhà Lý.

Người Việt Nam xưa có thói quen ăn chắc mặc bền, ăn no mặc ấm, chưa đạt tới ăn ngon mặc đẹp như bây giờ. Thời xa xưa ấy, ăn mặc tằn tiện, chẳng mấy ai để ý đến nội y (mặc lót bên trong). Cho nên phát sinh sáng kiến, có lẽ nảy sinh từ các công chúa, thiên kim tiểu thư, các phu nhân quý tộc

Và áo yếm (áo lót trong) một trong những bày chuyện cho vui, để thăng hoa đời sống, tiêu khiển cho qua thì giờ của các công nương rảnh rỗi.

Nhờ thế, di sản của phụ nữ Việt Nam mới có chiếc áo yếm độc nhất vô nhị để đời, thế giới chẳng nước nào có được. Rõ ràng áo yếm, duy nhất chỉ có ở Việt Nam. Nói là áo, kỳ thật yếm chỉ là mảnh vải vuông vuông nho nhỏ đủ che phần trước, mảnh vải xoay chéo góc, thành ra hình thoi, rồi khoét tròn góc nhọn bên trên thành cổ áo, đính hai sợi dây, treo vòng qua cổ, cột lại. Và thêm hai dây cột ngang người để giữ mảnh vải chéo đừng rơi

Thật là đơn giản và chỉ tưởng tượng là thấy áo yếm mát mẻ nhẹ nhàng.

Chính sự đơn giản đến độ không gì đơn giản hơn, mà cuộc hành trình áo yếm đã trở thành không đơn giản.

Người ta cho rằng áo yếm ra đời để tôn nét đẹp của tám lưng ong óng ả, đồng thời che đậy, bảo vệ phía trước của phái nữ, nơi khu vực dễ gây những bất ngờ lẫn bất tường, điều này không có gì bàn cãi.

**Bàn cãi làm chi chuyện tất nhiên**  
**Quá khừ vị lai khắp mọi miền**  
**Dù Nam hay Bắc, Trung cũng vậy**  
**Yếm áo mơ màng đẹp thần tiên.**

Từ nguyên thủy, chiếc áo yếm là mảnh vải vuông vắn chéo, khoét tròn làm cổ, đính hai sợi dây cột ra sau gáy..., sau đó biến đổi qua thiên hình vạn trạng mà thành ra :

1. Yếm cổ tròn, gọi là yếm cổ xây.
2. Yếm cổ hình chữ V gọi là yếm cổ xẻ.
3. Cổ chữ V xẻ sâu gọi là yếm cổ nhọn.

Tự ngàn xưa, nửa kín nửa hở, là cả một nghệ thuật tối hảo trong mọi tình huống, mọi trạng thái và cũng là nghệ thuật áo yếm Việt Nam nói riêng.

Tranh tối tranh sáng là nguyên nhân kích thích tò mò cho nửa phần vẫn còn mờ tối. Phô bày toàn phần ra ánh sáng, không cần tưởng tượng nữa, còn đầu mờ ảo trữ tình chỉ được người đời đánh giá rất nhanh trong thoáng chốc, kèm theo ham muốn thật nhanh - sau một cái chặc lưỡi, búng tay là được xếp vào một đẳng cấp không cao lắm - Sự thoáng qua nhanh là cơn khát cấp thời, mà người đời vốn bạc bẽo tạm gọi bình dân là phi nghệ thuật.

Tuyệt diệu của yếm là ba góc của yếm luôn ở tình trạng hở nhưng vẫn kín. Nửa kín nửa hở là nghệ thuật tuyệt vời, là tuyệt chiêu vừa mỹ thuật vừa nghệ thuật

***Các cụ ngày xưa khéo ốm ở  
Nửa kín nửa hở lơ mơ tơ vàng  
Chẳng cần huých toẹt giữa đàng  
Chẳng cần quân áo xé rách toang  
Chứng minh trường phái ngang tàng chịu chơi  
Các cụ nghệ thuật tuyệt vời  
Mặc cái áo yếm thanh thời nhẹ nhàng .***

Khởi từ cái yếm, do kỹ thuật xưa đơn sơ yếu kém ... sau biến cải thành áo nhỏ mặc riêng cho phần ngực, cũng chẳng kín đáo hơn cái yếm bao nhiêu nhưng cho người mặc cảm giác bớt lỏng lẻo hơn là đeo mảnh yếm.

Khi thực dân Pháp xâm lăng nước ta, xâm lược luôn cái yếm, mẫu corset của đàn bà Tây phương ra đời, tạo sở thích của phái nữ rất nhanh.

Các cô tân thời mặc đầu tiên, sau tới gái nạ dòng, sau đó, gái tỉnh thành, và thôn quê đều mặc Cái yếm gần như biến mất, chỉ còn số ít các đàn bà thuần chất nhà quê xử dụng.

Qua nhiều thế kỷ, thế giới văn minh thừa thãi trang phục ngày nay, lại có chiều hướng tìm về nguồn cội thiếu vải của các cụ nhà mình -Ngày xưa thiếu vải thật. Bây giờ thiếu vải giả vờ... Cũng là một nghệ thuật lộng chân thành giả, lộng giả thành chân, của các nhà sư tầm và nghiên cứu về tâm lý và trang phục, áp dụng trong quy luật vận hành của thiên hà vũ trụ

Hết sáng thì tối, hết tối thì sáng, tái đi tái lại mà vòng đời chỉ có thế -

Xem ra thực chất áo ngực phụ nữ ngày nay, biến dạng từ áo yếm, ra đời phục vụ nhu cầu phái nữ. Nhu cầu phái nữ ngày càng tân tiến qua nhiều thời đại và hoàn cảnh. Thời chiến tranh ác liệt, người ta mô tả áo ngực được thiết kế dày, cứng, để phòng chống ảnh hưởng bom đạn. Lúc đầu chỉ là nhiều lớp vải dày, sau lót carton, rồi lót mica, rồi lót lưới..vv...

Như cổ cao áo dài cũng thế, một thời lót cổ cùn, cổ mica, cổ lưới, rồi sang tới khoét tròn, khoét vuông, cổ thuyền, có lúc gọi là cổ áo bà Nhu (người nghĩ ra kiểu cổ áo này).

Cái váy đầm xòe cũng vậy, lót nhiều lớp lưới nhiều tầng bên trong cho váy phùng xòe lên, vòng eo thì xiết dây cột nhỏ xíu, cho váy đầm xòe nhún nhảy theo bước chân thực nữ vô cùng quyến rũ, mà chúng ta thấy qua hình ảnh các công nương Pháp thời cổ.

Ngày nay phái nữ khoe nhau chiếc áo lót nổi tiếng mặc tiền hàng hiệu Victoria's Secret. Chuyên sản xuất duy nhất một mặt hàng phục vụ nữ giới, với đủ kiểu đủ trò - Nào là áo ren mỏng, lót mousse mỏng, mousse dày, đủ size đủ cỡ, và tân kỳ hiện đại với chất lỏng bên trong mềm như làn sóng biển áp vào da thịt.

***Văn minh cải tiến tuyệt vời  
Phục vụ phái nữ một trời xa hoa  
Ngày xưa gấm vóc lụa là  
Ngày nay Secret Victoria mắc tiền.***

Trời sanh người nữ muôn đời thích làm đẹp và khuynh hướng nửa che, nửa khoe. Và nửa kín nửa hở, vẫn là nguyên tắc muôn đời, một giới phái ỡm ờ dùng dằng không dứt khoát. cũng là khởi nguồn của nhiều điều phức tạp nhiều nhưng mâu thuẫn trong suy nghĩ đa chiều.

Chiếc áo yếm được xếp vào một trong những nguyên nhân gây ra hậu quả qua câu thơ

*"Gió chiều như giục cơn sầu/ Vi lô hiu hắt như mầu khơi trêu".*

Đàn bà, một sinh vật phức tạp đầy mâu thuẫn, người ta bảo thế.

Muốn khoe, trong nước bầy giờ dùng chữ khoe hàng, để nhiều người ngắm nghía và thèm muốn. Song lại giả vờ như che đậy để treo cao giá ngọc, hầu biểu dương tính chính chuyên, từ chương lễ giáo với chung quanh ...

Cuối cùng không biết đâu là hư đâu là thực, và thực tế muốn gì?!

Ai dám bảo áo yếm ngày xưa, là cổ lỗ sĩ? Dù xuất hiện từ thời cổ đại.

Nay trong thời văn minh hiện đại hóa toàn cầu, áo yếm hiện ngang xuất hiện cả ngoài đời thường, nhất là trên sân khấu, như một thách thức đầy kiêu hãnh, có ý thức gợi cảm và quyến rũ. Như câu ca dao từng bảo

*"Khi xưa ở với mẹ cha/ Một năm chín yếm xót xa trong lòng/  
Từ khi đi về nhà chồng/ Chín năm một yếm, lật trong ra ngoài".*

Một số nhà nghiên cứu cho chiếc áo yếm ra đời để tôn vinh cái lưng ong, phần được coi là nét gợi cảm của người phụ nữ trong văn hóa Việt Nam.

Các cụ xưa thường bảo *"Đẹp khoe/ Xấu che"*. Cũng là một nguyên lý bất di bất dịch. Yếm che đàng trước, hở nguyên phần lưng là một nguyên tắc nằm trong nguyên lý ấy ... Miễn trời cho cái lưng thon đẹp để khoe... Một số vị trời không cho tấm lưng ong, vẫn quyết phô ra, bất cần thiên hạ sự.

Ca dao Việt Nam có câu về lục bát rằng:

*"Những người thắt đáy lưng ong/ Vừa khéo chiều chồng vừa khéo nuôi con/  
Những người béo trọc béo tròn/ Ăn vụng như chớp đánh con cả ngày.*

Là nói thế... tất nhiên vẫn có trường hợp ngoại lệ; kẻ lưng ong thắt đáy, vẫn đánh con đôm đốp, đã chẳng chiều mà còn hành hạ chồng. Hoặc người béo trọc béo tròn khéo chiều chồng và nuôi con rất khéo... nhưng đã là ngoại lệ thường chỉ là số ít, nghĩa là không ra ngoài nguyên lý là bao.

Các cụ ngày xưa ghê gớm lắm, điều tra nghiên cứu tinh tế kỹ càng, sau đó mới tạo tác thành ca dao tục ngữ bất hủ, hoặc những câu về truyền đời con cháu qua kinh nghiệm bản thân của chính các cụ.

Theo dòng lịch sử, cái yếm không ngừng biến đổi, nâng cao tính thẩm mỹ qua những lần cải tiến:

*"Thuyền anh ngược thác lên đây/ Mượn đôi giải yếm làm dây kéo thuyền  
Ở gần mà chẳng sang chơi/ Để em ngắt ngọn mùng toi bắc cầu  
Mông toi chẳng bắc được đâu/ Em cởi giải yếm bắc cầu anh sang".*

Cái yếm và cái giải yếm vô tình là một tiêu đề lý thú, phong phú không kém phần phức tạp.

Thế kỷ 17, cái yếm chưa có thay đổi lớn lao về hình thức.

Thế kỷ 19, cái yếm có hình vuông vát chéo trước ngực, khoét cổ hai bên có dây buộc chéo ra sau gáy.



Thế kỷ 20, áo yếm sử dụng phổ biến hơn với nhiều kiểu dáng và mẫu mã phong phú hơn. Yếm vải thô dành cho người nghèo và giới lao động. Người lớn tuổi mặc yếm màu xám. Con gái gia giáo mặc yếm màu trang nhã và kín đáo. Loại yếm ỡ ờ, màu sắc sỡ, có cổ sâu trễ xuống thấp như thách thức nhãn quan, dành ám chỉ "dân trời ơi đất hỡi" thuộc dạng Thị Mầu.

Thời kỳ cải cách tân thời, cổ yếm may dần thêm ba đường chỉ, cho đẹp hay cho chắc. Hoặc may viền nẹp nhỏ bằng vải. Hoặc thêu hoa nẹp theo đường biên cổ.

Trong bài thơ Chùa Hương, nhà thơ trẻ Nguyễn Nhược Pháp, cũng nhắc tới giải yếm đào thanh khiết của cô bé tuổi mười lăm (tuổi trăng tròn, tuổi trong sáng) đi lễ chùa cùng thầy mẹ trong trang phục áo tứ thân và chiếc khăn mỏ quạ nền nã mà rằng:

*"Khăn nhỏ đuôi gà cao/ Em đeo giải yếm đào/  
Quần lĩnh áo the mới/ Tay cầm nón quai thao"*

Cô bé toát ra vẻ thanh cao, hồn nhiên, thánh thiện. Nhưng chỉ là cái yếm đào bình thường đơn giản của người thường trong xã hội.

Còn loại yếm được các cô sử dụng nữa là "Yếm đeo bùa". Tại sao gọi là yếm đeo bùa? Là người mặc dầu xạ hương (hương thơm) vào trong cái túi vải nhỏ và đeo cạnh yếm. Đây chính là vũ khí lợi hại của các cô thời xưa.

Không chỉ như vậy, yếm còn làm nên những câu chuyện vô cùng độc đáo. Ngoài xạ hương, các cô khi hẹn hò với người yêu thương, thường ém một miếng trầu trong yếm của mình -Dân gian gọi đó là "khẩu trầu giải yếm". Có lẽ không có loại trầu nào linh thiêng hơn loại trầu giải yếm này.

Yếm không chỉ ra vào chôn cung đình của các mệnh phụ và công nương. Còn theo ra ruộng đồng dầm mưa dãi nắng với nông dân. Rồi cùng chiếc áo tứ thân, cái yếm theo các chị em đến chốn đình đám hội hè, tạo nên quốc phục thời xưa -Đề trở thành quốc phục, trước khi có áo dài ra đời.

Đi kèm với cái yếm, là chiếc áo cánh (áo ngắn) khoác ngoài không cài cúc, để khoe một phần yếm. Ra đường, các cô mới khoác thêm chiếc áo dài ngoài cái áo cánh, cùng chiếc váy lưới trai bằng lĩnh, thêm một giải lụa đào hoặc lụa mỡ gà, hoặc thiên thanh, thắt ngang lưng, thêm cái xà tích bạc lủng lẳng, bộ đồ trầu cạnh sườn, chân mang dép mũi cong như chiếc hài.

***Nhược Pháp nhà thơ trẻ hào hoa  
Tài mệnh tương đố hai mươi ba qua đời  
Đời người thi sĩ nổi trôi  
Chùa Hương thi phẩm để đời ngàn sau.***

Trong bài "Chùa Hương" Nguyễn Nhược Pháp nhắc đến yếm đào và đôi dép cong cong rằng:

*"Khăn nhỏ đuôi gà cao/ Em đeo giải yếm đào  
Quần lĩnh áo the mới/ Tay cầm nón quai thao  
...Mẹ cười, thầy nó trông/ Chân đi đôi dép cong  
Con tôi xinh xinh quá/ Bao giờ cô lấy chồng"*

Các bà mẹ xưa chỉ mong ngày con gái lên xe hoa đi lấy chồng.

Nhìn con gái có người đến cưới ...là xong bốn phận ..... Mặc cho sau đó, có thể người con gái cả đời chẳng bao giờ hạnh phúc và sung sướng.

Cái hạnh phúc cuối cùng của người làm mẹ, chỉ cần thấy con yên nơi yên chỗ? Phải chăng là một hình thức phủ tay hết trách nhiệm của đời một người đàn bà làm mẹ ngày xưa, vốn luôn lệ thuộc

và chịu đựng đa mang trách nhiệm, lúc nào cũng bị gánh hết những điều tiếng báng bổ nặng nề tội nghiệp mà người đời trao tặng? "Con đại Cái mang". Đực chẳng mang gì hết.

**Trăm tội tai ương đổ đàn bà  
Đàn bà bao nhiêu tội xấu xa  
Không con không có người nối dõi  
Không gả được con thành gái già  
Bao nhiêu tiếng ấy đều gánh chịu  
Cái nghiệp cơ cầu nghe xót xa  
Đàn ông cái gì cũng cho qua  
Tu bảy trăm kiếp để hào hoa bây giờ.**

Cái mảnh yếm con con trở thành nhiều chuyện hơn chúng ta tưởng.

Là thứ trang phục vừa kín đáo nhưng ốm ờ không tả được.

Là một nghệ thuật và độc đáo chẳng nước nào có. Chả thế Thị Mầu đã cong cớn chảnh chệ nói với chàng nô: "*Gió xuân tóc giải yếm đào/  
Anh trông thấy oản, sao không vào thấp hương*"//.

Suốt chiều dài lịch sử yếm đã đi vào giấc mơ biết bao thế hệ mày râu tuấn kiệt. Yếm gợi tình để các anh cũng đem ra bốn cột trêu đùa

*"Trời mưa lấy yếm mà che/ Có anh đứng gác, còn e nổi gì.  
Hay là : "Hỡi cô mặc áo yếm hồng/ Đi trong đám hội có chồng hay chưa?  
Hoặc "Cô kia yếm trắng lò xoà/ Lại đây đập đất trông cà với anh  
"Bao giờ cà chín cà xanh/ Anh cho một quả để dành mớm con"*

Các nàng cũng đáo để, chẳng vừa vắn gì:

*"Ước gì sông hẹp tày gang/ Bắc cầu giải yếm cho chàng sang chơi.*

Rồi những nhớ nhung mong đợi của kẻ xa quê cũng nhắc đến cái yếm

*"Mình về mình có nhớ chăng/ Ta về như lạt buộc khăn nhớ mình  
Ta về ta cũng nhớ mình/ Nhớ yếm mình mặc, nhớ tình mình trao"*

Hay trong thơ Hồ Xuân Hương, bà chúa thơ nôm bao giờ cũng gợi tình, đôi khi sống sượng đầy khao khát và mây mưa hoa bướm

*"Lược trúc lỏng cài trên mái tóc / Yếm đào trễ xuống dưới nương long  
Đôi gò bông đảo sương còn ngậm/ Một lạch đào nguyên suối chứa thông"*

Cuộc "cách mạng yếm" xảy ra vào thế kỷ 20, khi các kiểu áo tây phương xâm nhập vào Việt Nam, với sự ra đời của khá nhiều kiểu yếm và áo ngực mới lạ. Trang phục du nhập thêm vào, mang tính tiện dụng. Yếm không còn sử dụng rộng rãi nữa, mà chỉ còn được dùng đồng bộ cùng với các trang phục cổ truyền trong các dịp lễ hội truyền thống

Yếm xuất hiện trong thơ, mang lại nguồn thi hứng cho nhiều tác giả. Đồng thời yếm đi vào tài sản của trang phục trong văn hóa VN. Yếm đi đôi với váy. Thời xa xưa phụ nữ Việt mặc váy, không mặc quần hai ống như bây giờ. (thời xưa quần 2 ống dành cho nam giới)

Nào là váy đơn váy kép, váy chằng váy đụp. Vì thế tục ngữ dân gian miền bắc xưa có câu

*"Cái thúng mà thúng hai đầu/ Bên ta thì có bên Tàu thì không".*

Trong bức tranh hứng dừa, cũng thấy các cụ bà căng váy để hứng dừa.

Nghe đâu đây thấp thoáng trong nhiều vần thơ cũ, những cung bậc cảm xúc rất tinh tế và sâu sắc về chiếc yếm. Để mỗi khi đọc những vần thơ nói về y phục cổ truyền lãng mạn nên thơ ấy, trong lòng mỗi chúng ta lại dâng lên nỗi niềm hoài cổ.

Thời xa xưa, các cụ quan niệm con gái được coi là đẹp, khi trang phục phải biết phô ra kín đáo và ý nhị về những đường cong nên nã mướt mà.

***Ngày xưa phô diễn mặn mà  
Ngày nay phô diễn xa hoa gọi tình  
Thâm mỹ dao kéo chỉnh hình  
Cái đẹp hàng loạt toàn mình với ta.***

Còn yếm trong ca dao thì sao? *Đàn ông đóng khoé đuôi lươn/ Đàn bà mặc áo hở lườn mới xinh//.* Lườn là chỗ cạnh sườn người phụ nữ. Mà khi xưa được đánh giá là đẹp khi thân mình tròn lẳn, xương nhỏ và vóc người thanh tao mềm mại. *"Yếu điệu thực nữ/ Quân tử hảo cầu (hay hảo cầu)"*

Thật vậy, thanh tao mềm mại của nữ giới, bao giờ cũng để lại trong tâm tưởng người anh hùng nỗi nhớ sâu thẳm đằm thắm khó quên.

Tất nhiên quan điểm cái đẹp mỗi thời mỗi khác. Nó thay đổi theo cái nhìn của thời đại, của hiện thực và qua cả cái tiện nghi của giải phẫu thẩm mỹ, để ai hôm nay ai cũng có thể đẹp dễ dàng.

Một thời cổ điển còn lưu lại trong các viện bảo tàng, qua những tranh tô nữ, qua những tác phẩm nghệ thuật đương thời khác.

***Là nét đẹp cổ trong các bảo tàng thời xưa.***

Ngày nay mode chân dài qua phủ dụ của các đại gia khiến các kiều nữ trong và ngoài nước đua nhau chân dài (trường túc) để lọt mắt đại gia.

Ngày ấy mẫu phụ nữ là tròn trịa, các cụ bảo là có da có thịt, là nhỏ nhắn mướt mà xinh xắn. Chẳng những nhỏ nhắn, mà phải thấp hơn người nam, hầu áp dụng thành ngữ "núp bóng cây tùng", mặc dù chưa chắc đã được cây tùng cho núp. Dù có thể chỉ là lý thuyết,...nhưng xem ra đã khác hẳn so với ngày nay. Ngày nay ngược lại, các người mẫu thật ồm, ồm nhô xương cổ, lòi xương vai, miến đôi chân thật dài, dài lênh khênh như đi cà kheo thời cổ đại, cà kheo là hai cây gỗ tựa như cây nạng, thời xưa trẻ con tập đi cao lênh khênh mà vui.

Các cô VN đa số chân cũng chỉ là chiều dài theo tỷ lệ bình thường của người Á châu, nhưng phải có sao cho chân thật cao, thậm chí cao hơn phụ nữ tây phương và hơn hẳn các ông (chẳng biết để làm gì).

Vì thế thời trang hôm nay cả trong lẫn ngoài nước đều một khuôn trình diễn những đôi giày, những đôi guốc cao cả phía trước lẫn sau gót.

Đứng trên những giày guốc kiểu "à la mode" này, các cô cao hẳn thêm vài chục centimetres (5,6,7 inches), với dáng lênh khênh như người làm xiếc thường đi trên cà kheo, mà trẻ em tập chơi lúc nhỏ.

Thán phục gân cốt các cô khỏe thật, có khỏe mới có thể đứng dốc ngược trên mấy đầu ngón chân bé xíu.

Dáng các cô hầu như gân giống nhau. Dung nhan cũng đẹp tựa ngang nhau... mắt sâu, mũi thẳng môi đầy đặn, do cùng một cơ duyên, cùng từ một bàn tay chuyên viên thẩm mỹ tạo hình.

***Cha mẹ khác nhau, vẫn giống nhau***

***Bàn tay thẩm mỹ thiệt là ngẫu***

***So đáng đọ hình qua vì tính***

***Mũi cao cằm chẻ mắt đa tình.***

***Trai anh hùng gái thuyền duyên***

***Nhân duyên vợ vẫn như thuyền vương dây***

***Mấy anh đại phú vung tay***

***Các cô mà lọt lưới, là thay đổi đời***

***Người mẫu chưng diện ăn chơi***

***Làm thêm việc thiện người đời phục lẫn.***

Qua trang mạng, chuyên viên thẩm mỹ phân tích việc cưa nối ống chân gắn cổ chân để đôi chân dài thêm 10cm.

Có lẽ thời nay người nữ, quan niệm đã đủ giỏi, đủ tài năng, đủ bản lĩnh, chẳng cần núp bóng cây tùng cây bách. Nên quý bà cô không ngại ngần mang giày, mang guốc dép thật cao, miễn để được gọi theo chữ lóng của người trong nước bây giờ là "chân dài tới nách"... để lọt mắt xanh của đại gia, thiếu gia, lắm tiền nhiều bạc, mong cuộc đổi đời.

Cũng vậy, các đại gia dư tiền chẳng biết xài đâu cho hết, bèn tung ra cái 'tuyệt chiêu dụ chân dài', khiến các cô thi nhau mang giày cao lênh khênh, hoặc đi kéo chân cho dài hầu vừa mắt đại gia. Hai bên cùng sánh khoái và có lợi.

***Chân dài đến nách thấy mà ham***

***Để cho quân tử mơ màng cầu thân***

***Nhân gian duyên nợ hồng trần***

***Chân dài trường túc xoay vần cuộc vui***

***Các ông lắm lưới nhiều lời***

***Tán dương chi để cuộc đời tan hoang.***

Đôi khi quý cô mang guốc quá cao, người đối diện đứng nói chuyện ngược lên mồm cổ, ngay cả người đối diện là nam giới Việt nam.

Đã không ít những sự việc xảy ra trong nhiều đoàn thể, ca đoàn,... trở ngại khi sắp xếp đội hình trên sân khấu, nội bộ lũng củng bon chen cao thấp, chân dài chân ngắn chân cao chân thấp ... nên nổi mất đoàn kết trầm trọng không đường cứu vãn.

Trong mười điều thương của các chàng trai đánh giá các cô, điều thứ 5 là "*Năm thương yếm thắm đeo bùa*".

Yếm đeo bùa vô cùng lợi hại, đôi khi đồn ngã cả những người đời vẫn tôn sùng là đức cao trọng vọng. chẳng phải ai cũng đeo bùa vào yếm.

Mà chả cần bùa, cái yếm thôi cũng đủ làm đấng mày râu lăn cù ra đất.

Danh ngôn có câu "*Anh hùng bất quá mỹ nhân quan*" (anh hùng chẳng qua được cửa ải mỹ nhân).

\*Lịch sử Tây - Tàu - Ta, đã chứng minh điều ấy, bên Tàu có:

- Bao Tự với U Vương.
- Lữ Bố với Điêu Thuyền.
- Tây Thi với Ngô Phù Sai.
- Dương Quý Phi với Đường Minh Hoàng.

\*Bên trời Tây có:

- Napoléon - Josephine,
- Antony - Cléopatra.
- Roméo - Juliette.

\*Khung trời Việt Nam có Trịnh Sâm, với bà chúa chèo Đặng thị Huệ, v,v.

Chả biết các người đẹp nghiêng nước nghiêng thành thời hoàng kim ấy có xử dụng áo yếm của dân Việt Nam không?

Văn hào Nga Macxim Gorki viết về người phụ nữ rằng:

*"Đời thiếu mẹ hiền, không phụ nữ/ Anh hùng, thi sĩ, hỏi còn đâu"*

Bảo rằng ngày nay con gái táo bạo là chưa hẳn đúng. Các cụ bà, đã dùng giải yếm mỏng manh bắc cầu cho người yêu sang chơi qua cầu thơ

*"Ước gì sông rộng một gang/ Bắc cầu giải yếm cho chàng sang chơi.*

-Hoặc là *"Ở gần mà chẳng sang chơi/ Để anh ngắt ngọn mồng tơi làm cầu Mồng tơi chẳng bắc được cầu/ Em cởi giải yếm bắc cầu anh sang.*

Liệu con gái hiện đại có dám hết mình, táo bạo lãng mạn như thế không?

Cuối cùng, phải công nhận áo yếm đẹp và kêu gọi. Là trang phục độc đáo duy nhất chỉ có ở Việt Nam. Tường hờ mà kín. Tường kín mà hở. Tuyệt vời là ở đấy. Ai dám bảo các cụ cổ lỗ sĩ, quê mùa. Hậu thế dù ghi chép mòn tay vẫn chưa theo kịp. Chả thế thời Internet văn minh toàn cầu như hôm nay, con cháu dù kiêu hãnh tiến bộ vẫn quay về bắt chước cái tuyệt hảo của các cụ năm xưa - Đùng đùng văn minh mà ngon hơn các cụ.

Thời xa xưa, Trung Hoa và các nước đông á đều dùng sáo ngữ diễn tả như là *"Trâm ngư lạc nhạn/ Bể nguyệt tu hoa"* (Cá lặn chim sa/ hoa nhường nguyệt thẹn), diễn tả nhan sắc mỹ nhân, đẹp đến nỗi cá ngượng ngừng lặn xuống nước, chim hờn ghen sa xuống đất. Hoa thua kém, trăng thẹn thùng xấu hổ. Trình độ ca tụng, thường lẫn cái đẹp xem ra cao hơn hẳn lớp trẻ bây giờ.

***Các cụ ngày xưa hơn hẳn bây giờ***

***Lớp trẻ cứ tưởng họ ngu ngơ***

***Chê bai các cụ là hủ lậu***

***Có biết người xưa sống vượt bờ***

***.... Áo yếm gọi tình nên Ý thơ. ■***

*Nguyễn Thị Cát Nâu*



## Trúng Độc Đắc

*Phương Hoa*

Con nói rồi, mẹ làm ơn đi. Nếu mỗi lần gặp con mẹ cứ mãi chỉ chiết về Mariana, con sẽ chuyển qua hãng khác và dọn khỏi Cali, mẹ sẽ không bao giờ gặp lại con nữa đâu!

Thằng Paul nói xong đóng cửa cái rầm ròi ra lái xe chạy vút đi, bỏ mặc Bà Chánh đứng sững sờ tức giận. Nhìn những món bánh trái bà đang chuẩn bị cho ngày giỗ ông nội Paul vào cuối tuần này, bà lắc đầu ngao ngán. Nếu vợ thằng Paul là người Việt, giờ này nó sẽ phụ cùng bà gói bánh, làm xôi chè, giò thủ. Vợ chồng bà vất vả nuôi thằng Paul khôn lớn cho ăn học thành tài, vậy mà giờ đây nó đành trơ mặt.

Tình mẹ con của bà và Paul rạn nứt mấy năm nay chung quy cũng tại con nhỏ Mễ đó. Bà cũng biết, sống trên đất nước Hiệp Chúng phải hòa đồng cùng tất cả mọi người, bà từng làm việc hàng ngày trong hãng với đủ mọi sắc dân. Mỗi khi có ai xâm xì phê phán những cuộc hôn nhân “ngoại chủng” bà đều tỏ vẻ phản đối.

Nhưng đó là chuyện thiên hạ. Thằng Paul là con trai độc nhất của bà. Từ lâu bà thèm có một cô dâu người Việt để mẹ con hủ hỉ, đi mua sắm nấu nướng cùng nhau. Nhưng không ngờ nó lại rình về nhà cô gái Mễ.

Bà Chánh chê con gái Mễ quanh năm suốt tháng chỉ ăn rồi...đẻ. Bà sợ cô này cứ sồn sồn năm một, thằng con bà sẽ phải tậu một chiếc xe van trên sắp đầy những chiếc car-seat, mỗi khi ra đường thằng út của bà sẽ phải cong lưng đẩy chiếc xe chất đầy con nít, mắt thì lão liên trông chừng những đứa lớn chạy nhảy chung quanh. Khô thân cho thằng bé!

Bị mẹ chống đối, thằng Paul tự kết hôn rồi dọn ra ngoài. Bà Chánh giận quá cỡ, cả khi thằng cháu đích tôn Mike ra đời bà vẫn không thèm đếm xỉa tới. Có người nói bà làm quá sẽ mất luôn thằng con và đứa cháu nội, nhưng bà tin rằng “lá rụng về cội” chứ không chạy đi đâu.

Chợt nhớ hồi sáng trước khi đi làm ông Chánh có nói tối nay ông muốn ăn cháo gà. Bà mở tủ lạnh lôi ra con gà đi bộ rửa sạch bỏ vô nồi luộc.

Gà vừa sôi thì chiếc điện thoại bàn bỗng reo inh ỏi. Bà Chánh nhất lên nghe cái giọng chói lói của bà Hinh:

-Này! Mua vé số đi bà! Tối nay xổ Powerball đó!

-Bà rủ lộn người rồi! Bà Chánh cười lớn. Cái bà bạn này thật ngộ, hôm nay uống lộn thuốc hay sao mà lại nhờ cái người từ khi qua Mỹ chưa hề biết mặt mũi con số lô tô thế nào mà rủ. Bà định gác máy thì giọng bà Hinh bên kia bỗng cuống quýt:

-Chờ đã! Bữa nay số xổ to kinh khủng, lên đến hơn tỷ rưỡi lận bà ơi! Điều này rất hiếm khi xảy ra, nên người ta kéo nhau đi mua rần rật. Nghe lời tôi thử một lần đi! Bà chưa bao giờ mua, biết đâu hôm nay Thần Tài gõ cửa.

Bà Chánh chưa kịp nói câu nào, bà bạn già đã bắt đầu thao thao bất tuyệt. Nào là chỉ bỏ hai đồng bạc lẻ, may ra ông bà ông vải thương mà “ị” lên đầu lên cổ một phát sẽ có hàng tỷ đô la vào nhà. Rồi thì là khi thành triệu phú bà sẽ đi làm từ thiện thả giàn thoải mái, xây chùa, cất nhà thờ... Đặc biệt nếu trúng số mà chia cho người bên Việt Nam cũng sẽ được chính phủ Mỹ cấp visa qua đây lãnh tiền, vân vân. Bị bà Hinh thuyết một hơi, bà Chánh bắt đầu nao núng. Bà Hinh nói cũng đúng, tại sao mình không thử một phen nhỉ. Chỉ bỏ ra vài đồng mà biết đâu, ừ, biết đâu ông Thần Tài viếng thăm thật thì sao.

Con số tỷ rưỡi đô la làm cho máu đánh đê trong bà Chánh trở dậy. Ngày xưa ở Việt Nam bà từng là vua số đề, cho đến khi vỡ nợ. Bà lên ông Chánh thế chấp cả ngôi nhà mà vẫn không đủ trả, cuối cùng bà đâm quần tính rửa sạch nợ đời bằng một mảnh dao lam. May số bà chưa hết. Sự nghiệp tan tành nhưng ông Chánh vẫn tha thứ cho bà, và bà thề sẽ không sờ mó đến cờ bạc từ đó.

Nhưng mua lô tô không phải như đánh số đề. Bà Chánh tự an ủi một cách rất thông minh. Đánh đề mà thua thì làm giàu cho bọn nhà cái, còn mua lô tô sẽ ủng hộ kiến thiết quốc gia Hoa Kỳ, tổ quốc đã cu rùa mang bà và gia đình mây chục năm nay. Nghe nói chính phủ đóng thuế rất cao những vé trúng.

- Ừ! Nghe có lý đó, chắc tôi phải thử một lần bà ơi! Cuối cùng bà Chánh nói.

- Có thể chứ! Tiếng bà Hinh cười hinh híc một cách đắc thắng bên kia đầu dây. – Vậy thì đi mua ngay đi, sắp xổ rồi đó! Bà ra về thành thạo:

- Đến đó bà có thể kêu người ta cho máy chọn, hoặc bà tự lựa năm con số từ 1 đến 69 cho hàng bánh trắng, và một con từ 1 đến 26 cho trái bánh đỏ độc đắc Powerball. Bà chọn rồi ghi sẵn ra giấy, hỏi người ta bày cho mà cà vào vé số. Nếu trúng nhớ chia cho tôi với!

- Chắc chắn rồi! Bà Chánh cười to sỏi sỏi. Tiền tỷ sắp vào nhà, việc gì bà lại không dám hứa. - Để tôi chạy ra cái tiệm tạp hóa gần đây mua một vé. Bà cúp máy rồi vội vã vô phòng lấy áo khoát.

Vừa xỏ tay vào áo bà Chánh vừa ngẫm nghĩ, biết mua số gì bây giờ. Đột nhiên bà nhớ lại, tối hôm qua bà nằm mơ thấy một con rồng ngũ sắc bay lượn trên trời sau đó phun nước xuống ngập tràn cả thành phố. Mắt bà sáng lên, phải rồi, có nước là có lộc. Đây là điềm báo hên. Bà lẩm bẩm. Con rồng, ngũ sắc, trên trời, nước lụt... Trước kia bà là “chuyên gia” bàn số đề, bàn chiêm bao, và không ít lần bà bàn trúng phóc. Bà sặc nghiệp chỉ vì những lần bàn trúng thì bà mua ít mà những lần tính trật thì lại đánh nhiều.

Mặc áo xong bà Chánh ra ngoài, nhìn đồng hồ thấy hơn bốn giờ chiều. Sau lần bị phá sản, ông Chánh rất ghét chuyện số má, cờ bạc, không bao giờ ông đi đánh bài, hay chỉ mua vài đồng lô tô, ông mà về thì hồng chuyện. Bà chụp cây viết ghi vội mấy “con đề” vào tờ giấy lịch rồi xé cái rẹt, chộp lấy xâu chìa khóa xe, đập cửa lại và sải bước ra ngoài, lòng tràn trề hy vọng.

Bà Chánh ra tới sân trước thì cái cell phone reo. Lần này giọng bà Hinh hót hải:

- Bà đi rồi hả? Tôi gọi phone nhà mà chẳng có ai nghe, may mà bà đem cell phone theo. Rồi bà Hinh nói luôn một hơi không kịp thở: - Nè, muốn cho chắc ăn bà phải chạy xe qua thành phố gần bên mua số ở cái **tiệm tạp hóa may mắn**, tôi sẽ nhắn địa chỉ cho bà và nhắn mấy con số nhờ bà mua giúp, vì tôi ở xa đi không kịp. Con tôi nó nói, từ chỗ bà qua đó khoảng chừng hai chục phút lái xe, bây giờ đi vẫn còn kịp chán. Tiệm này hên lắm! Đã năm lần bán trúng lô độc đắc cho khách hàng rồi, báo đăng đầy

rầy. TV hiện giờ chiếu đi chiếu lại cho coi người ta sắp hàng dài chờ mua, và nhiều người ở tiểu bang xa cũng bay qua Cali tới cái tiệm đó mua lấy hên!

Bà Chánh nghe vậy thì rạo rức trong lòng. Chịu khó lái xe đi xa một chút đâu nhằm nhò gì. Khi còn làm hãng mỗi ngày bà phải lái xe trên đường cao tốc cả giờ, nhiều khi kẹt xe kéo dài hai ba tiếng cũng đâu có sao. Bà vội vã ra xe nổ máy, bấm Google địa chỉ bà Hình nhắn và dọt ẹ ra freeway.

Buổi chiều mùa đông trời âm u, sương mù băng lãng phủ lên những hàng cây trơ xương dọc hai bên xa lộ I-880. Nhưng bà Chánh lại cảm thấy như bầu trời đang sáng sủa một cách kỳ lạ. Bà hình dung trước mắt tấm vé số tượng trưng một tỷ rưỡi đô la to bằng cái mặt bàn, bà và ông Chánh mỗi người khênh một đầu, cười toét miệng chụp hình như bà từng thấy trên TV. Rồi bà liên tưởng đến việc sẽ làm gì với số tiền khổng lồ đó. Một trời ước mơ toan tính hiện ra trong đầu bà, kể cả việc chia cho bà chị nghèo bên Việt Nam để bà qua Mỹ lãnh, biết đâu bà ấy sẽ được định cư theo diện kinh doanh.

Cũng may còn sớm đường không bị kẹt xe, chỉ sau hai chục phút bà Chánh tới nơi. Quẹo vô góc trái tiệm tạp hoá, bà giật mình khi thấy người ta sắp hàng dài từ trong tiệm ra cửa rồi vòng quanh qua tới phía đằng sau cái building. Chết rồi. Vậy thì biết đến khi nào mới tới lượt mình, bà than thầm, không khéo đến giờ khoá sổ vẫn chưa mua được vé. Bãi đậu xe rộng thênh thang mà đầy kín, bà phải chạy quanh hồi lâu mới có một chỗ trống. Đậu xe xong bà tắt tả chạy ra sau lưng tiệm để sắp hàng. Người ta tiếp tục kéo đến, chỉ trong nháy mắt cái đuôi sau lưng bà Chánh đã kéo ra dài thòng cả một góc phố.



Viễn ảnh tỷ rưỡi đô la khiến cho tâm tình người ta thoải mái. Ai nấy cười nói trao đổi râm rang trong khi sắp hàng như thể quen biết nhau tự khi nào. Nhiều bác tài đang dừng đèn đỏ bên kia đường nhún còi inh ỏi, vẫy tay chào đoàn người rờng rần và hô to “Good luck!” Những người đang sắp hàng cũng vẫy lại, hớn hờ cười toe như chúng tỏ mình đang đứng trước...cổng thiên đàng.

Phía cửa trước, số người mua xong liên tục nối đuôi bước ra, thì cuối hàng người ta lại tấp nập nhập vào, như thể cái đoàn người dài ngoằng này chẳng nhúc nhích tí nào hết. Một vùng huyên náo, kẻ bê bữa ăn chiều vừa đi vừa nhai, người cầm nước giải khác, đồ tráng miệng sau khi xong bữa tối. Phóng viên nhà báo, đài truyền hình mang máy lượn qua lượn lại chụp hình, quay phim, phỏng vấn. Bà Chánh cũng lấy điện thoại ra chụp hình khu vực người ta sắp hàng, canh lấy cho đủ tên của bảng hiệu vào

trong tám hình. Nếu trúng số bà sẽ có chuyện để kể cho mọi người nghe là bà mua vé số ở đâu. Phải “quảng cáo” để đền ơn cho cái của tiệm ân nhân may mắn này mới được, bà nghĩ thầm.

Thời gian chờ đợi có lẽ nhầm chán, một phụ nữ người Philippines quay sang bà Chánh bắt chuyện. Bà và hai ông bạn từ Canada mua vé bay qua San Jose rồi thuê xe đến đây từ hồi chiều. Chặng đường xa biết đâu may mắn tới, bà ấy nói.

Đang tán chuyện, bà Chánh chú ý tới một cặp vợ chồng người Mỹ. Trên chiếc xe đẩy đôi là hai đứa bé tay ôm bình sữa. Bốn đứa khác, lớn nhất khoảng sáu tuổi, bé nhất độ lên hai, đang rượt đuổi nhau chạy nhảy loì chơi. Chúng hết va vào người này lại đâm sầm vào người kia. Ông bố trẻ liền miêng la con bằng thứ tiếng Tây Ban Nha nghe giòn rụm, nhưng bọn nhóc thì chả thèm đếm xỉa gì đến lời của bố. Người mẹ đứng im lìm, như thể đám nhóc đó chẳng liên quan gì đến cô ta, mặc cho những người đang sắp hàng kẻ nhăn mặt, người lắc đầu tỏ ra khó chịu.

Bà Chánh bỗng cảm thấy tim nhói đau khi nghĩ đến thằng Paul. Nhìn cặp vợ chồng người Mỹ với bầy con nít lằng xằng trước mặt, bà lắc đầu ngao ngán. Thằng con bà chắc rồi cũng sẽ có cái cảnh này. Và bà cảm thấy mình đã làm đúng, khi phản đối cuộc hôn nhân của nó. Thật khổ thân cho thằng Paul. Nếu kỳ này trúng độc đắc, bà sẽ điều đình, cho Mariana một số tiền lớn để Paul bắt thằng cháu nội quay về với bà. Bằng không bà sẽ chẳng cho chúng một xu!

Nhích lên từng bước, cuối cùng bà Chánh cũng đến được trước cửa tiệm. Bà tròn mắt nhìn hàng người từ ngoài cửa ngoằn ngoèo qua các kệ hàng hóa, quanh quẹo ra sau nhà kho rồi mới vòng trở lại tới trước cửa, nơi các nhân viên đang bán vé. Người nào người nấy trên tay cầm cả nắm tiền và những tấm vé, mặt mũi ai cũng hân hoan phơi phới như thể sắp trúng số đến nơi. Trên trần treo đầy các tấm bảng quảng cáo và những tấm vé trúng độc đắc do tiệm này bán ra trước đây.



Đọc theo hai bên đoàn người có rất nhiều ghế cao, kệ tủ, trên đó chất đống vé số trống và bút chì. Gần đâu chộp đấy, mỗi người vơ lấy một mớ rồi vừa nhích tới vừa cầm bút khoanh vào các tấm vé số của mình.

Bốn nhân viên tại bốn quầy thu ngân tất bật tay thu tiền, tay lấy vé, ấn vào máy rồi in vé ra, rất là nhanh nhẹn. Bà Chánh cũng rút lấy một tấm vé trống cho bà và vé nữa cho bà Hinh. Bất chước người ta, bà lấy bút chì cà vô mấy con đề đã chọn.

Bà Chánh loay hoay xong năm con số, chuẩn bị cả số Powerball, bỗng chiếc điện thoại trong túi bà reo inh ỏi. Chết rồi, chắc ông Chánh kiểm. Bà lấy điện thoại ra coi, hú hồn không phải. Giờ này còn sớm, nửa tiếng nữa ông ấy mới về.

- Hey! Bà đang ở đâu vậy? Bà Chánh nhận ra giọng nói hồi hã của bà Mary người hàng xóm Mỹ cạnh nhà. Alarm khói nhà bà báo động hú vang trời. Về nhanh lên kéo người ta gọi cứu hỏa đó!  
- Trời ơi! Chết tôi rồi! Con gà luộc!

Bà Chánh thét lên hoảng hốt giữa đám đông. Bà vát cả viết lẫn hai tấm vé số trống rồi miệng vừa nói xin lỗi tay vừa xô đẩy, vệt dòng người chạy bỏ ra ngoài. Bà đã quên tất cái bếp luộc gà! Nếu về không kịp sẽ cháy nhà chứ chẳng phải chơi.

Phóng lên xe, bà Chánh nổ máy rồi nhấn ga chạy thục mạng. Không biết sự nhanh nhẹn từ đâu ra mà bà luôn lách chạy ào ào, vượt lane này, đổi lane kia, mặc kệ người ta nhấn còi inh ỏi, bà luôn miệng khấn thầm cho con gà đừng bốc cháy.

Bà Chánh “tả xung hữu đột” trong nháy mắt đã ra tới freeway. Phóng xe như bay chừng hơn mười phút nữa thì bà về đến gần nhà. Nhưng bà bỗng hốt hoảng kêu lên:

- Tiêu rồi!

Nhìn từ xa, bà thấy đèn màu nhấp nháy của xe cứu hỏa và xe cảnh sát sáng rực cả một vùng nơi xóm nhà bà. Bà run rẩy nhấn mạnh chân ga. Ngờ đâu, chiếc xe thể thao màu đen mui trần tỏa ra thùng thùng tiếng nhạc giạt gân trước mặt bà bỗng dừng chậm lại, rồi nhảy dựng lên trong tư thế ngựa phi nước đại. Hai bánh trước nó chồm lên khỏi mặt đất, dựng đứng, hai bánh sau trụ lại rồi phóng tới, giạt lùi, lại phóng tới, giạt lùi theo điệu nhạc. Người tài xế ôm vô lăng cũng lúc lắc nhún nhảy theo mỗi động tác phóng lên hạ xuống của chiếc xe, ra điều khoái chí lắm.

Bà Chánh kêu trời trong bụng. Đường chỉ có một lane, nên bà đành liêu nhân ga bẻ tay lái cái vèo, lách khỏi làn vàng đôi, chạy lẩn sang lane ngược chiều, vượt nhanh qua mặt chiếc xe giạt gân đó rồi mới trở qua lane, trong bụng rủa thầm đồ quỷ sứ.

Không ngờ việc này làm cho gã tài xế trên chiếc xe thể thao nổi điên. Hắn đang diễn trò thật oách mà có người dám ngang nhiên vượt mặt. Hắn rú ga ầm ầm đuổi theo bà Chánh, cũng vượt lane ngược chiều rồi thắng gấp khi tới trước đầu xe của bà.

Bà Chánh chỉ kịp nhìn thấy hàm răng trắng ớn trên cái bộ mặt đen thùi lùi khi chiếc xe thể thao vượt qua cùng tiếng chửi thề giận dữ, “Stupid mother” (con mẹ ngọc) trước khi bà thắng gấp.

Chiếc xe của bà Chánh giạt mạnh, xoay vòng rồi ũi đánh rầm vào cái trụ nước bên lề đường. Túi không khí phía bên tài xế bung lên, trong lúc chiếc xe thể thao thẳng tiến rồi tà tà quẹo phải trước khi gặp đám chừa cháy...



\*\*\*

Bà Chánh tỉnh lại trong bệnh viện. Mở mắt ra, ngoài màu trắng của trần nhà, bà thấy lơ nhố nhiều khuôn mặt cúi xuống, trong đó có mấy người y tá, ông Chánh, và thằng Paul.

-Oh! Mom đã tỉnh! Tiếng Paul reo lên. - Bây giờ mẹ thấy thế nào?

Bà chưa kịp trả lời thì ông Chánh hỏi:

-Bà nấu ăn sao lại bỏ đi đâu vậy? Đi mà sao không tắt bếp?

Bà Chánh làm thình, mặt mày đỏ bừng một cách lúng túng. Nhất định bà phải dấu biển, không thể cho mọi người biết chuyện bà đi mua vé số Powerball.

Thay vào, bà kể cho ông Chánh và Paul nghe chuyện tên tài xế da màu đã chơi trò biểu diễn và ép bà phải thắng gấp.

-Trời ơi! Tôi đã nói nhiều lần rồi. Ông Chánh la bà. –Mỗi khi ra ngoài, đừng bao giờ tỏ vẻ tò mò hay thái độ về những gì người ta làm, cho dù chuyện ấy quái lạ đến cỡ nào. Báo chí từng đưa tin, có trường hợp thấy người ta ăn mặc dị kỳ ngoái cổ lại nhìn, mà họ chạy theo đến tận nhà rồi bắn chết, sao bà không nhớ!

Đến tối bác sĩ cho biết bà Chánh chỉ ngất đi vì sức đập của chiếc air bag, ngoài ra không bị thương tích gì nên ông Chánh đưa bà về. Paul cũng lái xe chạy theo bố. Về đến nhà thì mấy người hàng xóm gần đó chạy ra hỏi thăm, rồi họ cùng nhau giúp ông Chánh và Paul dọn dẹp.

Bà Chánh dừng lại trước sân nhìn những dòng nước cứu hỏa còn chảy lênh láng từ trong nhà ra ngoài đường. Cảnh tượng tan hoang như vừa trải qua một trận động đất. Cửa trước bị đục phá vỡ toang, nhà bếp cháy hết một phần, các cửa sổ đều bị giật quăng xuống đất, đồ đạc ngổn ngang, hơi khói đậm đặt từ trong nhà vẫn còn tỏa ra ngạt mũi.

Bước lại gần, bà Chánh thấy cái nồi Inox bà dùng luộc con gà vắt ngoài cửa chính. Nó đã bị nung đến tan chảy và kẹt lại thành một cục nửa đen nửa trắng bạc như chì, con gà trong nồi bây giờ chỉ là một nhúm than đen. Có thể thấy được, nếu đội cứu hỏa không tới kịp thì ngôi nhà giờ đã hóa ra tro.

Bà Chánh đứng lặng người. Một niềm ân hận đến nghẹn ngào dấy lên trong lòng bà. Sau chuyện số đề, đây là lần thứ hai bà vì lòng tham mà thiếu chút nữa thiêu rụi ngôi nhà, lại còn sém mất cả mạng. Tham thì thâm, độc đắc đâu chẳng thấy, bây giờ độc khói chiếm ngự dày đặc trong nhà, không biết chừng nào mới bay ra hết.

Bà bỗng nhận ra, trước giờ vì không chịu an phận, bà đã đánh mất cái hạnh phúc giản đơn nhưng to lớn mà đúng ra bà được hưởng từ lâu. Giờ bà đã hiểu, hạnh phúc là những thứ có trước mắt, ở quanh mình chứ không cần phải tìm kiếm đâu xa. Những gì không có được mà cố cưỡng cầu, đòi hỏi điều ngoài tầm tay với chỉ làm hại mình và gây đau khổ cho người xung quanh. Và bà nghĩ đến chuyện thắng

Paul. Ngày mai bà sẽ kêu Paul đưa Mariana đem thằng cháu nội về cho bà. Bà nghĩ và dọm bước vô nhà phụ với cha con ông Chánh dọn dẹp.

Một bàn tay bỗng đặt lên vai bà Chánh. Bà quay lại, chợt sững sờ bắt gặp ánh mắt Mariana nhìn bà thật dịu dàng:

-“Mother!” Mẹ à, cô nói. – Đừng buồn nữa. May mắn là chỉ cháy có bấy nhiêu nên cũng không có gì rắc rối lắm đâu. Ngày mai con sẽ nhắc Paul làm việc với hãng bảo hiểm, ba mẹ sẽ được tiền bồi thường để sửa nhà. Nói xong cô cúi xuống đưa bé khoảng hơn hai tuổi đang đứng bên cạnh:

- Cháu Mike của mẹ nè! Con kêu nội đi con!

-Grandma! Thằng bé gọi.

Bà Chánh nhìn trân trân thằng cháu mà không thốt ra lời. Cu Mike mún mím rất dễ thương, nó đúng là bản sao của Paul khi còn nhỏ. Nước mắt tuông lã chã, bà ngồi xuống ôm thằng bé vào lòng với nụ cười như mèo.

Khi nhà cửa dọn dẹp tạm ổn, Mariana nói:

-Ba mẹ về nhà tụi con ăn tối rồi ngủ lại một đêm đi. Khói độc còn trong nhà, đêm nay nếu ba mẹ ở lại hít khói vào sẽ không tốt.

Bà Chánh cảm động, nhìn cô con dâu lâu nay bà thù ghét bằng một ánh mắt chứa đựng niềm yêu mến dạt dào. Bà chợt nhận ra, cho dù Mỹ, Mẽ, hay Việt gì thì đều có thể trao gửi yêu thương, vì trái tim là do Thượng Đế nhân từ ban cho loài người.

\*\*\*

Trên đường đến nhà vợ chồng Paul, ngồi trong xe bà Chánh cứ nhìn mãi không chán mắt thằng cháu nội bụ bẫm da dẻ trắng hồng. Món quà rất quý Thượng Đế tặng cho bà, vậy mà lâu nay bà đã bỏ quên. Chiếc radio trên xe bỗng phát ra tin tức, khắp nước Mỹ đang xôn xao về lô độc đắc Powerball hơn tỷ rưỡi vừa xổ tối nay vẫn chưa có người trúng. Đang lái xe Paul chợt kêu lên, nói với Mariana:

-Wow! Powerball hôm nay lên đến hơn tỷ rưỡi! Mai mình sẽ đi mua một vé em nhé!

-Không thêm! Bà Chánh buột miệng la to.

-Ừa! Sao mẹ phản ứng mạnh thế? Paul ngạc nhiên. – Con hỏi giờ đâu có mê lô tô, nay chỉ muốn bỏ vài đồng thôi may ra trúng độc đắc. Paul cười:

- Ngày mai ba mẹ cũng nên đi mua một vé thử thời vận.

- Lô độc đắc của mẹ đây rồi! Bà Chánh nói xong chồm qua ôm lấy cu Mike. -Đây là lô độc đắc to nhất của bà nội!

Mắt bà lim dim trong niềm hạnh phúc vô biên, trong khi ở đằng trước ông Chánh và Paul trao nhau một nụ cười rạng rỡ. ■

*Phượng Hoa*

[Trở về mục lục](#)

## Một Đêm Trên Đỉnh Pa Choang

Nguyễn Tuấn Huy

“Dạ thưa chú cần gì?”

Tôi ngắm nhìn khuôn mặt của cô gái vừa có câu hỏi lễ phép, giọng nói dễ thương đó. Em có một đôi mắt đen láy, nổi bật trên làn da trắng bóc. Tôi cũng hơi ngạc nhiên. Con gái ở trên thị trấn cao nguyên này thường da ngăm ngăm. Nhiều khi họ còn là người thiểu số nữa là khác. Hay là cô bé này là người gốc Thái trắng chăng? Cô bé mỉm cười nhìn tôi chờ đợi trong khi tôi suy nghĩ vớ vẩn trong đầu. Tôi mỉm cười lại với cô bé. Đúng rồi, tôi nhớ ra khuôn mặt này rồi. Cách đây mười năm về trước tôi đã gặp em.

- Cho chú thuê một căn phòng từ hôm nay cho đến Thứ Bảy tuần sau.
- Chú cần phòng một giường hay hai giường?
- Phòng nào cũng được.
- Chú cho cháu xin thẻ chứng minh nhân dân.

Tôi đưa hộ chiếu cho cô gái và ngắm cô gõ trên máy vi tính làm thủ tục. Sau khi thanh toán tiền phòng bằng thẻ tín dụng, tôi đi theo cô gái để nhận phòng. Cô đi trước, tôi theo sau. Vừa đi cô vừa giải thích về nội quy và các dịch vụ của nhà trọ. Cô mở cửa phòng, mời tôi vào rồi hướng dẫn cho tôi về các tiện nghi của phòng. thí dụ như cách mở máy lạnh, tủ lạnh nằm ở đâu và v.v. Tôi ngoan ngoãn theo dõi và âm ừ như một học sinh đang chăm chú nghe cô giảng. Sau cùng cô bé hỏi tôi có thắc mắc gì không? Tôi hỏi bằng quơ.

- Con suối còn chảy không?
- Con suối nào cơ?
- Con suối ở sau nhà đó.
- Tại sao chú biết?
- Hồi đó chú đến đây có một cô bé dẫn chú đi coi.

Cô bé nhìn tôi với một ánh mắt nghi ngờ như thể đang lục lọi trí nhớ về người đàn ông đang đứng trước mặt mình. Bỗng nhiên ánh mắt của cô sáng lên và nở một nụ cười thật tươi.

- Thì ra chú là người ấy. Không ngờ cháu vẫn còn nhớ được chuyện hồi còn nhỏ.
- Ngày mai có muốn chú cõng đi chơi không?

- Đi thì đi. Nhưng mà đi đâu?
- Đi thăm Hang Động [Hang Sơn Đoòng ở tỉnh Quảng Bình]

Cô bé nhìn tôi như đang nhắm tính trong đầu rồi nói:

- Sáng mai cháu giúp mẹ làm thức ăn sáng rồi mình đi. Sáng mai tám giờ chú xuống ăn sáng rồi mình kêu xe đến đón. Tối nay chú muốn ăn ở đâu?

Tối nay nếu Hương rảnh thì dẫn chú đi dạo phố rồi mình kiếm cái gì ăn cũng được.

- Chú vẫn còn nhớ tên của cháu?

Bây giờ đến phiên tôi mỉm cười và nói “Dĩ nhiên rồi!” Tuy nhiên là trước đó một phút mới tôi nhớ ra tên em. Từ lúc nhớ lại kỷ niệm năm xưa, tôi cũng đã cố gắng nhớ lại tên em nhưng đầu óc tôi bây giờ đặc sệt như sinh, vô ích. Tự nhiên bây giờ lại nó đến với tôi nên tôi cảm thấy thật là may mắn.

Tôi đi tắm rồi lên giường nằm ôn lại kỷ niệm cũ. Cách đây mười năm tôi cũng đã đến thị trấn Sơn Trạch này để đi thám hiểm động Phong Nha. Lúc đó người ta chưa khám phá ra hang Sơn Đoòng. Thị trấn chỉ lèo tèo vài nhà trọ, quán ăn nằm dọc theo Đường 20. Du khách ngoại quốc lúc đó chưa ai biết đến chỗ này. Hôm đó sau khi lấy phòng, tôi cũng tắm rửa xong rồi đi lòng vòng bên ngoài để dò thám địa hình. Bỗng dưng có tiếng nói của một đứa con nít ở phía sau.

“Chú có muốn đi coi suối không?”

Tôi quay lưng lại thì thấy một đứa bé gái khoảng 10 tuổi ăn mặc sách sẽ, tóc thắt bím đang đứng nhìn tôi. Tôi đoán chắc đây là con gái của chủ nhà nên không sợ người lạ vì đã quen tiếp xúc với khách trọ. Tôi mỉm cười với em và nói “Cháu dẫn chú đi xem suối đi.” Cô bé mạnh dạn bước qua mặt tôi và đi trước dẫn đường. Em dẫn tôi đi vào một con đường mòn ở phía sau nhà. Đang đi, bỗng nhiên em dừng lại và quay nhìn tôi sợ hãi. Tôi hỏi “Chuyện gì vậy bé?”

- Ở trong bụi có rắn.
- Làm sao cháu biết?
- Cháu thấy nó bò ở trong đó.

Lúc đó tôi đang mang giày đi bộ đường trường giống như giày lính nên không sợ rắn mổ vào chân. “Đề chú công cháu nhé?” Cô bé nhìn tôi gật đầu. Thế là tôi cúi xuống, nhắc bổng cô bé lên và đặt ở trên vai của mình rồi tiếp tục bước tới. Con suối cũng chỉ cách đó khoảng 10 thước. Thật ra nó chỉ là một dòng nước phát nguồn từ dưới đất và chảy rì rì như một vòi nước mà người ta quên khóa lại. Có lẽ đối với một đứa bé thì dòng nước này được coi như là một con suối. Trên đường đi về, cô bé lại bắt tôi công như lúc nãy. Khi qua khỏi bụi cây có con rắn rồi, cô bé vẫn không chịu leo xuống mà cứ ôm chặt lấy cổ tôi. Trên đường đi, tôi biết được cô bé tên là Hương, năm nay mười tuổi, đang học lớp năm và thích môn địa lý. Cô bé kể cho tôi nghe tất cả những hang động mà cô bé đã có dịp thám hiểm. Về đến nhà, cô bé ôm tôi thật chặt rồi bỏ chạy vào nhà. Tôi nhìn theo mà có cảm tưởng cô bé này với tôi có một

mỗi duyên nợ gì đó ở kiếp trước. Sáng hôm sau, tôi rời nhà trọ sớm để đi tham quan động Phong Nha và không có dịp quay lại trước khi trở về thành phố. Thế rồi tôi quên đi cuộc gặp gỡ kỳ lạ này cho đến hôm nay.

Buổi sáng, tôi ăn sáng xong thì thấy Hương đã mặc đồ gọn ghẽ, tóc thắt bím, vai vắt ba lô đứng chờ tôi. Nhìn cô ta giống như một dân leo núi lành nghề. Tôi nheo mắt cười:

- Hôm nay em làm tour guide cho anh phải không?
- Dĩ nhiên rồi.
- Có cần anh công không?
- Hừ. Ráng mà theo em không thôi là bị bỏ lại trong núi ráng chịu.

Cô nàng nguyệt tôi một cái rồi bước đi trước. Tôi lẻo đẻo theo sau giống như mười năm về trước. Xe đến, chúng tôi leo lên xe và ngồi bên cạnh nhau. Tôi bắt đầu hỏi chuyện. Hương kể chuyện cho tôi nghe, tự nhiên và bình thản như thể tôi là một người bạn thân ở xa mới về. Giữa chúng tôi hầu như không có một khoảng cách nào. Băng ghế của chúng tôi còn dư chỗ nhưng nàng vẫn ngồi sát rịt bên tôi, vai kề vai, đùi kề đùi. Hơi nóng của nàng chuyền qua làm tôi cảm thấy luyến luyến, chân tay ngưng đọng muốn nhích qua một bên cho thoải mái nhưng cùng một lúc cũng muốn tỏ ra là tôi không quan tâm về sự gần gũi của nàng nên cứ ngồi yên chịu trận. Hương nói chuyện suốt chuyến xe, kể cho tôi nghe về những thay đổi từ khi người ta khám phá ra Hang Sơn Đoòng và sự có mặt của du khách ngoại quốc. Nàng đã học tiếng Anh từ lúc vào trung học và có thể nói chuyện với khách ngoại quốc tại quầy tiếp tân ở nhà trọ. Gia đình nàng đang có kế hoạch phát triển nhà trọ để thu hút các du khách ngoại quốc. Nàng muốn học thêm về địa lý địa phương, đặc biệt là về hang động, phương pháp cấp cứu, luật an toàn trong hang động để trở thành một tour guide thực thụ có chứng chỉ để dẫn du khách thám hiểm và cắm trại ở trong hang động.

Nàng dẫn tôi đi đâu, tôi đi theo đó và bám sát lấy nàng để khỏi phải bị chê là ông già chậm chạp. Nàng có một sức dẻo dai của một thiếu nữ miền cao nguyên quen thuộc với núi đồi. Nàng vừa leo trèo, vừa nói chuyện mà vẫn thờ nhẹ nhàng. Phần tôi vừa chú ý nghe, vừa lo hít thở vậy mà tim vẫn đập mạnh, hơi thở gấp gáp, mồ hôi toát ra ướt đầm cả áo. Hang động nằm ở sâu trong lòng đất mà lại có nước vico dòng sông ngầm chảy qua nên độ ẩm rất cao. Cũng may là nhiệt độ thấp nên tôi vẫn còn chịu được, chưa đến nỗi phải đổ mồ hôi như tắm. Nói một mình chán, nàng chuyển sang hỏi chuyện tôi. Tôi vừa leo trèo, vừa trả lời, vừa thở hổn hển như một ông già nhưng nàng không chọc gheo tôi về chuyện này. Hai đứa tôi mãi mê nói chuyện nên tôi quên luôn cả mệt cũng như thời gian. Đi khoảng vài tiếng, chúng tôi đến một cửa động to lớn. Nói đúng hơn nó giống như một lỗ hồng ở trên trần của động, to lớn đến nỗi một chiếc máy bay Boeing 747 có thể bay vào được. Vì có ánh sáng mặt trời chiếu vào cộng thêm hơi nước bốc lên từ dòng sông ngầm, cây cỏ mọc ở trên vách đá xanh rờn như một khu rừng. Tôi có cảm tưởng như mình đang đứng ở trong một thế giới thần tiên giống như trong truyện Lưu Nguyễn lạc thiên thai. Tôi tưởng tượng mình là anh chàng họ Nguyễn còn Hương là nàng tiên đang đón đợi để rước tôi về động phủ và nhập tiệc. Đang nghĩ đến chuyện ăn tiệc thì nàng tiên của tôi mở ba lô và lấy ra bao nhiêu thứ để ăn trưa, nào là xôi gà, trứng luộc, bánh mì thịt nguội, trái cây, bánh gai, thêm cả chai nước suối. Ở trong ba lô của tôi chỉ có mấy thanh ngũ cốc (granola bars) và hai chai nước. Đúng là đi leo núi với con gái Việt Nam có khác. Tôi đi cắm trại với mấy thằng bạn, may mắn lắm thì



chúng nó đun nước sôi để nấu cho tôi một tô mì gói, còn lại thì cứ mấy thanh ngũ cốc mà nhai. Ăn thanh ngũ cốc chỉ thấy mỗi miệng và khát nước nhưng cũng vẫn cứ phải nuốt vì không còn gì khác. Đi với Hương thì giống như đang đi chơi picnic chứ không phải là đi trèo động vật vả. Tôi phục nàng sát đất.

Ngày hôm sau, Hương lại dẫn tôi đi thám hiểm một hang động khác. Lại leo trèo, có lúc phải bò như lính đê trườn qua một lỗ hổng chỉ vừa đủ một người chun qua lọt. Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện, kể cho nhau nghe toàn những chuyện ở trên trời dưới đất. Tôi kể cho nàng nghe những chuyến phiêu du của tôi khắp nơi trên thế giới. Tôi có cái thú đi bộ đường dài (hiking) nên tôi đã đi bộ nhiều con đường mòn trên thế giới. Có những con đường mòn tôi phải đi bộ cả tháng mới hết. Hương kể những chuyện đi trèo núi của nàng nhất là những ngọn núi ở trong dãy Trường Sơn. Ban đầu thì nàng đi cùng với bạn theo nhóm. Nhưng khi lớn lên thì nàng hay đi trèo núi một mình. Bố mẹ của nàng ban đầu cũng lo sợ thân gái dặm trường. Nhưng riết rồi họ cũng quen và không còn thắc mắc nữa. Nàng rủ tôi đi trèo núi với nàng. Tôi đồng ý ngay vì tôi cũng muốn được đi trèo núi cho biết. Núi ở đây không phải là vách đá thẳng đứng cần bám giây để leo lên. Đường lên núi nó dốc nhưng mình vẫn có thể đi lên được nên gọi là trèo. Nàng chọn một ngọn núi cao gần 1500 mét ở cách đó khoảng 30 km về phía tây nam. Ngọn núi có tên là Pa Choang nằm ở bên cạnh biên giới Việt - Lào trong dãy Trường Sơn Tây. Nó làm cho tôi nhớ đến bài hát “Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây” mà hồi nhỏ tôi hay nghe ngao hát “Hết rau rồi em có lấy măng không?” Bây giờ tôi lại có dịp đi trải nghiệm vượt Trường Sơn cho biết.

Hương dự tính sẽ thuê xe thả chúng tôi ở ngoài bìa rừng dọc theo Quốc Lộ 15. Chúng tôi sẽ đi bộ vào trong núi và cắm trại ở trên đỉnh. Sáng hôm sau, chúng tôi sẽ đi bộ trở ra và xe sẽ đến đón chúng tôi tại điểm hẹn chiều hôm đó. Hương đi thuê hai cái ba lô lớn dùng để đi hiking, lều ngủ, dụng cụ bếp để cắm trại qua đêm. Nàng chuẩn bị lương thực và nước cho cả hai người. Nỗi lo sợ lớn nhất của mấy anh bộ đội khi vượt đường mòn Hồ Chí Minh là bị dội bom B-52. Kinh nghiệm hãi hùng thứ hai là địa và sự khiếp đảm thứ ba là bệnh sốt rét. Tôi mang theo hai chai thuốc 50% DEET để khử trùng muỗi và địa. Muỗi thì tôi không sợ lắm vì đã chích ngừa sốt rét. Nhưng địa thì tôi ngán thật. Sáng hôm sau tôi và Hương trùm người cho thật kín để phòng muỗi và địa rồi chúng tôi khởi hành. Đúng là điếc không sợ súng. Ngày xưa người ta vì chiến tranh mà bắt buộc phải băng rừng lội suối. Còn bây giờ chúng tôi đi leo núi chỉ vì muốn trải nghiệm. Cũng may cho chúng tôi, trời hôm đó mát mẻ, khô ráo, đường đi không bùn lầy. Tôi không được thấy cảnh địa bám lúc nhúc ở trên lá cây giống như ông nhà văn Xuân Vũ kể ở trong hồi ký “Xuông Trắng Trường Sơn”. Ông này là một cán bộ Cộng Sản nhưng đã tìm cách trốn qua bên Việt Nam Cộng Hòa theo diện chiêu hồi khi thấy được bộ mặt thật của Cộng Sản. Tôi vừa đi vừa kể chuyện về ông Xuân Vũ và những câu chuyện trong truyện ký “Đường Đi Không Đến” của ông ta. Tôi ví mình như là ông Xuân Vũ và Hương là người yêu của ông. Cô này là vũ công ballet xinh đẹp. Cô này là một vũ công đã được huấn luyện tại Liên Xô nhưng vì nghe lời tuyên truyền nên đã theo đoàn người Nam tiến. Chỉ một tháng sau là đôi bàn chân ngọc ngà chỉ quen nhảy ballet của cô đã không chịu đựng nổi cảnh băng rừng. Tóc cô rụng và trở nên xơ xác vì phải tắm nước suối. Ba tháng sau, cô ta chết trong một trận ném bom của máy bay B-52, chấm dứt mối tình của ông Xuân Vũ với cô. Hương có vẻ xót thương cho số phận ngắn ngủi của một con gái hồng nhan bạc mệnh vì chiến tranh cũng như vì đã bị người ta lừa gạt để trở thành những con vật tế thần cho tham vọng của họ.

Buổi chiều chúng tôi leo đến trên đỉnh núi, tìm một khoảng đất trống và phẳng để cắm lều. Tôi dựng lều trong khi Hương chuẩn bị nấu ăn. Dựng lều xong, tôi ngồi nhìn nàng nấu ăn. Hương vừa nấu ăn vừa kể chuyện của nàng cho tôi nghe. Chúng tôi ăn chiều xong rồi ngồi uống cà phê chờ mặt trời lặn. Hoàng hôn ở trên đỉnh núi, nhìn xuống thung lũng phải công nhận là đẹp tuyệt vời. Nhưng sau đó hai

đưa phải chui ngay vô lều và kéo phệt ma tua lại cho thật kín để chống muỗi. Chúng tôi nằm bên cạnh nhau nhưng không nói gì hết. Tôi miên man suy nghĩ còn Hương thì nghe nhạc trên điện thoại của mình. Nếu ở trên đỉnh núi mà có sóng di động chắc hai đứa cũng đang lướt trên mạng rồi. Tôi thiếp đi lúc nào không biết sau một ngày leo trèo vất vả. Đang ngủ, tôi nghe có tiếng người nói chuyện lằng nhằng nên mở mắt ra. Đây không phải là tiếng người mà là tiếng gió hú và lá cây va chạm với nhau vì gió mạnh. Ở trên đỉnh núi gió thổi mạnh như một cơn bão. Từng đợt gió giống như một bàn tay vô hình đè lên căn lều làm cho nóc lều bị ép xuống tưởng như sắp sập sụm vào tôi và Hương đang nằm ở trong đó. Hương sợ quá ôm chặt cứng lấy tôi. Nàng thì thào vào tai tôi:

- Lều có chịu được không anh?
- Anh đâu biết đâu. Lều mướn mà. Hy vọng là loại công nghệ tốt.
- Nếu biết nó ghê như vậy em đã không dám ngủ lại.
- Anh tưởng em đi leo núi quen với cảnh này rồi.
- Em leo lên rồi leo xuống liền chứ có bao giờ ngủ lại đâu mà biết
- Lỗi tại anh. Ngày mai anh đãi một chầu nhậu okay?

Hai đứa im lặng nằm nghe tiếng gió gầm. Một lát sau thấy nóc lều vẫn không bị gãy vì những đợt gió, chúng tôi bớt lo sợ đi một chút. Hương vẫn còn ôm chặt lấy tôi và thủ thỉ:

- Lấy em làm vợ đi?
- Lấy em về làm gì?
- Để em hầu hạ anh.

Nàng vừa nói vừa lấy tay đút vào giữa đùi tôi. Tôi ôm chặt lấy nàng, không cho cánh tay nàng sờ soạng.

- Em có biết là anh già em hơn em cả hai chục tuổi không?
- Em biết. Như em vẫn yêu tâm hồn của anh. Tâm hồn của anh nó không già. Nó còn trẻ giống như em.
- Em có biết là bây giờ em nói như vậy nhưng mai một khi em phải thay tã cho anh, em sẽ không thấy tâm hồn anh đẹp nữa.
- Anh đừng nói vậy. Em là một người con gái khác thường. Em không thích những thứ mà những người con gái khác thích. Khi em nói chuyện với anh là em mê anh liền. Em chưa bao giờ mê ai như vậy.
- Mình im lặng nằm nghe tiếng gió nhe. Anh muốn thưởng thức những gì em mới nói.

Tôi hôn tới tấp lên mặt nàng, dúm đầu nàng vào ngực của tôi rồi hôn lên trên tóc nàng, ngửi thấy mùi khét của một ngày leo núi rồi nằm suy nghĩ miên man. Nếu tôi có dịp kể cho thầy của tôi nghe về cuộc gặp gỡ kỳ lạ này chắc ông thích lắm. Hồi nhỏ tôi thích đọc truyện Liêu Trai Chí Dị mà không ngờ bây giờ mình lại đang ở trong hoàn cảnh giống như mấy chàng thư sinh đó. Hình như ma nữ chỉ thích chọc mấy anh học trò hay thức khuya đọc sách. Tôi đang nằm ôm một cô gái trẻ nóng bỏng đang sẵn sàng dâng hiến thể xác cho tôi. Một cô gái mà mười năm trước tôi còn cõng ở trên vai. Bây giờ chỉ có hai chúng tôi trên một đỉnh núi heo hút, gió đang thổi như muốn tung chiếc lều và hai chúng tôi xuống tận chân núi. Hương giống như một con cáo già tu lâu năm đã thành tinh, biến hình thành cô gái đẹp đẽ dụ dỗ anh thư sinh đêm khuya thức đọc sách rồi cùng mây mưa với nhau. Nghĩ đến chuyện kể lại cho thầy tôi nghe ý tưởng này làm tôi mỉm cười vì mới nghĩ ra được một ý kiến mới. Tôi ôm nàng ngủ thiếp đi lúc nào cũng không hay.

Sáng hôm sau lúc tôi thức dậy thì Hương đã ra ngoài đun nước để pha cà phê và chiên trứng để ăn sáng. Nàng vui vẻ nhìn tôi và hôn nhiên nói chuyện như không có chuyện gì xảy ra. Có lẽ nàng đã bỏ ý định làm vợ tôi khi nếm mùi được cảnh lấy chồng già, tôi nằm ngáy pho pho trong khi nàng còn đang phơi phới xuân tình. Tôi cũng phớt tình như không có chuyện gì xảy ra. Ăn xong, chúng tôi nhổ lều và chuẩn bị leo xuống núi. Trên đường đi về, chúng tôi vẫn vui vẻ nói chuyện giống như lúc đi. Ra đến điểm hẹn, chúng tôi chờ đúng 30 phút thì xe đến đón về. Buổi tối hôm đó, tôi đãi nàng một chầu nhậu thịt rừng như đã hứa ở trên đỉnh núi. Hai đứa ngồi uống bia, ăn thịt heo rừng xào lăn. Tôi hỏi:

- Còn muốn làm vợ anh nữa không?
- Muốn.
- Anh đã có vợ rồi. Chỉ muốn nhận đệ tử thôi.

Nàng le lưỡi:

- Eo ơi. Làm vợ thì được chồng nuông chiều. Chứ làm đệ tử thì phải hầu hạ người ta.
- Tối hôm qua em nói rằng em muốn hầu hạ anh mà.

Nàng nheo mắt nhìn tôi cười:

- Em muốn hầu hạ anh cái khác.

Ôi! Xin Chúa cứu con qua khỏi cơn cám dỗ này. Con hồ ly tinh này nó lại giăng cạm bẫy cho con.

- Em muốn làm đệ tử của anh thì làm. Anh không ép.
- Okay. Biết người ta thích mình nên làm tới. Mai một khi em lấy chồng sẽ nghỉ chơi anh ra. Bây giờ muốn phải bái thầy như thế nào?
- Em về nhà lên YouTube coi mấy cô ca sĩ mới vào nghề làm lễ bái tổ như thế nào rồi bắt chước.

- Cái đó phải trong nghề người ta mới bật mí cho nhau. Ai mà dám đem lên YouTube sợ bị tố phạt làm sao.
- Em có biết ông tổ của ngành địa lý là ai không?
- Không.
- Ông tổ của ngành địa lý là Tả Ao. Nhưng địa lý ở đây là phong thủy, kiếm chỗ nào tốt để chôn chứ không phải là geography như bây giờ. Mình sẽ chọn Lê Quý Đôn làm tổ vì ông này cũng viết nhiều sách địa lý thú vị chứ không phải loại thầy địa lý. Ngày mai sắm cho anh một con gà luộc, một đĩa xôi gấc, một chai rượu đế rồi mình cúng tổ địa lý xin cho em làm hướng dẫn viên.
- Chuyện dễ dàng.
- Hôm nay là đêm cuối cùng cho phép được anh em với nhau. Ngày mai cúng tổ rồi là phải gọi anh bằng thầy, xưng là con nếu không thì bị thầy sẽ phét vào đất.

Nàng giơ chai bia của nàng lên như một cử chỉ đồng ý. Tôi cụng cổ chai của tôi với chai của nàng như chấp nhận hợp đồng giữa hai người rồi đưa chai lên miệng uống một ngụm bia mát lạnh. Dòng nước cay cay chảy đến đâu, tôi cảm thấy một hơi ấm tỏa ra đến đó ở trong người của tôi. Nó mang lại một cảm giác sung sướng khó tả. Ngày mai tôi sẽ trở về với thế giới của tôi. Một ngày nào đó tôi sẽ trở lại thăm cô đệ tử xinh xắn của tôi. Xin tổ Lê Quý Đôn làm chứng cho tôi, giúp tôi truyền đạt kiến thức lại cho học trò để tôi không phụ tình cảm nàng đã dành cho tôi, những giây phút bồng bột trên đỉnh Pa Choang.

■

*Nguyễn Tuấn Huy*

Houston, 21 Tháng 4, 2023.



BIÊN KHẢO

## TÌM HIỂU VÀI NÉT CƠ BẢN VỀ NGHỆ THUẬT HÁT CHÈO

NGUYỄN GIỤ HÙNG

**D**ân ca nước ta, trong đó có môn *hát chèo*, được coi là rất hay và thâm thúy lắm. Để hiểu biết và thưởng thức được những nghệ thuật trình diễn và các làn điệu dân ca, chúng ta cũng phải mất nhiều công sức để tìm tòi, học hỏi.

Vai trò quan trọng trong nghệ thuật ca vũ dân gian thường là những những *diễn viên*. Họ được trui luyện bởi những kinh nghiệm trong thực tế. Những kinh nghiệm ấy được gạn lọc, bồi đắp từ thế hệ này truyền qua thế hệ khác để họ có thể đem những điệu múa, điệu hát dân ca đi khắp các nơi và trường tồn trong lòng người dân khắp miền đất nước, đặc biệt là trong lòng những người dân quê được thể hiện qua những ngày lễ hội, đình đám trong thôn làng. Tuy vậy mỗi địa phương, mỗi làng, các làn điệu ca lại có sự phát triển riêng của nó để mang những nét đặc thù, như làng Khuốc ở Thái Bình hay ở cố đô Hoa Lư thì chú trọng nhiều về *hát chèo*, làng Lim ở Bắc Ninh thì phát triển về hát *quan họ* chẳng hạn.

Nay chúng ta thử tìm hiểu *vài nét cơ bản* được giới hạn trong *hát chèo*.

### - Về mặt lịch sử

Bà *Trần Thị Trân*, sinh năm 926, quê ở Hồng Châu (Hưng Yên), có tài ca, múa và làm trò nổi tiếng. Khi vua Đinh Tiên Hoàng vừa thống nhất đất nước, xây dựng đội quân *Thập đạo* lớn mạnh lên tới chục vạn người. Vua mời bà Trân về kinh đô để chuyên dạy biểu diễn nghệ thuật cho quân sĩ vui chơi, giải trí. Bà Trần Thị Trân đã cùng nhiều nghệ sĩ dân gian khác dạy cho quân sĩ hát, múa, gảy đàn, đánh trống ... Lại tổng hợp các bộ môn đó để tạo thành những vở tuồng tích đơn giản diễn tả cuộc sống hàng ngày. Bà được vua Đinh phong cho chức *Ưu Bà*. Nghệ thuật chèo phát sinh từ đó. Bà mất vào năm 976, và được suy tôn là *bà Tổ của nghệ chèo*.

Chèo là một trong những nghệ thuật sân khấu cổ truyền của Việt Nam. Nó được hết sức phổ biến trong nông thôn thuộc đồng bằng sông Hồng và trung du miền Bắc. Vùng đất Hoa Lư là cái nôi của chèo, và từ cái nôi ấy, dù có biết bao thăng trầm lịch sử của đất nước, chèo vẫn không ngừng phát triển. Do đó chúng ta, nó có một một chỗ đứng quan trọng trong nền văn hoá dân gian nước ta.



Chèo là hình thức sinh hoạt văn hóa nghệ thuật quen thuộc và phong phú từ bao đời nay nhờ cái tính chất *trữ tình, diễn tả nội tâm sâu sắc* với sự kết hợp của hàng loạt yếu tố khác như *hát, múa, nhạc, kịch* vô cùng độc đáo. Niềm đam mê chèo của người Việt được thể hiện qua những câu thơ:

*Ăn no rồi lại nằm khoèo  
Nghe giục trống chèo vỗ bụng đi xem  
Chẳng thèm ăn chả ăn nem  
Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát chèo.*

Nhắc đến chèo ở Thái Bình, ta nhớ tới hai câu ca dao “chèo làng Khuốc”, một dòng chèo nổi tiếng và đặc biệt của làng này.

*Hỡi cô thắt dải lưng xanh  
Có xem chèo Khuốc với anh thì về*

Nhắc đến chèo ở Nam Định, ta nhớ tới câu thơ của thi sĩ Nguyễn Bính nói về dòng chèo ở làng Đặng:

*Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay  
Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đây  
Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ  
Mẹ bảo: "Thôn Đoài hát tối nay".*

Đứng về mặt nghệ thuật sân khấu dân gian cổ mang màu sắc văn hoá dân tộc, ngoài chèo ra ta cũng có hát tuồng (miền Bắc và Trung) hay hát bội (miền Nam) cũng có những câu ca dao:

*Tháng năm ngày tám năm suông,  
Nghe đục trống tuồng, bé bụng đi xem.*

Và:

*Má ơi đừng đánh con đau,  
Để con hát bội làm đào má coi.*

Vào các dịp hội hè đình đám ở nông thôn miền Bắc ít khi nào không nghe thấy tiếng trống chèo. Chèo được trình diễn bởi những “phường chèo”, do sự kết hợp của những nghệ sĩ không chuyên nghiệp, thường là những người ngày thường thì đi làm ruộng, lúc có “đám” mới tụ tập nhau lại để đi hát, có khi kéo dài hàng tháng tới khi lúa chín mới về. Những phường chèo như thế có chừng khoảng ít ra là mười, mười lăm người. Ông *trùm* phụ trách chung, ông *thơ* tìm tích, đặt câu, phân vai..., bảy tám người làm *đào, kếp, lão, mẹ, hề*, một dàn nhạc với vài *nhạc công*. Những vở tuồng chèo cổ thường được trình diễn và mang sắc thái biểu tượng mà người nào cũng ưa thích xem như Trương Viên, Lưu Bình, Quan Âm, Tống Trân Cúc Hoa, Lý Công, Từ Thức, Phạm Công, Kim Nham. . .

### - Về mặt chuyên môn

Để có một vài ý niệm cơ bản về chèo, chúng ta lưu tâm vài điểm *sơ đẳng* như sau:

\* **Sân khấu chèo**. Ngày xưa, các phường chèo phần lớn đi lưu diễn tại các thôn làng chung quanh, có khi cũng xa xôi. Phường tiện trình diễn thì rất eo hẹp, thường diễn ở sân đình, sân chùa thừa đất trống trong làng, trong xóm. Hay trên cái sân gạch của những nhà phú hộ khi có đình đám trong nhà, họ thuê phường chèo về diễn để mua vui. Sân khấu chỉ là ba bốn chiếc chiếu ghép liền lại với nhau. Có một chiếc màn vải che để phân biệt khấu với hậu trường. Nhạc công ngồi ngay bên cạnh. Người xem ngồi chung quanh, rất gần với các diễn viên đang trình diễn.



hay

sân

\* **Y phục**. Trang phục của các diễn viên trên sân khấu chèo cổ thường giống những bộ quần áo mặc hàng ngày của những người dân quê hay những bộ quần áo mặc trong hội hè, lễ tết. Tuy nhiên màu sắc có rực rỡ hơn tùy vai trò để phù hợp với sân khấu. Trang phục của vai nữ có khác nhau tùy vai đóng, được xem như một khía cạnh thể hiện từng hoàn cảnh hay nội tâm của mỗi nhân vật. Người ta chia diễn viên nữ thành hai nhóm: *chín* và *lệch*.

- *Nhóm chín* hay còn gọi là *nhóm nữ thuận*, những người phụ nữ tiêu biểu cho lễ giáo phong kiến như tam tòng, tứ đức, nét na, chung thủy, đảm đang ... Trang phục của nhóm này phải kín đáo phù hợp với đức tính đoan trang, thùy mị. Thường là mặc áo dài cặp sa, mớ ba, mớ bảy. Những vai này như nàng Châu Long trong tích Lưu Bình (đã đi nuôi bạn thay chồng mà vẫn giữ được đạo vợ chồng thủy chung), như Thị Kính trong tích Quan Âm (chịu oan khuất giết chồng), Trinh Nguyên trong tích Tôn Mạnh-Tôn Trọng (đã tình nguyện chọn đưa con trai ruột của mình để chết thay cho con chồng), Thị Phương trong tích Trương Viên (18 năm vất vả, vẫn một lòng thủy chung với chồng nơi xa, vẫn thành tâm nuôi mẹ chồng hết mực).

- *Nhóm lệch* hay còn gọi là *nhóm nữ nghịch*, những người phụ nữ có tư duy hay hành động trái với lễ giáo, lại lẳng lơ, không theo phép tắc Khổng Mạnh. Trang phục của nhóm này thường là tấm áo dài tứ thân màu sắc sỡ. Những vai này như Xuý Vân trong tích Kim Nham (đã giả điên để ruồng rẫy chồng và đi theo trai), Thị Mầu trong tích Quan Âm (đã lên chùa gheo tiểu Kính, về nhà ngủ với Nô để có con, không sợ phạt vạ của xã), Thiệt Thê trong tích Chu Mãi Thần (bỏ chồng để làm thiếp cho người khác). Ngoài ra trong các vai mục, trang phục cũng có khác như *mụ giàu* và *mụ nghèo*.

\* **Nhạc cụ**. Nhạc cụ gồm *bộ gõ* như trống đế, trống cơm, trống ban, trống bộc, trống cái, thanh la, chuông, cảnh, tìu, chũm chọe ... mà trống là phổ biến nhất; kèm theo đây cũng còn có *bộ dây* như nhị, hồ, nguyệt, bầu, tam thập lục; *bộ trúc hay bộ hơi* như sáo, tiêu, kèn ... Tùy theo câu chuyện tuồng tích mà người ta sử dụng nhạc cụ khác nhau cho phù hợp. Trong ba bộ kể trên, bộ gõ là loại phổ biến nhất, đa dạng và có nguồn gốc lâu đời nhất vì chúng là sản phẩm của nghề nông nghiệp lúa nước mà ra. Trống tạo nên tiếng sấm, cầu đảo mưa, xin cho mưa thuận gió hòa. Đan cử, ta hãy nghe bà Hồ Xuân Hương vịnh cảnh chùa gồm vài nhạc cụ thuộc bộ gõ:

*Khi cảnh, khi tìu, khi chũm chọe,  
Giọng hi, giọng hí, giọng hi ha.*

\* **Âm nhạc**. Gắn bó với tuồng tích chèo như hình với bóng. Nhạc không chỉ làm nền, nó còn hoà quyện với lời ca, tiếng kể của diễn viên, hoạt cảnh. Nó thấm thấu vào lời thơ, khi ẩn khi hiện, khi mạnh khi

yếu, khi hi nộ, khi bi ai, biến hóa vô cùng để vở diễn trở nên linh động và lột được hết cái tinh túy của tuồng tích trong suốt buổi trình diễn.



\* **Trình diễn.** Múa chèo gồm 5 động tác chính. *Nhóm chạy đàn*, có những bước đi lúc chậm lúc nhanh, lúc thanh thoát, lúc uyển chuyển, vui buồn, sâu lắng, mênh mông. *Nhóm dâng hoa*, tả những cảnh bông bênh sông nước, tâm trạng rạn vỡ, gấn bó, duyên tình. *Nhóm dâng rượu*, với những động tác nghiêm trang, kính cẩn. *Nhóm cướp bông*, động tác đầy ngẫu hứng. *Nhóm tấu nhạc*, gồm những tiết tấu lập đi lập lại, nhấn mạnh ... Từ năm nhóm này làm cơ sở, múa được phối hợp với nhiều động tác hoa mỹ mà biến hóa ra muôn hình, muôn vẻ để diễn tả được đầy đủ những trạng thái của hoàn cảnh và tâm hồn mà vai trò đòi hỏi.

Chèo cho ta thấy có *tính linh hoạt*. Những diễn viên không nhất thiết phải tuân thủ bài bản và diễn xuất một cách chặt chẽ. Tùy theo hoàn cảnh nơi địa phương hay người xem thích cái gì mà biến đổi theo cho phù hợp, như khi người nghe thích nghe hát thì tăng phần hát, khi người xem thích hài thì phải tăng phần hài lên ... Do đó mà tuồng tích đôi khi không giống nhau và có nhiều dị bản. Người xem và người trình diễn lại ở vị trí rất gần nhau nên những lời phê bình, khen thưởng hay bày tỏ ý kiến thường được diễn viên “bắt” được rất nhanh để thay đổi cho phù hợp với sở thích của người xem. Sự thay đổi bất ngờ này đòi hỏi những diễn viên phải thật nhanh trí và ứng khẩu nói, hay hát một cách linh động. Và diễn viên cũng có thể xuất thân biến đổi cách trình diễn, cách hát để “lột” được cái tinh túy của vở tuồng tích hay khả năng diễn xuất của mình. Quan hệ giữa người xem và diễn viên rất khăng khít bởi cái không gian sân khấu không lớn lắm.

Ngay cả trong phần âm nhạc cũng vậy, các nhạc công cũng có thể uyển chuyển cho phù hợp với nhu cầu miễn sao *đoạn khởi đầu và kết cuộc phải đúng theo quy luật mà thôi*. Đoạn giữa, nhạc công được phóng túng, tùy nghi để bộc lộ hết cái tài năng của mình.

Chèo kết hợp hát, múa, nhạc và kịch. Có câu “*nhất cử nhất động giai điểm vũ*”, tức mỗi động tác của chèo đều mang tính múa. Múa ở đây không mang tính chất trừu tượng, tượng trưng hay ước lệ mà là những hình ảnh sinh hoạt, lao động của nông thôn diễn ra hàng ngày. Ở chèo nhiều động tác tưởng chừng như không phải là múa như đi, đứng, đổi vị trí, giao tiếp .v.v ... mà lại là múa.

Múa trong tuồng chèo xây dựng trên cơ sở tương quan *cặp đôi* giữa các bộ phận của cơ thể và động tác. Nó phải dựa trên *nguyên lý đối xứng, hài hòa* và tuân thủ *luật âm dương* một cách chặt chẽ. Đội hình múa phổ biến là hình *tròn* và *vuông*. Khi chân này làm trụ thì chân kia duỗi ra. Nếu phải di chuyển thì tiến về phía trước bao nhiêu thì sẽ lùi lại phía sau bấy nhiêu. Tay phải nâng lên cao thì tay trái phải hạ xuống thấp. Tay phải chỉ về phía trước thì tay trái bỏ xuôi ra phía sau. Muốn chỉ tay sang phải thì chân phải bước sang trái rồi mới day sang phải. Ngoài ra sự hài hòa còn được tạo nên bởi sự tương phản, chế ngự lẫn nhau. Phải có sự tương quan giữa nội tâm và ngoại cảnh, giữa múa với hát, nghĩa là múa phải đi sát với lời văn (chữ đâu bộ đó).

Dựa vào những nghệ thuật lẫn kỹ thuật cơ bản, múa của chèo phải thể hiện được cái *uyển chuyển nhịp nhàng* của con người. Múa chèo hay dùng đôi tay, cánh tay, cổ tay, kể cả ngón tay để hòa nhập với sự



diễn xuất của cả toàn thân mà đặc biệt là với đôi mắt. Có người nói không ngoa là “bàn tay chèo” là bàn tay “biết nói”, là nhụy hoa của tâm hồn, là những gì tinh túy được bộc lộ qua nhân vật chèo. Với đôi bàn tay khéo léo trong từng cử chỉ, trong từng động tác để tạo nên cái “thần” của nhân vật, tạo được sự thành công của người diễn. Diễn viên cũng hay dùng quạt, biến hóa, sinh động khi xoay khi mở, khi xòe khi khép, khi là trang sách, khi là đề thơ.



Mỗi vai đều có cái khó riêng của nó. Ví dụ như *vai thư sinh* thì đòi hỏi diễn viên có hình thể tương đối đẹp, khoan thai, nhẹ nhàng, dung dị. Còn vai *phản diện* thì phải có nét mặt hoặc cách diễn mang tính chất hơi đều. Kể cả tiếng nói, ngôn ngữ và động tác.

Tuy múa chèo có bài bản, luật lệ nghiêm khắc nhưng sự thành công của vở chèo cũng còn phải phụ thuộc vào nghệ thuật biểu diễn, tài năng, khả năng linh động và ngẫu hứng của diễn viên làm múa chèo có vẻ đẹp đa dạng, phong phú, xem không biết chán.

\* **Hài trong chèo cổ.** Trong chèo thì không thể thiếu hài. Hài được những anh hề đảm trách. Hề có hề mồi, hề gậy ... Có những nhân vật không phải là hề nhưng với diễn xuất của họ cũng vẫn làm người xem phải cười như những vai thầy bói, thầy cúng. Như bên cạnh cái bi ai của Thị Kính thì lại có Thị Mầu, Xã trưởng, mẹ Đốp làm người xem khóc đấy rồi lại cười đấy.

[Hề chèo thì bắt buộc phải vừa hát, vừa diễn, lại phải nhân cách hóa, cách điệu. Hơn nữa phải biết kết hợp giữa hát, múa, diễn cho hài hòa, mới tạo ra tính cách của một vai hề. Xưa nay, người ta vẫn cho rằng hề chẳng qua chỉ là vai phụ trong một vở diễn. Đó là một quan niệm sai lầm. Hề có số phận hẩm hiu, đóng góp không nhỏ vào sự thành công của vở diễn. Một vở diễn không có tiếng cười thì là vở diễn kém sự thành công.

Hát hề chèo rất khó vì phải đưa được cái hồn của hề vào. Nó có chất vừa dí dỏm, vừa phóng khoáng, vừa mang tính chất châm chọc, châm biếm, đả kích, dí dỏm bằng ngôn từ, hành động, động tác, cử chỉ, điệu hát... phối kết lại. Hề chèo chữ hay, chữ duyên dáng, chữ lịch thiệp. Đó là nhân vật hề chèo.

“Phi hề bất thành chèo”. Để diễn được một vai cho ra chất hề là không hề đơn giản. Người diễn viên thủ vai hề không thể thiếu được sự sáng tạo trong từng vai diễn để đem lại cho khán giả những tiếng cười sảng khoái trên sân khấu và cả những nụ cười ý nhị, sâu sắc như mục đích cha ông ta sáng tạo ra vai hề trong nghệ thuật chèo.

Vai chính diện hoặc phản diện thì thông thường tìm dễ hơn. Nhưng hề chèo cần có cái khiếu đặc biệt. Đào tạo ra nghệ sỹ hề chèo thì vẫn có nhưng để theo kịp, làm được những thứ như các cụ ngày xưa thì rất khó. Vì hề chèo đòi hỏi nhiều yếu tố rất khắt khe.]

( [ ] Trích theo N/S Quốc Trọng. Nguồn: trên NET)

Dường như trong chèo cổ, cái cười ngày càng chiếm thời gian dài, càng chú ý phản ánh những thói hư tật xấu của người đời. Điều đó, làm cho tính xã hội của chèo ngày mỗi nổi đậm về sau.

Một nhân vật thật đáng yêu về cái hồn hậu chất phát, như lão say qua cặp thơ “lục bát”. Kết hợp với hình ảnh một diễn viên râu tóc bạc phơ, khăn quấn, áo cánh lụa điều, quần lụa mỡ gà, ống hơi xéch, mắt hóm hỉnh, tay chống gậy trúc dài, bước bập bồng xiêu vẹo, chân nam đá chân chiêu, rõ ra ông già say rượu phóng khoáng, mát tính, lấy câu “tửu lạc vong bản” (rượu vui quên nghèo) tiêu khiển... khiến ai xem cũng cười xoà thoải mái.

*Ai ơi chơi lấy kéo già*

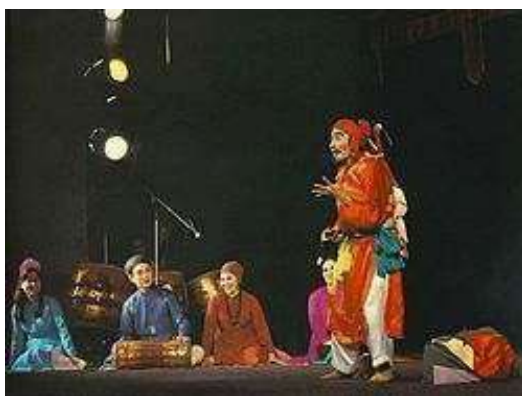
*Mãng mọc quá lứa duyên ta nhờ thì.*

Hai câu thơ được hát theo chèo:

*Chơi chơi lấy a/a/a/a/ kéo ối a/ối/i i già i/i i i /i i i.*

*Này ối ai ơi chơi lấy kéo/ i/ già, măng mọc quá lứa duyên đôi ta nhờ i/ối/i i/i i i*

*i/ thì //a// nhờ thì đôi ta. . .* (trích từ Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam -Trần Ngọc Thêm)



*Lão say*





Phù thủy



Hề gậy

Thông thường hề chèo được chia ra làm hai loại:

- *Hề áo ngắn*.

Hề mặc áo ngắn, màu sắc, sạch sẽ thường đi theo một thư sinh hay một ông quan gọi là *hề theo*. Hề này luôn tỏ ra khôn ngoan, trí tuệ trong những lời đối thoại. Có loại chuyên cầm gậy gọi là *hề gậy*. Có loại ra diễn xuất trước vai quan gọi là *hề cung đình*. Có loại thường diễn đôi, cầm mỗi lứa trong tay để múa thay vì quạt hay gậy gọi là *hề môi*.

- *Hề áo chùng* (hay áo dài)

Loại hề này thường mặc áo dài, hóa trang xấu xí, nhọ nhem như phù thủy, thầy bói, thầy đồ dốt. Họ tự chế điều mình, tự châm biếm bằng những cử chỉ và lời nói điều cợt để chọc cười như trong những vở tuồng tích Phù thủy sợ ma, Thầy bói nói mò, Thầy đồ dốt chữ.

\* **Tiếng đế**. Là lời nói của người xem chen vào do ngẫu hứng. Những lời đế thêm vào đó thấy hay quá, đúng chỗ quá, có duyên quá nên lần diễn sau người xem lại chêm vào câu đế đó, gọi chung là “tiếng đế”. Lần lần, những tiếng đế ấy lại trở thành một “thành phần” của vở tuồng, không thể thiếu được. Tới đoạn diễn đó, nếu người xem không đưa tiếng đế vào thì một người trong phường chèo ở hậu trường cất lên thế cho người xem. Tiếng đế trở thành vừa là lời nói của người xem mà nó cũng vừa trở nên một phần của vở diễn.

Thí dụ như trong vở Quan Âm, Thị Mầu đang chạy vòng vòng ve vãn chú tiểu Kính Tâm là gái giả trai. Thị Mầu đã dẫn lượn tới gần chú tiểu và sắp dở trò xàm xỡ thì một khán giả tinh nghịch lên tiếng lớn: “Mầu ơi, ở nhà mà người ta bắt hết bò rồi!”. Diễn viên đóng vai Thị Mầu đã nhanh trí, đứng lại, hai tay chống nạnh, miệng cong cớn mà rằng: “Nhà tao còn khói trâu!”. Thế là Thị Mầu tỏ được cái giàu

có của nhà phú hộ mà lại hư thân tỏ ra bất cần để tiếp tục ve vãn chú tiểu. Tiếng đế ấy hay quá và có duyên quá nên cứ mỗi lần trình diễn tới đoạn ấy thì lại chêm tiếng đế ấy vào vở tuồng. Câu đế làm cho không khí trình diễn trở nên uyển chuyển và linh động, có khi đang bị lại trở thành hài, hay đang trang nghiêm lại trở thành đùa cợt. Tiếng đế là tiếng nói của người xem, có khi chúng là những câu hỏi khi thắc mắc, là những câu khen, câu chê, câu bỡn đùa nghịch ngẫu hứng. Tiếng đế phát xuất từ người xem nên đôi khi diễn viên bị thụ động, bị lâm vào thế bị động. Diễn viên phải thật nhanh trí để hóa giải.

[Trong vở Tôn Mạnh-Tôn Trọng có đoạn như thế này:

*Thầy bói: Ông tam đại nhà mà chết ban ngày đây.*

*Tiếng đế: Thác ban đêm!*

*Thầy bói: Ở ở . . . nhẽ ra thì thác ban ngày / Thương con nhớ vợ hồn rày thác đêm! Ngồi mộ này để ở ruộng cây đây.*

*Tiếng đế: Để trên gò chứ!*

*Thầy bói: Ở ở . . . Nhẽ ra thì để ruộng cây/ Bỗng dưng nước lụt khiêng ngay lên gò.*

Thậm chí tiếng đế còn tranh cả vai của ông trùm-người chỉ huy đêm diễn:

Tiếng đế: Trong buồng trò có thầy bói nào không, cho tôi mượn một ông nào!

Thầy bói (cấp tráp đi ra): Thầy bói thì không có, nhưng mà giả thông manh thì vô khối đây!]

( [ ] Trích trong Tìm Về Bản Sắc Văn Hoá Việt Nam-Trần Ngọc Thêm)

Do đó tiếng đế chính là hình ảnh truyền thống dân chủ của nền văn hóa làng xã nông nghiệp.

\* **Người cầm chầu.** Khi phường chèo đi đến làng nào trình diễn thì làng ấy thường đề cử ra một người *cầm chầu*, thường là người vai vế trong làng. Người này ngồi ngay góc chiếu sân khấu để “cầm trịch” suốt buổi trình diễn với chiếc “trống chầu”. Ông là người ngồi chầu (nhìn) để lên tiếng thưởng, phạt, khen, chê sự trình diễn của phường chèo bằng cách gõ vào trống chầu. Ông là người thông hiểu về tuồng tích, sành về nghệ thuật, biết nhiều làn điệu của chèo. Đêm hát chèo sôi nổi, giòn gĩa hay tẻ nhạt một phần cũng do người này.

Quy luật khen chê được quy định bởi cách đánh trống. Quy ước đó được ấn định như sau: 9 tiếng là trống dục, 1 tiếng là để điểm câu, 2 tiếng là khen vừa, 3 tiếng là khen nhiều; 1 tiếng “tịch” (một dùi chặn, 1 dùi đánh) là chê, đánh “cắc” vào tang trống là chê nhiều cần góp ý với ông bầu. Ông cầm chầu có quyền đòi hỏi “bác” *thơ* cho thay diễn viên. Sự liên hệ mật thiết giữa người cầm chầu, đại diện cho người xem và phường chèo luôn giữ được sự gần gũi và tạo được *sự cân bằng* giữa người thưởng thức có trình độ nghệ thuật cao với các diễn viên trình diễn chứ không thể khen chê một cách bất nháo của đám đông được.

Có một câu chuyện kể:

[Tương truyền trong tư dinh của tả tướng quân Lê Văn Duyệt diễn vở Võ Thành Lâm. Theo tích, khi trung thần bị giặc đuổi tới bờ sông, đang lúng túng thì có con cá chép thần nổi lên cống người trung thần sang sông. Ngồi trên lưng cá thần, người kếp đóng vai người trung thần xúc cảm cất tiếng hát:

*Cười ô mã qua miền hải ngạn, Cống*

*tiên hoàng tỏ rạng đường non*

*Vấn vợ cá lợi như cò . . . Họ . . . họ . . .*

Ngài Lê Văn Duyệt đang cầm chầu bèn đánh “cắc” một tiếng vào tang trống, miệng lớn tiếng gắt: “Cá chứ đâu phải ngựa đâu mà “họ” mày?”. Người kếp nhanh trí hát tiếp:

*Họ. . . họ. . . Tưởng con ô mã ai ngờ lý ngư!*

Ngài Lê Văn Duyệt dù chưa hết bực nhưng cũng phải vung tay đánh trống hiệu ban thưởng cho người kếp hát thông minh.] (Trích trong *Tìm Về Bản Sắc Văn Hoá Việt Nam-Trần Ngọc Thêm*)

\* **Thơ trong chèo.** Văn học chèo là văn học thơ và động tác chèo là động tác thơ. Những lời hát, những điệu múa, cho dù là múa không lời hát mà vẫn uyển chuyển, nhịp nhàng mang đầy vẻ đẹp và giúp thăng hoa cho ý nghĩa của “bài thơ động tác” một cách tuyệt vời. Người đạo diễn chèo phải là người biết về luật thơ để phối hợp nhuần nhuyễn giữa thơ và động tác để tạo thành một vở diễn thơ.

\* **Giáo huấn, khuyến giáo trong chèo.** Nội dung của tuồng tích chèo có tích chất giáo huấn. Đề cao đức hạnh của người phụ nữ, ca tụng tinh thần trung hiếu, cái thiện thắng cái ác được thể hiện qua các vai “chín” hay vai thuận. Đả phá những thói hư tật xấu, cương thường đảo lộn của một xã hội nháo nhào được thể hiện qua các vai “lệch” hay vai “nghịch”.

Tuy nhiên những vai nữ nghịch trong chèo, như Thị Mầu lẳng lơ, chúng ta thấy không những không bị người xem ghét bỏ, căm giận như thường thấy ở trong *tuồng* hay trong *hát bội* mà ngược lại còn tỏ ra hào hứng hòa theo và yêu thích nữa. Phải chăng đó là thái độ khoan dung hoặc đồng cảm với vai diễn trong những hoàn cảnh nghịch lý của xã hội phong kiến ngày xưa.

\* **Vài làn điệu chèo quen thuộc của Thái Bình**

Chẳng biết từ thời nào, hát chèo, diễn chèo, xem chèo đã ăn sâu vào con tim người Việt Nam. Với người dân nông thôn ở châu thổ sông Hồng thì chèo được coi như là món ăn tinh thần dường như không thể thiếu được. Và cũng vì lý do đó, từ xưa đã thành hình nhiều thứ chèo như chèo Đông, chèo Đoài, chèo Nam và chèo Bắc.

Và rồi những năm tháng gần đây có nhiều thành phố, nhiều địa phương cứ tự nhận nơi ấy là cái nôi của ngành chèo. Thái Bình cũng khiêm nhường và trân trọng chỉ tự nhận mình là một trong những cái nôi chèo ấy trong cả nước mà thôi.

Những làn điệu chèo Thái Bình mà ta thường gặp:

- *Hát Vỡ Nước*

- *Sa Lệch Chên.* Những lời hát nhấn nhủ tha thiết, hàm chứa lời trách móc của người bạn tình

- *Du Xuân.* Điệu hát Du Xuân thì êm dịu, uyển chuyển, êm ả và nhớ nhung man mát, nhẹ nhàng

- *Đò Đưa.* Làn điệu Đò Đưa đã phát triển tới hàng trăm lời với tình huống tinh tế, dí dỏm nhưng vẫn khác nhau.

- *Hề Đơm Đó.* Là làn điệu “Hề chèo” có lời thơ mộc mạc, than thân trách phận nhưng cũng châm biếm và chua chát.

- *Hát Cách.* Là một trong những làn điệu có tính cách tươi sáng, lạc quan, trang trọng (như một đoạn trong vở *Quan Âm*).

- *Quân Tử Vu Dịch.* Bằng tình cảm kín đáo, người hát như nhấn nhủ thiết tha, nhớ nhung một cách nhẹ nhàng (như đoạn Lưu Bình nhấn nhủ Châu Long sang nuôi Dương Lễ trong vở *Lưu Bình-Dương Lễ*).

■

**Nguyễn Giũ Hùng**



### Mời nghe

**Thị Màu Lên Chùa** *Thu Huyền*

(Chèo Cổ Quan Âm Thị Kính)

<https://www.youtube.com/watch?v=gZ4IGPjoHN0>

**Đào Liễu - Chèo Dân Ca Quan Họ** *Thu Huyền*

<https://www.youtube.com/watch?v=WKG6QD8hp1E&list=RDnYdp7EwGL2s&index=7>

**Chèo Mở Lái Ra** - *Thu Huyền*

<https://www.youtube.com/watch?v=KKVuYGAddL4&list=RDnYdp7EwGL2s&index=9>

\*\*\*

## TIỀN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CHÈO

### 1. Ảnh hưởng từ bên ngoài

Chèo phát triển ở đồng bằng sông Hồng phát xuất từ nhu cầu giải trí trong quân đội thời Đinh Tiên Hoàng vào thế kỷ thứ X. Vào thời đó, chèo *chỉ có phần nói* (tức nói nhái) và *ngâm các bài dân ca*. Nhưng cho tới thế kỷ thứ 14 có một sự kiện lớn ảnh hưởng tới chèo. Đó là sự đóng góp của một người lính Mông Cổ bị bắt làm tù binh. Người tù binh này là một nghệ sĩ nên đã mang kịch của Trung Hoa vào chèo. Từ đó chèo có thêm phần hát.

### 2. Chèo trong thời Đinh, Lê, Lý, Trần

\* Từ thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ 15.

Vào những thế kỷ này, qua những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, tuy là những triều đại phong kiến nhưng lại gần gũi với dân theo truyền thống văn hóa, tín ngưỡng Phật giáo. Những văn nghệ truyền thống dân gian được đưa vào cung đình một cách dễ dàng không phân biệt rõ ràng giữa hai ranh giới *nhạc dân gian* và *nhạc cung đình* (nhã nhạc). Triều đình còn biết đem những thành quả của sự phát triển văn

nghệ dân gian làm cầu nối chính trị và kinh tế với quần chúng. Trong đó chèo còn được đưa vào làm trò giải trí trong quân đội.

### 3. Chèo trong thời Hậu Lê và thời Lê-Trịnh.

Chèo cũng có những bước thăng trầm của nó.

\* Từ thế kỷ 15 trở về sau.

Vào giữa thế kỷ 14, triều đại nhà Hậu Lê được thành lập sau khi đánh đuổi quân Minh. Trong triều đại này Nho giáo chiếm ưu thế so với Phật giáo.

Nhà Hậu Lê chú trọng việc phát triển truyền thống dân tộc và dùng Nho giáo như một phương thức làm nền tảng cho sự phát triển xã hội với một nền *văn hóa kỷ cương* và một *chính thể pháp trị*.

Người tiêu biểu cho sự thay đổi mạnh mẽ để đem sự cường thịnh cho nước Đại Việt không ai khác hơn là vua *Lê Thánh Tông*, một vị vua anh minh bậc nhất vào thời Hậu Lê.

Riêng về nhạc dân gian, vua Lê Thái Tông cũng đã bắt đầu có sự thay đổi. Trong buổi lễ ở Thái miếu, ngài đã ra lệnh *bãi bỏ hát chèo* và *cấm “dâm nhạc”*. “Dâm nhạc” ở đây là gồm loại nhạc dân gian và những loại nhạc khác với “nhạc cung đình” đã được quy định vào năm 1437, do Lương Đăng soạn <sup>(1)</sup>.

Năm 1470, vua Lê Thánh Tông tiếp tục phân chia ra hai loại nhạc:

- *Nhạc cung đình* còn gọi là *quan nhạc*.

- *Nhạc dân gian* hoặc *nhạc giáo phường*.

Tuy nhạc dân gian và “dâm nhạc” không bị cấm đoán nhưng không được coi trọng nữa.

\* *Tới thế kỷ thứ 16*

Thái độ phân biệt và kỳ thị nhạc dân gian càng được vua Lê - chúa Trịnh triệt để áp dụng như *chèo không được diễn lâu quá 3 ngày trong những kỳ hội hè đình đám*. Sự kỳ thị này được các nhà nghiên cứu cho rằng do nguyên nhân chính là sự xa cách giữa triều đình và dân chúng càng ngày càng nhiều và công chúng đã dùng âm nhạc, nghệ thuật, văn học dân gian để chống báng lại sự thối nát của cung Vua - phủ Chúa, quan lại và những tệ trạng xã hội đương thời.

### 4. Chèo thời nhà Nguyễn trở về sau.

\* *Đến thế kỷ thứ 19*, chèo tiếp thu *ảnh hưởng của tuồng* qua một số tuồng tích như *Tổng Trân*, *Phạm Tải*, hoặc mang tuồng tích của Trung Hoa như *Hán Sở Tranh Hùng*, *Tiền Hán*, *Hậu Hán*.

Tuồng được phát triển từ đời nhà Trần và được triều Nguyễn nâng đỡ từ thế kỷ 17 trong địa phận của chúa Nguyễn. Và sau đó, tuồng đạt đến thời kỳ hoàng kim ở thế kỷ 18 và 19 trong toàn quốc, chủ yếu trong các đô thị hay nhà quan.

\* Vì ảnh hưởng của tuồng nên vào *đầu thế kỷ 20*, chèo cũng đã *chuyên nghiệp hóa* để trình diễn trên sân khấu ở những vùng đô thị. Đôi lúc chèo có những ông tướng mặt đỏ và những điệu hát Nam, hát Khách của tuồng cùng hòa với làn điệu hát chèo.

Tuy nhiên chèo vẫn khác tuồng về phân nội dung.

- Tuồng ca tụng những vị anh hùng, những nhân vật thuộc giới quyền quý.

- Chèo miêu tả đời sống giản dị của người dân nông thôn với những ước vọng của họ và đã phá những bất công trong xã hội. ■



## *Nguyễn Gi ơ Hùng.*

### GHI CHÚ

- [ ] Lược trích

-(1) **Lễ nhạc** do Lương Đăng soạn.

Vua Lê Thái Tông giao cho cụ Nguyễn Trãi cùng hoạn quan đương triều soạn Lễ nhạc (hay Nhã nhạc) vào tháng Tư năm Thiên Bình (1437). Lương Đăng đưa ra 8 loại cho triều đình:

1- *Giáo nhạc* (nhạc dùng khi tế) 2- *Miếu nhạc* (nhạc tế ở các miếu) 3- *Ngũ từ nhạc* (5 cái tế) 4- *Đại triều nhạc* (khi có lễ Thọ của vua hay tiếp phái đoàn ngoại giao nước ngoài) 5- *Thường triều nhạc* (ngày thường cũng đánh được) 6- *Trung cung chi nhạc* (nhạc đánh trong cung) 7- *Đại yến nhạc* (nhạc ở đại yến) 8- *Trú nhật nguyệt Giao trùng nhạc* (nhạc đánh khi có nhật thực hay nguyệt thực- dùng tiếng trống đồng để đánh đuổi “con gấu” to nuốt mặt trời, mặt trăng).

Những loại nhạc này Lương Đăng lấy của nhà Minh.

Sau khi cụ Nguyễn Trãi biết được vua chấp nhận (vua còn bé) 8 loại nhạc này vì Lương Đăng là hoạn quan nên rất được trọng dụng, cụ Nguyễn Trãi xin từ chức viện có sự hiểu biết của cụ còn nhiều chỗ non kém, thiếu sót. Tháng Mười năm đó cụ dâng sớ lên vua cho là những Lễ nhạc ấy là nhạc của Trung Hoa. Một điểm nữa cụ phản bác khi vua rời cung ra ngoài thì đánh 108 tiếng trống, 108 tiếng chuông. Mà con số 108 là cái gì? Là số hạt trong chuỗi tràng hạt của Phật giáo. Mà sao số hạt trong tràng hạt Phật giáo lại dùng khi vua rời cung. Khi vua trở về cung thì lại đánh khác. Thành ra chính Lương Đăng cũng không hiểu ý nghĩa công việc mình định.

Vì những Lễ nhạc này không từ dân tộc mà ra nên chẳng bao lâu thì mai một, không ai dùng tới nữa (Ghi lại sơ lược trong một C.D. buổi nói chuyện của giáo sư Trần Văn Khê)

### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHO TOÀN BÀI VIẾT:

**Sưu tầm, chọn lọc, tổng hợp và trích** từ những sách và bài viết của các tác giả:

\*/ *Sách:*

- Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam (Trần Ngọc Thêm - NXB Thành phố HCM)
- Hỏi Đáp Văn Hóa Dân Ca Ba Miền (Th/s Đào Thị Luyến, C/n Lê Thị Phúc, C/n Hoàng Lan Anh, C/n Nguyễn Đăng Tuyên - NXB Quân Đội)
- Văn Hoá Dân Gian Việt Nam (Đình Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn - NXB Giáo Dục)

\* *Bài viết của những tác giả đăng tải trên NET:*

- N/S Quốc Trọng
- Đàm Ngọc Huy
- Trần Trí Trác
- Nguyễn Thị Minh Thái
- Phạm Hồng Thắm

...

- Một số bài trên NET không đề tên tác giả hoặc do sự liệt kê thiếu sót ngoài ý muốn của người viết

\* *Các tài liệu khác:*

- Các *link* du lịch trong và ngoài nước.
- Wikipedia
- Các Video, You Tube
- \* *Hình minh họa* lấy trên NET.

## CHÂTEAU DE MONTECRISTO

### Dã Thảo

Lúc này là mùa Xuân ở đây, trời như trêu ghẹo dân chúng, lúc mưa lúc nắng thất thường, lúc lạnh cóng vì cơn gió đông còn tiếc nuối chưa muốn đi qua, lúc thì thời tiết rất dễ chịu, nghe mát rượi con tim đang mơn mõi vì những biến động không ngừng của một thứ khí hậu nồng cuồng, không theo một quy tắc thông thường như mọi khi.

Hôm nay trời đang trong, dọc theo con đường nhà Dã Thảo, những hàng cây mộc lan màu hồng phấn đang nở rộ thật là tuyệt diệu, Dã Thảo loay hoay chưa biết với một buổi trưa đẹp như thế này, mình sẽ làm gì hay sẽ đi đâu, chợt nghĩ ra tại sao lại không đi viếng cái lâu đài nhỏ MONTECRISTO của đại văn hào ALEXANDRE DUMAS ? Dã Thảo may mắn được sống ở Pháp, nên có cảm giác như được thừa hưởng một chút gì liên quan đến văn hóa, có được một sự mở rộng đầu óc về mặt truyền thống, lịch sử, từ một nơi khác đưa đến hơn những gì mình đã được thấm nhuần từ trước đến nay. Trong cuộc sống, chẳng có ai sinh ra với một tập giáo khoa kiến thức trong tay cả phải thế không các bạn ? Ít ra mình cũng phải mò mẫm tìm kiếm những nơi nào mình chưa có dịp đặt chân đến, khơi động sự tò mò của mình, biết đâu trong mỗi sự « gặp gỡ » đó, đối với Dã Thảo vẫn là một viên ngọc cho một sự mơ mộng, một cơ hội để có thể tưởng tượng ra, ngay ở chỗ đấy, căn nhà ấy đã từng có một bóng dáng, một định mệnh nào đó, hay một câu chuyện đẹp...để rồi nó sẽ trở thành một khởi nguồn vô tận cho những chuyến du ngoạn bất động, mang đến cho ta nhiều cảm giác mới lạ, như một sự đổi mới cái môi trường quen thuộc mình đang sống. ....vậy thì Dã Thảo xin giới thiệu với các bạn đã yêu thích văn hóa Pháp, có dịp nào đến PARIS, thì nhất định đừng quên dành cho mình một buổi để đi tham quan cái lâu đài MONTECRISTO, chỉ ở vùng ven đô Paris mà thôi, không mất bao nhiêu thời gian của các bạn, nhưng chắc chắn là các bạn sẽ được sống lại với cái thế giới của « *Les trois Mousquetaires* » (ba chàng lính ngự lâm) nổi tiếng một thời.



Alexandre Dumas

Vào năm 1844, Alexandre DUMAS trở nên nổi tiếng và giàu lên với sự thành công vượt bậc của nhiều tác phẩm, được ra mắt báo chí và xuất bản, nhất là quyển sách « *Les trois Mousquetaires* », ông cho xây dựng căn nhà trong mộng của mình trên bờ sông Seine, nằm trên một ngọn đồi ở PORT MARLY (vùng YVELINES 78), còn được gọi là **lâu đài Monte-Cristo**, nơi trú ngụ của ông, để có thể làm việc trong sự yên tĩnh, xa những náo nhiệt của thành phố. Lịch sử của nó phải nói là không tầm thường và khá độc đáo.

Nhà văn sĩ của chúng ta ước ao cất một căn nhà theo kiến trúc Phục Hưng, to rộng và trang trọng, nằm giữa một đại công viên bố trí theo kiểu Anh, đồng thời xây thêm một biệt thự nhỏ kiểu gôtic (phổ biến ở Âu Châu vào thế kỷ từ mười hai đến mười sáu) có nước bao quanh, đưa mặt vào toà lâu đài kia và dành riêng cho nơi làm việc của ông. Alexandre DUMAS tuyển mộ một kiến trúc sư danh tiếng : Hip- polyte DURAND, và chi tiêu một số tiền phi lý để thực hiện « cái thiên đường nhỏ trên trái đất này » của mình.



Công trình xây dựng kéo dài ba năm và đến tháng bảy 1847, nhà văn hào ăn mừng căn nhà mới với sự góp mặt của sáu trăm quan khách tham dự. Nơi ở chính được đặt tên là lâu đài Monte-Cristo (château Monte-Cristo) và « căn nhà mùa rỗi » kia gọi là « lâu đài IF » (château d'IF).

Tuy nhiên, mặc dù ông là một người làm việc rất kiên trì, Alexandre Dumas điều hành cuộc sống của mình vô cùng xa hoa : ông hay tổ chức những cuộc liên hoan linh đình với những bữa ăn rất sành điệu, và mở rộng cửa nhà cho bất cứ ai muốn vô. Rất nhiều kẻ ăn bám lợi dụng và sống do ông đài thọ. Không mấy chốc nhà văn bị dồn đến đường cùng và vỡ nợ thật nhanh. Vào năm 1849, ông phải bán cơ nghiệp của mình cho một người bạn, với một số tiền không đáng kể, tuy nhiên ông vẫn tiếp tục sống ở đây cho đến năm 1851.

Từ đó, lâu đài Monte-Cristo đi từ tay người này sang tay người khác cho đến năm 1969. Không được bảo trì, công trình này lần lượt bị hư hao đổ nát và đại công viên cũng bỏ hoang phế. Một dự án xây cất bất động sản cũng đã được chuẩn bị, và trong trường hợp này, thì ba thị xã : Port-Marly, Marly-le-Roi và Le Pecq liên kết lại với nhóm « những người bạn của Alexandre Dumas » (Société des Amis d'Alexandre Dumas), để cứu thoát toàn bộ tài sản Monte-Cristo không bị phá hủy. Như vậy, ba địa phương này trở thành chủ sở hữu và toàn bộ hai lâu đài được liệt kê vào những công trình kiến trúc lịch sử. Việc trùng tu lại được điều hành trong những năm 1990 và cho phép mở cửa cho công chúng đến viếng.

Xin lưu ý với các bạn là cuộc tham quan được hướng dẫn trong thời gian một tiếng rưỡi cho tổng quát công trình.

*Trong phần lâu đài Monte-Cristo*, các bạn sẽ thấy một mặt phẳng vuông vắn của toà nhà uy nghi và đường bệ, hình như kiến trúc đã phỏng theo lâu đài Anett, một lâu đài thời Phục Hưng ở lưu vực sông

Eure. Hướng dẫn viên sẽ trình bày trong chi tiết về những bộ phận kiến trúc, (như cái cầu thang bên ngoài được tạo dựng một cách tỉ mỉ, tháp chuông được trang trí với những mẫu tự tên họ của nhà văn quần lầy nhau, những cửa sổ làm với những viên gạch hình vuông...) cũng như vô số tác phẩm điêu khắc được chạm trổ vô cùng tinh vi, để trang trí cho những mặt ngoài nhà (như với những hình vẽ lá hoa, những thiên thần, những dụng cụ âm nhạc, những bức chân dung các văn nhân của mọi thời đại ...)



Phía bên trong lâu đài, các bạn sẽ khám phá ra cái phòng ăn chan hoà ánh sáng, mở ra trước mặt một tượng nửa người bằng đá cẩm thạch của Alexandre Dumas, thực hiện bởi điêu khắc gia CHAPU. Một phòng khách trau chuốt để tỏ lòng sùng kính thân phụ của ông, Thomas-Alexandre Dumas, một vị đại tướng dũng cảm, người lai giống của thời đế chế. Các bạn cũng sẽ chú ý đến những chiến tích sẵn bắt gởi lại một trong những đam mê của nhà văn sĩ. Sau cùng, các bạn chắc chắn là sẽ ngạc nhiên và thích thú bởi những số lượng tác phẩm văn học, các văn bản và giấy tờ của Alexandre Dumas, chứng thực cái năng khiếu vô hạn của tác giả, vừa là tiểu thuyết gia, nhà soạn kịch, nhà báo, có khi như một kẻ nghiệp dư, làm việc theo lối tài tử, và đồng thời cũng là người phê bình nghệ thuật sâu sắc.





Ở tầng lầu một, các bạn sẽ được chiêm ngưỡng cái phòng tiếp khách theo kiểu kiến trúc của người Môô (dân Hồi giáo ở Tây Ban Nha và Bắc Phi), được khôi phục lại vào năm 1985 với khung cảnh và lối trang trí nguyên thủy của nó : những ren (đăng ten), những đường chỉ kiến trúc và nghệ thuật chạm trổ được thực hiện trong chất giả cẩm thạch, diễn đạt sự khéo tay của những thợ thủ công người Tuynidi (Bắc Phi), mà Alexandre Dumas đã mang về từ một trong những chuyến du lịch của ông.

*Bây giờ nói đến lâu đài d'IF.* Cái lâu đài nhỏ độc đáo này sẽ gây cho các bạn một sự ngạc nhiên bởi những vật liệu xây dựng rất phức tạp, gồm nhiều yếu tố khác nhau : đá vôi, đá cối xay, gỗ, gạch và những kiệt tác điêu khắc rất tinh xảo, trang điểm cho những mặt ngoài của nó. Các bạn cũng sẽ ghi nhận rất nhiều tựa đề các tác phẩm của nhà văn sĩ, được khắc chữ trên đá. Tuy không được phép đi vào phía trong của lâu đài, nhưng qua cánh cửa mở rộng, các bạn cũng có thể khám phá ra phòng làm việc của Alexandre Dumas, một nơi trú ẩn tuyệt diệu để viết. Tóm tắt lại, lâu đài d'IF này rất độc đáo, như một ý ngông, một sản phẩm của trí tưởng của văn nhân.



**Đại công viên** được thể hiện như một cái hộp chứa đựng cả một màu xanh mát rượi, nơi đó hai lâu đài được đặt để trên ấy. Nó được sắp xếp theo kiểu Anh, đúng ước nguyện của ông. Với những con đường mòn ngoắt ngoéo quanh co, nó bày ra cho ta thấy như một sự quấn kết với nhau, rất thơ mộng và mỹ mãn. Những hàng cây cao, những loại cây thấp có hoa, những hang động và thác nước (nhờ sự có mặt của những con suối)...Tác dụng của việc chênh lệch độ cao cũng đã đóng góp vào sự thần tiên huyền hoặc của nơi chốn này.



Dã Thảo tin chắc rằng, đến đây, các bạn sẽ không cưỡng lại được sự mê hoặc , quyến rũ của cái thiên đàng nhỏ bé. Nó cũng biểu lộ cho ta thấy cái năng lực sáng tạo, sự đam mê, tính phóng khoáng, ý tưởng ngông cuồng và tâm tư sôi động của Alexandre Dumas, cũng là một cơ hội để khám phá cái mặt trái không được biết đến của tác giả. Alexandre Dumas đã tìm thấy được Hạnh Phúc ở đây. Dã Thảo cũng có cảm giác là Hạnh Phúc đó đang ở bên cạnh ta, rất gần bên ta hơn những gì ta tưởng tượng, và đôi khi chỉ cần mở mắt ra để đánh bật nó ra ngoài và nhận diện nó....

Thôi nhé các bạn, nếu có dịp tham quan thì nhớ mang đôi giày nào đi cho thoải mái, vì nơi này các bạn sẽ phải thường xuyên bước đi trên sỏi, và những phiến đá dẹt như những bậc thang trên những dốc, rất lồi lõm. ■

AU REVOIR ET A BIENTÔT

***Dã Thảo***

PARIS – 15/5/2013

## Những Con Sóng Ngâm

Nguyễn Tuấn Huy

--Crystal, get over here. I need you to bag this guy.

Mark, anh chàng người Mỹ kêu tôi lại để bơm bình oxi giúp bệnh nhân thở. Bệnh nhân là một người đàn ông Mỹ ngoài ba mươi và đang ở trong trạng thái hôn mê. Khi xe cứu thương của chúng tôi đến thì đã thấy anh ta đang nằm ở trên sàn nhà. Hiện tại tôi và Mark đang làm hô hấp nhân tạo cho bệnh nhân. Anh Mark quỳ trên ngực bệnh nhân và dùng hai tay ấn ngực bệnh nhân lên xuống để làm cho máu lưu chuyển. Tôi quỳ ở bên cạnh đầu bệnh nhân, chụm mặt nạ vào mặt anh ta. Mỗi khi Mark ngừng ấn, tôi lấy tay bóp cái bình để bơm oxi vào miệng, vào mũi của bệnh nhân. Mỗi lần tôi bơm như vậy là ngực và bụng của anh ta phình lên rồi xẹp xuống. Sau 10 phút quỳ và bóp liên tiếp như vậy, cổ, vai, lưng, và tay của tôi bắt đầu cảm thấy mỏi. Mồ hôi toát ra ướt cả lưng áo. Tôi không biết là tại vì tôi mệt hay là tại căn phòng nóng và ngột ngạt. Tôi cảm thấy nếu phải quỳ và bóp thêm vài phút nữa chắc tôi cũng sẽ xỉu luôn theo bệnh nhân. Cũng may là vừa lúc đó, Mark bảo tôi ngừng tay và lấy máy sốc điện tim để giựt điện may ra tim anh ta sẽ đập trở lại. Tôi gắn bốn đầu dây lên ngực và bụng của anh ta, cắm mấy đầu kia vào trong máy rồi bật máy. Cả hai đưa nhích ra để không đụng vào người bệnh nhân. Cái máy kêu bíp bíp rồi truyền điện vào bệnh nhân. Người anh ta giật nảy lên rồi rớt xuống. Cái máy đo nhịp tim, khi không thấy kết quả, nó liền sốc lần thứ hai. Lại giật nảy người lên nhưng ngực vẫn không phập phồng. Cái máy tiếp tục sốc thêm lần thứ ba. Sau ba lần nếu không có kết quả nó sẽ tự động ngưng. Mark nhìn tôi và nói “Thêm một lần nữa”. Tôi cho máy sốc lại từ đầu với ba chu kỳ giựt điện liên tiếp như vậy. Vẫn không có nhịp tim. Lúc này Mark đang nói chuyện điện thoại với bác sĩ ở phòng cấp cứu. Anh ta nhìn tôi và nói: “Ra xe lấy hai ve thuốc epi [epinephrine]” Tôi chạy ra xe kiếm hai ve thuốc hồi sinh được cất trong tủ lạnh đem vào. Mark tiêm ve thứ nhất ngay vào tim bệnh nhân. Sau một phút không có kết quả, anh tiêm nốt ve thứ hai rồi chúng tôi lại tiếp tục hô hấp nhân tạo để đưa oxi lên trên não của anh ấy. Nếu không có oxi trong vòng sáu phút, các tế bào não của anh Mỹ này sẽ bắt đầu chết. Do đó chúng tôi vẫn phải tiếp tục làm hô hấp nhân tạo để đem oxi vào trong máu của anh và nhờ tim để bơm máu lên đầu anh ta. Nếu chúng tôi chờ cho tim đập lại thì anh ta đã trở thành động vật trong thời gian chờ đợi. Lại thêm 10 phút bóp bình oxi để bơm hơi vào phổi anh ta. Tay tôi đã mỏi rã rời, mắt tôi bắt đầu hoa lên nhưng lúc này ở trong người tôi hoóc-môn đang tiết ra tràn trề vì stress nên làm tim tôi đập nhanh, đầu óc tôi cảm thấy tỉnh táo mặc dù chân tay đang rã rời. Sau năm phút hô hấp nhân tạo, anh Mark lại nói: “Giựt điện nó thêm một lần nữa.” Tôi lại gắn dây nhợ, mở máy cho nó đo nhịp tim rồi sốc bệnh nhân. Cũng giống như lần trước, người của anh ta giật nảy lên mỗi khi bị điện giựt nhưng rồi lại nằm yên. Tôi cho máy chạy hai lần tổng cộng là sáu cú sốc điện mà vẫn không có kết quả. Trong lúc tôi giựt điện, anh Mark lại nói chuyện với bác sĩ cấp cứu. Sau khi cúp phôn với bác sĩ, anh ta nhìn tôi và nói: “Bác sĩ Johnson cho phép chúng ta ngừng cấp cứu.” Anh nhìn đồng hồ đeo tay và nói với tôi: “Giờ chết, tám giờ lẻ năm tối. Ghi nó xuống.” Rồi anh ta đi gọi nhà quản để họ đến lấy xác. Xe cứu thương của chúng tôi chỉ chờ bệnh nhân chứ không chờ xác chết. Sau đó anh báo cho cảnh sát. Chỗ nào có người chết thì phải có cảnh sát đến làm biên bản cho dù là chết vì lý do tai nạn tại nhà.

Tôi nhìn đồng hồ đeo trên cổ tay, 8:06 PM. Từ lúc chúng tôi đến nhà này đến bây giờ là gần 45 phút. Hơn 25 phút làm hô hấp nhân tạo, rồi 12 cú giựt điện, hai ve thuốc trợ tim rốt cuộc cũng không cứu được anh ta. Trong lúc mải mê làm cấp cứu tôi cũng không để ý xem gia đình của anh ta đang ở đâu. Bây giờ tôi phải đi tìm họ để báo hung tin. Anh Mark thì đi ra ngoài chờ cảnh sát đến làm biên bản. Tôi

không cần phải đi đâu xa vì khi tôi vừa bước về phía buồng ngủ thì cô vợ đã từ trong đó phóng ra nhảy bổ và ôm chầm lấy người chồng đang nằm bất động ở dưới đất. Nhìn vào phòng ngủ, tôi đếm được thêm ba người nữa. Hai bé gái và một bà cụ đang coi chừng tụi nó. Tôi đoán chắc anh Mễ này sống với vợ, hai con gái và bà mẹ vợ. Nhìn vẻ mặt ngơ ngác, lo sợ của hai đứa bé và bộ mặt co rúm lại vì đau khổ của bà cụ mà tôi cảm thấy đau lòng chung với họ. Ca của tôi đêm nay dài tám tiếng mà trong giờ đầu tiên tôi đã phải chứng kiến một cảnh chết chóc, mất mát, đau khổ mà những người trẻ bằng lứa tuổi tôi chắc chưa bao giờ được chứng kiến trong đời của họ. Đêm nay sẽ là một đêm dài dằng dặc so với những đêm khác mà tôi đi theo xe cứu thương.

Tôi tên là Vi nhưng chỉ có ba mẹ gọi tôi là Vi còn tất cả mọi người khác kêu tôi là Crystal. Crystal là tên tôi tự đặt cho mình khi còn học ở tiểu học. Crystal là những hạt thủy tinh lấp lánh trên vương miện của những cô búp bê trong tuổi thơ ấu của tôi. Tôi năm nay 23 tuổi. Tôi vừa tốt nghiệp đại học với bằng cử nhân hóa. Ban đầu tôi dự định sẽ ghi danh vào trường thuốc để học lấy bằng bác sĩ sau khi có bằng cử nhân. Nhưng sau khi cân nhắc những điều kiện để trở thành bác sĩ, tôi quyết định sẽ đi học làm y tá để có cơ hội làm trong ngành y khoa mà không phải hy sinh nhiều sức lực trở thành bác sĩ. Từ khi học trung học tôi đã có ước mơ làm bác sĩ. Đó là lý do tôi ghi danh học làm nhân viên cứu thương. Ban đầu tôi tính học chơi cho biết thêm về ngành y khoa. Thêm nữa, tôi nghĩ nó sẽ có lợi sau này khi tôi nộp đơn vào trường y khoa. Tôi có thể chứng minh cho họ là tôi thực tình muốn giúp chữa bệnh cho người khác khi tôi đi làm người cứu thương. Lúc tôi ghi danh học cứu thương, các bạn tôi tưởng tôi muốn thử tài với sức lực vì tôi là một cô bé người Việt nhỏ con, cao chưa đầy 1m55. Bố mẹ tôi thì không nói. Họ không hiểu tại sao đứa con gái mảnh mai của họ lại chọn học một nghề quá nguy hiểm đối với họ. Ban đầu họ cũng nghĩ như mọi người là tôi học ngành cứu thương chỉ để dễ xin vào trường thuốc. Đến khi tôi bắt đầu đi thực tập với xe cứu thương, lúc đó họ mới hoảng hốt và lo sợ. Nhưng họ biết tôi làm nghề cứu thương này cũng chỉ tạm thời cho đến khi tôi xin được vào trường y tá nên cũng để cho tôi làm theo ý muốn.

Anh Mark, người đồng nghiệp Mễ của tôi, thì lại khác. Anh là một cựu quân nhân, nhập ngũ từ năm 18 tuổi ngay sau khi học trung học. Sau 10 năm ở trong bộ binh, anh giải ngũ để lấy vợ và lập gia đình. Nghề cứu thương thích hợp với anh vì anh đã quen với cảnh chết chóc, chém giết, bạo lực của chiến tranh và quân đội. Đi với anh, tôi giống như một đứa trẻ mới lớn. Những năm sống trong sự bảo bọc, lo lắng của bố mẹ đã không chuẩn bị cho tôi đối phó với những sự chết chóc, bạo động, nghèo đói trong xã hội. Thịnh thoảng chúng tôi mới được gọi đến những khu nhà giàu còn thường thì phải vào những khu nhà nghèo, những chung cư của người Châu Mỹ La tinh hoặc người da đen. Đây là bài học đầu tiên của tôi về y khoa. Con người ta ai cũng phải bệnh hoạn như nhau nhưng họ không có bệnh giống nhau. Có những căn bệnh chỉ dành riêng cho người nghèo. Cũng như anh chàng Mễ tôi hôm nay. Nếu gia đình gọi xe cứu thương sớm hơn, ngay từ lúc anh vừa khó thở, có thể chúng tôi đã cứu được anh ta. Nhưng họ chờ đến khi anh đã bất tỉnh rồi mới gọi xe cấp cứu. Trong những trường hợp nhồi máu cơ tim này, chỉ cần năm phút chậm trễ thôi đã là sự khác biệt giữa sống và chết. Có những trường hợp khác, chúng tôi đến nơi nhưng không dám vào mà phải chờ cảnh sát đến để bảo đảm hiện trường an toàn rồi mới được phép vào. Lúc đó thì đã trễ rồi. Nhưng nếu chúng tôi loạng quạng đi vào khi không biết ở trong nhà có an toàn hay không để rồi bị ăn đạn thì ai sẽ cứu chúng tôi? Vì biết vậy nên cho dù phải ngồi chờ trong lúc bệnh nhân đang hấp hối, chúng tôi cũng vẫn phải chờ cảnh sát đến và cho phép được vào.

Tôi được rửa tội lúc mới sinh ra, được học giáo lý và chịu các phép bí tích khi còn học trung học. Bố mẹ tôi có lẽ rất an tâm vì thấy tôi ngoan ngoãn tham dự thánh lễ mỗi Chúa Nhật như những người



Công Giáo khác. Từ bé tôi đã được dạy rằng Chúa thương yêu tôi và tôi phải thương yêu Chúa và đừng làm cho Chúa buồn. Nhưng thật sự thì tôi chỉ cảm thấy được tình thương đến từ bố mẹ tôi. Tình yêu của Chúa tôi cảm thấy rất mơ hồ. Tôi tin rằng nó vẫn có ở đó mặc dù tôi không cảm thấy được nó. Tôi vẫn cầu xin Chúa mỗi khi tôi gặp những chuyện khó khăn trong cuộc sống thí dụ như trước một bài thi khó khăn. Tôi xin Chúa cho tôi làm bài được điểm tốt. Và cứ như vậy cuộc đời của tôi xoay quanh công việc học hành, bạn bè, gia đình cũng như những sinh hoạt chung với đại gia đình. Tôi có biết bao nhiêu anh chị em họ, cô chú bác mà tôi tưởng như không thể nhớ hết. Lâu lâu, bố mẹ tôi lại giới thiệu một người lạ là họ hàng của tôi mà thật sự tôi cũng không biết là liên hệ như thế nào. Đời sống đức tin của tôi được thể hiện trong những sinh hoạt với giáo xứ Việt Nam của tôi. Khi tôi đến trường, tôi sống ở trong một thế giới khác. Khi tôi về nhà hoặc sinh hoạt với bạn bè, tôi sống trong một thế giới riêng của tôi. Từ lúc đi làm nghề cứu thương, được chứng kiến những cảnh nghèo khó ở ngay khu vực mà tôi đang sống, nó giống như đánh thức trong tôi một điều gì đó mà tôi nhận thấy không có ở nơi các bạn của tôi. Có lẽ chúng nó không được nhìn khuôn mặt đau khổ của người mẹ vừa mất người con hoặc ánh mắt lo sợ của hai đứa bé gái tối hôm nay. Tôi nghĩ rằng chúng nó chưa lớn đủ để biết chuyện gì đã xảy ra. Nhưng khi nhìn căn phòng nghèo nàn, cũ kỹ của họ, tôi biết chúng nó sẽ không có những con búp bê mà tôi vẫn chơi khi còn bé. Tôi biết mẹ nó sẽ phải xếp hàng mỗi tuần để xin thực phẩm ở nơi phân phát thực phẩm của các cơ quan từ thiện. Thực phẩm do người ta phân phát sẽ chỉ là đồ hộp và lương khô. Chúng nó sẽ không được ăn những cái bánh, những thỏi kẹo sô-co-la mà tôi vẫn thích ăn khi còn bé. Những người bạn của tôi, họ không được chứng kiến những cảnh nghèo đói này nên họ không hiểu được thế giới ngoài cái môi trường sung túc mà họ đang sinh sống. Họ cứ nghĩ phụng vụ cho Chúa là làm tình nguyện ở nhà thờ, giúp gây quỹ để xây thêm nhà thờ. Tôi chỉ ước ao mình làm được gì cho những người nghèo này. Chúa nói khi anh em làm điều gì cho người nghèo là anh em đã làm cho chính ta. Từ lúc theo xe cứu thương đi vào những chung cư của người nghèo, tôi cảm thấy lời kêu mời này mạnh mẽ nhất vì tôi thấy được Chúa ở nơi người nghèo. Chúa bằng da bằng thịt mà tôi có thể đụng chạm.

Tôi biết là tôi không giúp được ai nếu tôi không có tiền. Vì vậy tôi ráng học để lấy điểm cao, ra trường có việc làm tốt để còn có dư dả giúp cho người nghèo. Anh Mark đồng nghiệp của tôi là nhân viên cứu thương paramedic thuộc loại cao cấp nhất. Chương trình huấn luyện của paramedic là từ một năm đến hai năm. Hạng thứ hai là EMT như tôi học từ sáu tháng đến một năm. Tôi lấy chứng chỉ EMT sau sáu tháng. Tôi được trả \$19 một giờ còn anh Mark thì được trả \$23 một giờ. Nếu không tính thêm tiền làm thêm giờ thì mỗi tháng anh Mark kiếm được khoảng bốn ngàn, tương đương với một người làm nail trung bình. Người Việt Nam làm nail thì đa số khai lương ít để khỏi phải đóng thuế nên có thể lấy về nhiều hơn anh Mark. Tuy nhiên, anh Mark thì xin làm thêm giờ để được lãnh tiền lương phụ trội. Dĩ nhiên khi tôi ra trường với bằng y tá, tôi có thể làm gấp đôi số lương của anh Mark. Tôi không nghĩ rằng tôi giỏi hơn anh Mark nhưng tôi sẽ được trả lương cao hơn chỉ vì tôi phải đi học lâu hơn anh ta mà thôi. Nhưng học y tá cũng không phải là một chuyện dễ dàng. Nội việc xin được vào trường y tá thôi cũng đã khó khăn rồi vì có rất nhiều người muốn xin vào. Rồi sau đó tôi sẽ phải học biết bao nhiêu kiến thức về cơ thể con người, các chứng bệnh, các loại thuốc, các phương pháp trị liệu chưa kể là thời gian thực tập. Khi bố mẹ tôi và những người khác nhìn vào, họ chỉ nhìn thấy tương lai và số lương mà tôi sẽ kiếm được. Họ sẽ không thấy được những nỗ lực của tôi khi tôi phải thức khuya học bài, những căng thẳng trước những bài thi. Họ sẽ không hiểu được những thao thức, những ước vọng của tôi vì cuộc sống của tôi khác với của họ. Các bạn của tôi sẽ hiểu được những căng thẳng mà tôi chịu đựng vì họ cũng đang phải đối phó với những thử thách của người trẻ giống như tôi. Nhưng họ cũng sẽ không hiểu được những ước vọng của tôi vì họ không được chứng kiến những gì mà tôi đã được nhìn thấy. Ai cũng có những thao thức, những nỗi khổ riêng của họ.

Cuộc đời nhiều lúc như mặt biển lặng. Trên mặt nhìn rất êm đềm nhưng ở dưới là những cơn sóng ngầm lôi cuốn làm người ta mất luôn cả tự chủ. Nào là áp lực từ gia đình, nào là áp lực của bạn bè, những ước vọng cho chính bản thân. Chưa kể những yếu tố khác như bệnh tật, nghèo đói, tình cảm, môi trường xã hội. Tất cả tạo ra những sức lực điều khiển cuộc sống của con người mà người ngoài cuộc không nhìn thấy được. Nếu tôi có can đảm lặn xuống dưới mặt nước để nhìn ra những cơn sóng ngầm đó, may ra tôi có thể cố gắng tránh để khỏi bị chúng cuốn đi. ■

*Nguyễn Tuấn Huy*

Houston, ngày 13 tháng 5 năm 2023.



THƯ GỬI BẠN

## CUỘI

NGUYỄN GIỤ HÙNG

*Bắc thang lên hỏi tận trời,  
Hỏi sao Cuội phải ập cây cả đời.  
Cuội nghe thấy nói Cuội cười,  
Bời hay nói dối nên ngồi gốc cây.  
(Ca dao)*

"Nói dối như Cuội", đó là câu nói đầu môi của thế gian mỗi khi nói về Cuội. Cuội và nói dối không thể tách rời nhau. Muốn nói về Cuội ta không thể không nói về nói dối, hay ngược lại, *xãng có thể cạn, lớp có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi.*

Vậy nói dối là gì?

Nói dối là nói sai hay nói ngược lại với sự thật nhằm đạt mục đích như để lừa, để bịp, để che dấu, để chối, để cãi, để vờ vịt, để chạy tội ... và để vừa lòng nhau nữa tùy theo đối tượng và hoàn cảnh. Người ta nói dối vì yêu nhau, người ta cũng nói dối vì thù ghét nhau hay chỉ là câu chuyện "làm quà". Nhân vật nói dối có thể là một người, ấy là *tự dối mình hay dối lòng*, có thể là hai người, là một nhóm hay là cả một "tập đoàn". Tương tự, đối tượng của nói dối cũng có thể là một người, hai người, một nhóm người hay có khi cả nước, cả loài người.

Nói dối xảy ra bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào. Ai cũng biết nói dối cả. Và có người thích nói dối, đến nỗi nói dối cả những điều không cần phải nói dối. Nói dối đã trở thành cái "tật", không nói dối thì cái mồm trở nên lúng túng ngọng nghịu mỗi khi cần phải nói thật. Cái tật này nguy hiểm ngang với cái tật ăn cắp vặt, ăn cắp cả những cái không cần ăn cắp, khi không ăn cắp thì cái tay trở nên ngứa ngáy vụng về. "Dối" thường đi với "gian" để trở thành "gian dối" hay "*Ăn gian nói dối*" là thế, cũng như ăn tục thì phải đi với nói phét (nói xạo) để thành "*ăn tục nói phét*" vậy. Chính vì thế nói dối đã là một trong những giới luật cấm của mọi tôn giáo.

Nói dối có nhiều trình độ và thứ bậc khác nhau. Nói dối là cả một nghệ thuật tinh vi, thuộc về một thứ nghệ thuật cao cấp vì nó phải hội đủ nhiều yếu tố phức tạp và bén nhạy cả về tâm lý lẫn hiểu biết để nói dối sao cho người ta tin. Người nói dối phải vận dụng trí thông minh, óc sáng tạo để sự nói dối trở nên có logic, có tính thuyết phục và nhất là sự nói dối ấy không thể bị "lòi" như "*nói dối thò đuôi*" vậy. Nói dối còn đòi hỏi "khổ công", nghĩa là, để được thành danh như Cuội, người nói dối, ngoài cái thiên phú của mình, phải có nhiều công phu luyện tập sao cho *da mặt trở nên dày*, dày ngang với những chính trị gia tầm cỡ và phải *luyện tập thân thể* để chịu đựng được những cú đòn thù cỡ võ sĩ hạng nặng, vì đôi khi nói dối bị tổ trác có thể bị đánh đến phù mủ hay guốc cao gót bở lủng đầu. Trong trường hợp đó chỉ còn biết "ôm đầu máu" mà chạy. Ngoài ra còn phải *có trínhở tốt* để nhớ rằng mình đã nói dối với ai, trong trường hợp nào và nói gì, ra sao.

Nhìn chung thì:

Nói dối có những cái *đáng ghét* như trong những câu tục ngữ, ca dao:

*Dối trên lừa dưới.*

*Anh này có tính gian tà,  
Đi ra dối bạn về nhà dối con.*

*Đi nói dối cha về nhà nói dối chú.*

*Manh tâm nói dối cãi cối đổ thừa.  
(hay cãi cối cãi chày)*

Và cũng có những cái nói dối thật *đáng yêu* và vui vui như:

*Yêu nhau cởi áo cho nhau,  
Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay.*

*Nhà em công việc bời bời,  
Dối thầy dối mẹ sang chơi với chàng.*

*Dù ai bảo đợi bảo chờ,  
Thì em nói dối: Con thơ phải về.*

*Mình nói dối ta mình hãy còn son,  
Ta đi qua ngõ thấy con mình bò.  
Con mình những trấu cùng tro,  
Ta đi gánh nước tắm con cho mình.*

*Em nói dối anh em chưa có chồng  
Con ai em bế em bồng trên tay?*

*Anh có vợ rồi anh nói dối rằng không,  
Có nên chăng để thiếp còn đi lấy chồng.*

Nói dối, đứng về cái nhìn thiên quán của nhà Phật. Có vị Thiền sư ghi lời Phật dạy, đại ý: Vạn pháp (mọi vật, mọi sự việc ...) do nhân duyên tạo thành. Cái này có mặt vì cái kia có mặt, cái này vắng mặt vì cái kia vắng mặt, cái này ẩn diệt vì cái kia ẩn diệt. Vạn vật hay mọi sự việc xảy ra trên đời như một mạng lưới nhân duyên chằng chịt. Vì nương vào nhau nên mọi vật mới có thể có mặt và trong *cái một có cái tất cả và trong cái tất cả không thể không có mặt của cái một*.

Tôi nói vòng vo theo vị Thiền sư như thế để muốn chứng minh cho các anh thấy "nói dối" cũng nằm trong cái định luật nhân duyên, nghĩa là "nói dối" được phát sinh bởi sự tập hợp của những cái "không nói dối". Chẳng hạn như khi tôi đi chơi với cô hàng xóm bị vợ bắt gặp, "nói dối" được phát sinh. Sự "nói dối" này phát sinh bởi các nguyên tố "không nói dối" đó là vợ tôi với cô hàng xóm. Và cái "duyên khởi" để tạo thành "nói dối" nơi tôi là do họ lại gặp phải nhau trong tình huống ấy.

Nói dối quá đà thành chối, thành thề. Tôi sẽ thề với vợ như anh sắm thề:

*Thề rằng sắm chẳng thấy gì,  
Sắm mà nói dối sắm thì cũng điui. (sắm là thầy bói mù)*  
(Ca dao).

Sau khi tôi chối tôi thề, vợ tin, "nói dối" bị huỷ diệt.

Cứ theo thuyết nhà Phật như thế và nếu các anh chấp nhận "nói dối" *không có tự tánh* vì không thể tự có và tự đứng một mình được thì chắc chắn các anh không còn trách tôi tại sao hay nói dối các anh. Không có các anh thì đã không có "nói dối" nơi tôi. Cười. Và có khi các anh lại tự trách mình là đấng khác, và cũng có khi các anh thấy tôi nói dối các anh lại là một điều cần thiết và đáng yêu nữa, đáng yêu như Cuội và chị Hằng trên cung trăng vậy.

Các anh cười với tôi khi tôi nói dối là các anh đang thực tập thiền quán về sự *hiểu biết* và *trung tâm* hỉ xả. Lúc nào các anh cũng *trung tâm* để cười như thế thì con đường đi tới Niết Bàn không còn xa nữa. Các anh phải cảm ơn tôi. Các anh đừng vội cho tôi là ngụy biện để chạy tội vì hay nói dối các anh đấy nhé. Đây là chuyện "nói dối" liên quan đến tài danh của Cuội.

Bây giờ ta trở lại thế giới của Cuội nhé.

Thế giới của Cuội là thế giới nào? Và Cuội là ai?

Cứ theo truyền thuyết được kể lại, Cuội là một anh nông dân trẻ tuổi, khoẻ mạnh, đẹp trai, con nhà nghèo, nghèo đến nỗi không nuôi nổi vợ đẹp. Một hôm Cuội ngồi bên bờ rừng than thở về số kiếp "nghèo mà ham" của mình. Bụt hiện ra, thương tình cho Cuội một cây đa đem về trồng, cứ lấy lá đa làm thuốc trị bá bệnh cho thiên hạ để kiếm tiền. Cây đa lớn như thổi theo ngày tháng và cũng chẳng mấy chốc Cuội trở nên giàu có. Cây đa này rất kỳ nước tiểu đàn bà và Cuội dặn vợ như thế. Rồi cũng một hôm, người vợ trẻ và xinh đẹp của Cuội tò mò vén váy làm thử những điều Cuội cấm. Vừa xong, trời đất rung chuyển, cây đa bật rễ bay lên. Cuội tiếc quá chạy tới ôm gốc đa giữ lại, không ngờ Cuội bị nhấc bổng bay thẳng lên cung trăng cùng với cây đa. Gặp Cuội, chị Hằng có bạn vui sướng quá nên không cho Cuội về. Việc trở về trần gian với cô vợ trẻ chỉ còn là giấc mơ của Cuội.

*Ánh trăng trắng ngà*

*Có cây đa to,*

*Có thằng Cuội già*

*Ôm một mối mơ.*

(bài hát)

Trong truyền thuyết vừa kể, tôi chẳng thấy Cuội nói dối chỗ nào, có chăng là Cuội chỉ nói dối chị Hằng. Nói dối chuyện gì thì chỉ có hai người ấy biết. Hai người làm chuyện gì trên đó thì chỉ có Trời biết. Thiên hạ đồn rằng Cuội hay nói dối, ấy cũng chẳng qua là chuyện "nghe qua nói lại" như **chuyện thị phi**, một thứ thị phi giống như tôi chịu hàm oan về sự việc tôi bị kết tội là hay nói dối các anh vậy. Này nhé, các anh hãy nghe sự thật về Cuội:

*Thằng Cuội ngồi gốc cây đa*

*Bỏ trâu ăn lúa gọi cha ời ời*

*Cha còn cắt cỏ trên trời*

*Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên*

*Ông thời cầm bút cầm nghiên*

*Ông thời cầm tiền đi chuộc lá đa.*

(Ca dao)

(Tôi chẳng biết cái lá đa nó quý cái gì mà các quan viên phải vác tiền đi chuộc mang về)

Các anh có thấy Cuội hiền không, chỉ lỡ để trâu ăn lúa mà đã gọi cha ời ời rồi. Cuội có dối và có chối chi ai. Cuội chỉ hiền lành ngồi dưới gốc cây đa ăn cơm với cá mà thôi.

*Thằng Cuội ngồi gốc cây đa*

*Ăn cơm với cá, ăn cà với dưa.*

(Ca dao)

Trong khi đó, với "cái văn chương hạ giới" (theo cụ Tản Đà là loại văn chương bán rẻ như bèo) cũng thường nhắc tới chị Hằng và Cuội theo cái thị phi loài người như đã nói ở trên, với bà Hồ Xuân Hương thì:

*Một trái trăng thu chín mồm mòm*

*Này vàng quế đỏ đỏ lòm lòm.*

*Giữa in chiếc bích khuôn còn méo,*

*Ngoài khép đôi cung cánh vẫn khòm.*



*Ghét mặt kẻ trần đua xói móc,  
 Ngứa gan thằng Cuội đứng lom khom.  
 Hỡi người bé quế, rằng ai đó,  
 Có chị Hằng Nga ghé mắt dòm.*  
 (Hồ Xuân Hương – Trăng Thu)

Hay với cụ Trần Tế Xương:

*Ta thấy người ta vẫn nói rằng,  
 Nói rằng thằng Cuội ở trong trăng.  
 Chứa ai chẳng chứa, chứa thằng Cuội,  
 Tôi góm gan cho ả chị Hằng.*  
 (Trần Tế Xương – Chị Hằng)

Và để rồi câu chuyện chị Hằng có con với Cuội đã trở thành nghi vấn, đàm tiếu:

*Trái mấy thu nay vẫn hầy còn,  
 Có sao khi khuyết lại khi tròn.  
 Hỏi thăm chú Cuội đã bao tuổi,<sup>(1)</sup>  
 Chớ chị Hằng Nga được mấy con?  
 Đêm thắm có chi soi gác tía?  
 Ngày xanh còn cứ thẹn vàng son.  
 Năm canh lơ lửng chờ ai đó?  
 Hay có tình chi với nước non.*  
 (Nguyễn Văn Siêu – Vấn Nguyệt)

Hay với ca dao:

*Tưởng rằng trăng chẳng nguyệt hoa  
 Sao trăng chứa Cuội trong nhà hờ trăng.*  
  
*Bắc thang lên hỏi ông trăng  
 Hỏi rằng chị Nguyệt đã từng mấy con.*

Ấy đấy, cái miệng thế gian nói về Cuội như thế chưa hết, lại cũng qua *ca dao* Cuội còn bị đem ra để người đời:

- Than thở khi xa nhau:

*Ai làm cho bến xa thuyền,  
 Cho trăng xa Cuội, bạn hiền xa nhau.  
 Cha mẹ sao chẳng nghĩ sâu,  
 Để thương để nhớ để sầu cho ta.*

- Trách móc nhau:

*Một trăng có mấy Cuội ngồi,  
 Một thuyền chở được mấy người tình chung.*

- Tán tỉnh nhau:

*Vợ chồng chung gối chung chăn,  
 Thằng Cuội làm bạn với trăng đêm ngày.*

- Và để chanh chua:

*Em là con gái nhà giàu,*

Mẹ cha thách cười ra màu sính cao.  
 Cười em trăm tám gắm đào,  
 Một trăm hòn ngọc, hai mươi tám ông sao trên trời.

...  
 Lá đa mặt nguyệt hôm rằm,  
 Răng nanh thẳng Cuội, râu hàm Thiên lôi.

Đề chấm dứt lá thư này tôi xin *ri tai* các anh rằng trên đất nước ta có một đám Cuội sinh đẻ ở làng Ngang:

Đầu làng Ngang có một chỗ lội,  
 Có đèn ông Cuội cao vọi vọi.  
 Đàn bà đến đây vén quần lên,  
 Chỗ thì đến háng, chỗ đến gối.  
 Ông Cuội ngồi trên mồm mép cười:  
 "Cái gì trắng trắng như con cúi?"  
 Đàn bà khép nép đứng liền thưa:  
 "Con trót hớ hênh, ông xá tội"  
 -"Thôi thôi con có tội chi mà,  
 Lại đây ông cho giống thẳng Cuội"  
 Từ đây làng Ngang đẻ ra người,  
 Đẻ ra rất những thẳng nói dối.

(Nguyễn Khuyển - *Chỗ lội làng Ngang*)

Và tôi cũng nghe nói "thâm cung" đẹp đẻ của chi Hằng đã bị khám phá khi có đoàn thám hiểm của loài người lên thăm chi. Họ chê Trăng chi có non mà không có nước nên họ lục tục kéo về mà không buồn quay trở lại. Cuội không kịp theo về nên những đêm trăng sáng, ta vẫn thấy Cuội ngồi buồn bên gốc cây đa mơ về cô vợ trẻ.

Ánh trăng trắng ngà,  
 Có cây đa to, có thẳng Cuội già  
 Ôm một mối mơ.

### Kết luận:

Nếu tôi trở thành Cuội như các anh nói thì tôi sẽ có thể nói dối với tất cả mọi người, chứ tôi đây, nhất định không bao giờ nói dối vợ. Tôi xin dơ tay trái mà thề như thế. Tôi không *nói dối* nhưng tôi sẽ *chối*.

Nghe thế, cô hàng xóm nhà tôi đứng nhìn tôi bịt miệng cười rồi ve vẩy bỏ đi. Như chợt nhớ lại điều gì, cô xoa bụng quay đầu nói với lại, tiếng nhẹ và sắc, rít qua kẽ răng chỉ đủ để tôi nghe: "Anh không là Cuội thì anh cũng là *nói láo, ba xạo, xạo ke, xạo chúa, dóc tổ ... anh đĩa quá mà*"<sup>(2)</sup>

Tôi nhìn cô mỉm cười và liên tưởng ngay tới những cơn mưa đầu mùa ở miền Nam, mưa chợt đổ xuống rất to nhưng lại tạnh rất mau. Kệ. ■

## Nguyễn Giø Hùng

### Ghi chú:

- (1) Có bản là: Hỏi con thỏ ngọc đã bao tuổi?
- (2) Những tiếng miền Nam chỉ về nói dối.

**Mời nghe**

[THẮNG CUÔI](#) - KYO YORK

<https://www.youtube.com/watch?v=UPUwE7svvx8>



## Thơ Hoàng-Tâm Hilton

### Mở mắt, nhắm mắt

*Thích Tánh Tuệ*

Có khi mở tròn xoe mắt  
Mà trong Tâm tối mịt mù.  
Có khi ngồi yên nhắm mắt  
Mà đèn tâm vụt sáng trung.

Nhiều khi đôi mi khép lại  
Còn Tâm đi chợ ngoài tê.  
Mở to mắt nhìn thực tại  
Đẹp thay, chiếc lá Bồ Đề!

- Đôi khi ta cần nhắm mắt  
Trước bao cám dỗ cuộc đời.  
Sau lưng đóa hồng tươi thắm  
Một bầy gai nhọn người ơi!..

- Đôi khi cần nên mở mắt  
Rõ ràng nhịp bước bàn chân.  
" Cửa sổ tâm hồn " trải rộng  
Rồi thương nỗi khổ tha nhân ...

Mỗi ngày ta nên nhắm mắt  
Nhìn lại một ngày đã qua.  
Mình thử nhịp đời sâu sắc  
Hay là sống vội, qua loa ...

Từng ngày ta nên " mở mắt "  
Nhìn cho rõ mặt người thương.  
Mẹ ơi, tóc chiều đã bạc  
Biết đâu.. mai nhớ vô thường ...

Đêm sâu vào miền tĩnh lặng  
Nhắm mắt làm cuộc hội thân.  
Để mai xuôi đời cơn áo  
Hiểu rằng mọi thứ ... phù vân ...

Lắm khi hằng nên mở mắt

### Eyes Open and Close

*Translation by Hoang-Tam Hilton*

Sometimes our eyes are wide open  
But the mind is in the dark  
Sometimes we sit still with eyes closed  
Yet the mind shines bright like a spark.

Many times our eyelids are closed  
While the mind wanders here and there  
When we open our eyes to the present  
How beautiful everything looks!

Sometimes our eyes should close  
Before life's many distractions  
Behind the beautiful rose:  
A host of sharp thorns, my dear!

Sometimes our eyes should open  
To the rhythm of our foot stepping  
To widen the window of our soul  
And feel compassionate toward others' suffering.

Let's close our eyes each day  
To look back at the time just passed  
Did we live deeply in a mindful way?  
Or rush through life mindlessly?

We should open our eyes each day  
To look at our loved ones clearly  
Oh Mother, your hair's turning gray  
Who knows, tomorrow may be impermanent.

In the deep night of tranquility  
Let's close our eyes and meditate  
To realize that all things are ephemeral  
When we go back to work the next day

Oftentimes we should open our eyes

Đề thâm thía đời bề dâu.  
 Đàng sau còn gì để lại  
 Hay là..." sỏi đá.. cần nhau ..."?

" Mở mắt " để rồi " nhắm mắt "  
 Có gì thực " của Ta " đâu!  
 Kia, bóng chiều rơi khuất núi  
 Nghìn thu.. bụi cũng qua cầu... ■

(Bodhgaya rằm thượng nguyên 2013)

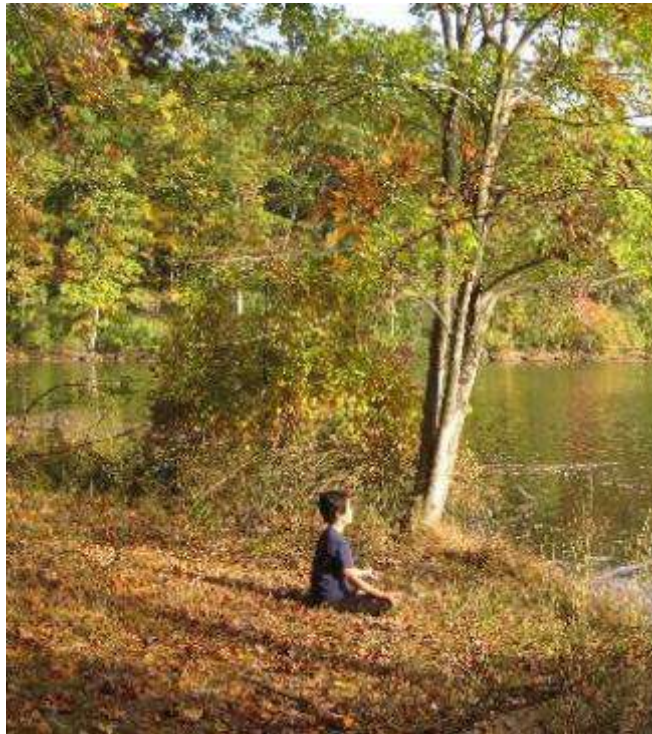
***Hoàng-Tâm Hilton***

To deeply understand the changes in life  
 What can be left behind?  
 Do pebbles and stones really need each other?

Our eyes open, then close  
 Nothing is truly ours  
 Look yonder, evening falls over the mountain.  
 Dust, too, flies over the bridge for thousands of years.  
 ■

(Gaithersburg, MD, 2022)

***Hoàng-Tâm Hilton***



***Hoàng-Tâm Hilton***

[Trở về mục lục](#)



## Thơ Sóng Việt Đàm Giang

### Tâm Sự với Đêm Trăng

(Thơ thể Hát Nói)

Trăng thảng bầy lung linh sáng tỏ  
Lòng buồn rầu biết ngỏ cùng ai  
Nỗi niềm riêng còn đọng chưa phai  
Lòng vương vấn chỉ ngoai đi chút đỉnh.  
Lần quần mình ta đây muốn chinh  
Lạnh quanh tứ phía vẫn một thân  
Bầu tâm sự nay vẫn kể Hằng Nga  
Trao thông cảm Nguyệt xa cười tủm tỉm.  
Tiên cảnh Bồng lai neo bịn rịn  
Cảm ân reo rắc tận cõi trần.  
Lâng lâng hồn nhẹ như vân! ■

*Sóng Việt Đàm Giang*



## Thơ Phạm Xuân Lương

### THƠ GỬI BỐ

( Kính dâng Bố nhân ngày Father's Day và xin gửi đến tất cả những người cha trên thế giới)

Con tìm mãi, lời vụng về, thiếu nghĩa  
Và cũng không đủ ý của lòng con  
Để nói lên niềm yêu kính trong hồn  
Ngày của Bố. Viết bài thơ tặng Bố

Bao kỷ niệm của ngày con tuổi nhỏ  
Bỗng rộn ràng sống lại, rất thiêng liêng  
Con nhớ thiết tha đôi cánh tay hiền  
Mà Bố đã che đời con gió bão...

Trong mắt bố là chứa chan hoài bảo  
Là tràn đầy hãnh diện lúc nhìn con  
Là yêu thương sâu thẳm tự tâm hồn  
Là thông cảm, là hy sinh, tha thứ

Bố là mái, che đời con mưa lũ  
Bố là tường ngăn nắng gió tuyết sương  
Bố là nền, là sức sống thái dương  
Là tất cả cho con thành khôn lớn

Có lắm lúc biển gầm đời sóng cuộn  
Bố vững tay chèo lái đến bình yên  
Những lúc cô đơn đối diện muộn phiền  
Vẫn đứng thẳng, Bố kiên cường phấn đấu

Bố của con! Bố muôn đời yêu dấu!  
Bố muôn đời vàng vạc tấm gương trong  
Công Bố Thái Sơn, con khắc ghi lòng  
Và mong được đáp đền trong muôn một

Cảm ơn Bố : một tình yêu vô lượng  
Con: tàu đêm, cần lắm những vì sao!  
Bố của con ơi! Thương Bố dạt dào!!! ■

*Ngô Minh Hằng*

[Trở về mục lục](#)

### A MESSAGE TO MY FATHER

*In loving memory of my father  
Also dedicated to all the fathers in the world on Father's Day*

*Dear Daddy,  
I've done my best to look for ideas and words.  
Yet I feel too awkward to find enough nicest ideas and words  
To express my inmost respect and love  
In a verse dedicated to you on Father's Day.  
Countless sacred childhood recollections  
Have suddenly revived in my mind.  
I fondly miss your tender arms  
Giving my stormy life protections.  
In your eyes are embedded so much hope,  
So much pride when you watch your child,  
So much love deep in your soul's willingness,  
So much pity, sacrifice and forgiveness.  
You're a roof sheltering me from showers and floods.  
You're a wall blocking the sun, snow, fog and whirlwind.  
You're a solid foundation stone. You're the solar intensity.  
You're all that has offered me wisdom and maturity.  
In times of roaring oceans and crushing billows,  
You've firmly steered the boat to safety.  
In times of loneliness, sorrow and adversity,  
You've stood straight to struggle with indomitable valor.  
Dear Daddy, you're my eternally beloved father.  
You've set a bright example for me forever.  
Your merits are as lofty as the mighty Everest.  
I'll carve in me and reward them at my best.  
Thank you, Daddy. For me you're boundless compassion.  
I'm a boat sailing by night. I greatly need the stars' guidance.  
Oh, my beloved father! For you is my fathomless love!*

(From **54 Bài Thơ Tình Việt Nam, 54 Vietnamese Love Poems**, 2007, pp.135,137)

Translated from **Thơ Gửi Bố** (composed by **Ngô Minh Hằng**) by **Lee Pham, Ed.D.** (aka **Phạm Xuân Lương**)

## Thơ Nguyễn thị Mắt Nâu

### MÀU NẮNG TRONG LÂU ĐÀI CỔ

Lâu đài cổ bên thềm loang lỗ chỗ  
Giọt nắng tàn đang đổ giắc kiêu sa  
Những đóm tròn kia như những cánh hoa  
Đang nhún nhảy tựa thiên hà đầy dụa

Trong màu nắng ngọt ngào như tấm lụa  
Không gian mềm nhẹ lướt lạng lờ trôi  
Chắp hai tay hướng thẳng lên trời  
Lâu đài cổ bỗng lung linh huyền ảo

Màu nắng ấy đã dường như một dạo  
Vũ khúc nghệ thường trong một lần vui  
Giọt nắng thiên thu sao xuyên bởi hồi  
Và lần ấy chẳng bao giờ quên được

Một chút hoang vu vật vờ trong tâm tưởng  
Một chút lụi tàn pha lẫn buồn thương  
Dòng thời gian lỡ nhịp chán chường  
Ôi màu nắng còn vương lâu đài cổ

Bây giờ chúng trong veo tìm bến đỗ  
Những đóm mịn màng óng ánh cười tươi  
Mây phương xa ngơ ngẩn ở lưng trời  
Bên thềm vắng hoang liêu cách biệt

Thế giới bên ngoài xa xăm hết biết  
Sắc nắng vàng bi thiết tựa ma trơi  
Cánh hoa tàn lả tả buông rơi  
Từng cánh nhỏ rã rời xoay quanh lâu đài cổ

Đây là đâu mà có tiếng chim làm tổ  
Có phải là sinh khí của hồn tôi. ■

**Nguyễn thị Mắt Nâu**

9/2016

[Trở về mục lục](#)

### Bây giờ tháng mấy

Bây giờ tháng mấy sao còn nắng  
Màu nắng chói chan suốt buổi chiều  
Cái màu hoang dại cô liêu  
Để lòng ngơ ngẩn những điều không đâu

Nắng chơ vơ, nắng gợi sầu  
Nỗi sầu cô quạnh từ đâu tràn về  
Chân trời xa vắng đê mê  
Chân mây chìm thấp nào nề làm sao

Vật vờ quá khứ lao xao  
Nắng tung bụi phấn xạc xào trong cây  
Lang thang ong bướm một bày  
Vây quanh gốc huệ, cánh bay nhẹ nhàng

Gió vờn hoa Lựu đỏ như vang  
Con Ong cong cánh điệu dàng hút hoa.  
Có nàng bướm trắng lượn xa  
Bay cao rồi thấp là đà rồi đi

Hôm nay ngày mấy, hôm gì  
Bây giờ tháng mấy - nắng thì chói chan ■

**Nguyễn thị Mắt Nâu**

Jan 2015

## Thơ Nguyễn ngọc Hà



Hình ảnh được lấy từ Internet

*Combien d'entre nous ont regardé, avec tristesse  
et regret,  
notre vie défiler devant nos yeux,  
à travers l'image des quatre saisons de l'univers.*

### ***Les quatre saisons de la vie***

*Bleu d'azur  
Comme le printemps de ma vie  
Sous le ciel pur  
De mon enfance chérie*

*Có biết bao người trong chúng ta, qua hình ảnh  
của bốn mùa trong vũ trụ, ã nhìn cuộc ãi mình ãi  
qua trước mắt, trong niềm luyến tiếc ngậm ngùi.*

### ***Bốn Mùa của cuộc đời***

*Màu xanh da trời  
Như mùa xuân của ãi tôi  
Dưới bầu trời trong sáng  
Của thời thơ ấu ãu yêu*

*L'éclat doré  
D'un bel été  
Réussite des années  
Couronnées de succès*

\*

*Mais aussi orages d'été  
Semés d'éclairs foudroyants  
C'est le temps de l'effort enduré  
Pour émerger de l'ombre envahissante*

\*

*Feuilles d'automne chassées par le vent  
Sous nos pas soupirant et gémissant  
C'est le temps des romances, saison favorite des amants*

*Quand deux cœurs se confondent dans le frisson d'un  
doux et tendre sentiment*

\*

*L'hiver avec son manteau immaculé  
Annonce le déclin de la vie avec ses regrets murmurés  
Souvenir d'un bonheur écoulé  
Comme l'écho des jours enchantés. ■*

*Tr. Nguyễn ngọc Hà*

\*

*Ánh vàng sáng chói  
Của một mùa hè rực rỡ  
Đánh dấu những năm công thành danh toại  
Huy hoàng và thắng lợi*

\*

*Nhưng cũng là giông tố của mùa hè  
Với những sấm sét kinh hoàng rải rác khắp nơi  
Thời kỳ của sự cố gắng chịu ãng  
Để ngoi lên khỏi bóng tối bao trùm*

\*

*Những chiếc lá mùa thu chạy trốn cơn gió ãuổi  
Như thở dài và rên siết dưới bước chân ta*

*Trở về mục lục Thời gian thích hợp cho  
những cuộc tình lãng mạn  
Mùa mà  
tình nhân yêu thích nhất  
Khi ãôi tim cùng hòa nhịp trong niềm rung cảm  
âu yếm và dịu dàng*

\*

*Đông ãén với chiếc áo khoác trắng tinh  
Báo hiệu ngày tàn của cuộc ãời với những nuôi  
tiếc thì thâm  
Kỷ niệm hạnh phúc ãã qua  
Như dư âm của những ngày thần tiên tuyệt vời. ■*

*Tr. Nguyễn ngọc Hà*





*Không phải cái gì cũ cũng nên vứt bỏ.  
 Có người thích sưu tầm những món  
 đồ cổ quý giá, và cũng có người luôn giữ  
 bên mình những kỷ vật rất tâm thường như  
 những bức thư cũ kỹ, vàng ủa, và nhàu nát, vì  
 đó là một phần đời không thể thiếu của mình.*

### **Thư của Mẹ**



*Thư của mẹ giờ đây đã cũ  
 Vàng với thời gian, chữ nhạt nhòa  
 Từng lời từng ý con ấp ủ  
 Gói ghém niềm thương nhớ đậm đà*

\*

*Đêm trường thức suốt sáng tình sương  
 Ngón ngang tâm sự mãi còn vương  
 Xuân về mấy độ mai vàng nở  
 Mong ngóng tin con mắt đã mờ*

\*

*Đọc đi đọc lại từng dò chữ  
 Hình bóng Người ẩn hiện trong thư  
 Vóc dáng hao gầy thương biết mấy  
 Tóc mẹ giờ đã trắng như mây*

\*

*Thư màu lá ủa con trân quý  
 Kỷ vật cả đời mãi theo con  
 Nét viết cong cong thật tỉ mỉ*

*Mẹ thức thâu canh nấn cho tròn*

\*

*Nước mắt con tưới lên thư mẹ  
Tiếng gọi thì thầm mẹ có nghe?  
Dòng chữ thân thương rưng rưng nhớ  
Mẹ vẫn thường về trong giấc mơ. ■*

*Đ. Nguyễn Ngọc Hà*

## Thơ Tâm Minh Ngô Tăng Giao



### Adieu Mon Pays

J'ai quitté mon pays  
 J'ai quitté ma maison  
 Ma vie ma triste vie  
 Se traîne sans raison  
 J'ai quitté mon soleil  
 J'ai quitté ma mer bleue  
 Leurs souvenirs se réveillent  
 Bien après mon adieu  
 Soleil ! soleil de mon pays perdu  
 Des villes blanches que j'aimais  
 Des filles que j'ai jadis connu  
 J'ai quitté une amie  
 Je vois encore ses yeux  
 Ses yeux mouillés de pluie  
 De la pluie de l'adieu  
 Je revois son sourire  
 Si près de mon visage  
 Il faisait resplendir  
 Les soirs de mon village  
 Mais, du bord du bateau  
 Qui m'éloignait du quai  
 Une chaîne dans l'eau  
 A claqué comme un fouet  
 J'ai longtemps regardé  
 Ses yeux bleus qui fouillent

### Vĩnh Biệt Quê Tôi

Tôi lìa xa đất nước rồi  
 Rồi căn nhà cũ một thời dẫu yêu  
 Đời tôi héo hắt đi nhiều  
 Không còn lẽ sống, sớm chiều dẫu trôi.  
 Vàng dương đẹp, biển xanh tươi  
 Tôi đi bỏ lại cuối trời khuất xa  
 Bao nhiêu kỷ niệm thiết tha  
 Giờ đây trời dậy thặng hoa tâm hồn  
 Mặt trời quê cũ ửng hồng  
 Xóm làng, phố thị tôi từng vấn vương  
 Thân quen bao dáng kiêu nương  
 Tôi đi bỏ lại người thương vô vàn  
 Tôi còn như thấy mắt nàng  
 Long lanh giọt lệ hòa làn mưa rơi  
 Lệ mưa chia cách lừa đời  
 Tôi như thấy lại nụ cười đáng yêu  
 Kề mặt tôi thật mỹ miều  
 Gọi cho tôi nhớ những chiều làng xưa  
 Giờ trên tàu chạy xa bờ  
 Đưa tôi lìa chốn quê nhà nổi trôi  
 Sóng hần mặt nước như roi  
 Quất vào khung cảnh chia phôi dằng sâu  
 Tôi nhìn mãi phía đuôi tàu  
 Khắc ghi đôi mắt biếc màu người thương  
 Khuất chìm dưới sóng đại dương

La mer les a noyé  
Dans le flot du regret. ■

**by Enrico Macias**

*Bềnh bồng tiếc nuối, thê lương cõi lòng. ■*

**Tâm Minh Ngô Tằng Giao**

*(chuyển ngữ 11-2010)*

## Thơ Kim Oanh

### Cầu Ô Thước



Tháng Bảy duyên bắt nhịp cầu  
 Xuyên sao cùng ngắm hai đầu nhớ mong  
 Dù cho trời nổi cơn giông  
 Chiếc cầu Ô Thước đôi lòng vẫn giao  
 Mưa rơi thấm đậm tình trao  
 Chung tim hoà nhịp nói sao cho vừa  
 Xin trời tháng Bảy mãi mưa  
 Ngưu Lang Chức Nữ vẫn chưa muốn rời

**Kim Oanh**

### Hương Xưa Nắng Chiều

Lặng nghe tiếng cuộc gọi chiều  
 Lòng sầu trăm mối quạnh hiu cõi lòng  
 Quê người kiếp sống bèo bồng  
 Lang thang lưu lạc phai hồng sắc hoa  
 Trời đông lạnh buốt sương sa  
 Đêm vương vãi bóng trăng tà vụt bay  
 Giác mơ hoa mộng hao gầy  
 Chỉ là tơ tưởng trong tay cùng người  
 Thời gian nước chảy dòng trôi  
 Cánh hoa thời loạn nét vui chỉ là...  
 Nụ cười che dấu lệ sa  
 Ai hay ai biết tình ta một chiều  
 Bên người hạnh phúc thật nhiều  
 Riêng đây phận bạc lắm điều vỡ toan  
 Cầu mong mộng ước con con  
 Gió mây tri kỷ tâm hồn vi vu  
 Quyện nhau khắp nẻo trời mù  
 Đồng hành dấu phải phiêu du nào nùng  
 Vượt qua trở ngại trùng trùng  
 Lướt bao đồi núi chuyển dòng nhân gian  
 Tình yêu trắc trở dặm ngàn  
 Cõi riêng hạnh phúc tuổi vàng hương đưa  
 Muộn màng mây độ đúng mùa  
 Sắt son điểm nét xuân xưa nắng chiều

**Kim Oanh**

Melbourne 7.2021



## Thơ Hương Cau Cao Tân

<p><b>Chương 17 - Câu 1607 đến câu 1704</b>  <b>(Hoạn Thư bắt cóc Kiều</b>  <b>- Thúc Sinh tưởng Kiều đã chết)</b></p> <p>1607. Thưa nhà huyền hết mọi tình,  Nỗi chàng ở bạc nỗi mình chịu ãn.</p> <p>1609. Nghĩ rằng: Ngứa ghê hờn ghen,  Xấu chàng mà có ai khen chỉ mình!</p> <p>1611. Vậy nên ngảnh mặt làm thính,  Mưu cao vốn ã rắp ranh những ngày.</p> <p>1613. Lâm Truy ãường bộ tháng chầy,  Mà ãường hải ãạo sang ngay thì gần.</p> <p>1615. Dọn thuyền lựa mặt gia nhân,  Hãy ãem dây xích buộc chân nàng về.</p> <p>1617. Làm cho: cho mệt cho mê,  Làm cho ãau ãớn ã chề cho coi!</p> <p>1619. Trước cho ão ghét những người,  Sau cho ãế một trò cười về sau.</p> <p>1621. Phu nhân khen chúc rất ãu,  Chiều con mới dạy mặc ãu ra tay.</p> <p>1623. Sửa sang buồm gió lèo mây,  Khuyến ãng lại chọn một ãầy cõn quang.</p> <p>1625. Dặn dò hết các mọi ãường,  Thuận phong một lá vượt sang bến Tề.</p> <p>1627. Nàng tử chiếc bóng song the,  Đường kia nỗi ão như chia mỗi sãu.</p> <p>1629. Bóng ãâu ãã xẽ ngang ãâu,  Biết ãâu ãm lạnh, biết ãâu ngọt ãùi.</p> <p>1631. Tóc ãe ãã chãm ngang vai,  Nào lời non nước nào lời sắt son.</p> <p>1633. Sãn ãim chút phận cõn con,  Khuõn duyên biết có vuõng tròn cho chãng?</p> <p>1635. Thân sao nhiều nỗi bắt ãằng,  Liều như cung Quảng ã Hãng nghĩ sao?</p> <p>1637. ãem thu gió lọt song ãào,  Nũa vảnh trắng khuyết ba sao giữa trời.</p> <p>1639. Nén hương ãễn trước Phật ãài,  Nỗi lòng khãn chứa cạn lời vãn vãn.</p> <p>1641. Dưới hoa ãậy lũ ác nhân,  Ãm ãm khốc quý kinh thần mọc ra.</p> <p>1643. ãây sãn gươm tuốt sáng ão,  Thất kinh ãàng chứa biết là làm sao.</p> <p>1645. Thuốc mê ãâu ãã rưới vào,  Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì.</p> <p>1647. Vực ãgay lên ngựa tức thì,</p>	<p><b>Chapter 17 - Verse 1607 to verse 1704</b>  Translated into English by Hương Cau Cao Tân  (Hoạn Thư kidnapped Kiều - Thúc Sinh thought Kiều had died)</p> <p>1607. Hoạn Thư told her parents everything that was happening,  About his disloyalty and about how she had been suffering.</p> <p>1609. She said: "Scabies scratching or showing one's jealousy in action,  Both are not bringing praises yet staining my husband's reputation!</p> <p>1611. I should keep really quiet and try to turn my face sideway,  For deep scheme has been thought of and laid down for so many days.</p> <p>1613. Since it takes a month to reach Lâm Truy on roads,  But it does only a quick trip to go there using our boats.</p> <p>1615. I'll prepare the boat along with servants of the right types,  To bring her here bound in chains, which will serve her right.</p> <p>1617. To make and keep her always feel tired and dazed completely,  And to make them suffer deeply, incredibly and immensely!</p> <p>1619. Firstly, I'll make an example out of them for being such persons,  Secondly, I'll leave a laughing stock for many later generations."</p> <p>1621. Lady Hoạn, her mother, commended that the scheme was excellent,  To appease her daughter, she ordered the play to be in action.</p> <p>1623. Preparing tall sails for the boat to facilitate its fast sailing,  She sent Khuyến and ãng to head a group of servants for fighting.</p> <p>1625. Hoạn Thư instructed her servants about their mission carefully,  Their boat sailed with the wind to Tề's dock, Lâm Truy, so quickly.</p> <p>1627. Since Kiều was by herself in her private mansion,  She had been troubled by sorrowful matters in many portions.</p> <p>1629. The sun had set on the mulberry plants, her parents were aging,  Who then would care for their clothes and daily meal offerings?</p> <p>1631. Her hair, short from previous vowing, was now lining her shoulders  How could she fulfill the vows and the promises now, if ever?</p> <p>1633. Being a climbing plant, second wife, a meagre portion and place,  Would her life be as smooth as determined by heavenly fate?</p> <p>1635. Because her life had given her much trouble and many difficulties,  Would Hoạn Thư, the Moon Queen, conjure up any trick lately?</p> <p>1637. Feeling the autumn wind blowing through the window railings,  Seeing the three stars foretelling the bad coming by her doings,</p> <p>1639. Feeling afraid, Kiều prepared incense to burn for Buddha's revocation,  She was finishing praying her hearty words for revocation.</p> <p>1641. Suddenly a team of wicked persons appeared from under the flowers,  Shouting obscenities, even the angels and deities would be cowered.</p> <p>1643. They crowded the yard, with bright swords all over in brandishing,  Kiều was totally startled and did not know what was happening.</p> <p>1645. From somewhere onto her the anesthetic was sprinkling,  She became unconscious as if she was dreaming, knowing not a thing.</p> <p>1647. They then carried her out and put her on horseback immediately</p>
--	--

Phòng nào viện sách bốn bề lửa dong.	And they burned her boudoir down together with her precious library.
1649. Sẵn thầy vô chủ bên sông, Đem vào nế nó lộn sông ai hay?	1649. They brought in a drowned corpse picked up from the river, And left it there so who could tell if it was not her?
1651. Tôi nòi phách lạc hồn bay, Pha càn bụi cỏ gốc cây ẩn mình.	1651. Her servants were frightened and terrified to death all in all, Finding any place to hide, like tree stumps, as they could recall.
1653. Thúc ông nhà cũng gần quanh, Chợt trông ngọn lửa thất kinh rụng rời.	1653. Old Thúc, whose house was in the surrounding neighbour, Was terrified at the flames when he came rushing over.
1655. Tở thầy chạy thẳng nển nơi, Tới bởi tưới lửa tìm người lao xao.	1655. He and his servants went to the burning spot immediately, And they searched for survivors of the fire in a buzz so panickingly.
1657. Gió cao ngọn lửa càng cao, Tôi nòi tìm nử, nàng nào thấy nầu!	1657. The wind indifferently fueled the fire, making it so high They all tried their best, but Kiều was nowhere to find!
1659. Hắt hơ, hắt hải nhìn nhau, Giếng sâu bụi rậm, trước sau tìm quàng.	1659. They were searching, panic-stricken, for her in a great hurry, In deep wells, in the bushes, those were all searched indiscriminately.
1661. Chạy vào chốn cũ phòng hương, Trong tro thấy một nống xương cháy tàn.	1661. When they rushed into her old powder room where it used to be, All they found was a set of human skeleton burned completely.
1663. Tình ngay ai biết mưu gian, Hắn nàng thôi lại còn bàn rằng ai!	1663. Being honest people, not being aware about the plot so deceiving, They all thought that it had to be her corpse after burning!
1665. Thúc ông sùi sụt ngẩn dãi, Nghĩ con vắng vẻ thường người nết na.	1665. Old Thúc started crying and continued to do so incessantly, He reflected on his son's loneliness and on her who behaved virtuously.
1667. Di hài nhặt sắp về nhà, Nào là khâm liệm nào là tang trai.	1667. He collected all her bones and brought them home carefully To be enshrouded in the performance of her funeral ceremony.
1669. Lễ thường nã nử một hai, Lục trình chàng cũng nển nơi bấy giờ.	1669. When the normal ceremony had been done completely, Then Thúc Sinh, by road, just arrived home recently.
1671. Bước vào chốn cũ lâu xưa, Gio than một nống, nắng mưa bốn tường.	1671. He stepped into the place of the old tower of those days, A heap of ashes remained, where rains had washed four walls away.
1673. Sang nhà cha tới trung nử ởng, Linh sàng bài vị thờ nàng ở trên.	1673. When he came to his father's house main hall, in the centre, Her altar and tablet had been set up for the worshipping of her.
1675. Hời ôi hỏi hết sự duyên, Tở tình nứt ruột, lửa phiền cháy gan!	1675. Alas, when he inquired about everything that had been happening, He felt his stomach torn and his liver was like a fire that was burning.
1677. Gieo mình vật vã khóc than: "Con người thế ấy thác oan thế này.	1677. Thúc Sinh threw himself down, rolled over in his tearful crying: "Who could imagine such person would suffer such an unjust passing.
1679. Chắc rằng mai trúc lại vầy, Ai hay vĩnh quyết là ngày nũa nhau!"	1679. I had been certain that someday we would be united together, Who could guess that that day would be separation day forever!"
1681. Thương càng nghĩ, nghĩ càng nầu, Để ai rập thâm, quạt sấu cho khuây.	1681. More loving, more thinking, more thinking, more hurting, It was not easy to make his sorrow to be diminishing.
1683. Gần miền nghe có một thầy, Phi phù trí quý cao tay thông huyền.	1683. Then he heard that there was a medium in the region, Who could connect with the souls in their general communication.
1685. Trên tam nào, dưới cửu tuyền, Tìm nầu thì cũng biết tin rõ ràng.	1685. Whether they be in the Three Realms or Dead Land, He still could find them and totally connect with them then.
1687. Sắm sanh lễ vật nồn sang, Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.	1687. Thúc then prepared the necessary gifts and offerings For his asking for Kiều's presence in meeting and in talking.
1689. Đạo nhân phục trước tình nần, Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương.	1689. The priest kowtowed in front of the altar for a short time only, Falling into a trance and coming back while incense not burned fully.
1691. Trở về minh bạch nói tường: "Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng nũa tra.	1691. The priest then reported what he had learned clearly: "I have not seen her although I have investigated fully.
1693. Người này nặng kiếp oan gia, Còn nhiều nợ lắm sao nũa thoát cho!	1693. This person has a very difficult and heavy karma to bear, Having so many debts that it's difficult to escape from there!
	1695. Her life portion is now suffering under such a great danger,

1695. Mạnh cung ñang mắc nạn to, Một năm nữa mới thăm dò ñước tin.	That it takes another year to know anything about her.
1697. Hai bên giáp mặt chìn chìn, Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay!”	1697. Then even though you shall have a chance to meet her, Strangely, you two, despite your wanting, dare not see each other!”
1699. Điều ñâu nói lạ dường này, Sự ñàng ñã thể lời thầy dám tin!	1699. It sounded so strange about things the priest was talking, Yet it was said so firmly that Thúc was not sure of his believing!
1701. Chẳng qua ñồng cốt quàng xiên, Người ñâu mà lại thấy trên cõi trần?	1701. He thought that it was just a medium’s unfounded talking, Because how can one meet a dead person among the living?
1703. Tiếc hoa ñhững ngắm người xuân, Thân này để lại mấy lần gặp tiên.	1703. Remembering Kiêu, Thúc missed the moment of flower admiration, It was rare in life to have another chance for an angelic unification.
<b>Chương 18 - Câu 1705 ñến câu 1790</b> <b>(Kiêu ñánh ñàn cho Hoạn Thư nghe)</b>	<b>Chapter 18 - Verse 1705 to verse 1790</b> Translated into English by Hương Cau Cao Tân (Kiêu played the lute for Hoạn Thu)
1705. Nước trôi hoa rụng ñã yên, Hay ñâu ñĩa ngục ở miền nhân gian.	1705. Thúc was certain that Kiêu’s fate was finished, that her life was over, Little did he suspect that Hell did exist in this life, ever.
1707. Khuyến Ứng ñã ñất mưu gian, Vực ñàng ñưa xuống ñể an dưới thuyền.	1707. Khuyến, Ứng so far had completed their wicked plot somehow, They carried Kiêu to their boat to settle her there for now.
1709. Buồm cao lèo thẳng cánh suyền, Đề chững huyện Tích, băng miền vượt sang.	1709. They raised sails and sailed quickly and directly away, Heading towards Tích District and crossing the regions all the way.
1711. Đỡ ñò lên trước sảnh ñường, Khuyến Ứng hai ñửa nộp ñàng dâng công.	1711. Docking in front of the courtyard, they unloaded the boat’s contents, They carried Kiêu in to submit her as rewards per their commands.
1713. Vực ñàng tạm xuống môn phòng, Hãy còn thiêm thiếp giấc ñong chưa phai.	1713. They put her into a front cell beside the court temporarily, She was still unconscious, and was sleeping soundly.
1715. Hoàng lương chợt tỉnh hồn mai, Cửa nhà ñâu mất, lâu ñài nào ñây?	1715. Kiêu suddenly awoke from her morning’s deep slumber, Her home was already gone, which castle was she staying over?
1717. Bàng hoàng giờ tỉnh giờ say, Sảnh ñường màng tiếng ñời ngay lên hầu.	1717. Kiêu was still dazed, was in half sleepy half sober, From the court, an order was heard to summons her over.
1719. A hoàn liền xuống giục mau, Hải ñùng ñàng mới theo sau một người.	1719. Housemaids came rushing to urge Kiêu to come quickly, Terrified, she followed one, trying to comply with it accordingly.
1921. Ngược trông tòa rộng ñầy dài, Thiên Quan Chủng Tế có bài treo trên.	1721. Glancing up, she saw a large hall that was set in a long row, A tablet with words “Ministry of Heavenly Mandarin” was hung above.
1723. Bàn ñgay sấp thấp hai bên, Giữa giường thất bảo, ñồi trên một bà.	1723. Candles in two rows, in daytime, were lining and lighting, On a gold and pearl inlaid bed, a lady was seen sitting.
1725. Gạn gùng ngọn hỏi ñành tra, Sự ñàng ñã cũ mà gửi thưa.	1725. She was then interrogating Kiêu about many things and everything, Kiêu honestly told her life story to the lady without hiding anything.
1727. Bất tình nổi trận mây mưa, Dức rằng: “Ñhững giống bỏ thờ quen thân!	1727. The lady suddenly displayed a terrible fit of her anger, Shouting: “You are used to being dazed, being not sober!
1729. Con này chẳng phải thiện nhân, Chẳng phường trốn chủ, thì quân lộn chồng.	1729. This bitch obviously is not a good, wholesome person, If she is not a runaway, then surely a type who is switching husbands.
1731. Ra tuồng mèo mà gà ñồng, Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề ñào.	1731. She is like a graveyard cat or a field chicken, wandering everywhere, Never be able to live and settle with anybody anywhere.
1733. Ñã ñem mình bán cửa tao, Lại còn ñùng khinh làm cao thể này.	1733. She has been sold to my home as of this very day,

<p>1735. Nào là gia pháp nọ bay! Hãy cho ba chục biết tay một lần.”</p> <p>1737. A hoàn trên dưới dạ rân, Dấu rằng trăm miệng không phân lẽ nào.</p> <p>1739. Trúc côn ra sức đập vào, Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh.</p> <p>1741. Xót thay nào lý một cành, Một phen mưa gió tan tành một phen.</p> <p>1743. Hoa nô truyền dạy nổi tên, Buồng the dạy ép vào phiên thị ti.</p> <p>1745. Ra vào theo lũ thanh y, Dãi dầu tóc rối da chì quần bao.</p> <p>1747. Quần gia có một mục nào, Thấy người thấy nết ra vào mà thương.</p> <p>1749. Khi chè chén, khi thuốc thang, Đem lời phượng tiện mở nường hiếu sinh.</p> <p>1751. Dạy rằng: “May rùi ã ãnàh, Liều bõ mình giữ lấy mình cho hay.</p> <p>1753. Cũng là oan nghiệp chi ãây, Sa cơ mới nển thế này chẳng dưng.</p> <p>1755. Ở ãây tai vách mạch dưng, Thấy ai người cũ cũng ãừng nhìn chi.</p> <p>1757. Kèo khi sấm sét bất kỳ, Con ong cái kiến kêu gi ãi nước oan?”</p> <p>1759. Nàng càng giọt ngọc như chan, Nổi lòng luống những bàng hoàng niềm tây:</p> <p>1761. “Phong trần kiếp ãa chịu ãây, Lầm than lại có thứ này bằng hai.</p> <p>1763. Phận sao bạc chẳng vừa thôi, Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan.</p> <p>1765. ðã ãnàh túc trái tiền oan, Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi.”</p> <p>1767. Những là nường nấu qua thì, Tiểu thứ phải buổi mới về ãinh gia.</p> <p>1769. Mẹ con trò chuyện ãnà la, Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời:</p> <p>1771. “Tiểu thứ dưới trướng thiếu người, Cho về bên ấy theo ãòi ãâu trang.”</p> <p>1773. Lãnh lời nàng mới theo sang, Biết ãâu ãiạ ngục, thiên ãàng là ãâu.</p> <p>1775. Sớm khuya khăn mặt, lược ãâu, Phận con hầu giữ con hầu ãám sai.</p> <p>1777. Phải ãiêm êm à chiều trời, Trúc tở hoi nển nghề chơi mọi ngày. [28]</p> <p>1779. Lãnh lời nàng mới lựa ãây, Ni non thánh thót ãể say lòng người.</p> <p>1781. Tiểu thứ xem cũng thương tài, Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.</p> <p>1783. Cửa người ãây ãiạ chút ãân, Sớm ãg ãần bóng ãiêm ãn ãi lòng.</p>	<p>How dare she still acts in such this high and haughty way.</p> <p>1735. People! Let the family law be applied to this person, Thirty strikes by sticks, for once, is the proper punishment.”</p> <p>1737. All the housemaids shouted out their obedient reply in unison, Even with hundred mouths, Kiều could not do her explanation.</p> <p>1739. The servants were straining in their beating’s application, Which flesh that was not broken, which soul that was not frightened.</p> <p>1741. Pitying her, a branch of peach or plum flowers that was so fragile, Enduring the rains and winds, was broken into pieces in such a time.</p> <p>1743. “Hoa Nô, Servant,” was the name she was called and changed over, She was to serve as one of the Lady’s housemaid personal servers.</p> <p>1745. Kiều was to work together with the green uniformed servants And labour continuously without the time to care for her countenance.</p> <p>1747. In the mansion there was an old woman, a household overseer, Who, considering Kiều’s conduct and behaviour, had pity on her.</p> <p>1749. She consistently cared for Kiều in meals and in giving her medication, She gave Kiều advice to bring her out of potentially fatal depression.</p> <p>1751. She said to Kiều: “Even though fate has control completely, It’s our duty, as beauties, to care for ourselves and live wholeheartedly.</p> <p>1753. It must be some sort of karma, derived somehow from bad actions, For which that you have come to such unlucky and miserable situation.</p> <p>1755. Remember that in everywhere even walls have ears, If you see an old acquaintance, do not dare to recognize him here.</p> <p>1757. Lest when storms from nowhere might arise suddenly, How can you, an insignificant bee or ant, cry for justice accordingly?”</p> <p>1759. Listening to those, Kiều cried and sobbed incessantly, She contemplated the feelings in her heart, felt the stressful miseries:</p> <p>1761. “Fate has put me into a sorrowfully unwanted errant life, Having had been wretched, now suffering the wretchedness twice.</p> <p>1763. Such an unfortunate fate, such an immeasurably miserable destiny, That persistently binds to this poor wretched person of beauty.</p> <p>1765. If that is because of old debts to be requited from previous life, Enduring it will I be, be it right or wrong, until the end of my life!”</p> <p>1767. Kiều continued to live there just for the passing of time eventually Then was the day Hoạn Thù came back to visit her mother incidentally.</p> <p>1769. Mother and daughter were conversing deeply and gradually, Until Hoạn Lady called for Kiều to have her listened to these:</p> <p>1771. “Hoa servant, listen, young mistress is short of personal servants, You are now ordered to go and work for her in her mansion.”</p> <p>1773. Kiều then accompanied Hoạn Thù to go back, following the order, Without knowing which, Hell or Heaven, was in store for her.</p> <p>1775. She waited on Hoạn Thù with towels and combs, for day and night, Fulfilling a servant’s duty as a servant would, trying to keep it right.</p> <p>1777. In one night when the weather was mild, cool and bright, Young mistress asked Kiều about her musical talent that was so nice.</p> <p>1779. Obediently, she adjusted the strings and played a melody, Which, when sounded, softened others’ hearts easily and sweetly.</p> <p>1781. The young mistress then changed from hating into liking her, Her behaviour towards Kiều became somewhat stern no longer.</p> <p>1783. Since Kiều had been inside Hoan Thù’s house under oppression,</p>
--	--

<p>1785. Lâm Truy chút nghĩa nẻo bằng, Nước bèo nổi chữ tường phùng kiếp sau. 1787. Bốn phương mây trắng một màu, Trông vờ cổ quốc biết đâu là nhà.</p> <p>1789. Lần lần tháng trọn ngày qua, Nỗi gần nào biết nỗi xa thế này.</p>	<p>She shadow lamented in mornings, self-pleaded at nights in silence.</p> <p>1785. Missing the love she had in Lâm Truy, a relationship so fine, For a meeting again with Thúc Sinh, that had to wait until next life. 1787. The silvery clouds were covering the four directions over, Looking over, it was hard to know where home was for her.</p> <p>1789. Kiều endured the hardship as time was passing by slowly, She was aware of her own sorrow, but not other person's misery.</p>
<p><b>Chương 19 - Câu 1791 đến câu 1938</b> <b>(Kiều gặp lại Thúc Sinh - Kiều ở Quan Âm Các)</b></p>	<p><b>Chapter 19 - Verse 1791 to verse 1938</b> Translated into English by Hương Cao Cao Tân (Kiều met Thúc Sinh again - Kiều stayed at Tower of Goddess of Mercy)</p>
<p>1791. Lâm Truy từ thuở yên bay, Buồng không thương kẻ tháng ngày chiếc thân.</p>	<p>1791. Thúc Sinh stayed in Lâm Truy since the day Kiều was taken away, The empty room pitied the person's lonely living day after day.</p>
<p>1793. Mây ai trắng mới in ngần, Phần thừa hương cũ bội phần xót xa.</p>	<p>1793. Seeing the new moon reminded him of someone's eyebrows, Residue powder and scents increased his sorrow so much somehow.</p>
<p>1795. Sen tàn cúc lại nở hoa, Sâu dài ngày ngắn, nông nã sang xuân.</p>	<p>1795. Lotus were fading and withering, chrysanthemum were in blooming, Sorrow was long, days were short; winter was going and spring coming.</p>
<p>1797. Tìm đâu cho thấy cổ nhân? Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương.</p>	<p>1797. Where and how could he find Kiều, his old beautiful lover? He blamed on fate and slowly found solace for the missing of her.</p>
<p>1799. Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương, Nhớ quê chàng lại tìm nương thăm quê.</p>	<p>1799. His sorrow faded away, he then remembered and missed his family, Fulfilling the missing, Thúc went back to visit his home country.</p>
<p>1801. Tiểu thư nón cửa đã đề, Hàn huyền vừa cạn mọi bề gần xa.</p>	<p>1801. Hoạn Thư received her husband at the door, very much happily, They talked about everything and just finished the talking recently.</p>
<p>1803. Nhà hương cao cuốn bức là, Buồng trong truyền gọi nàng ra lay mừng.</p>	<p>1803. The curtain at Hoạn Thư's room was rolled up totally, From the inside room, she ordered Kiều to greet him formally.</p>
<p>1805. Bước ra một bước một dừng, Trông xa nàng nã tò chừng nẻo xa:</p>	<p>1805. Kiều stepped out, half firm half hesitant on the way, Looking ahead, she had already seen everything from far away:</p>
<p>1807. "Phải chăng nắng quáng nhen lò, Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc Sinh?"</p>	<p>1807. "Is it because of the sunrays or the glare of the lamp, Is it not Thúc Sinh sitting there; is it not him, the man?"</p>
<p>1809. Bây giờ tình mới rõ tình, Thôi thôi nã mắc vào vành chẳng sai.</p>	<p>1809. Now I just know and become aware about someone's wicked mind, Only after I have fallen into and been in her trap all the time.</p>
<p>1811. Chước nãu có chước lạ nời? Người nãu mà lại có người tình ma?</p>	<p>1811. How could there be such a strangely deep wicked scheme, Created by such cunningness and craftiness that no one can dream?</p>
<p>1813. Rõ ràng thật lửa nôi ta, Làm ra con ở chúa nhà nôi nời.</p>	<p>1813. We were then a couple, who were happy in pleasant unification, Now we are divided as master and servant, forever in separation.</p>
<p>1815. Bề ngoài thơn thớt nói cười, Mà trong nham hiểm giết người không dao.</p>	<p>1815. Imagine that she always smiles and talks nicely on the outside, But her heart inside is ready to kill people without using a knife.</p>
<p>1817. Bây giờ nất thấp trời cao, Ăn làm sao, nói làm sao, bây giờ?"</p>	<p>1817. Now he is as high as the sky, while I am as low as the ground, How can we relate to, how can we converse with each other now?"</p>
<p>1819. Càng trông mặt càng ngẩn ngơ, Ruột tằm nôi nãu như tơ rối bời.</p>	<p>1819. With more looking, came more feeling dazed gazing at each other, Their hearts were like a bundle of silk cords entangled all over.</p>
<p>1821. Sợ uy dám chẳng vâng lời, Cúi nãu nép xuống sân mai một chiều.</p>	<p>1821. Being afraid of Hoạn Thư, Kiều did not dare to disobey her order, She greeted Sinh, leaning on the ochna and bending her head over.</p>
<p>1823. Sinh nãu phách lạc hồn siêu: "Thương ơi chẳng phải nàng Kiều ở nãu?"</p>	<p>1823. Sinh was frightened out of his wits and his senses at the moment, "Alas! Pity me! Is that not Kiều who is here and is beyond recognition?"</p>
<p>1825. Nhân làm sao nẽn thế này? Thôi thôi ta nãu mắc tay ai rồi!"</p>	<p>1825. How could things have happened this badly and tragically? Oh no, oh no, I have fallen into her trap totally and miserably!"</p>
<p>1827. Sợ quen dám hở ra lời, Không ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.</p>	<p>1827. He had to keep quiet lest Hoạn Thư might become aware, But he could not prevent the tears from falling down in there.</p>
<p>1829. Tiểu thư trông mặt hỏi tra:</p>	



<p>"Mới về có việc chi mà ã động dung?" 1831. Sinh rằng; "Hiếu phục vừa xong, Suy lòng "trắc đĩ", ãu lòng "chung thiên".</p> <p>1833. Khen rằng: "Hiếu tử ã nên! Tấy trần mượn chén giải phiền ãm thu." 1835. Vợ chồng chén tạc, chén thù, Bắt nằng ãng chực tri hồ hai nơi.</p> <p>1837. Bắt khoan bắt ãt ãn lờ, Bắt qui tặn mặt bắt mõi tặn tay. 1839. Sinh càng như đại như ãng, Giọt dài giọt ngắn chén ãy chén với.</p> <p>1841. Ngảnh ãi chột nói chột cười, Cáo say chàng ãi giãm bài lãng ra. 1843. Tiểu thư vợi thét: "Con Hoa! Khuyên chàng chẳng cặn thì ta có ãn." 1845. Sinh càng nát ruột tan hồn, Chén mõi phải ãm bỏ hồn rão ngay. 1847. Tiểu thư cười, nói, tinh, say, Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.</p> <p>1849. Rãng: "Hoa ã ãu mõi tài, Bãn ãn thử đạo một bài chàng nghe." 1851. Nằng ãa than hoãn tê mê, Vãng lờ ra trước bình the vãn ãn.</p> <p>1853. Bãn dây như khóc như than, Khiẽn người trên tiệc cũng tan nát lòng. 1855. Cùng chung một tiếng tở ãng, Người ngoài cười ã, người trong khóc ãm.</p> <p>1857. Giọt châu lã chã khõn cãm, Cúi ãu chàng ãng gạt ãm giọt sũng. 1859. Tiểu thư lại thét lấy nằng: "Cuộc vui gày khúc ãoạn trường ãy chi?"</p> <p>1861. Sao chẳng biết ý tứ gì? Cho chàng buồn bã tội thì tại người." 1863. Sinh càng ãm thiết bồi hồi, Vợi vãng gũng nói gũng cười cho qua. 1865. Giọt rõng canh ã ãi ãm ba, Tiểu thư nhìn mặt ãng ãa can tâm. 1867. Lòng riẽng khãp khởi mũng ãm: Vui này ã ã ãu ãm xưa nay.</p> <p>1869. Sinh thì gan hẽo ruột ãy, Nõi lòng càng ãng càng cay ãng lòng. 1871. Người vào chung gõi loan phòng, Nằng ra tựa bóng ãn giõng canh dài.</p> <p>1873. Bãy giờ mới rõ tâm hơi, Máu ghen ãu có lạ ãi nhà ghen! 1875. Chũc ãu rẽ thúy chia uyẽn, Ai ra ãũng ãy, ai nhìn ãũc ai.</p> <p>1877. Bãy giờ một vực một trời, Hết ãi khinh trọng, hết lờ thị phi. 1879. Nhẽ như bãc, nặng như chì,</p>	<p>1829. Mistress Hoãn scrutinized his face and asked interrogatively, "You just came back, what has touched your heart so deeply?" 1831. Sinh said: "I just finished the period of mourning my parents, Mourning is temporary, but missing is forever in continuation." 1833. Hoãn Thứ praised: "Good for you! A dutiful and pious son, Let's have an autumn welcoming feast in order to have some fun." 1835. The couple was drinking abundantly, offering wine to each other, She ordered Kiẽu to serve drinks for both of them, from one to another. 1837. Hoãn Thứ now told her to rush up, then to slow down, Forcing her to kneel close by and handing him all the rounds. 1839. Sinh became more stupefied, more numbed as he was taking in, He drank crying, caring not whether the drinks were half filled in. 1841. Turning his face away and pretending being half drunk, half dazed, He claimed being drunk in his attempt to sneak away. 1843. Hoãn Thứ quickly yelled: "Servant Hoa, you, listen carefully, If you cannot make him drink up, then suffering you would be!" 1845. Sinh felt more broken-hearted, and his soul was more dazed Suppressing his feelings, he finished the inviting drinks right away. 1847. Mistress Hoãn was now talking, now smiling, half drunk, and half sober. She suggested a game playing while the drinking was not yet over. 1849. She said: "Servant Hoa possesses many excellent talents, She now can play a song for you to enjoy and to listen!" 1851. Kiẽu, dead to the world, was shaking and feeling very much giddy, She went in front of the silk divider and tuned the lute obediently. 1853. Her lute's four strings sounded like they were crying and lamenting, That made the person sitting high above felt very much like suffering. 1855. Why, when listening to the same sounds made by the lute's strings, One was smiling coolly, yet the other was quietly and internally crying. 1857. Unable to hold the tears from continuous falling, Thúc Sinh stealthily wiped them out while his head was bending. 1859. Mistress Hoãn then scolded and yelled at Kiẽu unreasonably: "This is a merry time, why playing such a melody of misery, 1861. Why do you not pay attention closely to anything? If he is feeling sad, then the guilt is all from your doings!" 1863. Sinh became more and more heart-rending and fretty, He quickly tried to smile and talk just to pass the time quickly. 1865. The dragon head droplets from the clock showed midnight already, Scrutinizing their faces, Hoãn Thứ felt the satisfaction partly. 1867. She started feeling a childish joy that can be felt only in privacy, "This joy is compensating for the quiet sufferings I have felt lately!" 1869. Thúc Sinh, on the other hand, felt bitterness and resentment, The more he thought, the more his resentment came in succession. 1871. Thúc Sinh and Hoãn Thứ went to the room they shared together, Kiẽu, sitting beside the lamp, waited for the long night to pass over. 1873. She thought: "Now it has been shown totally and clearly, It's incredible there is such a heart of so intense jealousy!" 1875. With such moves to make a happy couple no longer be together, To part them away so they can never be able to see each other. 1877. Now there is a world of difference, a chasm between us, No more distinguishing the differences, no more raising the fuss.</p>
--	--

<p>Gỡ cho ra nữa, còn gì là duyên?</p> <p>1881. Lỡ làng chút phận thuyền duyên, Bể sâu sóng cả, có tuyến nước vay?</p> <p>1883. Một mình âm i nệm chày, Đĩa dầu vơi, nước mắt này, năm canh.</p> <p>1885. Sớm trưa hầu hạ này doanh, Tiểu thư chạm mặt nề tình hỏi tra.</p> <p>1887. Lựa lời nàng mới thưa qua: "Phải khi mình lại xót xa nỗi mình."</p> <p>1889. Tiểu thư hỏi lại Thúc Sinh: "Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao!"</p> <p>1891. Sinh ãa ruột rất như bào, Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng ãang!</p> <p>1893. Những e lại lụy nhen nàng, Đánh liều mới sẽ lựa nường hỏi tra.</p> <p>1895. Cúi ãầu quỳ trước sân hoa, Thân cung nàng mới ãng qua một tờ.</p> <p>1897. Diện tiền trình với Tiểu thư, Thoạt xem ãường có ãng ãng chút tình.</p> <p>1899. Liên tay trao lại Thúc Sinh, Rãg: "Tài ãen trọng mà tình ãen thương!"</p> <p>1901. Ví ãhng có số giàu sang, Giá này ãầu nức nhà vàng cũng ãen!</p> <p>1903. Bể ãn chìm nổi thuyền duyên, Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ ãời!"</p> <p>1905. Sinh rãg: "Thật có như lời, Hồng nhan bạc mệnh một người nào vay!</p> <p>1907. Nghìn xưa âu cũng thế này, Tủ bi âu liệu bớt tay mới vừa."</p> <p>1909. Tiểu thư rãg: "Ý trong tờ, Rãp ãem mệnh bạc xin nhờ cửa Không.</p> <p>1911. Thời thì thời cũng chiều lòng, Cũng cho cho ãghi trong vòng bước ra.</p> <p>1913. Sãn Quan Âm các vườn ta, Có cây trăm thuốc, có hoa bốn mùa.</p> <p>1915. Có thảo thụ, có sơn hồ, Cho ãng ra ãó giữ chùa chép kinh."</p> <p>1917. Tầng tầng trời mới bình minh, Hương hoa, ngũ cúng, sãm sanh lễ thường.</p> <p>1919. Đũa ãng ãen trước Phật nường, Tam qui, ngũ giới, cho ãng xuất gia.</p> <p>1921. Áo xanh nổi lấy cà sa, Pháp danh lại nổi tên ra Trạc Tuyên.</p> <p>1923. Sớm khuya tính ãu ãầu ãen, Xuãn, Thu, cắt sãn hai tên hương trà.</p> <p>1925. Nàng tử lãnh gót vườn hoa, Đường gần rừng tĩa, ãường xa bụi hồng.</p> <p>1927. Nhân duyên ãầu ãu mà mong, Khỏi ãiêu ãen phãn, tui hồng thì ãoi.</p>	<p>1879. Though life looked as light as wick, but as heavy as lead is the burden, Once the burden is lifted, gone will also be the love portion.</p> <p>1881. So mismatched is my fate, one of a person of beauty, That it is wondered, could it stay whole in a rough and deep sea?"</p> <p>1883. Kiều was staying up by herself while the night was passing, The oil level was lowering while the tears in five watches were flowing.</p> <p>1885. When Kiều attended to Mistress Hoạn in her working session, The latter, looking at her face, started her minutely interrogation.</p> <p>1887. Kiều, not wanting to let Mistress Hoạn know about everything, So she said it was just a matter of hurting while self-reflecting.</p> <p>1889. The Mistress then turned to Thúc Sinh and asked the same thing: "Would he be kind enough to do the work of truth extracting?"</p> <p>1891. Thúc felt like his stomach was being scraped inside out, He neither wanted to interrogate Kiều nor let Hoạn carry it out.</p> <p>1893. For fear that such doing might harm Kiều very much later, Thúc Sinh resolved by tenderly and tactically asking her.</p> <p>1895. Kneeling in the courtyard, with her head in bending, Kiêu complied with the inquest by submitting her answer in writing.</p> <p>1897. Thúc, having had received the paper, passed it to Hoạn right away, Her countenance, after reading it, changed somewhat in some way.</p> <p>1899. She returned the paper to Thúc Sinh immediately, Adding: "A talented person is to be respected and loved accordingly.</p> <p>1901. Had she had the chance to be rich in her fortunate destiny, For her to live in a gold mansion is something still much worthy!</p> <p>1903. Heartless life storms had drowned a person of beauty, Pity the talented yet unfortunate person in her destiny!"</p> <p>1905. Sinh then said: "It's like what you've said before The unfortunate are all the same unlucky, there will be many more!</p> <p>1907. It has been like this since the beginning of time, Try becoming more compassionate, if you want to be right in life!"</p> <p>1909. Mistress Hoạn said: "According to what is written in the paper, Kiêu wants to devote to Buddha in the rest of the life of hers.</p> <p>1911. I am inclined to comply with her heart's desire, So she can step out of this troublesome dusty life.</p> <p>1913. Here in our garden there is the Tower of Goddess of Mercy, We have flowers in four seasons, and a hundred metre Bodhi tree.</p> <p>1915. And a century-old tree along with a rock garden, Let her attend the tower and fulfill her daily copying devotion."</p> <p>1917. So when it was getting early in the morning, Preparing flowers, incense, five fruits and other offerings,</p> <p>1919. Mistress Hoạn brought Kiều in before the altar of Buddha Kiêu was to observe the five precepts and take refuge in the Bodhisatta.</p> <p>1921. Exchanging the green uniform for the Buddhist robe to wear, And Trạc Tuyên was the Buddhist name Kiều had from there.</p> <p>1923. Hoạn Thứ put aside ample amounts of burning oil and candles for her, She assigned Xuãn, Thu as Kiều's tea and incense and personal helpers.</p> <p>1925. Since the time Kiều came to the Hoạn's garden to live by, It seemed she had been closer to Buddha, further from mundane life.</p> <p>1927. No hope for her again in this life to meet Thúc Sinh, her lover, It was just an honourable chance to escape from a servant's life for her.</p>
--	---

1929. Phật tiền thâm lấp, sầu vùi, Ngày pho thù tự, nêm nổi tâm hương.	1929. In front of Buddha's altar, burying all of her deepest sorrow, Kiều befriended sutta books in daytime, burned incense at night to love.
1931. Cho hay giọt nước cành dương, Lửa lòng tưới tắt mọi nường trần duyên.	1931. It was good since the willow's water, the Buddhist influence, Could quench the fires of a mundane life's desires and ambitions.
1933. Nâu sông tử trở màu thiên, Sân thu trăng nã vài phen núng nần,	1933. Since Kiều switched regular clothes for Buddhist dressings, The autumn moon had shone on the yard a few times in its passing.
1935. Cửa thiên, then nhật, lưới mau, Nói lời trước mặt, rời châu vắng người.	1935. Mistress Hoạn organized her guarding of Kiều so carefully, That Kiều could only act normal presently, but cried by herself quietly.
1937. Gác kinh viện sách nôi nơi, Trong gang tấc lại gặp mười quan sơn.	1937. The sutta book tower and reading hall, though were not too far away, Yet it seemed they were tens of thousands of frontier mountains away.
<b>Chương 20 - Câu 1939 đến câu 2060</b> <b>(Thúc Sinh tình tự với Kiều - Kiều đến Chiêu Ân Am)</b>	<b>Chapter 20 - Verse 1939 to verse 2060</b> Translated into English by Hương Cao Cao Tân (Thúc Sinh had a love talk with Kiều - Kiều went to Chiêu Ân Am)
1939. Những là ngậm thờ nuốt than, Tiểu thư phải buổi vấn an về nhà.	1939. Thúc had been suppressing his emotions and lamentation, Until the day Mistress Hoạn went back to her home for visitation.
1941. Thừa cơ, Sinh mới lên ra, Xăm xắm nền mé vườn hoa với nàng.	1941. Seizing an opportunity, Thúc sneaked out of the library, Going directly to the flower yard where Kiều would be.
1943. Sụt sùi giờ nổi hoạn tràng, Giọt châu tầm tã nhuộm tràng áo xanh:	1943. He sobbed, sniveling, lamenting about hurting feelings under stress, His tears kept falling down, wetting the hem of his blue dress.
1945. "Đã cam chịu bạc với tình, Chúa xuân nể tội một mình cho hoa!	1945. Thúc said: "I confess to you about my disloyalty, I have let the burden of punishment to be borne by you only.
1947. Thấp cơ thua trí nần bà, Trông vào nhau ruột nói ra ngại lời.	1947. My planning is defeated by the scheme of my wife, a woman, It hurts me looking on, but speaking out? I am rather reluctant.
1949. Vì ta cho lụy nể người, Cát lăm ngọc trắng, thiết nỡ xuân xanh!	1949. Sorrowful misfortune is brought to you because of me, You are like a white pearl in mud, a waste of bright life completely!
1951. Quân chi lên thác xuống ghềnh, Cũng toan sống thác với tình cho xong.	1951. I have thought about running away to anywhere with you together, I am willing to go through death so to live a whole life with my lover
1953. Tông nường chút chừa cam lòng, Nghien răng bẻ một chữ "nồng" làm hai.	1953. Yet because I have not had a son to succeed my line, I have to clench my teeth, letting the vowed word "together" to divide.
1955. Thẹn mình nã nát vàng phai, Trăm thân dễ chuộc một lời "nước sao?"	1955. I feel ashamed not to keep the vows I have made with you before, To justly redeem the vows, I wish I had a hundred lives more!"
1957. Nàng rằng: "Chiếc bách sóng não, Nổi chìm cũng mặc lúc nào rui may!	1957. Kiều said: "I am like a small boat flowing in a rough river, Floating or drowning, it's up to the destined fate ever!
1959. Chút thân quần quại vũng lầy, Sống thừa còn tưởng nể rày nữa sao?	1959. This insignificant life of mine, perhaps born to endure and to suffer, Will I, depending on fate, still be alive until that moment of later?
1961. Cũng liêu một giọt mưa rào, Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay!	1961. Fate of a woman is like a raindrop falling incidentally, Letting people watching my situation, satisfying their curiosity!
1963. Xót vì cầm nã bén dây, Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta.	1963. It pains me much since we have been a couple together already, If not for a hundred years but even for a moment, it's still worthy.
1965. Liệu bài mở cửa cho ra, Ấy là tình nặng, ấy là ân sâu!"	1965. Please try quickly to release me from my unlucky bonding, That is to show your deep love and your proper requiting."
1967. Sinh rằng: "Riêng tưởng bấy lâu, Lòng người nham hiểm biết nãu mà lường.	1967. Sinh said: "I have been thinking much and hard by myself lately, About the wickedness of Hoạn which is so indescribably deadly.
1969. Nữa khi giông tố phũ phàng, Thiệt riêng nãy cũng lại càng cực nãy.	1969. If storms suddenly arise violently at a later time, It will damage you; furthermore, it will also torture my mind.
1971. Liệu mà xa chạy cao bay, Ái ân ta có ngần này mà thôi!	1971. Please be quick in your planning of running very far, far away, Our love is considered finished and over, at the end of day!
1973. Bây giờ kẻ ngược người xuôi, Biết bao giờ lại nổi lời nước non?	1973. We are having and going our own separate ways now,

1975. Dấu rằng sông cạn đá mòn, Con tằm nện thác cũng còn vướng tơ!"	Who knows when we can meet again to resume and fulfill our vows? 1975. Even though when rivers are dried up and stones are ground out, For the dying silkworm, the silk cord is still wound around!"
1977. Cùng nhau kể kể sau xưa, Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.	1977. They talked about all kinds of old and new stories with each other, They paused then they talked since the talking never seemed over.
1979. Mặt trông tay chẳng nở rời, Hoa thì nã nộng tiếng người nẻo xa.	1979. They looked at each other's face and their hands held together, But sounds of people approaching were heard coming over.
1981. Nhịn ngừng, nuốt tùi, nững ra, Tiểu thư nẫu nã rề hoa bước vào.	1981. Restrained, they were reluctant to part hands and part way there, Parting the bushes, Mistress Hoạn suddenly appeared from nowhere.
1983. Cười cười, nói nói ngọt ngào, Hỏi: "Chàng mới ở chốn nào lại chơi?"	1983. She was smiling and talking normally and so sweetly, Asking Thúc: "Dropping by, huh, my love, from where can you be?"
1985. Dối quanh Sinh mới liệu lời: "Tim hoa quá bước, xem người viết kinh."	1985. Having no choice, to her Thúc decided to lie and talk around: "Admiring flowers, I overstepped to see what sutta copying is about."
1987. Khen rằng: "Bút pháp nã tinh, So vào với thiếp Lan nhìn nào thua!	1987. Hoạn said: "Kiều's penmanship is extraordinarily excellent, It is as beautiful and as fine as that of Lan Đình in comparison!"
1989. Tiếc thay lưu lạc giang hồ, Nghìn vàng, thật cũng nên mua lấy tài!"	1989. Pity that Kiều has led an unfortunate errant life, With such talent, a price of thousand gold taels is still worthy to buy!"
1991. Thiên trà cạn chén hồng mai, Thong dong nối gót thú trai cùng về.	1991. When the three of them had finished the round of hot red tea, One following the other, the couple leisurely departed for library.
1993. Nàng càng e lệ ù ê, Rì tai, hỏi lại hoa thì trước sau.	1993. Kiều became more embarrassed, her spirit was weighted and down, She asked Xuân Hoa, the helper, in whisper, what it was all about.
1995. Hoa rằng: "Bà nã nện lâu, Rón chân nững nép nộ nẫu nửa giờ.	1995. Hoa said: "The Mistress had come very early all right, For about half an hour, she hid herself, standing aside,
1997. Rành rành kể tóc chân tơ, Mấy lời nghe hết nã dư tò tường.	1997. Listening to the stories that were told clearly and minutely, She had heard everything individually and in details totally.
1999. Bao nhiêu ãoạn khổ, tình thương, Nổi ông vật vã, nổi nàng thở than.	1999. All the periods of suffering, all the missing and longing, The crying he was doing, of the sorrow she was lamenting.
2001. Dặn tôi nững lại một bên, Chán tai rồi mới bước lên trên lầu."	2001. She advised me to stand around to wait until it is over, Having had satisfied her curiosity before she stepped up the Tower."
2003. Nghe thôi kinh hãi xiết nẫu: "Đàn bà thế ấy thấy ầu một người!"	2003. Listening to the helper's story frightened Kiều out of her wits: "Such an unbelievable woman, there has never been one like this!"
2005. Ấy mới gan ấy mới tài, Nghĩ càng thêm nổi sồn gai rụng rời!	2005. Such an incredible will, and with such extraordinary skills, The more I think about it, the more I feel like I am getting ill!
2007. Người nẫu sâu sắc nước nôi, Mà chàng Thúc phải ra người bó tay!	2007. A woman who is so skillful in dealing with all life matters, No wonder Master Thúc resigns himself to accepting being bound over!
2009. Thực tang bắt nược dưỡng này, Máu ghen ai cũng chau mày nghiêng rặng.	2009. When somebody catches her love opponent red-handed, No one can help, out of jealousy, but feeling very much offended.
2011. Thế mà chẳng nói chẳng rằng, Chào mời vui vẻ nói năng dịu dàng!	2011. Yet she controls herself emotionally to an excellent degree, She keeps on greeting amiably, keeps talking softly and tenderly!
2013. Giận dẫu ra dạ thế thường, Cười dẫu mới thực khôn lường hiểm sâu!	2013. Normal is the one, who shows her anger outwardly and facially, Unfathomably wicked one is the one who can still smile so friendly!
2015. Thân ta, ta phải lo âu, Miệng hùm nọc rắn ở nẫu chốn này!	2015. It is my life; of which I have a duty to take a good care, For a tigress's mouth and a snake's venom are all here, not elsewhere!
2017. Ví chẳng chấp cánh cao bay, Trèo cây lâu cũng có ngày bẻ hoa!	2017. If I do not try to save my life by running very far, far away, Having climbed the tree so long, picking flowers will there be someday!
2019. Phận bèo bao quản nước sa, Lệnh nệnh nẫu nửa cũng là lệnh nệnh."	2019. Being a water-fern, I cannot choose what type of water to flow, A life of drifting will be drifting still, no matter where you go!
2021. Chín e quẻ khách một mình, Tay không chưa để tìm vành ấm no!	2021. But because I will be living in the land of strangers by myself, I fear that being empty-handed like this will not be of much help!"
2023. Nghĩ nĩ nghĩ lại quanh co,	

<p>Phật tiền sẵn có mọi nôi kim ngân.</p> <p>2025. Bên mình giặt nễ hộ thân, Lăn nghe canh nã một phần trống ba.</p> <p>2027. Cất mình qua ngọn tường hoa, Lăn nường theo bóng giăng tà về tây.</p> <p>2029. Mịt mù dặm cát nôi cây, Tiếng gà niếm nguyệt, dấu giày cầu sương.</p> <p>2031. Canh khuya thân gái dặm trường, Phần e nường xá, phần thương dải dầu!</p> <p>2033. Giời nòng vừa rạng ngàn dâu, Bơ vợ nào nã biết nầu là nhà!</p> <p>2035. Chùa nầu trông thấy nẻo xa, Rành rành “Chiêu ẩn am” ba chữ bài.</p> <p>2037. Xăm xăm gỗ mái cửa ngoài, Trụ trì nghe tiếng, rước mời vào trong.</p> <p>2039. Thấy màu ăn mặc nầu sồng, Giác duyên sư trưởng lành lòng liền thương.</p> <p>2041. Gạn gùng ngành ngọn cho tường, Lạ lòng nằng hãy tìm nường nói quanh.</p> <p>2043. “Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh, Qui sư, qui Phật, tu hành bấy lâu.</p> <p>2045. Bàn sư rồi cũng nển sau, Dạy nưa pháp bảo sang hầu sư huynh.</p> <p>2047. Rây vàng diện hiển rành rành, Chuông vàng khánh bạc bên mình giờ ra.</p> <p>2049. Xem qua sứ mới dạy qua: “Phài ni Hằng Thủy là ta hậu tình.</p> <p>2051. Chìn e nường sá một mình, Ở nầy chờ nọi sư huynh ít ngày.”</p> <p>2053. Gửi thân nược chốn am mây, Muối dưa nấp nôi, tháng ngày thông dong.</p> <p>2055. Kệ kinh câu cũ thuộc lòng, Hương nèn việc cũ, trai phòng quen tay.</p> <p>2057. Sớm khuya lá bối phướn mây, Ngọn nèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương.</p> <p>2059. Thấy nằng thông tuệ khác thường, Sư càng nể mặt, nằng càng vững chân.</p>	<p>2023. Kiêu, while having had contemplated her situation carefully, Then she saw on the Buddha’s altar some of the precious silvery.</p> <p>2025. She picked them up and carried them along for emergency, Listening to the watch guard drums, it was midnight already.</p> <p>2027. She climbed over the flowered fence in her attempt to get away, Then heading in westward direction, she went by feeling out her way.</p> <p>2029. She went through sandy trails, wooded hills with the mist all around, She saw footprints on a misty bridge and heard cock crowing sounds.</p> <p>2031. Pitiful was the situation of a lone girl at night in long journey, Worrying about the roads, enduring being weather-beaten miserably!</p> <p>2033. She plodded on until morning sunray shone on mulberry rows, How to find a home to stay, there was no way for her to know!</p> <p>2035. A pagoda was over there, half-seen half-hidden in the distant, With the name “Chiêu Ẩn Am” at front which was clearly written.</p> <p>2037. Kiêu headed straight for it and knocked at the door from the outside, The presiding nun heard the knocking and invited Kiêu to come inside.</p> <p>2039. Seeing Kiêu in the dressing of Buddhist fashion so obviously, Giác Duyên, the head nun, displayed her compassion immediately.</p> <p>2041. She inquired of Kiêu carefully about her situation and whereabouts, Being a total stranger, Kiêu had to beat around the bush for now:</p> <p>2043. Saying: “I am originally coming from Peking, It has been long since my Buddhist converting and studying.</p> <p>2045. My own master will arrive soon later after me, She said that I am to bring devotional articles first to make ready.”</p> <p>2047. Now Kiêu had met the nun face-to-face, the right person, She then brought out the golden bell and silver chime in the open.</p> <p>2049. Having seen those articles, the nun proceeded to comment: “If these are from Nun Hằng Thủy, then she is a close friend</p> <p>2051. I am concerned about the long journey ahead for you, It’s better that you stay here, waiting for your master through.”</p> <p>2053. It was good for Kiêu to take refuge in the temple temporarily, She enjoyed the simple meals and the leisure time heartily.</p> <p>2055. Chanting the familiar suttas she had memorized by heart, She lighted candles, cooked meals, and did all routines by part.</p> <p>2057. She copied the suttas and hung the pennons day and night, She rang the bells in early morning, lighted the candles at night.</p> <p>2059. Seeing that Kiêu was an exceptionally intelligent person, The head nun respected her more, and Kiêu became mo</p>
---	--



## Thơ Phạm Doanh

### Anh thiếu em, anh nhớ em

Anh thiếu em, khung tư buồn thiếu lụa  
 Con thoi nằm ngơ ngác ở trên giàn  
 Trong vườn dâu bao cành lá úa vàng  
 Và cái kén cũng không buồn quán chỉ  
 Anh thiếu em như bánh chưng thiếu nhụy  
 Gói nhập nhằng bằng giấy báo vàng ôi  
 Gạo chưa nhừ đã tắt lửa hương rồi  
 Anh thiếu em đời anh là thế đó.

Anh nhớ em như cánh buồm mong gió  
 Và con ong nhớ mật ngọt hoa rùng  
 Vô óc buồn nhớ tiếng sóng trùng dương  
 Đồng khô cháy nhớ lúa vàng thơm ngát  
 Anh nhớ em như trẻ con đi lạc  
 Khóc rưng rưng quên mất cả lối về  
 Nhớ đến khi tim óc đã dại tê  
 Cho cuộc sống xung quanh thành xa lạ. ■

### *Phạm Doanh*

### Tháng Bảy mưa ngâu

Sàigòn tháng Bảy  
 Những trận mưa bay  
 Những giờ nắng đỏ  
 Thương trách người để khổ cho ta

Ngọc lan thơm lạ  
 Theo gió bay xa  
 Thiên kim nhất tiểu  
 Chẳng cho ta sắm kiệu đưa người

Son nhạt nét môi  
 Tình đã muộn rồi  
 Người em cúi mặt  
 Tránh không nhìn ánh mắt vấn vương.

Mai anh lên đường

### Tìm mãi bóng em

Có phải tôi tìm những bóng ma  
 Trên miền sa mạc khói la đà  
 Có, không, không, có, hồn ngơ ngẩn  
 Nghiệp chướng còn vương chẳng muốn ra

Có phải tôi tìm mãi bóng em  
 Đã bay theo gió lúc qua thềm  
 Tình yêu nay chỉ là hư ảo  
 Để bóng tôi hòa với bóng đêm. ■

### *Phạm Doanh*

### Tôi nhìn em

Tôi nhìn em đang tắm  
 Thềm được làm chiếc khăn  
 Hay là viên đá cuội  
 Ở trong tay em cầm

Tôi nhìn em đang bơi  
 Chợt thấy mình chơi vơi  
 Muốn làm hồ nước mát  
 Âu yếm phủ thân người

Tôi nhìn em đang cười  
 Thấy cuộc đời thật tươi  
 Như hoa hồng hé nở  
 Làm đỏ thắm vành môi

Tôi nhìn em đang khóc  
 Dậy nỗi buồn xa xôi  
 Vai gầy che mái tóc  
 Tình đâu nữa, tình ơi! ■

### *Phạm Doanh*

Trong nỗi tiếc thương  
Mang về đáy vực  
Rồi từng đêm thao thức âm thầm

Em về lặng câm  
Dưới mái nhà thân  
Trong khung trời bé  
Để đêm khuya ngán lệ riêng mình

Từng giọt mưa ngâu  
Khóc cuộc tình sâu  
Bóng in trên vách  
Thương nhớ người xa cách trùng dương. ■

## *Phẩm Doanh*

### **Ngọc Lan**

Mỗi lần lạc bước chân qua  
Đường Trần Quý Cáp hay là Tú Xương  
Lại nghe thoảng nhẹ mùi hương  
Ngọc Lan trong gió gọi thương nhớ đây  
Mênh mang kỷ niệm về đây  
Cuộc tình thứ nhất đắm say mặn mà  
Cánh hoa trong trắng ngọc ngà  
Như làn da mịn khiến ta mộng đời  
Cách nhau cả một khung trời  
Ngắm hoa tưởng đến dáng người ngày xưa. ■

## *Phẩm Doanh*

### **Em buồn che lấp mặt trời**

Kìa em hờn dỗi gì anh  
Ngoài kia nắng sớm qua cành trúc xinh  
Mắt trong như ánh bình minh  
Sao cho ngán lệ lung linh dâng đầy  
Môi hồng thơm ngát hương say  
Sao không hé nụ cười bay hồn người  
Em buồn che lấp mặt trời

### **Em và tôi**

Em là con chim nhỏ nhắn  
Bay trong suối nắng chiều vàng  
Em là cánh hoa xinh xắn  
Huy hoàng đón gió xuân sang  
Tôi có gì ngoài tay trắng  
Và niềm cô độc mênh mang  
Đêm khuya đếm từng canh vắng  
Yêu em dù rất muộn màng. ■

## *Phẩm Doanh*

### **Tiếc thương Ngụy Văn Thà**

Tiếc thương Trung Tá Ngụy Văn Thà (1)  
Cùng những anh hùng của nước ta  
Đổ máu giữ gìn trời biển mẹ  
Vùi xương bảo vệ núi sông cha  
Hy sinh cùng với tàu Nhật Tảo  
Tủ trận không rời đảo Hoàng Sa  
Vị quốc vong thân ngời chiến sử  
Ngàn năm sóng vỗ bản hùng ca. ■

## *Phẩm Doanh*

(1) Trung Tá Ngụy Văn Thà hy sinh trong trận hải chiến với hạm đội Trung Cộng đánh chiếm đảo Hoàng Sa. Tàu Nhật Tảo trước khi chìm đã gây thiệt hại nặng cho quân xâm lược, đánh chìm soái hạm địch năm 1974.

### **Nghiệm**

Ngôi chùa Thiên Mụ ngự trên đồi  
Nhìn xuống sông Hương nước chảy xuôi  
Bến vắng thuyền neo, neo đợi khách  
Sông sâu sóng vỗ, vỗ ru đời  
Thiên nhân tọa thị tri tiên hậu  
Cư sĩ trầm ngâm nghiệm khứ hồi

Em vui ảo mộng một đời thên thang. ■

***Phẩm Doanh***

Chuông đổ mang mang chiều nhạt nắng  
Cho người quên bớt phận đơn côi. ■

***Phẩm Doanh***

Thơ Phan Khâm

<b>CHUYỆN DÒNG SÔNG</b>	<b>THE RIVER'S STORY</b>
<p>Dòng đời là chuyện của dòng sông Xuống thác lên ghềnh tới biển đông Như nước có nguồn cây có cội Dòng đời là chuyện của dòng sông</p>	<p>The flow of life is the story of the river; Down falls, up rapids, to sea: its attributes. Like water has a source, trees have roots The flow of life is the story of the river.</p>
<p>Cứ sống theo nhau những nhịp cầu Biết rằng còn lắm nỗi thương đau Bao nhiêu hệ lụy đang ràng buộc Cứ sống theo nhau những nhịp cầu</p>	<p>Let's live together like spans of bridge Knowing that there is still a lot of pain. So many consequences are to constrain: Let's live together like spans of bridge</p>
<p>Hàng vạn dòng sông giữa cuộc đời Bọt bèo phiêu bạt, nước đang trôi Vẫn mang thân phận thời lưu lạc Hàng vạn dòng sông giữa cuộc đời.</p>	<p>There are thousands of rivers in life Duckweeds drift, the water is flowing on. Still bearing an exile's status though bygone There are thousands of rivers in life</p>
<p>Ngày nào không nói chuyện dòng sông Ngày đó hoang vu giữa cánh đồng Hiu quạnh, đồng không, không tất cả Ngày nào không nói chuyện dòng sông ...</p>	<p>A day without talking about the river Must be a wild day in the middle of field Loneliness, nothingness, all unhealed: A day without talking about the river.</p>
<p><b><i>Phan Khâm</i></b></p>	<p>Translation by <b><i>Thanh- Thanh</i></b></p>

Chuyện dòng sông(Thơ: Phan Khâm, Nhạc: Nguyễn Tất Vinh, Ca sĩ: Quỳnh Lan)

[Chuyện dòng sông\(Thơ: Phan Khâm, Nhạc: Nguyễn Tất Vinh, Ca sĩ: Quỳnh Lan\)](#)

Thơ Phan Khâm, Phương Hoa, Cao My Nhân

### KIỆP DÃ TRÀNG

Họa

Xe cát biển ơi! Kiệt dã tràng  
Cả đời duyên nợ chôn trần gian  
Giận hờn phút đó còn lưu luyến  
Thương nhớ giờ đây đã xóa tan  
Chân yếu sóng xô nào ngại khó  
Lưng còng nước cuốn chẳng từ nan  
Mãi hoài suốt tháng ngày như thế  
Theo bóng thời gian cứ vội vàng. ■

*Phan Khâm*

### TIẾNG QUỐC NÃO LÒNG

Họa

Tiếng quốc bi thương khiến đoạn tràng  
Duyên lành sống với cõi nhân gian  
Vì chưng kẻ ác gây nhà hoại  
Tại bởi loài hung phá nước tan  
Xây tổ nghìn năm nghìn vất vả  
Chăm người vạn kiếp vạn gian nan  
Đâu rồi chôn cũ đem gào khóc  
Lòng mãi xót xa túi đá vàng. ■

*Phương Hoa*



## CHUỖI NGỌC TRÀNG

Họa

Cổ tự trắng treo chuỗi ngọc tràng  
Sáng ngời đạo hạnh giữa không gian  
U tình kiếp trước thôi bồi vẽ  
Chân lý đời nay lại hợp tan  
Hi xã bởi hoài mong tĩnh lặng  
Suy tư thành cứ phải gian nan  
Mười phương Chư Phật an nhiên hỏi  
Sóng gió sao tâm vẫn vững vàng. ■

*Cao Mỹ Nhân*

## Thơ Cao Mỹ Nhân

### DỪNG CHỜ. CAO MỸ NHÂN

Người chờ ta tỉnh mơ sông  
Nhưng sao ta vẫn thấy cuồng điên hơn  
Trong ta có nỗi chập chờn  
Hình như trái đất đang vờn trăng sao

Trời thì xa tít mù cao  
Dấu mơ hay mộng cũng nào tới nơi  
Người chờ ta tỉnh giấc đời  
Để làm chi nói những lời băng quơ

Người chờ ta viết dòng thơ  
Tan hoang ngôn ngữ vu vơ, vụng về  
Thì thôi tình tự nào nề  
Đặt tay lên ngọn cỏ thể trăm năm

Người chờ chi nữa buồn cam  
Hãy mang tất cả lặng thầm đi theo  
Ta không vương vấn cái điều  
Rằng người đã khổ vì yêu lâu rồi.

*Cao Mỹ Nhân* ■

### NỤ HÔN CỦA MẶT TRỜI. CAO MỸ NHÂN

Em mãi còn say đắm  
Cuộc tình thơ hôm nay  
Dưới mặt trời tươi thắm  
Cánh hoa nở ngát ngày

Khi vườn tình một thửa  
Đã khép mùa xuân đầy  
Cửa thiên đường vội mở  
Chờ em trong vòng tay

Lời thánh ca tha thiết  
Anh có biết một mai  
Chúng mình về cõi chết  
Nhưng sống ở thiên thai

Em lịm dần hơi thở  
Anh hôn mặt trời chiều  
Đưa em vào quá khứ  
Trọn vẹn với thương yêu. ■

*Cao Mỹ Nhân*

**ÁO TRẬN CÒN ĐÂY. CAO MỸ NHÂN**

Này là áo trận thửa xuân xanh  
 Hãy khoác lên xem, bóng quách thành  
 Khói lửa ngày xưa còn bịn rịn  
 Trong mơ, đẹp mãi khúc quân hành

Chúng mình đứng lặng, ngó trời cao  
 Thương nhớ mệnh mông trước chiến bào  
 Mũ sắt rợp trời, trên thép súng  
 Giày đinh rầm rập, rộn ràng sao

Những Ngày Quân Lực ở quê xa  
 Trông trận đồn vang đất nước nhà  
 Thôn xóm nối liền bao phố thị  
 Khí thiêng sông núi trải bao la

Quốc quân kỳ lộng gió tung bay  
 Anh với em lưu lạc xứ này  
 Ta tới Tượng Đài, ôn kỷ niệm  
 Lịm hồn trận mạc đến mê say. ■

*Cao My Nhân*

**SINH NHẬT ANH 19/6. CAO MỸ NHÂN**

Em vừa thấy con dĩa trăng xe cát  
 Ngoài bờ tây nơi biển Thái Bình Dương  
 Trời tháng 6, có khi mưa, khi nắng  
 Nhưng ngày 19, vô cùng nhớ quê hương

Sinh Nhật Anh, Ngày Quân Lực  
 Em quên sao, 19 tháng 6 xưa  
 Anh so hàng theo nhịp quân tiến bước  
 Đoàn diễu binh sáng rõ dưới trời trưa

Giờ tan cuộc, em hân hoan đón đợi  
 Rất nhiều người cùng hội ngộ tình thơ  
 Nghe tiếng gọi, anh quay vòng ngó tới  
 Dáng kiêu sa như hãnh diện dưới cờ

Ở bên này, các anh vẫn giữ cờ  
 Vẫn hàng năm kỷ niệm ngày Yêu Quí  
 Nhớ nhung xưa ngang khán đài chân lý  
 Anh tưởng mình đang ở Saigon em

Từ lâu rồi Ngày Quân Lực thần tiên  
 Trong ánh mắt xa xôi nhưng gần gũi  
 Lá cờ vàng ba sọc đỏ thay lời gọi  
 Rằng Toàn Quân trách nhiệm giữ sơn hà.

*Cao My Nhân*

**NỤ HÔN VÀ MẶT TRỜI. CAO MỸ NHÂN**

Buổi sáng nếu anh hôn em  
 Mặt trời sẽ lên từ sớm  
 Rộn ràng đánh thức trái tim  
 Bằng lời chim khuyên chào đón

Buổi trưa nếu anh hôn em  
 Mặt trời chưa xa thành phố  
 Vội vàng đến trước công viên  
 Mở từng cánh hoa rực rỡ

Buổi chiều nếu anh hôn em  
 Mặt trời âm thầm từ già  
 Với bao nhiêu điều kỳ lạ. ■

[Trở về mục lục](#)

*Cao My Nhân*

## Thơ Phương Hoa

### CHÚC MỪNG NGÀY LỄ ĐỘC LẬP HOA KỲ

CHÚC ngày Độc Lập xứ Cờ Hoa  
 CHÚC phước lộc vô thủy mọi nhà  
 CHÚC **Thế Hữu** danh càng sáng tỏa  
 CHÚC **Văn Đàn** tiếng mãi vưon xa  
 CHÚC toàn thế giới vui an lạc  
 CHÚC khắp nhân gian sống thuận hoà  
 CHÚC thấy hoà bình, thôi khổ lụy  
 CHÚC đời vang tiếng hát mừng ca. ■

### Phương Hoa

#### MỪNG LỄ ĐỘC LẬP HOA KỲ

Hoa Kỳ ngày 4th July  
 Gió mây rộn rã sánh vai vui mừng  
 Không trung tỏa sáng tung bùng  
 Diễn hành khắp chốn đầy rừng pháo hoa  
 Nền Độc Lập tỏa lan xa  
 Từ Hiệp Chúng Quốc nhà nhà ước mơ  
 Toàn cầu ca tụng, văn thơ...  
 Bao người tìm đến bến bờ tự do. ■

### Phương Hoa - July 4



#### DUYÊN THƠ LỤC BÁT

Gió Thu rộn rã xoay vần  
 Trời mây man mác quyện chân người về  
 Dạt dào vị ngọt hương quê  
 Rủ câu Lục Bát trao thề với nhau

Duyên thơ tựa môi tình đầu  
 Cỏ hoa luôn tạo nhịp cầu viếng thăm  
 Núi non trao hẹn nghìn năm  
 Đẹp câu sáu tám trăng Rằm đáng duyên

Vườn thanh bướm lượn cảnh nghiêng  
 Trăm hoa vui xoá lụy phiền nhớ thương

MỪNG ca ngày Lễ July Fourth  
 MỪNG nhớ Washington dặn dò  
 MỪNG Hiến Pháp Hoa Kỳ giữ được  
 MỪNG Cha Già Nước Mỹ truyền cho  
 MỪNG luôn bảo vệ nền dân chủ  
 MỪNG mãi lưu dùng thuyết tự do  
 MỪNG chúc toàn cầu đều hạnh phúc  
 MỪNG hoà bình đến hết sầu lo! ■

### Phương Hoa – Happy July 4



#### ĐÊM TRUNG THU

Hằng Nga nheo mắt lại  
 Vén tơ mây đầu non  
 Anh thì thâm tình quái:  
 Thèm thơm lên môi tròn

Đêm Thu chườm bóng nước  
 Vàng vật một hồ trăng  
 Thẹn thùng em từ khước:  
 Chờ đi nào! Sang năm!

Lên chùa thầy giảng pháp  
 Chuông mõ hoà bên tai  
 Tâm phàm đang bão táp  
 Đầu nhớ điều đúng sai

Anh nghiêng đầu: Tình hồi!  
 Hơi thở như mây vờn  
 Tay ngài lén dí mũi  
 Cửa Phật đừng bông lon!

Bước chân về lơ đãng  
 Dắt tay cười vu vơ

Trời Trung Thu hừng sáng  
 Tình bơi dòng sông thơ.

Khiến lòng xao xuyến tơ vương  
Bài thơ Lục Bát dẫn đường vào mơ.

Trời Trung Thu hừng sáng  
Tình bơi dòng sông thơ.

***Phương Hoa***

***Phương Hoa***

## Thơ Phan Vũ

*Em ơi, Hà Nội phố*

**B**ài thơ này ãược sáng tác từ năm 1972 nhưng trong một thời gian dài không ãược in trong bất kỳ tập thơ nào. Mặc dù vậy, bài thơ ãược biết ãến nhiều qua ca khúc *Em ơi, Hà Nội phố* do nhạc sĩ Phú Quang phổ nhạc, và lên sóng phát thanh vào năm 1987 qua giọng ca Lệ Thu. Do không ãược in trong các tuyển tập nên bài thơ có nhiều dị bản ãược lưu truyền. Năm 2008, nguyên tác bài thơ mới in trong tập *Phan Vũ - thơ* (NXB Văn học). Bản chép ở đây ãã ãược tác giả xác nhận là bản sửa ãổi cuối cùng.

Bản thân là người Hà Nội, ra ðời ở Hà Nội, lâu lâu có ai nhắc ðến Hà Nội thì kỷ niệm ngày còn nhỏ xíu lại trở về...

Tình cờ, nghe nhạc Phú Quang và ðọc thơ của Phan Vũ “Em ơi Hà Nội Phố “ ...

Nhà thơ Phan Vũ (1926-2019) qua ðời ngày 17 tháng 7, 2019.

Nhạc Sĩ Phú Quang (1949-2021) qua ðời ngày 8 tháng 12, 2021.

*Sóng Việt ðàm Giang biên soạn*

*Em ơi, Hà Nội phố*

1.  
Em ơi! Hà Nội - phố!  
Ta còn em mùi hoàng lan.  
Ta còn em mùi hoa sữa.  
Tiếng giày ai gõ nhịp ðường khuya?  
Cột kẹt bước chân quen.  
Thang gác thời gian  
Mòn thân gỗ.  
Ngôi sao lẻ lạc vào căn xép nhỏ...  
  
Ta còn em chấmlửa  
Điều thuốc cuối cùng,  
Xập xoè.  
Kỷ niệm...  
Một con ðường  
Một ngôi nhà  
Khuôn mặt ai  
Dừng trong khung cửa...  
Những phong thư bỏ quên trong hộc tủ  
Không tên người,  
Không tên phố.  
Người gửi không tên.  
Ta còn em chút vang ðộng lặng im,

14.  
Em ơi! Hà Nội - phố...  
Ta còn em một Hàng ðào.  
Không bán ðào.  
Một Hàng Bạc.  
Không còn thợ bạc.  
ðường Trường Thi  
Không chõng, không lều.  
Không ông Nghè bái tổ vinh qui...  
  
Ngày ði,  
Một nỗi mang tên nhớ.  
Ngày về phố cũ bỗng quên tên.  
Quên bậc ðá,  
Quên mái hiên.  
Quên cây táo trồng ngay trước cửa.  
Thơ ấu thơ thoả thích leo trèo...  
  
Ngày về,  
Ra rá tiếng ve,  
Võng trưa hè kéo kẹt,  
- “À ơi! từng từng trông ðánh ngũ liên  
Bước chân xuống thuyền



Âm âm tiếng gọi  
Trong lòng phố...

2.

Em ơi! Hà Nội - phố  
Ta còn em một gốc cây,  
Một cột đèn.  
Ai đó chờ ai?  
Tóc cắt ngang  
Xoã xoã bờ vai,  
Khung trời gió.  
Con đường như bỏ ngõ...

Ta còn em khăn choàng màu tím đỏ  
Thoáng qua...  
Khuôn mặt chưa quen.  
Bỗng xôn xao nổi khổ.  
Mỗi góc phố một trang tình sử,

3.

Em ơi! Hà Nội - phố!  
Ta còn em rì rào hạt nhỏ,  
Con mưa chọt đến trong chùm lá  
Vòm trên cao chuông hồi đỏ,  
Nhà thờ Cửa Bắc,  
Tan chiều lễ  
Kính cầu còn mãi ngân nga...

Ta còn em đôi mắt buồn  
Đôi cánh chim xa.  
Trên hè phố  
Gã Trương Chi ôm ghi ta.  
Ngước lên cửa sổ,  
Có một ngày...  
Trống không ô cửa.  
Tiếng hát Trương Chi.  
Ngợi số nhà...

Ta con em chuyến tàu khuya  
Về muộn  
Vào ga...

4.

Em ơi! Hà Nội - phố  
Ta còn em quả bóng lăn,  
Một mình,  
Trên sân cỏ.

Con mưa dày  
Những hố sâu trước cửa,  
Chiếc thuyền giấy lang thang  
Không bến đỗ

Nước mắt như mưa..."  
Bài tập đọc  
Quốc văn giáo khoa thư  
Bà ru cháu ngủ...

Người về sững sờ bên cánh cửa,  
Tiếng ru hồi!  
Gọi lại mảnh đời quên...

### 15. RIÊNG VỀ MỘT CHUYẾN ĐI

Sân ga Hàng Cỏ.  
Tuổi mười tám trong hàng quân,  
Năm khởi chiến.  
Thề ra đi  
Không trở về khi giặc chưa yên!  
Cô gái Hà Nội trong đám đông đưa tiễn  
Gửi chàng trai một bó hoa,  
Và một nụ hôn.

Đoàn tàu chở đoàn quân về phía Nam  
Vào trận đánh  
Chờ theo dây phố,  
Chờ những con đường,  
Chờ nguyên Hà Nội nhớ,  
Những bó hoa và cả vết môi hôn...

Khi khai trận  
Anh lính trẻ bỗng bàng hoàng,  
Thật bất ngờ khi súng nổ.  
Và bờ ngõ,  
Như đầu đời vừa nhận nụ hôn...

16.

Em ơi! Hà Nội - phố.  
Ta còn em chiếc xe hoa  
Qua hàng liễu rủ  
Cánh tay trần trên gác cao  
Mở cửa.  
Mùa xuân trong khung  
Đường phố dài  
Chi chút chồi sinh  
Màu ước vọng in hình xanh nõn lá  
Giò phong lan.  
Điệp vàng rực rỡ.  
Những gót son dập dìu đại lộ  
Bờ môi ai đậm đỏ bích đào?

Ta còn em tiếng trống tan trường.  
Màu thanh thiên lẫn trong liễu rủ

Thằng bé qua tuổi thơ vội vã,  
Chợt ngẩn ngơ  
Với bóng nước lung linh!  
Bầu trời.  
Khoảng lạ!

Ta còn em cánh cửa sắt  
Lâu ngày không mở.  
Nhà ai?  
Qua đó, nao nao nhớ tuổi học trò...

Dàn thiên lý đã chết khô!  
Năm xưa,  
Những chùm hoa,  
Thơm hờ hện.  
Cuộc tình đầu ngọt lịm.  
Nụ hôn còn xanh mãi trên môi...

5.  
Em ơi! Hà Nội - phố  
Ta còn em chuỗi cười vừa dứt  
Chút nắng vàng le lói vườn hoang,  
Vàng ngọn cỏ.  
Cô gái khẽ buông rèm cửa,  
Anh chàng lệch mũ đi qua,  
Lời tỏ tình đêm qua dang dở...

Ta còn em ngày vui cũ,  
Tàn theo mùa hạ.  
Tiếng ghi ta bập bùng tự sự,  
Đêm kinh kỳ thừa ấy xanh lơ...

6.  
Ta còn em tiếng tích tắc  
Chiếc đồng hồ quả lắc già nua  
Đếm thời gian theo nhịp đong đưa,  
Những tiếng quen  
Ngán ngẩm,  
Mệt nhoài...

Căn phòng trống bồng mênh mang bóng lẻ.  
Nửa đêm đành mở cửa ra đi,  
Những bước liêu xiêu,  
Miền u tịch dọc dài,  
Hàng soạn nghiêng,  
Lá đỏ.  
Tiếng mõ từ ngôi chùa,  
Ấn trong tận cùng hẻm phố...

Ta còn em ánh đèn mờ đầu ngõ  
Sáng màu hoa đỏ  
Bên góc gao

Đêm hoa đăng tà áo nhung huyết dụ.  
Đất nghìn năm còn mãi dáng kiều sa.  
Phường cũ lưu danh người đẹp lụa.  
Bạc thềm nào in dấu hài hoa?

17.

Em ơi! Hà Nội - phố  
Ta còn em đường lượn mái cong  
Ngôi chùa cổ.  
Năm tháng buồn xô lệch ngôi âm dương.  
Ai còn ngồi bên gốc đại già?  
Chợt quên vườn hồng đã ra hoa.  
Chợt quên bên đường ai đứng đợi...  
Cuộc đời có lẽ nào.  
Là một thoáng băng quơ!

Ta còn em một cuộc tình  
Như một bài thơ.  
Mỗi nỗi đau gặm mòn thêm phận số.  
Nhật ký sang trang ghi thêm nỗi nhớ...

18.

Em ơi! Hà Nội - phố  
Ta còn em lô xô màu ngôi cũ.  
Hiu quạnh  
Một ngôi nhà  
Oa oa tiếng khóc.  
Ngày con ra đời.  
Con bão rút bẻ gãy cành đa.  
Con vừa lớn...  
Chinh chiến gần kề trước cửa.

Ta còn em con đường đá  
Lát bao niên kỷ?  
Cây si kia trồng tự năm nào?

Ngày đi,  
Qua đò Dâu  
Nhìn về bến vắng,  
Ruột đau,  
Xót mẹ còng lưng gánh buổi chiều!

19.

Em ơi! Hà Nội - phố  
Ta còn em đồng kim ngân

Lao xao cười nói, mời chào,  
Xe cộ nổi còi hồi há...

Buổi chợ chiều trên phố vừa tan  
Chợ đêm giữa kinh đô họp muộn...  
Những kẻ nghèo khuya thức,  
Đợi tinh mơ lại mở chợ ngày.

7.  
Em ơi! Hà Nội - phố...  
Ta còn em vầng trăng nửa,  
Người phu xe đợi khách bến đầu ô.  
Tiếng rao đêm lạc giọng  
Ồ hờ...  
Căn gác trọ đường vào bằng cửa sổ  
Lão Mozart hàng xóm  
Bảy nốt cù cưa.  
Tùng đêm quên giấc ngủ...

Ta còn em tiếng dương cầm.  
Trong khung nhà đồ  
Lả tả trên thềm  
Beethoven và sonate Ánh trăng.  
Nốt nhạc thiên tài lẫn trong mảnh vỡ...

Cô gái áo đỏ venise  
Xa Hà Nội,  
Vẽ clavecin  
Tập đàn  
Trên phản gỗ...

Ta còn em những tràng pháo tay vang dậy.  
Đêm lộng lẫy!  
Cô gái dương cầm đứng giữa rừng hoa,  
Nước mắt lã chã trên áo đỏ.

Rời một ngày tả tơi,  
Loạn gió.  
Vườn Ngọc Hà  
Mùa hoa cánh rã,  
Đường Quán Thánh.  
Ta còn em một đam mê.  
Một vật vã,  
Một dang dở,  
Một trống không,  
Một kiếp người,  
Những phím đàn long..  
.Bản giao hưởng *Lặng cầm*  
Trong một ngôi nhà...

8.  
Em ơi! Hà Nội - phố

Đổ đầy Hàng Mã  
Lâu đài, dinh thự  
Ngựa, xe, võng, lọng  
Gấm, vóc, lụa, là.  
Những hình nhân hầu gái  
Đẹp như hoa.

Ta còn em đống than tro.  
Một ngày gió nổi,  
Mớ giấy tiền,  
Phù du của nã.  
Hai cỗi âm dương,  
Mịt mù bụi phố!

## 20. RIÊNG VỀ MỘT THÁNG CHẠP

Tháng Chạp!  
Những tàng cây óng ả sợi tơ hồng.  
Tháp chạp thủ thi lời hò hẹn.  
- “Qua đợt gió cuối mùa...  
Ngày mai ta đến với mùa xuân”  
Đôi tân hôn chưa kịp nằm chiếu hoa.  
Đã có tên trong vòng hoa tưởng niệm...

Một tháng Chạp trắng khăn xô,  
Khói hương dài theo phố.  
Một tháng Chạp  
Thâu đêm.  
Mẹ  
Thức.  
Hoá vàng...

Tháng Chạp con đường ngăn ngõ,  
Dãy phố thành toạ độ.  
Khu trắng không người ở,  
Dòng chữ phấn ghi trên cánh cửa,  
Lời thề của người bỏ phố:  
Còn một đống gạch, còn trở về nhà cũ!  
Sập gụ, tủ chè, sách xưa và bình cổ  
thí thân cho mất cho còn!

Một tháng chạp,  
Trên nóc cao, còi hụ,  
Cái chết đến tự phương nào?  
Cách thủ đô bao nhiêu cây số?  
Giọng Hà Nội thật ngọt ngào,

Ta còn em khuya phố mênh mông.  
 Vùng sáng nhỏ.  
 Bà quán ê a chuyện nàng Kiều.  
 Rượu làng Vân lung linh men ngọt.  
 Mắt cô nàng lúng liếng đong đưa...

Ngơ ngẩn bao chàng trai Kẻ Chợ.  
 Con say quá dài thành một cơn mê...  
 9.

Em ơi! Hà Nội - phố  
 Ta còn em tiếng hàng ngày.  
 Reo vang đường phố.  
 Lạnh canh! Lạnh canh!  
 Tia hồ quang chớp xanh.  
 Toa xe điện lên đèn.  
 Người soát vé áo bành tô sồn rách...

Lạnh canh! Lạnh canh!  
 - Ai xuống Bờ Hồ!  
 Ai đi Mơ! Ai lên Bưởi!

Lạnh canh! Lạnh canh!  
 Một đời cơ nhỡ.  
 Trăm ngày ngược xuôi  
 Đầm đĩa nước mắt.  
 Áo vải mồ hôi.  
 Bơ gạo mớ rau...  
 Mẹ về buổi chợ  
 Lạnh canh! Lạnh canh!  
 Lá bánh, củ khoai.  
 Đàn con trên bến đò.  
 Cuối ngày...

10.

Em ơi! Hà Nội - phố!  
 Ta còn em ráng đỏ chiều hôm.  
 Đôi chim khuyên gọi nhau trong bụi cỏ.  
 Đôi guốc bỏ quên bên ghế đá  
 Gã đầu trần thơ thần đường mưa....

Ta còn em Cổ Ngư, tên thật cũ,  
 Nắng chiều phai  
 Là đà, cành phượng vĩ,  
 Bông hoa muện in hình ngọn lửa...

Chiếc lá rụng.  
 Khởi đầu ngọn gió.  
 Lao xao sóng biếc Tây Hồ.  
 Hoàng hôn xa đến tự bao giờ?  
 Những bước chân tìm nhau  
 Vội vội.

Cô gái loan truyền tin bão lửa:  
 “Hỡi đồng bào! Hỡi đồng bào...”

Một tháng Chạp,  
 Cây bàng mờ côi mùa đông,  
 Nóc phố mờ côi, mùa đông,  
 Mảnh trăng mờ côi, mùa đông.  
 Thang Chạp năm ấy in hình bao mộ phố!

21. Em ơi! Hà Nội - phố...  
 Ta còn em mảnh đại bác  
 Ghim trên thành cổ  
 Một thịnh, một suy.  
 Thời thế.  
 Lẽ hưng vong.  
 Người qua đó hững hờ bài học sử...

Ta còn em dãy bia đá.  
 Danh hình hội tụ  
 Rêu phong gìn giữ nét tài hoa...

Ly rượu đầy xin rót cúng cha.  
 Nghìn lạy cúi đầu thương đất Tổ.  
 Bến nước nào đã neo thuyền ngư  
 Đám mây nào in bóng rồng bay?...

Ta còn em những giấc mơ lộng lẫy xiêm y.  
 Nhã nhạc nhịp nhàng,  
 Vóc dáng cung phi.  
 Những hào kiệt, những anh hùng,  
 Vương triều nào cũng có,  
 Và kẻ cuồng si gọi tên thi sĩ!  
 Tháp nén hương nhớ người tri kỷ...

22.22.

Em ơi! Hà Nội - phố!  
 Ta còn em năm cửa ô.  
 Năm cửa gió  
 Con bão những mùa nào qua đó?  
 Ba mươi sáu phố  
 Bao nhiêu mảnh vỡ?  
 Ta còn em một màu xanh thời gian.  
 Màu xám hư vô.  
 Chợt nhoè.  
 Chợt hiện.

Cuộc tình hờ bồng chốc nghiêm trang...

11.

Ta còn em ngọn gió Nghi Tàm  
Thoáng mùi sen nở muện.  
Nhớ Nhật Tân.  
Mùa hoa năm ấy.  
Cánh đào phai...

Người đầu ra đi vạn dặm dài.  
Gió ngọn vẫn vương hương phố cũ...

12.

Em ơi! Hà Nội - phố...  
Ta còn em cơn mưa rào qua nhanh  
Sững ướt bậc thềm.  
Chiếc lá bàng đầu tiên nhuộm đỏ.  
Cô gái băng qua đường bồng hồng đôi má.  
Một chút xanh hơn  
Trời Hà Nội.  
Hôm qua...

Ta còn em cô hàng hoa  
Gánh mùa thu qua cổng chợ.  
Những chùm hoa tím  
Ngát  
Mùa thu...

13.

Em ơi! Hà Nội - phố...  
Ta còn em con đê lộng gió.  
Dòng sông chảy mang hình phố.  
Cô gái dựa lưng bên gốc me già.

Ngọn đèn đường lặng thính  
Soi bờ đá...

Ta còn em mùa nước đổ  
Sông Hồng mất tắm bãi Giũa,  
Bè xuôi, không ghé bến  
Con tàu nhỏ neo về biển.  
Hỏi còi vọng  
Như một tiếng than dài  
- "Mùa này trăng vỡ trên sông"

Ta còn em hàng cây khô,  
Buồn như dãy phố.  
Người bỏ xứ  
Quay nhìn lần cuối.  
Hạt sương tan,

Chợt lung linh ngọn nến.

Chợt mong manh,  
Một dáng, một hình.  
Nhọt nhạt vàng son.  
Đậm đầy cay đắng.

Người nghệ sĩ lang thang hoài trên phố,  
Bỗng thấy mình không nhớ nổi con đường,  
Một mình giữa bóng chiều sa,  
Tha hương ngay trước cổng nhà mẹ cha...

Bầu trời này như cửa riêng ta!  
Nỗi buồn vô cớ luôn rất lạ...

23.23.

Em ơi! Hà Nội - phố!  
Ta còn em cánh nhạn chao nghiêng,  
Chiều cuối.  
Những giọt sương nhòa bóng điện,  
Mặt nước Hồ Gươm bỗng nhiên trở lạnh,  
Thap Rùa ngả bóng,  
Lung linh...  
Người ra đi mang theo buốt giá,  
Áo choàng không ấm thân gầy  
Cầm bằng theo cánh chim bay...

Người đi tìm khoảng cách để quên,  
Nào biết phương xa,  
Mài mòn đôi mắt nhớ?  
24.

Em ơi! Hà Nội - phố  
Ta còn em mùi hoàng lan.  
Ta còn em mùi hoa sữa,  
Tiếng giày ai gõ nhịp đường khuya.  
Cột kẹt bước chân quen,  
Thang gác thời gian  
Mòn thân gỗ,

Ngôi sao lẻ lạc vào căn xép nhỏ...! ■

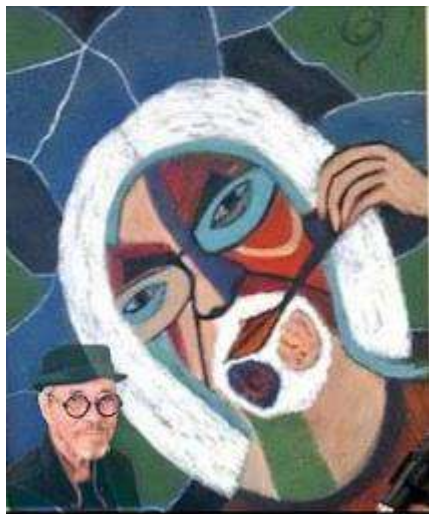
**Phan Vũ**

Hà Nội, tháng Chạp 1972



Nhoè nhoè đuôi mắt.

“Người đi! Ừ nhỉ! Người đi thực!”...  
Lữ khách khê ngâm câu Tống biệt  
Đành đoạn một lần dứt áo xanh...



Phan Vũ. Nhà thơ, viết kịch, họa sĩ trường phái Trừu tượng



Nhạc Sĩ **PHÚ QUANG**

### Những bài hát Hay Nhất Của Nhạc Sĩ PHÚ QUANG

**Xuan Ha. (2019, August 9). Những bài hát Hay Nhất Của Nhạc Sĩ PHÚ QUANG**

Retrieved July 20, 2023 from [https://www.youtube.com/watch?v=sEuun\\_QMBjg](https://www.youtube.com/watch?v=sEuun_QMBjg)

**[Trở về mục lục](#)**



# Tartuffe

<https://www.gutenberg.org/files/50173/50173-h/50173-h.htm>

(Public Domain)

**LE TARTUFFE  
OU  
L'IMPOSTEUR**

**COMÉDIE**

Représentée pour la première fois, à Versailles, devant la cour, dans les *Plaisirs de l'Ile enchantée* (1664).—  
Les trois premiers actes, sur le théâtre du Palais-Royal, le 5 août 1667; défendue le lendemain, et reprise  
sans interruption le 5 février 1669.

---

En 1664, comme nous l'avons dit, le 10 mai, les trois premiers actes d'une œuvre conçue depuis longtemps par Molière, et dès lors terminée si ce n'est corrigée, furent représentés comme essai pendant les fêtes de Versailles.

C'était à la fois une singulière audace et une grande habileté. L'œuvre était évidemment dirigée contre le jansénisme même et la rigidité extérieure. Le roi, dont les austères et les dévots contrariaient les amours et prétendaient régenter les plaisirs, allait-il prendre parti contre eux et reconnaître l'auteur dramatique pour premier ministre de ses vengeances et de ses plaisirs? ou bien imposerait-il silence à Molière et concéderait-il implicitement aux censeurs le droit de critiquer les préférences de son cœur et les voluptés de son trône?

Un puritanisme hypocrite, cherchant à se rendre maître du crédit, de l'autorité et de la fortune, plus vicieux en secret, plus sensuel en réalité que ceux dont il blâmait les penchants, occupait le centre de la composition nouvelle; et l'on peut croire que le comédien nomade, élève de Gassendi, traducteur de Lucrèce, lié avec Bernier, Chapelain et les libertins, eut exactement la même pensée qui dicta plus tard à Fielding son *Tom Jones*: la haine du pédant et des dehors hypocrites; une grande foi dans les penchants naturels de l'humanité, une grande répugnance pour les austérités affectées. La société anglaise de Fielding et de Richardson, entre 1688 et 1780, vivait de décence et de formalisme comme la société de Louis XIV entre 1660 et 1710. Ce sont les œuvres parallèles, mais non égales en mérites, que l'École de la médisance et *Tartuffe*.

Au XVI<sup>e</sup> siècle, le même point de vue avait inspiré à Shakespeare l'admirable portrait de ce magistrat sévère qui, dans *Measure for Measure* (*Un prêté pour un rendu*), se laisse entraîner à sa passion, commet des crimes épouvantables et devient d'autant plus coupable que sa doctrine est plus rigide. Sheridan n'a pas imité Molière, Molière n'a pas imité Shakespeare. Tous trois ont pénétré l'extrême faiblesse humaine, sa pente facile vers l'ex- cès, et la fragilité de nos vertus.

L'œuvre de Shakespeare est plus générale et plus philosophique; celle de Sheridan, plus légère et plus vive de ton; celle de Molière contient une leçon sociale plus puissante et plus forte. Un bourgeois simple et honnête, sans doute quelque conseiller de parlement, qui aura touché dans sa jeunesse aux troubles de la Fronde, et qui gouverne assez mal sa famille, donne accès chez lui à un dévot de robe courte, cheveux plats, ajustements simples mais élégants, homme de bien à ce qu'il dit lui-même et à ce que l'on croit, que le père de famille a rencontré dans une église, toujours en dévotion prières, poussant des *hélas!* mystiques et des soupirs affectés, et prouvant sagesse tendre par la componction la plus fervente et la plus humble. C'est M. Tartuffe. Notre bourgeois s'intéresse, s'informe, apprend que le personnage fait l'aumône aux pauvres, qu'il vit modestement, qu'il est gentilhomme, peu riche il est vrai, mais en passe de le devenir. C'est un saint. On le répète dans le quartier. Poussé du désir de sanctifier son logis magistral, d'inculquer le bon exemple à son jeune fils, de morigéner sa femme, jeune, belle, aimant, quoique sage, la parure et les divertissements mondains, le père offre un asile au prétendu modèle de la perfection chrétienne, qui amène Laurent, son valet, dévot comme lui, portant soigneusement la haire et la discipline.

L'aspect extérieur de ce M. Tartuffe n'avait rien de redoutable. Un heureux embonpoint et une face riante, des yeux modestement baissés, un costume noir de la propreté la plus exquise, les mains jointes sur la poitrine, l'air béat et le sourire doux, il n'inspirait que bienveillante confiance. C'était le papalard de la Fontaine, et non le scélérat lugubre. Une voix moelleuse, caressante et mystique achevait ce personnage.

Dès que M. Tartuffe a pénétré dans la maison, il y fait son nid, il y incarne; sa sensualité se gorge des bons dîners de son hôte et s'endort voluptueusement dans la couche molle qu'on lui apprête. Pour exploiter la situation il n'a pas besoin de faire jouer d'autres ressorts que l'apparente sincérité de sa vie dévote; il prêche, il gourmande doucement les vices, il sert d'espion domestique. Son crédit augmente; sa grimace sacrée suffit pour l'enraciner

dans ce lieu de délices. Comme Sganarelle, avec trois mots latins, guérit tout le monde;—Comme don Juan, avec des révérences et des politesses soutenues de son habit brodé, paye M. Dimanche;—M. Tartuffe n'a besoin que d'un rosaire et d'un scapulaire pour vivre gros et gras, s'emparer des esprits et monter au ciel. Il doit une partie de son succès à la doctrine qu'il prêche; doctrine d'apparences qui permet à un père l'égoïsme foncier et la cruauté réelle envers les siens, sous le voile de l'austérité dévote. Il peut affamer et déshériter sa famille sous prétexte de son propre salut, il ne doit compte qu'à Dieu; la formule le sauvera, qu'il soit mauvais père et méchant homme en sûreté de conscience.

Voilà M. Tartuffe maître et roi de la situation; sa santé prospère, son corps et son âme fleurissent, il est à la fleur de l'âge, et, malgré son humilité, il aime à vivre. Voilà son écueil. La femme du maître est jolie et passe pour coquette. Attachée à son mari par devoir plus que par sentiment, cette situation la rapproche sans cesse de M. Tartuffe, et la tentation de la chair vient saisir le saint homme. L'amour sensuel s'empare de cette âme béate. Malgré lui il jette son masque, ou du moins le soulève et laisse entrevoir à la femme de son bienfaiteur, sous un spiritualisme de formules, le fond même de cette nature grossière et dissimulée, qui veut des réalités et qui s'en repaît; nature friande et onctueuse, brutale et subtile, lourde et intéressée, qui trompe le monde au moyen de quelques dehors, d'un rôle appris et d'une facile hypocrisie. Alors et sous le coup de ses mêmes vices qui éclatent, tout l'édifice du dévot s'écroule au moment même de son triomphe. Le père voulait lui donner sa fille, bien qu'il eût engagé sa parole à un autre prétendant; il lui avait même cédé la partie la plus nette de sa fortune et lui avait confié un secret d'État relatif à ses jeunes années, secret qui compromettait jusqu'à sa vie. Dénoncé par la famille, livré par la jeune femme, Tartuffe est renversé. Mais les armes que l'engouement lui a prêtées, il les emploie sans pitié, et le saint homme devient scélérat. L'autorité royale intervient, foudroie Tartuffe, rétablit la paix, et après ce grand enseignement remet Orgon au sein de sa famille.

Telle est cette admirable conception, méditée par Molière depuis le moment de son entrée à Paris, élaborée avec l'amour le plus persévérant pendant sept années, et qui, pour être enfin jouée, a coûté à son auteur autant de diplomatie, de démarches, de persévérance et d'adresse qu'il avait fallu de sagacité, de génie et de combinaison pour la créer. Ninon de Lenclos, le prince de Condé, les libres esprits, tous ceux qui préparaient l'ascendant futur des idées philosophiques, le groupe croissant des *libertins* (comme on les nommait alors), encouragea, surveilla et protégea le développement de l'œuvre. C'était tout un monde que cette sphère des esprits forts; et Nicole avait raison de dire qu'il n'y avait déjà plus en 1660 d'hérétiques, mais des incrédules; à leur tête marchaient la Rochefoucauld, le prince de Condé, son amie madame Deshoulières, qui ne baptisa sa fille qu'à vingt-neuf ans; Retz et de Lyonne, la Palatine et Bourdelot, le bonhomme Rose, qui ne croyait à rien, Saint-Évremond et Saint-Réal, Desbarreaux l'athée, Milton l'esprit fort, l'aimable de Méré, Saint-Pavin, Lainé et Hénaut, enfin les anciens compagnons de Théophile, les nouveaux amis de la Fontaine.

Ninon prêta son salon pour la première lecture du *Tartuffe*.

Chapelle, Bernier, Boileau lui-même, qui étaient présents, applaudirent avec les jeunes seigneurs.

Mais comment parvenir à faire représenter l'œuvre? Tout se dirigeait vers l'ordre apparent, vers la décence extérieure. Louis XIV, en se livrant à ses amours, aimait que la dévotion régnât autour de lui. Il fallut marcher pas à pas à la conquête de la position, établir la sape et la tranchée, circonvenir le roi, se faire des appuis partout, choisir le moment où Paris était désert et s'armer d'une promesse verbale du monarque, qui venait de partir pour le camp devant Lille, pour faire jouer enfin le *Tartuffe* en 1667, sur le théâtre du Palais-Royal. Il y avait quelque chose de subreptice dans cette introduction de l'hypocrite, à qui Molière avait enlevé son nom de Tartuffe pour le nommer *Arnolphe*, et qu'il avait adouci sur plusieurs points. Malgré ces précautions, tout se souleva. Le premier président de Lamoignon ordonna la suspension de l'œuvre pour en référer au roi. Deux acteurs de la troupe, la

Thorillière et la Grange, partirent avec un placet et allèrent supplier Louis XIV et le prier de lever ladite défense. Bien reçus par le monarque, ils n'obtinrent qu'une réponse dilatoire et la promesse de faire examiner la pièce à son retour.

C'était la grande question morale du XVIII<sup>e</sup> siècle qui se débattait déjà, celle de la religion contre la philosophie, celle de Bossuet contre Voltaire.

En 1660, on avait brûlé les *Provinciales*, satire redoutable de la fausse dévotion. D'une part, on essayait de resserrer violemment les liens de l'unité religieuse, et la révocation de l'édit de Nantes se préparait. D'une autre, le salon de Ninon de Lenclos, cette antichambre de Ferney, servait de rendez-vous et de point d'appui aux partisans et aux protecteurs du *Tartuffe*.

Pendant deux années, le combat eut lieu autour du *Tartuffe*. Enfin Molière eut le dessus.

Après deux années d'interdiction, le 5 février 1669, grâce aux efforts des amis de Molière et à la merveilleuse prudence de sa conduite, le symbole du mensonge dévot apparut enfin sur la scène. On s'y porta en foule; on se souvenait que deux ans auparavant, toutes les loges étant pleines pour la seconde représentation du *Tartuffe*, un ordre exprès était venu pour empêcher la représentation.

«*J'eus de la peine*, dit le journaliste Robinet, à voir *Tartuffe*, tant il y avoit de monde:

Et maints couroient hazard  
D'être étouffés dans la presse,  
Où l'on oyoit crier sans cesse:  
Hélas! monsieur Tartuffius,  
Faut-il que de vous voir l'envie  
Me coûte peut-être la vie?  
On disloqua à quelques-uns  
Manteaux et côtes...

Armande était Elmire; du Croisy, dont la voix était douce et l'air compassé, jouait *Tartuffe*. Madeleine Béjart, cette femme amère et violente qui avait tourmenté sa jeune sœur et l'avait forcée à se rejeter dans les bras d'un mari, représentait Dorine, la servante maîtresse, «forte en gueule et impertinente,» devenue la première autorité d'une maison mal conduite. Madame Pernelle, cette aïeule entêtée qui ouvre la scène d'une façon si admirable, était représentée par Béjart lui-même, et Molière s'était réservé le personnage du crédule Orgon.

Depuis ce temps *Tartuffe* représente le masque hypocrite et la formule du mensonge, non-seulement pour la France, mais pour l'Europe et l'avenir. Comme Patelin, Panurge, Figaro et *Falstaff*, comme *Lovelace* et *Don Juan*, il vit toujours, il est immortel.

Mais qu'est-ce que *Tartuffe*? Selon quelques commentateurs, ce serait le diable, *der Tauffel*, qui serait transformé en *ter Teufel*, puis enfin en *Tartuffe*. Selon d'autres, ce serait une allusion à ce personnage dévot qui, d'un ton contrit, onctueux et pieux, demandait sans cesse qu'on lui servît des «truffes.» Absurde étymologie. *Tartuffe* est simplement le *Truffactor* de la basse latinité, le «trompeur,» mot qui se rapporte à l'italien et à l'espagnol «truffa» combiné avec la syllabe augmentative «tra,» indiquant une qualité superlative et l'excès d'une qualité ou d'un défaut. *Truffer*, c'est tromper; «*Tratruffar*,» tromper excessivement et avec hardiesse. L'euphonie a donné ensuite «*tartuffar*,» puis *Tartuffe*. Il est curieux de retrouver cette dernière désignation appliquée aux «truffes» ou «*tartuffes*,» qui deviennent ainsi les *trompeuses*. Platina, dans son traité *de Honesta voluptate*, indique cette éty-



mologie relevée par le Duchat et Ménage. *Truffaldin*, le fourbe vénitien, se rapporte à la même origine. *Tartuffe*, *Truffactor*, le Truffeur, est donc le roi des fourbes sérieux comme Mascarille est le roi des fourbes comiques; aussi toute manifestation de l'irritation française contre l'autorité de la formule, contre l'envahissement des simulacres, a-t-elle eu pour expression le mot *Tartuffe*. C'est *Tartuffe* que l'on a demandé, joué, applaudi, toutes les fois que le mécontentement populaire s'est soulevé secrètement ou ouvertement contre le joug. Molière a été plus effectif dans le sens que nous indiquons que cent révolutionnaires.

Molière n'eut pas seulement à combattre les résistances des dévots, mais les coquetteries et les prétentions d'Armande, qui voulait jouer le rôle d'Elmire en grande coquette, se surcharger de diamants et de dentelles, et éblouir tout le monde de l'éclat de sa parure. Une telle splendeur eût effrayé M. Tartuffe, dont la finesse madrée n'aurait pas osé approcher d'une si brillante idole. Molière, au grand chagrin d'Armande, lui imposa un ajustement plus modeste et plus conforme à la situation sociale de son mari.

Quarante-quatre représentations attestèrent la conquête redoutable et indestructible de Molière.

Tout s'émut. Un curé, qui s'appelait Roulet, et qui avait le soin d'une petite église de Paris (Saint-Barthélemy), publia contre l'auteur un pamphlet furieux, digne des temps de la Ligue. Bourdaloue tonna en chaire, Bossuet exhorta les chrétiens à ne pas se laisser séduire par le comédien impie. Le prince de Conti, devenu janséniste, frappa d'anathème son ancien protégé. La Bruyère, qui tenait à Bossuet par des liens sévères et secrets, essaya de prouver que le vrai Tartuffe, plus homme du monde et plus raffiné, ne se montre jamais sous d'aussi grossières et d'aussi franches couleurs. Les jésuites, bien qu'attaqués dans les passages où la morale d'Escobar est raillée, pardonnèrent à Molière, dont le père Bouhours composa l'épithète laudative; Fénelon, leur ami, dont l'âme tendre se joignait à un esprit si fin, prit parti pour le critique de la fausse dévotion, «qui, disait-il, rendait service à la vraie piété;» enfin les comédiens ravis assurèrent double part à Molière dans les recettes de toutes les représentations qui suivirent.

Les commentateurs ont cherché avec un soin minutieux les diverses circonstances et les anecdotes qui ont pu servir Molière dans la création de *Tartuffe*. Il a puisé dans tous les événements et tous les faits qui se sont manifestés entre 1660 et 1667: querelles du jansénisme et du molinisme; les *Provinciales* brûlées par le bourreau; les intrigues de l'austère duchesse de Navailles et d'Olympe de Mancini contre les amours du roi; la cassette de Fouquet et la chute de ce ministre; le personnage odieux de Letellier; toutes les manœuvres contradictoires des courtisans et des dévots; la fausse mysticité du père Lemoine; la rigidité affectée de quelques amis d'Arnauld; la morale relâchée d'Escobar; les arrestations arbitraires commandées par le roi; le personnage patelin et sensuel de cet abbé de Roquette, «qui prêchait les sermons d'autrui;» les anecdotes de la cour et de la ville; la disgrâce de la comtesse de Soissons; tout, jusqu'à la retraite sévère des Singlin et des Arnauld; l'époque entière vient se concentrer dans son œuvre. Il a même indiqué par le personnage de l'huissier «Loyal,» cet oiseau de proie si rempli de douceur, cet autre Patelin exerçant pieusement son triste office, l'existence d'une secte entière vouée à la complicité la plus mielleuse et à une douceur de ton qui ne fait que s'accroître de l'inhumanité des actes. Les jésuites se turent. Les jansénistes sentirent le coup, et ne pardonnèrent pas à Molière.

Rabelais, Boccace, Pascal, Platon dans sa *République*, Scarron même dans sa nouvelle des *Hypocrites*, lui fournirent des couleurs et des détails. Il y a dans cette dernière nouvelle, imitée de l'espagnol, un «Montufar,» dont le nom, par parenthèse, n'est pas sans analogie avec «Tartuffe,» et qui échappe à la vengeance des lois par la même pénitence humiliée, par la même abjection chrétienne qui réussit à Tartuffe. Qui ne se souvenait alors des profondes hypocrisies du cardinal de Richelieu? Comme Tartuffe, il avait osé parler d'amour à la femme de son maître. Comme le héros de Molière, il s'était prosterné aux pieds de l'ennemi dont il allait faire tomber la tête.

*Tartuffe* est le point culminant du génie et de la doctrine de Molière. Le genre humain, facilement dupe de l'apparence; l'engouement si naturel à la race française, préparant au charlatanisme une conquête facile; la formule religieuse, le masque de la piété, en simulant le suprême idéal comme offrant un danger terrible, telle est l'idée fondamentale développée avec génie par Molière. La victoire lui reste.

Il savait bien ce qu'il voulait.

Lisez cette admirable préface du *Tartuffe*, chef-d'œuvre d'un style qui se rapproche de celui de Rousseau et de Pascal, et qui s'élève pour la netteté de la discussion au niveau des plus belles pages de la langue française. Non-seulement il y défend la comédie et le théâtre en général, mais la nature humaine qu'il réhabilite. C'est l'unique fragment de ce penseur et de ce poète où nous puissions contempler à nu pour ainsi dire sa doctrine philosophique, que nous ne discutons pas ici:

«Rectifier et adoucir les passions au lieu de les retrancher.»

---

### PRÉFACE DU TARTUFFE

Voici une comédie dont on a fait beaucoup de bruit, qui a été longtemps persécutée<sup>[127]</sup>; et les gens qu'elle joue ont bien fait voir qu'ils étoient plus puissans en France que tous ceux que j'ai joués jusques ici. Les marquis, les précieuses, les cocus et les médecins, ont souffert doucement qu'on les ait représentés, et ils ont fait semblant de se divertir, avec tout le monde, des peintures que l'on a faites d'eux; mais les hypocrites n'ont point entendu raillerie; ils se sont effarouchés d'abord, et ont trouvé étrange que j'eusse la hardiesse de jouer leurs grimaces, et de vouloir décrier un métier dont tant d'honnêtes gens se mêlent. C'est un crime qu'ils ne sauroient me pardonner; et ils se sont tous armés contre ma comédie avec une fureur épouvantable. Ils n'ont eu garde de l'attaquer par le côté qui les a blessés; ils sont trop politiques pour cela, et savent trop bien vivre pour découvrir le fond de leur âme. Suivant leur louable coutume, ils ont couvert leurs intérêts de la cause de Dieu; et le *Tartuffe*, dans leur bouche, est une pièce qui offense la piété. Elle est, d'un bout à l'autre, pleine d'abominations, et l'on n'y trouvera rien qui ne mérite le feu. Toutes les syllabes en sont impies; les gestes mêmes y sont criminels; et le moindre coup d'œil, le moindre branlement de tête, le moindre pas à droite ou à gauche, y cachent des mystères qu'ils trouvent moyen d'expliquer à mon désavantage.

J'ai eu beau la soumettre aux lumières de mes amis, et à la censure de tout le monde: les corrections que j'y ai pu faire; le jugement du roi et de la reine, qui l'ont vue; l'approbation des grands princes et de messieurs les ministres, qui l'ont honorée publiquement de leur présence; le témoignage des gens de bien, qui l'ont trouvée profitable, tout cela n'a de rien servi. Ils n'en veulent point démordre; et, tous les jours encore, ils font crier en public des zélés indiscrets, qui me disent des injures pieusement, et me damnent par charité.

Je me soucierois fort peu de tout ce qu'ils peuvent dire, n'étoit l'artifice qu'ils ont de me faire des ennemis que je respecte, et de jeter dans leur parti de véritables gens de bien, dont ils préviennent la bonne foi, et qui, par la chaleur qu'ils ont pour les intérêts du ciel, sont faciles à recevoir les impressions qu'on veut leur donner. Voilà ce qui m'oblige à me défendre. C'est aux vrais dévots que je veux me justifier sur la conduite de ma comédie; et je les conjure de tout mon cœur de ne point condamner les choses avant que de les voir, de se défaire de toute prévention, et de ne point servir la passion de ceux dont les grimaces les déshonorent.

Si l'on prend la peine d'examiner de bonne foi ma comédie, on verra sans doute que mes intentions y sont partout innocentes, et qu'elle ne tend nullement à jouer les choses que l'on doit révéler; que je l'ai traitée avec toutes les

précautions que me demandoit la délicatesse de la matière; et que j'ai mis tout l'art et tous les soins qu'il m'a été possible pour bien distinguer le personnage de l'hypocrite d'avec celui du vrai dévot. J'ai employé pour cela deux actes entiers à préparer la venue de mon scélérat. Il ne tient pas un seul moment l'auditeur en balance; on le connoît d'abord aux marques que je lui donne; et, d'un bout à l'autre, il ne dit pas un mot, il ne fait pas une action qui ne peigne aux spectateurs le caractère d'un méchant homme, et ne fasse éclater celui du véritable homme de bien que je lui oppose.

Je sais bien que pour réponse, ces messieurs tâchent d'insinuer que ce n'est point au théâtre à parler de ces matières; mais je leur demande, avec leur permission, sur quoi ils fondent cette belle maxime. C'est une proposition qu'ils ne font que supposer, et qu'ils ne prouvent en aucune façon; et, sans doute, il ne seroit pas difficile de leur faire voir que la comédie, chez les anciens, a pris son origine de la religion, et faisoit partie de leurs mystères; que les Espagnols, nos voisins, ne célèbrent guère de fête où la comédie ne soit mêlée; et que, même parminous, elle doit sa naissance aux soins d'une confrérie à qui appartient encore aujourd'hui l'hôtel de Bourgogne; que c'est un lieu qui fut donné pour y représenter les plus importans mystères de notre foi; qu'on en voit encore des comédies imprimées en lettres gothiques, sous le nom d'un docteur de Sorbonne; et, sans aller chercher si loin, que l'on a joué, de notre temps, des pièces saintes de M. Corneille<sup>[128]</sup>, qui ont été l'admiration de toute la France.

Si l'emploi de la comédie est de corriger les vices des hommes, je ne vois pas par quelle raison il y en aura de privilégiés. Celui-ci est, dans l'État, d'une conséquence bien plus dangereuse que tous les autres; et nous avons vu que le théâtre a une grande vertu pour la correction. Les plus beaux traits d'une sérieuse morale sont moins puissans, le plus souvent, que ceux de la satire; et rien ne reprend mieux la plupart des hommes que la peinture de leurs défauts. C'est une grande atteinte aux vices, que de les exposer à la risée de tout le monde. On souffre aisément des répréhensions; mais on ne souffre point la raillerie. On veut bien être méchant; mais on ne veut point être ridicule.

On me reproche d'avoir mis des termes de piété dans la bouche de mon imposteur. Eh! pouvois-je m'en empêcher, pour bien représenter le caractère d'un hypocrite? Il suffit, ce me semble, que je fasse connoître les motifs criminels qui lui font dire les choses, et que j'en aie retranché les termes consacrés, dont on auroit eu peine à lui entendre faire un mauvais usage.—Mais il débite au quatrième acte une morale pernicieuse.—Mais cette morale est-elle quelque chose dont tout le monde n'eût les oreilles rebattues. Dit-elle rien de nouveau dans ma comédie? Et peut-on craindre que des choses si généralement détestées fassent quelque impression dans les esprits; que je les rende dangereuses en les faisant monter sur le théâtre; qu'elles reçoivent quelque autorité de la bouche d'un scélérat? Il n'y a nulle apparence à cela; et l'on doit approuver la comédie du *Tartuffe*, ou condamner généralement toutes les comédies.

C'est à quoi l'on s'attache furieusement depuis un temps; et jamais on ne s'étoit si fort déchaîné contre le théâtre. Je ne puis pas nier qu'il n'y ait eu des pères de l'Église qui ont condamné la comédie; mais on ne peut pas me nier aussi qu'il n'y en ait eu quelques-uns qui l'ont traitée un peu plus doucement. Ainsi l'autorité dont on prétend appuyer la censure est détruite par ce partage; et toute la conséquence qu'on peut tirer de cette diversité d'opinions en des esprits éclairés des mêmes lumières, c'est qu'ils ont pris la comédie différemment, et que les uns l'ont considérée dans sa pureté, lorsque les autres l'ont regardée dans sa corruption, et confondue avec tous ces vilains spectacles qu'on a eu raison de nommer des spectacles de turpitude.

Et, en effet, puisqu'on doit discourir des choses, et non pas des mots, et que la plupart des contrariétés viennent de ne se pas entendre, et d'envelopper dans un même mot des choses opposées, il ne faut qu'ôter le voile de l'équivoque, et regarder ce qu'est la comédie en soi, pour voir si elle est condamnable. On connoitra sans doute

que, n'étant autre chose qu'un poëme ingénieux qui, par des leçons agréables, reprend les défauts des hommes, on ne sauroit la censurer sans injustice; et, si nous voulons ouïr là-dessus le témoignage de l'antiquité, elle nous dira que ses plus célèbres philosophes ont donné des louanges à la comédie, eux qui faisoient profession d'une sagesse si austère, et qui crioient sans cesse après les vices de leur siècle. Elle nous fera voir qu'Aristote a consacré des veilles au théâtre, et s'est donné le soin de réduire en préceptes l'art de faire des comédies. Elle nous apprendra que de ses plus grands hommes, et des premiers en dignité, ont fait gloire d'en composer eux-mêmes; qu'il y en a eu d'autres qui n'ont pas dédaigné de réciter en public celles qu'ils avoient composées; que la Grèce a fait pour cet art éclater son estime par les prix glorieux et par les superbes théâtres dont elle a voulu l'honorer; et que, dans Rome enfin, ce même art a reçu aussi des honneurs extraordinaires: je ne dis pas dans Rome débauchée, et sous la licence des empereurs, mais dans Rome disciplinée, sous la sagesse des consuls, et dans le temps de la vigueur de la vertu romaine.

J'avoue qu'il y a eu des temps où la comédie s'est corrompue. Et qu'est-ce que dans le monde on ne corrompt point tous les jours? Il n'y a chose si innocente où les hommes ne puissent porter du crime; point d'art si salutaire dont ils ne soient capables de renverser les intentions; rien de si bon en soi qu'ils ne puissent tourner à de mauvais usages. La médecine est un art profitable, et chacun la révère comme une des plus excellentes choses que nous ayons; et cependant il y a eu des temps où elle s'est rendue odieuse, et souvent on en a fait un art d'empoisonner les hommes. La philosophie est un présent du ciel: elle nous a été donnée pour porter nos esprits à la connoissance d'un Dieu, par la contemplation des merveilles de la nature; et pourtant on n'ignore pas que souvent on l'a détournée de son emploi, et qu'on l'a occupée publiquement à soutenir l'impiété. Les choses mêmes les plus saintes ne sont point à couvert de la corruption des hommes; et nous voyons des scélérats qui tous les jours abusent de la piété, et la font servir méchamment aux crimes les plus grands. Mais on ne laisse pas pour cela de faire les distinctions qu'il est besoin de faire: on n'enveloppe point dans une fausse conséquence la bonté des choses que l'on corrompt avec la malice des corrupteurs: on sépare toujours le mauvais usage d'avec l'intention de l'art; et, comme on ne s'avise point de défendre la médecine pour avoir été bannie de Rome, ni la philosophie pour avoir été condamnée publiquement dans Athènes, on ne doit point aussi vouloir interdire la comédie pour avoir été censurée en de certains temps. Cette censure a eu ses raisons, qui ne subsistent point ici. Elle s'est renfermée dans ce qu'elle a pu voir; et nous ne devons point la tirer des bornes qu'elle s'est données, l'étendre plus loin qu'il ne faut, et lui faire embrasser l'innocent avec le coupable. La comédie qu'elle a eu dessein d'attaquer n'est point du tout la comédie que nous voulons défendre. Il se faut bien garder de confondre celle-là avec celle-ci. Ce sont deux personnes de qui les mœurs sont tout à fait opposées. Elles n'ont aucun rapport l'une avec l'autre que la ressemblance du nom; et ce seroit une injustice épouvantable que de vouloir condamner Olympe, qui est femme de bien, parce qu'il y a une Olympe qui a été une débauchée. De semblables arrêts, sans doute, feroient un grand désordre dans le monde. Il n'y auroit rien par là qui ne fût condamné; et, puisque l'on ne garde point cette rigueur à tant de choses dont on abuse tous les jours, on doit bien faire la même grâce à la comédie, et approuver les pièces de théâtre où l'on verra régner l'instruction de l'honnêteté.

Je sais qu'il y a des esprits dont la délicatesse ne peut souffrir aucune comédie; qui disent que les plus honnêtes sont les plus dangereuses; que les passions que l'on y dépeint sont d'autant plus touchantes qu'elles sont pleines de vertu, et que les âmes sont attendries par ces sortes de représentations. Je ne vois pas quel grand crime c'est que de s'attendrir à la vue d'une passion honnête; et c'est un haut étage de vertu que cette pleine insensibilité où ils veulent faire monter notre âme. Je doute qu'une si grande perfection soit dans les forces de la nature humaine; et je ne sais s'il n'est pas mieux de travailler à rectifier et adoucir les passions des hommes que de vouloir les retrancher entièrement. J'avoue qu'il y a des lieux qu'il vaut mieux fréquenter que le théâtre; et, si l'on veut blâmer toutes les choses qui ne regardent pas directement Dieu et notre salut, il est certain que la comédie en doit être, et

je ne trouve point mauvais qu'elle soit condamnée avec le reste; mais, supposé, comme il est vrai, que les exercices de la piété souffrent des intervalles, et que les hommes aient besoin de divertissement, je soutiens qu'on ne leur en peut trouver un qui soit plus innocent que la comédie. Je me suis étendu trop loin. Finissons par un mot d'un grand prince<sup>[129]</sup> sur la comédie du *Tartuffe*.

Huit jours après qu'elle eut été défendue, on représenta devant la cour une pièce intitulée *Scaramouche ermite*; et le roi, en sortant, dit au grand prince que je veux dire:

«Je voudrais bien savoir pourquoi les gens qui se scandalisent si fort de la comédie de Molière ne disent mot de celle de *Scaramouche*;» à quoi le prince répondit: «La raison de cela, c'est que la comédie de *Scaramouche* joue le ciel et la religion, dont ces messieurs-là ne se soucient point; mais celle de Molière les joue eux-mêmes; c'est ce qu'ils ne peuvent souffrir.»

---

### PREMIER PLACET

### PRÉSENTÉ AU ROI

Sur la comédie du *Tartuffe*, qui n'avoit pas encore été représentée en public.

Sire,

Le devoir de la comédie étant de corriger les hommes en les divertissant, j'ai cru que, dans l'emploi où je me trouve<sup>[130]</sup>, je n'avois rien de mieux à faire que d'attaquer par des peintures ridicules les vices de mon siècle; et, comme l'hypocrisie, sans doute, en est un des plus en usage, des plus incommodes et des plus dangereux, j'avois eu, Sire, la pensée que je ne rendrais pas un petit service à tous les honnêtes gens de votre royaume, si je faisais une comédie qui décriât les hypocrites, et mît en vue, comme il faut, toutes les grimaces étudiées de ces gens de bien à outrance, toutes les friponneries couvertes de ces faux monnoyeurs en dévotion, qui veulent attraper les hommes avec un zèle contrefait et une charité sophistique.

Je l'ai faite, Sire, cette comédie, avec tout le soin, comme je crois, et toutes les circonspections que pouvoit demander la délicatesse de la matière; et, pour mieux conserver l'estime et le respect qu'on doit aux vrais dévots, j'en ai distingué le plus que j'ai pu le caractère que j'avois à toucher. Je n'ai point laissé d'équivoque, j'ai ôté cequi pouvoit confondre le bien avec le mal, et ne me suis servi, dans cette peinture, que des couleurs expresses et des traits essentiels qui font reconnoître d'abord un véritable et franc hypocrite.

Cependant toutes mes précautions ont été inutiles. On a profité, Sire, de la délicatesse de votre âme sur les matières de religion, et l'on a su vous prendre par l'endroit seul que vous êtes prenable, je veux dire par le respect des choses saintes. Les tartuffes, sous main, ont eu l'adresse de trouver grâce auprès de Votre Majesté; et les originaux enfin ont fait supprimer la copie, quelque innocente qu'elle fût, et quelque ressemblante qu'on la trouvât.

Bien que ce m'eût été un coup sensible que la suppression de cet ouvrage, mon malheur pourtant étoit adouci par la manière dont Votre Majesté s'étoit expliquée sur ce sujet; et j'ai cru, Sire, qu'elle m'ôtoit tout lieu de me plaindre, ayant eu la bonté de déclarer qu'elle ne trouvoit rien à dire dans cette comédie, qu'elle me défendoit de produire en public.



Mais, malgré cette glorieuse déclaration du plus grand roi du monde et du plus éclairé, malgré l'approbation encore de monsieur le légat, et de la plus grande partie de nos prélats, qui tous, dans les lectures particulières que je leur ai faites de mon ouvrage, se sont trouvés d'accord avec les sentiments de Votre Majesté; malgré tout cela, dis-je, on voit un livre composé par le curé de..., qui donne hautement un démenti à tous ces augustes témoignages. Votre Majesté a beau dire, et monsieur le légat et messieurs les prélats ont beau donner leur jugement, ma comédie, sans l'avoir vue<sup>[131]</sup>, est diabolique, et diabolique mon cerveau; je suis un démon vêtu de chair et habillé en homme, un libertin, un impie digne d'un supplice exemplaire. Ce n'est pas assez que le feu expie en public mon offense, j'en serois quitte à trop bon marché; le zèle charitable de ce galant homme de bien n'a garde de demeurer là; il ne veut point que j'aie de miséricorde auprès de Dieu, il veut absolument que je sois damné; c'est une affaire résolue.

Ce livre, Sire, a été présenté à Votre Majesté: et, sans doute, elle juge bien elle-même combien il m'est fâcheux de me voir exposé tous les jours aux insultes de ces messieurs; quel tort me feront dans le monde de telles calomnies, s'il faut qu'elles soient tolérées; et quel intérêt j'ai enfin à me purger de son imposture, et à faire voir au public que ma comédie n'est rien moins que ce qu'on veut qu'elle soit. Je ne dirai point, Sire, ce que j'aurois à demander pour ma réputation, et pour justifier à tout le monde l'innocence de mon ouvrage: les rois éclairés comme vous n'ont pas besoin qu'on leur marque ce qu'on souhaite; ils voient, comme Dieu, ce qu'il nous faut, et savent mieux que nous ce qu'ils nous doivent accorder. Il me suffit de mettre mes intérêts entre les mains de Votre Majesté; et j'attends d'elle, avec respect, tout ce qu'il lui plaira d'ordonner là-dessus.

## SECOND PLACET

## PRÉSENTÉ AU ROI

Dans son camp devant la ville de Lille en Flandre, par les sieurs la Thorillière et la Grange, comédiens de Sa Majesté, et compagnons du sieur Molière sur la défense qui fut faite, le 6 août 1667, de représenter le *Tartuffe* jusques à nouvel ordre de Sa Majesté.

Sire,

C'est une chose bien téméraire à moi que de venir importuner un grand monarque au milieu de ses glorieuses conquêtes; mais, dans l'état où je me vois, où trouver, Sire, une protection qu'au lieu où je la viens chercher; et qui puis-je solliciter contre l'autorité de la puissance qui m'accable, que la source de la puissance et de l'autorité, que le juste dispensateur des ordres absolus, que le souverain juge et le maître de toutes choses?

Ma comédie, Sire, n'a pu jouir ici des bontés de Votre Majesté. En vain je l'ai produite sous le titre de *l'Impos- teur*, et déguisé le personnage sous l'ajustement d'un homme du monde; j'ai eu beau lui donner un petit chapeau, de grands cheveux, un grand collet, une épée, et des dentelles sur tout l'habit, mettre en plusieurs endroits des adoucissements, et retrancher avec soin tout ce que j'ai jugé capable de fournir l'ombre d'un prétexte aux célèbres originaux du portrait que je voulois faire, tout cela n'a de rien servi. La cabale s'est réveillée aux simples con- jectures qu'ils ont pu avoir de la chose. Ils ont trouvé moyen de surprendre des esprits qui, dans toute autre matière, font une haute profession de ne se point laisser surprendre. Ma comédie n'a pas plutôt paru, qu'elle s'est vue foudroyée par le coup d'un pouvoir qui doit imposer du respect; et tout ce que j'ai pu faire en cette rencontre pour me sauver moi-même de l'éclat de cette tempête, c'est de dire que Votre Majesté avoit eu la bonté de m'en perme-

tre la représentation, et que je n'avois pas cru qu'il fût besoin de demander cette permission à d'autres, puisqu'il n'y avoit qu'elle seule qui me l'eût défendue.

Je ne doute point, Sire, que les gens que je peins dans ma comédie ne remuent bien des ressorts auprès de Votre Majesté, et ne jettent dans leur parti, comme ils ont déjà fait, de véritables gens de bien, qui sont d'autant plus prompts à se laisser tromper qu'ils jugent d'autrui par eux-mêmes. Ils ont l'art de donner de belles couleurs à toutes leurs intentions. Quelque mine qu'ils fassent, ce n'est point du tout l'intérêt de Dieu qui les peut émouvoir, ils l'ont assez montré dans les comédies qu'ils ont souffert qu'on ait jouées tant de fois en public sans en dire le moindre mot. Celles-là n'attaquoient que la piété et la religion, dont ils se soucient fort peu; mais celle-ci les attaque et les joue eux-mêmes; et c'est ce qu'ils ne peuvent souffrir. Ils ne sauroient me pardonner de dévoiler leurs impostures aux yeux de tout le monde; et, sans doute, on ne manquera pas de dire à Votre Majesté que chacun s'est scandalisé de ma comédie. Mais la vérité pure, Sire, c'est que tout Paris ne s'est scandalisé que de la défense qu'on en a faite; que les plus scrupuleux en ont trouvé la représentation profitable; et qu'on s'est étonné que des personnes d'une probité si connue aient eu une si grande déférence pour des gens qui devoient être l'horreur de tout le monde, et sont si opposés à la véritable piété dont elles font profession.

J'attends avec respect l'arrêt que Votre Majesté daignera prononcer sur cette matière; mais il est très-assuré, Sire, qu'il ne faut plus que je songe à faire des comédies si les tartuffes ont l'avantage; qu'ils prendront droit par là de me persécuter plus que jamais, et voudront trouver à redire aux choses les plus innocentes qui pourront sortir de ma plume.

Daignent vos bontés, Sire, me donner une protection contre leur rage envenimée! et puissé-je, au retour d'une campagne si glorieuse, délasser Votre Majesté des fatigues de ses conquêtes, lui donner d'innocens plaisirs après de si nobles travaux, et faire rire le monarque qui fait trembler toute l'Europe!

### **TROISIÈME PLACET**

#### **PRÉSENTÉ AU ROI, LE 5 FÉVRIER 1669.**

Sire,

Un fort honnête médecin<sup>[132]</sup>, dont j'ai l'honneur d'être le malade, me promet et veut s'obliger par-devant no- taire de me faire vivre encore trente années, si je puis lui obtenir une grâce de Votre Majesté. Je lui ai dit, sur sa promesse, que je ne lui demandois pas tant, et que je serois satisfait de lui, pourvu qu'il s'obligeât de ne me point tuer. Cette grâce, Sire, est un canonicat de votre chapelle royale de Vincennes, vacant par la mort de...

Oserois-je demander encore cette grâce à Votre Majesté le propre jour de la grande résurrection de Tartuffe, ressuscité par vos bontés? Je suis, par cette première faveur, réconcilié avec les dévots: et je le serois, par cette seconde, avec les médecins. C'est pour moi, sans doute, trop de grâces à la fois; mais peut-être n'en est-ce pas trop pour Votre Majesté; et j'attends, avec un peu d'espérance respectueuse, la réponse de mon placet.

---

## ACTEURS.

## PERSONNAGES.

MADAME PERNELLE, mère d'Orgon.	Béjart.
ORGON, mari d'Elmire.	Molière.
ELMIRE, femme d'Orgon.	M <sup>lle</sup> Molière.
DAMIS, fils d'Orgon.	Hubert.
MARIANE, fille d'Orgon et amante de Valère.	M <sup>lle</sup> Debrie.
VALÈRE, amant de Mariane.	La Grange.
CLÉANTE, beau-frère d'Orgon.	La Thorillière.
TARTUFFE, faux dévot.	Du Croisy.
DORINE, suivante de Mariane.	Mad. Béjart.
M. LOYAL, sergent[133].	Debrie.
UN EXEMPT.	
FLIPOTE, servante de madame Pernelle.	

La scène est à Paris, dans la maison d'Orgon.

---

**ACTE PREMIER****SCÈNE I.—MADAME PERNELLE, ELMIRE, MARIANE, CLÉANTE, DAMIS, DORINE, FLIPOTE.**

MADAME PERNELLE.

Allons, Flipote, allons; que d'eux je me délivre.

ELMIRE.

Vous marchez d'un tel pas, qu'on a peine à vous suivre.

MADAME PERNELLE.

Laissez, ma bru, laissez; ne venez pas plus loin:  
Ce sont toutes façons dont je n'ai pas besoin.

ELMIRE.

De ce que l'on vous doit envers vous on s'acquitte.  
Mais ma mère, d'où vient que vous sortez si vite?

MADAME PERNELLE.

C'est que je ne puis voir tout ce ménage-ci,  
Et que de me complaire on ne prend nul souci.  
Oui, je sors de chez vous fort mal édifiée:  
Dans toutes mes leçons j'y suis contrariée.  
On n'y respecte rien, chacun y parle haut,  
Et c'est tout justement la cour du roi Pétaud[134].

DORINE.

Si...

MADAME PERNELLE.

Vous êtes, ma mie, une fille suivante  
Un peu trop forte en gueule, et fort impertinente:  
Vous vous mêlez sur tout de dire votre avis.

DAMIS.

Mais...

MADAME PERNELLE.

Vous êtes un sot, en trois lettres, mon fils,  
C'est moi qui vous le dis, qui suis votre grand'mère;  
Et j'ai prédit cent fois à mon fils, votre père,  
Que vous preniez tout l'air d'un méchant garnement,  
Et ne lui donneriez jamais que du tourment.

MARIANE.

Je crois...

MADAME PERNELLE.

Mon Dieu! sa sœur, vous faites la discrète,  
Et vous n'y touchez pas, tant vous semblez doucette!  
Mais il n'est, comme on dit, pire eau que l'eau qui dort;  
Et vous menez sous chape[135] un train que je hais fort.

ELMIRE.

Mais, ma mère...

MADAME PERNELLE.

Ma bru, qu'il ne vous en déplaie,  
Votre conduite en tout est tout à fait mauvaise;  
Vous devriez leur remettre un bon exemple aux yeux;  
Et leur défunte mère en usoit beaucoup mieux.  
Vous êtes dépensière; et cet état me blesse,  
Que vous alliez vêtue ainsi qu'une princesse.

Quiconque à son mari veut plaire seulement,  
Ma bru, n'a pas besoin de tant d'ajustement.

CLÉANTE.

Mais, madame, après tout...

MADAME PERNELLE.

Pour vous, monsieur son frère,  
Je vous estime fort, vous aime et vous révère;  
Mais enfin, si j'étois de mon fils, son époux,  
Je vous prierois bien fort de n'entrer point chez nous.  
Sans cesse vous prêchez des maximes de vivre  
Qui par d'honnêtes gens ne se doivent point suivre.  
Je vous parle un peu franc; mais c'est là mon humeur,  
Et je ne mâche point ce que j'ai sur le cœur.

DAMIS.

Votre monsieur Tartuffe est bien heureux sans doute...

MADAME PERNELLE.

C'est un homme de bien, qu'il faut que l'on écoute;  
Et je ne puis souffrir, sans me mettre en courroux,  
De le voir quereller par un fou comme vous.

DAMIS.

Quoi! je souffrirai, moi, qu'un cagot de critique  
Vienne usurper céans<sup>[136]</sup> un pouvoir tyrannique,  
Et que nous ne puissions à rien nous divertir,  
Si ce beau monsieur-là n'y daigne consentir!

DORINE.

S'il le faut écouter et croire à ses maximes,  
On ne peut faire rien qu'on ne fasse de crimes.  
Car il contrôle tout, ce critique zélé.

MADAME PERNELLE.

Et tout ce qu'il contrôle est fort bien contrôlé.  
C'est au chemin du ciel qu'il prétend vous conduire.  
Et mon fils à l'aimer vous devrait tous induire<sup>[137]</sup>.

DAMIS.

Non, voyez-vous, ma mère, il n'est père, ni rien,  
Qui me puisse obliger à lui vouloir du bien:  
Je trahirois mon cœur de parler d'autre sorte.



Sur ses façons de faire à tous coups je m'emporte;  
J'en prévois une suite, et qu'avec ce pied plat  
Il faudra que j'en vienne à quelque grand éclat.

DORINE.

Certes, c'est une chose aussi qui scandalise,  
De voir qu'un inconnu céans[138] s'impatronise;  
Qu'un gueux qui, quand il vint, n'avoit pas de souliers,  
Et dont l'habit entier valoit bien six deniers,  
En vienne jusque-là que de se méconnoître,  
De contrarier tout et de faire le maître.

MADAME PERNELLE.

Eh! merci de ma vie! il en iroit bien mieux  
Si tout se gouvernoit par ses ordres pieux.

DORINE.

Il passe pour un saint dans votre fantaisie:  
Tout son fait, croyez-moi, n'est rien qu'hypocrisie.

MADAME PERNELLE.

Voyez la langue!

DORINE.

A lui, non plus qu'à son Laurent,  
Je ne me fierois, moi, que sur un bon garant.

MADAME PERNELLE.

J'ignore ce qu'au fond le serviteur peut être;  
Mais pour homme de bien je garantis le maître.  
Vous ne lui voulez mal et ne le rebutez  
Qu'à cause qu'il vous dit à tous vos vérités.  
C'est contre le péché que son cœur se courrouce,  
Et l'intérêt du ciel est tout ce qui le pousse.

DORINE.

Oui; mais pourquoi, surtout depuis un certain temps,  
Ne sauroit-il souffrir qu'aucun hante céans[139]?  
En quoi blesse le ciel une visite honnête,  
Pour en faire un vacarme à nous rompre la tête?  
Veut-on que là-dessus je m'explique entre nous?...  
Montrant Elmire.  
Je crois que de madame il est, ma foi, jaloux.

MADAME PERNELLE.

Taisez-vous, et songez aux choses que vous dites.  
Ce n'est pas lui tout seul qui blâme ces visites:  
Tout ce tracas qui suit les gens que vous hantez,  
Ces carrosses sans cesse à la porte plantés,  
Et de tant de laquais le bruyant assemblage,  
Font un éclat fâcheux dans tout le voisinage.  
Je veux croire qu'au fond il ne se passe rien:  
Mais enfin on en parle, et cela n'est pas bien.

CLÉANTE.

Eh! voulez-vous, madame, empêcher qu'on ne cause?  
Ce seroit dans la vie une fâcheuse chose,  
Si, pour les sots discours où l'on peut être mis,  
Il falloit renoncer à ses meilleurs amis.  
Et, quand même on pourroit se résoudre à le faire,  
Croiriez-vous obliger tout le monde à se taire?  
Contre la médisance il n'est point de rempart.  
A tous les sots caquets n'ayons donc nul égard;  
Efforçons-nous de vivre avec toute innocence,  
Et laissons aux causeurs une pleine licence.

DORINE[140].

Daphné, notre voisine, et son petit époux[141]  
Ne seroient-ils point ceux qui parlent mal de nous?  
Ceux de qui la conduite offre le plus à rire  
Sont toujours sur autrui les premiers à médire;  
Ils ne manquent jamais de saisir promptement  
L'apparente lueur du moindre attachement,  
D'en semer la nouvelle avec beaucoup de joie,  
Et d'y donner le tour qu'ils veulent qu'on y croie.  
Des actions d'autrui, teintes de leurs couleurs,  
Ils pensent dans le monde autoriser les leurs,  
Et, sous le faux espoir de quelque ressemblance,  
Aux intrigues qu'ils ont donner de l'innocence,  
Ou faire ailleurs tomber quelques traits partagés  
De ce blâme public dont ils sont trop chargés.

MADAME PERNELLE.

Tous ces raisonnemens ne font rien à l'affaire.  
On sait qu'Orante[142] mène une vie exemplaire;  
Tous ses soins vont au ciel; et j'ai su par des gens  
Qu'elle condamne fort le train qui vient céans.

DORINE.

L'exemple est admirable, et cette dame est bonne!  
Il est vrai qu'elle vit en austère personne;  
Mais l'âge dans son âme a mis ce zèle ardent,  
Et l'on sait qu'elle est prude à son corps défendant.  
Tant qu'elle a pu des cœurs attirer les hommages,  
Elle a fort bien joui de tous ses avantages;  
Mais, voyant de ses yeux tous les brillans baisser,  
Au monde qui la quitte elle veut renoncer,  
Et du voile pompeux d'une haute sagesse  
De ses attraits usés déguiser la foiblesse.  
Ce sont là les retours des coquettes du temps:  
Il leur est dur de voir désertir les galans.  
Dans un tel abandon, leur sombre inquiétude  
Ne voit d'autre recours que le métier de prude;  
Et la sévérité de ces femmes de bien  
Censure toute chose, et ne pardonne à rien.  
Hautement d'un chacun elles blâment la vie,  
Non point par charité, mais par un trait d'envie  
Qui ne sauroit souffrir qu'un autre ait les plaisirs  
Dont le penchant de l'âge a sevré leurs désirs.

MADAME PERNELLE, à Elmire.

Voilà les contes bleus qu'il vous faut pour vous plaire,  
Ma bru. L'on est chez vous contrainte de se taire:  
Car madame à jaser tient le dé tout le jour.  
Mais enfin je prétends discourir à mon tour:  
Je vous dis que mon fils n'a rien fait de plus sage  
Qu'en recueillant chez soi ce dévot personnage;  
Que le ciel, au besoin, l'a céans envoyé  
Pour redresser à tous votre esprit fourvoyé;  
Que, pour votre salut, vous le devez entendre;  
Et qu'il ne reprend rien qui ne soit à reprendre.  
Ces visites, ces bals, ces conversations,  
Sont du malin esprit toutes inventions.  
Là jamais on n'entend de pieuses paroles;  
Ce sont propos oisifs, chansons et fariboles:  
Bien souvent le prochain en a sa bonne part,  
Et l'on y sait médire et du tiers et du quart.  
Enfin les gens sensés ont leurs têtes troublées  
De la confusion de telles assemblées:  
Mille caquets divers s'y font en moins de rien;  
Et, comme l'autre jour un docteur dit fort bien,  
C'est véritablement la tour de Babylone,  
Car chacun y babille, et tout du long de l'aune;

Et, pour conter l'histoire où ce point l'engagea...  
Montrant Cléante.  
Voilà-t-il pas monsieur qui ricane déjà!  
Allez chercher vos fous qui vous donnent à rire,  
A Elmire.  
Et sans... Adieu, ma bru; je ne veux plus rien dire.  
Sachez que pour céans j'en rabats de moitié,  
Et qu'il fera beau temps quand j'y mettrai le pied.  
Donnant un soufflet à Flipote.  
Allons, vous, vous rêvez et bayez[143] aux corneilles:  
Jour de Dieu! je saurai vous frotter les oreilles!  
Marchons, gaupe, marchons!

**SCÈNE II.—CLÉANTE, DORINE.**

**CLÉANTE.**

Je n'y veux point aller,

De peur qu'elle ne vînt encor me quereller;  
Que cette bonne femme...

DORINE.

Ah! certes, c'est dommage  
Qu'elle ne vous ouît tenir un tel langage:  
Elle vous diroit bien qu'elle vous trouve bon,  
Et qu'elle n'est point d'âge à lui donner ce nom.

CLÉANTE.

Comme elle s'est pour rien contre nous échauffée!  
Et que de son Tartuffe elle paroît coiffée!

DORINE.

Oh! vraiment, tout cela n'est rien au prix du fils:  
Et, si vous l'aviez vu, vous diriez: C'est bien pis!  
Nos troubles l'avoient mis sur le pied d'homme sage,  
Et pour servir son prince il montra du courage:  
Mais il est devenu comme un homme hébété,  
Depuis que de Tartuffe on le voit entêté:  
Il l'appelle son frère, et l'aime dans son âme  
Cent fois plus qu'il ne fait mère, fils, fille et femme.  
C'est de tous ses secrets l'unique confident,  
Et de ses actions le directeur prudent;  
Il le choie, il l'embrasse; et pour une maîtresse  
On ne sauroit, je pense, avoir plus de tendresse:  
A table, au plus haut bout il veut qu'il soit assis;  
Avec joie il l'y voit manger autant que six;

Les bons morceaux de tout, il faut qu'on les lui cède,  
Et, s'il vient à roter, il lui dit: Dieu vous aide!  
Enfin il en est fou, c'est son tout, son héros;  
Il l'admire à tous coups, le cite à tous propos;  
Ses moindres actions lui semblent des miracles,  
Et tous les mots qu'il dit sont pour lui des oracles.  
Lui, qui connoît sa dupe, et qui veut en jouir,  
Par cent dehors fardés a l'art de l'éblouir;  
Son cagotisme en tire à toute heure des sommes,  
Et prend droit de gloser sur tous tant que nous sommes.  
Il n'est pas jusqu'au fat qui lui sert de garçon  
Qui ne se mêle aussi de nous faire leçon;  
Il vient nous sermonner avec des yeux farouches,  
Et jeter nos rubans, notre rouge et nos mouches.  
Le traître, l'autre jour, nous rompit de ses mains  
Un mouchoir qu'il trouva dans une Fleur des Saints,  
Disant que nous mêlions, par un crime effroyable,  
Avec la sainteté les parures du diable.

**SCÈNE III.—ELMIRE, MARIANE, DAMIS, CLÉANTE, DORINE.**

ELMIRE, à Cléante.

Vous êtes bien heureux de n'être point venu  
Au discours qu'à la porte elle nous a tenu.  
Mais j'ai vu mon mari; comme il ne m'a point vue,  
Je veux aller là-haut attendre sa venue.

CLÉANTE.

Moi, je l'attends ici pour moins d'amusement;  
Et je vais lui donner le bon jour seulement.

**SCÈNE IV.—CLÉANTE, DAMIS, DORINE.**

DAMIS.

De l'hymen de ma sœur touchez-lui quelque chose.  
J'ai soupçon que Tartuffe à son effet s'oppose,  
Qu'il oblige mon père à des détours si grands  
Et vous n'ignorez pas quel intérêt j'y prends...  
Si même ardeur enflamme et ma sœur et Valère,  
La sœur de cet ami, vous le savez, m'est chère,  
Et, s'il falloit...

DORINE.

Il entre.



**SCÈNE V.—ORGON, CLÉANTE, DORINE.**

ORGON.

Ah! mon frère, bonjour.

CLÉANTE.

Je sortois, et j'ai joie à vous voir de retour.  
La campagne à présent n'est pas beaucoup fleurie.

ORGON.

A Cléante.  
Dorine... Mon beau-frère, attendez, je vous prie.  
Vous voulez bien souffrir, pour m'ôter de souci,  
Que je m'informe un peu des nouvelles d'ici.  
A Dorine.  
Tout s'est-il, ces deux jours, passé de bonne sorte?  
Qu'est-ce qu'on fait céans? comme est-ce qu'on s'y porte?

DORINE.

Madame eut avant-hier la fièvre jusqu'au soir,  
Avec un mal de tête étrange à concevoir.

ORGON.

Et Tartuffe?

DORINE.

Tartuffe! il se porte à merveille,  
Gros et gras, le teint frais et la bouche vermeille.

ORGON.

Le pauvre homme!

DORINE.

Le soir elle eut un grand dégoût,  
Et ne put, au souper, toucher à rien du tout,  
Tant sa douleur de tête étoit encor cruelle!

ORGON.

Et Tartuffe?

DORINE.

Il soupa, lui tout seul, devant elle;  
Et fort dévotement il mangea deux perdrix,  
Avec une moitié de gigot en hachis.

ORGON.

Le pauvre homme!

DORINE.

La nuit se passa tout entière  
Sans qu'elle pût fermer un moment la paupière;  
Des chaleurs l'empêchoient de pouvoir sommeiller,  
Et jusqu'au jour près d'elle il nous fallut veiller.

ORGON.

Et Tartuffe?

DORINE.

Pressé d'un sommeil agréable,  
Il passa dans sa chambre au sortir de la table;  
Et dans son lit bien chaud il se mit tout soudain,  
Où, sans trouble, il dormit jusques au lendemain.

ORGON.

Le pauvre homme!

DORINE.

A la fin, par nos raisons gagnée,  
Elle se résolut à souffrir la saignée;  
Et le soulagement suivit tout aussitôt.

ORGON.

Et Tartuffe?

DORINE.

Il reprit courage comme il faut;  
Et, contre tous les maux fortifiant son âme,  
Pour réparer le sang qu'avoit perdu madame,  
But, à son déjeuner, quatre grands coups de vin.

ORGON.

Le pauvre homme!

DORINE.

Tous deux se portent bien enfin,  
Et je vais à madame annoncer par avance  
La part que vous prenez à sa convalescence.

**SCÈNE VI.—ORGON, CLÉANTE.**

CLÉANTE.

A votre nez, mon frère, elle se rit de vous:  
Et, sans avoir dessein de vous mettre en courroux,  
Je vous dirai tout franc que c'est avec justice.  
A-t-on jamais parlé d'un semblable caprice?  
Et se peut-il qu'un homme ait un charme aujourd'hui  
A vous faire oublier toutes choses pour lui?  
Qu'après avoir chez vous réparé sa misère,  
Vous en veniez au point...

ORGON.

Halte-là, mon beau-frère,  
Vous ne connoissez pas celui dont vous parlez.

CLÉANTE.

Je ne le connois pas, puisque vous le voulez;  
Mais enfin, pour savoir quel homme ce peut être...

ORGON.

Mon frère, vous seriez charmé de le connoître;  
Et vos ravissemens ne prendroient point de fin.  
C'est un homme... qui... ah! un homme... un homme enfin  
Qui suit bien ses leçons, goûte une paix profonde,  
Et comme du fumier regarde tout le monde.  
Oui, je deviens tout autre avec son entretien:  
Il m'enseigne à n'avoir affection pour rien;  
De toutes amitiés il détache mon âme;  
Et je verrois mourir frère, enfans, mère et femme,  
Que je m'en soucierois autant que de cela.

CLÉANTE.

Les sentimens humains, mon frère, que voilà!

ORGON.

Ah! si vous aviez vu comme j'en fis rencontre,  
Vous auriez pris pour lui l'amitié que je montre:  
Chaque jour à l'église il venoit, d'un air doux,  
Tout vis-à-vis de moi se mettre à deux genoux.  
Il attiroit les yeux de l'assemblée entière  
Par l'ardeur dont au ciel il pousoit sa prière;  
Il faisoit des soupirs, de grands élancemens,  
Et baisoit humblement la terre à tous momens,  
Et, lorsque je sortois, il me devançoit vite  
Pour m'aller, à la porte, offrir de l'eau bénite.

Instruit par son garçon, qui dans tout l'imitoit,  
Et de son indigence, et de ce qu'il étoit,  
Je lui faisois des dons: mais, avec modestie,  
Il me vouloit toujours en rendre une partie.  
*C'est trop*, me disoit-il, *c'est trop de la moitié;*  
*Je ne mérite pas de vous faire pitié.*  
Et, quand je refusois de le vouloir reprendre,  
Aux pauvres, à mes yeux, il alloit le répandre,  
Enfin le ciel chez moi me le fit retirer,  
Et depuis ce temps-là tout semble y prospérer.  
Je vois qu'il reprend tout, et qu'à ma femme même  
Il prend, pour mon honneur, un intérêt extrême;  
Il m'avertit des gens qui lui font les yeux doux,  
Et plus que moi six fois il s'en montre jaloux.  
Mais vous ne croiriez point jusqu'où monte son zèle;  
Il s'impute à péché la moindre bagatelle;  
Un rien presque suffit pour le scandaliser,  
Jusque-là qu'il se vint l'autre jour accuser,  
D'avoir pris une puce en faisant sa prière,  
Et de l'avoir tuée avec trop de colère.

CLÉANTE.

Parbleu, vous êtes fou, mon frère, que je croi!  
Avec de tels discours vous moquez-vous de moi?  
Et que prétendez-vous? Que tout ce badinage..

ORGON.

Mon frère, ce discours sent le libertinage<sup>[144]</sup>:  
Vous en êtes un peu dans votre âme entiché;  
Et, comme je vous l'ai plus de dix fois prêché,  
Vous vous attirerez quelque méchante affaire.

CLÉANTE.

Voilà de vos pareils le discours ordinaire:  
Ils veulent que chacun soit aveugle comme eux;  
C'est être libertin<sup>[145]</sup> que d'avoir de bons yeux;  
Et qui n'adore pas de vaines simagrées  
N'a ni respect ni foi pour les choses sacrées.  
Allez, tous vos discours ne me font point de peur;  
Je sais comme je parle, et le ciel voit mon cœur.  
De tous vos façonniers<sup>[146]</sup> on n'est point les esclaves  
Il est de faux dévots ainsi que de faux braves;  
Et, comme on ne voit pas qu'où l'honneur les conduit  
Les vrais braves soient ceux qui font beaucoup de bruit,

Les bons et vrais dévots, qu'on doit suivre à la trace,  
Ne sont pas ceux aussi qui font tant de grimace.  
Eh quoi! vous ne ferez nulle distinction  
Entre l'hypocrisie et la dévotion?  
Vous les voulez traiter d'un semblable langage,  
Et rendre même honneur au masque qu'au visage;  
Egaler l'artifice à la sincérité,  
Confondre l'apparence avec la vérité,  
Estimer le fantôme autant que la personne,  
Et la fausse monnaie à l'égal de la bonne!  
Les hommes, la plupart, sont étrangement faits;  
Dans la juste nature on ne les voit jamais:  
La raison a pour eux des bornes trop petites,  
En chaque caractère ils passent ses limites;  
Et la plus noble chose, ils la gâtent souvent,  
Pour la vouloir outrer et pousser trop avant.  
Que cela vous soit dit en passant, mon beau-frère.

ORGON.

Oui, vous êtes sans doute un docteur qu'on révère;  
Tout le savoir du monde est chez vous retiré;  
Vous êtes le seul sage et le seul éclairé,  
Un oracle, un Caton, dans le siècle où nous sommes;  
Et près de vous ce sont des sots que tous les hommes.

CLÉANTE.

Je ne suis point, mon frère, un docteur révérend,  
Et le savoir chez moi n'est pas tout retiré;  
Mais, en un mot, je sais, pour toute ma science,  
Du faux avec le vrai faire la différence.  
Et, comme je ne vois nul genre de héros  
Qui soient plus à priser que les parfaits dévots,  
Aucune chose au monde et plus noble et plus belle  
Que la sainte ferveur d'un véritable zèle;  
Aussi ne vois-je rien qui soit plus odieux  
Que le dehors plâtré d'un zèle spécieux,  
Que ces francs charlatans, que ces dévots de place,  
De qui la sacrilège et trompeuse grimace  
Abuse impunément, et se joue, à leur gré,  
De ce qu'ont les mortels de plus saint et sacré;  
Ces gens qui, par une âme à l'intérêt soumise,  
Font de dévotion métier et marchandise,  
Et veulent acheter crédit et dignités  
A prix de faux clins d'yeux et d'élan affectés;



Ces gens, dis-je, qu'on voit, d'une ardeur non commune,  
Par le chemin du ciel courir à leur fortune;  
Qui, brûlans et prians, demandent chaque jour,  
Et prêchent la retraite au milieu de la cour;  
Qui savent ajuster leur zèle avec leurs vices,  
Sont prompts, vindicatifs, sans foi, pleins d'artifices,  
Et, pour perdre quelqu'un, couvrent insolemment  
De l'intérêt du ciel leur fier ressentiment;  
D'autant plus dangereux dans leur âpre colère,  
Qu'ils prennent contre nous des armes qu'on révère,  
Et que leur passion, dont on leur sait bon gré,  
Veut nous assassiner avec un fer sacré!  
De ce faux caractère on en voit trop paroître;  
Mais les dévots de cœur sont aisés à connoître.  
Notre siècle, mon frère, en expose à nos yeux  
Qui peuvent nous servir d'exemples glorieux.  
Regardez Ariston, regardez Périandre,  
Oronte, Alcidamas, Polydore, Clitandre;  
Ce titre par aucun ne leur est débattu;  
Ce ne sont point du tout fanfarons de vertu,  
On ne voit point en eux ce faste insupportable,  
Et leur dévotion est humaine, est traitable;  
Ils ne censurent point toutes nos actions,  
Ils trouvent trop d'orgueil dans ces corrections;  
Et, laissant la fierté des paroles aux autres,  
C'est par leurs actions qu'ils reprennent les nôtres.  
L'apparence du mal a chez eux peu d'appui,  
Et leur âme est portée à juger bien d'autrui.  
Point de cabale entre eux, point d'intrigues à suivre  
On les voit, pour tous soins, se mêler de bien vivre.  
Jamais contre un pécheur ils n'ont d'acharnement,  
Ils attachent leur haine au péché seulement,  
Et ne veulent point prendre, avec un zèle extrême,  
Les intérêts du ciel plus qu'il ne veut lui-même.  
Voilà mes gens, voilà comme il en faut user,  
Voilà l'exemple enfin qu'il se faut proposer.  
Votre homme, à dire vrai, n'est pas de ce modèle.  
C'est de fort bonne foi que vous vantez son zèle;  
Mais par un faux éclat je vous crois ébloui.

ORGON.

Monsieur mon cher beau-frère, avez vous tout dit?

CLÉANTE.

Oui.

ORGON, s'en allant.

Je suis votre valet.

CLÉANTE.

De grâce, un mot, mon frère.

Laissons là ce discours. Vous savez que Valère,  
Pour être votre gendre, a parole de vous.

ORGON.

Oui.

CLÉANTE.

Vous aviez pris jour pour un lien si doux.

ORGON.

Il est vrai.

CLÉANTE.

Pourquoi donc en différer la fête?

ORGON.

Je ne sais.

CLÉANTE.

Auriez-vous autre pensée en tête?

ORGON.

Peut-être.

CLÉANTE.

Vous voulez manquer à votre foi?

ORGON.

Je ne dis pas cela.

CLÉANTE.

Nul obstacle, je croi,  
Ne vous peut empêcher d'accomplir vos promesses.

ORGON.

Selon.

CLÉANTE.

Pour dire un mot faut-il tant de finesses?  
Valère, sur ce point, me fait vous visiter.

ORGON

Le ciel en soit loué!

CLÉANTE.

Mais que lui reporter?

ORGON.

Tout ce qu'il vous plaira.

CLÉANTE.

Mais il est nécessaire  
De savoir vos desseins. Quels sont-ils donc?

ORGON.

De faire  
Ce que le ciel voudra.

CLÉANTE.

Mais parlons tout de bon.  
Valère a votre foi: la tiendrez-vous, ou non?

ORGON.

Adieu.

CLÉANTE, seul.

Pour son amour je crains une disgrâce,  
Et je dois l'avertir de tout ce qui se passe.

## ACTE II

### SCÈNE I.—ORGON, MARIANE.

ORGON.

Mariane!

MARIANE.

Mon père?

ORGON.

Approchez; j'ai de quoi  
Vous parler en secret.

MARIANE, à Orgon, qui regarde dans un cabinet.

Que cherchez-vous?

ORGON.

Je voi

Si quelqu'un n'est point là qui pourroit nous entendre,

Car ce petit endroit est propre pour surprendre.

Or sus, nous voilà bien. J'ai, Mariane, en vous

Reconnu de tout temps un esprit assez doux,

Et de tout temps aussi vous m'avez été chère.

MARIANE.

Je suis fort redevable à cet amour de père.

ORGON.

C'est fort bien dit, ma fille; et, pour le mériter,

Vous devez n'avoir soin que de me contenter.

MARIANE.

C'est où je mets aussi ma gloire la plus haute.

ORGON.

Fort bien. Que dites-vous de Tartuffe, notre hôte?

MARIANE.

Qui, moi?

ORGON.

Vous. Voyez bien comme vous répondrez.

MARIANE.

Hélas! j'en dirai, moi, tout ce que vous voudrez.

SCÈNE II.—ORGON, MARIANE, DORINE, entrant doucement, et se tenant derrière Orgon, sans être vue.

ORGON.

C'est parler sagement... Dites-moi donc, ma fille,

Qu'en toute sa personne un haut mérite brille,

Qu'il touche votre cœur, et qu'il vous seroit doux

De le voir, par mon choix, devenir votre époux.

Eh?

MARIANE.

Eh?

ORGON.

Qu'est-ce?

MARIANE.

Plaît-il?

ORGON.

Quoi?

MARIANE.

Me suis-je méprise?

ORGON.

Comment?

MARIANE.

Que voulez-vous, mon père, que je dise,  
Qui me touche le cœur, et qu'il me seroit doux  
De voir, par votre choix, devenir mon époux?

ORGON.

Tartuffe.

MARIANE.

Il n'en est rien, mon père, je vous jure;  
Pourquoi me faire dire une telle imposture?

ORGON.

Mais je veux que cela soit une vérité;  
Et c'est assez pour vous que je l'aie arrêté.

MARIANE.

Quoi! vous voulez, mon père...

ORGON.

Oui, je prétends, ma fille,  
Unir, par votre hymen, Tartuffe à ma famille.  
Il sera votre époux, j'ai résolu cela;  
Apercevant Dorine.  
Et, comme sur vos vœux je... Que faites-vous là?  
La curiosité qui vous presse est bien forte,  
Ma mie, à nous venir écouter de la sorte.

DORINE.



Vraiment, je ne sais pas si c'est un bruit qui part  
De quelque conjecture, ou d'un coup de hasard;  
Mais de ce mariage on m'a dit la nouvelle,  
Et j'ai traité cela de pure bagatelle.

ORGON.

Quoi donc! la chose est-elle incroyable?

DORINE.

A tel point,  
Que vous-même, monsieur, je ne vous en crois point.

ORGON.

Je sais bien le moyen de vous le faire croire.

DORINE.

Oui, oui, vous nous contez une plaisante histoire!

ORGON.

Je conte justement ce qu'on verra dans peu.

DORINE.

Chansons!

ORGON.

Ce que je dis, ma fille, n'est point jeu.

DORINE.

Allez, ne croyez point à monsieur votre père;  
Il raille.

ORGON.

Je vous dis...

DORINE.

Non, vous avez beau faire,  
On ne vous croira point.

ORGON.

A la fin, mon courroux...

DORINE.

Eh bien, on vous croit donc; et c'est tant pis pour vous.  
Quoi! se peut-il, monsieur, qu'avec l'air d'homme sage,

Et cette large barbe au milieu du visage,  
Vous soyez assez fou pour vouloir...

ORGON.

Écoutez:  
Vous avez pris céans certaines privautés  
Qui ne me plaisent point; je vous le dis, ma mie.

DORINE.

Parlons sans nous fâcher, monsieur, je vous supplie.  
Vous moquez-vous des gens d'avoir fait ce complot?  
Votre fille n'est point l'affaire d'un bigot:  
Il a d'autres emplois auxquels il faut qu'il pense.  
Et puis, que vous apporte une telle alliance?  
A quel sujet aller, avec tout votre bien,  
Choisir un gendre gueux?...

ORGON.

Taisez-vous! S'il n'a rien,  
Sachez que c'est par là qu'il faut qu'on le révère.  
Sa misère est sans doute une honnête misère:  
Au-dessus des grandeurs elle doit l'élever,  
Puisque enfin de son bien il s'est laissé priver  
Par son trop peu de soin des choses temporelles  
Et sa puissante attache aux choses éternelles.  
Mais mon secours pourra lui donner les moyens  
De sortir d'embarras et rentrer dans ses biens:  
Ce sont fiefs qu'à bon titre au pays on renomme;  
Et, tel que l'on le voit, il est bien gentilhomme.

DORINE.

Oui, c'est lui qui le dit; et cette vanité,  
Monsieur, ne sied pas bien avec la piété.  
Qui d'une sainte vie embrasse l'innocence  
Ne doit point tant prôner son nom et sa naissance,  
Et l'humble procédé de la dévotion  
Souffre mal les éclats de cette ambition.  
A quoi bon cet orgueil?... Mais ce discours vous blesse?  
Parlons de sa personne, et laissons sa noblesse.  
Ferez-vous possesseur, sans quelque peu d'ennui,  
D'une fille comme elle un homme comme lui?  
Et ne devez-vous pas songer aux bienséances,  
Et de cette union prévoir les conséquences?  
Sachez que d'une fille on risque la vertu

Lorsque dans son hymen son goût est combattu;  
Que le dessein d'y vivre en honnête personne  
Dépend des qualités du mari qu'on lui donne,  
Et que ceux dont partout on montre au doigt le front,  
Font leurs femmes souvent ce qu'on voit qu'elles sont.  
Il est bien difficile enfin d'être fidèle  
A de certains maris faits d'un certain modèle;  
Et qui donne à sa fille un homme qu'elle hait  
Est responsable au ciel des fautes qu'elle fait.  
Songez à quels périls votre dessein vous livre.

ORGON.

Je vous dis qu'il me faut apprendre d'elle à vivre!

DORINE.

Vous n'en feriez que mieux de suivre mes leçons.

ORGON.

Ne nous amusons point, ma fille, à ces chansons;  
Je sais ce qu'il vous faut, et je suis votre père.  
J'avois donné pour vous ma parole à Valère;  
Mais, outre qu'à jouer on dit qu'il est enclin,  
Je le soupçonne encor d'être un peu libertin<sup>[147]</sup>;  
Je ne remarque point qu'il hante les églises.

DORINE.

Voulez-vous qu'il y coure à vos heures précises,  
Comme ceux qui n'y vont que pour être aperçus?

ORGON.

Je ne demande pas votre avis là-dessus.  
Enfin avec le ciel l'autre est le mieux du monde,  
Et c'est une richesse à nulle autre seconde.  
Cet hymen de tous biens comblera vos désirs,  
Il sera tout confit en douceurs et plaisirs.  
Ensemble vous vivrez, dans vos ardeurs fidèles,  
Comme deux vrais enfans, comme deux tourterelles  
A nul fâcheux débat jamais vous n'en viendrez;  
Et vous ferez de lui tout ce que vous voudrez.

DORINE.

Elle? Elle n'en fera qu'un sot<sup>[148]</sup>, je vous assure.

ORGON.

Ouais! quels discours!

DORINE.

Je dis qu'il en a l'encolure,  
Et que son ascendant, monsieur, l'emportera  
Sur toute la vertu que votre fille aura.

ORGON.

Cessez de m'interrompre, et songez à vous taire,  
Sans mettre votre nez où vous n'avez que faire.

DORINE.

Je n'en parle, monsieur, que pour votre intérêt.

ORGON.

C'est prendre trop de soin; taisez-vous, s'il vous plaît.

DORINE.

S'il ne vous aimoit pas...

ORGON.

Je ne veux pas qu'on m'aime.

DORINE.

Et je veux vous aimer, monsieur, malgré vous-même.

ORGON.

Ah!

DORINE.

Votre honneur m'est cher, et je ne puis souffrir  
Qu'aux brocards d'un chacun vous alliez vous offrir.

ORGON.

Vous ne vous taisez point!

DORINE.

C'est une conscience  
Que de vous laisser faire une telle alliance.

ORGON.

Te tairas-tu, serpent, dont les traits effrontés...

DORINE.

Ah! vous êtes dévot, et vous vous emportez!

ORGON.

Oui, ma bile s'échauffe à toutes ces fadaises,  
Et tout résolûment je veux que tu te taises.

DORINE.

Soit. Mais, ne disant mot, je n'en pense pas moins.

ORGON.

Pense, si tu le veux; mais applique tes soins  
A sa fille.  
A ne m'en point parler, ou... Suffit... Comme sage,  
J'ai pesé mûrement toutes choses.

DORINE, à part.

J'enrage  
De ne pouvoir parler!

ORGON.

Sans être damoiseau,  
Tartuffe est fait de sorte...

DORINE, à part.

Oui, c'est un beau museau!

ORGON.

Que, quand tu n'aurois même aucune sympathie  
Pour tous les autres dons...

DORINE, à part.

La voilà bien lotie!  
Orgon se tourne du côté de Dorine, et, les bras croisés, l'écoute et la regarde en face.  
Si j'étois en sa place, un homme assurément  
Ne m'épouserait pas de force impunément;  
Et je lui ferois voir, bientôt après la fête,  
Qu'une femme a toujours une vengeance prête.

ORGON, à Dorine.

Donc de ce que je dis on ne fera nul cas?

DORINE.

De quoi vous plaignez-vous? Je ne vous parle pas.

ORGON.



Qu'est-ce que tu fais donc?

DORINE.

Je me parle à moi-même.

ORGON, à part.

Fort bien. Pour châtier son insolence extrême,

Il faut que je lui donne un revers de ma main.

Il se met en posture de donner un soufflet à Dorine; et, à chaque mot qu'il dit à sa fille, il se tourne pour regarder Dorine, qui se tient droite sans parler.

Ma fille, vous devez approuver mon dessein...

Croire que le mari... que j'ai su vous élire...

A Dorine.

Que ne te parles-tu?

DORINE.

Je n'ai rien à me dire.

ORGON.

Encore un petit mot.

DORINE.

Il ne me plaît pas, moi.

ORGON.

Certes, je t'y guettois.

DORINE.

Quelque sottise<sup>[149]</sup>, ma foi!...

ORGON.

Enfin, ma fille, il faut payer d'obéissance,

Et montrer pour mon choix entière déférence.

DORINE, en s'enfuyant.

Je me moquerois fort de prendre un tel époux.

ORGON, après avoir manqué de donner un soufflet à Dorine.

Vous avez là, ma fille, une peste avec vous,  
Avec qui, sans péché, je ne saurois plus vivre.  
Je me sens hors d'état maintenant de poursuivre.  
Ses discours insolens m'ont mis l'esprit en feu,  
Et je vais prendre l'air pour me rasseoir **un peu**.

**SCÈNE III.—MARIANE, DORINE.**

DORINE.

Avez-vous donc perdu, dites-moi, la parole,  
Et faut-il qu'en ceci je fasse votre rôle?  
Souffrir qu'on vous propose un projet insensé,  
Sans que du moindre mot vous l'avez repoussé!

MARIANE.

Contre un père absolu que veux-tu que je fasse?

DORINE.

Ce qu'il faut pour parer une telle menace.

MARIANE.

Quoi?

DORINE.

Lui dire qu'un cœur n'aime point par autrui;  
Que vous vous mariez pour vous, non pas pour lui;  
Qu'étant celle pour qui se fait toute l'affaire,  
C'est à vous, non à lui, que le mari doit plaire;  
Et que, si son Tartuffe est pour lui si charmant  
Il le peut épouser sans nul empêchement.

MARIANE.

Un père, je l'avoue, a sur nous tant d'empire,  
Que je n'ai jamais eu la force de rien dire.

DORINE.

Mais raisonnons. Valère a fait pour vous des pas:  
L'aimez-vous, je vous prie, ou ne l'aimez-vous pas?

MARIANE.

Ah! qu'envers mon amour ton injustice est grande,  
Dorine! Me dois-tu faire cette demande?  
T'ai-je pas[150] là-dessus ouvert cent fois mon cœur?  
Et sais-tu pas[151] pour lui jusqu'où va mon ardeur?

DORINE.

Que sais-je si le cœur a parlé par la bouche,  
Et si c'est tout de bon que cet amant vous touche?

MARIANE.

Tu me fais un grand tort, Dorine, d'en douter;  
Et mes vrais sentiments ont su trop éclater.

DORINE.

Enfin vous l'aimez donc?

MARIANE.

Oui, d'une ardeur extrême.

DORINE.

Et, selon l'apparence, il vous aime de même?

MARIANE.

Je le crois.

DORINE.

Et tous deux brûlez également  
De vous voir mariés ensemble?

MARIANE.

Assurément.

DORINE.

Sur cette autre union quelle est donc votre attente?

MARIANE.

De me donner la mort, si l'on me violente.

DORINE.

Fort bien. C'est un recours où je ne songeois pas.  
Vous n'avez qu'à mourir pour sortir d'embarras.  
Le remède, sans doute, est merveilleux. J'enrage,  
Lorsque j'entends tenir ces sortes de langage!

MARIANE.

Mon Dieu! de quelle humeur, Dorine, tu te rends!  
Tu ne compatis point aux déplaisirs des gens.

DORINE.

Je ne compatis point à qui dit des sornettes,  
Et dans l'occasion mollit comme vous faites.

MARIANE.

Mais que veux-tu? si j'ai de la timidité...

DORINE.

Mais l'amour dans un cœur veut de la fermeté.

MARIANE.

Mais n'en gardé-je pas pour les feux de Valère?  
Et n'est-ce pas à lui de m'obtenir d'un père?

DORINE.

Mais quoi! si votre père est un bourru fieffé<sup>[152]</sup>  
Qui s'est de son Tartuffe entièrement coiffé,  
Et manque à l'union qu'il avoit arrêtée,  
La faute à votre amant doit-elle être imputée?

MARIANE.

Mais, par un haut refus et d'éclatans mépris,  
Feraï-je, dans mon choix, voir un cœur trop épris?  
Sortirai-je pour lui, quelque éclat dont il brille,  
De la pudeur du sexe et du devoir de fille?  
Et veux-tu que mes feux par le monde étalés...

DORINE.

Non, non, je ne veux rien. Je vois que vous voulez  
Être à monsieur Tartuffe; et j'aurois, quand j'y pense,  
Tort de vous détourner d'une telle alliance.  
Quelle raison aurois-je à combattre vos vœux?  
Le parti de soi-même est fort avantageux.  
Monsieur Tartuffe! oh! oh! n'est-ce rien qu'on propose?  
Certes, monsieur Tartuffe, à bien prendre la chose,  
N'est pas un homme, non, qui se mouche du pied;  
Et ce n'est pas peu d'heur<sup>[153]</sup> que d'être sa moitié,  
Tout le monde déjà de gloire le couronne;  
Il est noble chez lui, bien fait de sa personne;  
Il a l'oreille rouge et le teint bien fleuri:  
Vous vivrez trop contente avec un tel mari.

MARIANE.

Mon Dieu!...

DORINE.

Quelle allégresse aurez-vous dans votre âme,  
Quand d'un époux si beau vous vous verrez la femme!

MARIANE.

Ah! cesse, je te prie, un semblable discours,  
Et contre cet hymen ouvre-moi du secours.  
C'en est fait, je me rends, et suis prête à tout faire.

DORINE.

Non, il faut qu'une fille obéisse à son père,  
Voulût-il lui donner un singe pour époux.  
Votre sort est fort beau: de quoi vous plaignez-vous?  
Vous irez par le coche en sa petite ville,  
Qu'en oncles et cousins vous trouverez fertile,  
Et vous vous plairez fort à les entretenir;  
D'abord chez le beau monde on vous fera venir.  
Vous irez visiter, pour votre bienvenue,  
Madame la baillive et madame l'élue,  
Qui d'un siège pliant vous feront honorer.  
Là, dans le carnaval, vous pourrez espérer  
Le bal et la grand'bande[154], à savoir deux musettes,  
Et parfois Fagotin[155], et les marionnettes,  
Si pourtant votre époux...

MARIANE.

Ah! tu me fais mourir!  
De tes conseils plutôt songe à me secourir.

DORINE.

Je suis votre servante.

MARIANE.

Eh! Dorine, de grâce...

DORINE.

Il faut, pour vous punir, que cette affaire passe.

MARIANE.

Ma pauvre fille!

DORINE.

Non.

MARIANE.

Si mes vœux déclarés...

DORINE.

Point. Tartuffe est votre homme, et vous en tâterez.



MARIANE.

Tu sais qu'à toi toujours je me suis confiée:  
Fais-moi...

DORINE.

Non; vous serez, ma foi, tartuffiée[156].

MARIANE.

Eh bien, puisque mon sort ne sauroit t'émouvoir,  
Laisse-moi désormais toute à mon désespoir:  
C'est de lui que mon cœur empruntera de l'aide;  
Et je sais de mes maux l'infaillible remède.  
Mariane veut s'en aller.

DORINE.

Eh! la, la, revenez. Je quitte mon courroux:  
Il faut, nonobstant tout, avoir pitié de vous.

MARIANE.

Vois-tu, si l'on m'expose à ce cruel martyr,  
Je te le dis, Dorine, il faudra que j'expire.

DORINE.

Ne vous tourmentez point. On peut adroitement  
Empêcher... Mais voici Valère, votre amant.

**SCÈNE IV.—VALÈRE, MARIANE, DORINE.**

VALÈRE.

On vient de débiter, madame, une nouvelle  
Que je ne savois pas, et qui sans doute est belle.

MARIANE.

Quoi?

VALÈRE.

Que vous épousez Tartuffe.

MARIANE.

Il est certain  
Que mon père s'est mis en tête ce dessein.

VALÈRE.

Votre père, madame...

MARIANE.

A changé de visée:

La chose vient par lui de m'être proposée.

VALÈRE.

Quoi! sérieusement?

MARIANE.

Oui, sérieusement.

Il s'est pour cet hymen déclaré hautement.

VALÈRE.

Et quel est le dessein où votre âme s'arrête,  
Madame?

MARIANE.

Je ne sais.

VALÈRE.

La réponse est honnête.

Vous ne savez?

MARIANE.

Non.

VALÈRE.

Non?

MARIANE.

Que me conseillez-vous?

VALÈRE.

Je vous conseille, moi, de prendre cet époux.

MARIANE.

Vous me le conseillez?

VALÈRE.

Oui.

MARIANE.

Tout de bon?

VALÈRE.

Sans doute.

Le choix est glorieux et vaut bien qu'on l'écoute.

MARIANE.

Eh bien, c'est un conseil, monsieur, que je reçois.

VALÈRE.

Vous n'aurez pas grand'peine à le suivre, je crois.

MARIANE.

Pas plus qu'à le donner n'en a souffert votre âme.

VALÈRE.

Moi, je vous l'ai donné pour vous plaire, madame.

MARIANE.

Et moi, je le suivrai pour vous faire plaisir.

DORINE, se retirant dans le fond du théâtre.

Voyons ce qui pourra de ceci réussir<sup>[157]</sup>.

VALÈRE.

C'est donc ainsi qu'on aime? Et c'étoit tromperie  
Quand vous...

MARIANE.

Ne parlons point de cela, je vous prie.

Vous m'avez dit tout franc que je dois accepter  
Celui que pour époux on me veut présenter;  
Et je déclare, moi, que je prétends le faire,  
Puisque vous m'en donnez le conseil salutaire.

VALÈRE.

Ne vous excusez point sur mes intentions:  
Vous aviez pris déjà vos résolutions;  
Et vous vous saisissez d'un prétexte frivole  
Pour vous autoriser à manquer de parole.

MARIANE.

Il est vrai, c'est bien dit.

VALÈRE.

Sans doute; et votre cœur  
N'a jamais eu pour moi de véritable ardeur.

MARIANE.

Hélas! permis à vous d'avoir cette pensée.

VALÈRE.

Oui, oui, permis à moi: mais mon âme offensée  
Vous préviendra peut-être en un pareil dessein;  
Et je sais où porter et mes vœux et ma main.

MARIANE.

Ah! je n'en doute point; et les ardeurs qu'excite  
Le mérite...

VALÈRE.

Mon Dieu! laissons là le mérite:  
J'en ai fort peu, sans doute, et vous en faites foi.  
Mais j'espère aux bontés qu'une autre aura pour moi:  
Et j'en sais de qui l'âme, à ma retraite ouverte,  
Consentira sans honte à réparer ma perte.

MARIANE.

La perte n'est pas grande; et de ce changement  
Vous vous consolerez assez facilement.

VALÈRE.

J'y ferai mon possible; et vous le pouvez croire.  
Un cœur qui nous oublie engage notre gloire;  
Il faut à l'oublier mettre aussi tous nos soins:  
Si l'on n'en vient à bout on le doit feindre au moins;  
Et cette lâcheté jamais ne se pardonne,  
De montrer de l'amour pour qui nous abandonne.

MARIANE.

Ce sentiment, sans doute, est noble et relevé.

VALÈRE.

Fort bien; et d'un chacun il doit être approuvé.  
Eh quoi! vous voudriez qu'à jamais dans mon âme  
Je gardasse pour vous les ardeurs de ma flamme,  
Et vous visse, à mes yeux, passer en d'autres bras,  
Sans mettre ailleurs un cœur dont vous ne voulez pas?

MARIANE.

Au contraire: pour moi, c'est ce que je souhaite;  
Et je voudrais déjà que la chose fût faite.

VALÈRE.

Vous le voudriez?

MARIANE.

Oui.

VALÈRE.

C'est assez m'insulter,  
Madame; et, de ce pas, je vais vous contenter.  
Il fait un pas pour s'en aller.

MARIANE.

Fort bien.

VALÈRE, revenant.

Souvenez-vous au moins que c'est vous-même  
Qui contraignez mon cœur à cet effort extrême.

MARIANE.

Oui.

VALÈRE, revenant encore.

Et que le dessein que mon âme conçoit  
N'est rien qu'à votre exemple.

MARIANE.

A mon exemple, soit.

VALÈRE, en sortant.

Suffit: vous allez être à point nommé servie.

MARIANE.

Tant mieux!

VALÈRE, revenant encore.

Vous me voyez, c'est pour toute ma vie.

MARIANE.

A la bonne heure.

VALÈRE, se retournant lorsqu'il est prêt à sortir.



Eh?

MARIANE.

Quoi?

VALÈRE.

Ne m'appellez-vous pas?

MARIANE.

Moi? Vous rêvez!

VALÈRE.

Eh bien, je poursuis donc mes pas.

Adieu, madame.

Il s'en va lentement.

MARIANE.

Adieu, monsieur.

DORINE, à Mariane.

Pour moi, je pense

Que vous perdez l'esprit par cette extravagance:

Et je vous ai laissés tout du long quereller,

Pour voir où tout cela pourroit enfin aller.

Holà! seigneur Valère.

Elle arrête Valère par le bras.

VALÈRE, feignant de résister.

Eh! que veux-tu, Dorine?

DORINE.

Venez ici.

VALÈRE.

Non, non, le dépit me domine:

Ne me détourne point de ce qu'elle a voulu.

DORINE.

Arrêtez!

VALÈRE.

Non, vois-tu, c'est un point résolu.

DORINE.

Ah!

MARIANE, à part.

Il souffre à me voir, ma présence le chasse;  
Et je ferai bien mieux de lui quitter la place.

DORINE, quittant Valère et courant après Mariane.

A l'autre! Où courez-vous?

MARIANE.

Laisse.

DORINE.

Il faut revenir.

MARIANE.

Non, non, Dorine; en vain tu veux me retenir.

VALÈRE, à part.

Je vois bien que ma vue est pour elle un supplice;  
Et sans doute il vaut mieux que je l'en affranchisse.

DORINE, quittant Mariane et courant après Valère.

Encor! Diantre soit fait de vous! Si, je le veux.  
Cessez ce badinage, et venez çà tous deux.  
Elle prend Valère et Mariane par la main, et les ramène.

VALÈRE, à Dorine.

Mais quel est ton dessein?

MARIANE, à Dorine.

Qu'est-ce que tu veux faire?

DORINE.

Vous bien remettre ensemble, et vous tirer d'affaire.  
A Valère.

Êtes-vous fou d'avoir un pareil démêlé?

VALÈRE.

N'as-tu pas entendu comme elle m'a parlé?

DORINE, à Mariane.

Êtes-vous folle, vous, de vous être emportée?

MARIANE.

N'as-tu pas vu la chose, et comme il m'a traitée?

DORINE.

A Valère.

Sottise des deux parts. Elle n'a d'autre soin  
Que de se conserver à vous, j'en suis témoin.

A Mariane.

Il n'aime que vous seule, et n'a point d'autre envie  
Que d'être votre époux: j'en répons sur ma vie.

MARIANE, à Valère.

Pourquoi donc me donner un semblable conseil?

VALÈRE, à Mariane.

Pourquoi m'en demander sur un sujet pareil?

DORINE.

Vous êtes fous tous deux. Çà, la main l'un et l'autre.

A Valère.

Allons, vous.

VALÈRE, en donnant sa main à Dorine.

A quoi bon ma main?

DORINE, à Mariane.

Ah ça! la vôtre.

MARIANE, en donnant aussi sa main.

De quoi sert tout cela?

DORINE.

Mon Dieu! vite, avancez.

Vous vous aimez tous deux plus que vous ne pensez.

Valère et Mariane se tiennent quelque temps par la main sans se regarder.

VALÈRE, se tournant vers Mariane.

Mais ne faites donc point les choses avec peine,

Et regardez un peu les gens sans nulle haine.

Mariane se tourne du côté de Valère en souriant.

DORINE.

A vous dire le vrai, les amans sont bien fous!

VALÈRE, à Mariane.

Oh çà! n'ai-je pas lieu de me plaindre de vous?  
Et, pour ne point mentir, n'êtes-vous pas méchante  
De vous plaire à me dire une chose affligeante?

MARIANE.

Mais vous, n'êtes-vous pas l'homme le plus ingrat...

DORINE.

Pour une autre saison laissons tout ce débat,  
Et songeons à parer ce fâcheux mariage.

MARIANE.

Dis-nous donc quels ressorts il faut mettre en usage?

DORINE.

Nous en ferons agir de toutes les façons.

A Mariane. A Valère.

Votre père se moque; et ce sont des chansons.

A Mariane.

Mais, pour vous, il vaut mieux qu'à son extravagance  
D'un doux consentement vous prêtiez l'apparence,  
Afin qu'en cas d'alarme il vous soit plus aisé  
De tirer en longueur cet hymen proposé:  
En attrapant du temps, à tout on remédie.  
Tantôt vous payerez de quelque maladie  
365 Qui viendra tout à coup, et voudra des délais;  
Tantôt vous payerez de présages mauvais:  
Vous aurez fait d'un mort la rencontre fâcheuse,  
Cassé quelque miroir, ou songé d'eau bourbeuse.  
Enfin, le bon de tout, c'est qu'à d'autres qu'à lui  
On ne vous peut lier que vous ne disiez oui.  
Mais, pour mieux réussir, il est bon, ce me semble,  
Qu'on ne vous trouve point tous deux parlant ensemble.

A Valère.

Sortez; et, sans tarder, employez vos amis  
Pour vous faire tenir ce qu'on vous a promis.  
Nous allons réveiller les efforts de son frère,  
Et dans notre parti jeter la belle-mère.  
Adieu.

VALÈRE, à Mariane.

Quelques efforts que nous préparions tous,  
Ma plus grande espérance, à vrai dire, est en vous.

MARIANE, à Valère.

Je ne vous réponds pas des volontés d'un père;  
Mais je ne serai point à d'autre qu'à Valère.

VALÈRE.

Que vous me comblez d'aise! Et, quoi que puisse oser...

DORINE.

Ah! jamais les amans ne sont las de jaser.  
Sortez, vous dis-je.

VALÈRE, revenant sur ses pas.

Enfin...

DORINE.

Quel caquet est le vôtre!  
Tirez de cette part; et vous tirez de l'autre[158].

Dorine les pousse chacun par l'épaule, et les oblige à se séparer. ■

## NOTES

[1] Joué en partie devant le roi, à Versailles, le 10 mai 1664, puis suspendu; joué ensuite à Paris, devant le public, le 5 août 1667, puis suspendu de nouveau, et repris le 5 février 1669.

[2] Pour: il suffit. Ellipse archaïque.

[3] Pour: par laquelle. Archaïsme très-fréquent chez Molière.

[4] Pour: donner le plaisir. Mot mis à la mode par les Espagnols.

[5] Pour: fournir une excuse à ma tendresse. Ellipse hardie et archaïque.

[6] Pour: notre dame. Mot de patois.

[7] Pour: *age*, mot latin, *allons*. Interjection patoise.

[8] Proverbe populaire fondé sur une ancienne superstition.

[9] Pour: ma foi. Mot patois.

[10] Pour: regardez. Abréviation populaire.

[11] Pour: mine de fèves, mesure; c'est-à-dire pour son compte.

[12] Pour: engins pour la gorge, parure, ornement. Mot patois.

[13] Pour: mettre, placer. Archaïsme populaire.

[14] Pour: tout entiers, droits comme une perche; du mot *brand*, rameau, bruyère.

[15] Pour: tablier. Archaïsme rustique.

[16] Pour: creux de l'estomac. Archaïsme populaire.

[17] Voyez plus haut, *passim*.

[18] Pour: permettre. Voyez plus haut.

[19] Pour: montre votre niaiserie. Les jeunes oiseaux, ou *niais* en termes de fauconnerie, ont presque tous le bec jaune.

[20] Pour: honteuse de votre défaite. Mot proverbial qui équivaut à «avoir le nez cassé.»

[21] Les deux premières scènes de cet acte, imprimées dans l'édition de 1682, faite sur les manuscrits de Molière, puis dans l'édition d'Amsterdam de 1683, furent supprimées comme impies dans les éditions subséquentes. Il paraît que l'édition de 1682 fut cartonnée, à l'exception de deux ou trois exemplaires, dont l'un, appartenant à M. de Lomenie, fut retrouvé par M. Beuchot. M. Simonin les publia intégralement en 1813. Quant à la seconde scène, elle fut supprimée à la seconde représentation.

[22] Pour: fait beaucoup de bruit. Métaphore populaire.

[23] Passages supprimés par la censure au temps de Louis XIV, comme tous les autres passages marqués ici par des guillemets.—Le moine bourru, spectre d'un moine, qui, selon la tradition populaire, battait les passants at-tardés.

[24] Pour: parier dix pistoles contre l'arrivée de la statue.

[25] Pour: deux deniers.

[26] Pour: venir à chef, achever, devenir maître. Archaïsme perdu, déjà suranné du temps de Molière, et qui s'était conservé dans la bourgeoisie.

[27] Pour: les jésuites, déjà poursuivis sous ce nom par Pascal.

[28] Pour: j'ai demandé conseil. L'emploi de ce verbe avec le pronom réfléchi est un archaïsme hors d'usage.

[29] Voyez ci-après les notes, pages [94](#), [96](#), [98 note 1](#), [98 note 2](#), [103](#).

[30] Voyez la note, tome I<sup>er</sup>, page 273.

[31] Ce mot s'est conservé en anglais et dans le patois languedocien.

[32] Voyez la note troisième, tome I<sup>er</sup>, page 268.

[33] Ce qui est renfermé entre des crochets n'existe point dans l'édition originale.

[34] Pour: le coupeur. Mot grec inventé par Despréaux. Il s'agit de Dacquin, chimiste, charlatan qui saignait beaucoup.



- [35] Pour: le tueur d'hommes. Mot grec également inventé par Boileau. Il s'agit de Desfougerais, chimiste aussi, boiteux, partisan de l'antimoine, guérissant toutes les maladies avec de la poudre blanche, rouge et jaune, qu'il portait dans sa poche.
- [36] Cette porte s'élevait à l'extrémité de la rue de Richelieu; elle fut démolie en 1701.
- [37] Voyez plus haut la [note première](#), page 37.
- [38] Pour: le lent. Mot grec inventé aussi par Boileau. Il s'agit du fameux Guénaud, dont le cheval, dit Boileau, éclaboussait tout Paris; qui parlait par poids et mesures et faisait tout pour de l'argent.
- [39] Pour: l'aboyeur. Mot grec inventé par Boileau. Il s'agit d'Esprit, médecin qui bredouillait.
- [40] Pour: accepter le combat. Locution archaïque, par allusion au collet que saisissent et secouent les deux combattants.
- [41] Scène imitée du *Phormion* de Térence, où le principal personnage consulte inutilement trois avocats.
- [42] Électuaire apporté à Paris en 1647 par un charlatan d'Orviété, ville d'Italie.
- [43] Pour: φίλος ερεβειος, ami de la mort. Symbole de la médecine elle-même.
- [44] Consulter, sur les disputes médicales de l'époque, l'*Histoire de la découverte de la circulation du sang*, par M. Flourens.
- [45] Scène imitée du *Medico volante*, canevas italien que Molière avait traduit dans sa jeunesse. Voyez tome I<sup>er</sup>, p. 17.
- [46] Pour: la bête est prise au lacet; comme les bécasses, qui se *brident* et s'attrapent elles-mêmes.
- [47] Ce dénouement est emprunté au *Pedant joué* de Cyrano de Bergerac, ami de Molière.
- [48] Mot qui, au dix-septième siècle, rimait encore avec *joie*.
- [49] Pour: festin, plaisir. Archaïsme expressif et vulgaire.
- [50] Pour: trouve. Archaïsme passé de mode, employé par la Fontaine.
- [51] Pour: tempérament, caractère. Expression impropre.
- [52] Pour: je n'ai passé. Terme de conversation impropre aujourd'hui.
- [53] Voyez plus haut. Petit meuble destiné à serrer des papiers et des bijoux. Nous l'appelons aujourd'hui secrétaire. Les lecteurs du dix-neuvième siècle ne doivent pas s'arrêter au sens apparent que le vers de Molière semble leur offrir.
- [54] Pour: gens qui vous courtisent. Mot qui a changé de sens, comme les mots *prude*, *coquette*, etc.
- [55] Pour: bonheur. Archaïsme élégant et perdu.
- [56] Mode de cette époque qui avait beaucoup de succès.
- [57] De *rhein graff*, mode allemande; haut-de-chausses très-bouffant.
- [58] Pour: se faisant. Ellipse hardie.

[59] Le comte de Guiche, à ce que prétendent les commentateurs.

[60] Au lever du roi.

[61] Le célèbre Lauzun, s'il faut en croire les commentateurs.

[62] Pour: personnage. Dans le sens anglais *character*.

[63] M. de Saint-Gilles, selon les commentateurs. C'était un original dont on riait à la cour, et dont la Bruyère s'est moqué.

[64] Pour: remue. Archaïsme très-usité du temps de Molière, et qui n'avait rien d'ignoble.

[65] Pour: c'est à sa table que. La répétition du datif à constitue une faute réelle qui ne passait pas pour telle du temps de Molière et de Boileau.

[66] Pour: ce dont. Ellipse énergique.

[67] Imitation d'un passage du IV<sup>e</sup> livre de Lucrèce, seul débris d'une traduction que Molière avait achevée, et dont il brûla le manuscrit.

[68] Petit coucher du roi.

[69] Uniforme des exempts des maréchaux.

[70] Le tribunal des maréchaux était institué pour juger les querelles d'honneur entre les gentilshommes.

[71] Détail de mœurs théâtrales de l'époque. Voyez tome I<sup>er</sup>, p. 261.

[72] Archaïsme passé de mode. Il nous est resté: du meilleur de son cœur.

[73] Pour: tâcher de. C'est une faute plutôt qu'un archaïsme.

[74] Voyez plus haut, tome I<sup>er</sup>, page 220.

[75] Pour: quelle chose faire. Ellipse populaire et énergique qui s'est conservée dans la langue.

[76] Pour: pièges. Bossuet l'emploie dans le même sens.

[77] Pour: lueurs, splendeurs. Emploi du participe que l'Académie française excluait alors.

[78] Pour: vous arrêter. L'emploi de ce mot dans le sens neutre est un archaïsme aujourd'hui perdu. La langue plus libre exprimait ou supprimait le pronom des verbes réfléchis.

[79] Au lieu de: pour. Voyez plus haut.

[80] Pour: et si cela arrivait que. Ellipse un peu obscure.

[81] Voyez plus haut la note, p. 157.

[82] Pour: se retrouver, rappeler ses forces. Archaïsme et ellipse.—Ces six derniers vers ont déjà été placés par Molière dans *Don Garcie de Navarre*; il se les est empruntés à lui-même. Voyez tome I, p. 358.

[83] Le motif et quelques vers de cette scène se retrouvent dans *Don Garcie de Navarre*, où Molière les a repris. Voyez tome I<sup>er</sup>, p. 334.

- [84] Dubois en habit de voyage.
- [85] Allusion à un libelle attribué à Molière par ses ennemis.
- [86] Pour: vanité. Expression archaïque encore usitée dans le patois du Languedoc: *gloria*.
- [87] Pour: prétende à vous. C'est une licence plutôt qu'un archaïsme.
- [88] Pour: vous que. La faute de français est évidente.
- [89] Pour: témoignages. Expression impropre.
- [90] Pour: arrangée de concert.
- [91] Pour: que je trouve à vous désirer, regretter. Apocope archaïque, fréquente chez Montaigne.
- [92] Allusion à Mademoiselle de Montpensier.
- [93] Pour: résolue à trouver en moi. Ellipse et licence très-hardie et très-énergique.
- [94] Annoncé aussi sous le nom du *Fagotier*.
- [95] Pour: vivant dans la maison de Géronte. Du latin *domesticus*, attaché à la famille; sans doute un intendant ou un secrétaire.
- [96] Voyez plus haut la note, t. II. p. 168.
- [97] Pour: cela suffit. De l'italien *basta*.
- [98] Pour: me forcer de donner, proverbe populaire.
- [99] Voyez plus haut la note cinquième, p. 23.
- [100] Pour: vous payerez cet argent *des fagots* (en), locution populaire et très-juste.
- [101] Pour: affligés. Du latin, *mærens*. Archaïsme populaire.
- [102] Pour: tourner autour des choses. Mot patois populaire.
- [103] Pour: tout comme. Probablement du latin, *quemadmodum*.
- [104] Imitation de Rabelais, liv. 1<sup>er</sup>, chap. VIII.
- [105] Voyez plus haut la note, p. 209.
- [106] Scène dont le fond se trouve chez Rabelais.
- [107] Pour: les uns du cerveau, les autres du foie.
- [108] Imitation d'une nouvelle de Cervantès: *et Licenciado vidriera*, que M. Aimé Martin a tort de traduire par «le Licencié de Vidriera,» et qui signifie *le licencié de verre ou de cristal*, c'est-à-dire le licencié affectant la délicatesse.
- [109] Imitation de Rabelais.
- [110] Imitation éloignée des *Adelphes* de Térence, acte III, scène IV.

[111] Dénoûment imité de la dernière scène de la *Zélinde* de Villiers, pièce satirique dirigée contre Molière lui-même.

[112] Ces deux mots rimaient ensemble.

[113] Pour: sur le ton de l'homme. Archaïsme vulgaire.

[114] Ancienne mesure grecque. Pour cent vingt-cinq pas géométriques.

[115] Trait évidemment dirigé par Molière contre sa femme, dont il était séparé, et qui rappelle les deux vers que Henri IV crayonna sur une guitare où se trouvait déjà écrit le distique suivant:

Beauté trop rebelle et charmante,  
Ah! cessez votre cruauté!

Henri IV acheva le quatrain par ce second distique:

Monsieur, vous outragez ma tante,  
Elle aime trop l'humanité.

[116] Scène qui se retrouve dans une comédie de Rotrou, intitulée la *Sœur*.

[117] Pour: la part de votre ennui.

[118] Couplets empruntés textuellement ou à peu près par les auteurs de l'opéra-comique le *Postillon de Longjumeau*, joué en 1837.

[119] Les *gnacares* étaient une espèce de cymbales. Le nom de cet instrument est italien: *gnaccare* ou *gnachere*.

[120] Molière n'a pas indiqué le lieu de la scène, qui se passe évidemment dans la rue.

[121] *Scarra mucchia*, personnage de la comédie italienne entièrement vêtu de noir, et *scarra mazzo*, baroque, bizarre.

[122] Pour: cependant.

[123] «Moi être bon Turc, moi avoir point d'argent. Vouloir vous acheter moi? Moi servir vous, si vous payer moi. Moi faire une bonne cuisine; moi lever matin. Moi faire marmite bouillir. Vous parler, acheter moi?». Imitation du patois barbare, mêlé d'italien et de turc, encore usité dans les Echelles du Levant.

[124] Le livre du *Ballet des Muses* indique ici le même jeu de théâtre que nous avons déjà indiqué à la fin du premier couplet.

[125] «Moi pas acheter toi; mais te bâtonner si toi pas en aller. Toi en aller, ou moi bâtonner toi.»

[126] Elle a les yeux bleus.

[127] Cette préface a été mise par Molière en tête de la première édition du *Tartuffe*, publiée en 1669, quelques mois après la seconde représentation de cet ouvrage, et plus de deux ans après la première.

[128] *Polyeucte* et *Théodore*, vierge et martyr.

[129] Le grand Condé.

[130] Cet emploi est celui de chef de la troupe du roi.

[131] Pour: sans qu'elle ait été vue. Faute de français.

[132] Mauvillain, médecin de Molière.

[133] Huissier.

[134] Pour: une famille de bohémiens. Proverbe archaïque et populaire. «Le roi Pétaud, dit Bret, est le chef que se choisissaient autrefois les mendiants, réunis en corporation. Ce nom vient du latin *peto*, je demande. Ce roi n'ayant pas plus de pouvoir que ses sujets, on donne par extension le nom de cour du roi Pétaud à une maison où tout le monde commande.»

[135] Pour: sous cape, sous le manteau. De l'espagnol *capa*.

[136] Pour: dans cette maison; du latin, *hic intus*, ci ens, ici dedans. Archaïsme expressif et perdu, ainsi que leans (*illie intus*, là ens, là dedans). Deux mots excellents d'une nuance distincte et que la langue ne possède plus.

[137] Pour: porter, engager; du latin, *inducere*.

[138] Voyez la note de la page précédente.

[139] Voyez la note, page 331.

[140] Cette tirade et la suivante avaient appartenu d'abord au rôle de Cléante, comme le prouvent le ton et le style employés par Molière. Il a craint, apparemment, de donner trop de valeur à ses portraits, et a pensé qu'ils passeraient plus aisément dans la bouche d'une suivante.

[141] Allusion à la comtesse de Soissons et à son mari, qui furent exilés. Voyez plus haut, page 317.

[142] La duchesse de Navailles. Voyez plus haut, page 317.

[143] Pour: rester béant. Du latin, *beare*, rester la bouche ouverte en regardant les corneilles.

[144] Pour: liberté excessive de l'esprit, licence de doctrine. Le mot a changé de sens.

[145] Voyez la note précédente.

[146] Pour faiseurs de façons, de petites mines. Du latin, *facies*, dont façon est le diminutif.

[147] Voyez plus haut la note, page 341.

[148] Pour: mari trompé. Expression proverbiale passée de mode.

[149] Voyez tome I<sup>er</sup>, page 86, note quatrième.

[150] Pour: ne t'ai-je pas. Ellipse archaïque.

[151] Même observation.

[152] Voyez tome II, page 21, note deuxième.

[153] Pour: bonheur. Voyez tome I<sup>er</sup>, p. 94, note quatrième.

[154] La grande troupe de musiciens.

[155] Le singe de la foire.

[156] Mot de l'invention de Molière.

[157] Pour: arriver. Voyez plus haut.

[158] Ici Molière a supprimé une scène dans laquelle la famille décidait qu'Elmire serait priée de faire à Tartuffe des remontrances sur le mariage projeté.

**(A suivre)**





## Letters from Vincennes

By

**Thomas D. Le**

**The Big and Not-So-Big Questions**

**Time**

**Henri Bergson's *Duration and Simultaneity***

**Chapter 3**

**I**n the last segment (Firmament April 2023), we went over a number of important issues such as McTaggart's concepts that are in use in philosophical argument, and the Michelson-Morley experiment that obtained a null-result with respect to the luminiferous ether. The fact that the luminiferous ether is controversial does not invalidate the results of subsequent experiments over the next century. But the most important topic was the debate between Henri Bergson, the most famous philosopher of the twentieth-century, who won the Nobel Prize in Literature in 1927 and Albert Einstein, who advanced the Special Theory of Relativity (STR), and won the Nobel Prize in Physics in 1921. Though the Nobel Prize was awarded for his discovery of the photoelectric effect, his acceptance speech was an exposition of the Special Theory of Relativity, which has been better known worldwide since 1905 and should be a better basis for the prize than the photoelectric effect. One suggestion was that Bergson's criticism of STR as epistemology grafted on science had probably influenced the Nobel Committee.

The debate between the two great men, which took place in Paris on April 6, 1922 in the venerated *Société française de philosophie* (French Society of Philosophy), was followed eagerly by philosophers and scientists in France, England, Germany and America, pitting those who favored "lived time" of Bergson against those who rooted for "clock time" of Einstein. It was obvious after the proceedings that the philosopher had lost, though the scientist hadn't presented a shred of evidence. As is expected, STR received eager attention from scientists bent on verifying its claims.

In the last segment, we described a verification of time dilation at low relative velocities by the American physicists Joseph Hafele and Richard Keating in 1971. They synchronized four extremely accurate cesium beam atomic clocks, left two in the US Naval Observatory, and flew the others on commercial jets twice, eastward and westward. The results bore out STR. The gains and losses of time measured in nanoseconds, with errors of corresponding standard deviations, are: a loss  $59 \pm 10$  nanoseconds during the eastward trip and a gain of  $273 \pm 7$  nanoseconds during the westward trip.

However, after the debate, Bergson did not simply fade away in a whimper. He immediately wrote a fairly substantial book in his defense titled *Duration and Simultaneity*, for which Emeritus Professor Herbert Dingle, who was also opposed to STR, graced with an almost 50-page-long introduction in Bergson's defense. We had an opportunity to discuss this book up to Chapter 3 in the April issue of Firmament. Bergson died in 1941 in complete obscurity, thirty before STR, which he was arguing so strenuously against, was corroborated. Not until 1988 was he reintroduced by the French philosopher Gilles Deleuze, in his book *Bergsonism* in his honor.

The most remarkable claim in Dingle's introduction to *Duration and Simultaneity* was what he considered the fallacy of asymmetrical aging in STR-- commonly referred to as twin paradox or clock paradox (since it doesn't matter if names of people or names of clocks are used)--which he published in *Nature* several times as follows:

- 1 According to the postulate of relativity, if two bodies (for example two identical clocks) separate and reunite, there is no observable phenomenon that will show in an absolute sense that one rather than the other has moved.
2. If on reunion one clock were retarded by a quantity depending on their relative motion, and the other not, that phenomenon would show that the first had moved and not the second.
3. Hence, if the postulate of relativity is true, the clocks must be retarded equally or not at all: in either case, their readings will agree on reunion if they agreed at separation. (Bergson, 1922, p. xviii)

Dingle complained that he did not receive a single reply to his syllogism. There is evidence that he overexaggerated. In any case, his argument is faulty.

Premise 1, which purports to represent the First Postulate of STR, is oversimplified. If we grant Premise 1 as complete, the postulate of STR was misunderstood since there is no complete symmetry between the movements of these clocks. According to STR, the inertial frame is the simplest one where all laws of physics should apply equally. The inertial frame is one which the clocks either is stationary or moving at a uniform rate. That is also the environment for Newtonian physics. Hence, Premise 1 omits this crucial condition: There is no way to tell which of the two clocks is stationary and which one moves *in an inertial frame only, i.e., unaccelerated*.

If one clock has to go through acceleration and deceleration while the other is either fixed or moving with a uniform rate, then there is asymmetrical aging. To show discrepancy in time lapse, the frames of reference have to differ. That's exactly the scenario when one clock is fixed or moving uniformly, and the other undergoes acceleration and deceleration. Premise 1 as formulated above assumes that since there is no way to distinguish between a moving clock and a stationary one, that they are either moving uniformly *or* not moving uniformly (but moving uniformly *and* not moving uniformly). That condition that both clocks behave the same way would justify the conclusion in Premise 3. However, that does not equate to the proposition that all frames of reference are the same. If we allow one clock to be stationary or to move uniformly and the other to move not uniformly, as STR requires, then the conclusion in Premise 3 is false. Hence, Dingle's argument is unconvincing.

In the next segment, we will revisit Bergson's *Duration and Simultaneity*. In it he had tried to understand STR. but the main thrust is to present his concept of time, expressed as *durée* (duration), i.e., "lived time" as contrasted with STR's "clock time." ■

(To be continued)

***Thomas D. Le***

9 August 2023.

### **Bibliography - The Big and Not-So-Big Questions**

Age of the universe. (2021, July 11). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Age\\_of\\_the\\_universe](https://en.wikipedia.org/wiki/Age_of_the_universe)

Anderson, E. (2017). *The Problem of Time: Quantum Mechanics versus General Relativity*. [eBook Edition], Springer. Retrieved May 31, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-problem-of-time-quantum-mechanics-versus-general-relativity-e185955505.html>

Anthropic principle. (2021, July 2). In *Wikipedia*. Retrieved July 28, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Anthropic\\_principle](https://en.wikipedia.org/wiki/Anthropic_principle)

Aspen Institute. (2015, July 10). *New Theories on the Origin of Life with Dr. Eric Smith*. [Video]. YouTube. Retrieved July 3, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=0cwwj0XBKIE>

Barrow, J.D. & Tipler, F. J. (1986). *The Anthropic Cosmological Principle*. [eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved July 19, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-anthropic-cosmological-principle-e183647017.html>

Bergson, H. (1965, orig, 1922). *Duration and Simultaneity with Reference to Einstein's Theory*. The Bobb-Merrill Company, Inc. [eBook edition]. Retrieved August 5, 2023 from <https://pdfdrive.to/filedownload/duration-and-simultaneity-with-reference-to-einsteins-theory>

Big Bang. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Big\\_Bang](https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Bang)

Big Bounce. (2021, June 14). In *Wikipedia*. Retrieved July 20, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Big\\_Bounce](https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Bounce)

Big History. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Big\\_History](https://en.wikipedia.org/wiki/Big_History)

- Big Rip, (2021, July 15). In *Wikipedia*. Retrieved July 30, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Big\\_Rip](https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Rip)
- Blackburn, S. (2018). *On Truth*, [eBook edition], Oxford University Press. Retrieved January 4, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/on-truth-d187537547.html>
- Boccardi, E. (2015). "Turning the Tables on McTaggart". *Semantic Scholar*. Retrieved July 20, 2022 from <https://www.semanticscholar.org/paper/Turning-the-Tables-on-McTaggart-Boccardi/af248ba64fcca43634f4fcd5b024a02390488cf8>
- Bolton, M. (2022). "Primary and Secondary Qualities in Early Modern Philosophy". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 15, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/qualities-prim-sec/>
- Bostrom, N. (2002). *Anthropic Bias. Observation Selection Effects in Science and Philosophy*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved July 17, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/anthropic-bias-observation-selection-effects-in-science-and-philosophy-studies-in-philosophy-e156691550.html>
- Brown, C.S. (2007). *Big History: From the Big Bang to the Present*. [eBook edition]. The New Press. Retrieved July 4, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/big-history-from-the-big-bang-to-the-present-e194403518.html>
- Brumfiel, G. (2014, November 3). "New Clocks May End Time as We Know It." *npr Morning Edition*. Retrieved April 23, 2023 from <https://www.npr.org/2014/11/03/361069820/new-clock-may-end-time-as-we-know-it>
- Buchanan, E. (1962). *Aristotle's Theory of Being*. [eBook edition]. University, Mississippi Retrieved May 10, 2022 from <https://book4you.org/book/1249682/d4470d>
- Buonomano, D. (n.d.). *Your Brain Is a Time Machine: The Neuroscience and Physics of Time*. [eBook edition]. Retrieved April 25, 2023 from
- Canales, J. (2015). *The Physicist and the Philosopher: Einstein, Bergson, and the Debate That Changed our Understanding of Time*. [eBook edition]. Princeton University Press. Retrieved October 13, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-physicist-the-philosopher-einstein-bergson-and-the-debate-that-changed-our-understanding-of-time-e157932307.html>
- Carlo Rovelli. (2021, October 17), In *Wikipedia*, Retrieved October 19, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Carlo\\_Rovelli](https://en.wikipedia.org/wiki/Carlo_Rovelli)
- Carroll, S. (2010). *From Eternity to Here: The Quest for the Ultimate Theory of Time*. [eBook edition]. Dutton. Retrieved June 30, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/from-eternity-to-here-the-quest-for-the-ultimate-theory-of-time-e162012397.html>
- Carroll, S. (2016). *The Big Picture: On the Origin of Life, Meaning and the Universe Itself*. [eBook edition]. OneWorld Publications. Retrieved June 30, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-big-picture-on-the-origins-of-life-meaning-and-the-universe-itself-e158259011.html>

- Categories of Being. (2022, May 3). In *Wikipedia*. Retrieved May 11, 2022 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Category\\_of\\_being](https://en.wikipedia.org/wiki/Category_of_being)
- Chernyakow, A. (2006). *The Ontology of Time: Being and Time in the Philosophies of Aristotle, Husserl and Heidegger*. Springer. [eBook edition]. Retrieved October 13, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-ontology-of-time-being-and-time-in-the-philosophies-of-aristotle-husserl-and-heidegger-e175862163.html>
- Christian, D. (2004). *Maps of Time: An Introduction to Big History*. [eBook edition]. University of California Press. Retrieved July 4, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/maps-of-time-introduction-to-big-history-d158504984.html>
- Christian, D. (2008). *Big History: The Big Bang, Life on Earth, and the Rise of Humanity*. [eBook edition]. Retrieved July 2, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/big-history-the-big-bang-life-on-earth-and-the-rise-of-humanity-e12062963.html>
- Chronology of the universe. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Chronology\\_of\\_the\\_universe](https://en.wikipedia.org/wiki/Chronology_of_the_universe)
- Commonwealth Club of California. (2020, February 28). *Brian Greene: Mind, Matter And The Search For Meaning*. [Video]. YouTube. Retrieved June 30, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=Ti1bniNNCmc>
- Conseil économique social et environnemental. (2017, September 19). "L'ORIGINE DE LA VIE" - Hubert REEVES, conférence exceptionnelle. [Video]. YouTube. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=X1yJsJxB82Y>
- Coope, U. (2005). *Time for Aristotle: Physics IV.10–14*. [eBook edition]. Clarendon Press Oxford. Retrieved September 1, 2021 from <https://epdf.pub/time-for-aristotle-oxford-aristotle-studies.html>
- Copernicus Center for Interdisciplinary Studies. (2019, March 24). *Daniel Everett, How Language Began: The History of Humanity's Greatest Invention [reupload]*. [Video]. YouTube. Liveright Publishing Corporation. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=1ALWRbmAwzY>
- Cordero, N-L. (2004). *By Being, It Is : The Thesis of Parmenides*. [eBook edition]. Parmenides Publishing. Retrieved , April 27, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/by-being-it-is-the-thesis-of-parmenides-e157986438.html>
- Correspondence Theory of Fact. (2022, October 22). In *Wikipedia*. Retrieved January 3, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Correspondence\\_theory\\_of\\_truth](https://en.wikipedia.org/wiki/Correspondence_theory_of_truth)
- Costa, D. (n.d.). "Persistence in Time" In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://iep.utm.edu/per-time/>
- Craig, W.M. & Smith, Q. (2008). *Einstein, Relativity, and Absolute Simultaneity*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved July 22, 2022 from <https://book4you.org/book/498934/7c1702>

- Cummings, R. (n.d.). *The Girl in the Golden Atom*. [eBook edition]. Retrieved July 18, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-girl-in-the-golden-atom-d185154768.html>
- Dark Energy. (2021, June 26). In *Wikipedia*. Retrieved July 2, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Dark\\_energy](https://en.wikipedia.org/wiki/Dark_energy)
- Dark Matter. (2021, June 26). In *Wikipedia*. Retrieved July 2, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Dark\\_matter](https://en.wikipedia.org/wiki/Dark_matter)
- Davies, P. (1995). *About Time: Einstein's Unfinished Revolution*. [eBook edition]. Simon & Schuster Paperbacks. Retrieved May 5, 2022 from <https://b-ok.cc/book/703367/03b6a5?dsource=recommend>
- Davies, P. (2006). *The Goldilocks Enigma: Why Is the Universe Just Right for Life?* [eBook edition]. Houghton Mifflin Company. Retrieved July 19, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-goldilocks-enigma-why-is-the-universe-just-right-for-life-d158368729.html>
- Deppe, S. (2016). The Mind-Dependence of the Relational Structure of Time (or: What Henri Bergson Would Say to B-theorists), *KRITERION – Journal of Philosophy*. <https://doi.org/10.1515/krt-2016-300209>. Retrieved April 18, 2023 from <https://www.degruyter.com/document/doi/10.1515/krt-2016-300209/html>
- Discovery Science. (2019, June 29). *Stephen Meyer: Fine-Tuning and the Origin of the Universe*. [Video]. YouTube. Retrieved July 12, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=GQ7GBZm087Y>
- Dodd, J. (2008, orig. 2000). *An Identity Theory of Truth*. [eBook edition]. Palgrave Macmillan. Retrieved January 4, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/an-identity-theory-of-truth-d190079513.html>
- Dowden, B. (n.d.). "Time". In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://iep.utm.edu/time/>
- Dowden, B. & Swartz, N. (n.d.). "Truth". *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 16, 2023 from <https://iep.utm.edu/truth/>
- Einstein, A, (1923). *The Meaning of Relativity*. Princeton University Press. [eBook edition]. Retrieved January 16, 2023 from <https://www.gutenberg.org/cache/epub/36276/pg36276-images.html#chap01>
- Einstein Forum. (2018, November 12). *How Language Began. Homo erectus and the Origin of Language*. [Video]. YouTube. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=1hVijQZLEeM&t=1875s>
- Emery, N. (2020). "Time". In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/time/>
- Englebretson, G. (2006). *Bare Facts and Naked Truths: A New Correspondence Theory of Truth*. [eBook Edition] Ashgate Publishing Limited. Retrieved January 3, 2023 from



<https://www.pdfdrive.com/bare-facts-and-naked-truths-a-new-correspondence-theory-of-truth-e181054469.html>

Epstein, R.L. (1990). *The Semantics Foundation of Logic. Volume 1:Propositional Logics*. SPRINGER- SCIENCE+BUSINESS MEDIA, B.V. [eBook edition]. Retrieved January 10, 2023  
<https://www.pdfdrive.com/the-semantic-foundations-of-logic-volume-1-propositional-logics-e166072103.html>

Everett, D.L. (2017). *How Language Began: The Story of Humanity's Greatest Invention*. [eBook edition]. Liveright Publishing Corporation. Retrieved June 4, 2021 from  
<https://www.pdfdrive.com/how-language-began-the-story-of-humanitys-greatest-invention-e199784005.html>

Evident one9teen. (2019, December 6). *The Fine Tuning of the Universe | Intelligent Design - Dr. Frank Turek*. [Video]. YouTube. Retrieved July 12, 2021 from  
<https://www.youtube.com/watch?v=U5om87mchGs>

Fact. (2922, November 2022). In *Wikipedia*. Retrieved January 3, 2023 from  
<https://en.wikipedia.org/wiki/Fact>

Feynman, R., Leighton, R.B. & Sands, M., (2006, orig. 1963), *The Feynman Lectures on Physics, New Millennium Edition*. [eBook edition]. Basic Books. Retrieved April 24, 2023 from  
<https://www.pdfdrive.com/the-feynman-lectures-on-physics-vol-iiiiii-the-new-millennium-edition-d187899034.html>

Folger, T. (2007, December 19). "Newsflash: Time May Not Exist". *Discover Magazine*. Retrieved May 12, 2022 from <https://www.discovermagazine.com/the-sciences/newsflash-time-may-not-exist>

Frederick, S. (2017, August 22). Fine-Tuning. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 18, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/fine-tuning/>

Future of an expanding universe. (2021, July 11). In *Wikipedia*. Retrieved July 13, 2021 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Future\\_of\\_an\\_expanding\\_universe](https://en.wikipedia.org/wiki/Future_of_an_expanding_universe)

Glanzberg, M (2018). "Truth". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from  
<https://plato.stanford.edu/entries/truth/>

Gasparini, M. (2008 ). *The Universe Before the Big Bang: Cosmology and String Theory*. [eBook edition]. Springer-Verlag. Retrieved June 1, 2021 from  
<https://www.pdfdrive.com/the-universe-before-the-big-bang-cosmology-and-string-theory-d158498383.html>

Gewerth, A. (1953). "Aristotle's Doctrine of Being." *The Philosophical Review*, Vol. 62, No. 4 (Oct, 1953). 577-589. Retrieved May 10, 2022 from <https://book4you.org/book/1319466/2ea890>

Gorbunov, D. S. & Rubakov, V. A. (2011). *Introduction to Theory of the Early Universe: The Hot Big Bang, 2nd Ed.* [eBook edition]. World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd. Retrieved May 31, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/introduction-to-the-theory-of-the-early-universe-hot-big-bang-theory-d162207165.html>

- Green, M. (2014). "Speech Acts". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved December 28, 2022 from <https://plato.stanford.edu/archives/win2017/entries/speech-acts>
- Gribbin, J. (2017, orig. 1993). *In the Beginning: After COBE and Before the Big Bang*. [eBook edition]. Venture Press. Retrieved July 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/in-the-beginning-after-cobe-and-before-the-big-bang-e157062592.html>
- Haasparanta, L. & Koskinen, H. J., eds. (2012). *Categories of Being: Essays in Metaphysics and Logic*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 11, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/categories-of-being-essays-on-metaphysics-and-logic-e188638353.html>
- Hafele, J.C & Keating, R.F. (1972, July 14). Around-the-Worlds Atomic Clocks: Predicted Relativistic Time Gains. *Science*, Volume 177, Issue 4044 , Retrieved May 1, 2023 from <https://www.science.org/doi/10.1126/science.177.4044.168>
- Hafele, J.C & Keating, R.F. (1972, July 14). Around-the-Worlds Atomic Clocks: Predicted Relativistic Time Gains. *Science*, Volume 177, Issue 4044. Retrieved May 1, 2023 from <https://www.science.org/doi/10.1126/science.177.4044.168>
- Hawking, S. (1993). *Hawking on the Big Bang and Black Holes (Advanced Series in Astrophysics and Cosmology, Vol 8)*. [eBook edition]. World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd. Retrieved June 1, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/a-brief-history-of-time-e193703119.html>
- Hawking, S. (1998). *A Brief History of Time*. [eBook edition]. Bantam. Retrieved May 20, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/a-brief-history-of-time-e193703119.html>
- Hawking, S. (2018). *Brief Answers to the Big Questions*. [eBook edition]. Retrieved May 20, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/brief-answers-to-the-big-questions-d196864263.html>
- Hawking, S. & Molodinow, L. (2010). *The Grand Design*. [eBook edition]. Bantam. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/stephen-hawking-the-grand-designpdf-d55020535.html>
- Herbert Dingle. (2023, February 11), In *Wikipedia*. Retrieved May 3, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Herbert\\_Dingle](https://en.wikipedia.org/wiki/Herbert_Dingle)
- Heat death of the universe. (2021, July 30). In *Wikipedia*. Retrieved July 30, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Heat\\_death\\_of\\_the\\_universe](https://en.wikipedia.org/wiki/Heat_death_of_the_universe)
- Heisenberg, W. (1958). *Physics and Philosophy: The Revolution in Modern Science*. [eBook edition]. Harper & Brothers Publishers. Retrieved May 31, 2002 from <https://www.pdfdrive.com/physics-and-philosophy-the-revolution-in-modern-science-e185068815.html>
- Hunter, J. (n.d.). "Time Travel". *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://iep.utm.edu/timetrav/>
- Inflation (cosmology). (2021, July 12). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from

[https://en.wikipedia.org/wiki/Inflation\\_\(cosmology\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Inflation_(cosmology))

Inflationary epoch. (2021, May 7). In *Wikipedia*. Retrieved July 20, 2021 from [\*\*https://en.wikipedia.org/wiki/Inflationary\\_epoch\*\*](https://en.wikipedia.org/wiki/Inflationary_epoch)

Ingthorsson, R.D. (2016). *McTaggart's Paradox*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved October 7, 2022 from [\*\*https://u1lib.org/book/3618897/a1ce73\*\*](https://u1lib.org/book/3618897/a1ce73)

Jaffe, A. (2018). Is Time an Illusion. *Nature* 556, (304-305). Retrieved April 24, 2023 from [\*\*https://www.nature.com/articles/d41586-018-04558-7\*\*](https://www.nature.com/articles/d41586-018-04558-7)

James R. Killian, Jr. Lecture Series. (2015, November 10). *Language: The Cognitive Revolution - Noam Chomsky*. [Video]. YouTube. Retrieved June 22, 2021 from [\*\*https://www.youtube.com/watch?v=0hzCOsQJ8Sc\*\*](https://www.youtube.com/watch?v=0hzCOsQJ8Sc)

Kahn, C. (2009). *Essays on Being*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 11, 2022 from [\*\*https://www.pdfdrive.com/essays-on-being-d187989985.html\*\*](https://www.pdfdrive.com/essays-on-being-d187989985.html)

Kelly, M. (n.d.). "Phenomenology and Time-Consciousness". In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from [\*\*https://iep.utm.edu/phe-time/\*\*](https://iep.utm.edu/phe-time/)

Kennedy, J. B. (2003). *Space, Time and Einstein: An Introduction*. [eBook edition]. Acumen Publishing Limited. Retrieved June 22, 2021 from [\*\*https://www.pdfdrive.com/space-time-and-the-texture-of-reality-brian-greenpdf-d52141980.html\*\*](https://www.pdfdrive.com/space-time-and-the-texture-of-reality-brian-greenpdf-d52141980.html)

Kirk, G.S., Raven, J.E. & Schofield, M. (1983, orig. 1957). *The Presocratic Philosophers, 2<sup>nd</sup> Ed*. Cambridge University Press.

Kirkham, R.L.(2001, orig. 1992). *Theories of Truth: A Critical Introduction*. [eBook Edition]. The MIT Press. Retrieved January 3, 2023 from [\*\*https://www.pdfdrive.com/theories-of-truth-a-critical-introduction-e183707329.html\*\*](https://www.pdfdrive.com/theories-of-truth-a-critical-introduction-e183707329.html)

Krishnamurti, J. & Bohm, D. (2014). *The Ending of Time: Where Philosophy and Physics Meet*. Revised and Expanded Edition. Oxford University Press. [eBook edition]. Retrieved July 11, 2023 from [\*\*https://lib-p6micqnus2iwgif3hf2ycnpd.1lib.fr/book/5967983/1ff577?dsourc=recommend\*\*](https://lib-p6micqnus2iwgif3hf2ycnpd.1lib.fr/book/5967983/1ff577?dsourc=recommend)

Kuhn, R. L. (2022, August 26). *The Illusion of Time: What's Real?*. Space.com, Retrieved March 23, 2023 from [\*\*https://www.space.com/29859-the-illusion-of-time.html\*\*](https://www.space.com/29859-the-illusion-of-time.html)

Künne, W. (2003). *Conceptions of Truth*. [eBook Edition]. Oxford University Press. Retrieved January 3, 2023 from [\*\*https://www.pdfdrive.com/conceptions-of-truth-d191702904.html\*\*](https://www.pdfdrive.com/conceptions-of-truth-d191702904.html)

Lederman, L. (2006. orig. 1993). *The God Particle: If the Universe Is the Answer, What Is the Question*. [eBook edition]. Houghton Mifflin Company. Retrieved July 12, 2021 from [\*\*https://www.pdfdrive.com/the-god-particle-if-the-universe-is-the-answer-what-is-the-question-e194075715.h\*\*](https://www.pdfdrive.com/the-god-particle-if-the-universe-is-the-answer-what-is-the-question-e194075715.h)

- Le Poidevin, R. & Murray, M. (eds.) (1993). *Philosophy of Time*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 7, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-philosophy-of-time-d186430007.html>
- Le Poidevin, R. (ed.) (1998). *Questions of Time and Tense*. [eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved May 4, 2022 from <https://book4you.org/book/2039145/bea57b>
- Le Poidevin, R. (2017). *The Images of Time: An Essay on Temporal Representation*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved October 21, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-images-of-time-an-essay-on-temporal-representation-d184483895.html>
- Le Poidevin, R. (2019). The Experience and Perception of Time. In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved October 20, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/time-experience/>
- Library of Congress. *The Emergence of Life: On Earth (Session 1)*. [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=-DqigTtmGVM>
- Library of Congress. (2017b, March 2). *The Emergence of Life: On Earth (Session 2)*. [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=JjKj7wn60sI>
- Library of Congress. (2017c, March 2). *The Emergence of Life: Elsewhere & Closing Remarks (Session 3)*. [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=JjKj7wn60sI>
- Lerner, E. J. (1991). *The Big Bang Never Happened*. Vintage Book. [eBook edition]. Retrieved July 9, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-big-bang-never-happened-d31616635.html>
- LSE Philosophy. (2016, July 27). *Carlo Rovelli: "Why Physics needs Philosophy"*. [Video]. YouTube. Retrieved October 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=IJ0uPkG-pr4>
- Lynch, M. (2002). *The Nature of Truth: Classic and Contemporary Perspectives*. [eBook Edition]. The MIT Press. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/the-nature-of-truth-classic-and-contemporary-perspectives-e158558163.html>
- MacBride, F. (2020). "Relations". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/relations/>
- Manning, L, Cassel, D. & Cassel, J.-C.. (2013). "St. Augustine's Reflections on Memory and Time and the Current Concept of Subjective Time in Mental Time Travel". *Behavioral Sciences*. 3, 232–243. Retrieved October 20, 2021, from <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC4217622/>
- Marx, W. (1977). *Introduction to Aristotle's Theory of Being as Being*. [eBook edition] \_ <https://book4you.org/book/5889233/03fbdc>
- McAndrew, A . (2003). "The Big Bang Is not a Myth". *Alec's Evolution Pages*. Retrieved July 9, 2021 from [http://www.evolutionpages.com/big\\_bang\\_no\\_myth.htm](http://www.evolutionpages.com/big_bang_no_myth.htm)

- McLure, R. (2004), *The Philosophy of Time: Time before times*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved October 8, 2021 from <https://epdf.pub/the-philosophy-of-time-time-before-times-routledge-studies-in-twentieth-century-.html>
- McNeill, D. (2012). *How Language Began: Gesture and Speech in Human Evolution*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/how-language-began-gesture-and-speech-in-human-evolution-d163303442.htm>
- McTaggart, J. E.(1908),The Unreality of Time. *Mind*, New Series, Vol. 17, No. 68 (Oct., 1908), pp. 457-474. Published by: Oxford University Press on behalf of the Mind Association. Stable URL: <http://www.jstor.org/stable/2248314> .
- McTaggart, J.E.M. (1921) *The Nature of Existence*. Vol I. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved Jul 11, 2022 from <https://epdf.pub/the-nature-of-existence-vol-1.html>
- McTaggart, J.E.M. (1927) *The Nature of Existence*. Vol 2. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved Jul 11, 2022 from <https://epdf.pub/the-nature-of-existence-vol-2.html>
- Mental state. (2022, December 27). In *Wikipedia*. Retrieved December 29, 2022 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Mental\\_state](https://en.wikipedia.org/wiki/Mental_state)
- Merricks, T. (2007). *Truth and Ontology*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved January 4, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/truth-and-ontology-d159096120.html>
- Meyer, U. (2013), *The Nature of Time*. Oxford University Press. [eBook edition]. Retrieved October 18, 2021, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-nature-of-time-d189004390.html>
- Michelson-Morley experiment. (2023, April 24). In *Wikipedia*. Retrieved May 5, 2023 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Michelson%E2%80%93Morley\\_experiment](https://en.wikipedia.org/wiki/Michelson%E2%80%93Morley_experiment)
- Moskowitz, C (2013, April 26). Controversially, Physicist Argues Time Is Real. *Live Science*. Retrieved April 24, 2023 from <https://www.livescience.com/29081-time-real-illusion-smolin.html>
- Mulligan, K. and Corriea. F. (2020). "Facts". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/facts/>
- Nathan, M.J. (2021, February 22). Does anybody really know what time it is? *Hist Philos Life Sci*. 2021; 43(1): 26. doi: 10.1007/s40656-021-00381-y. Retrieved April 26, 2023 from <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC7899069/>
- Newman, A. (2004). *The Correspondence Theory of Truth; An Essay on the Metaphysics of Predication*. [eBook Edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/the-correspondence-theory-of-truth-an-essay-on-the-metaphysics-of-predication-d188726392.html>
- New Scientist. (2020. April 10). *Carlo Rovelli: The nature of time*. [Video]. YouTube. Retrieved October 7, 2021 from [https://www.youtube.com/watch?v=NrjFE\\_Rd2OQ](https://www.youtube.com/watch?v=NrjFE_Rd2OQ)
- Noica, C. (), *Becoming within Being*. [eBook edition]. Marquette University Press. Retrieved



May 11, 2022 from <https://book4you.org/book/847198/fdd482>

Owens, J. (1978, orig.1951). *The Doctrine of Being in the Aristotelian Metaphysics*. 3rd ed. [eBook edition]. Pontifical Institute of Mediaeval Studies. Retrieved May 10, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/doctrine-of-being-in-the-aristotelian-metaphysics-d162144333.html>

Panek, R. (2011). *The 4 Percent Universe: Dark Matter, Dark Energy, and The Race to Discover the Rest of Reality*. [eBook edition]. Houghton Mifflin Harcourt. Retrieved July 2, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-4-percent-universe-dark-matter-dark-energy-and-the-race-to-discover-the-rest-of-reality-e158339952.html>

Penn State. (2007, July 3). What Happened Before The Big Bang?. *ScienceDaily*. Retrieved July 20, 2021 from [www.sciencedaily.com/releases/2007/07/070702084231.htm](http://www.sciencedaily.com/releases/2007/07/070702084231.htm)

Price, H. (1997). *Time's Arrow and Archimedes' Point: New Directions for the Physics of Time* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved July from <https://lip6micqnu2iwgif3hf2ycnpd.1lib.fr/book/941806/c1cefe?dsourc=recommend>

Pross, A. (2010). *What is Life? How Chemistry becomes Biology*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/what-is-life-how-chemistry-becomes-biology-e184595930.html>

Rasmussen, J. (2014), *Defending the Correspondence Theory of Truth*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 4, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/defending-the-correspondence-theory-of-truth-d157788079.html>

Ray, C. (1991). *Time, Space and Philosophy: Philosophical Issues in Science*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved October 10, 2021 from <https://epdf.pub/time-space-and-philosophy.html>

Reale, G. (1987). *A History of Ancient Philosophy: 1. From the Origins to Socrates*. State University of New York Press.

Redshift. (2021, July 10). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Redshift>

Rescher, N. (1975). *A Theory of Possibility*. [eBook edition]. Oxford Basil Blackwell. Retrieved December 29, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/foundations-of-speech-act-theory-philosophical-and-linguistic-perspectives-d157200268.htm>

Relations (philosophy). (). In *Wikipeda*. Retrieved January 3, 2023 from

Roark, T. (2011). *Aristotle on Time: A Study of the Physics*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved September 1, 2021 from <https://epdf.pub/aristotle-on-time-a-study-of-the-physics.html>

Robert, J. & Matton, P. (2004). *Du Big Bang au Village Planetaire*. [eBook edition]. Éditions MultiMondes. Retrieved June 1, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/du-big-bang-au-village-planetaire-e185519076.html>



- Ross, W.R. (1936). *Aristotle's Physics*. [eBook edition]. Oxford at the Clarendon Press. Retrieved October 26, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/aristotles-physics-e161913368.html>
- Rovelli, C. (2014). *Seven Brief Lessons on Physics*. [eBook edition]. Penguin. Retrieved October 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/seven-brief-lessons-on-physics-d177768018.html>
- Rovelli, C. (2018). *The Order of Time*. [eBook edition]. Riverhead Books. Retrieved October 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-order-of-time-e187552996.html>
- The Royal Institution. (2017, November 22). *The Big Picture: From the Big Bang to the Meaning of Life - with Sean Carroll*. [Video]. YouTube. Retrieved July 10, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=2JsKwyRFiYY>
- The Royal Institution. (2018, Jun 13). *The Physics and Philosophy of Time - with Carlo Rovelli*. [Video]. YouTube. Retrieved October 7, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=-6rWqJhDv7M>
- The Royal Institution. (2019, December 19). *What is Life? Paul Nurse*. [Video]. YouTube. Retrieved July 3, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=z-SUo2wP4I>
- The Royal Institution. (2020, March 5). *What Happened At The Beginning Of Time? - with Dan Hooper*. [Video]. YouTube. Retrieved July 16, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=dB7d89-YHjM>
- Ryan, J.(tr) (1960). *The Confessions of Saint Augustine*. [eBook edition]. Doubleday,. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-confessions-of-saint-augustine-image-books-by-saint-augustine-and-translated-e157058700.html>
- Sachs, J. (n.d.). "Aristotle: Motion". In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 11, 2022 from <https://iep.utm.edu/aristotle-motion/>
- Savitt, S. (2021). "Being and Becoming in Modern Physics". In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 7, 2022 from <https://plato.stanford.edu/entries/spacetime-bebecome/>
- Schrodinger, E. (1967). *What is life? : the physical aspect of the living cell ; with Mind and matter ; & Autobiographical sketches*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/what-is-life-the-physical-aspect-of-the-living-cell-with-mind-and-matter-autobiographical-sketches-e157900534.htm>
- Second (2022, May 3). In *Wikipedia*. Retrieved May 12, 2022 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Second>
- Serway, R, (2011). *College Physics, Ninth Edition*. [eBook edition]. Brooks/Cole. Retrieved October 19, 2021 from <https://pdfroom.com/books/college-physics-9th-edition/9qXgeRae26P>
- Simons Institute. (2015, December 9). *Why Only Us: Language and Evolution*. [Video]. YouTube. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=ycC5oZqNXsk>

- Smolin, L. (2013). *Time Reborn: From the Crisis in Physics to the Future of the Universe*. [eBook edition]. Houghton Mifflin Harcourt. Retrieved April 24, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/time-reborn-from-the-crisis-in-physics-to-the-future-of-the-universe-2013-d188038859.html>
- Speech Acts. In *Wikipedia*. Retrieved December 28, 2022 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Speech\\_act](https://en.wikipedia.org/wiki/Speech_act)
- Stenger, V. J. (2011). *The Fallacy of Fine-Tuning: Why the Universe Is Not Designed for Us*. [eBook edition]. Prometheus Books. Retrieved May 23, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-fallacy-of-fine-tuning-why-the-universe-is-not-designed-for-us-e185931530.html>
- Strumpf, S.E. (1994, orig. published 1971). *Philosophy: History and Problems*. 5th ed. McGraw-Hill.
- TED. (2012, April 23). *Why is our universe fine-tuned for life? | Brian Greene*. [Video]. TED. Retrieved April 23, 2021 from [https://www.youtube.com/watch?v=bf7BXwVeyWw&list=TLPQMTIwNzIwMjGKpSFpb4Ie\\_A&index=2](https://www.youtube.com/watch?v=bf7BXwVeyWw&list=TLPQMTIwNzIwMjGKpSFpb4Ie_A&index=2)
- Textor, M. (2021, May 12). "States of Affairs". . *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/states-of-affairs/>
- Thomasson, A. (2004, June 3). "Categories". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 11, 2022 from <https://plato.stanford.edu/entries/categories/>
- Time. (2021, August 5). In *Wikipedia*, Retrieved September 1, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Time>
- Tooley, M. (1997). *Time, Tense and Causation*. [eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved January 21, 2022, from <https://www.pdfdrive.com/time-tense-and-causation-d184119699.html>
- Truth, (2022, December 29), In *Wikipedia*. Retrieved January 4, 2023 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Truth>
- Turetzky, P. (1998). *Time*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 27, 2022 from <https://b-ok.cc/book/1045828/2a23e3>
- Ultimate fate of the universe. (2021, July 10). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Ultimate\\_fate\\_of\\_the\\_universe](https://en.wikipedia.org/wiki/Ultimate_fate_of_the_universe)
- Unger, R,M, and Smolin L. (2016). *The Singular Universe and the Reality of Time: A Proposal in Natural Philosophy*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved December 18, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-singular-universe-and-the-reality-of-time-a-proposal-in-natural-philosophy-e157920169.html>
- University of Glasgow. (2020, October 6). *The Evolution of Language: From Speech to Culture* /

*Gifford Lectures 2019 | Prof Mark Pagel | Pt 1.* [Video]. YouTube. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=VOZe09ME9Dw>

University of Louisville Library (n.d.), *Critical Thinking and Academic Research: Assumptions*. Retrieved December 24, 2022 from <https://library.louisville.edu/ekstrom/criticalthinking/assumptions>

Weinert, F,(2013) . *The March of Time: Evolving Conceptions of Time in the Light of Scientific Discoveries* [eBook edition]. Springer. Retrieved October 17, 2021 from <https://pdfroom.com/books/the-march-of-time-evolving-conceptions-of-time-in-the-light-of-scientific-discoveries/j9ZdYea8dV4>

Wondrium. (2018, August 7). *What Is Time? | Professor Sean Carroll explains the theories of Presentism and Eternalism.* [Video]. YouTube. Retrieved October 8, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=MAJcJvxCy2Y>

World Science Festival. (2014, October 13). *A Matter of Time.* [Video]. YouTube. Retrieved November 6, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=G8FnFjqIAWs&t=1690s>

World Science Festival. (2020, January 17). *The Richness of Time.* [Video]. YouTube. Retrieved June 30, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=1FJWvEbeBps&t=1538s>

World Science Festival.(2020, July 30). *WSU: Space, Time, and Einstein with Brian Greene.* [Video]. YouTube. Retrieved June30, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=Ti1bniNNCmc>

Wrenn, C. (2015). *Truth.* [eBook Edition] Polity Press. Retrieved from <https://www.pdfdrive.com/truth-d195171341.html>

YPO, (2019, March 8). *Carlo Rovelli – The Illusion of Time – YPO EDGE 2019.* [Video]. YouTube. Retrieved November 6, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=AumrYDQIuEc&t=727s>

## Critical Thinking

by **Thomas D. Le**

**I**n his interesting article near the beginning of this issue, linguistic researcher Nguyễn Lê Hiếu, to his credit, raised questions about the veracity of a number of anecdotes he had encountered on Facebook and elsewhere on the Internet. He cited them to make a valid point. He showed succinctly how to treat the anecdotes discussed--by **critical thinking** though he did not mention the term *per se*.

In the section, I propose to take up where he left off. So far the focus in this section has been on propaganda because it's a hot-button issue and impinges on critical thinking in a crucial way.

We are bombarded every waking minute by commercials, news, fake news, lies, conspiracy theories, and (mis)information mixed in with legitimate, useful information from print and electronic media to such an extent that our eyes, ears, and brain are forced to sort out and process the information whether willingly or unwillingly, or discard it out of hand.

Now we know that the Internet as a medium, and the media of communication in general, are a great slave and a terrible master. The Internet provides, in a fraction of a second, millions of answers (thanks to AI) based on the relevance of the information to all kinds of questions that a user can throw at it for research or entertainment purposes. The further from result page one you consult, the less likely you'll find the relevant information you're looking for. The advertising industry and other businesses are quick to capitalize on this ready-made readership to throw in their commercials, adding more complexity to our search.

Once the relevant piece of information is found, what do we do? Believe it right there and then and use it without further ado? No. That's where critical thinking comes in.

### **First, a Few Preliminaries**

Before proceeding further, let's (re)visit the definitions of some important concepts encountered in the last two issues of Firmament and now, and which are necessary in a discussion of Critical Thinking, namely:

**Assumption, Assertion, Proposition, Belief, Fact, Truth, Fallacy, Opinion, Claim, and Argument.**

As you have noticed, some of the information below had appeared in the Letters from Vincennes Section in connection with a discussion of *time* because they were called for in McTaggart's concept of time. You can see now that we are firmly in the territory of philosophy. If you see old information, it's because this information needs to be fresh in your mind.

#### ***1. Assumption***

The University of Louisville Library (n.d.), on its web page titled **Critical Thinking and Academic Research: Assumptions**, displays the following quote:

An assumption is an unexamined belief: what we think without realizing we think it. Our inferences (also called conclusions) are often based on assumptions that we haven't thought about critically. A critical thinker, however, is attentive to these assumptions because they are sometimes incorrect or misguided. Just because we assume something is true doesn't mean it is.  
(Para. 1)

**1.1. The Cambridge Dictionary:**

something that you accept as true without question or proof.

**1.2. The Macmillan Dictionary:**

something that you consider likely to be true even though no one has told you directly or even though you have no proof.

**1.3. Wiktionary|:**

the act of taking for granted, or supposing a thing without proof; a supposition; an unwarrantable claim.

**1.4. Wikipedia**

an attitude that something is the case, or that some proposition is true. In epistemology, philosophers use the term "belief" to refer to attitudes about the world which can be either true or false.

**1.5. Stanford Encyclopedia of Philosophy**

the attitude we have, roughly, whenever we take something to be the case or regard it as true

**1.6. Oxford Learner's Dictionaries:**

a belief or feeling that something is true or that something will happen, although there is no proof.

**1.7. Longman:**

something that you think is true although you have no definite proof.

**1.8. Wiktionary** defines *Assumption*, variously but not exhaustively, as follows:

1. The act of taking for granted, or supposing a thing without proof; a supposition; an unwarrantable claim.

*Their **assumption** of his guilt disqualified them from jury duty.*

2. The thing supposed; a postulate, or proposition assumed; a supposition.

3. (logic) The minor or second proposition in a categorical syllogism.

**Note on Assumption:** *In sum, an assumption is an unexamined belief, a supposition. In critical thinking, it needs to be separated from fact, which we define as truth. An assumption belongs with the category of opinion.*

## 2. *Assertion*

### 2.1. **Collins English Dictionary:**

something asserted; positive statement; declaration.

### 2.2. **Longman:**

something that you say or write that you strongly believe.

### 2.3. **Merriam Webster:**

a declaration that something is the case.

### 2.4. **Oxford Learner's Dictionaries:**

a statement saying that you strongly believe something to be true. Claim.

### 2.5. **Cambridge Dictionary:**

a statement that you strongly believe is true

### 2.6. **Stanford Encyclopedia of Philosophy** (a whole article on assertion):

...the act of claiming that something is the case.

### 2.7. **Wiktionary:**

1. The act of asserting; positive declaration or averment.
2. Something which is asserted; a declaration; a statement asserted.  
*You're a man of strong **assertions**!*
3. A statement or declaration which lacks support or evidence.  
*That's just a bare **assertion**.*
4. Maintenance; vindication  
*the **assertion** of one's rights or prerogatives*

### 2.8. **Oxford Learner's Dictionaries:**

a statement saying that you strongly believe something to be true; synonym *claim*.

**Note on Assertion:** *In sum, an assertion is a claim that something is the case without providing proof or support. It doesn't matter how strong the assertion is, it's just an opinion.*

## 3. *Proposition*

### 3.1. **Wikipedia:**

In logic and linguistics, a **proposition** is the meaning of a declarative sentence. In philosophy, "meaning" is understood to be a non-linguistic entity which is shared by all sentences with the same meaning... Equivalently, a proposition is the non-linguistic bearer of truth or falsity which makes any sentence that expresses it either true or false.

### 3.2. **Stanford Encyclopedia of Philosophy:**



The term ‘**proposition**’ has a broad use in contemporary philosophy. It is used to refer to some or all of the following: the primary bearers of truth-value, the objects of belief and other “propositional attitudes” (i.e., what is believed, doubted, etc.[1]), the referents of *that*-clauses, and the meanings of sentences...

Propositions, we shall say, are the sharable objects of the attitudes and the primary bearers of truth and falsity. This stipulation rules out certain candidates for propositions, including thought- and utterance-tokens, which presumably are not sharable, and concrete events or facts, which presumably cannot be false.

### 3.3. The Semantic Foundations of Logic Volume 1: Propositional Logics

**Propositions.** A *proposition* is a written or uttered sentence which is declarative and which we agree to view as being either true or false, but not both.

### 3.4. Critical Thinking and Informal Logic (2007) Timothy A. Crews-Anderson

The precise nature of *propositions* is a matter of some philosophical debate, but for present purposes, it will suffice to define a **proposition** as *a claim or assertion that affirms or denies that something is the case*. All propositions are either true or false, and no proposition can be both true and false. Furthermore, they are the only sort of thing that can properly be called true or false. Put simply, propositions are the sole bearers of truth and falsehood, and as will become clear shortly, this feature is of crucial importance for identifying them in ordinary language. Here are some examples of propositions.

All triangles have three sides.

Either George W. Bush won the U.S. election, or John Kerry won it.

...

The majority of propositions that one encounters come in the form of a declarative sentence, but it is important to note that a proposition is not identical to the sentence that expresses it. A proposition is that to which a declarative sentence refers. For this reason, multiple sentences may express or refer to the same proposition.

George W. Bush won the U.S. election.

The U.S. election was won by George W. Bush.

George W. Bush was the winner of the U.S. election.

It is perhaps helpful to think of a declarative sentence as pointing to a kind of abstract object. It is this sort of object that philosophers have termed a proposition. (1.1 Propositions, Crews-Anderson. p. 10ff)

**Note on Proposition:** *In sum, a proposition is abstract, the meaning of a declarative sentence, as distinct from a question, an exclamation or an imperative sentence, which is not considered to yield a proposition. A proposition is a truth-bearer, i.e., it has to be true or false, but not both. Thus, several declarative sentences can express the same proposition. Declarative sentences in different languages can refer to the same proposition as long as they refer to the same meaning*

## 4. *Belief*

### 4.1. Stanford Encyclopedia of Philosophy

“**[B]elief**” ...refer[s] to the attitude we have, roughly, whenever we take something to be the case or regard it as true. To believe something, in this sense, needn’t involve actively reflecting on it...

Most contemporary philosophers characterize belief as a “propositional attitude”. Propositions are generally taken to be whatever it is that sentences express...

A *propositional attitude*, then, is the mental state of having some attitude, stance, take, or opinion about a proposition or about the potential state of affairs in which that proposition is true — a mental state of the sort canonically expressible in the form “*S* *A* that *P*”, where *S* picks out the individual possessing the mental state, *A* picks out the attitude, and *P* is a sentence expressing a proposition. For example: Ahmed [the subject] hopes [the attitude] that Alpha Centauri hosts intelligent life [the proposition], or Yifeng [the subject] doubts [the attitude] that New York City will exist in four hundred years. What one person doubts or hopes, another might fear, or believe, or desire, or intend—different attitudes, all toward the same proposition.

### 4.2. Wikipedia:

A **belief** is an attitude that something is the case, or that some proposition is true... In epistemology, philosophers use the term "belief" to refer to attitudes about the world which can be either true or false...] To believe something is to take it to be true; for instance, to believe that snow is white is comparable to accepting the truth of the proposition "snow is white". However, holding a belief does not require active introspection.

**Note on Belief :** *In sum, a belief is an attitude (expressed by verbs such as believe, doubt, hope, fear, regret, wish., imagine, know, judge, intend, etc., expressed in the form "S(subject) + V (attitude) + that + Proposition". e.g. John regrets that --. "Holding a belief does not requires introspection."*

## 5. *Recapitulation of concepts*

The following table summarizes McTaggart's ideas:

	<i>True/False</i>	<i>Existent</i>	<i>Real</i>
1. Propositions	Yes	No	Yes
2. Beliefs	Yes	Yes	Yes
3. Assumptions	Yes	Yes	Yes
4. Assertions (speech acts)	Yes	Yes	Yes

Note that McTaggart classified Proposition as non-existent, which is probably a recognition of its abstract nature while the other terms are sentences. Several sentences can express the same proposition, as illustrated in §3.4 above. Out of the four entities above, only Assertions are speech acts, which are utterances we make to perform an action that may lie beyond conveying information. The other three

are mental states, which are true or false. We use speech acts to assert, promise, request, order, threaten, insult, and so on. Often we go beyond informing. For example, if someone in the room says, "It's hot in here," she may be describing a situation (a locutionary act); but she may also be making a (tacit) request to someone near the window to open it (i.e., an illocutionary act). Speech acts were first studied by J. L. Austin in his book *How to Do Things with Words* (1962), which was further developed by John Searle, as part of Pragmatics. This is a huge topic in itself, and merits all the attention of the interested reader.

McTaggart, after noting the similarity between assumptions and beliefs, as seen above regarding their truth values and semantic contents, opted to talk about beliefs, to be brief. He asked whether the reality of true or false beliefs or assumptions *involve*, i.e., *entail*, the reality of propositions. (NE1, Para. 3)

## 6. Fact

### 6.1. Stanford Encyclopedia of Philosophy:

What might a **fact** be? Three popular views about the nature of facts can be distinguished:

A fact is just a true truth-bearer,

A fact is just an obtaining state of affairs,

A fact is just a *sui generis* type of entity in which objects exemplify properties or stand in relations.

In order to understand these claims and the relations between them it is necessary to appeal to some accounts of truth, truth-bearers, states of affairs, obtaining, objects, properties, relations and exemplification. Propositions are a popular *candidate* for the role of what is true or false. One view of propositions has it that these are composed exclusively of concepts, individual concepts (for example, the concept associated with the proper name "Sam"), general concepts (the concept expressed by the predicates "is sad" and "*est triste*") and formal concepts (for example, the concept expressed by "or"). Concepts so understood are things we can understand. Properties and relations, we may then say, are not concepts, for they are not the sort of thing we understand. Properties are exemplified by objects and objects fall under concepts. Similarly objects stand in relations but fall under relational concepts.

### 6.2. Wiktionary:

1. Something actual as opposed to invented.

*In this story, the Gettysburg Address is a **fact**, but the rest is fiction.*

2. Something which is real.

*Gravity is a **fact**, not a theory.*

3. Something concrete used as a basis for further interpretation.

*Let's look at the **facts** of the case before deciding.*

4. An objective consensus on a fundamental reality that has been agreed upon by a substantial number of experts.

*There is no doubting the **fact** that the Earth orbits the Sun.*

5. Information about a particular subject, especially actual conditions and/or circumstances.

*The **facts** about space travel.*

### 6.3. Wikipedia:

A **fact** is a datum about one or more aspects of a circumstance, which, if accepted as true and proven true, allows a logical conclusion to be reached on a true–false evaluation...

Generally speaking, facts are independent of belief and of knowledge and opinion...

Facts are different from theories, values, and objects...

The term *fact* also indicates a *matter under discussion* deemed to be true or correct, such as to emphasize a point or prove a disputed issue; (e.g., "... the *fact* of the matter is ...")...

Alternatively, *fact* may also indicate an allegation or stipulation of something that may or may not be a *true fact*,... (e.g., "the author's facts are not trustworthy"). This alternate usage, although contested by some, has a long history in standard English according to the *American Heritage Dictionary of the English Language*... The *Oxford English Dictionary* dates this use to 1729.

*Fact* may also indicate findings derived through a *process of evaluation*, including review of testimony, direct observation, or otherwise; as distinguishable from matters of inference or speculation... This use is reflected in the terms "fact-find" and "fact-finder" (e.g., "set up a factfinding commission").

Facts may be checked by reason, experiment, personal experience, or may be argued from authority. Roger Bacon wrote "If in other sciences we should arrive at certainty without doubt and truth without error, it behooves us to place the foundations of knowledge in mathematics."...

**Note on Fact:** *In sum, the word fact has several meanings. We need to know which meaning it is used in certain contexts, before using it in our argument. We generally take fact as real and true. " Facts are independent of belief and of knowledge and opinion."*

## 7. Truth

### 7.1. Wikipedia:

**Truth** is the property of being in accord with fact or reality... In everyday language, truth is typically ascribed to things that aim to represent reality or otherwise correspond to it, such as beliefs, propositions, and declarative sentences...

Truth is usually held to be the opposite of falsehood. The concept of truth is discussed and debated in various contexts, including philosophy, art, theology, and science. Most human activities depend upon the concept, where its nature as a concept is assumed rather than being a subject of discussion; these include most of the sciences, law, journalism, and everyday life. Some philosophers view the concept of truth as basic, and unable to be explained in any terms that are

more easily understood than the concept of truth itself... Most commonly, truth is viewed as the correspondence of language or thought to a mind-independent world. This is called the *correspondence theory of truth*.

Various theories and views of truth continue to be debated among scholars, philosophers, and theologians...

Correspondence theory centres heavily around the assumption that truth is a matter of accurately copying what is known as "objective reality" and then representing it in thoughts, words and other symbols... Many modern theorists have stated that this ideal cannot be achieved without analysing additional factors.

## 7.2. Merriam Webster: truth

1. a (1) : the body of real things, events, and facts : actuality
  - (2) : the state of being the case : fact
  - (3) often capitalized : a transcendent fundamental or spiritual reality
 b : a judgment, proposition, or idea that is true or accepted as true , truths of thermodynamics
   
c : the body of true statements and propositions
2. a : the property (as of a statement) of being in accord with fact or reality
   
b chiefly British : true sense 2
   
c : fidelity to an original or to a standard

### true

1. a(1): being in accordance with the actual state of affairs: true description
  - (2): conformable to an essential reality
  - (3): fully realized or fulfilled: dreams come true
 b: ideal, essential
   
c: being that which is the case rather than what is manifest or assumed: the true dimension of the problem
   
d: consistent: true to character
2. a: properly so called: true love, the true faith. the true stomach of ruminant mammals
   
b (1) : possessing the basic characters of and belonging to the same natural group as a whale is a true but not a typical mammal
   
(2): typical: the true cats

## 7.3. Internet Encyclopedia of Philosophy

**Truth.** Philosophers are interested in a constellation of issues involving the concept of truth. A preliminary issue, although somewhat subsidiary, is to decide what sorts of things can be true. Is truth a property of sentences (which are linguistic entities in some language or other), or is truth a property of propositions (nonlinguistic, abstract and timeless entities)? The principal issue is: *What is truth?* It is the problem of being clear about what you are saying when you say some claim or other is true. The most important theories of truth are the Correspondence Theory, the Semantic Theory, the Deflationary Theory, the Coherence Theory, and the Pragmatic

Theory. They are explained and compared here. Whichever theory of truth is advanced to settle the principal issue, there are a number of additional issues to be addressed:

- i. Can claims about the future be true *now*?
- ii. Can there be some algorithm for finding truth – some recipe or procedure for deciding, for any claim in the system of, say, arithmetic, whether the claim is true?
- iii. Can the predicate “is true” be completely defined in other terms so that it can be eliminated, without loss of meaning, from any context in which it occurs?
- iv. To what extent do theories of truth avoid paradox?
- v. Is the goal of scientific research to achieve truth?

#### 7.4. Collins Dictionary:

##### **truth**

(noun) in the sense of **reality**

**7.4.1.** The truth about something is all the facts about it, rather than things that are imagined or invented; the quality of being true, genuine, or factual.

Is it possible to separate truth from fiction?

I must tell you the truth about this business.

**Synonyms:** reality, fact(s), real life, actuality

**7.4.2.** (noun) in the sense of **truthfulness**

If you say that there is some truth in a statement or story, you mean that it is true, or at least partly true; the quality of being true, genuine, or factual

There is no truth in this story.

Is there any truth to the rumors?

**Synonyms:** truthfulness, fact, accuracy, honesty.

**7.4.3.** (noun) in the sense of **fact**

a proven or verified fact, principle, etc.

It's a universal truth that we all die eventually.

**Synonyms:** fact, law, reality, certainty, maxim, verity, axiom, truism, proven principle.

##### **true**

1 (adjective) in the sense of *correct*

in accordance with the truth or facts: Everything I had heard about him was true.

**Synonyms:** right, accurate, exact, precise, valid, legitimate, factual, truthful, veritable, bona fide, veracious

2 (adjective) in the sense of *actual, real or genuine*

I allowed myself to acknowledge my true feelings.

**Synonyms:** actual, real, natural, pure, genuine, proper, authentic



**Note on Truth:** *In sum, truth is real, factual, actual. It is debatable if truth is a property of sentences or a property of propositions. But the issue is immaterial or inconsequential. What is more bothersome is the circularity of the definitions. What is truth? It's real, factual, actual. What is reality? It's true, actual. What is fact? It's true, real. In fact, natural language is circular anyway. A closer look at definitions of words in a dictionary will quickly convince you of this truism.: Words are defined in terms of one another.*

*The important thing as far as critical thinking is concerned is the need to distinguish fact from opinion.*

## 8. *Opinion*

### 8.1 Merriam-Webster Dictionary

**8.1.1.** a: a view, judgment, or appraisal formed in the mind about a particular matter

We asked them for their opinions about the new stadium.

b: approval, esteem

I have no great opinion of his work.

**8.1.2.** a: belief stronger than impression and less strong than positive knowledge

a person of rigid opinions

b: a generally held view

news programs that shape public opinion

**8.1.3.** a: a formal expression of judgment or advice by an expert

My doctor says that I need an operation, but I'm going to get a second opinion.

b: the formal expression (as by a judge, court, or referee) of the legal reasons and principles upon which a legal decision is based.

The article discusses the recent Supreme Court opinion.

### 8.2. Synonyms, Similar Words, or Near-Synonyms of *Opinion*

assessment, assumption, attitude, conclusion, feeling, idea, impression, mind, notion, point of view, reaction, sentiment, speculation, theory, thought, view, viewpoint, conception, conjecture, estimate, estimation, eye, fancy, guess, hypothesis, inclination, inference, persuasion, postulate, presumption, presupposition, say-so, slant, supposition, surmise, suspicion, take, theorem, thesis, belief, feeling, conviction, sentiment, verdict, judgment, perception, order, instruction, dictate, adjudication, notion, comment, observation, idea, advice, thought, persuasion, decision, suggestion, guess, theory, recommendation, remark, perspective, say, faith, conclusion, presumption, determination, stance, concept, esteem, hunch, reflection, mind, ruling, edict, mandate, consensus, suggestion, guess, estimate, theory, estimation, recommendation, remark, perspective, hypothesis, conjecture, conception, position, stand, input, standpoint, presupposition, credence, credit, position, call, resolution, outlook, angle, shoes, counter-view, obiter dictum, deliverance, last word, behest, disposition, commandment, selection, option, directive.

### Antonyms of *Opinion*

fact, truth

### 8.3. Collins Dictionary

**8.3.1.** in the sense of **conjecture**

**Definition**

a guess

Your assertion is merely a conjecture, not a fact.

**Synonyms**

guess, theory, fancy, notion, speculation, assumption, hypothesis, inference, presumption, surmise, theorizing, guesswork, supposition, shot in the dark, guesstimate (informal)

**8.3.2. in the sense of conviction****Definition**

to be convincing

Their religious convictions prevented them from taking up arms.

**Synonyms**

belief, view, opinion, principle, faith, persuasion, creed, tenet, kaupapa (New Zealand)

**8.3.3. in the sense of evaluation****Definition**

Evaluation is standard practice for the training course.

**Synonyms**

assessment, rating, judgment, calculation, valuation, appraisal, estimation

**8.3.4. in the sense of feeling****Definition**

opinion or view

She has strong feelings about the growth in violence.

**Synonyms**

opinion, view, attitude, belief, point of view, instinct, inclination

**8.3.5. in the sense of idea****Definition**

a belief or opinion

Some of his ideas about democracy are entirely his own.

**Synonyms**

notion, thought, view, understanding, teaching, opinion, belief, conclusion, hypothesis, impression, conviction, judgment, interpretation, sentiment, doctrine, conception, viewpoint

**8.3.6. in the sense of impression**

**Definition**

a vague idea or belief

My impression is that they are totally out of control.

**Synonyms**

idea, feeling, thought, sense, opinion, view, assessment, judgment, reaction, belief, concept, fancy, notion, conviction, suspicion, hunch, apprehension, inkling, funny feeling (informal)

**8.3.7. in the sense of judgment****8.3.7.1 Definition**

a decision formed after careful consideration

In your judgment, what has changed over the past few years?

**Synonyms**

opinion, view, estimate, belief, assessment, conviction, diagnosis, valuation, deduction, appraisal in the sense of notion

**8.3.7.2. Definition**

an idea or opinion

the notion that musical ability is present from birth. He has a realistic notion of his capabilities.

**Synonyms**

idea, view, opinion, belief, concept, impression, judgment, sentiment, conception, apprehension, inkling, mental image or picture

**8.3.8. in the sense of persuasion****Definition**

a set of beliefs

people who are of a different political persuasion

**Synonyms**

belief, views, opinion, party, school, side, camp, faith, conviction, faction, cult, sect, creed, denomination, tenet, school of thought, credo, firm belief, certitude, fixed opinion

**8.3.9. in the sense of point of view****Definition**

a mental viewpoint or attitude

His point of view is that money isn't everything.

**Synonyms**

opinion, view, attitude, belief, feeling, thought, idea, approach, judgment, sentiment, viewpoint, way of thinking, way of looking at it.

**Note on Opinion:** *In sum, like belief, an opinion is an attitude, a view, an idea, a notion, a sense, a judgment, an assessment, a sentiment, a conjecture, ... with no reference to truth. An opinion may be true or false or both. A critical thinker must be wary of opinion, but does not or can not avoid it. It shouldn't be a surprise that most of what we see, read, or hear is opinion. If opinion is prohibited, there's no such thing as free speech, and in fine, no verbal communication.*

## 9. Claim

### 9.1 Wikipedia

A *claim* is a statement that one subject, such as a person or organization, makes about a subject. A claim is a debatable statement that an author manifests in a text or theoretical construction, so that the reader accepts it, something that not everyone will accept.

An *objective claim* is a statement about a factual matter--one that can be proved true or false. A subjective claim is not a factual matter; it is an expression of belief, opinion, or personal preference, and cannot be proved right or wrong by any generally accepted criteria.

### 9.2. Collins COBUILD Advanced Learner's Dictionary

A *claim* is something which someone says which they cannot prove and which may be false.

He repeated his claim that the people of Trinidad and Tobago backed his action.

**Synonyms:** assertion, statement, allegation, declaration.

A *claim* is a demand for something that you think you have a right to.

Rival claims to Macedonian territory caused conflict in the Balkans.

If you have a claim on someone or their attention, you have the right to demand things from them or to demand their attention.

She had no claims on him now.

#### 9.2.1 (noun) in the sense of **assertion**

##### Definition

an assertion of something as true or real

There is no evidence to support her claim that her son was injured.

Synonyms: assertion, statement, allegation, declaration, contention, pretension, affirmation, protestation (formal)

#### 9.2.2 (noun) in the sense of **demand**

##### Definition

an assertion of a right

The office has been dealing with their claim for benefits.

Synonyms: demand, application, request, petition, call

### **9.2.3** (noun) in the sense of **right**

Definition

a right or just title to something

The Tudors had a tenuous claim to the monarchy.

Synonyms: right, title, entitlement

### **9.2.4.** in the sense of **application**

Definition

a formal request, for example for a job

His application for membership was rejected.

Synonyms

request, claim, demand, appeal, suit, inquiry, plea, petition, requisition, solicitation

### **9.2,5.** in the sense of **call**

Definition

a summons or invitation

There was a call by the trade unions for members to stay home for the duration of the strike.

Synonyms

request, order, demand, appeal, notice, command, announcement, invitation, plea, summons, supplication (formal)

### **9.2.6.** in the sense of **contention**

Definition

a point asserted in argument

Sufficient research evidence exists to support this contention.

Synonyms

assertion, claim, stand, idea, view, position, maintaining, opinion, argument, belief, allegation, profession, declaration, thesis, affirmation, asseveration (formal)

### **9.2.7.** in the sense of **declaration**

Definition

a firm, emphatic statement

declarations of undying love

#### Synonyms

affirmation, profession, assertion, revelation, disclosure, manifestation, acknowledgment, protestation (formal), avowal, attestation, averment

#### **9.2.8. in the sense of entitlement**

You lose your entitlement to benefit when you start work.

#### Synonyms

right, claim, due, licence, permission, privilege, prerogative

#### **9.2.9. in the sense of petition**

#### Definition

a formal application in writing made to a court asking for some specific judicial action, a humble petition to Saint Anthony

#### Synonyms

entreaty, appeal, address, suit, application, request, prayer, plea, invocation, solicitation, supplication (formal)

#### **9.2.10. in the sense of pretension**

#### Definition

a false claim to merit or importance

one of the few fashion designers who does not have pretensions to be an artist

#### Synonyms

aspiration, claim, demand, profession, assumption, assertion, pretence

#### **9.2.11. in the sense of protestation**

#### Definition

a strong declaration

his constant protestations of love and devotion

#### Synonyms

declaration, pledge, vow, oath, profession, affirmation, avowal, asseveration (formal)

#### **9.2.12. in the sense of request**

#### Definition

the act or an instance of asking for something

They agreed to his request for help.



**Synonyms**

appeal, call, demand, plea, desire, application, prayer, petition, requisition, solicitation, entreaty, supplication (formal), suit

**9.2.13. in the sense of **statement******Definition**

something stated, usually a formal prepared announcement or reply  
He now disowns that statement, saying he was depressed when he made it.

**Synonyms**

announcement, declaration, communication, explanation, communiqué, proclamation, utterance

**9.2.14. in the sense of **title******Definition**

the legal right to possession of property  
He never had title to the property.

**Synonyms**

ownership, right, claim, privilege, entitlement, tenure, prerogative, freehold

**9.3. Merriam-Webster Dictionary****Claim****9.3.1 as in **right****

an entitlement to something I'm announcing my claim to that last slice of pizza

**Synonyms & Similar Words**

right, call, pretence, title, pretense, dibs, refusal, privilege, prerogative, pretension, birthright, favor

**Antonyms & Near Antonyms**

waiver, release, disclaimer, quitclaim.

**9.3.2. as in **stake****

a legal right to participation in the advantages, profits, and responsibility of something a shareholder has a claim in the business

**Synonyms & Similar Words**

stake, interest, share, ownership, partnership, title, possession, part-,co-ownership

### 9.3.3 as in **assertion**

a solemn and often public declaration of the truth or existence of something Galileo's claim that the moon has a very irregular surface and thus is not the perfect sphere that the ancients had imagined

#### Synonyms & Similar Words

assertion, declaration, insistence, allegation, announcement, affirmation, proclamation, argument, profession, avowal, protestation, asseveration, avouchment, pronouncement, justification, confirmation, reason, vindication, rationalization, reaffirmation, reconfirmation

#### Antonyms & Near Antonyms

dispute, question, challenge, disclaimer, disavowal, rebuttal

### 9.3.4 as in **request**

something that someone insists upon having young children make great claims on their parents' time

#### Synonyms & Similar Words

request, demand, requirement, wish, must, requisition, desire, stipulation, ultimatum, dun, need, provision, importunity, essential, want, imposition, basic, drive, condition.

**Note on Claim:** *In sum, a claim is some idea proposed, or a statement made on a subject, or an assertion, to be proved true or false. In an argument (see Critical Thinking below), it's the conclusion that follows from the premises. In a paragraph, as I will explain below, it's the topic sentence while the other sentences serve as support, and in an essay, it's the thesis statement supported by the rest of the essay. Thus I claim that there is self-similarity between the paragraph (a part) and the essay (the whole).*

## 10. Fallacy

### 10.1. Wikipedia

A fallacy, also known as paralogia in modern psychology, is the use of invalid or otherwise faulty reasoning in the construction of an argument[1][2] which may appear to be a well-reasoned argument if unnoticed. The term was introduced in the Western intellectual tradition by the Aristotelian *De Sophisticis Elenchis*. [3] (Fallacy, 2023, para 1)

Fallacies may be committed intentionally to manipulate or persuade by deception, unintentionally because of human limitations such as carelessness, cognitive or social biases and ignorance, or potentially due to the limitations of language and understanding of language. These delineations include not only the ignorance of the right reasoning standard, but also the ignorance of

relevant properties of the context. For instance, the soundness of legal arguments depends on the context in which the arguments are made.[4] (Fallacy, 2023, para 2)

Fallacies are commonly divided into "formal" and "informal." A formal fallacy is a flaw in the structure of a deductive argument which renders the argument invalid, while an informal fallacy originates in an error in reasoning other than an improper logical form.[5] Arguments containing informal fallacies may be formally valid, but still fallacious.[3] (Fallacy, 2023, para 3)

## 10.2. Internet Encyclopedia of Philosophy

Researchers disagree about how to define the very term "fallacy." Focusing just on fallacies in sense (a) above, namely fallacies of argumentation, some researchers define a fallacy as an argument that is deductively invalid or that has very little inductive strength. Because examples of false dilemma, inconsistent premises, and begging the question are valid arguments in this sense, this definition misses some standard fallacies. Other researchers say a fallacy is a mistake in an argument that arises from something other than merely false premises. But the false dilemma fallacy is due to false premises. Still other researchers define a fallacy as an argument that is not good. Good arguments are then defined as those that are deductively valid or inductively strong, and that contain only true, well-established premises, but are not question-begging. A complaint with this definition is that its requirement of truth would improperly lead to calling too much scientific reasoning fallacious; every time a new scientific discovery caused scientists to label a previously well-established claim as false, all the scientists who used that claim as a premise would become fallacious reasoners. This consequence of the definition is acceptable to some researchers but not to others. Because informal reasoning regularly deals with hypothetical reasoning and with premises for which there is great disagreement about whether they are true or false, many researchers would relax the requirement that every premise must be true. One widely accepted definition defines a fallacious argument as one that either is deductively invalid or is inductively very weak or contains an unjustified premise or that ignores relevant evidence that is available and that should be known by the arguer. Finally, yet another theory of fallacy says a fallacy is a failure to provide adequate proof for a belief, the failure being disguised to make the proof look adequate. (4. What is a fallacy? Section, para. 1)

Other researchers recommend characterizing a fallacy as a violation of the norms of good reasoning, the rules of critical discussion, dispute resolution, and adequate communication. The difficulty with this approach is that there is so much disagreement about how to characterize these norms. (4. What is a fallacy? Section, para. 2)

## 10.3. Merriam-Webster Dictionary

### 10.3.1a: a false or mistaken idea

popular fallacies prone to perpetrate the fallacy of equating threat with capability—C. S. Gray

### 10.3.1. b: erroneous character : erroneousness

The fallacy of their ideas about medicine soon became apparent.

### 10.3.2. a: deceptive appearance : deception

### 10.3.2. b. *obsolete* : guile, trickery

### 10.3.3: an often plausible argument using false or invalid inference

Did you know?

Philosophers are constantly using the word fallacy. For them, a fallacy is reasoning that comes to a conclusion without the evidence to support it. This may have to do with pure logic, with the assumptions that the argument is based on, or with the way words are used, especially if they don't keep exactly the same meaning throughout the argument. There are many classic fallacies that occur again and again through the centuries and everywhere in the world. You may have heard of such fallacies as the "ad hominem" fallacy, the "question-begging" fallacy, the "straw man" fallacy, the "slippery slope" fallacy, the "gambler's" fallacy, or the "red herring" fallacy. Look them up and see if you've ever been guilty of any of them.

## Synonyms

delusion, error, falsehood, falsity, hallucination, illusion, misbelief, misconception, myth, old wives' tale, untruth.

**Note on Fallacy:** *In sum, a fallacy is a false or mistaken idea. In logic, fallacy of reasoning unsupported by evidence. "A fallacy is reasoning that is logically invalid, or that undermines the logical validity of an argument. All forms of human communication can contain fallacies." (List of fallacies,2023)*

## 11. Argument

### 11.1. Understanding Arguments: An Introduction to Informal Logic, Sinnott-Arstrong & Fogelin

In the book above you can find the definition:

An argument is a connected series of sentences, statements, or propositions (called "premises") that are intended to give reasons of some kind for a sentence, statement, or proposition (called the "conclusion"). (Sinnott-Arstrong & Fogelin, 2010, p.3)...

This definition does not pretend to be precise, but it does tell us what arguments are made of (sentences, statements, or propositions) and what their purpose is (to give reasons). (Sinnott-Arstrong & Fogelin, 2010, p. 4)

### 11.2. Internet Encyclopedia of Philosophy

M. McKeon (n.d.) wrote in the article *Argument* the following passage to explain the term *argument*.

The word "argument" can be used to designate a dispute or a fight, or it can be used more technically. The focus of this article is on understanding an argument as a collection of truth-bearers (that is, the things that bear truth and falsity, or are true and false) some of which are offered as reasons for one of them, the conclusion. This article takes propositions rather than sentences or statements or utterances to be the primary truth bearers. The reasons offered within the argument are called "premises", and the proposition that the premises are offered for is called the "conclusion". This sense of "argument" diverges not only from the above sense of a dispute or

fight but also from the formal logician's sense according to which an argument is merely a list of statements, one of which is designated as the conclusion and the rest of which are designated as premises regardless of whether the premises are offered as reasons for believing the conclusion. Arguments, as understood in this article, are the subject of study in critical thinking and informal logic courses in which students usually learn, among other things, how to identify, reconstruct, and evaluate arguments given outside the classroom. (McKeon, n.d., para.1).

**Note:** As I used to hold in my composition classes for undergraduates some years back, that a well-written paragraph in an essay or report is similar to an argument in formal logic. The latter consists of a list of propositions one of which is the conclusion supported by all the others as premises. The paragraph in an essay has a topic sentence, and the remaining sentences of the paragraph (similar to the premises) serve to support to the topic sentence, which is the main idea, or the conclusion, i.e., the claim.

### 11.3. Stanford Encyclopedia of Philosophy

In the article titled 'Argument and Argumentation,' Dutilh Novaes (2021) expounds the concept of argument in this quote:

An argument can be defined as a complex symbolic structure where some parts, known as the premises, offer support to another part, the conclusion. Alternatively, an argument can be viewed as a complex speech act consisting of one or more acts of premising (which assert propositions in favor of the conclusion), an act of concluding, and a stated or implicit marker (“hence”, “therefore”) that indicates that the conclusion follows from the premises (Hitchcock 2007).<sup>[1]</sup> The relation of support between premises and conclusion can be cashed out in different ways: the premises may guarantee the truth of the conclusion, or make its truth more probable; the premises may imply the conclusion; the premises may make the conclusion more acceptable (or assertible). (1. Terminological Clarifications Section, para. 1).

### 11.4. Wikipedia

An **argument** is a series of sentences, statements or propositions some of which are called premises and one is the conclusion.<sup>[1]</sup> The purpose of an argument is to give reasons for one's conclusion via justification, explanation, and/or persuasion.

Arguments are intended to determine or show the degree of truth or acceptability of another statement called a conclusion.<sup>[2][3]</sup> Arguments can be studied from three main perspectives: the logical, the dialectical and the rhetorical perspective.<sup>[4]</sup>

### 11.5. Merriam-Webster Dictionary

**argument** (noun)

**Definition of *argument***

**11.5.1. as in *dispute***

an often noisy or angry expression of differing opinions the couple's arguments were often loud enough to be heard all over the neighborhood

### **Synonyms & Similar Words**

dispute, quarrel, disagreement, altercation, controversy, fight, bicker, misunderstanding, row, debate, brawl, disputation, squabble, spat, skirmish, imbroglio, tiff, battle royal, feud, set-to, clash, contemps, falling-out, cross fire, wrangle, argle-bargle.

rhubarb, kickup, donnybrook, difference, objection, contention, argy-bargy, scrap, tussle, protest, tangle, dissension, run-in, protestation, attack, hassle, logomachy, vendetta, dissension, mêlée, melee, fisticuffs, fuss, catfight, fracas, affray, fray, free-for-all.

### **11.5.2 as in explanation**

a statement given to explain a belief or act gave a solid argument for the redeeming value of the shockingly violent movie

### **Synonyms & Similar Words**

explanation, reason, justification, rationale, apology, accounting, case, excuse, account, defense, appeal, vindication, alibi, rationalization, apologia, pretext, pretense, guise.

### **11.5.3 as in discussion**

an exchange of views for the purpose of exploring a subject or deciding an issue the president of the Senate has allotted a week for the argument of the treaty

### **Synonyms & Similar Words**

discussion, debate, consultation, consult, argumentation, talk, conversation, dialog, dialogue, meeting, deliberation, conference, back-and-forth, colloquy, counsel, confabulation, palaver, give-and-take, parley, consultancy, confab, argy-bargy.

council, discourse, symposium, seminar, negotiation, chat room, forum, bull session, chat, roundtable, bargaining, skull practice, disquisition, skull session, talkathon, rap, words, pourparler.

### **11.5.4 as in contention**

an idea or opinion that is put forth in a discussion or debate it's my argument that we have too many problems here on earth to concern ourselves with manned trips to Mars

### **Synonyms & Similar Words**

contention, assertion, hypothesis, thesis, theory, guess, assumption, hunch, proposition, speculation, proposal, conjecture, explanation, reason, rationale, surmise, stand, presupposition, position, case, supposition.



**Note on Argument:** *In sum, an argument, as used in logic and philosophy, is a set of two or more declarative sentences or propositions, one of which, called a conclusion, is supported by the rest called premises. We may call the premises reasons (or support) for the conclusion.*

### What is Critical Thinking?

All of us are already practicing critical thinking, just as we all speaking prose, without noticing it. By the same token, all of us are scientists, psychologists, linguists, philosophers, and so on without realizing it. Only we're going about it in a rather unsystematic, sometimes disorderly, confused, and ignorant way. More often than not, we just go about it by common sense, experience, or failing that, by intuition as dictated by our instinct of survival. When we go shopping for a car, a house, travel, clothes, food, and so on, we do preliminary research as best as we can by asking questions and receiving suggestions from family and friends. This preliminary step can be quite elaborate depending of the importance of the object desired. Finally, after deliberation and reasoning with family and ourselves, we make our own decision as to the "best" choice, based on the "best" information available. We are in that sense critical thinkers. But we need to do more to become really proficient in the art.

Now, let's distinguish between two concepts: *facts* and *opinions*. In the Letters from Vincennes section, we have discussed at length the concepts of belief, assertion, assumption, proposition, fact, and truth, and ignored fallacy, opinion, claim, and argument until now. Finally, we have covered these last above. The abundant catalogs of quoted materials from reliable sources I have included above and below will save you time by them being handy, and are essential to gain deeper understanding of the concepts involved in critical thinking. They are ready references for your convenience. Remember that clarity is the first quality to be achieved in critical thinking. Hence, we must be clear about the meaning of each concept before proceeding.

We must be careful to respect Facts in the sense of truth, and to regard Opinions with a grain of salt. Now opinions are not automatically false. Otherwise, who wants to waste time reading editorials, which are opinion columns. Even the best hypothesis is opinion until proven right and conforming to truth. We have a term for an erroneous opinion passed off as fact; it's called a lie.

There are a bewildering number of definitions of critical thinking. So we select a sufficient sample to elucidate the concept.

#### 1. Wikipedia

Critical thinking is the analysis of available facts, evidence, observations, and arguments in order to form a judgement by the application of rational, skeptical, and unbiased analyses and evaluation.[1] The application of critical thinking includes self-directed, self-disciplined, self-monitored, and self-corrective habits of mind,[2] thus a critical thinker is a person who practices the skills of critical thinking or has been trained and educated in its disciplines.[3] Richard W. Paul said that the mind of a critical thinker engages the person's intellectual abilities and per-

sonality traits.[4] *Critical thinking presupposes assent to rigorous standards of excellence and mindful command of their use in effective communication and problem solving, and a commitment to overcome egocentrism and sociocentrism.*[5][6] (emphasis added)

From the above quote we derive the following about critical thinking: (1) analysis of available evidence, (2) evaluation of the evidence. and (3) formulation of a judgment without any prejudice whatsoever.

## 2. Internet Encyclopedia of Philosophy

Critical Thinking is the process of using and assessing reasons to evaluate statements, assumptions, and arguments in ordinary situations. The goal of this process is to help us have good beliefs, where “good” means that our beliefs meet certain goals of thought, such as truth, usefulness, or rationality. Critical thinking is widely regarded as a species of informal logic, although critical thinking makes use of some formal methods. In contrast with formal reasoning processes that are largely restricted to deductive methods—decision theory, logic, statistics—the process of critical thinking allows a wide range of reasoning methods, including formal and informal logic, linguistic analysis, experimental methods of the sciences, historical and textual methods, and philosophical methods, such as Socratic questioning and reasoning by counterexample.

The goals of critical thinking are also more diverse than those of formal reasoning systems. While formal methods focus on deductive validity and truth, critical thinkers may evaluate a statement’s truth, its usefulness, its religious value, its aesthetic value, or its rhetorical value. Because critical thinking arose primarily from the Anglo-American philosophical tradition (also known as “analytic philosophy”), contemporary critical thinking is largely concerned with a statement’s truth. But some thinkers, such as Aristotle (in *Rhetoric*), give substantial attention to rhetorical value.

The primary subject matter of critical thinking is the proper use and goals of a range of reasoning methods, how they are applied in a variety of social contexts, and errors in reasoning.

## 3. Critical thinking : a student’s introduction / Gregory Bassham . . . [et al.].—4th ed.

...[C]ritical thinking means thinking clearly and intelligently. More precisely, critical thinking is the general term given to a wide range of cognitive skills and intellectual dispositions needed to effectively identify, analyze, and evaluate arguments and truth claims; to discover and overcome personal preconceptions and biases; to formulate and present convincing reasons in support of conclusions; and to make reasonable, intelligent decisions about what to believe and what to do.

Put somewhat differently, critical thinking is disciplined thinking governed by clear intellectual standards. Among the most important of these intellectual standards are clarity, precision, accuracy, relevance, consistency, logical correctness, completeness, and fairness. 1 (Bassham et al. ,p.1ff)

We've so far covered quite a bit of ground that need to be digested. Let's call a momentary pause to reflect and rest before the next segment begins. ■

(To be continued)

**Thomas D. Le**

3 August 2023

### Bibliography

Allen, M. (2004). *Smart Thinking: Skills for Critical Understanding and Writing*. [eBook edition]. <https://www.pdfdrive.com/category/112>

Argument. (2020, July 1). In *Wikipedia*. Retrieved July 11, 2020 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Argument>

Banaji, N.R. and Greenwald, A. G. (2013), *Blindspot: The Hidden Biases of Good People*. [eBook edition]. Delacroix Press, Retrieved April 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/blindspot-hidden-biases-of-good-people-e189362587.html>

Barclay, D. A. (2018). *Fake News, Propaganda, and Plain Old Lies: How to Find Trustworthy Information in the Digital Age*. [eBook edition]. Rowman & Littlefield. Retrieved July 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/fake-news-propaganda-and-plain-old-lies-how-to-find-trustworthy-information-in-the-digital-age-e157179037.html>

Bassham, G., Irwin, W., Nardone, H. & Wallace, J.M. (2011). *Critical Thinking: A Student's Introduction*, 4th ed. McGraw-Hill [eBook edition]. Retrieved July 30, 2023 from <https://pdfroom.com/search?query=Critical+Thinking%3AA+Student%27s+Introduction%2C4th+ed+Bassham>

Baudouin, B. (2014). *Le grand livre de la connaissance de soi De Confucius à Bergson*. [eBook edition]. Presses du Chatelet. Retrieved April 2, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/le-grand-livre-de-la-connaissance-de-soi-de-confucius-%C3%A0-freud-d157871281.html>

Bennett, B. (2012), *Logically Fallacious: The Ultimate Collection of Over 300 Logical Fallacies*. [eBook edition]. Ebook.com. Retrieved January 6, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/logically-fallacious-the-ultimate-coll-of-over-300-logical-fallacies-d196168785.html>

Bernays, E (1928). *Propaganda*: [eBook edition]. Retrieved October 26, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/propaganda-edward-l-bernays-whale-d7878425.html>

Bernays, E (2004, first published 1928). *Propaganda: Comment manipuler l'opinion en democratie*. [eBook

edition]. Ig publishing. Retrieved October 26, 2021 from  
<https://pdfroom.com/books/edward-bernays-propaganda/vxdzZ9NEdRV>

Bias. (2021, January 12). In *Wikipedia*. Retrieved January 12, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Bias>

Browne, M.L. and Keely, S.M. (2007). *Asking the Right Questions, 2<sup>nd</sup> ed.* [eBook edition]. Upper Saddle River, NJ: Retrieved September 25, 2020 from  
<https://epdf.pub/asking-the-right-questions-a-guide-to-critical-thinkinga2a9c31b91f7f935fe474f2153bbf2ff81430.html>

Caverni, J.P., Fabre, J.M. & Gondalez, M. (Eds.).(1990). *Cognitive Biases*. [eBook edition]. North-Holland, Amsterdam. Retrieved January 18, 2021 from  
<https://www.pdfdrive.com/cognitive-biases-e185159458.html>

Cederblom, J. and Paulsen, D. (2001). *Critical Reasoning*. 6<sup>th</sup> ed. [eBook edition]. Thomson Wadsworth. Retrieved January 18, 2020 from  
<https://epdf.pub/criticalreasoning862ad392a127bfdeac2d97158bde312b86664.html>

Center for Critical Thinking. (2021, February 17). *Critical Thinking for Today's Students*. [Video]. YouTube. Retrieved May 19, 2021 from  
<https://www.youtube.com/watch?v=hzf8Emtn2Ig>

Chastenet, P. (2021). Jacques Ellul et la propagande. *Cahiers de Psychologie Politique*, (38). Retrieved April 17, 2022 from [https://doi.org/10.34745/numerev\\_1398](https://doi.org/10.34745/numerev_1398).

Cialdini, R. (2004). *Influence et manipulation: Comprendre et maitriser les mecanismes et les techniques de persuasion*. [eBook edition]. First Editions. Retrieved September 22, 2021 from  
<https://www.pdfdrive.com/influence-et-manipulation-comprendre-et-ma%C3%A9triser-les-m%C3%A9canismes-et-les-techniques-de-persuasion-d175328434.html>

Cialdini, R. (2007, first published 1998), *Influence: The Psychology of Persuasion*. [eBook edition ]. Harper Collins ebooks. Retrieved September 22, 2021 from  
<https://www.pdfdrive.com/influence-the-psychology-of-persuasion-d60375002.html>

Claim (philosophy), (2022, ). In *Wikipedia*. Retrieved August 1, 2021 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Claim\\_\(philosophy\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Claim_(philosophy))

Clunan, A., Lavoy, P.R. & Martin, S (eds.). (2008). *Terrorism, War, or Disease?: Unraveling the Use of Biological Weapons*. [eBook edition]. Stanford Security. Retrieved August 7, 2022 from  
<https://book4you.org/book/21749535/0aef87>

Cognitive bias. (2021, January 9). In *Wikipedia*. Retrieved January 12, 2021 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Cognitive\\_bias](https://en.wikipedia.org/wiki/Cognitive_bias)

Cohen, S. (2009). *Critical Thinking Unleashed*. [eBook edition]. Rowman & Littlefield Publishers, Inc. <https://epdf.pub/critical-thinking-unleashed.html>

Crews-Anderson, T. (2007). *Critical Thinking and Informal Logic*. [eBook edition]. Humanities- Ebooks.co.uk  
<https://epdf.pub/critical-thinking-and-informal-logic.html>

Critical Thinking. (2023, July 17). In *Wikipedia*. Retrieved July 29, 2023 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Critical\\_thinking](https://en.wikipedia.org/wiki/Critical_thinking)

Crowd Manipulation. (2022, December 16). In *Wikipedia*. Retrieved January 16, 2023 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Crowd\\_manipulation](https://en.wikipedia.org/wiki/Crowd_manipulation)

Culture Industry, (2022, November 21), In *Wikipedia*. Retrieved January 19, 2023 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Culture\\_industry](https://en.wikipedia.org/wiki/Culture_industry)

Defining Propaganda I. (n.d.). *American Historical Association*. Retrieved August 2, 2022 from  
[https://www.historians.org/about-aha-and-membership/aha-history-and-archives/gi-roundtable-series/pamphlets/em-2-what-is-propaganda-\(1944\)/defining-propaganda-i](https://www.historians.org/about-aha-and-membership/aha-history-and-archives/gi-roundtable-series/pamphlets/em-2-what-is-propaganda-(1944)/defining-propaganda-i)

DelViscio, J. (2020, July 20) A Nixon Deepfake, a 'Moon Disaster' Speech and an Information Ecosystem at Risk. *Scientific American. Computing*, July 20, 2020. Retrieved September 12, 2020 from  
[https://www.scientificamerican.com/article/detecting-deepfakes1/?utm\\_source=newsletter&utm\\_medium=email&utm\\_campaign=tech&utm\\_content=link&utm\\_term=2020-07-21\\_top\\_stories&spMailingID=68049344&spUserID=NDQzNDc1MDA2MjYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OQS2](https://www.scientificamerican.com/article/detecting-deepfakes1/?utm_source=newsletter&utm_medium=email&utm_campaign=tech&utm_content=link&utm_term=2020-07-21_top_stories&spMailingID=68049344&spUserID=NDQzNDc1MDA2MjYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OQS2)

Deweese-Boyd, I. (2016). Self-Deception. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 12, 2020 from <https://plato.stanford.edu/entries/self-deception/>

Dunning–Kruger effect. (2020, July 7). In *Wikipedia*. Retrieved July 18, 2020 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Dunning%E2%80%93Kruger\\_effect](https://en.wikipedia.org/wiki/Dunning%E2%80%93Kruger_effect)

Dutihl Noveas, C. (2021). Argument and Argumentation. In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved August 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/argument/>

Eberhardt, J, L. (2019). *Biased : uncovering the hidden prejudice that shapes what we see, think, and do*. [eBook edition]. Viking, Retrieved April 18, 2021 from  
<https://www.pdfdrive.com/biased-uncovering-the-hidden-prejudice-that-shapes-what-we-see-think-and-do-e195301338.html>

Edward Bernays. (2021, September 21). In *Wikipedia*. Retrieved October 29, 2021 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Edward\\_Bernays](https://en.wikipedia.org/wiki/Edward_Bernays)

- Ellul, J. (1954). *La Technique ou l'enjeu du siècle*. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from <https://book4you.org/book/4113994/9c8b68>  
[https://monoskop.org/images/4/44/ellul\\_jacques\\_-\\_1954/la\\_technique\\_ou\\_lenjeu\\_du\\_siecle\(OCR\\_05\).pdf](https://monoskop.org/images/4/44/ellul_jacques_-_1954/la_technique_ou_lenjeu_du_siecle(OCR_05).pdf)
- Ellul, J. (1962). *Propagandes*. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from [https://monoskop.org/images/8/84/ellul\\_jacques\\_-\\_1962/propagandes.pdf](https://monoskop.org/images/8/84/ellul_jacques_-_1962/propagandes.pdf)
- Ellul, J. (1964). *The Technological Society*. [eBook edition]. Retrieved April 16, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-technological-society-e183821254.html>
- Ellul, J. (1965). *Propaganda: Formation of Men's Attitude*. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/ellul-jacques-propaganda-e147929461.html>
- An Essay on Criticism. (2020, September 2). In *Wikipedia*. Retrieved July 18, 2020 from [https://en.wikipedia.org/wiki/An\\_Essay\\_on\\_Criticism](https://en.wikipedia.org/wiki/An_Essay_on_Criticism)
- Ewan,S. (1996). *PR!: A Social History of Spin*. [eBook edition]. Retrieved October 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/pr-a-social-history-of-spin-e189942551.html>
- Fallacy. (2021, January 11). In *Wikipedia*. Retrieved January 22, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Fallacy>
- George Grant (philosopher). (2022, March 18). In *Wikipedia*. Retrieved April 15, 2022 from [https://en.wikipedia.org/wiki/George\\_Grant\\_\(philosopher\)](https://en.wikipedia.org/wiki/George_Grant_(philosopher))
- Groarke, L. (2017). Informal Logic. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 12, 2020 from <https://plato.stanford.edu/entries/logic-informal/>
- Guéguen, N. (2002). *Psychologie de la Manipulation et de la Soumission*. [eBook edition]. Dunod. Retrieved July 24, 2021 from <https://epdf.pub/psychologie-de-la-manipulation-et-de-la-soumission.html>
- Gula, R. (2002). *Nonsense: A Handbook of Logical Fallacies*, [eBook edition]. Axios Press. Retrieved January 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/nonsense-a-handbook-of-logical-fallacies-d157118347.html>
- Halpern, D. (2003). *Thought and Knowledge: An Introduction to Critical Thinking, Fourth Edition*. [eBook edition]. Lawrence Erlbaum Associates, Publishers. <https://epdf.pub/queue/thought-and-knowledge-an-introduction-to-critical-thinking.html>



- Handelman, S. (2009). Thought Manipulation. [eBook edition]. Praeger. Retrieved July 24, 2021 from <https://epdf.pub/thought-manipulation-the-use-and-abuse-of-psychological-trickery.html>
- Hanson, H. (2020). Fallacies. In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved August 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/fallacies/>
- Harrington, A., Marshall, B.I, & Müller. H.P. (eds.) (2006). *Encyclopedia of Social Theory*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 17, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/encyclopedia-of-social-theory-d188594414.html>
- Hart, C. (2013). *High Price A Neuroscientist's Journey of Self-Discovery That Challenges Everything You Know About Drugs and Society*. [eBook edition]. HarperCollins Publishers. <https://www.pdfdrive.com/high-price-a-neuroscientists-journey-of-self-discovery-that-challenges-everything-you-know-about-drugs-and-society-d196267373.html>
- Henderson, L. (2018). The Problem of Induction. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 4, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/induction-problem/>
- Herf, J.(2006). *The Jewish Enemy: Nazi Propaganda during World War II and the Holocaust*. [eBook edition]. The Balknap Press of Harvard University Press . Retrieved April 23, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-jewish-enemy-nazi-propaganda-during-world-war-ii-and-the-holocaust-d186147277.html>
- Hitchcock , D. (2022, October 12, orig. 2018, July 21). "Critical Thinking". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 25, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/critical-thinking/>
- History of Propaganda.(2022, March 24) In *Wikipedia*. Retrieved April 22, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/History\\_of\\_propaganda](https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_propaganda)
- Hitchcock , D. (2022, October 12, orig. 2018, July 21). "Critical Thinking". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 25, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/critical-thinking/>
- Holiday, R. (2017). *Trust Me I'm Lying: Confessions of a Media Manipulator*. [eBook edition]. Portfolio / Penguin. Retrieved July 18, 2020 from <https://www.pdfdrive.com/trust-me-im-lying-confessions-of-a-media-manipulator-d193260698.html>

- Hoggan, J. (2009). *Climate Change Cover-Up: The Crusade to Deny Global Warming*. [eBook edition]. Grey stone Books. Retrieved January 19, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/climate-cover-up-the-crusade-to-deny-global-warming-d193181626.html>
- Holyoak, K. & Morrison. R. (2005). *The Cambridge Handbook of Thinking and Reasoning*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 4, 2021 from <https://epdf.pub/queue/the-cambridge-handbook-of-thinking-and-reasoning.html>
- Horkheimer, M. & Adorno, T.W. (authors) Noerr, G.S. (ed.) (2002). *Dialectic of Enlightenment: Philosophical Fragments*. [eBook edition]. Stanford University Press, Retrieved January 20, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/dialectic-of-enlightenment-d18744342.html>
- Howard, J.(2019). *Cognitive Errors and Diagnostic Mistakes: A Case-Based Guide to Critical Thinking in Medicine*. [eBook edition]. Springer. Retrieved January 21, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/cognitive-errors-and-diagnostic-mistakes-a-case-based-guide-critical-thinking-in-medicine-d187170033.html>
- Hughes, J.L. & Doran,K. (2015). *Critical thinking : an introduction to the basic skills, Seventh edition* [eBook edition]. Retrieved August 3, 2023 from <https://pdfdrive.to/filedownload/critical-thinking-an-introduction-to-the-basic-skills-0>
- IPCC Sixth Assessment Report. (2022, January 17).** In *Wikipedia*. Retrieved January 20, 2022 from [https://en.wikipedia.org/wiki/IPCC\\_Sixth\\_Assessment\\_Report](https://en.wikipedia.org/wiki/IPCC_Sixth_Assessment_Report)
- Kirby, G. R., Goodpaster, J. R. & Levine, M. (1999), *Critical Thinking*. [eBook edition]. <https://epdf.pub/critical-thinking-uop-custom.html>
- Konrad Kellen. (2022, January 12). In *Wikipedia*. Retrieved April 24, 2022 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Konrad\\_Kellen](https://en.wikipedia.org/wiki/Konrad_Kellen)
- Jacques Ellul. (2022, April 8). In *Wikipedia*. Retrieved April 13, 2022 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Jacques\\_Ellul](https://en.wikipedia.org/wiki/Jacques_Ellul)
- Le Bon, G. (2009, orig, 1986). *The Crowd: A Study of the Popular Mind*. [eBook edition]. the Floating Press. Retrieved January 15, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/the-crowd-a-study-of-the-popular-mind-e174363701.html>
- Lie. (2021, September 7). In *Wikipedia*. Retrieved October 27, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Lie>
- List of cognitive biases. (2021, January 9). In *Wikipedia*. Retrieved January 11, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/List\\_of\\_cognitive\\_biases](https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_cognitive_biases)
- List of fallacies. (2023, January 28). In *Wikipedia*. Retrieved August 8, 2023 from

[https://en.wikipedia.org/wiki/List\\_of\\_fallacies](https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_fallacies)

List of paradoxes. (2021, July 28). In *Wikipedia*. Retrieved January 22, 2021 from

[https://en.wikipedia.org/wiki/List\\_of\\_paradoxes](https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_paradoxes)

Lyu, S. (2020, July 20). Deepfakes and the New AI-Generated Fake Media Creation-Detection Arms Race. *Scientific American, Policy & Ethics*. July 20, 2020.

Retrieved September 12, 2020 from \_

[https://www.scientificamerican.com/article/detecting-deepfakes1/?utm\\_source=newsletter&utm\\_medium=email&utm\\_campaign=tech&utm\\_content=link&utm\\_term=2020-07-21\\_topstories&spMailingID=68049344&spUserID=NDQzNDc1MDA2MjYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OQS2](https://www.scientificamerican.com/article/detecting-deepfakes1/?utm_source=newsletter&utm_medium=email&utm_campaign=tech&utm_content=link&utm_term=2020-07-21_topstories&spMailingID=68049344&spUserID=NDQzNDc1MDA2MjYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OQS2)

Marcel, G. (n.d.). *Man Against Mass Society*. [eBook edition]. Gateway Editions. Retrieved January 20, 2023 from <https://docviewer.xdocs.net/view.php>

Mass Society. (2023, January 9), In *Wikipedia*. Retrieved January 15, 2023 from

[https://en.wikipedia.org/wiki/Mass\\_society](https://en.wikipedia.org/wiki/Mass_society)

McInerney, D.Q. (2004). *Being Logical*. [eBook edition] . Random House. Retrieved October 22, 2020 from

[https://www.academia.edu/38188103/Being\\_Logical\\_A\\_Guide\\_to\\_Good\\_Thinking?email\\_work\\_card=view-paper](https://www.academia.edu/38188103/Being_Logical_A_Guide_to_Good_Thinking?email_work_card=view-paper)

McKeon M. (n.d.). Argument. In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 11, 2020 from <https://www.iep.utm.edu/argument/>

Merriam-Webster. (n.d.). Propaganda. In *Merriam-Webster.com dictionary*. Retrieved October 25, 2021 <https://www.merriam-webster.com/dictionary/propaganda>

Merriam-Webster. (n.d.). Propagate. In *Merriam-Webster.com dictionary*. Retrieved October 25, 2021 <https://www.merriam-webster.com/dictionary/propagate>

Milgram experiment. (2021, June 13). In *Wikipedia*. Retrieved July 26, 2021 from

[https://en.wikipedia.org/wiki/Milgram\\_experiment](https://en.wikipedia.org/wiki/Milgram_experiment)

Moore, B. N., & Parker. (2009). *Critical Thinking, 9<sup>th</sup> edition*. [eBook edition]. McGraw-Hill. Retrieved September 2, 2020 from

<https://epdf.pub/queue/critical-thinking-9th-edition-5ea7abda5e079.html>

Mulnix, J. W. (2010). Thinking Critically about Critical Thinking. *Educational Philosophy and Theory*. Retrieved August 18, 2020 from

[https://www.academia.edu/678248/Thinking\\_Critically\\_about\\_Critical\\_Thinking](https://www.academia.edu/678248/Thinking_Critically_about_Critical_Thinking)

- Nadler, G. & Chandon, W, J. (2004). *Smart Questions: Learn to Ask the Right Questions for Powerful Results*. [eBook edition]. Jossey Bass.  
<https://www.pdfdrive.com/smart-questions-learn-to-ask-the-right-questions-for-powerful-results-d161229615.html>
- Parkin-Gounelas, R. (2012). *The Psychology and Politics of the Collective: Groups, Crowds and Mass Identifications*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 17, 2023 from  
<https://www.pdfdrive.com/search?q=The+Psychology+and+Politics+of+the+Collective%3A+Groups%2C+Crowds+and+Mass+Identifi+cations&pagecount=&pubyear=&searchin=&em=&more=true>
- Pettit, M. (2013). *The Science of Deception*. [eBook edition]. University of Chicago Press. Retrieved July 19, 2023 from <https://pdfcoffee.com/the-science-of-deceptionpdf-pdf-free.html>
- Pohl, R.F. , ed. (2004). *Cognitive Illusions, A Handbook on Fallacies and Biases in Thinking, Judgement and Memory*. [eBook edition]. Psychology Press. Retrieved March 28, 2020 from  
<https://www.pdfdrive.com/cognitive-illusions-a-handbook-on-fallacies-and-biases-in-thinking-judgement-and-memory-d184523053.html>
- Pohl, R.D. (ed.). (2016). *Cognitive Illusions: Intriguing Phenomena in Judgement, Thinking and Memory*. [eBook edition]. Psychology Press. Retrieved April 18, 2021 from  
<https://www.pdfdrive.com/cognitive-illusions-intriguing-phenomena-in-judgement-thinking-and-memory-d158178910.html>
- Pope, A. (n.d.). *An Essay on Criticism*. [eBook edition]. Project Gutenberg. Retrieved June 18, 2021 from  
<http://www.gutenberg.org/files/7409/7409-h/7409-h.htm>
- Pratkanis, A.R. & Aronson. *Age of Propaganda: The Everyday Use and Abuse of Propaganda*, Revised Ed. [eBook edition]. University of California, Santa Cruz. Retrieved July 18, 2021 from  
<https://www.pdfdrive.com/age-of-propaganda-the-everyday-use-and-abuse-of-propaganda-e195129684.html>
- Propaganda. (2022, April 11). In *Wikipedia*. Retrieved April 22, 2022 from  
<https://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda>
- Propaganda: The Formation of Men's Attitudes. (2021, October 30). In *Wikipedia*. Retrieved April 13, 2022 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda:\\_The\\_Formation\\_of\\_Men%27s\\_Attitudes](https://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda:_The_Formation_of_Men%27s_Attitudes)
- Public Relations. (2021, October 27) In *Wikipedia*. Retrieved October 30, 2021 from  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Public\\_relations](https://en.wikipedia.org/wiki/Public_relations)
- PSW Science. (2017, March 6). *PSW 2370 Particles and Nature of Nothing | David Kaplan*. [Video] YouTube. Retrieved June 17, 2022 from [https://www.youtube.com/watch?v=-4Mz4OGVC\\_U](https://www.youtube.com/watch?v=-4Mz4OGVC_U)
- Que sais-je? (n.d.) Retrieved July 28, 2020 from <https://www.quesaisje.com>

Que sais-je? (2020, January 3). In *Wikipedia*. Retrieved July 16, 2020 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Que\\_sais-je%3F](https://en.wikipedia.org/wiki/Que_sais-je%3F)

Ramage, J, Callaway, M., Clary-Lemon, J., & Waggoner, Z. (2009). *Argument in Composition*. [eBook edition]. West Lafayette, IN: Parlor Press.  
<https://epdf.pub/argument-incomposition4589685156eef64fa4cfd9b5206eaa3a97066.html>

Reader's Digest. (2022, October 16). In *Wikipedia*. Retrieved October 19, 2022 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Reader%27s\\_Digest](https://en.wikipedia.org/wiki/Reader%27s_Digest)

Ross, H. (2014). *Everyday Bias : Identifying and navigating unconscious judgments in our daily lives*. [eBook edition]. Rowman & Littlefield. Retrieved April 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/blindspot-hidden-biases-of-good-people-e189362587.html>

Rudinow, J. & Barry, V.E. (2008). *Invitation to Critical Thinking, 6<sup>th</sup> edition*. Belmont, CA, Thomson Wadsworth. [eBook edition]. Retrieved September 24, 2020 from <https://epdf.pub/invitation-to-critical-thinking-sixth-edition.html>

Ruggero, V.R, (2012). *Beyond Feelings: A Guide to Critical Thinking, 9<sup>th</sup> edition*. [eBook edition]. New York, NY: McGraw-Hill. Retrieved September 25, 2020 from <https://epdf.pub/beyond-feelings-a-guide-to-critical-thinking-ninth-edition-pdf-5eccdcf9c1e76.html>

Russell, S.J. and Norvig, P. (2010). *Artificial Intelligence: A Modern Approach, 3<sup>rd</sup> ed.* [eBook edition]. Prentice-Hall. Retrieved from <https://epdf.pub/artificial-intelligence-a-modernapproach0ca11e5ddcabfa8e49892b6b1640c27014202.html>

Salmon, M. H. (2013). *Introduction to Logic and Critical Thinking, 6<sup>th</sup> ed.* Australia:Wadsworth Cengage Learning. [eBook edition].  
<https://epdf.pub/introduction-to-logic-and-critical-thinking-6th-edition-pdf-5eccf695f0c38.html>

Self-similarity, (2020, May 19). In *Wikipedia*. Retrieved July 11, 2020 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Self-similarity>

Shabo, M. E. (2008). *Techniques of Propaganda and Persuasion*. [eBook edition]. Prestwick House, Inc.. Retrieved March 12, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/techniques-of-propaganda-and-persuasion-e196250258.html>

Shaw, J. (n.d). *The Memory Illusion: Remembering, Forgetting, and the Science of False Memory*. [eBook edition]. Rh Books. Retrieved March 28, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-memory-illusion-remembering-forgetting-and-the-science-of-false-memory-d156659567.html>

Sinnott-Armstrong, W. & Fogelin, R, J. (2010), *Understanding Arguments: An Introduction to Informal Logic*, 8th ed, [eBook edition]. Wadsworth Cengage Learning. Retrieved August 1, 2023 from

<https://epdf.pub/understanding-arguments-an-introduction-to-informal-logic-eighth-edition-pdf-5ecce352c290f.html>

Sower, C. & Southward, J. (2020). *Critical Reasoning: A User's Manual, v.4.0., 4th ed.* [eBook edition]. Retrieved August 4, 2023 from [https://scholars.fhsu.edu/philosophy\\_oer/2/](https://scholars.fhsu.edu/philosophy_oer/2/)

Sparkman, R.B. (1978). *The Art of Manipulation.* [eBook edition]. The Dial Press. Retrieved July 24, 2021 from <https://epdf.pub/queue/art-of-manipulation.html>

Snider, A. C. (2006). *Influencing through argument.* International Debate Education Association, [eBook edition]. <https://epdf.pub/influencing-through-argument.html>

Spin (propaganda) (2021, June 25). In *Wikipedia.* Retrieved October 30, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Spin\\_\(propaganda\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Spin_(propaganda))

Stanley, J. (2015). *How Propaganda Works.* [eBook edition]. Princeton University Press. Retrieved July 19, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/how-propaganda-works-e166908680.html>

Swathridge. C. (2014). *The Oxford Guide to Effective Argument and Critical Thinking.* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved January 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/oxford-guide-to-effective-argument-and-critical-thinking-d177810963.html>

Torches of Freedom. (2021, August 2), In *Wikipedia.* Retrieved October 29, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Torches\\_of\\_Freedom](https://en.wikipedia.org/wiki/Torches_of_Freedom)

Vaughn, L. (2008), *The Power of Critical Thinking.* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved August 6, 2020 from <https://epdf.pub/queue/the-power-of-critical-thinking-effective-reasoning-about-ordinary-and-extraordin.html>

Very Short Introductions. (2020, July 25). In *Wikipedia.* Retrieved July 26, 2020 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Very\\_Short\\_Introductions](https://en.wikipedia.org/wiki/Very_Short_Introductions)

Walton, D. (2006). *Fundamentals of Critical Argumentation.* [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved August 6, 2020 from <https://epdf.pub/fundamentals-of-critical-argumentation-critical-reasoning-and-argumentation.html>

Walton, D. (2007). *Dialog Theory for Critical Argumentation.* [eBook edition]. Amsterdam: John Benjamins Publishing Company. Retrieved August 6, 2020 from <https://epdf.pub/dialog-theory-for-critical-argumentation-controversies.html>



Walton, D. (2008). *Informal Logic: A Pragmatic Approach*. Second Edition. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved August 1, 2023 from <https://epdf.pub/informal-logic-a-pragmatic-approach-pdf-5eccd7d42b122.html>

Watson, J.C. (20 ). Critical Thinking. *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 30, 2023 from <https://iep.utm.edu/critical-thinking/>

Yu, F.T.C. (1964). *Mass Persuasion in Communist China*. [eBook edition]. Frederick A. Praeger, Retrieved January 25, 2023 from <https://epdf.pub/queue/mass-persuasion-in-communist-china.html>